TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: **08**/2025/HS-ST Ngày 15 tháng 01 năm 2025	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Vũ.
Thẩm phán: Ông Nguyễn Hà Giang;
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Thắng;
Ông Nguyễn Xuân Đào
Bà Bùi Thị Hảo.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hồng Đăng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh P.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Phương, bà Văn Thị Đào - Kiểm sát viên.

Từ ngày 06 tháng 01 năm 2025 đến ngày 15 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh P, xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 93/TLST-HS ngày 08 tháng 11 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 292/QĐXXST-HS ngày 06/12/2024, đối với các bị cáo:

I. NHÓM CÁC BỊ CÁO PHẠM TỘI "TRỐN THUẾ" THEO KHOẢN 3 ĐIỀU 200 BỘ LUẬT HÌNH SỰ (6 bị cáo)

1. Họ tên: PHẠM VĂN C; Giới tính: Nam; Sinh ngày 10 tháng 04 năm 1989 tại: C - T; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nơi thường trú + Chỗ ở: ấp T, xã S, huyện D, thành phố T, tỉnh T; Số CMND/Thẻ CCCD/Hộ chiếu: 082089000011; cấp ngày 12 tháng 06 năm 2022; Nơi cấp: Cục C6; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Giám đốc Công ty TNHH MTV T23; Con ông: Phạm Văn M – Sinh năm 1974; Con bà: Trần Thị H – Sinh năm 1973; Bố mẹ ở tại: HKTT: ấp T, S, D, T; Vợ: Trần Thị Kim O – Sinh năm 1992; HKTT: ấp T, S, D, T; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con: có 03 con (lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2019).

Tiền án, tiền sự: Không

Hiện tại ngoại tại xã Suối Đá, Dương Minh Châu, T

2. Họ tên: NGUYỄN KIM H1; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 28 tháng 10 năm 1989 tại: D, N; Nơi thường trú + Chỗ ở: K, thị trấn D, huyện D, tỉnh N; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Số CMND/Thẻ CCCD/Hộ chiếu: 040089034311 cấp ngày 09 tháng 6 năm 2022; Nơi cấp: Bộ C7; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Giám đốc; Nơi làm

việc: Công ty Cổ phần D4.THC;; Chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Không; Con ông: Nguyễn Kim V ,sinh năm 1950; Con bà: Nguyễn Thị N ,sinh năm 1961; Hiện bố mẹ ở K, thị trấn D, huyện D, tỉnh N; Vợ: Nguyễn Thị Y, sinh năm 1993; Con: có 01 con (sinh năm 2021).

Tiền án, tiền sự: Không

Hiện tại ngoại tại thị trấn D, huyện D, N.

3. Họ tên: LÊ GIA H2; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 26 tháng 12 năm 1995 tại: V; Nơi thường trú + Chỗ ở: Khóm E, Phường A, thị xã G, tỉnh V; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Số CMND/CCCD: 095095001511; cấp ngày 11 tháng 06 năm 2023; Nơi cấp: Bộ C7; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Giám đốc Công ty TNHH Đ5; Con ông: Lê Hồng Đ; Sinh năm: 1969; Con bà: Liên Tú A; Sinh năm: 1972; Bố mẹ hiên ở Cộng hòa liên bang Mỹ; Vợ: Hoàng Thị Tuyết N1; Sinh năm: 1995; Hiện ở: Phường A, Quận H, TP .; Con: có 01 con (sinh năm 2023);

Tiền án, tiền sự: Không;

Hiện tại ngoại tại Phường A, Thị xã G, tỉnh V.

4. Họ tên: BÙI QUỐC T; Giới tính: Nam; Sinh ngày 18 tháng 05 năm 1992 tại: C - Hà Tĩnh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nơi thường trú: Thôn N, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ; Nơi ở hiện tại: 33/7/3 (68/2), Khu phố B, xã L, TP B, tỉnh Đ; Số CMND/Thẻ CCCD/Hộ chiếu: 042092011272; cấp ngày 28 tháng 04 năm 2022; Nơi cấp:Cục C6; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Giám đốc Công ty TNHH X2; Con ông: Bùi Quốc C1 – Sinh năm 1971; Con bà: Nguyễn Thị Kim C2 - Sinh năm 1974; Bố mẹ ở tại: Thôn N, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ; Con: có 02 con (lớn nhất sinh năm 2021, nhỏ nhất sinh năm 2022);

Tiền án, tiền sự: Không

Hiện tại ngoại tại L, TP B, tỉnh Đ.

5. Họ tên: NGÔ VĂN T; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 04 tháng 02 năm 1989; tại: TP H; Nơi thường trú: Thôn P, Q, Q, T; Nơi ở hiện tại: Căn hộ EA1 18.08, chung cư Đ, số A N nối dài, phường P, Quận G, TP .; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Số CMND/CCCD: 038089005040; cấp ngày 20 tháng 01 năm 2023; Nơi cấp: Bộ C7; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Nguyên Giám đốc Công ty TNHH T24; Con ông: Ngô Viết S; Sinh năm: 1962; Con bà: Nguyễn Thị X; Sinh năm: 1966; Bố mẹ hiện ở: Q, Q, T; Vợ: Bùi Thị L; Sinh năm: 1990; Hiện ở: phường P, Quận G, TP .; Con: có 02 con (lớn nhất sinh năm 2016, nhỏ nhất sinh năm 2018);

Tiền án, tiền sự: Không

Hiện tại ngoại tại phường P, Quận G, TP ..

6. Họ tên: NGUYỄN TÍN T1; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 20 tháng 06 năm 1989 tại: tỉnh B; Nơi thường trú + Chỗ ở: hẻm E,

đường T, ấp B, xã B, TP T, tỉnh T; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Số CMND/CCCD: 072089001596; cấp ngày 11 tháng 08 năm 2021; Nơi cấp: Bộ C7; Trình độ học vấn: 09/12; Nghề nghiệp: Giám đốc Công ty TNHH Đ6; Con ông: Nguyễn Trí K; Đã chết; Con bà: Nguyễn Thị T2; 63 tuổi; Hiện ở hẻm E, đường T, ấp B, xã B, TP T, tỉnh T. Vợ: Võ Thị H3; Sinh năm: 1983; Con: có 01 con (sinh năm 2022);

Tiền án, tiền sự: Không;

Hiện tại ngoại tại xã B, TP T, tỉnh T.

II. NHÓM CÁC BỊ CÁO PHẠM TỘI "TRỐN THUẾ" THEO KHOẢN 2 ĐIỀU 200 BỘ LUẬT HÌNH SỰ (02 bị cáo)

7. Họ tên: TRẦN THỊ THANH T3; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ; Sinh ngày 02 tháng 09 năm 1983 tại: TP .; Nơi thường trú + Chỗ ở: 139/16 khu phố C, phường C, thành phố T, tỉnh B; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Số CMND/CCCD: 079183035033; cấp ngày 27 tháng 12 năm 2021; Nơi cấp: Bộ C7; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Giám đốc Công ty TNHH E; Con ông: Trần Văn N2; Sinh năm: 1963; Đã chết; Con bà: Võ Thị Q; Sinh năm: 1960; Hiện ở: Xã T, huyện C, TP ..

Tiền án, tiền sự: Không

Hiện tại ngoại tại p. C, thành phố T, tỉnh B.

8. Họ tên: VÕ THỊ HẢI YẾN; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ; Sinh ngày 08 tháng 06 năm 1991 tại: TP H; Nơi thường trú: 1 D, phường A, quận H, TP H; Nơi ở hiện tại: hẻm H, đường N, phường H, TP B, tỉnh Đ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Số CMND/CCCD: 079191037331; cấp ngày 29 tháng 03 năm 2022; Nơi cấp: Bộ C7; Trình độ học vấn: 10/12; Nghề nghiệp: Điều hành Công ty TNHH T25; Con ông: Võ Văn H4; Sinh năm: 1970;Con bà: Phạm Thị Ngọc H5; Sinh năm: 1974; Bố mẹ hiện ở ấp P, xã P, huyện C, tỉnh B; Chồng: Trần Quang P; Sinh năm: 1983; Con: có 02 con (lớn nhất sinh năm 2021, nhỏ nhất sinh năm 2023);

Tiền án, tiền sự: Không

Hiện tại ngoại tại phường H, TP B, tỉnh Đ.

III. NHÓM CÁC BỊ CÁO PHẠM TỘI "TRỐN THUẾ" THEO KHOẢN 1 ĐIỀU 200 BỘ LUẬT HÌNH SỰ (01 BC)

9. Họ tên: VÕ VĂN QUỐC H6; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 15 tháng 12 năm 1987 tại: K; Nơi thường trú: xã S, huyện C, tỉnh K; Nơi ở hiện tại: B P, phường A, quận G, TP .; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo; Số CMND/CCCD: 079087032825 cấp ngày 16 tháng 01 năm 2022; Nơi cấp: Bộ C7; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Giám đốc Công ty TNHH T26; Con ông: Võ Đình N3 - đã chết; Con bà: Lê Thị L1; Sinh năm: 1960; Hiện ở C, K; Vợ: Lê Thị Cẩm N4; Sinh năm: 1994; Con: có 02 con (lớn nhất sinh năm 2019, nhỏ nhất sinh năm 2021);

Tiền án, tiền sự: Không

Bị bắt, giữ từ ngày 25/4/2023 đến 04/5/2023; bắt giam từ ngày 05/02/2024 đến nay. Hiện đang Tạm giam tại Trại Tạm giam Công an tỉnh P.

IV. NHÓM CÁC BỊ CÁO PHẠM TỘI "MUA BÁN TRÁI PHÉP HÓA ĐƠN" THEO KHOẢN 2 ĐIỀU 203 BỘ LUẬT HÌNH SỰ (98 bị cáo).

10. Họ tên: NGUYỄN THỊ H7; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ; Sinh ngày 09 tháng 04 năm 1988 tại H; Nơi thường trú: xã V, huyện Đ, TP .; Nơi ở hiện tại: LK D, ngõ D, phố N, phường M, quận H, tp H; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo; Số CMND/CCCD: 030188014021 cấp ngày 7/9/2023; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Kinh doanh tự do; Con ông: Nguyễn Văn Đ1 - Sinh năm 1960; Con bà: Hoàng Thị D (Toan) - Sinh năm: 1960. Hiện bố mẹ ở thôn B, T, T, H; Con: có 01 con (sinh năm 2018).

Tiền án, tiền sự: Không

Bị bắt tạm giam từ ngày 12/10/2024 đến nay. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh P.

11. Họ tên: NGÔ THỊ LỆ T; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ; Sinh ngày 20 tháng 11 năm 1984 tại: TP .; Nơi thường trú: phường H, quận A, TP .; Nơi ở hiện tại: 7 N, phường H, quận A, TP .; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Số CMND/CCCD: 079184038716, cấp ngày 25 tháng 9 năm 2024; Nơi cấp: Bộ C7; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Kinh doanh tự do; Con ông: Ngô Văn H8 – Sinh năm 1959; Con bà: Nguyễn Bích Ầ - Sinh năm: 1963; Bố mẹ hiện ở H, TP .; Chồng: Lê Quý T4 – Sinh năm: 1988; Con: có 01 con (sinh năm 2019).

Tiền án, tiền sự: Không

Bị bắt, giữ từ ngày 14/6/2024 đến 20/6/2024. Hiện tại ngoại tại phường phường H, quận A, TP ..

12. Họ tên: PHAN VĂN T5; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 25 tháng 12 năm 1991 tại: tỉnh Đ; Nơi thường trú: Tổ D, Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Đ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Số CMND/CCCD: 087091016829; cấp ngày 08 tháng 09 năm 2022; Nơi cấp: Bộ C7; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Phan Văn L2; Sinh năm: 1963; Con bà: Nguyễn Thị T6; Sinh năm: 1963; Vợ: Nguyễn Thị Hồng G; Sinh năm: 1995; Con: có 01 con (sinh năm 2019);

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 13 tháng 5 năm 2024, bị Công an huyện C, tỉnh Đ xử phạt vi phạm hành chính số tiền: 3.500.000 đồng về hành vi: "Che dấu việc đánh bạc trái phép" theo Quyết định xử phạt số 49/QĐ-XPHC ngày 13/5/2024. Ngày 22/10/2024, đã nộp đủ số tiền.

Bị bắt, giữ từ ngày 13/6/2024 đến nay. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh P.

13. Họ tên:HUỲNH NGUYỄN GIA H9; Tên gọi khác: Không; Giới tính: nam; Sinh ngày 01 tháng 4 năm 1995 tại: tỉnh TP. H; Nguyên quán: huyện B, TP .; Nơi thường trú: E1/56A, tổ G, ấp E, xã H, huyện B, TP H; Quốc tịch:

Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Số CMND/CCCD: 079095008053; cấp ngày 18 tháng 06 năm 2021; Nơi cấp: Bộ C7; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Huỳnh Kim M1; Sinh năm: 1968; Con bà: Nguyễn Thị Kiều O1; Sinh năm: 1973; Vợ: Trang Thị Mỹ D1; Sinh năm: 1998;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị bắt từ ngày 12/6/2024 đến ngày 11/10/2024. Hiện tại ngoại tại xã H, huyện B, TP H.

14. Họ tên: LÊ HOÀNG N5; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 01 tháng 01 năm 1985; tại: B; Nơi thường trú + Chỗ ở: ấp T, K, Mỏ Cày B, B; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Số CMND/CCCD: 083085012635; cấp ngày 02 tháng 03 năm 2023; Nơi cấp: Bộ C7; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Lê Văn T7; Sinh năm: 1953; Con bà: Nguyễn Thị M2; Sinh năm: 1952; Bố mẹ hiện ở xã K, huyện M, tỉnh B; Vợ: Bùi Thị Thanh N6; Sinh năm: 1990; Hiện ở: xã K, huyện M, tỉnh B; Con: có 01 con (sinh năm 2017);

Tiền án, tiền sự: Không

Hiện tại ngoại tại xã K, huyện M, tỉnh B.

15. Họ tên: **NGUYỄN THỊ KIM L3**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ; Sinh ngày 04 tháng 01 năm 1984 tại: B; Nơi thường trú + Chỗ ở: 37E4, M, phường G, thành phố B, tỉnh B; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Số CMND/CCCD: 083184018767; cấp ngày 04 tháng 01 năm 2024; Nơi cấp: Bộ C7; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Trưởng bộ phận kế toán Công ty CP Đ7; Con ông: Nguyễn Văn N7 (Đã chết); Con bà: Đào Kim L4; Sinh năm: 1954; Mẹ hiện ở: xã V, huyện, Chợ L, tỉnh B; Chồng: Đỗ Thành H10; Sinh năm: 1976; Hiện ở: xã V, huyện, Chợ L, tỉnh B; Con: có 01 con (sinh năm 2016);

Tiền án, tiền sự: Không

Hiện tại ngoại tại phường 7, thành phố B, tỉnh B

16. Họ tên: HỒ PHƯƠNG D; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ; Sinh ngày 06 tháng 01 năm 1986 tại: tỉnh N; Nơi thường trú: thôn P, xã P, huyện N, tỉnh N; Nơi ở hiện tại: 30/31/5 TL17, khu phố C, phường T, quận A, TP H; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Số CMND/CCCD: 058186006905; cấp ngày 15 tháng 01 năm 2022; Nơi cấp: Bộ C7; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Phó Giám đốc điều hành Công ty TNHH T27; Con ông: Hồ Văn M3; Sinh năm: 1964; Con bà: Nguyễn Thị Kim Á; Sinh năm: 1962; Bố mẹ hiện ở thôn P, xã P, huyện N, tỉnh N; Chồng: Trần Nhật T8; Sinh năm: 1983; Con: có 02 con (lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2017);

Tiền án, tiền sự: Không

Hiện tại ngoại tại phường T, quận A, TP H.

17. Họ và tên: HUỲNH TẤN D; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 17 tháng 10 năm 1993 tại: B; Nơi thường trú + Chỗ ở: Tổ G, Ấp C, T, Bắc Tân U, B; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không ; Số CMND/Thẻ CCCD/Hộ chiếu: 074093006684. Cấp ngày 29 tháng 5 năm 20Nơi cấp: Cục C8 về TTXH - Bộ C7; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Giám đốc Công ty TNHH MTV T28 và DV suất ăn công nghiệp G ; Chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Đảng viên Đ8; Con ông: Huỳnh Xuân Đ2, sinh năm: 1961; Con bà: Đặng Thị T9, sinh năm 1962; Bố mẹ hiện ở Tổ G, Ấp C, T, Bắc Tân U, B; Vợ: Đặng Thị Thùy D2, sinh năm: 1994; Con: có 03 con (lớn nhất sinh năm 2016, nhỏ nhất sinh năm 2022);

Tiền án, tiền sự: Không.

Hiện tại ngoại tại thị trấn T, B, B.

18. Họ tên: VŨ THỊ TUYẾT TRINH; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ; Sinh ngày 05 tháng 06 năm 1982 tại: tỉnh Cần Thơ; Nơi thường trú: 103, tổ B, khu phố E, phường L, TP B, tỉnh Đ; Nơi ở hiện tại: số H, khu phố A, đường P, phường B, TP B, tỉnh Đ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Số CMND/CCCD: 092182007334; cấp ngày 29 tháng 12 năm 2022; Nơi cấp: Bộ C7; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Giám đốc Công ty TNHH một thành viên H22; Con ông: Vũ Văn B1; Sinh năm: 1964; (Đã chết); Con bà: Đinh Thị N8; Sinh năm: 1964; Hiện ở A, tổ B, khu phố E, phường L, TP B, tỉnh Đ; Chồng: Nguyễn Ngọc H11; Sinh năm: 1979; Con: có 02 con (lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2024);

Tiền án, tiền sự: Không

Hiện tại ngoại tại phường B, TP B, tỉnh Đ.

19. Họ tên: PHẠM QUANG V1; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 7 tháng 12 năm 1972 tại: Tỉnh Q; Nơi thường trú: 128/6 KP1, P. Q, TP B, tỉnh Đ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Số CMND/CCCD: 044072012455; cấp ngày 21 tháng 12 năm 2023; Nơi cấp: Bộ C7; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Giám đốc Công ty TNHH A1; Con ông: Phạm Minh Đ3 – Sinh năm 1944; Con bà: Lương Thị H12 – Sinh năm 1950; Bố mẹ hiện ở KP1, Q, B, Đ; Vợ: Lê Thị H13 – Sinh năm 1975; Con: có 02 con (lớn nhất sinh năm 1996, nhỏ nhất sinh năm 2004);

Tiền án, tiền sự: Không

Hiện tại ngoại tại phường Q, TP B, tỉnh Đ.

20. Họ tên: HỒ THỊ THU T10; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ; Sinh ngày 06 tháng 12 năm 1985 tại: TP H; Nơi thường trú + Chỗ ở: Tổ A, phố T, phường T, thành phố B, tỉnh Đ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Số CMND/Thẻ CCCD/Hộ chiếu: 079185028204; Cấp ngày 23 tháng 8 năm 20Nơi cấp: Cục C8 về TTXH - Bộ C7; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Thành viên góp vốn Công ty TNHH C9; Chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Không; Con ông: Hồ Minh H14, sinh năm: 1965; Con bà: Đỗ Thị Thu D3, sinh năm: 1964.Bố mẹ hiện ở T, B, Đ; Chồng: Hà Huy C3, sinh năm: 1984;

Con: có 02 con (lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2021);

Tiền án, tiền sự: Không;

Hiện tại ngoại tại Phường T, B, Đ.

21. Họ tên: VÕ P; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 25 tháng 02 năm 1986 tại: tỉnh Đ; Nguyên quán: H, H, Quảng Trị; Nơi thường trú + Chỗ ở: 1 B, phường B, quận B, TP H; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Số CMND/CCCD: 075086002939; cấp ngày 08 tháng 04 năm 2022; Nơi cấp: Bộ C7; Trình độ học vấn: 11/12; Nghề nghiệp: Giám đốc Công ty TNHH Ô; Con ông: Võ B2; Sinh năm: 1948; Con bà: Mai Thị T11; Sinh năm: 1950; Bố mẹ hiện ở xã X, huyện C, tỉnh Đ; Vợ: Ngô Thị Thanh N9; Sinh năm: 1985; Con: có 02 con (lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2016);

Tiền án, tiền sự: Không

Hiện tại ngoại tại P. B, quận B, TP H.

22. Họ tên: ĐÀO THỊ HỒNG L; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ; Sinh ngày 17 tháng 09 năm 1987 tại: TP H; Nơi thường trú: 122/20/14 T, phường A, quận D, TP H; Nơi ở hiện tại: A B, phường F, quận D, TP H; Quốc tịch: Việt Nam ;Dân tộc: Kinh ;Tôn giáo: Không; Số thẻ CCCD: 079187004205; Cấp ngày 21/12/2021, nơi cấp: Bộ C7; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Giám đốc; Nơi làm việc: Công ty TNHH một thành viên B3; Chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Không; Con ông: Đào Văn C4, sinh năm: 1966; Con bà: Nguyễn Thị Mộng T12, sinh năm: 1970; Hiện bố mẹ ở phường A, quận D, TP H; Chồng: Đỗ Nam H15, sinh năm: 1984; Con: có 02 con (lớn sinh năm 2016, nhỏ sinh năm 2020);

Tiền án, tiền sự: Không

Hiện tại ngoại tại phường F, quận D, TP H

23. Họ tên: NGUYỄN DIỆP BÍCH H16; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ; Sinh ngày 14 tháng 8 năm 1977 tại: B; Nơi thường trú + Chỗ ở: 3 B, phường A, quận B, thành phố H; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Số CMND/Thẻ CCCD/Hộ chiếu: 064177000021; cấp ngày 04 tháng 9 năm 2022; Nơi cấp: Cục C6 về TTXH; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Tổng Giám đốc Công ty TNHH V6; Con ông: Nguyễn Quốc H17; Sinh năm: 1949; Hiện ở phường A quận B, TP .; Con bà: Diệp Sanh C5 (đã mất); Chồng: Trần Trung T13, Sinh năm: 1970 (đã ly hôn); Con: có 02 con (lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất sinh năm 2003);

Tiền án, tiền sự: Không;

Hiện tại ngoại tại phường A, quận B, thành phố H.

24. Họ tên: ĐỖ VĂN L5; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 18 tháng 3 năm 1988 tại: M - B; Nơi thường trú + Chỗ ở: Ấp S, xã P, huyện G, tỉnh T; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Số Thẻ CCCD: 083088002303 cấp ngày 01 tháng 5 năm 2021; Nơi cấp: Bộ C7; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Giám đốc; Nơi làm việc: Công ty TNHH X3; Chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Không; Con ông: Không xác định; Con bà: Đỗ Thị L6, sinh năm 1960, Đã chết; Vợ: Đặng Thị Hồng T14, sinh năm 1990 ; Con:

có 03 con (lớn nhất sinh năm 2015, nhỏ nhất sinh năm 2019);

Tiền án, tiền sự: Không

Hiện tại ngoại tại xã P, huyện G, tỉnh T.

25. Họ tên: HỒ THỊ MỸ N10; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ; Sinh ngày 05 tháng 09 năm 1985 tại: D, Q; Nơi thường trú: L, D, D, Q; Nơi ở hiện tại: 965/36/16 Q, Phường A, G, TP H; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Số CMND/Thẻ CCCD/Hộ chiếu: 049185015474 Cấp ngày 26 tháng 8 năm 2022Nơi cấp: Cục C8 về TTXH - Bộ C7; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Giám đốc Công ty TNHH B4; Chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Không; Con ông: Hồ Hoàng X1, sinh năm: 1936, Đã chết; Con bà: Nguyễn Thị H18, sinh năm: 1946. hiện ở D, D, Q

Tiền án, tiền sự: Không.

Hiện tại ngoại tại Phường A, G, TP H.

26. Họ tên: ĐẶNG CHÍ K1; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 16 tháng 12 năm 1962 tại: B; Nơi thường trú + Chỗ ở: 52 H, KP1, L, T, TP H; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Số CMND/Thẻ CCCD/Hộ chiếu: 074062005458 Cấp ngày 22 tháng 11 năm 20Nơi cấp: Cục C8 về TTXH - Bộ C7; Trình độ học vấn: 8/10; Nghề nghiệp: Giám đốc Công ty TNHH V7; Chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Không; Con ông: Đặng H19, sinh năm: 1928. Đã chết; Con bà: B, sinh năm: 1932. Đã chết; Vợ: Giáp Thị Thanh L7, sinh năm: 1967; Con: có 02 con (lớn nhất sinh năm 1994, nhỏ nhất sinh năm 2002);

Tiền án, tiền sự: Không.

Hiện tại ngoại tại Phường L, T, TP H.

27. Họ tên: T29; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 22 tháng 02 năm 1985 tại: tỉnh Đ; Nơi thường trú: 111/23/17 khu phố G, thị trấn N, huyện N, TP H; Nơi ở hiện tại: số I, ấp D, P, huyện N, TP H; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Số CMND/CCCD: 075085000367; cấp ngày 04 tháng 6 năm 2024; Nơi cấp: Bộ C7; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Phó Giám đốc Công ty TNHH D5; Con ông: Trang Cúc; Sinh năm: 1961; Con bà: Nguyễn Thị N11; Sinh năm: 1964; Bố mẹ hiện ở 2 X, phường T, TP ., tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Vợ: Nguyễn Thị Hồng T15; Sinh năm: 1985 (Đã ly hôn); Con: có 02 con (lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2017);

Tiền án, tiền sự: Không

Hiện tại ngoại tại xã P, huyện N, TP H.

28. Họ tên: TRIỆU THOẠI Q; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ; Sinh ngày 20 tháng 3 năm 1971 tại: thành phố H; Nơi thường trú: Số B K, phường A, quận E, TP .; Chỗ ở hiện nay: Số T tổ E, Khu phố B, phường T, TP ., tỉnh B; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Hoa; Tôn giáo: Không; Thẻ CCCD: 079171024476; cấp ngày 10 tháng 01 năm 2023; Nơi cấp: Cục C8 về TTXH; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Giám đốc Công ty TNHH N14; Con ông: Hứa Diệu T16, sinh năm: 1938 – Đã chết; Con bà: Triệu Ky T17, sinh năm: 1950 – Đã chết; Chồng: W ; Sinh năm 1967; Quốc tịch: Trung Quốc; Con: có

01 con, Sinh năm 2005

Tiền án/tiền sự: Không

Hiện tại ngoại tại khu phố B, phường T, TP ., tỉnh B.

29. Họ tên: TRẦN THỊ Á1; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ; Sinh ngày: 09/01/1985 tại: H; Nơi thường trú + Chỗ ở: 21 đường D, T, T, D, B; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Số CMND/Thẻ CCCD/Hộ chiếu: 033185011020. Cấp ngày: 27/12/2021, nơi cấp: Cục C8 về TTXH Bộ C7; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Thủ quỹ Công ty TNHH MTV T28; Chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Không; Con ông: Trần Đức L8, sinh năm: 1960; Con bà: Vũ Thị H20, sinh năm: 1964; Bố mẹ hiện ở T, TP H, H; Chồng: Lê Quý H21, sinh năm: 1985; Con: có 02 con (lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2016);

Tiền án, tiền sự: Không.

Hiện tại ngoại tại phường T, D, B.

30. Họ tên: NGUYỄN TRỌNG N12; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 08 tháng 08 năm 1981 tại: TP .; Nơi thường trú + Chỗ ở: phường T, T, H; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;Số CMND/CCCD: 079081018282; cấp ngày 29 tháng 4 năm 2021; Nơi cấp: Bộ C7; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Giám đốc Công ty TNHH T30; Con ông: Nguyễn Trọng T18; Sinh năm: 1952; Nơi ở: phường T, T, Hồ Chí M4; Con bà: Nguyễn Thị Đ4; Sinh năm: 1952; Vợ: Cao Thị Thu T19; Sinh năm: 1990; Hiện ở: phường T, T, Hồ Chí M4; Con: có 02 con (lớn nhất sinh năm 2014, nhỏ nhất sinh năm 2016);

Tiền án, tiền sự: Không;

Hiện tại ngoại tại phường T, T, H.

31. Họ tên: HOÀNG THỊ V2; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ; Sinh ngày 10 tháng 10 năm 1987 tại: B; Nơi thường trú + Chỗ ở: 1 L, phường B, quận B, TP .; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Số CMND/CCCD: 027187000799; cấp ngày 04 tháng 9 năm 2022; Nơi cấp: Bộ C7; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Nguyên Kế toán Công ty TNHH T30; Con ông: Hoàng Văn V3; Sinh năm: 1964; Con bà: Trần Thị M5; Sinh năm: 1965; Hiện ở: Huyện Đ, tỉnh L; Chồng: Lại Đình V4; Sinh năm: 1986; Hiện ở: phường B, quận B, TP .; Con: có 02 con (lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2016);

Tiền án, tiền sự: Không

Hiện tại ngoại tại phường B, quận B, TP ..

32. Họ tên: NGÔ QUỐC N ; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 01 tháng 01 năm 1982 tại: A; Nơi thường trú: D P, phường A, quận B, TP H; Nơi ở hiện tại: 2 đường số I, phường H, TP T, TP H; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Số thẻ CCCD: 089082000226 cấp ngày 13/01/2022; Nơi cấp: Bộ C7; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Giám đốc;

Nơi làm việc: Công ty Cổ phần C10; Chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Không; Con ông: Ngô Văn T20 ,sinh năm 1949; Con bà: Trần Thị Cẩm T21 ,sinh năm 1951. Hiện ở T, A; Vợ: Đoàn Thị V5 ,sinh năm 1983; Con: có 02 con (lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2012);

Tiền án, tiền sự: Không

Hiện tại ngoại tại phường H, TP T, TP H.

33. Họ tên: HÀ HOÀNG N13; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 06 tháng 02 năm 1985 tại: TP H; Nơi thường trú: 1 L, phường P, quận T, TP H; Nơi ở hiện tại: 7 N, phường T, quận T, TP H; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Số thẻ CCCD: 079085037003 cấp ngày 18/08/2022; Nơi cấp: Bộ C7; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Kế toán; Nơi làm việc: Công ty Cổ phần C10; Chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Không; Con ông: Hà Minh K2, sinh năm 1952 – Đã chết; Con bà: Hoàng Thị T22, sinh năm 1959. Hiện ở phường PHòa, quận T, H; Vợ: Lê Hà Phương T, sinh năm 1990; Con: có 02 con (lớn sinh năm 2015, nhỏ sinh năm 2018);

Tiền án, tiền sự: Không

Hiện tại ngoại tại phường P, quận T, TP H.

34. Họ tên: CHÂU THỊ G; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ; Sinh ngày 06 tháng 8 năm 1988 tại: tỉnh K; Nơi thường trú + Chỗ ở: Ấp F xã V, thành phố V, H; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Số CCCD: 091188021999; cấp ngày 20 tháng 8 năm 2021; Nơi cấp: Cục C4 về TTXH; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Giám đốc Công ty TNHH K4 ; Con ông: Châu Văn S; Sinh năm: 1950; Hiện ở V, H.; Con bà: Nguyễn Thị B; Sinh năm: 1954 (đã chết); Con: có 02 con (lớn nhất sinh năm 2016, nhỏ nhất sinh năm 2018);

Tiền án, tiền sự: Không.

Hiện tại ngoại tại xã V, thành phố V, H.

35. Họ tên: NGUYỄN HUỲNH ANH V; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 16 tháng 7 năm 1978 tại: V; Nơi thường trú: 1 N, phường B, quận C, TP .; Nơi ở hiện tại: Số C C, phường B, quận C, TP .; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Số CMND/Thẻ CCCD/Hộ chiếu: 095078009283; cấp ngày 10 tháng 07 năm 2021; Nơi cấp: Bộ C5; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Giám đốc Công ty TNHH MTV K5; Con ông: Nguyễn Thành P; Con bà: Huỳnh Thị V1; Hiện bố mẹ ở tại số A N, phường B, quận C, TP ..

Tiền án, tiền sự: Không

Hiện tại ngoại tại Phường B, quận C, TP ..

36. Họ tên: NGUYỄN NGỌC XUÂN Q; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ; Sinh ngày 13 tháng 09 năm 1979 tại: Q, B; Nơi thường trú + Chỗ ở: 2 L, Phường G, G, TP H; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Số CMND/Thẻ CCCD/Hộ chiếu: 052179018051 cấp ngày 10 tháng 05 năm

2021- Nơi cấp: Cục C6 về TTXH - Bộ C5; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Giám đốc Công ty TNHH MTV S5; Chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Không; Con ông: Nguyễn Thanh T1, sinh năm: 1952; Con bà: Hoàng Thị Ngọc L, sinh năm: 1958. Bố mẹ hiện ở 2 L, Phường G, G, TP H; Chồng: Nông Anh T2, sinh năm 1970 (Đã ly hôn); Con: có 02 con (lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2012);

Tiền án, tiền sự: Không.

Hiện tại ngoại tạiphường G, G, TP H.

37. Họ tên: HOÀNG THỊ M; Tên gọi khác: Không Giới tính: Nữ; Sinh ngày 13 tháng 11 năm 1977 tại: tỉnh H; Nơi thường trú + Chỗ ở: Ấp A, xã P, huyện Đ, tỉnh Đ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Số CMND/CCCD: 033177014613; cấp ngày 18 tháng 07 năm 2022; Nơi cấp: Bộ C5; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Nhân viên Công ty TNHH MTV S6; Con ông: Hoàng Quốc H; Sinh năm: 1950; Con bà: Hồ Thị Đ; Sinh năm: 1965; Bố mẹ hiện ở: xã P, huyện Đ, tỉnh Đ; Chồng: Bùi Ngọc Q1; Sinh năm: 1975; (Đã ly hôn); Con: có 02 con (lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2016);

Tiền án, tiền sự: Không

Hiện tại ngoại tạixã P, huyện Đ, tỉnh Đ.

38. Họ tên: NGUYỄN THỊ CẨM T3; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ; Sinh ngày 15 tháng 11 năm 1984 tại: B; Nơi thường trú: Tổ B, Ấp B, P, Thị xã B, tỉnh B; Nơi ở hiện tại: 173 Ấp L, xã A, Thị xã B, tỉnh B; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Số CMND/CCCD: 074184007452; cấp ngày 22 tháng 10 năm 2024; Nơi cấp: Bộ C5; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Giám đốc Công ty TNHH MTV T20; Con ông: Nguyễn Văn Ú; Sinh năm: 1955; Đã chết; Con bà: Đỗ Ngọc T4; Sinh năm: 1966; Hiện ở: xã A, Thị xã B, tỉnh B; Con: có 02 con (con lớn sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2024);

Tiền án, tiền sự: Không

Hiện tại ngoại tạixã A, Thị xã B, tỉnh B.

39. Họ và tên: LÊ BÁCH V2; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 18 tháng 12 năm 1982 tại: N, Q; Nơi thường trú: 3 L, Phường H, Quận T, TP HCM; Nơi ở hiện tại: 1 N, phường T, quận T, TP H; Số CMND/Thẻ CCCD/Hộ chiếu: 051082016416; cấp ngày 10 tháng 08 năm 2021; Nơi cấp: Bộ C5; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Công ty TNHH X; Con ông: Lê A – Sinh năm 1962; Con bà: Trần Thị Mỹ D – Sinh năm 1963; Bố mẹ ở tại: Hành Phước - N - Q; Vợ: Nguyễn Phương Q2 – Sinh năm 1985; HKTT: 373/54 L, Phường H, Quận T, TP H; Nghề nghiệp; Lao động tự do; Con: có 02 con (lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2016);

Tiền án, tiền sự: Không

Hiện tại ngoại tạiphường T, quận T, TP H.

40. Họ tên: THỦY THANH PHƯƠNG; Tên gọi khác: Không; Giới

tính: Nam; Sinh ngày 10 tháng 3 năm 1989 tại: Q; Nơi thường trú + Chỗ ở: 11.04 tầng 12 (L11), khu B, phường T, TP T, TP H; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Số thẻ CCCD: 049089010807 cấp ngày 21/12/2022; Nơi cấp: Bộ C5; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Giám đốc; Nơi làm việc: Công ty TNHH H11; Chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Không; Con ông: Thủy Ngọc R, sinh năm 1958 ; Con bà: Lâm Thị T5, sinh năm 1960; Hiện bố mẹ ở xã B, huyện T, Q; Vợ: Võ Lê Đông K sinh năm 1995; Con: có 01 con (sinh năm 2023);

Tiền án, tiền sự: Không

Hiện tại ngoại tại phường T, TP T, TP H.

41. Họ tên: NGUYỄN THỊ N; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ; Sinh ngày 04 tháng 1 năm 1991 tại: K; Nơi thường trú + Chỗ ở: KP B, phường T, T, B; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Số CCCD: 091191015848; cấp ngày 03 tháng 3 năm 2022; Nơi cấp: Cục C4 về TTXH; Trình độ học vấn: 03/12; Nghề nghiệp: Giám đốc Công ty TNHH MTV S7; Con ông: Nguyễn Văn S1, sinh năm: 1964; Không rõ nơi ở; Con bà: Trần Thị T6, sinh năm: 1965; Hiện ở V, K; Chồng: Ngô Văn T7; Sinh năm: 1984; Con: có 02 con (lớn nhất sinh năm 2016, nhỏ nhất sinh năm 2019);

Tiền án, tiền sự: Không.

Hiện tại ngoại tại phường T, T, B.

42. Họ tên: NGUYỄN THỊ H1; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ; Sinh ngày: 26 tháng 11 năm 1975 tại: T, N; Nơi thường trú: 56, khu phố D, phường L, TP B, Đ; Quốc tịch: Việt Nam ;Dân tộc: Kinh ;Tôn giáo: Phật giáo; Số thẻ CCCD: 040175032411; Cấp ngày: 21/3/2022, nơi cấp: Bộ C5; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Giám đốc; Nơi làm việc: Công ty TNHH T21; Chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Không; Con ông: Nguyễn Trọng T8, sinh năm: 1944; Con bà: Nguyễn Thị L1, sinh năm: 1946 Hiện bố mẹ ở phường L, TP T, H; Chồng: Lê Đình S2, sinh năm: 1976; Con: có 04 con (lớn nhất sinh năm 1997, nhỏ nhất sinh năm 2005);

Tiền án, tiền sự: Không

Hiện tại ngoại tạiphường L, TP B, Đ.

43. Họ tên: LÊ THỊ KIM L2; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ; Sinh ngày 30 tháng 01 năm 1986 tại: Q; Nguyên quán: Q; Nơi thường trú + Chỗ ở: B, C/C PHP, đường E, Phường A, Quận G, thành phố H; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Số CMND/CCCD: 051186005368; cấp ngày 03 tháng 8 năm 2022; Nơi cấp: Bộ C5; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Giám đốc Công ty TNHH MTV T22; Con ông: Lê Viết C; Sinh năm: 1955; Con bà: Nguyễn Thị D1; Sinh năm: 1963; Bố mẹ hiện ở xã H, huyện Đ, tỉnh Kon Tum; Chồng: Trần Quang V3; Sinh năm: 1983; Con: có 01 con (sinh năm 2011);

Tiền án, tiền sự: Không

Hiện tại ngoại tại Phường A, Quận G, thành phố H.

44. Họ tên: DƯƠNG THỊ KIM C; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ; Sinh ngày 01 tháng 01 năm 1982 tại: Đ; Nơi thường trú + Chỗ ở: Khu phố B, T, T, B; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Số CMND/CCCD: 087182007462; cấp ngày 29 tháng 09 năm 2022; Nơi cấp: Bộ C5; Trình độ học vấn: 03/12; Nghề nghiệp: Giám đốc Công ty TNHH S8; Con ông: Dương Văn T9; Sinh năm: 1958; Đã chết; Con bà: Trần Thị T18; Sinh năm: 1963; Hiện ở Sông Đ, Trần Văn T10, Cà Mau; Chồng: Nguyễn Hồng S3; Sinh năm: 1974; Con: có 02 con (lớn sinh năm 2000, nhỏ sinh năm 2016);

Tiền án, tiền sự: Không

Hiện tại ngoại tại phường T, TP. Tân Uyên, B

45. Họ tên: LÊ NHUNG; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 01 tháng 1 năm 1974 tại: tỉnh Q; Nơi thường trú + Chỗ ở: 12.09 CC Võ Đình TA 15, KP6, p. T, Q.12, thành phố H; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Số CCCD: 049074000313; cấp ngày 11 tháng 1 năm 2022; Nơi cấp: Cục C4 về TTXH; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Giám đốc Công ty TNHH M3; Con ông: Lê M1 (đã mất); Con bà: Bùi Thị N1; Sinh năm: 1932; Hiện ở Q, Q; Vợ: Nguyễn Thị Hồng N2, Sinh năm: 1978; Con: có 02 con (lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2011);

Tiền án, tiền sự: Không.

Hiện tại ngoại tạiphường T, Q.12, thành phố H.

46. Họ tên: NGUYỄN THỊ THÁI H2; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ; Sinh ngày 26 tháng 2 năm 1992 tại: tỉnh Q; Nơi ở hiện tại: Tổ B ấp F, xã Đ, huyện H, TP .; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Số CCCD: 049192008495; cấp ngày 02 tháng 4 năm 2022; Nơi cấp: Cục C4 về TTXH; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Kế toán Công ty TNHH M3; Con ông: Nguyễn Như T11, sinh năm 1955; Con bà: Lê Thị L3; Sinh năm: 1961; Bố mẹ hiện ở Q, Q; Chồng: Đoàn Văn T12, sinh năm: 1992.

Tiền án, tiền sự: Không.

47. Họ tên: H12; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ; Sinh ngày 11 tháng 03 năm 1971 tại: L, H; Nơi thường trú: P phường K, quận Đ, TP H; Nơi ở hiện tại: A Lô D, chung cư S, phường S, quận T, TP H; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Thẻ CCCD: 001171032952; cấp ngày 09 tháng 11 năm 2022; Nơi cấp: Bộ C5; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Giám đốc Công ty TNHH T23; Chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Không; Con ông: (H) Hoàng Văn Đ1 – Sinh năm 1925 – Đã chết; Con bà: Đào Thị T13 – Sinh năm 1930 – Đã chết; Chồng: Không có; Con: có 01 con (sinh năm 2000);

Tiền án, tiền sự: Không

48. Họ tên: VÕ HOÀN H; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 16 tháng 08 năm 1979 tại: tỉnh B; Nơi thường trú: ấp P, T, B, B; Nơi ở hiện tại: tổ E, khu B, xã A, huyện L, tỉnh Đ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Số CMND/CCCD: 083079015835; cấp ngày 09 tháng 03 năm 2022; Nơi cấp: Bộ C5; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Tổng Giám đốc Công ty TNHH L9; Con ông: Võ

Văn Á; Sinh năm: 1943; Con bà: Nguyễn Thị G; Sinh năm: 1951; Bố mẹ hiện ở ấp P, T, B, B; Vợ: Phạm Thị Hồng T14; Sinh năm: 1980; Con: có 02 con (lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2012);

Tiền án, tiền sự: Không.

Hiện cư trú tại tổ E, khu B, xã A, huyện L, tỉnh Đ;

49. Họ tên: PHẠM HUỲNH TỐ N; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ; Sinh ngày 20 tháng 3 năm 1992 tại: P, B; Nơi thường trú: 0802-C đường A, khu phố G, phường H, TP T, B; Nơi ở hiện tại: 212 đường T, phường C, thành phố T, tỉnh B; Quốc tịch: Việt Nam ;Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa; Số thẻ CCCD: 074192008557; cấp ngày 27 tháng 12 năm 2021; Nơi cấp: Bộ C5; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Giám đốc; Nơi làm việc: Công ty TNHH P4; Chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Không; Con ông: Phạm Huỳnh L4 ,sinh năm 1958; Con bà: Lê Huỳnh H3 ,sinh năm 1962. Hiện ở xã P, P, B; Chồng: Hoàng Hoài Q3, sinh năm 1987; Con: có 01 con (sinh năm 2017);

Tiền án, tiền sự: Không

Hiện cư trú tại phường B, TP T, B.

50. Họ tên: VŨ VĂN C1; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 12 tháng 8 năm 1982 tại: N; Nơi thường trú + Chỗ ở: J, Khu phố A, phường B, B, Đ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Số CCCD: 037082011261; cấp ngày 22 tháng 8 năm 2022; Nơi cấp: Cục C4 về TTXH; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Giám đốc Công ty TNHH X1; Con ông: Vũ Tiến C2 – Sinh năm 1959; Con bà: Vũ Thị V4 – Sinh năm 1962; Bố mẹ hiện ở V, K, N; Vợ: Nguyễn Thị Thái H4 – Sinh năm 1983; Con: có 02 con (lớn nhất sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh năm 2011);

Tiền án, tiền sự: Không.

Hiện cư trú tại phường B, B, Đ.

51. Họ tên: NGUYỄN TUẤN K1; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 25 tháng 1 năm 1976 tại: thành phố H; Nơi thường trú: C P, phường A, quận E, thành phố H; Nơi ở hiện tại: G17 khu L, F đường L, phường P, quận I, thành phố H; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Số CCCD: 079076036283; cấp ngày 22 tháng 11 năm 2021; Nơi cấp: Cục C4 về TTXH; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Giám đốc Công ty TNHH MTV X2; Con ông: Nguyễn Đức P1; Sinh năm: 1941; Con bà: Trần Thị H5; Sinh năm: 1950; Bố mẹ hiện ở Phường A, quận E, TP .; Vợ: Đặng Thị Mai T15, Sinh năm: 1981; Con: có 03 con (lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2020);

Tiền án, tiền sự: Không.

Hiện cư trú tại phường P, quận I, thành phố H.

52. Họ tên: BÙI QUANG L5; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 31 tháng 10 năm 1975 tại: Tỉnh V; Nơi thường trú: 4 N , phường C, quận G, TP H; Nơi ở hiện tại: L3 – 3 L, Vinhomes C, quận B, TP H; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Số CMND/CCCD: 026075002280; cấp ngày 22 tháng 12 năm 2021; Nơi cấp: Bộ C5; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Giám đốc Công ty CP V7; Con ông: Bùi Quang L6 - đã chết; Con bà: Bùi Thị B1 - 76 tuổi. Hiện ở: L L, Vinhomes C, quận B, TP H; Vợ: Trần Ngọc Minh H6 – Sinh 1990; Con: có 1 con sinh năm 2005;

Tiền án, tiền sự: Không

Hiện cư trú tại phường B, quận B, TP H.

53. Họ tên: NGUYỄN THỊ THANH T16; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ; Sinh ngày 17 tháng 4 năm 1980 tại: Tỉnh T; Nơi thường trú: ấp Đ, xã L, huyện C, tỉnh T; Nơi ở hiện tại: 711/04/30 quốc lộ A, KP1, phường T, quận A, TP H; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Số CMND/CCCD: 082180012486 cấp ngày 10 tháng 5 năm 2021; Nơi cấp: Bộ C5; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp (nêu rõ nơi làm việc): Nguyên kế toán Công ty CP V7; Con ông: Nguyễn Thành L7 – đã chết; Con bà: Nguyễn Thị Thanh V5 – SN: 1958. hiện ở Hoa Kỳ; Chồng: Lê Hữu P2 – Sinh năm 1981; Con: có 02 con (lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2011);

Tiền án, tiền sự: Không.

Hiện cư trú tại phường T, quận A, TP H.

54. Họ tên: NGUYỄN THỊ THÚY M2; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ; Sinh ngày 26 tháng 05 năm 1979 tại: TP .; Nơi thường trú + Chỗ ở: Số C, đường số H, cư xá Đ, P, phường A, Quận F, TP .; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Số CMND/CCCD: 079179000237; cấp ngày 26 tháng 12 năm 2021; Nơi cấp: Bộ C5; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Kế toán trưởng Công ty TNHH S9; Con ông: Nguyễn Duy P3; Sinh năm: 1950; Đã chết; Con bà: Nguyễn Thị Ú1; Sinh năm: 1949; Đã chết; Chồng: Nguyễn Hoàng N3; Sinh năm: 1980; Con: có 02 con (lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2016);

Tiền án, tiền sự: Không

Hiện cư trú tại phường A, Quận F, TP ..

55. Họ tên: TRẦN DUY Q4; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 29 tháng 6 năm 1983 tại: B, L; Nơi thường trú + Chỗ ở: 365/23/13 T, phường T, quận A, H; Quốc tịch: Việt Nam ;Dân tộc: Kinh ;Tôn giáo: Thiên Chúa; Số CMND/Thẻ CCCD/Hộ chiếu: 068083006306 cấp ngày 17 tháng 8 năm 2021; Nơi cấp: Bộ C5; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Giám đốc; Nơi làm việc: Công ty TNHH K6; Chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Không; Con ông: Trần Đình K2 ,sinh năm 1953; Con bà: Nguyễn Thị T17 ,sinh năm 1957; Hiện bố mẹ ở phường L, huyện B, L; Vợ: Hà Thị N4, sinh năm 1984; Con: có 01 con (sinh năm 2012);

Tiền án, tiền sự: Không

Hiện cư trú tại phường T, quận A, H.

56. Họ tên: H13; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 14 tháng 8 năm 1977 tại: TP H; Nơi thường trú: A H, phường A, quận F, TP H; Nơi ở hiện tại: G đường H, phường B, quận B, TP H; Quốc tịch: Việt Nam ;Dân tộc: Hoa ;Tôn giáo: Không; Số CMND/Thẻ CCCD/Hộ chiếu: 079077028201 Cấp ngày: 12/01/2022, nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH - Bộ C5; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Thành viên góp vốn; Nơi làm việc: Công ty TNHH K6; Chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Không; Con ông: Hà Tô H7 ,sinh năm 1953 – Đã chết; Con bà: Văn Thị K3 ,sinh năm 1953 – Đã chết; Vợ: Nguyễn Thị T16 , sinh năm 1982; Con: có 03 con (lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất sinh năm 2004);

Tiền án, tiền sự: Không;

Hiện cư trú tại phường B, quận B, TP H.

57. Họ tên: LÂM QUỐC ĐẠT; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 11 tháng 10 năm 1983 tại: tỉnh B; Nơi thường trú: 55 đường A, khu phố E, phường L, TP T, TP H; Nơi ở hiện tại: thửa đất số 4867, tờ bản đồ số 4TDH.2, khu phố Đ, phường T, TP D, tỉnh B; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Số CMND/CCCD: 083083002229; cấp ngày 06 tháng 10 năm 2023; Nơi cấp: Bộ C5; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty TNHH S10; Con ông: Lâm Hữu D2; Sinh năm: 1962; Con bà: Lê Thị B2; Sinh năm: 1962; Bố mẹ hiện ở khu phố Đ, phường T, TP D, tỉnh B; Vợ: Bùi Thúy D3; Sinh năm: 1984; Con: có 02 con (lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2017).

Tiền án, tiền sự: Không

Hiện cư trú tại phường T, TP D, tỉnh B

58. Họ tên: L10; Tên gọi khác: Không Giới tính: Nam; Sinh ngày 28 tháng 02 năm 1992 tại: A; Nơi thường trú + Chỗ ở: số H, đường N, phường T, thành phố T, thành phố H; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Số CMND/CCCD: 079092013520; cấp ngày 22 tháng 12 năm 2021; Nơi cấp: Bộ C5; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Nguyên Giám đốc Công ty Cổ phần D5; Con ông: Lâm Hùng C3; Sinh năm: 1954; Con bà: Ngô Thị Ngọc H8; Sinh năm: 1962; Bố mẹ hiện ở H, TP .

Tiền án, tiền sự: Không

Hiện cư trú tại xã X, huyện H, TP ..

59. Họ tên: NGUYỄN THỊ HỒNG O; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ; Sinh ngày 26 tháng 06 năm 1981 tại: T; Nơi thường trú: phường T, TP ., tỉnh Đ; Nơi ở hiện tại: Số F, KP C, phường T, TP ., tỉnh Đ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Số CMND/CCCD: 034181011260; cấp ngày 29 tháng 03 năm 2021; Nơi cấp: Bộ C5; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Trưởng phòng tài chính, kế toán Công ty cổ phần C7; Con ông: Nguyễn Trùng D4; Sinh năm: 1947; Con bà: Trần Thị Ngọc H9; Sinh năm: 1955; Bố mẹ hiện ở phường T, TP ., tỉnh Đ; Chồng: Phạm Tuấn A1; Sinh năm: 1974 (đã ly hôn); Con: có 01 con (sinh năm 2004);

Tiền án, tiền sự: Không

Hiện cư trú tại phường T, TP ., tỉnh Đ.

60. Họ tên: TRẦN THỊ THANH T18; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ; Sinh ngày 01 tháng 05 năm 1979 tại: A, B; Nơi thường trú + Chỗ ở: 3.04 chung cư CT và DVTM, phường B, quận B, TP H; Quốc tịch: Việt Nam ;Dân tộc: Kinh ;Tôn giáo: Không; Số Thẻ CCCD: 052179000277 cấp ngày 27/08/2022; Nơi cấp: Bộ C5; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Kế toán; Nơi làm việc: toán Công ty TNHH T24; Chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Không; Con ông: Trần Văn S4 ,sinh năm 1949 - Đã chết; Con bà: Đào Thị H10, sinh năm 1958 – Đã chết; Chồng: Nguyễn Khắc T19, sinh năm 1979; Con: có 02 con (lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2014);

Tiền án, tiền sự: Không;

Hiện phường B, quận B, TP H.

61. Họ tên: NGUYỄN THÀNH N5; Tên gọi khác: Không Giới tính: Nam; Sinh ngày 29 tháng 05 năm 1979 tại: tỉnh N; Nơi thường trú: 3 Kênh N, B, B, TP H; Nơi ở hiện tại: F9/1E tổ A, ấp F, xã V, huyện B, TP H; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Số CMND/CCCD: 036079008140; cấp ngày 27 tháng 08 năm 2022; Nơi cấp: Bộ C5; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Giám đốc điều hành Công ty TNHH D6; Con ông: Nguyễn Quốc V6; Sinh năm: 1947; Con bà: Dương Thị N6; Sinh năm: 1946; Bố mẹ hiện ở ấp F xã V, huyện B, TP .; Vợ: Dương Thị L8; Sinh năm: 1986; Con: có 04 con (lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2021);

Tiền án, tiền sự: Không

Hiện cư trú tại xã V, huyện B, TP H.

62. Họ tên: VÕ VĂN B3; Tên gọi khác: Không Giới tính: Nam; Sinh ngày 12 tháng 01 năm 1987 tại: tỉnh Q; Nơi thường trú: Thôn D, xã Q, Huyện Q, Q; Nơi ở hiện tại: Ấp B, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Số CMND/CCCD: 044087004054; cấp ngày 03 tháng 12 năm 2022; Nơi cấp: Bộ C5; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Giám đốc Công ty TNHH T25 ; Con ông: Không biết; Con bà: Võ Thị Q5; Sinh năm: 1966; Hiện ở Thôn D, xã Q, Huyện Q, Q.

Tiền án, tiền sự: Không

Hiện cư trú tại thị trấn H, huyện N, tỉnh Đ.

63. Họ và tên: NGUYỄN PHAN HOÀNG L; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 19/12/1984 tại: N, K; Nơi thường trú + Chỗ ở: 12.08 CC L, KP1, A, T, TP H.; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Tin Lành; Số CMND/Thẻ CCCD/Hộ chiếu: 056084000163; Cấp ngày: 27/8/2022; Nơi cấp: Cục C8 về TTXH - Bộ C9; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Giám đốc Công ty TNHH Đ10; Chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Không; Con ông: Nguyễn Anh H, sinh năm: 1959. hiện ở P, N, K; Con bà: Phan Thị M, sinh năm:

1963. hiện ở V; Vợ: Lương Thị Thúy H1, sinh năm: 1979; Con: có 03 con (lớn nhất sinh năm 2014, nhỏ nhất sinh năm 2018);

Tiền án, tiền sự: Không.

Hiện cư trú tại phường A, T, TP H.

64. Họ tên: NGUYỄN VĂN H2; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 02 tháng 09 năm 1973 tại: T; Nơi thường trú + Chỗ ở: B, X, xã X, huyện H, TP H; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Số CMND/CCCD: 038073004895; cấp ngày 17 tháng 07 năm 2023; Nơi cấp: Bộ C9; Trình độ học vấn: 09/12; Nghề nghiệp: Phó Giám đốc Công ty TNHH C10; Con ông: Nguyễn Văn T; Sinh năm: 1936; (Đã chết); Con bà: Đinh Thị T1; Sinh năm: 1933; (Đã chết); Vợ: Nguyễn Thị Thu H3; Sinh năm: 1975; Con: có 02 con (lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm 2014);

Tiền án, tiền sự: Không

Hiện cư trú tại xã X, huyện H, TP H.

65. Họ tên: ĐINH TẤN T; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 04 tháng 3 năm 1978 tại: tỉnh Phú Yên; Nơi thường trú: 122/20/3 T, phường A, quận D, thành phố H; Nơi ở hiện tại: 87 đường số I, KDC B, xã B, huyện B, thành phố H; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh;Tôn giáo: Không; Số CMND/Thẻ CCCD/Hộ chiếu: 054078006269; cấp ngày 12 tháng 7 năm 2021; Nơi cấp: Cục C11 về TTXH; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Giám đốc Trung tâm P6; Con ông: Đinh Tấn L1, sinh năm: 1936; Con bà: Ngô Thị D; Sinh năm: 1935; Bố mẹ hiện ở T, Phú Yên; Vợ: Nguyễn Trần Thúy A, Sinh năm: 1980; Con: có 03 con (lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2018);

Tiền án, tiền sự: Không.

Hiện cư trú tại xã B, huyện B, thành phố H.

66. Họ tên: NGUYỄN HOÀNG D1; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 21 tháng 8 năm 1988 tại: thành phố H; Nơi thường trú + Chỗ ở: 15/43/17 C, phường T, quận T, TP .; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Thẻ CCCD: 079088005738; Cấp ngày 21 tháng 12 năm 2021; Nơi cấp: Cục C8 về TTXH; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Gám đốc Công ty TNHH Đ11; Con ông: Nguyễn Văn D2; Sinh năm: 1956; Con bà: Hoàng Thị Kim L2; Sinh năm: 1960; Bố mẹ ở tại: 15/43/17 C, phường T, quận T, TP .; Vợ: Nguyễn Ngọc Lam D3; Sinh năm 1995;

Tiền án, tiền sự: Không;

Hiện cư trú tại phường T, quận T, TP ..

67. Họ tên: PHẠM THỊ T2; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ; Sinh ngày 01 tháng 07 năm 1978 tại: N; Nơi thường trú + Chỗ ở:D ấp C, phường H, thành phố B, tỉnh Đ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Số CMND/CCCD: 036178022761; cấp ngày 01 tháng 03 năm 2023; Nơi cấp: Bộ C9; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Giám đốc Công ty TNHH H26; Con ông: Phạm Văn K; Sinh năm: 1942; Đã chết; Con bà: Nguyễn Thị V; Sinh năm: 1945; Đã chết; Chồng: Hoàng Văn H4; Sinh năm: 1974; Con: có 03 con (lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm 2006);

Tiền án, tiền sự: Không

Hiện cư trú tại phường H, TP ., tỉnh Đ.

68. Họ và tên: ĐẶNG THỊ BÍCH L3; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ; Sinh ngày 09 tháng 12 năm 1999 tại: B; Nơi thường trú: Tổ B, Ấp E, T, B, B; Nơi ở hiện tại: Tổ 4B, KP3, TT T, B, B; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Số CMND/Thẻ CCCD/Hộ chiếu: MERGEFORMAT ngày 13 tháng 4 năm 2021Nơi cấp: Cục C8 về TTXH - Bộ C9. Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Tổng Giám đốc HTX T37; Chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Không; Con ông: Đặng Văn T3, sinh năm: 1974; Con bà: Đoàn Thị H5, sinh năm: 1977; Bố mẹ hiện ở Tổ B, Ấp E, T, B, B; Gia đình có anh chị em, L3 là con thứ; Chồng: Nguyễn Ngọc H6, sinh năm: 1992; Con: có 01 con (sinh năm 2020);

Tiền án, tiền sự: Không.

Hiện tại TT T, B, B.

69. Họ tên: ĐẶNG TRUNG T4; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 07 tháng 02 năm 1985 tại: P, B; Nơi thường trú: Tổ A, ấp B, xã P, huyện P, B; Nơi ở hiện tại: 201 khu dân cư K, phường P, TP T, TP H; Quốc tịch: Việt Nam ;Dân tộc: Kinh ;Tôn giáo: Không; Số Thẻ CCCD: 074085000437 cấp ngày 29 tháng 3 năm 2021; Nơi cấp: Bộ C9; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Giám đốc ;Nơi làm việc: Công ty Cổ phần M5; Chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Không; Con ông: Đặng Văn C – Đã chết; Con bà: Bùi Kim Thu Y ,sinh năm 1963 Hiện ở xã P, huyện P, B.

Tiền án, tiền sự: Không

Hiện cư trú tại phường P, TP T, TP H.

70. Họ tên: ÂU DƯƠNG B; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 12 tháng 9 năm 1961 tại: TP H; Nơi thường trú + Chỗ ở: 58 đường C, Cư Xá B, Phường H, Quận A, TP .; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Hoa; Tôn giáo: Không; Số CMND/CCCD: 079061019835; cấp ngày 9 tháng 8 năm 2021; Nơi cấp: Bộ C9; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Giám đốc Công ty TNHH S4; Con ông: Âu Dương H7 – Đã chết; Con bà: Dương Huệ U – Đã chết; Vợ: Tạ Mai Kim U1 – Sinh năm 1972; Con: có 02 con (lớn nhất sinh năm 1997, nhỏ nhất sinh năm 2001);

Tiền án, tiền sự: Không

Hiện cư trú tại Phường H, Quận A, TP ..

71. Họ tên: LÊ DUY T5; Tên gọi khác: Không có tên gọi khác; Giới

tính: Nam; Sinh ngày 17 tháng 03 năm 1991 tại: tỉnh T; Nơi thường trú: Khu phố F, thị trấn V, huyện G, tỉnh T; Chỗ ở hiện nay: Số I, đường số A, phường L, TP ., TP .; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Thẻ CCCD: 082091010128; cấp ngày 11 tháng 10 năm 2022; Nơi cấp: Cục C8 về TTXH; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Giám đốc Công ty TNHH X4; Con ông: Lê Văn M1, Sinh năm: 1968; Con bà: Đặng Thị Lệ E; Sinh năm: 1968; Bố mẹ ở tại: Khu phố F, thị trấn V, huyện G, tỉnh T; Vợ: Lê Thị Ái U2; Sinh năm 1991; Con trai: Lê Thiên Đ; Sinh năm 2023

Tiền án/tiền sự: Không

Hiện cư trú tại phường L, TP ., TP ..

72. Họ tên: VÒNG A NGỒ; Tên gọi khác: Không có tên gọi khác; Giới tính: Nữ; Sinh ngày 21 tháng 5 năm 1984 tại: tỉnh Đ; Nơi thường trú + Chỗ ở: 276/10/14 đường C, Khu phố T, phường T, TP D, tỉnh B; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Hoa; Tôn giáo: Không; Thẻ CCCD: 075184014172; cấp ngày 24 tháng 7 năm 2022; Nơi cấp: Cục C8 về TTXH; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Giám đốc Công ty TNHH MTV N3; Con ông: Vòng Chắng V1 – Đã chết; Con bà: Vòng A K1; Sinh năm: 1963; Hiện ở huyện T, tỉnh Đ; Chồng: Chí Vĩnh P; Sinh năm 1982; Con: có 02 con (lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2010);

T29 án/tiền sự: Không

Hiện cư trú tại phường T, TP D, tỉnh B.

73. Họ tên: NGUYỄN THANH H8; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 05 tháng 11 năm 1986 tại: TP H; Nơi thường trú + Chỗ ở: Tổ A, KP F, phường T, huyện B, tỉnh B; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa; Số CMND/Thẻ CCCD/Hộ chiếu: 079086026067 cấp ngày 28 tháng 8 năm 2022Nơi cấp: Cục C8 về TTXH - Bộ C9. Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Giám đốc Công ty TNHH C12; Chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Không; Con ông: Nguyễn Thanh M2, sinh năm: 1957; Con bà: Nguyễn Thị Tuyết L4, sinh năm: 1962; Bố mẹ hiện ở TT V, V, Đ; Vợ: Nguyễn Kim A1, sinh năm: 1989; Con: có 03 con (lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2023);

Tiền án, tiền sự: Không.

Hiện cư trú tại Phường A, G, TP H.

74. Họ tên: ĐOÀN THỊ KIỀU V2; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ; Sinh ngày 27 tháng 04 năm 1990 tại: tỉnh K; Nơi thường trú + Chỗ ở: 256/16/4 đường T, phường T, quận A, TP H; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Số CMND/CCCD: 091190000898; cấp ngày 07 tháng 04 năm 2021; Nơi cấp: Bộ C9; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Phó Giám đốc điều hành Công ty TNHH Đ12; Con ông: Đoàn Thế L5; Sinh năm: 1968; Con bà: Nguyễn Thị N; Sinh năm: 1970; Bố mẹ hiện ở 2 đường T, phường T, quận A, TP H; Chồng: Trần Minh T6; Sinh năm: 1986; Con: có 02 con (lớn nhất sinh năm 2016, nhỏ nhất sinh năm 2021);

Tiền án, tiền sự: Không

Hiện cư trú tại phường T, quận A, TP H.

75. Họ và tên: NGUYỄN VĂN H9; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 13/10/1976 tại: B, Đ; Nguyên quán: B, Đ; Nơi thường trú + Chỗ ở: số A KP C, T, B, tỉnh Đ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Số CMND/Thẻ CCCD/Hộ chiếu: 075076009282 Cấp ngày: 17/08/2021; Nơi cấp: Cục C8 về TTXH - Bộ C9; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Giám đốc Công ty TNHH MTV H27; Chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Không; Con ông: Nguyễn Văn G, sinh năm: 1938, đã chết; Con bà: Nguyễn Thị T7, sinh năm 1943, đã chết; Vợ: Lê Thị Hoàng A2, sinh năm: 1981;

Tiền án, tiền sự: Không.

Hiện cư trú tại phường T, B, tỉnh Đ.

76. Họ tên: NGUYỄN VĂN B; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 21 tháng 11 năm 1982 tại: T; Nơi thường trú + Chỗ ở: Số D, đường Đ, khu phố Đ, phường D, thành phố D, tỉnh B; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Số thẻ CCCD: 038082032727 cấp ngày 12/8/2021; Nơi cấp: Bộ C9; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Chủ tịch kiêm Giám đốc; Nơi làm việc: Công ty TNHH một thành viên N4; Chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Không; Con ông: Nguyễn Văn L6 ,sinh năm 1954; Con bà: Đỗ Thị X ,sinh năm 1955; Hiện bố mẹ ở xã X, huyện T, T; Vợ: Lê Thị Đ1 ,sinh năm 1987; Con: có 02 con (lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2008);

Tiền án, tiền sự: Không;

Hiện cư trú tại phường D, TP D, tỉnh B.

77. Họ và tên: LÊ VĂN C1; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 15 tháng 02 năm 1989 tại: Q; Nơi thường trú: xã N, huyện T, tỉnh Q; Nơi ở hiện tại: số F L, tổ A, KP K, phường T, TP T, Tỉnh B; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Số CMND/Thẻ CCCD/Hộ chiếu: 051089009611; Cấp ngày 09 tháng 11 năm 20Nơi cấp: Cục C8 về TTXH - Bộ C9; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Giám đốc Công ty TNHH X5; Chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Không; Con ông: Lê Văn A3, sinh năm: 1954; Con bà: Vương Thị X1, sinh năm: 1960; Bố mẹ hiện ở thôn P, xã N, huyện T, tỉnh Q; Con: có 02 con (lớn nhất sinh năm 2018, nhỏ nhất sinh năm 2020);

Tiền án, tiền sự: Không.

Hiện cư trú tại phường T, TP T, Tỉnh B.

78. Họ tên: NGÔ QUANG N; Tên gọi khác: Không Giới tính: Nam; Sinh ngày 21 tháng 07 năm 1981 tại: tỉnh K; Nơi thường trú + Chỗ ở: 440/13/152 T, phường A, quận G, TP H; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Số CMND/CCCD: 056081007727; cấp ngày 25 tháng 07 năm 2022; Nơi cấp: Bộ C9; Trình độ học vấn: 10/12; Nghề nghiệp: Tổng Giám đốc Công ty cổ phần T38; Con ông: Ngô Quang T8; Sinh năm: 1932; Hiện ở thôn V, xã S, huyện C, tỉnh K; Con bà: Phạm Thị L7; Sinh năm: 1952 (Đã chết); Vợ: Võ Thị Ngọc T9; Sinh năm: 1991; Con: có 02 con (lớn nhất sinh năm 2016, nhỏ nhất sinh năm 2019);

Tiền án, tiền sự: Không

Hiện cư trú tại phường A, quận G, TP H.

79. Họ tên: NGÔ VĂN T; Tên gọi khác: Không Giới tính: Nam; Sinh ngày 20 tháng 11 năm 1988 tại: tỉnh N; Nguyên quán: N, K, Hòa Bình; Nơi thường trú + Chỗ ở: số A đường B, khu phố B, phường B, TP ., tỉnh B; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Số CMND/CCCD: 037088007355; cấp ngày 29 tháng 04 năm 2021; Nơi cấp: Bộ C9; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Giám đốc Công ty TNHH D6; Con ông: Ngô Văn Đ2; Sinh năm: 1957; Con bà: Trần Thị T10; Sinh năm: 1959; Bố mẹ hiện ở số A đường B, khu phố B, phường B, TP ., tỉnh B; Vợ: Trần Thị H10; Sinh năm: 1988; Con: có 02 con (lớn nhất sinh năm 2014, nhỏ nhất sinh năm 2017);

Tiền án, tiền sự: Không

Hiện cư trú tại số P, TP ., tỉnh B.

80. Họ tên: BÙI VĂN T11; Tên gọi khác: Không Giới tính: Nam; Sinh ngày 02 tháng 05 năm 1982 tại: T, T; Nơi thường trú: khu phố D, trị trấn Kim T12, huyện T, T; Nơi ở hiện tại: 1 B, phường B, TP T, B; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh ; Tôn giáo: Không; Số CMND/Thẻ CCCD/Hộ chiếu: 038082034511; cấp ngày 21 tháng 9 năm 2022; Nơi cấp: Bộ C9; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Chủ tịch kiêm Giám đốc; Nơi làm việc: Công ty TNHH T39; Chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Không; Con ông: Bùi Chí T13 – Đã chết; Con bà: Nguyễn Thị T14 – Đã chết; Vợ: Vòng Sộc V3, sinh năm 1984; Con: có 02 con (lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2014);

Tiền án, tiền sự: Không

Hiện nay, bị can đang áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú tại phường B, TP T, B.

81. Họ tên: NGUYỄN HOÀI Đ3; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 10 tháng 5 năm 1980 tại: tỉnh P; Nơi thường trú + Chỗ ở: Số G KDC P, phường P, thành phố T, B; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Số CMND/Thẻ CCCD/Hộ chiếu: 025080005016; cấp ngày 11 tháng 8 năm 2022; Nơi cấp: Cục C11 về TTXH; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Giám đốc Công ty TNHH B4; Con ông: Nguyễn Thanh L8; Sinh năm:

1950; Con bà: Đặng Thị L9; Sinh năm: 1954; Bố mẹ hiện ở T, TX. B, tỉnh Bình Phước; Vợ: Lại Thị Bích T15, Sinh năm: 1983; Con: có 02 con (lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2017);

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt, giữ từ ngày 03/11/2023 đến 04/12/2023. Hiện cư trú tại phường P, thành phố T, B.

82. Họ và tên: C13; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 11 tháng 01 năm 1965 tại: Đ; Nơi thường trú: 121/6 tổ C, KP4, B, B, Đ; Nơi ở hiện tại: G399, KP7, phường L, TP B, tỉnh Đ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Số CMND/Thẻ CCCD/Hộ chiếu: 075065013361; Cấp ngày 17 tháng 6 năm 20Nơi cấp: Cục C8 về TTXH - Bộ C9; Trình độ học vấn: 10/10; Nghề nghiệp: Giám đốc Công ty TNHH MTV C14; Chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Không; Con ông: Chu Văn C2, sinh năm: 1932, đã chết; Con bà: Nguyễn Thị Đ4, sinh năm: 1934, Đã chết; Vợ: Nguyễn Thị Thanh B1, sinh năm: 1963; Con: có 02 con (lớn nhất sinh năm 1994, nhỏ nhất sinh năm 1996);

Tiền án, tiền sự: Không.

Hiện cư trú tại Phường L, TP B, tỉnh Đ.

83. Họ tên: VÕ THỊ MỸ T16; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ; Sinh ngày 30 tháng 10 năm 1990 tại: T; Nơi thường trú + Chỗ ở: KP H, phường V, TP ., tỉnh B; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Số CMND/CCCD: 072190011519; cấp ngày 25 tháng 04 năm 2022; Nơi cấp: Bộ C9; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Chủ sở hữu Công ty TNHH N5; Con ông: Võ Văn Đ5; Sinh năm: 1964; Con bà: Nguyễn Thị Lệ T17; Sinh năm: 1964; Đã chết; Chồng: Nguyễn Văn G1; Sinh năm: 1992; Con: có 02 con (lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2020);

Tiền án, tiền sự: Không

Hiện nay, bị can đang thi hành biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú tại phường V, TP ., tỉnh B.

84. Họ tên: HUỲNH XUÂN T; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam;Sinh ngày 29 tháng 12 năm 1976 tại: B; Nơi thường trú: 692/2/10, Ấp A, H, Nhà B, TP .; Nơi ở hiện tại: E L, phường T, Quận G, TP .; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Số CMND/CCCD: 052076001416; cấp ngày 19 tháng 04 năm 2021; Nơi cấp: Bộ C9; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Giám đốc Công ty TNHH S5; Con ông: Huỳnh Xuân A4; Sinh năm: 1937; Con bà: Nguyễn Thị T18; Sinh năm: 1937; Bố mẹ hiện ở xã X, huyện X, tỉnh Đ; Vợ: Trần Thị Kim C3; Sinh năm: 1980; Con: có 01 con (sinh năm 2017);

Tiền án, tiền sự: Không

Hiện cư trú tại phường T,Quận G, TP ..

85. Họ tên: QUÁCH NGỌC Y; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ; Sinh ngày 19 tháng 02 năm 1980 tại: Cà Mau; Nơi thường trú + Chỗ ở: Tổ A, H, P. T, TP ., B; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Số CMND/CCCD: 096180002107; cấp ngày 23 tháng 03 năm 2022; Nơi cấp: Bộ C9; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Giám đốc Công ty C15; Con ông: Quách Văn H11; Con bà: Trần Thị H12; Bị lạc bố mẹ từ bé hiện không biết ở đâu.

Tiền án, tiền sự: Không

Hiện cư trú tại Phường T, TP ., B.

86. Họ tên: BÙI THÁI K2; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 05 tháng 10 năm 1972 tại: H - Hà Tĩnh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nơi thường trú: 3A Lê Quý Đ6, P V, Quận C, TP H; Nơi ở hiện tại: 50/6 T, xã B, H, TP H; Số CMND/Thẻ CCCD/Hộ chiếu: 079072011966; cấp ngày 10 tháng 07 năm 2021; Nơi cấp: Cục C11; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Tổng Giám đốc, Công ty CP Đ13; Con ông: Bùi Xuân H13 – Đã chết; Con bà: Nguyễn Thị L10 – Sinh năm 1936; ở tại: 1, Phan Văn H14, P. T, Quận A, TP H; Vợ: Nguyễn Ngọc K3 – Sinh năm 1981; HKTT: 50/6 T, xã B, huyện H, TP H; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con: có 02 con (lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2010);

Tiền án, tiền sự: Không

Hiện cư trú tại xã B, H, TP H.

87. Họ tên: THÁI THỊ BÍCH H; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ; Sinh ngày 05 tháng 03 năm 1973 tại: Yên Bái; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nơi thường trú: 288, H, Phường A, Quận A, TP H; Nơi ở hiện tại: P6B 33-08, Vinhomes C, G Đ, Phường B, B, TP H; Số CMND/Thẻ CCCD/Hộ chiếu: 030173005872; cấp ngày 14 tháng 06 năm 2023; Nơi cấp: Cục C11; Nghề nghiệp: Giám đốc, Công ty TNHH K4; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông: Thái Văn H15 – Sinh năm 1939; Con bà: Lê Thị L11 – Sinh năm 1947; Bố mẹ hiện ở: B N, Phường B, B, TP H; Chồng: Nguyễn Trọng P1 – Đã chết; Con: có 04 con (lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2011);

Tiền án, tiền sự: Không

Hiện cư trú tại Phường B, B, TP H.

88. Họ tên: NGUYỄN BÁ Đ7; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 20 tháng 6 năm 1980 tại: tỉnh Đ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Thẻ CCCD: 052080011284; cấp ngày 10 tháng 8 năm 2021; Nơi cấp: Cục C8 về TTXH; Nơi thường trú: 4 đường H, khu phố T, phường B, TP D, tỉnh B; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Gám đốc Công ty TNHH Đ14; Con ông: Nguyễn Bá Ấ; SN 1943; Con bà: Trương Thị P2; SN 1941 ; Vợ: Nguyễn Thị Hồng P3 – Sinh năm 1991; Con: có 02 con (lớn nhất sinh năm 2015, nhỏ nhất sinh năm 2017);

Tiền án, tiền sự: Không

Hiện cư trú tại phường B, TP D, tỉnh B.

89. Họ tên: BÙI THỊ M3; Tên gọi khác: Không Giới tính: Nữ; Sinh ngày 18 tháng 07 năm 1986 tại: N. Nơi thường trú + Chỗ ở: 168/183/5 ĐX 06, P, T, B; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Số CMND/Thẻ CCCD/Hộ chiếu: 040186011342 cấp LINK Excel.Sheet.12 "/Users/votam/Documents/PC03/13. Các biểu mẫu/Biểu mẫu tố tụng/Biểu mẫu tố tụng nhập sẵn/NHAP.xlsx" NHAP!R38C2 \a \f 4 \r * MERGEFORMAT ngày 14 tháng 7 năm 20Nơi cấp: Cục C8 về TTXH - Bộ C9; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Giám đốc Công ty TNHH K5; Chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Không; Con ông: Bùi Đăng L12, sinh năm: 1958; đã chết; Con bà: Đào Thị H16, sinh năm: 1961, hiện ở Hồ N, Đ, N; Con: có 01 con (sinh năm 2020);

Tiền án, tiền sự: Không.

Hiện cư trú tại Phường P, T, B.

90. Họ tên: HỒ BÁ T19; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 12 tháng 08 năm 1983 tại: Q, N; Nơi thường trú + Chỗ ở: 67/21 tổ H, KP3, T, Quận A, TP H; Số CMND/Thẻ CCCD/Hộ chiếu: 040083000558; cấp ngày 14 tháng 06 năm 2023; Nơi cấp:Bộ C9; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Giám đốc Công ty CP T40; Con ông: Hồ Bá T20 - Sinh năm 1953; Con bà: Trần Thị H17 - Sinh năm 1955; Bố mẹ ở tại: T, Quận A, TP H; Vợ: Vũ Thị Kim N1 - Sinh năm 1984; ở tại: T, Quận A, TP H; Con: có 03 con (lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2020);

Tiền án, tiền sự: Không

Hiện cư trú tại T, Quận A, TP H.

91. Họ tên: LÊ VĂN Q; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 25/10/1983 tại: H, B; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nơi thường trú + Chỗ ở: Nơi thường trú: 42/11, tổ F, KP T, B, D, tỉnh B; Số CMND/Thẻ CCCD/Hộ chiếu: 052083001342; cấp ngày 20 tháng 11 năm 2023; Nơi cấp:Bộ C9; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Kế toán, Công ty CP T40; Con ông: Lê B2 - Sinh năm 1955; Con bà: Nguyễn Thị L13 – 1954; Bố mẹ ở tại: phường H - T - B; Vợ: Trần Thị X2 – Sinh năm 1986; Ở tại: 119/6, KP T, B, D, B; Nghề nghiệp; Công nhân; Con: có 02 con (lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2016);

Tiền án, tiền sự: Không

Hiện cư trú tại B, D, tỉnh B.

92. Họ tên: NGUYỄN THỊ T21 N; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ; Sinh ngày 07 tháng 02 năm 1964 tại: B, Đ; Nơi thường trú: Số H, tổ B, KP G, phường T, TP B, Đ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa; Số CMND/Thẻ CCCD/Hộ chiếu: 075164006253; cấp ngày 25 tháng 8 năm 2022; Nơi cấp: Bộ C9; Trình độ học vấn: 5/12; Nghề nghiệp: Giám đốc Công ty TNHH Đ15. Chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Không; Con ông: Nguyễn Văn N2 – Đã chết; Con bà: Vũ Thị L14 – Đã chết; Chồng: Hồ Ngọc T22, sinh năm 1964 – Đã chết; Con: có 04 con (lớn nhất sinh năm 1989, nhỏ nhất sinh năm 2003);

Tiền án, tiền sự: Không;

Hiện cư trú tại phường T, TP B, Đ.

93. Họ tên: NGUYỄN THỊ V4; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ; Sinh ngày 20 tháng 07 năm 1983 tại: B; Nơi thường trú + Chỗ ở: 16.06 Chung cư H, phường T, quận A, TP H; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Số thẻ CCCD: 024183004590; Cấp ngày: 01/3/2024, nơi cấp: Bộ C9; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Giám đốc; Nơi làm việc: Công ty TNHH Y1; Chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Không; Con ông: Nguyễn Đình Đ8, sinh năm: 1950; Con bà: Nguyễn Thị L15, sinh năm: 1953; Hiện bố mẹ ở quận H, TP H; Chồng: Nguyễn Thanh S, sinh năm: 1983; Con: có 01 con (sinh năm 2011);

Tiền án, tiền sự: Không

Hiện cư trú tại phường T, quận A, TP H

94. Họ tên: LÊ THỊ H18; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ; Sinh ngày 12 tháng 5 năm 1984 tại: T; Nơi thường trú: T, N, T; Nơi ở hiện tại: 39/1 đường A, phường A, thành phố T, tỉnh B; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Số CCCD: 038184019346; cấp ngày 01 tháng 11 năm 2022; Nơi cấp: Cục C11 về TTXH; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Quản lý Công ty TNHH X6; Con ông: Lê Chí T23; Sinh năm: 1953; Hiện ở N, T; Con bà: Lê Thị H19; Sinh năm: 1958; (Đã chết); Chồng: Lê Đình H20; Sinh năm: 1983; Con: có 02 con (lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2015);

Tiền án, tiền sự: Không.

Hiện cư trú tại phường A, T, B.

95. Họ tên: NGUYỄN XUÂN H21; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 04 tháng 6 năm 1985 tại: Đ; Nơi thường trú + Chỗ ở: 4 T, phường A, TP T, B; Quốc tịch: Việt Nam ;Dân tộc: Kinh ;Tôn giáo: Không; Số Thẻ CCCD: 066085008616 cấp ngày 11/8/2023; Nơi cấp: Bộ C9; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Giám đốc tài chính; Nơi làm việc: Công ty TNHH T41; Chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Không; Con ông: Nguyễn Đức T24 – Sinh năm 1958 Hiện ở K - Đ; Con bà: Vũ Thị P4 – Sinh năm 1957 – Đã chết; Vợ: Trần Thị Lan A5 – Sinh năm1992 ; Con: có 02 con (lớn nhất sinh năm 2017, nhỏ nhất sinh năm 2018);

Tiền án, tiền sự: Không

Hiện cư trú tại phường A, TP T, B.

96. Họ tên: NGHIÊM PHẠM ANH T25; Tên gọi khác: Không; Giới

tính: Nam; Sinh ngày 21 tháng 7 năm 1980 tại: Đ, Hà Tĩnh; Nơi thường trú: A11 khu T, C L, phường A, quận A, thành phố H; Nơi ở hiện tại: D chung cư G, phường T, quận G, TP H; Quốc tịch: Việt Nam ;Dân tộc: Kinh ;Tôn giáo: Không; Số Thẻ CCCD: 068080007248; Cấp ngày: 30/6/2022, nơi cấp: Bộ C9; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Giám đốc; Nơi làm việc: Công ty TNHH T41; Chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Không; Con ông: Nghiêm Sỹ T26 – Sinh năm 1942 Hiện ở phường T, quận G, TP H; Con bà: Phạm Thị L16 – Sinh năm 1954. Hiện ở phường I, TP Đ, L; Vợ: Cao Thị H22 – Sinh năm 1988; Con: có 02 con (lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2017);

Tiền án, tiền sự: Không

Hiện cư trú tại phường T, quận G, TP H.

97. Họ tên: NGUYỄN MINH C4; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 06 tháng 7 năm 1981 tại: TP ., TP .; Nơi thường trú: phường A, thành phố T, Thành phố H; Nơi ở hiện tại: A N, phường A, thành phố T, Thành phố H; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Số CMND/Thẻ CCCD/Hộ chiếu: 079081029598; cấp ngày 11 tháng 11 năm 2021; Nơi cấp:*Bộ C9; Trình độ học vấn: 12/12;* Nghề nghiệp: Giám đốc Công ty CP T42; Chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Không; Con ông: Nguyễn Văn S1 – Đã chết; Con bà: Bùi Thị Kim C5 – Sinh năm 1961; Hiện ở A N, phường A, thành phố T, Thành phố H; Vợ: Nguyễn Thị Kiều T27 – Sinh năm 1981; Con: có 04 con (lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm 2021);

Tiền án, tiền sự: Không;

Hiện cư trú tại phường A, TP ., TP ..

98. Họ tên: BÙI VĂN T28; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 10 tháng 12 năm 1982 tại: M, H; Nơi thường trú: Cư Xá, Đ, KP D, phường A, TP .; Nơi ở hiện tại: B2203, chung cư C, M, phường A, TP .; Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Số CMND/Thẻ CCCD/Hộ chiếu: 001082054436; cấp ngày 10 tháng 7 năm 2021; Nơi cấp:*Bộ C9; Trình độ học vấn: 12/12;*Nghề nghiệp: Kế toán Công ty CP T42; Chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Đảng viên Đ16; Con ông: Bùi Văn X3 – Sinh năm 1951; Con bà: Nguyễn Thị M4 – Sinh năm 1956; Bố mẹ hiện ở xã C, huyện M, TP .; Vợ: Trịnh Thị D4;

Tiền án, tiền sự: Không;

Hiện cư trú tại phường A, TP ., TP ..

99. Họ tên: TRẦN THỊ H23; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ; Sinh ngày 20 tháng 10 năm 1997 tại: T - B; Nơi thường trú + Chỗ ở: A, chung cư E, phường L, TP T, B; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Số CMND/Thẻ CCCD/Hộ chiếu: 060197007242; Cấp ngày 28 tháng 06 năm 2021; Nơi cấp:*Cục C11;* Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Giám đốc, Công ty TNHH M6; Con ông: Trần C6 – Sinh năm 1968; Con bà: Nguyễn Thị P5 – Sinh năm 1971; Bố mẹ hiện ở: Thôn V, V, T, B; Gia đình có anh chị em, H23 là con thứ .

Tiền án, tiền sự: Không

Hiện cư trú tại phường L, TP T, B1

100. Họ tên: LÊ TẤN QUANG D5; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 26 tháng 06 năm 1983 tại: Tỉnh Long An; Nơi thường trú: 362/25/36 P, quận G, TP H; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Số CMND/CCCD: 080083000278; cấp ngày 22 tháng 12 năm 2021; Nơi cấp: Bộ C9. Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Giám đốc Công ty TNHH MTV T43; Con ông: Lê Tấn Đ9 – Đã chết; Con bà: Trần Thị Kim T29 – Sinh năm 1989; Vợ: Nguyễn Thị Anh T30 – Sinh năm 1990; Con: có 03 con (lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2023);

Tiền án, tiền sự: Không

Hiện cư trú tại phường Q, TP B, tỉnh Đ.

101. Họ tên: TÔ VĂN H; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 04 tháng 04 năm 1970 tại: Vc; Nơi thường trú + Chỗ ở: Tổ G, Ấp A, xã P, huyện P, tỉnh B; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Số CMND/CCCD: 026070016968; cấp ngày 27 tháng 12 năm 2021; Nơi cấp: Bộ C9; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Giám đốc Công ty TNHH MTV T44; Đảng viên Đ16, sinh hoạt tại chi bộ Ấp A thuộc Đảng bộ xã P, huyện P, tỉnh B. Đã đình chỉ sinh hoạt đảng theo Quyết định số 32-QĐ/UBKTHU ngày 28/3/2023 của Ủy ban kiểm tra huyện Ủ; Con ông: Tô Văn T31; Sinh năm: 1927; Đã chết; Con bà: Trương Thị T32; Sinh năm: 1934; Hiện ở C, V, Vc; Vợ: Đầu Thị L17; Sinh năm: 1971 (Đã ly hôn); Con: có 03 con (lớn nhất sinh năm 1993, nhỏ nhất sinh năm 2009);

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Bản án số 51/2024/HS-ST ngày 06/6/2024, Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh B xử phạt Tô Văn H24 số tiền 1.100.000.000đồng về tội Gây ô nhiễm môi trường. Giấy xác nhận kết quả thi hành án tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Phú Giáo số 751 ngày 16/10/2024, xác nhận: đã nộp số tiền 150.000.000đ, 200.000đ tiền án phí hình sự, số tiền còn phải thi hành là 950.000.000đ.

Hiện cư trú tại xã P, huyện P, tỉnh B.

102. Họ và tên: HOÀNG THANH S2; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 09 tháng 12 năm 1983 tại: N; Nơi thường trú + Chỗ ở: Tổ B, KP H, P, B, Đ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa; Số CMND/Thẻ CCCD/Hộ chiếu: 040083036478; Cấp ngày 10 tháng 8 năm 20Nơi cấp: Cục C8 về TTXH - Bộ C9; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Giám đốc Công ty TNHH S6; Chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Không; Con ông: Hoàng Thanh B3, sinh năm: 1957. Đã chết; Con bà: Phan Thị T33, sinh năm: 1962. hiện ở xóm H, Q, Q, N; Vợ: Phan Thị L18, sinh năm: 1989;Con: có 04 con (lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2021);

Tiền án, tiền sự: Không.

Hiện cư trú tại Phường P, B, Đ.

103. Họ tên: LÊ QUANG V5; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 26 tháng 3 năm 1979 tại: N; Nơi thường trú + Chỗ ở: 5 T, khu phố T, phường Đ, D, B; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Số CCCD: 040079012412; cấp ngày 28 tháng 9 năm 2021; Nơi cấp: Cục C11 về TTXH; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Giám đốc Công ty TNHH H28; Con ông: Lê Văn T34; Sinh năm: 1954; Con bà: Bùi Thị T35; Sinh năm: 1956; Bố mẹ hiện ở D, N. Vợ: Bùi Thị Bích L19, Sinh năm: 1981; Con: có 02 con (lớn nhất sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh năm 2012);

Tiền án, tiền sự: Không.

Hiện cư trú tại phường Đông Hòa, Dĩ An, B

104. Họ tên: TRẦN DOÃN C7; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 06 tháng 06 năm 1975 tại: tỉnh N; Nơi thường trú + Chỗ ở: A, khu phố B, phường A, TP D, tỉnh B; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Số CMND/CCCD: 040075023444; cấp ngày 06 tháng 09 năm 2021; Nơi cấp: Bộ C9; Trình độ học vấn: 09/12; Nghề nghiệp: Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc Công ty TNHH C16; Con ông: Trần Doãn S3; Sinh năm: 1954; Con bà: Nguyễn Thị T36; Sinh năm: 1956; Bố mẹ hiện ở L, Đ, N; Vợ: Trương Thị Thúy H25; Sinh năm: 1982; Con: có 03 con (lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm 2021);

Tiền án, tiền sự: Không

Hiện cư trú tại phường A, TP D, tỉnh B.

105. Họ tên: HOÀNG TIẾN D; Tên gọi khác: Không;Giới tính: Nam; Sinh ngày 25 tháng 5 năm 1985 tại: tỉnh N; Nơi thường trú + Chỗ ở: Căn hộ B khu B, Chung cư G, phường E, quận H, TP .; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Số CMND/Thẻ CCCD/Hộ chiếu: 037085010131; cấp ngày 27 tháng 01 năm 2022. Nơi cấp: Bộ C10; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Giám đốc Công ty TNHH T31; Con ông: Hoàng Văn S; Con bà: Hoàng Thị L; Vợ: Nguyễn Thị Trúc N; Hiện bố mẹ ở Căn hộ B khu B, Chung cư G, phường E, quận H, TP ..

Tiền án, tiền sự: Không

Hiện cư trú tại Phường E, quận H, TP ..

106. Họ tên: PHẠM VĂN T; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 15 tháng 2 năm 1982 tại: N; Nơi thường trú + Chỗ ở: Số A đường D, phường P, T, B; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Số CCCD: 037082008404; cấp ngày 12 tháng 9 năm 2022; Nơi cấp: Cục C11 về TTXH; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Giám đốc Công ty TNHH Q1 (LP); Con ông: Phạm Xuân L1; Sinh năm: 1960 (đã mất); Con bà: Vũ Thị M; Sinh năm: 1962; Hiện ở Y, N. Vợ: Trịnh Thi T1, Sinh năm: 1983; Con: có 02 con (lớn nhất sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh năm 2010);

Tiền án, tiền sự: Không.

Hiện cư trú tại phường Phú Tân, Thủ Dầu Một, B

107. Họ tên: LÊ XUÂN T2; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 24 tháng 07 năm 1975, tại: N - T; Nơi thường trú: Thôn B - H - TX N - T;

Nơi ở hiện tại: 866/21/1 Quốc lộ A, khu phố B, phường H, TP T, TP H; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Số CMND/Thẻ CCCD/Hộ chiếu: 038075025680; Cấp ngày 12 tháng 01 năm 2022; Nơi cấp: Cục C11; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Giám đốc, Công ty TNHH Ứ; Con ông: Lê Xuân H – Đã chết; Con bà: Nguyễn Thị D1 – Sinh năm 1947; Hiện ở: 866/21/1 Quốc lộ A, khu phố B, phường H, TP T, TP H; Vợ: Trần Thị Minh T3 – Sinh năm 1976; Con: có 02 con (lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2010);
Tiền án, tiền sự: Không
Hiện cư trú tại phường H, TP T, TP H.

II. NHÓM CÁC BỊ CÁO PHẠM TỘI "MUA BÁN TRÁI PHÉP HÓA ĐƠN" THEO KHOẢN 1 ĐIỀU 203 BỘ LUẬT HÌNH SỰ (63 bị cáo).

108. Họ tên: NGÔ VĂN C; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 05 tháng 12 năm 1980 tại: tỉnh N; Nơi thường trú + Chỗ ở: Căn hộ B.9.09 Lô B, Chung cư H, số B, đường số A, tổ dân phố I, khu phố B, phường P, TP T, TP .; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Số CMND/CCCD: 036080007287; cấp ngày 19 tháng 05 năm 2023; Nơi cấp: Bộ C10; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Giám đốc Công ty cổ phần X; Con ông: Ngô Thế D2; Sinh năm: 1962; (Đã chết); Con bà: Nguyễn Thị H1; Sinh năm: 1962; Hiện ở thôn T, xã G, huyện G, tỉnh N; Vợ: Bùi Thị Thanh T4; Sinh năm: 1983; Con: có 02 con (lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2013);

Tiền án, tiền sự: Không

Hiện cư trú tại phường P, TP T, TP ..

109. Họ tên: **NGUYỄN THỊ T5 H**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ; Sinh ngày 12 tháng 12 năm 1980 tại: T - TP H; Nơi thường trú: A, đường I, khu phố C, L, T, TP HCM; Nơi ở hiện tại: 39/23/1A, Đường số A, Khu phố C, L, TP T, TP H; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Số CMND/Thẻ CCCD/Hộ chiếu: 079180031681; Cấp ngày 18 tháng 09 năm 2022; Nơi cấp: Cục C11; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Giám đốc, Công ty TNHH X1; Con ông: Nguyễn Văn D3 – Đã chết; Con bà: Phạm Thị Q – Sinh năm 1947; Hiện ở: 71 đại lộ B, P, TP T, TP H; Chồng: Nguyễn Văn N1 – Sinh năm 1968; Con: có 03 con (lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2019);
Tiền án, tiền sự: Không
Hiện cư trú L, TP T, TP H.

110. Họ tên: **TRẦN NGỌC T6;** Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 07 tháng 07 năm 1980 tại: Đ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; Nơi thường trú: A N, H, Nhà B, TP HCM; Nơi ở hiện tại: 440/28 đường T, Phường A, quận G, TP HCM; Số CMND/Thẻ CCCD/Hộ chiếu: 087080000296 ; cấp ngày 15 tháng 09 năm 2022; Nơi cấp: Bộ C10; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Giám đốc – Công ty CP Đ5; Con ông: Trần Ngọc L2 – Sinh năm 1941; Con bà: Hứa Thị Bé T7 – Đã chết; Bố ở tại: ấp B, B, C, Đ; Vợ: Mai Anh Đ – Sinh năm 1980; HKTT: 440/28 đường T, Phường A, quận G, TP H; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con: có 03 con (lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2017);
Tiền án, tiền sự: Không

Hiện cư trú tại Phường A, quận G, TP HCM.
111. Họ tên: TRƯƠNG NGỌC T; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 28 tháng 12 năm 1976 tại: B - Cần Thơ; Nơi thường trú + Chỗ ở: 220/57/5, H, Phường E, quận B, TP H; Nơi ở hiện tại: 220/57/5, H, Phường E, quận B, TP H; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Số CMND/Thẻ CCCD/Hộ chiếu: 091076011532; cấp ngày 12 tháng 01 năm 2022; Nơi cấp: Bộ C10; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Giám đốc, Công ty TNHH T32; Con ông: Trương Văn N2 – Đã Chết; Con bà: Trần Tuyết L3 – Đã Chết; Vợ: Dương Thị U – Sinh năm 1983; Con: có 03 con (lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2022);
Tiền án, tiền sự: Không
Hiện cư trú tại Phường E, quận B, TP H.
112. Họ tên: NGUYỄN NGỌC D4; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 10 tháng 11 năm 1980 tại: B; Nơi thường trú: Thôn C, Y, L, B; Nơi ở hiện tại: T33, T, T, B; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Số CMND/Thẻ CCCD/Hộ chiếu: 024080013730 Cấp ngày 12 tháng 5 năm 20Nơi cấp: Cục C12 về TTXH - Bộ C10; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Giám đốc Công ty TNHH T34; Chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Không; Con ông: Nguyễn Ngọc H2, sinh năm: 1939, đã chết; Con bà: Mẹ đẻ: Nguyễn Thị C, sinh năm: 1940. hiện ở Y, L, B; Vợ: Lê Thị H3, sinh năm: 1983; Con: có 02 con (lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2013);
Tiền án, tiền sự: Không.
Hiện cư trú tại phường T, T, B.
113. Họ tên: NGUYỄN VĂN C1; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 16 tháng 03 năm 1984 tại: Hà Tĩnh; Nơi thường trú: Xóm F, P, H, ; Nơi ở hiện tại: 225A/3 Tổ A, KP2, A, T, B; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa; Số CMND/Thẻ CCCD/Hộ chiếu: 042084008607; Cấp ngày 18 tháng 10 năm 20Nơi cấp: Cục C12 về TTXH - Bộ C10; Trình độ học vấn: 8/12; Nghề nghiệp: Giám đốc Công ty TNHH S5; Chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Không; Con ông: Nguyễn Văn Đ1, sinh năm: 1962; Con bà: Nguyễn Thị L4, sinh năm: 1963; Bố mẹ hiện ở Xóm F, P, H, Hà Tĩnh; Vợ: Nguyễn Thị T8, sinh năm: 1984; Con: có 02 con (lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2015);
Tiền án, tiền sự: Không.
Hiện cư trú tại Phường A, T, B.
114. Họ tên: TRẦN N; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 10 tháng 02 năm 1983 tại: B; Nơi thường trú: Số C T, B, TX. A, tỉnh B; Nơi ở hiện tại: G đường số B, P. P, TP ., TP .; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Số CMND/Thẻ CCCD/Hộ chiếu: 052083017425; cấp ngày 17 tháng 11 năm 2022; Nơi cấp: Cục C13 – Bộ C10. Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Giám đốc Công ty Cổ phần T35; Con ông: Trần Văn D5 (Đã chết); Con bà: Hà Thị Tuyết M1 (Đã chết).
Tiền án, tiền sự: Không
Hiện cư trú tại Phường P, TP ., TP ..
115. Họ tên: HUỲNH HỮU T; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày

29 tháng 01 năm 1980 tại: B; Nơi thường trú + Chỗ ở: Số B đường F, P. P, TP ., TP ..; Nơi ở hiện tại: Số B đường F, P. P, TP ., TP .; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Số CMND/Thẻ CCCD/Hộ chiếu: 052080011033; cấp ngày 01 tháng 03 năm 2023; Nơi cấp: Cục C13 – Bộ C10; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Phó Giám đốc Công ty Cổ phần T35; Con ông: Huỳnh Hữu L5; Con bà: Hồ Thị Thanh H4. Hiện bố mẹ ở xã N, TX. A, tỉnh B.
Tiền án, tiền sự: Không
Hiện cư trú tại Phường P, TP ., TP ..
116. Họ tên: NGUYỄN THÀNH C2; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 16 tháng 03 năm 1985 tại: B; Nơi thường trú: thôn X, xã C, huyện P, tỉnh B; Nơi ở hiện tại: G đường số B, P. P, TP ., TP .; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Số CMND/Thẻ CCCD/Hộ chiếu: 052085018686; cấp ngày 20 tháng 03 năm 2022; Nơi cấp: Cục C13 – Bộ C10. Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Nhân viên kỹ thuật điện Công ty Cổ phần T35; Con ông: Nguyễn Kế H5; Con bà: Nguyễn Thị T9. Hiện bố mẹ ở thôn X, xã C, huyện P, tỉnh B.
Tiền án, tiền sự: Không
Hiện cư trú tại Phường P, TP ., TP ..
117. Họ tên: TRẦN Đ; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 02 tháng 12 năm 1980 tại: Q; Nơi thường trú: H, Đ, Đ, Q; Nơi ở hiện tại: KP C, phường H, thành phố T, tỉnh B; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Số CMND/Thẻ CCCD/Hộ chiếu: 049080011860; Cấp ngày 20 tháng 08 năm 20; Nơi cấp: Bộ C10; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Giám đốc Công ty TNHH S6; Chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Không; Con ông: Trần B, sinh năm: 1945, đã chết; Con bà: Trương Thị T10, sinh năm 1949. hiện ở Đ, Đ, Q; Vợ: Trần Thị Hoài T11, sinh năm: 1985; Con: có 02 con (lớn sinh năm 2019, nhỏ sinh năm 2024);
Tiền án, tiền sự: Không.
Hiện cư trú tại Phường H, T, B.
118. Họ tên: ĐỖ QUỐC H6; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 20 tháng 01 năm 1986 tại: tỉnh Đ ; Nơi thường trú: T, T, L, Đ; Nơi ở hiện tại: 1275 Quốc lộ A, phường A, quận B, TP H; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Số CMND/CCCD: 087086010444; cấp ngày 27 tháng 08 năm 2022; Nơi cấp: Bộ C10; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Giám đốc Công ty TNHH T36 và thu gom phê liệu Hòa P; Con ông: Đỗ Quốc H7; Sinh năm: 1963; (Đã chết); Con bà: Lê Thị N3; Sinh năm: 1965; Hiện ở T, T, L, Đ; Vợ: Nguyễn Thị Sơn K; Sinh năm: 1986; Con: có 01 con (sinh năm 2016);
Tiền án, tiền sự: Không
Hiện cư trú tại phường A, quận B, TP H.
119. Họ tên: ĐOÀN THỊ H8; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ; Sinh ngày 09 tháng 03 năm 1984 tại: H, P; Nơi thường trú + Chỗ ở: B156 Oasi1, khu phố D, A, T, tỉnh B; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Số CMND/CCCD: 025184006404; cấp ngày 20 tháng 03 năm 2021; Nơi cấp: Bộ C10; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Giám đốc Công ty TNHH MTV

H20; Con ông: Đoàn Trung H9; Sinh năm: 1955; hiện ở N, T, TP .; Con bà: Lê Thị Minh T12; Sinh năm: 1957; Hiện ở Y, H, P; Chồng: Đinh Ngọc T13; Sinh năm: 1984; Con: có 02 con (lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2012);
Tiền án, tiền sự: Không
Hiện cư trú tại phường A, T.P T, tỉnh B.

120. Họ tên: TƯ ĐỖ QUAN S; Tên gọi khác: Không có tên gọi khác; Giới tính: Nam; Sinh ngày 17 tháng 7 năm 1987 tại: tỉnh B; Nơi thường trú + Chỗ ở: 6 Khu phố B, phường B, TP ., tỉnh B; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Thẻ CCCD: 074087001662 cấp ngày 13 tháng 4 năm 2021; Nơi cấp: Cục C12 về TTXH; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Â; Con ông: Huỳnh Châu S1, Sinh năm: 1963 – Đã chết; Con bà: Tư Đồ Thị M2; Sinh năm: 1956; Hiện ở: 8 Khu phố Đ, phường L, TP T, tỉnh B; Vợ: Trịnh Thị Bích V – Sinh năm 1985; Con: có 03 con (lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2023);
T14 án/tiền sự: Không
Hiện cư trú tại Khu phố B, phường B, TP ., tỉnh B.

121. Họ tên: NGUYỄN VĂN T15; Tên gọi khác: Không có tên gọi khác; Giới tính: Nam; Sinh ngày 24 tháng 6 năm 1979 tại: tỉnh Vĩnh Long; Nơi thường trú: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Đ; Chỗ ở hiện nay: Căn B, Block B, số C, đường C, Phường D, Quận H, TP .; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Thẻ CCCD: 087079015086; cấp ngày 27 tháng 10 năm 2022; Nơi cấp: Cục C12 về TTXH; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: giám đốc Công ty TNHH B5; Con ông: Nguyễn Văn Út A; Sinh năm: 1947; Con bà: Lê Thị L6; Sinh năm: 1943; Bố mẹ ở tại: xã A, huyện C, tỉnh Đ. Vợ: Lê Thị Thanh T16; Sinh năm 1979; Con: có 02 con (lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2015);
T14 án/tiền sự: Không
Hiện cư trú tại Phường D, Quận H, TP ..

122. Họ tên: NGUYỄN THÀNH T17; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 15 tháng 6 năm 1974 tại: Long An; Nơi thường trú + Chỗ ở: 159/27, Ô 3 khu A, Đ, Long An; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Số CCCD: 080074013954; cấp ngày 30 tháng 8 năm 2021; Nơi cấp: Cục C11 về TTXH; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Phó Giám đốc Công ty TNHH Đ6; Con ông: Nguyễn Văn T18; Sinh năm: 1936; Con bà: Lê Thị N4; Sinh năm: 1938; Bố mẹ hiện ở T, Long An; Vợ: Nguyễn Thùy Đoan T19, Sinh năm: 1979; Con: có 05 con (lớn nhất sinh năm 2000, nhỏ nhất sinh năm 2020);
Tiền án, tiền sự: Không.
Bị bắt, giữ từ ngày 27/12/2023 đến 15/01/2024. Hiện cư trú tại thị trấn H, Đ, Long An.

123. Họ tên: NGUYỄN VĂN H10; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 20 tháng 11 năm 1974 tại: Hà Tĩnh; Nơi thường trú + Chỗ ở: E, khu phố T, phường T, Thành phố D, tỉnh B; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Số CMND/CCCD: 042074004035; cấp ngày 20 tháng 04 năm 2021; Nơi cấp: Bộ C10; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Giám đốc Công ty

TNHH X2; Con ông: Nguyễn Ngọc S2; Sinh năm: 1945; Con bà: Phan Thị T20; Sinh năm: 1947; Bố mẹ hiện ở T.T L, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh; Vợ: Nguyễn Thị N5; Sinh năm: 1974; Con: có 03 con (lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2012);
Tiền án, tiền sự: Không
Hiện cư trú tại xã A, Thị xã B, tỉnh B.

124. Họ tên: BÙI ĐÌNH N; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 20 tháng 10 năm 1990 tại: tỉnh Q; Nơi thường trú + Chỗ ở: 2 L, phường B, quận B, TP H; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Số CMND/CCCD: 051090003244; cấp ngày 24 tháng 06 năm 2022; Nơi cấp: Bộ C10; Trình độ học vấn: 10/12; Nghề nghiệp: Giám đốc Công ty TNHH S7; Con ông: Bùi Đình N6; Sinh năm: 1968; (Đã chết). Con bà: Lê Thị L7; Sinh năm: 1968; Hiện ở C đường V, xã V, huyện B, TP .; Vợ: Phạm Thị Thúy H11; Sinh năm: 1990; Con: có 03 con (lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2022);
Tiền án, tiền sự: Không.
Bị bắt, giữ từ ngày 03/11/2023 đến ngày 08/11/2024. Hiện cư trú tại phường B, quận B, TP H.

125. Họ tên: TRẦN THỊ KIM C; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ; Sinh ngày 12 tháng 02 năm 1968 tại: T; Nơi thường trú: B.1403, A Q, phường T, thành phố T, thành phố H; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Số CMND/Thẻ CCCD/Hộ chiếu: 082168000046; cấp ngày 27 tháng 11 năm 2021. Nơi cấp:*Bộ C10; Trình độ học vấn: 12/12;* Nghề nghiệp: Phó Giám đốc Công ty TNHH C14; Chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Không; Con ông: Trần Văn P1 – Đã chết; Con bà: Nguyễn Thị B1 – Đã chết; Chồng: Phan Mạnh C3 – Sinh năm 1968; Con: có 02 con (lớn nhất sinh năm 1995, nhỏ nhất sinh năm 2007);
Tiền án, tiền sự: Không;
Hiện cư trú tại phường T, TP ., TP ..

126. Họ tên: LÊ THANH N7; Tên gọi khác: Không có tên gọi khác; Giới tính: Nam; Sinh ngày 01 tháng 01 năm 1978 tại: tỉnh T; Nguyên quán: tỉnh T; Nơi thường trú + Chỗ ở: D3/79/5 tổ C, ấp D, xã Đ, huyện B, TP .; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Thẻ CCCD: 082078032247; cấp ngày 20 tháng 7 năm 2021; Nơi cấp: Cục C12 về TTXH; Trình độ học vấn: 7/12; Nghề nghiệp: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Công ty TNHH N11; Con ông: Lê Văn B2 – Đã chết; Con bà: Huỳnh Thị B3; Sinh năm: 1945; Hiện ở: xã K, huyện C, tỉnh T; Vợ: Bùi Thị Kim T21 – Sinh năm 1979; Con: có 02 con (lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2015);
T14 án/tiền sự: Không
Hiện cư trú tại xã Đ, huyện B, TP ..

127. Họ tên: LÊ THANH H12; Giới tính: Nam; Sinh ngày 19 tháng 12 năm 1969 tại: T - T; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không ; Nơi thường trú + Chỗ ở: Tổ D, KP H, phường U, TP T, tỉnh B; Số CMND/Thẻ CCCD/Hộ chiếu: 038069011057; cấp ngày 08 tháng 04 năm 2021; Nơi cấp: Bộ C10 ; Nghề nghiệp: Giám đốc Công ty TNHH MTV L12; Trình độ học vấn:

12/12; Con ông: Lê Văn L8 – Sinh năm 1937; Con bà: Đặng Thị T22 – 1937; Bố mẹ ở tại: xã T - T - T; Vợ: Nguyễn Thị S3 – Sinh năm 1977; HKTT: Tổ 4, KP H, U, TX T, B; Nghề nghiệp; Lao động tự do; Con: có 02 con (lớn nhất sinh năm 1998, nhỏ nhất sinh năm 2009);
Tiền án, tiền sự: Không
Hiện cư trú tại U, TP T, B.

128. Họ tên: TRẦN LÊ HẢI Y; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ; Sinh ngày 25 tháng 12 năm 1975 tại: tỉnh T; Nơi thường trú: E Đ, Phường B, Quận B, H; Nơi ở hiện tại: 6/1/14/29 đường số A, Khu phố B, Phường H, TP ., TP .; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Số CMND/CCCD: 038175000335; cấp ngày 26 tháng 12 năm 2021; Nơi cấp: Bộ C10; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Giám đốc Công ty TNHH K4; Con ông: Lê Xuân H; Sinh năm: 1943; (Đã chết); Con bà: Trần Thị D6; Sinh năm: 1950; Hiện ở H, T, T. Chồng: Bùi Minh T23; Sinh năm: 1977 (đã ly hôn); Con: có 02 con (lớn sinh năm 2002, nhỏsinh năm 2009);
Tiền án, tiền sự: Không
Hiện cư trú tại Phường H, TP ., TP ..

129. Họ tên: TRẦN THỊ KIM C4; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ; Sinh ngày 30 tháng 10 năm 1983 tại: Thành phố H; Nơi thường trú + Chỗ ở: 1 L, phường L, TP T, thành phố H; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Số CCCD: 079183031936; cấp ngày 13 tháng 11 năm 2023; Nơi cấp: Cục C11 về TTXH; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Giám đốc Công ty TNHH A1; Con ông: Lương Chấn C5; Sinh năm: 1955; (Đã chết); Con bà: Trần Thị T24; Sinh năm: 1966; hiện ở quận A, TP .; Chồng: Bùi Ngươn Y1; Sinh năm: 1983; Con: có 02 con (lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2014);
Tiền án, tiền sự: Không.
Hiện cư trú tại phường L, TP T, thành phố H.

130. Họ tên: KHỔNG HỮU N; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 02 tháng 09 năm 1958 tại: tỉnh T; Nơi thường trú + Chỗ ở: 27A/84 KP A, phường H, B, Đ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Số CCCD: 075058005284; cấp ngày 31 tháng 08 năm 2021; Nơi cấp: Cục C12 về TTXH; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Giám đốc Công ty TNHH K5; Con ông: Khổng Hữu N8 - Sinh năm 1926; (Đã chết); Con bà: Đào Thị V1 - Sinh năm 1941; Hiện ở TP ., tỉnh Đ; Vợ: Trần Thị Bích P2 - Sinh năm 1966; Con: có 01 con (sinh năm 1988);
Tiền án, tiền sự: Không.
Hiện cư trú tại phường B KP A, P. H, B, Đ.

131. Họ tên: NGUYỄN VĂN H13; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 02 tháng 01 năm 1984 tại: tỉnh H; Nơi thường trú + Chỗ ở: ô 32, lô A, KP D, A, Thành phố T, tỉnh B; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Số CMND/CCCD: 030084015905; cấp ngày 17 tháng 06 năm 2022; Nơi cấp: Bộ C10; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Giám đốc Công ty TNHH H21; Con ông: Nguyễn Văn T25; Sinh năm: 1953; Con bà: Vũ Thị Đ2; Sinh năm: 1957; Bố mẹ hiện ở KP D, A, Thành phố T, tỉnh B; Vợ: Bùi Thị Linh

C6; Sinh năm: 1991; Con: có 02 con (lớn nhất sinh năm 2014, nhỏ nhất sinh năm 2017);
Tiền án, tiền sự: Không
Hiện cư trú tại xã A, Thành phố T, tỉnh B.
132. Họ tên: LÊ THỊ H14; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ; Sinh ngày 24 tháng 10 năm 1984 tại: tỉnh T; Nơi thường trú + Chỗ ở: Tổ E, K, phường T, T, B; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Số CMND/CCCD: 038184027588; cấp ngày 06 tháng 11 năm 2024; Nơi cấp: Bộ C10; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Nguyên kế toán Công ty TNHH H21; Con ông: Lê Hữu T26; Sinh năm: 1955; Đã chết; Con bà: Nguyễn Thị L9; Sinh năm: 1957; Hiện ở xã V, huyện N, tỉnh T; Chồng: Nguyễn Văn H15; Sinh năm: 1980; Con: có 02 con (lớn sinh năm 2004, nhỏ sinh năm 2009);
Tiền án, tiền sự: Không
Hiện cư trú tại phường T, T, B.
133. Họ tên: HÀ VĂN K; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 12 tháng 7 năm 1973 tại: tỉnh T; Nơi thường trú + Chỗ ở: 49B DC10 KDC Việt Sing, KP4, phường A, TP ., tỉnh B; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh;Tôn giáo: Không; Số CCCD: 034073011969; Cấp ngày 29 tháng 4 năm 2021; Nơi cấp:*Cục C11 về TTXH;* Trình độ học vấn: 7/12; Nghề nghiệp: Giám đốc Công ty TNHH MTV C15K1; Con ông: Hà Văn K2 – Đã chết; Con bà: Nguyễn Thị D7; 70 tuổi. Hiện ở: Đ, thị xã T, tỉnh T; Vợ: Vũ Thị T27 – Sinh năm 1985; Con: có 04 con (lớn nhất sinh năm 2014, nhỏ nhất sinh năm 2019);
Tiền án, tiền sự: Không.
Nhân thân: "Vi phạm an toàn giao thông gây hậu quả" năm 1999.
Hiện cư trú tại phường A, TP ., tỉnh B.
134. Họ tên: ĐƯỜNG CHÍ N; Tên gọi khác: Không có tên gọi khác; Giới tính: Nam; Sinh ngày 09 tháng 05 năm 1977 tại: tỉnh T. Nguyên quán: tỉnh T; Nơi thường trú + Chỗ ở: 236/29/21 Đ, phường A, quận B, TP .; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật giáo; Thẻ CCCD: 082077017386; cấp ngày 10 tháng 5 năm 2021; Nơi cấp: Cục C12 về TTXH; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Giám đốc Công ty TNHH T37; Con ông: Đường Tấn N9 - Sinh năm: 1937; Con bà: Nguyễn Thị V2; Sinh năm: 1949; Bố mẹ ở tại: D, N, phường A, quận B, TP H; Vợ: Trương Thị Ngọc Đ3 – Sinh năm 1981; Con: có 02 con (lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2013);
T14 án/tiền sự: Không
Hiện cư trú tại phường A, quận B, TP ..
135. Họ tên: VŨ THANH H16; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 06 tháng 01 năm 1988 tại: B; Nơi thường trú + Chỗ ở: A đường Đ, KP A, phường T, TP T, TP H; Quốc tịch: Việt Nam ; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Số thẻ CCCD: 027088000297 cấp ngày 19/04/2021; Nơi cấp: Bộ C10; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Giám đốc; Nơi làm việc: Công ty TNHH I ; Chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Không; Con ông: Vũ Quang H17 ,sinh năm 1959; Con bà: Trần Thị H18,sinh năm 1966; Hiện bố mẹ ở xã Đ - huyện C - Đắk Nông; Vợ: Lê Thị H3, sinh năm 1988; Con: có 02 con (lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ

nhất sinh năm 2017);
Tiền án, tiền sự: Không
Hiện cư trú tại phường T, TP T, TP H.
136. Họ tên: TRẦN THỊ NGỌC M3; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ; Sinh ngày 01 tháng 01 năm 1985 tại: B; Nơi thường trú + Chỗ ở: Tổ E, KP L, K, T, B; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Số CMND/Thẻ CCCD/Hộ chiếu: 074185006474; Cấp ngày 28 tháng 9 năm 20Nơi cấp: Cục C12 về TTXH - Bộ C10; Trình độ học vấn: 5/12; Nghề nghiệp: Giám đốc Công ty TNHH MTV S8; Chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Không; Con ông: Trần Văn B4, sinh năm: 1956; đã chết; Con bà: Trần Thị H19, sinh năm: 1956. hiện ở P, P, Cần Thơ; Chồng: Đỗ Văn C7, sinh năm: 1983; Con: có 03 con (lớn sinh năm 2006, nhỏ sinh năm 2017);
Tiền án, tiền sự: Không.
Hiện cư trú tại Phường K, T, B.
137. Họ tên: HUỲNH VĂN Đ; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 01 tháng 01 năm 1988 tại: P, H; Nơi thường trú + Chỗ ở: Tổ A, khu phố T, phường T, TP T, B; Quốc tịch: Việt Nam ;Dân tộc: Kinh ;Tôn giáo: Không; Số thẻ CCCD: 093088001189 cấp ngày 21/12/2022; Nơi cấp: Bộ C10; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Giám đốc; Nơi làm việc: Công ty TNHH S9; Chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Không; Con ông: Huỳnh Văn L10 ,sinh năm 1968; Con bà: Nguyễn Thị Đ4 ,sinh năm 1969; Hiện bố mẹ ở Thị trấn C, P, H; Vợ: Huỳnh Thị Hồng L11, sinh năm 1987; Con: có 02 con (lớn nhất sinh năm 2014, nhỏ nhất sinh năm 2016);
Tiền án, tiền sự: Không
Hiện cư trú tại phường T, TP T, B.
138. Họ tên: ĐỖ MINH T28; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 08 tháng 09 năm 1983 tại: tỉnh Đ; Nơi thường trú + Chỗ ở: 28/2/1 đường T, p. T, quận A, thành phố H; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Số CMND/Thẻ CCCD/Hộ chiếu: 087083016694 cấp ngày 10 tháng 02 năm 2022; Nơi cấp: Cục C11 về TTXH; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Giám đốc Công ty TNHH X3; Con ông: Đỗ Phước C8; Sinh năm: 1961; Con bà: Nguyễn Thị K3; Sinh năm: 1963; Bố mẹ hiện ở V, L, Đ; Vợ: Phạm Thị Thanh N10; Sinh năm: 1983; Con: có 03 con (lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2015);
Tiền án, tiền sự: Không.
Bị bắt, giữ từ ngày 26/11/2023 đến ngày 30/01/2024. Hiện cư trú tại p. T, quận A, thành phố H.
139. Họ tên: LÊ HOÀI S4 ; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 20 tháng 11 năm 1976 tại: B; Nơi thường trú + Chỗ ở: Số B, tổ F, ấp V, xã V, huyện P, B; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Số CCCD: 074076006055; cấp ngày 28 tháng 6 năm 2021; Nơi cấp: Cục C11 về TTXH; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Giám đốc Công ty TNHH MTV L13; Con ông: Trần Văn C9; Sinh năm: 1923 (đã mất); Con bà: Lê Thị T29; Sinh năm: 1942; Hiện ở P, B; Vợ: Võ Thị Thùy M4- sinh năm 1978 (đã ly hôn); Con:

có 02 con (lớn nhất sinh năm 1997, nhỏ nhất sinh năm 2000);
Tiền án, tiền sự: Không.
Hiện cư trú tại xã V, huyện P, B
140. Họ tên: TRẦN VĂN T30; Tên gọi khác: Không có tên gọi khác; Giới tính: Nam; Sinh ngày 20 tháng 07 năm 1991 tại: tỉnh Q; Nơi thường trú + Chỗ ở: E L, phường B, TP T, TP .; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Thẻ CCCD: 051091000130; cấp ngày 10 tháng 2 năm 2022; Nơi cấp: Cục C12 về TTXH; Trình độ học vấn: 10/12; Nghề nghiệp: Giám đốc Công ty TNHH T38; Con ông: Trần Văn M5, Sinh năm: 1950; Con bà:Đào Thị C; Sinh năm: 1951; Bố mẹ ở tại: thôn T, xã P, huyện Đ, tỉnh Q; Vợ: Nguyễn Thị Phương T – Sinh năm 1987; Con: có 02 con (lớn nhất sinh năm 2017, nhỏ nhất sinh năm 2021);
T1 án/tiền sự: Không
Hiện cư trú tại phường B, TP T, TP ..
141. Họ tên: NGUYỄN HIỀN D; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 02/02/1973 tại: N, Đ; Nơi thường trú + Chỗ ở: Ấp P, xã P, huyện N, tỉnh Đ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Số CMND/Thẻ CCCD/Hộ chiếu: 075073002058; Cấp ngày: 02/05/2022; Nơi cấp: Cục C9 về TTXH - Bộ C10; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV G ; hức vụ, đoàn thể, đảng phái: Không; Con ông: Nguyễn Văn T2, sinh năm: 1946, đã chết; Con bà: Lê Thị D1, sinh năm 1944. hiện ở P, N, Đ; Vợ: Bùi Thị H, sinh năm: 1977; Con: có 02 con (lớn nhất sinh năm 1999, nhỏ nhất sinh năm 2001);
T1 án/tiền sự: Không
Hiện cư trú tại xã P, N, Đ.
142. Họ tên: NGUYỄN HUY P; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 20/6/1973 tại: T, Đ; Nơi thường trú: 28/14/7 H, phường L, TP T, TP H; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh ;Tôn giáo: Thiên chúa; Số CMND/Thẻ CCCD/Hộ chiếu: 087073000208; Cấp ngày: 18/8/2022, nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH - Bộ C10; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Giám đốc; Nơi làm việc: Công ty TNHH Đ3; Chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Không; Con ông: Nguyễn Văn N, sinh năm: 1924. Đã chết; Con bà: Trần Thị R, sinh năm: 1929. Đã chết; Vợ: Phạm Thị Ngọc B, sinh năm: 1976 ;Con: có 02 con (lớn nhất sinh năm 2000, nhỏ nhất sinh năm 2007);
Tiền án, tiền sự: Không
Hiện cư trú tại phường L, TP T, TP H.
143. Họ tên: LÊ XUÂN L; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 02 tháng 02 năm 1982 tại: Hà Tĩnh; Nguyên quán: Hà Tĩnh; Nơi thường trú + Chỗ ở: số C, hẻm B, tổ B, khu V, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Số CMND/CCCD: 042082002347; cấp ngày 22 tháng 09 năm 2024; Nơi cấp: Bộ C10; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Giám đốc Công ty TNHH MTV K6; Con ông: Lê Xuân P1; Sinh năm: 1948; Con bà: Trần Thị C1; Sinh năm: 1949; Bố mẹ hiện ở xã Y, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; Vợ: Bùi Thị T3; Sinh năm: 1986; Con: có 06 con (lớn nhất sinh năm 2008,

nhỏ nhất sinh năm 2020);
Tiền án, tiền sự: Không
Hiện cư trú tại thị trấn L, huyện L, tỉnh Đ.
144. Họ tên: NGUYỄN HẢI S; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 03 tháng 01 năm 1978 tại: tỉnh Cần Thơ; Nơi thường trú: D545, khu phố D, phường L, TP ., tỉnh Đ; Nơi ở hiện tại: số nhà A, đường H, khu phố E, phường L, TP B, tỉnh Đ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Số CMND/CCCD: 091078014226; cấp ngày 23 tháng 03 năm 2022; Nơi cấp: Bộ C10; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Chủ tịch công ty kiêm Giám đốc Công ty TNHH P8; Con ông: Nguyễn Văn T4; Sinh năm 1936; (Đã chết); Con bà: Vũ Thị L1; Sinh năm 1943; Hiện ở số nhà A, đường H, khu phố E, phường L, TP B, tỉnh Đ; Vợ: Phạm Đình Quốc T5; Sinh năm: 1977; Con: có 03 con (lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm 2010);
Tiền án, tiền sự: Không
Hiện cư trú tại phường L, TP B, tỉnh Đ.
145. Họ tên: NGUYỄN VĂN H1; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 10 tháng 10 năm 1996 tại: tỉnh B; Nơi thường trú: xã M, huyện P, tỉnh B; Nơi ở hiện tại: 12/8 đường C phường P, TP ., TP .; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Số CMND/Thẻ CCCD/Hộ chiếu: 052096009878; cấp ngày 07 tháng 8 năm 2022. Nơi cấp: Bộ C10; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Giám đốc Công ty TNHH H21; Con ông: Nguyễn Khắc H2; Con bà: Nguyễn Thị Bích T6; Hiện bố mẹ ở thôn T, xã M, huyện P, tỉnh B.
Tiền án, tiền sự: Không
Hiện cư trú tại Phường P, TP ., TP ..
146. Họ tên: PHẠM PHÚ GIÁP; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 28 tháng 01 năm 1968 tại: Đà Nẵng; Nơi thường trú + Chỗ ở: 216 Lô A, C Hồ V, phường I, quận P, TP .; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Số CMND/Thẻ CCCD/Hộ chiếu: 048068000171; cấp ngày 22 tháng 12 năm 2021; Nơi cấp: Cục C11 – Bộ C10; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Giám đốc Công ty TNHH G1; Con ông: Phạm Xuân T7 (Đã chết); Con bà: Nguyễn Thị O (Đã chết).
Tiền án, tiền sự: Không
Hiện cư trú tại Phường I, quận P, TP ..
147. Họ tên: TRẦN VĂN T8; Tên gọi khác: Không có tên gọi khác; Giới tính: Nam; Sinh ngày 18 tháng 12 năm 1983 tại: tỉnh B; Hộ khẩu thường trú: : xã B, huyện T, tỉnh B; Chỗ ở hiện nay: Số D Đường số A, phường H, TP ., TP .; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Thẻ CCCD: 052083022772; cấp ngày 02 tháng 8 năm 2022; Nơi cấp: Cục C9 về TTXH; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Giám đốc điều hành Công ty TNHH T45; Con ông: Trần Văn T9; Sinh năm: 1947; Con bà: Nguyễn Thị H3; Sinh năm: 1954; Bố mẹ ở tại: xã B, huyện T, tỉnh B; Vợ: Trần Lê Thanh T10 – Sinh năm 1986; Con: có 02 con. Sinh năm 2016 (sinh đôi)
Tiền án/tiền sự: Không
Hiện cư trú tại phường H, TP ., TP ..

148. Họ tên: NGUYỄN THỊ TUYẾT S1; Tên gọi khác: Không có tên gọi khác; Giới tính: Nữ; Sinh ngày 14 tháng 04 năm 1978 tại: tỉnh B; Nơi thường trú + Chỗ ở: Số A, Chung cư Đ, Phường P, quận G, TP .; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Thẻ CCCD: 052178018729; cấp ngày 10 tháng 7 năm 2021; Nơi cấp: Cục C9 về TTXH; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Nguyên Giám đốc Công ty TNHH T45; Con ông: Nguyễn Thế K, Sinh năm: 1920 – Đã chết; Con bà: Nguyễn Thị K1; Sinh năm: 1937 – Đã chết; Chồng: Nguyễn Văn H4; Sinh năm 1975; Con: có 03 con (lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm 2018);
T1 án/tiền sự: Không
Hiện cư trú tại Phường P, quận G, TP ..
149. Họ tên: NGÔ PHONG H; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 07 tháng 09 năm 1970 tại: B; Nơi thường trú + Chỗ ở: 15.07 Chung cư N, khu phố B, phường P, quận G, TP H; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh ;Tôn giáo: Không; Số CMND/Thẻ CCCD/Hộ chiếu: 056070001997; Cấp ngày: 04/8/2022, nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH - Bộ C10; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Giám đốc; Nơi làm việc: Công ty TNHH V5; Chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Không; Con ông: Ngô Đăng S2 - Sinh năm: 1934 – Đã chết; Con bà: Lê Thị D2 - Sinh năm: 1940. Hiện ở phường N, TP Q, Q; Vợ: Lê Nguyễn Thùy U - Sinh năm: 1972; Con: có 02 con (lớn nhất sinh năm 2000, nhỏ nhất sinh năm 2007);
Tiền án, tiền sự: Không
Bị bắt, giữ từ ngày 03/11/2023 đến 12/11/2023. Hiện cư trú tại phường P, quận G, TP H.
150. Họ tên: T46; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 04 tháng 9 năm 1977 tại: tỉnh Bình Phước; Nơi thường trú + Chỗ ở: C N, p. Đ, quận A, thành phố H; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Số CCCD: 070077006199; cấp ngày 21 tháng 12 năm 2021; Nơi cấp: Cục C12 về TTXH; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Giám đốc Công ty TNHH A1; Con ông: Trần Phi L2, sinh năm: 1946; Con bà: Nguyễn Ngọc T11; Sinh năm: 1949; Bố mẹ hiện ở Cộng hòa liên bang Mỹ; Vợ: Nguyễn Thị Hoàng Y, Sinh năm: 1982; Con: có 03 con (lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2017);
Tiền án, tiền sự: Không.
Nhân thân: Bản án số 401/2012/HSST ngày 05/12/2012 của Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh B xét xử Trần Ngọc V Phan 6 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng, tính từ ngày 05/12/2012 về tội "Chống người thi hành công vụ". Bị can đã chấp hành xong hình phạt và nộp án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng.
Hiện cư trú tại phường Đ, quận A, TP H.
151. Họ tên: TRẦN CÔNG D3; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 01 tháng 01 năm 1967; tại: Tỉnh T; Nơi thường trú: Thị trấn N, huyện N, TP H; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Số CMND/CCCD: 038067009791; cấp ngày 10 tháng 7 năm 2021; Nơi cấp: Bộ C10; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Giám đốc Công ty TNHH D9; Con

ông: Trần Tấn T12; Sinh năm 1932 (đã chết); Con bà: Lê Thị V1; Sinh năm: 1940; Vợ: Lê Thị Kim D4; Sinh năm: 1973; Con: có 02 con (lớn nhất sinh năm 1999, nhỏ nhất sinh năm 2007);
Tiền án, tiền sự: Không
Hiện cư trú tại Thị trấn N, huyện N, TP H.
152. Họ tên: P9; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ; Sinh ngày 21 tháng 01 năm 1979 tại: tỉnh Long An; Nơi thường trú + Chỗ ở: 4 tổ F khu F, phường P, T.P T, B; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Số CMND/CCCD: 080179013396; cấp ngày 18 tháng 06 năm 2023; Nơi cấp: Bộ C10; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Giám đốc Công ty TNHH S7; Con ông: Phan Trọng T13; Sinh năm: 1957; Con bà: Nguyễn Thị C2; Sinh năm: 1959; Bố mẹ hiện ở V, V, Long An; Con: có 01 con (sinh năm 2018);
Tiền án, tiền sự: Không
Hiện cư trú tại phường P, T.P T, B.
153. Họ tên: NGUYỄN THANH T14; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ; Sinh ngày 10 tháng 02 năm 1989 tại: tỉnh B; Nơi thường trú + Chỗ ở: Số D, ấp L, xã H 3, huyện T, tỉnh Đ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Số CMND/CCCD: 074189003479; cấp ngày 27 tháng 08 năm 2022; Nơi cấp: Bộ C10; Trình độ học vấn: 11/12; Nghề nghiệp: Điều hành Công ty TNHH MTV P10; Con ông: Nguyễn Doãn H5; Sinh năm: 1958; Con bà: Bùi Thị D5; Sinh năm: 1957; Bố mẹ hiện ở phường H, TP ., tỉnh Đ; Chồng: Nguyễn Quốc T15; Sinh năm: 1989; Con: có 02 con (lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2016);
Tiền án, tiền sự: Không
Hiện cư trú tại xã H 3, huyện T, tỉnh Đ.
154. Họ tên: TRƯƠNG THỊ THẢO L3; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ; Sinh ngày: 28/12/1993 tại: Sóc Trăng; Nơi thường trú + Chỗ ở: KP C, M, B, B; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Số CMND/Thẻ CCCD/Hộ chiếu: 094193002219; Cấp ngày: 09/08/2022; Nơi cấp: Cục C9 về TTXH - Bộ C10.Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Giám đốc Công ty TNHH T47; Chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Không; Con ông: Trương Thanh Q, sinh năm: 1971. hiện ở P, T, Sóc Trăng; Con bà: Trần Thị T16, sinh năm: 1974. hiện ở M, B, B;
Tiền án, tiền sự: Không.
Hiện cư trú tại phường M, B, B.
Người bào chữa cho bị cáo Luật Sư Nguyễn Văn T17 - Văn phòng L14- Đoàn luật sư thành phố H (có mặt ngày 6.7/01/2025).
155. Họ tên: NGUYỄN VĂN N1; Tên gọi khác: Không có tên gọi khác;Giới tính: Nam; Sinh ngày 24 tháng 4 năm 1983 tại: tỉnh Trà Vinh; Nơi thường trú + Chỗ ở: C Lô B, dự án E, phường A, quận B, TP .; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Thẻ CCCD: 084083003690; cấp ngày 27 tháng 3 năm 2023; Nơi cấp: Cục C9 về TTXH; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Giám đốc Công ty TNHH T48; Con ông: Nguyễn Thành L4; Sinh năm: 1954; Con bà: Trần Thị S3; Sinh năm: 1958; Bố mẹ hiện ở tại: D, tỉnh Trà Vinh; Vợ:

Trần Thị Như M; Sinh năm 1993; Con trai: Nguyễn Anh K2; Sinh năm 2017.
Tiền án/tiền sự: Không
Hiện cư trú tại phường A, quận B, TP ..
156. Họ tên: HOÀNG KIM T18; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh 20 tháng 02 năm 1989 tại: Hải Phòng; Nơi thường trú + Chỗ ở: xã B, huyện P, Bình Phước; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Số CMND/CCCD: 031089012743; cấp ngày 29 tháng 03 năm 2021; Nơi cấp: Bộ C10; Trình độ học vấn: 03/12; Nghề nghiệp: Giám đốc Công ty CP Đ4; Con ông: Hoàng Kim T19; Sinh năm: 1962; Đã chết; Con bà: Nguyễn Thị T20; Sinh năm: 1964; Hiện ở xã B, huyện P, Bình Phước; Vợ: Nguyễn Thị S4; Sinh năm: 1992; Con: có 03 con (lớn nhất sinh năm 2016, nhỏ nhất sinh năm 2022);
Tiền án, tiền sự: Không;
Hiện cư trú tại xã B, huyện P, Bình Phước
157. Họ tên: N10; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 20 tháng 10 năm 1992 tại: Bình Phước; Nơi thường trú + Chỗ ở: KP P, phường P, T.X P, tỉnh Bình Phước; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Số CMND/CCCD: 070092001592; cấp ngày 09 tháng 04 năm 2021; Nơi cấp: Bộ C10; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Kế toán Công ty CP Đ4; Con ông: Nguyễn Mạnh H6; Sinh năm: 1958; Con bà: Nguyễn Thị Q1; Sinh năm: 1960; Bố mẹ hiện ở KP P, phường P, T.X P, tỉnh Bình Phước; Vợ: Hà Thị N2 ; Sinh năm: 1992; Con: có 01 con (sinh năm 2021);
Tiền án, tiền sự: Không
Hiện cư trú tại phường P, T.X P, tỉnh Bình Phước.
158. Họ tên: LƯƠNG THANH V; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ; Sinh ngày 28 tháng 02 năm 1978 tại: Đ; Nơi thường trú + Chỗ ở: 1 khu phố C, phường Q, TP B, Đ; Quốc tịch: Việt Nam ;Dân tộc: Kinh ;Tôn giáo: Không; Số CMND/Thẻ CCCD/Hộ chiếu: 075178007401; Cấp ngày: 08/9/2022, nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH - Bộ C10; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Phó Giám đốc; Nơi làm việc: Công ty TNHH một thành viên S8; Chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Không; Con ông: Lương Thế V2, sinh năm: 1952; Con bà: Trần Thị H7, sinh năm: 1955; Hiện bố mẹ cư trú tại nước Mỹ; Chồng: Nguyễn Đức T21, sinh năm: 1976; Con: có 03 con (lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2007);
Tiền án, tiền sự: Không
Hiện cư trú tại phường Q, TP B, Đ
159. Họ tên: NGUYỄN ĐÌNH T22; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 02/7/1976 tại: H, TP H; Nơi thường trú + Chỗ ở: 6 T, xã T, huyện H, TP H; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Số CMND/Thẻ CCCD/Hộ chiếu: 079076025717; Cấp ngày: 01/05/2021; Nơi cấp: Cục C9 về TTXH - Bộ C10; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Giám đốc Công ty TNHH S9; Chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Không; Con ông: Nguyễn Văn T23, sinh năm: 1943; Con bà: Nguyễn Thị S5, sinh năm: 1947; Bố mẹ hiện ở T, H, TP H; Vợ: Trần Thị Đ, sinh năm: 1981; Con: có 02 con (lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2006);

Tiền án, tiền sự: Không.
Hiện cư trú tại xã T, huyện H, TP H.
160. Họ tên: LÊ THANH P2; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 27 tháng 07 năm 1980 tại: TP H; Nơi thường trú: tổ C, ấp B, xã Đ, huyện D, tỉnh B; Nơi ở hiện tại: số B đường H, phường V, TP T, tỉnh B; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Số CMND/CCCD: 074080008685; cấp ngày 28 tháng 06 năm 2021; Nơi cấp: Bộ C10; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Giám đốc Công ty TNHH Đ5; Con ông: Lê Văn X; Sinh năm: 1952; Con bà: Nguyễn Thị C3; Sinh năm: 1956; Bố mẹ hiện ở tổ C, ấp B, xã Đ, huyện D, tỉnh B. Vợ 1: Nguyễn Thị Hồng L5; Sinh năm: 1981; (Đã ly hôn); Con: có 02 con (lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2013); Vợ 2: Lê Thị Mỹ T24; Sinh năm: 1983; (chưa đăng ký kết hôn chung sống với nhau từ năm 2019 cho đến nay); Con: có 02 con (lớn nhất sinh năm 2019, nhỏ nhất sinh năm 2022);
Tiền án, tiền sự: Không
Hiện cư trú tại phường V, TP T, tỉnh B.
161. Họ tên: ĐOÀN KHẮC P; Tên gọi khác: Không. Giới tính: Nam; Sinh ngày 07 tháng 5 năm 1982 tại: Đ; Nơi thường trú: Ấp B, xã X, huyện C, Đ ; Nơi ở hiện tại: 327/9 Nguyễn Tri P3, KP N, p. D, TP ., B; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Số CCCD: 075082004286; cấp ngày 19 tháng 8 năm 2022; Nơi cấp: Cục C12 về TTXH; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Giám đốc Công ty TNHH C13; Con ông: Đoàn Khắc P4; Sinh năm: 1957 (đã mất); Con bà: Lưu Thị L6; Sinh năm: 1956; Hiện ở C, Đ; Vợ: Trần Thị Kim P5; Sinh năm 1984; Con: có 02 con (lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2019);
Tiền án, tiền sự: Không
Hiện cư trú tại phường D, TP ., B.
162. Họ tên: LÊ NGUYỄN MINH T25; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ; Sinh ngày 17 tháng 05 năm 1997 tại: T; Nơi thường trú: Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh T; Nơi ở hiện tại: E, ấp C đường X, xã X, huyện H, thành phố H; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Số CMND/CCCD: 082197004785; cấp ngày 10 tháng 02 năm 2022; Nơi cấp: Bộ C10; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Nguyên Giám đốc Công ty TNHH T49; Con ông: Lê Văn H8; Sinh năm: 1965; Con bà: Nguyễn Thị T26; Sinh năm: 1975; Bố mẹ hiện ở xã H, huyện C, tỉnh T; Chồng: Hồ P6; Sinh năm: 1989; Đã chết; Con: có 02 con (lớn nhất sinh năm 2017, nhỏ nhất sinh năm 2020);
Tiền án, tiền sự: Không
Hiện cư trú tại xã X, huyện H, tp H
163. Họ tên: NGUYỄN HOÀNG L7; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 21 tháng 12 năm 1983 tại: L - G - K; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nơi thường trú + Chỗ ở: số B, đường N, P, xã P, C, TP H; Số CMND/Thẻ CCCD/Hộ chiếu: 091083022937; cấp ngày 12 tháng 02 năm 2023; Nơi cấp: Bộ C10; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Giám đốc Công ty TNHH S10; Con ông: Nguyễn Văn C4 – Đã Chết; Con bà : Hà Thị T27 – Sinh năm 1953, ở tại: L - G - K; Vợ: Từ Như Ý –

Sinh năm 1992; ở tại: B N, P, P, C, TP HCM; Nghề nghiệp; Lao động tự do; Con: có 02 con (lớn nhất sinh năm 2018, nhỏ nhất sinh năm 2020);
Tiền án, tiền sự: Không
Hiện cư trú tại xã P, C, TP H.
164. Họ tên: TRẦN NHỰT H; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 29 tháng 5 năm 1982 tại: TP .; Nơi thường trú + Chỗ ở: 2 N, phường H, Quận P, TP .; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Số CMND/Thẻ CCCD/Hộ chiếu: 079082016743; cấp ngày 27 tháng 03 năm 2021; Nơi cấp: Cục C11 – Bộ C10. Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Giám đốc Phòng cung ứng - Công ty cổ phần N11; Con ông: Trần Văn M1 (Đã chết); Con bà: Đoàn Thị T28 (Đã chết);Vợ: Văn Thị Phương L8;
Tiền án, tiền sự: Không
Hiện cư trú tại Phường H, quận P, TP ..
165. Họ tên: TRẦN MINH H9; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 08/ 8/1990 tại: TP . - T, N; Nơi thường trú: KP1 Đ, TP P - T, tỉnh N; Nơi ở hiện tại: 515 H, phường B, quận B, TP .; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Số CMND/Thẻ CCCD/Hộ chiếu: 058090004094; cấp ngày 05 tháng 6 năm 2022. Nơi cấp: Bộ C10; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Trưởng phòng mua hàng Công ty cổ phần N11; Con ông: Trần Minh Đ1; Con bà: Đặng Thị S6; Hiện bố mẹ ở KP1 Đ, TP . - T, tỉnh N.
Tiền án, tiền sự: Không
Hiện cư trú tại Phường T, quận T, TP ..
166. Họ tên: TRẦN THANH H10; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 26 tháng 11 năm 1989 tại: TP .; Nơi thường trú + Chỗ ở: B2, C L, phường T, quận T, TP .; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Số CMND/Thẻ CCCD/Hộ chiếu: 052089011897; cấp ngày 09 tháng 07 năm 2022; Nơi cấp: Cục C11 – Bộ C10; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Nhân viên Công ty CP N11; Con ông: Trần Giỏi . Hiện ở H, TP ., tỉnh B; Con bà: Đặng Thị C5 (Đã chết).
Tiền án, tiền sự: Không
Hiện cư trú tại Phường T, quận T, TP ..
167. Họ tên: PHAN THANH H11; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 22 tháng 12 năm 1985 tại: TP H; Nơi thường trú + Chỗ ở: 64 T, KP D, T, Quận G, TP H; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Số CMND/Thẻ CCCD/Hộ chiếu: 079085006246; Cấp ngày 04 tháng 11 năm 20Nơi cấp: Cục C9 về TTXH - Bộ C10; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV T50; Con ông: Phan Văn T29, sinh năm: 1957; Con bà: Nguyễn Thị L9, sinh năm: 1958; Vợ: Vũ Thị Hoàng D6, sinh năm: 1989; Con: có 01 con (sinh năm 2013);
Tiền án, tiền sự: Không.
Hiện cư trú tại Phường T, Quận G, TP H.
168. Họ tên: NGUYỄN THỊ HỒNG N3; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ; Sinh ngày 05 tháng 8 năm 1983; tại: tỉnh T; Nơi thường trú + Chỗ ở: 705/69/73 Đại Lộ B, tổ G, Khu phố C, phường C, TP ., tỉnh B; Quốc tịch: Việt Nam; Dân

tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Thẻ CCCD: 072183015567; cấp ngày 16 tháng 9 năm 2021; Nơi cấp: Cục C9 về TTXH; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Giám đốc Công ty TNHH N12; Con ông: Nguyễn Tấn L10; Sinh năm: 1950; Con bà: Trần Thị T30; Sinh năm: 1955; Bố mẹ ở tại: Hiện ở: xóm Đ, xã T, huyện G, tỉnh T; Chồng: Trần Văn H12; Sinh năm 1980; Con: có 02 con (lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2014);
T1 án/tiền sự: Không
Hiện cư trú tại Khu phố C, phường C, TP ., tỉnh B.

169. Họ tên: NGUYỄN ĐÌNH T31; Giới tính: Nam; Sinh ngày 15 tháng 01 năm 1985 tại: Quận D - TP H; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nơi thường trú + Chỗ ở: 7 T, Phường A, Quận D,TP H; Số CMND/Thẻ CCCD/Hộ chiếu: 079085027320; cấp ngày 10 tháng 07 năm 2021; Nơi cấp: Bộ C10; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Giám đốc Công ty TNHH T51; Con ông: Nguyễn Đình T32 – Sinh năm 1961; Con bà: Trần Thị Ngọc T33 – 1961; Bố mẹ ở tại: 7 T, Phường A, Quận D,TP H; Vợ: Võ Anh Diễm K3 – Sinh năm 1981; HKTT: B T, Phường A, Quận D,TP H; Nghề nghiệp; Lao động tự do; Con: có 02 con (lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2014)
Tiền án, tiền sự: Không.
Hiện cư trú tại Phường A, Quận D,TP H.

170. Họ tên: TRẦN BÌNH P7; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 23 tháng 06 năm 1987 tại: TP H; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Hoa; Tôn giáo: Phật giáo; Nơi thường trú + Chỗ ở: A H, phường H, Quận A, TP H; Số CMND/Thẻ CCCD/Hộ chiếu: 079087027343; cấp ngày 17 tháng 12 năm 2021; Nơi cấp:Bộ C10; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Giám đốc Công ty TNHH MTV N13; Con ông: Trần Văn N4 - Sinh năm 1963; Con bà: Tô Thị Yến N5 – 1965; Bố mẹ ở tại: A H, phường H, Quận A, TP H; Vợ: Tống Thị Thu N6 – Sinh năm 1987; ở tại: A H, phường H, Quận A, TP H; Nghề nghiệp; Lao động tự do; Con: có 02 con (lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2011);
Tiền án, tiền sự: Không
Hiện cư trú tại phường H, Quận A, TP H.

171. Họ tên: LÊ THỊ T34; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ; Sinh ngày 07 tháng 03 năm 1977 tại: D - Đ; Nơi thường trú + Chỗ ở: Tổ C, khu phố C, phường T, TP B, Đ; Nơi ở hiện tại: Tổ C, khu phố C, phường T, TP B, Đ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh ;Tôn giáo: Không; Số thẻ CCCD: 075177012633 cấp ngày 02 tháng 5 năm 2022; Nơi cấp: Bộ C10; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Kế toán trưởng; Nơi làm việc: Công ty TNHH V6; Chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Không; Con ông: Lê Văn R1, sinh năm 1947 – Đã chết; Con bà: Nguyễn Thị H13, sinh năm 1951. Hiện ở phường Q, TP B, Đ; Chồng: Lê Quốc K4 ,sinh năm 1959; Con: có 02con (lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2017);
Tiền án, tiền sự: Không;
Hiện cư trú tại phường T, TP B, Đ.

- Các bị cáo Phạm Văn C6, Nguyễn Kim H14, Lê Gia H15, Bùi Quốc T35, Ngô Văn T36, Nguyễn Tín T37, Nguyễn Thị H16, Phan Văn T38, Võ Văn Quốc

H17, Trần N7, Huỳnh Hữu T39, Nguyễn Thành C7, Nguyễn Đình T22 – có mặt tại phiên tòa.
- Các bị cáo còn lại vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 14/10/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh P ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự số 73 để điều tra về hành vi "Mua, bán trái phép hóa đơn" và "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức; Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan tổ chức" xảy ra tại tỉnh P và nhiều tỉnh, thành trên cả nước. Kết thúc quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra có đủ căn cứ kết luận:

Trong thời gian từ tháng 12/2020 đến tháng 10/2022, Nguyễn Minh T40, sinh năm 1992, địa chỉ: phường T, T, TP H đã thông qua Nguyễn Thị H16, sinh năm 1988 ở N, T, H và 02 cá nhân tên là K5 và V3 (không xác định được danh tính) để mua **646** doanh nghiệp *(có phụ lục 1 kèm theo)*, trong đó T40 thông qua Huế mua hơn 300 doanh nghiệp với chi phí từ 50 - 60 triệu đồng/doanh nghiệp *(bao gồm: Phí chuyển nhượng, sang tên Công ty; Phí thuê trụ sở treo biển Công ty; Phí đăng ký chữ ký số; Phí mua dịch vụ hóa đơn điện tử; Phí mở tài khoản ngân hàng và tiền phí làm con dấu mới)*.

Nguyễn Minh T40 đã trực tiếp và thông qua các đối tượng trung gian (F1) sử dụng 646 công ty để bán **1.025.712** hóa đơn giá trị gia tăng (viết tắt là GTGT) cho **88.053** đơn vị, tổ chức với tổng doanh số là **63.762.282.612.727 đồng.** Căn cứ dữ liệu hóa đơn điện tử thu thập được xác định: Trong tổng số F1 đã giúp sức cho T40 bán hóa đơn GTGT, T40 theo dõi "Mã khách hàng" của 73 cá nhân trung gian (F1) đã bán 593.610/1.025.712 hóa đơn với tổng doanh số là 47.871.155.382.494 đồng, còn lại một số cá nhân trung gian khác (doanh số thấp, T40 không nhớ tên và không theo dõi "Mã khách hàng") đã bán 432.102/1.025.712 hóa đơn với doanh số là 15.891.127.230.233 đồng.

Cơ quan điều tra đã khởi tố 101 bị can, trong đó: Khởi tố bị can đối với đối tượng cầm đầu là Nguyễn Minh T40 về tội "*Mua, bán trái phép hóa đơn" và "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức; Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan tổ chức",* còn lại 99 bị can là các đối tượng trung gian F1, F2 (06 đối tượng trung gian F1; 02 đối tượng trung gian F2) và các Giám đốc, kế toán của đơn vị mua, sử dụng hóa đơn bị khởi tố về tội *"Mua bán trái phép hóa đơn"* và *"Trốn thuế"*.

Kết thúc điều tra, Cơ quan điều tra đề nghị truy tố, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P truy tố, Tòa án Nhân dân tỉnh P xét xử giai đoạn 1 tổng số 100 bị can (gồm Nguyễn Minh T40, Võ Tấn L11, 08 đối tượng trung gian (F1, F2) (trong đó 06 đối tượng trung gian F1; 02 đối tượng trung gian F2) và 90 cá nhân là Giám đốc, kế toán của 90 Doanh nghiệp) trước pháp luật (còn 01 bị can là Võ Văn Quốc H17 - Giám đốc Công ty TNHH T52 tiếp tục điều tra truy tố sau khi tách vụ án hình sự).

Vì số lượng đối tượng trung gian và đơn vị mua, sử dụng hóa đơn của Nguyễn Minh T40 là rất lớn trên địa bàn cả nước nên hết thời hạn điều tra vụ án, cơ quan

điều tra chưa thể xác minh làm rõ. Cụ thể: Còn 67 đối tượng trung gian F1; 87.963 đơn vị, doanh nghiệp có địa chỉ trên các tỉnh thành cả nước và các đối tượng là F2, F3…Xét thấy việc tách vụ án hình sự không ảnh hưởng đến sự thật khách quan của vụ án và không ảnh hưởng đến việc truy tố, xét xử các bị can trong vụ án, nên ngày 16/8/2023, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định tách vụ án hình sự số 08 và Quyết định khởi tố vụ án hình sự số 67A để xác minh điều tra, làm rõ hành vi phạm tội của 171 bị can phạm tội *"Trốn thuế"* và *"Mua bán trái phép hóa đơn"* của các đối tượng trung gian F1, F2…và tại các đơn vị, doanh nghiệp M3, sử dụng hóa đơn GTGT của Nguyễn Minh T40.

Sau khi tách vụ án hình sự, kết quả điều tra đến nay như sau:

I. HÀNH VI ĐỒNG PHẠM GIÚP SỨC CHO NGUYỄN MINH T40

1. Hành vi phạm tội của Nguyễn Thị H16 - Sinh năm 1989, NHKTT: Số B, N, N, T, H. Nơi ở hiện tại: LK44, ngõ D, phố N, phường M, thành phố H.

Khoảng đầu năm 2021, thông qua mạng xã hội, Nguyễn Minh T40 liên hệ với H16 để thuê Huế làm thủ tục mua, bán, chuyển nhượng, thay đổi người đại diện pháp luật; Đăng ký doanh nghiệp; Đăng ký chữ ký số; Mua phần mềm dịch vụ hóa đơn điện tử; Mở tài khoản ngân hàng và L12 con dấu, rồi chuyển Doanh nghiệp cho T40 sử dụng để bán trái phép hóa đơn.

Trong thời gian từ tháng 4/2021 đến tháng 10/2022, H16 đã liên hệ mua 303 doanh nghiệp và làm các thủ tục theo yêu cầu của Nguyễn Minh T40, rồi bán cho T40 với chi phí từ 50 triệu đến 60 triệu đồng/01 doanh nghiệp bao gồm: Các chi phí chuyển nhượng, sang tên công ty; phí thuê trụ sở treo biển công ty; phí đăng ký chữ ký số; Phí mua phần mềm dịch vụ hóa đơn điện tử; Phí mở tài khoản ngân hàng; Phí làm dấu mới. Đồng thời T40 cũng thuê H16 làm thủ tục đăng ký hoạt động cho khoảng 200 doanh nghiệp do T40 mua trước đó của 02 cá nhân tên "K5" và "V3" (chưa xác định được danh tính) nhưng đang ở tình trạng ngừng hoạt động hoặc chưa đầy đủ thủ tục để hoạt động. Sau khi Nguyễn Thị H16 thực hiện xong các thủ tục nêu trên, Huế đã chuyển lại các Công ty cho T40 để T40 sử dụng bán trái phép hóa đơn.

Để tránh sự phát hiện của các cơ quan quản lý Nhà nước, T40 trao đổi và thống nhất với H16 về việc kê khai thuế cho các Công ty "ma" của T40. Với mục đích giảm số thuế phải nộp, T40 đã thống nhất với H16 kê khai giảm doanh số bán ra so với thực tế tổng doanh số hóa đơn GTGT khống đã phát hành, tự kê khai khống doanh số mua vào (thực tế không phát sinh doanh số mua vào) sao cho số thuế GTGT phải nộp dưới 10.000.000 đồng. Ngoài ra, khi thấy các Công ty của T40 có dấu hiệu rủi ro, Huế đã thực hiện thủ tục chuyển địa chỉ kinh doanh, ngừng hoạt động, đóng mã số thuế.

Theo thỏa thuận, để thực hiện các thủ tục nêu trên, H16 đã làm thủ tục và bán cho T40 hơn 300 doanh nghiệp, T40 đã trả cho H16 tổng số tiền là: **31.613.687.959 đồng**. *(Số tiền này được Nguyễn Minh T40 chuyển từ số tài khoản 105000826393 đứng tên Lê Trung T41 và 109000844308 đứng tên Trần Tùng V4 mở tại ngân hàng PV C14 đến các tài khoản do H16 quản lý sử dụng gồm: Tài khoản số 1052290051019 đứng tên Huế mở tại ngân hàng T53; tài khoản số 1007753799 đứng tên Huế mở tại Ngân hàng S11; tài khoản số*

24926567 đứng tên Lê Thị N8 và tài khoản số 27829807 đứng tên Trần Thị N9 đều mở tại ngân hàng A2).

Ngoài ra H16 còn chỉ đạo các nhân viên Nguyễn Thùy Nhật A, Tài Thị Kim L13, Nguyễn Văn Đ2 (Nhân viên Công ty L15 do H16 làm Giám đốc) ký giả chữ ký của người đại diện theo pháp luật để làm thủ tục thay đổi người đại diện theo pháp luật; hồ sơ mở tài khoản ngân hàng… Cơ quan Điều tra sẽ tiếp tục xác minh làm rõ hành vi của các đối tượng liên quan sau khi tách vụ án.

Do đó, Nguyễn Thị H16 đồng phạm với Nguyễn Minh T40 về tội ***"Mua bán trái phép hóa đơn"***quy định tại khoản 2, Điều 203 Bộ luật Hình sự.

Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, làm rõ hành vi của đối tượng tên "K5" và "V3" đã giúp T40 mua các doanh nghiệp sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.

II. HÀNH VI MUA BÁN TRÁI PHÉP HÓA ĐƠN GTGT CỦA CÁC BỊ CÁO TRUNG GIAN F1

1. Ngô Thị Lệ T42- Sinh năm 1984; HKTT: phường H, quận A, TP .; đã bán 2.062 hóa đơn GTGT với doanh số 108.521.121.661 đồng, hưởng lợi số tiền: 240.398.000 đồng, cụ thể:

Ngô Thị Lệ T42 có tên "Mã khách hàng" là "Chị T42". Trong năm 2021, 2022, Nguyễn Minh T40 đã thông qua T42 để bán tổng số 2062 hóa đơn cho 228 đơn vị với tổng doanh số là 108.521.121.661 đồng (Trong đó tiền hàng là 98.655.565.146 đồng).

Theo thỏa thuận, T42 sẽ thu tiền bán hóa đơn của khách hàng là 3% doanh số tiền hàng chưa bao gồm thuế GTGT tương đương 2.959.666.954 đồng, T42 phải chuyển cho T40 1% tương đương số tiền 986.555.651 đồng, còn lại T42 sẽ được hưởng lợi 2% tương đương 1.973.111.303 đồng. Tuy nhiên, trên thực tế T42 chỉ mới chuyển khoản cho Nguyễn Minh T40 số tiền là 120.199.000 đồng (do các Công ty mua hóa đơn chưa thanh toán hoặc thanh toán chưa hết phí mua hóa đơn cho T42). Các công ty mua hóa đơn đã trả cho T42 số tiền 240.398.000 đồng.

Do đó, Ngô Thị Lệ T42 "Mua bán trái phép" 2.062 hóa đơn GTGT của Nguyễn Minh T40, được hưởng lợi số tiền 240.398.000 đồng.

Trong số 228 đơn vị đã mua hóa đơn của Nguyễn Minh T40 thông qua Ngô Thị Lệ T42, Cơ quan điều tra đã xác minh làm rõ 02 đơn vị gồm: Công ty TNHH T52 do Võ Văn Quốc H17 làm Giám đốc (là bị can trong vụ án đã khởi tố giai đoạn 1, hiện là bị can đang giải quyết trong vụ án) và Công ty TNHH T54 do Nguyễn Thị Thùy D7 làm giám đốc (đã truy tố, xét xử ở giai đoạn 1).

Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ hành vi của 226 đơn vị đã mua hóa đơn GTGT trái phép thông qua Ngô Thị Lệ T42 sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.

2. Phan Văn T38 - Sinh năm 1991; HKTT: Tổ 4 ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Đ; đã bán tổng số 1.504 hóa đơn GTGT với tổng doanh số 87.203.194.367 đồng, hưởng lợi bất chính tổng số tiền là 373.646.286 đồng.

Lê Quốc H18 - Giám đốc Công ty TNHH T55 (viết tắt là Công ty T55), Bùi Anh T43 - Giám đốc Công ty cổ phần T56 (viết tắt là Công ty T56)

và Nguyễn Thanh T44 - Kế toán Công ty T55 và Công ty T56 đã bị khởi tố, truy tố, xét xử về tội "Mua bán trái phép hóa đơn" ở giai đoạn 1.
Trong năm 2021, 2022, để hợp thức hóa đơn đầu vào cho Công ty T55 và Công ty T56, H18 và T43 đã giao cho T44 mua hóa đơn trái phép. T44 đã thông qua T38 để mua **76** hóa đơn GTGT khống với tổng doanh số **18.215.083.781** đồng cho Công ty T56 (51 hóa đơn với tổng doanh số là 6.487.133.571 đồng) và Công ty TNHH T55 (25 hóa đơn với tổng doanh số là 11.727.950.210 đồng). Theo thỏa thuận, T44 phải trả cho T38 số tiền tương đương 2% giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn. Sau khi thống nhất với T44, T38 đã thông qua một cá nhân tên "B1" (Chưa xác định được danh tính) để mua **76** hóa đơn nêu trên của Nguyễn Minh T40 rồi bán cho Công ty T55 và Công ty T56. T38 trả cho "B1" số tiền tương đương 1,5% giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn, còn lại số tiền 0,5% T38 là người được hưởng. Tuy nhiên, T44 và T38 chưa tiến hành chuyển khoản hợp thức 76 hóa đơn nêu trên do T38không liên hệ được với cá nhân tên "B1". Do vậy, T44 mới ứng số tiền 230.000.000 đồng tiền mua hóa đơn để trả cho T38. T38 được hưởng số tiền **57.500.000 đồng** (0,5%) từ việc bán 76 hóa đơn cho Công ty T55 và Công ty T56.
Ngoài việc bán 76 hóa đơn cho Công ty T55 và Công ty T56, T38 còn bán **1.428** hóa đơn GTGT khống với tổng doanh số **68.988.110.586 đồng** (trong đó tiền hàng là 63.229.257.287 đồng) cho 62 đơn vị, doanh nghiệp , lợi bất chính số tiền 316.146.286 đồng.
Do đó, Phan Văn T38 có hành vi "Mua bán trái phép" tổng số **1.504** hóa đơn GTGT với tổng doanh số **87.203.194.367 đồng**, hưởng lợi bất chính tổng số tiền là **373.646.286 đồng.**
Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, làm rõ hành vi của đối tượng "Bình" và 62 đơn vị, doanh nghiệp đã mua hóa đơn GTGT trái phép của T38 sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.
3. Huỳnh Nguyễn Gia H19 - Sinh năm 1995; Nơi thường trú: E1/56A, tổ G, ấp E, xã H, huyện B, TP H.
Công ty TNHH C15 (viết tắt là Công ty C15) do Nguyễn Văn H20là người trực tiếp quản lý và điều hành (Công ty C15 và Nguyễn Văn H20 được nêu cụ thể ở phần sau).
Trong năm 2022, Công ty C15 đã mua hàng hóa của các cá nhân và cơ sở kinh doanh nhỏ lẻ để phục vụ kinh doanh (đến nay không xác định được danh tính, địa chỉ của các cá nhân và cơ sở kinh doanh nêu trên), nhưng sau khi nhận hàng, bên bán hàng không xuất được hóa đơn GTGT cho Công ty để kê khai thuế. Để chứng minh nguồn gốc hàng hóa đã mua, H20 đã liên hệ với H19 để mua 61 hóa đơn GTGT của 08 Công ty gồm: Công ty TNHH Đ6 (16 hóa đơn); Công ty TNHH D10 (03 hóa đơn); Công ty TNHH Đ7 (06 hóa đơn); Công ty TNHH I (03 hóa đơn); Công ty TNHH S12 (09 hóa đơn); Công ty TNHH S13 (03 hóa đơn); Công ty TNHH S14 (12 hóa đơn); Công ty TNHH T57 (09 hóa đơn) cho Công ty C15 với tổng giá trị là 54.048.881.880 đồng (trong đó: tiền hàng hóa: 49.775.886.000 đồng; tiền thuế GTGT 4.272.995.880 đồng). 08 Công ty này do Nguyễn Minh T40 thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT.

Theo thỏa thuận, H20 phải trả cho H19 số tiền tương đương 3% giá trị hàng hóa ghi trên hóa đơn. Sau khi thống nhất với H20, H19 đã liên hệ với cá nhân tên "D8" (chưa xác định được danh tính) để mua hóa đơn của Nguyễn Minh T40. H19 thỏa thuận trả cho D8 số tiền mua hóa đơn là 2,8% giá trị tiền hàng.
Để hợp thức thủ tục thanh toán qua ngân hàng cho các hóa đơn: H20 chuyển tiền từ tài khoản của Công ty C15 đến 08 Công ty bán hóa đơn nêu trên. Sau khi nhận được tiền, H19 trừ tiền mua hóa đơn 3% giá trị hàng hóa ghi trên hóa đơn chưa có thuế GTGT, tiền còn thừa H19 chuyển khoản lại tài khoản cá nhân Hòa. Hoặc H19 chuyển tiền vào tài khoản cá nhân của H20 để H20 chuyển tiền vào tài khoản Công ty C15 rồi chuyển tiền đến 08 Công ty bán hóa đơn nêu trên. Sau khi nhận được tiền, H20 thanh toán tiền mua hóa đơn 3% giá trị hàng hóa ghi trên hóa đơn chưa có thuế GTGT cho H19 bằng tiền mặt và chuyển khoản. Trong tổng số 61 hóa đơn GTGT khống nêu trên, H20mới thực hiện việc chuyển khoản hợp thức 35 hóa đơn với doanh số là 24.076.185.563 đồng. H20 mới trả số tiền mua hóa đơn là 686.826.809 đồng cho H19. H19 được hưởng số tiền 45.788.454 đồng (0,2%); H19 trả cho D8 số tiền 641.038.355 đồng (2,8%).
Ngoài ra, H19 còn bán 18 hóa đơn GTGT khống do Công ty của Nguyễn Minh T40 phát hành cho Công ty TNHH S15 (Việt Nam) với doanh số 117.923.600 đồng (trong đó: tiền hàng 108.432.000 đồng; tiền thuế GTGT: 9.491.600 đồng), hưởng lợi bất chính số tiền **216.864 đồng**.
Do đó, Huỳnh Nguyễn Gia H19 đã có hành vi "Mua bán trái phép" 79 hóa đơn GTGT của Nguyễn Minh T40 với tổng doanh số là **24.194.120.955 đồng,** hưởng lợi bất chính số tiền **46.005.318 đồng.**
Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, làm rõ hành vi của đối tượng "Duy" và Công ty TNHH S15 (Việt Nam) sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.

III. HÀNH VI TRỐN THUẾ CỦA 9 BỊ CÁO LÀ GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH TẠI CÁC CÔNG TY, CỤ THỂ NHƯ SAU:

1. Phạm Văn C6- Sinh năm 1989; Nơi thường trú: ấp T, xã S, D, T; Chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH MTV T58 (viết tắt là Công ty T58); Là người đại diện theo pháp luật; Ngành nghề kinh doanh: xây dựng công trình.
Công ty T58 được Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh T cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3901309769, đăng ký lần đầu ngày 07/01/2021, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 10/01/2023; Địa chỉ trụ sở chính: T, xã S, huyện D, tỉnh T.
Năm 2021 và 2022, Công ty T58 mua nguyên, vật liệu của của các cá nhân, cửa hàng nhỏ lẻ ở nhiều địa chỉ khác nhau (đến nay không xác định được danh tính, địa chỉ). Công ty đã thanh toán cả tiền hàng và tiền thuế cho người bán nhưng vì các cá nhân không thể phát hành được hóa đơn, nên để có hóa đơn GTGT chứng minh nguồn gốc hàng hóa mua vào C6 đã liên hệ với một người phụ nữ tên "M2" (đến nay chưa xác định được danh tính) để mua 47 hóa đơn của 09 công ty gồm: Công ty TNHH Đ8; Công ty TNHH T59; Công ty TNHH T60; Công ty TNHH T61; Công ty TNHH T56; Công ty TNHH Đ9; Công ty TNHH X1; Công ty TNHH K7; Công ty TNHH T62 (09 Công ty đều do Nguyễn Minh T40 sử dụng để bán hóa đơn) với tổng doanh số là 25.065.222.369 đồng (trong đó tiền

hàng là 22.786.565.790 đồng, tiền thuế là 2.278.565.579 đồng).
Theo thoả thuận, C6 phải trả cho người bán hóa đơn số tiền tương đương 6% giá trị tiền hàng ghi trên hoá đơn, theo nhận thức của C6 thì số tiền này là tiền thuế GTGT người bán hóa đơn sẽ nộp NSNN.
Để hợp thức thủ tục thanh toán qua ngân hàng cho các hoá đơn, thì bên bán hóa đơn sẽ chuyển số tiền tương ứng với 96% giá trị hóa đơn cần thanh toán đến tài khoản cá nhân số 17359147 của C6 mở tại Ngân hàng A2 để C6 chuyển số tiền này vào tài khoản số 260688688 của Công ty T58 mở tại Ngân hàng A2, C6 phải bù thêm số tiền tương đương với 4% (là tiền mua hóa đơn phải trả) rồi mới chuyển khoản đến tài khoản công ty bán hóa đơn. Để mua 47 hóa đơn, C6 đã trả người bán tổng số tiền là 911.462.631 đ (tương đương với 4%).
Sau khi mua 47 hóa đơn GTGT nêu trên, Công ty T58 đã sử dụng kê khai thuế GTGT đầu vào với C8 thuế khu vực H - D tỉnh T.
Ngày 10/04/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P có Quyết định trưng cầu giám định số 1550/QĐ-CSKT trưng cầu Cục thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm về pháp luật thuế đối với Công ty T58.
Tại Kết luận giám định ngày 10/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận:
"Việc Công ty TNHH MTV T58sử dụng không hợp pháp hóa đơn (hóa đơn khống) để kê khai khấu trừ thuế GTGT làm giảm số thuế GTGT phải nộp, tăng số thuế được khấu trừ là hành vi trốn thuế".

"Với hành vi trốn thuế theo quy định tại Điều 143 Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14 nêu trên, thì: Công ty TNHH MTV T58phải nộp(truy thu) đủ số tiền thuế GTGT trốn vào ngân sách là: ***2.197.510.548 đồng****"*.

Do đó, Phạm Văn C có hành vi "Trốn thuế" và phải chịu trách nhiệm hình sự về số tiền đã trốn thuế là ***2.197.510.548*** đồng,

Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, làm rõ hành vi của đối tượng "My" sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.

2. Nguyễn Kim H- Sinh năm 1989; Địa chỉ thường trú: K, thị trấn D, huyện D, N. Chức vụ: Giám đốc Công ty Cổ phần D6.THC (viết tắt là Công ty D6); Là người đại diện theo pháp luật.

Công ty D6 hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần. Mã số doanh nghiệp: 0315064783; Đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 23/5/2018; Địa chỉ trụ sở chính: E Y, phường B, quận T, TP HCM.

Trong năm 2021 và năm 2022, quá trình hoạt động Công ty D6 thuê xe của các cá nhân ở nhiều địa phương khác nhau (đến nay không xác định được danh tính, địa chỉ). Do các cá nhân có xe không có hóa đơn chứng từ xuất cho Công ty để làm chứng từ kê khai hạch toán cho các chi phí đã thanh toán. Vì vậy, H đã liên hệ với người đàn ông tên "T3" (hiện chưa xác định được nhân thân lai lịch) để mua **109** hóa đơn GTGT khống của 14 Công ty gồm Công ty TNHH D7; Công ty TNHH DV nhà hàng ẩm thực
Việt; Công ty TNHH Đ2; Công ty TNHH K1nhà hàng K1; Công ty TNHH N2; Công ty TNHH K1; Công ty TNHH N3; Công ty TNHH T10; Công ty TNHH T11; Công ty TNHH T12; Công ty TNHH T13; Công ty TNHH T14; Công ty TNHH V1; Công ty TNHH X1 với tổng doanh số 25.605.018.677 đồng (trong

đó tiền hàng 23.558.288.726 đồng, tiền thuế 2.046.729.951 đồng). 14 Công ty này do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT thông qua các trung gian (F1) có "Mã khách hàng" là "trang.thu", "tu.thutrang".

H trả cho "T3" số tiền tương đương 5% giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn và theo nhận thức của H, số tiền này là tiền thuế GTGT "Tâm" sẽ nộp ngân sách Nhà nước.

Về việc thanh toán hợp thức và thanh toán tiền mua hóa đơn như sau: Bản thân H đã mượn tài khoản cá nhân của Bùi Thị Trang T1 - Kế toán dịch vụ để đi giao dịch ngân hàng thanh toán hợp thức cho các tờ hóa đơn GTGT khống. H đã trao đổi với T3 là do tài khoản Công ty DASUKA không có đủ tiền nên các cá nhân bán hóa đơn sẽ cho mượn tiền để chuyển thanh toán hợp thức qua tài khoản ngân hàng. Tại Ngân hàng T15 - CN Tân Sơn N, H gặp 02 cá nhân (không biết tên tuổi địa chỉ ở đâu) để thực hiện chuyển khoản. Các cá nhân bên bán hóa đơn chuyển tiền vào tài khoản cá nhân của T1 mở tại Ngân hàng V2 số 0501000047919, sau đó H có trao đổi khi tiền chuyển đến thì T1 chuyển khoản nộp tiền vào tài khoản Công ty D6 và báo lại cho H làm lệnh chuyển tiền từ tài khoản Công ty D6 đến tài khoản của các Công ty phát hành hóa đơn. Theo thỏa thuận thì khi chuyển tiền thì các cá nhân bán hóa đơn sẽ chuyển số tiền trừ đi 5% tiền mua hóa đơn và H dùng tiền có sẵn trong tài khoản Công ty DASUKA bù khoản tiền đó để thanh toán khi chuyển khoản, khi tiền được chuyển đến thì các Công ty bán hóa đơn sẽ giữ lại. T1 chỉ thực hiện theo chỉ đạo của H mà không biết việc H mua bán trái phép hóa đơn. Tổng số tiền đã thanh toán hợp thức thể hiện trên tài khoản Công ty D6 là 22.156.769.998 đồng và số tiền mua hóa đơn mà H đã thanh toán là khoảng 01 tỷ đồng (tương đương 5% giá trị tiền hàng chưa thuế).

Toàn bộ 109 hoá đơn GTGT đã được Công ty D6 kê khai thuế trong năm 2021, năm 2022 tại chi cục thuế quận T - TP H.

Ngày 11/4/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P có Quyết định trưng cầu giám định số 1619/QĐ- CSKT trưng cầu Cục thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm về pháp luật thuế đối với Công ty D6.

Tại Kết luận giám định ngày 10/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận: *"Công ty D9 chưa kê khai điều chỉnh đối với 109 hóa đơn không hợp pháp nêu trên. Việc Công ty D6sử dụng không hợp pháp hóa đơn để hạch toán hàng hóa, dịch vụ, nguyên liệu mua vào trong hoạt động phát sinh nghĩa vụ thuế làm tăng số tiền thuế được khấu trừ, làm giảm số tiền thuế phải nộp là hành vi trốn thuế với số tiền là* ***2.046.729.951 đồng****"*.

Do đó, Nguyễn Kim H có hành vi "Trốn thuế" và phải chịu trách nhiệm hình sự về số tiền đã trốn thuế là 2.046.729.951 đồng,

Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, xác định danh tính, làm rõ hành vi của cá nhân "T3" sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.

3. Lê Gia H1 - Sinh năm 1995; HKTT: Khóm E, phường A, thị xã G, tỉnh V; Chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH Đ3 (viết tắt là Công ty Đ3); Là người đại diện theo pháp luật; Ngành nghề kinh doanh: Xây dựng.

Công ty Đ3hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công

ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên S do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố H cấp ngày 08/4/2021; đăng ký thay đổi lần thứ 03 ngày: 12/01/2023. Địa chỉ: 5 Đường L, phường H, Quận A, TP ..

Trong năm 2021, 2022, Công ty Đ3 mua hàng hóa của các cá nhân và cơ sở kinh doanh nhỏ lẻ để phục vụ sản xuất (đến nay H1 không xác định được danh tính, địa chỉ). Theo thỏa thuận, H1 đã thanh toán tiền hàng bao gồm cả tiền thuế GTGT nhưng sau khi nhận hàng, bên bán không xuất hóa đơn GTGT cho Công ty để kê khai thuế. Để chứng minh nguồn gốc hàng hóa đã mua, H1 đã chỉ đạo kế toán dịch vụ tên "Bích" (chưa xác định được danh tính) liên hệ với cá nhân tên "Tan" (chưa xác định được danh tính) mua tổng số 73 hóa đơn GTGT của 08 công ty gồm: Công ty TNHH Đ4 (06 hóa đơn); Công ty CP S1 (30 hóa đơn); Công ty TNHH Đ5 (14 hóa đơn); Công ty TNHH T16 (02 hóa đơn); Công ty TNHH T17 (03 hóa đơn); Công ty TNHH T18 (03 hóa đơn); Công ty TNHH T19 (05 hóa đơn); Công ty TNHH T20 (10 hóa đơn) với tổng
doanh số là 21.576.569.996 đồng *(trong đó: tiền hàng hóa: 19.767.037.343 đồng; tiền thuế GTGT: 1.810.811.656 đồng)*; 08 Công ty này do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT thông qua các trung gian (F1) có "Mã khách hàng" là "TAN".

H1 trả cho "T2" nêu trên số tiền tương đương từ 5% giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn và theo nhận thức của H1, số tiền này là tiền thuế GTGT mà "Tân" sẽ nộp ngân sách nhà nước. Để hợp thức hóa đơn, H1 ký tên, đóng dấu vào các giấy giới thiệu, Ủy nhiệm chi để trống nội dung sau đó đưa cho "Bích" để tiến hành giao dịch chuyển khoản hợp thức hóa đơn. Sau đó có giao dịch nộp tiền vào tài khoản của công ty Đ3 mở tại Ngân hàng T15 với nội dung "Le Gia H2 nộp tiền" (H2 không biết người nộp tiền là ai) số tiền bằng với doanh số hóa đơn cần chuyển khoản
hợp thức và sử dụng Ủy nhiệm chi H2 đã ký sẵn để chuyển tiền đến tài khoản của các công ty bán hóa đơn. Để mua 73 hóa đơn khống, H2 đã trả tiền mua hóa đơn cho "Tân" tổng số tiền là 988.351.867 đồng, số tiền này H2 đưa tiền mặt cho "Bích" để thanh toán cho người bán hóa đơn.

Sau khi mua 73 hóa đơn GTGT nêu trên, H2 đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của công ty Đ3 tại Chi cục thuế Q1 trong năm 2021, 2022.

Ngày 03/4/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P có Quyết định trưng cầu giám định số 1451/CQĐT(PC03) trưng cầu Cục thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm về pháp luật thuế đối với Công ty Đ3.

Tại Kết luận giám định ngày 11/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận:

"Đối với hành vi sử dụng hóa đơn không hợp pháp của Công ty TNHH Đ3để kê khai tăng số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ 1.810.811.656 đồng từ kỳ kê khai quý 2/2021 đến quý 3/2022, làm giảm số tiền thuế phải nộp là hành vi trốn thuế theo quy định tại Điều 143 Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/20219".

" Công ty Đ3 chưa kê khai điều chỉnh giảm số thuế GTGT đầu vào không đủ điều kiện khấu trừ từ kỳ kê khai quý 2/2021 đến quý 3/2022, dẫn đến làm tăng số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ 1.810.811.656 đồng, đồng thời giảm

số thuế giá trị gia tăng phải nộp vào ngân sách nhà nước là: 1.810.811.656 đồng".

Do đó, Lê Gia H1 có hành vi "Trốn thuế" và phải chịu trách nhiệm hình sự về số tiền đã trốn thuế là **1.810.811.656 đồng,**

Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, làm rõ hành vi của đối tượng "Bích" và "T2" sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.

4. Bùi Quốc T3 - Sinh năm 1992; Nơi thường trú: Thôn N, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ; Chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH G (viết tắt là Công ty G); Là người đại diện theo pháp luật.

Công ty G hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh nghiệp số: 3603591527 do Sở kế hoạch và đầu tư Tỉnh Đ cấp ngày 08/10/2018 đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 23/05/2023 Trụ sở: Số E, Tổ B, KP5A P. L, TP ., Tỉnh Đ.

Trong năm 2021 và 2022, Công ty G mua vật tư của của các cá nhân, cửa hàng N4 ở nhiều địa chỉ khác nhau nên không xác định được danh tính. Công ty đã thanh toán cả tiền hàng và tiền thuế cho người bán nhưng các cá nhân không thể phát hành được hóa đơn, nên để có hóa đơn GTGT chứng minh nguồn gốc hàng hóa mua vào, T3 đã liên hệ với một người phụ nữ tên "Như" (đến nay chưa xác định đươc danh tính) để mua 40 hóa đơn của 12 công ty gồm: Công ty TNHH D10; Công ty TNHH D11; Công ty TNHH Đ6; Công ty TNHH Đ7; Công ty TNHH M1; Công ty TNHH S2; Công ty TNHH S3; Công ty TNHH T21; Công ty TNHH T22; Công ty TNHH T23; Công ty TNHH X2; Công ty TNHH X3. (12 Công ty đều do Nguyễn Minh T sử dụng để bán hóa đơn) với tổng doanh số là 18.090.659.564đ (trong đó tiền hàng là 16.464.071.967đ, tiền thuế là 1.626.587.597đ).

Theo thoả thuận, T3 trả cho người bán hóa đơn số tiền tương đương 3,5% giá trị tiền hàng ghi trên hoá đơn, theo nhận thức của T3 thì số tiền này là tiền thuế GTGT người bán hóa đơn sẽ nộp NSNN.

Để hợp thức thủ tục thanh toán qua ngân hàng cho các hoá đơn, thì người bán hóa đơn sẽ chuyển số tiền tương ứng với giá trị hóa đơn cần thanh toán vào tài khoản số 0121000865398 của Công ty G mở tại Ngân hàng V2, sau đó T3 sẽ thực hiện lệnh chuyển số tiền này đến tài khoản của công ty bán hóa đơn. Để mua 40 hóa đơn nêu trên, T3 đã trả cho người bán tổng số tiền là: 576.242.518đ (tương đương với 3,5%) bằng tiền mặt.

Sau khi mua 40 hóa đơn GTGT nêu trên, Công ty G đã sử dụng kê khai thuế GTGT đầu vào với Chi cục thuế khu vực B1 - V.

Ngày 10/04/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P có Quyết định trưng cầu giám định số 1542/QĐ-CSKT trưng cầu Cục thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm về pháp luật thuế đối với Công ty L2

Tại Kết luận giám định ngày 11/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận:

"Việc Công ty TNHH Gsử dụng không hợp pháp hóa đơn (hóa đơn khống) để kê khai khấu trừ thuế GTGT làm giảm số thuế GTGT phải nộp, tăng số thuế được khấu trừ là hành vi trốn thuế".

"Với hành vi trốn thuế theo quy định tại Điều 143 Luật quản lý thuế số

38/2019/QH14 nêu trên, thì: Công ty TNHH T24 phải nộp (truy thu) đủ số tiền thuế GTGT trốn vào ngân sách là: ***1.626.592.097 đồng****".*

Do đó, Bùi Quốc T3 có hành vi "Trốn thuế" và phải chịu trách nhiệm hình sự về số tiền đã trốn thuế là **1.626.592.097** đồng,

Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, làm rõ hành vi của đối tượng "Như" sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.

5. Ngô Văn T4 - Sinh năm 1989; HKTT: Thôn P, Q, Q, T; Chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH Đ3 (viết tắt là Công ty Đ3); Là người đại diện theo pháp luật.

Công ty Đ3 hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên S, đăng ký lần đầu ngày 08/04/2016; đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 21/106/2023. Địa chỉ: 1 Q, Phường H, Quận G, TP .. Người đại diện theo pháp luật là ông Lê Văn D; Sinh năm 1983; HKTT: Ấp R, xã H, TP ., tỉnh K; Chức vụ: Giám đốc; Ngành nghề kinh doanh chính: Xây dựng.

Trong năm 2021, 2022 tại thời điểm Giám đốc và người điều hành công ty là Ngô Văn T4, Công ty Đ3 mua hàng hóa của các cá nhân và cơ sở kinh doanh nhỏ lẻ để phục vụ sản xuất (đến nay, T4 không xác định được danh tính, địa chỉ). Theo thỏa thuận, T4 thanh toán tiền hàng bao gồm cả tiền thuế GTGT nhưng sau khi nhận hàng, bên bán không xuất hóa đơn GTGT cho công ty Đ3 để kê khai thuế. Để chứng minh nguồn gốc hàng hóa đã mua, T4 đã chỉ đạo kế toán dịch vụ tên "Bích" (chưa xác định
được danh tính) để liên hệ với cá nhân tên "Tân" (chưa xác định được danh tính) mua 68 hóa đơn GTGT của 09 công ty gồm: Công ty Cổ phần S4 (07 hóa đơn), Công ty Cổ phần S1 (16 hóa đơn); Công ty TNHH Đ8 (01 hóa đơn); Công ty TNHH Đ5 (05 hóa đơn); Công ty TNHH Đ4 (07 hóa đơn); Công ty TNHH T25 (05 hóa đơn); Công ty TNHH T18 (09 hóa đơn); Công ty TNHH T19 (08 hóa đơn); Công ty TNHH T20 (10 hóa đơn) với tổng doanh số là 23.438.331.011 đồng(Tiền hàng hóa dịch vụ là:21.579.772.979đồng; tiền thuế GTGT: 1.858.558.032 đồng).09 Công ty này do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT thông qua các trung gian (F1) có "Mã khách hàng" là "Vang".

T4 đã trả cho "T2" số tiền tương đương từ 5% giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn và theo nhận thức của T4, số tiền này là tiền thuế GTGT mà "Tân" sẽ nộp ngân sách nhà nước.

Để hợp thức hóa đơn, T4 nhận tiền mặt từ người bán hóa đơn và nộp vào tài khoản của công ty Đ3 mở tại Ngân hàng A, sau đó chuyển tiền từ tài khoản của Công ty Đ3 đến tài khoản của công ty bán hóa đơn. Để mua 68 hóa đơn, T4 đã trả cho "T2" số tiền là: 1.078.988.649 đồng (tương đương từ 5% giá trị tiền hàng) bằng tiền mặt sau khi thực hiện giao dịch hợp thức hóa đơn.

Sau khi mua 68 hóa đơn GTGT nêu trên, T4 đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của công ty Đ3 tại Chi cục thuế thành phố T, TP . trong năm 2021, 2022.

Ngày 03/4/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P có Quyết định trưng

cầu giám định số 1441/CQĐT(PC03) trưng cầu Cục thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm về pháp luật thuế đối với Công ty Đ3.

Tại Kết luận giám định ngày 09/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận:

"Với hành vi sử dụng không hợp pháp hóa đơn (hóa đơn khống) để kê khai làm tăng số tiền thuế được khấu trừ, làm giảm số tiền thuế phải nộp của Công ty Đ3 là hành vi trốn thuế".

*"Với hành vi trốn thuế theo quy định tại Điều 143 Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14 nêu trên, thì: Công ty TNHH Đ3 phải nộp (truy thu) đủ số tiền thuế GTGT trốn vào ngân sách là: **1.488.058.338 đồng**"*

Do đó, Ngô Văn T4có hành vi "Trốn thuế" và phải chịu trách nhiệm hình sự về số tiền đã trốn thuế là **1.488.058.338 đồng**,

Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, làm rõ hành vi của đối tượng "Bích" và "T2" sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.

6. Nguyễn Tín T5 - Sinh năm 1989; Trú tại: hẻm E, đường T, ấp B, xã B, TP T, tỉnh T; Chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH Đ9 (viết tắt là Công ty Đ9); Là người đại diện theo pháp luật; Ngành nghề kinh doanh chính: thu gom giấy phế liệu.

Công ty Đ9 hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh nghiệp số: 3901294801, do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh T cấp ngày 06/02/2020; đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 07/12/2020. Địa chỉ trụ sở: số H, đường G bờ H, tổ A, ấp P, xã P, huyện D, tỉnh T.

Trong năm 2021 và 2022, Công ty Đ9 đã mua hàng hóa của các cá nhân và cơ sở kinh doanh nhỏ lẻ để phục vụ kinh doanh (đến nay, T5 không xác định được danh tính, địa chỉ). Sau khi nhận hàng, bên bán hàng không xuất được hóa đơn GTGT cho Công ty để kê khai thuế. Để chứng minh nguồn gốc hàng hóa đã mua, T5 đã liên hệ với một cá nhân tên "My" (chưa xác định được nhân thân, lai lịch) để mua 26 hóa đơn GTGT của 06 Công ty gồm: Công ty TNHH T23 (08 hóa đơn); Công ty TNHH T22 (04 hóa đơn); Công ty TNHH T26 (05 hóa đơn); Công ty TNHH Đ10 (04 hóa đơn); Công ty TNHH Đ3 (02 hóa đơn); Công ty TNHH D11 (03 hóa đơn) cho Công ty Đ9 với tổng giá trị hóa đơn là 23.892.888.688 đồng (trong đó: tiền hàng hóa 21.720.807.897 đồng; tiền thuế GTGT 2.172.080.791 đồng). 06 Công ty này do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT.

Theo thỏa thuận, T5 phải trả cho "My" số tiền tương đương 3% giá trị hàng hóa ghi trên hóa đơn và theo nhận thức của T5, số tiền này là tiền thuế GTGT "My" sẽ nộp ngân sách Nhà nước.

Để hợp thức thủ tục thanh toán qua ngân hàng cho các hóa đơn: "My" chuyển tiền vào tài khoản T5 số 16119057 mở tại ngân hàng A, sau đó Trung chuyển tiền vào tài khoản của Công ty Đ9 mở tại ngân hàng A rồi thực hiện lệnh chuyển tiền online số tiền trên đến Công ty bán hóa đơn nêu trên. Và "My" đưa tiền mặt cho T5 để T5 nộp vào tài khoản của Công ty Đ9 rồi Ủy nhiệm chi chuyển tiền đến tài khoản của Công ty bán hóa đơn, hoặc Trung chuyển tiền từ tài khoản Công ty Đ9 đến Công ty bán hóa đơn, sau đó "M" trả tiền mặt lại cho T5. Để mua 26 hóa đơn khống, T5 đã trả số tiền 651.624.000 đồng cho "My"

(tương đương 3% giá trị tiền hàng).

Sau khi mua 26 hóa đơn nêu trên, T5 đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty Đ9 tại Chi cục thuế khu vực H5 - D, tỉnh T.

Ngày 03/4/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P có Quyết định trưng cầu giám định số 1475/CQĐT(PC03) trưng cầu Cục thuế tỉnh P giám định giám định hành vi vi phạm về pháp luật thuế đối với Công ty T24.

Tại Kết luận giám định ngày 10/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận:

"Việc Công ty Đ9 sử dụng không hợp pháp hóa đơn (hóa đơn khống) để kê khai khấu trừ thuế GTGT làm giảm số thuế GTGT phải nộp, tăng số thuế được khấu trừ là hành vi trốn thuế".

*"Với hành vi trốn thuế theo quy định tại Điều 143 Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14 nêu trên, thì: Công ty Đ9 phải nộp (truy thu) đủ số tiền thuế GTGT trốn vào ngân sách là: **1.431.046.314 đồng**"*.

Do đó, Nguyễn Tín T5 có hành vi "Trốn thuế" và phải chịu trách nhiệm hình sự về số tiền đã trốn thuế là **1.431.046.314 đồng,**

Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, làm rõ hành vi của đối tượng "My" sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.

7. Trần Thị Thanh T6- Sinh năm 1983; HKTT, nơi ở hiện nay: 139/16 khu phố C, phường C, thành phố T, tỉnh B; Chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH E (viết tắt là Công ty E); Là người đại diện theo pháp luật; Ngành nghề kinh doanh chính: Gia công may mặc.

Công ty E hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên số: 3702579640 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh B cấp ngày 07/07/2017; đăng ký thay đổi lần thứ 02 ngày 21/04/2023. Địa chỉ: 1 khu phố C, phường C, thành phố T, tỉnh B.

Trong năm 2021, 2022, Công ty E mua hàng hóa của các cá nhân và cơ sở kinh doanh nhỏ lẻ để phục vụ sản xuất (đến nay T6 không xác định được danh tính, địa chỉ). T6 đã thanh toán tiền hàng bao gồm cả tiền thuế GTGT nhưng sau khi nhận hàng, bên bán không xuất hóa đơn GTGT cho Công ty để kê khai thuế. Để chứng minh nguồn gốc hàng hóa đã mua, T6 đã liên hệ với một cá nhân chưa xác định được danh tính để mua tổng số 124 hóa đơn GTGT của 14 công ty gồm: Công ty TNHH C1 (08 hóa đơn): Công ty TNHH D7 (08 hóa đơn); Công ty TNHH Đ7 (17 hóa đơn); Công ty TNHH S5 (06 Hóa Đơn); Công ty TNHH S3 (14 hóa đơn); Công ty TNHH S6 (14 hóa đơn); Công ty TNHH T27 (01 hóa đơn); Công ty TNHH T28 (08 hóa đơn); Công ty TNHH T13 (01 hóa đơn); Công ty TNHH T29 (13 hóa đơn); Công ty TNHH T30 (25 hóa đơn); Công ty TNHH T31 (07 hóa đơn): Công ty TNHH T11 (01 hóa đơn); Công ty TNHH X4 (01 hóa đơn) với tổng doanh số là 10.871.236.704 đồng (trong đó tiền hàng hóa 9.951.170.229 đồng; tiền thuế GTGT 920.066.475 đồng). 14 Công ty này do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT thông qua các trung gian (F1) có "Mã khách hàng" là "cuong pham".

Theo thỏa thuận, T6 phải trả cho người bán hóa đơn số tiền tương đương 5% giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn và theo nhận thức của T6, số tiền này là tiền thuế GTGT mà người bán hóa đơn sẽ nộp ngân sách nhà nước.

Để hợp thức hóa đơn, T6 hẹn gặp người bán hóa đơn tại Ngân hàng B2 - Chi nhánh B3 và ký sẵn các ủy nhiệm chi chuyển tiền đến công ty bán hóa đơn sau đó chỉ đạo Nguyễn Ngọc P, là nhân viên công ty E thực hiện thanh toán hợp thức hóa đơn. Tại ngân hàng, nếu tài khoản của công ty E không đủ tiền để thanh toán hợp thức hóa đơn, người bán hóa đơn đưa tiền mặt cho P số tiền bằng với doanh số trên hóa đơn cần chuyển khoản hợp thức để P nộp vào tài khoản công ty E mở tại Ngân hàng B2 sau đó P thực hiện Ủy nhiệm chi T6 đã ký sẵn để chuyển tiền đến các công ty bán hóa đơn. Nếu tài khoản của công ty E còn đủ tiền để thanh toán hợp thức hóa đơn, P thực hiện Ủy nhiệm chi chuyển tiền đến công ty bán hóa đơn. Sau đó, người bán hóa đơn giữ lại tiền mua hóa đơn và trả lại tiền mặt cho P để trả cho T6. Quá trình thực hiện giao dịch P chỉ thực hiện theo chỉ đạo của T6 và hoàn toàn không biết đây là các giao dịch thanh toán hợp thức hóa đơn mua trái phép. Để mua 124 hóa đơn khống, T6 đã trả tổng số tiền là 497.558.000 đồng(bằng 5% giá trị hàng hóa trên hóa đơn), số tiền này T6 đưa tiền mặt cho người bán hóa đơn sau khi thanh toán hợp thức hóa đơn.

Sau khi mua 124 hóa đơn nêu trên, T6 đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của công ty E tại Chi cục thuế thành phố T trong năm 2021, 2022. Ngày 20/10/2022, Công ty TNHH E đã kê khai bổ sung loại bỏ 09/124 hóa đơn. Còn lại 115 hóa đơn chưa kê khai bổ sung với tổng doanh số là 9.590.913.964 đồng (trong đó: tiền hàng hóa: 8.767.808.433 đồng; tiền thuế GTGT: 823.105.531 đồng)".

Ngày 03/4/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P có Quyết định trưng cầu giám định số 1452/CQĐT(PC03) trưng cầu Cục thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm về pháp luật thuế đối với Công ty E.

Tại Kết luận giám định ngày 09/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận:

"Với hành vi sử dụng không hợp pháp hóa đơn để hạch toán chi phí, kê khai thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, làm tăng số tiền thuế GTGT được khấu trừ và làm giảm số tiền thuế GTGT phải nộp của Công ty TNHH E là hành vi trốn thuế".

*"Với hành vi trốn thuế theo quy định tại Điều 143 Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14 nêu trên, thì: Công ty TNHH E phải nộp đủ số tiền thuế GTGT trốn vào ngân sách là: **823.105.531 đồng**".*

Do đó, Trần Thị Thanh T6có hành vi "Trốn thuế" và phải chịu trách nhiệm hình sự về số tiền đã trốn thuế là **823.105.531 đồng**,

Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, làm rõ hành vi của đối tượng bán hóa đơn trái phép sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.

8. Võ Thị Hải Y- Sinh năm 1991; HKTT: 157/43 D, phường A, quận H, TP H; trực tiếp quản lý, điều hành Công ty TNHH T24 (viết tắt là Công ty T24).

Công ty T24 hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0315595600 do Sở K cấp ngày 29/03/2019; đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 09/07/2020. Địa chỉ trụ sở: 9 L, phường A, quận B, TP H; Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Quang P1; Sinh năm 1983; HKTT: 29/5, tổ B, khu phố B, phường H, TP B, tỉnh Đ. Nơi ở hiện nay: hẻm H, đường N, phường H, TP B, tỉnh Đ; Chức vụ: Giám đốc; Ngành nghề kinh doanh chính: sản xuất nồi hơi.

Công ty T24 do ông P1 là Giám đốc nhưng thực tế mọi hoạt động kinh doanh của Công ty đều do Y (là vợ ông P1) trực tiếp quản lý, điều hành. Trong năm 2021 và 2022, Công ty T24 đã mua hàng hóa và thuê nhân công của những cá nhân, hộ kinh doanh nhỏ lẻ để phục vụ kinh doanh (đến nay, Y không xác định được danh tính, địa chỉ). Theo thỏa thuận, Y đã thanh toán tiền mua hàng hóa, dịch vụ đã bao gồm thuế GTGT nhưng sau khi nhận hàng hóa, dịch vụ, bên bán hàng hóa, dịch vụ không xuất được hóa đơn GTGT cho Công ty để kê khai thuế. Để chứng minh nguồn gốc hàng hóa, dịch vụ đã mua và sử dụng, Y đã liên hệ với một cá nhân tên "Trần Anh D1" (chưa xác định được nhân thân, lai lịch) để mua 36 hóa đơn GTGT của 10 Công ty gồm: Công ty Cổ phần N3 (10 hóa đơn); Công ty TNHH Đ10 (01 hóa đơn); Công ty TNHH Đ7 (01 hóa đơn); Công ty TNHH N3 (01 hóa đơn); Công ty TNHH P3 (01 hóa đơn); Công ty TNHH T32 (15 hóa đơn); Công ty TNHH T33 (02 hóa đơn); Công ty TNHH T34 (03 hóa đơn); Công ty TNHH V3 (01 hóa đơn); Công ty TNHH T35 (01 hóa đơn) cho Công ty T24 với tổng giá trị hóa đơn là 17.645.362.080 đồng (trong đó: tiền hàng hóa 16.181.952.800 đồng; tiền thuế GTGT 1.463.409.280 đồng). 10 Công ty này do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT.

Theo thỏa thuận, Y phải trả cho "D1" số tiền tương đương 7% giá trị hàng hóa ghi trên hóa đơn và theo nhận thức của Y, số tiền này là tiền thuế GTGT "D1" sẽ nộp ngân sách Nhà nước.

Để hợp thức thủ tục thanh toán qua ngân hàng cho các hóa đơn, "D1" nộp tiền vào tài khoản của Công ty T24 mở tại Ngân hàng V2. Sau đó, Y làm ủy nhiệm chi chuyển tiền đến 10 Công ty bán hóa đơn nêu trên. Để mua 36 hóa đơn khống, Y đã trả số tiền 1.132.736.696 đồng cho "Dũng" bằng tiền mặt và chuyển khoản (tương đương 7% giá trị tiền hàng).

Sau khi mua 36 hóa đơn GTGT nêu trên, Y đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty T24 tại Chi cục thuế quận B, TP H. Đến thời điểm hiện tại, Công ty T24 chưa nộp tờ khai bổ sung, điều chỉnh loại bỏ 36 hóa đơn nêu trên với Cơ quan thuế.

Ngày 03/4/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P có Quyết định trưng cầu giám định số 1475/CQĐT(PC03) trưng cầu Cục thuế tỉnh P giám định giám định hành vi vi phạm về pháp luật thuế đối với Công ty T24.

Tại Kết luận giám định ngày 10/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận:

"Việc Công ty TNHH T24 sử dụng không hợp pháp hóa đơn (hóa đơn khống) để kê khai khấu trừ thuế GTGT làm giảm số thuế GTGT phải nộp, tăng số thuế được khấu trừ là hành vi trốn thuế".

*"Với hành vi trốn thuế theo quy định tại Điều 143 Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14 nêu trên, thì: Công ty TNHH T24 phải nộp (truy thu) đủ số tiền thuế GTGT trốn vào ngân sách là: **338.782.648 đồng**"*.

Do đó, Võ Thị Hải Y có hành vi "Trốn thuế" và phải chịu trách nhiệm hình sự về số tiền đã trốn thuế là **338.782.648 đồng**

Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, làm rõ hành vi của đối tượng "Trần Anh D1" sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.

9. Võ Văn Quốc H3- Sinh năm 1987; HKTT: xã S, huyện C, tỉnh K; Chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH T36 (viết tắt là Công ty T36); Là người đại diện theo pháp luật; Ngành nghề kinh doanh chính: giám sát thi công tại các công trình xây dựng (đã khởi tố bị can Võ Văn Quốc H3 trong giai đoạn 1).

Công ty T36 hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0313424568 do Sở K cấp ngày 03/9/2015; Đăng ký thay đổi ngày 24/3/2023; Địa chỉ trụ sở chính: 132/3 K, Khu Phố C - Phường H, TP ., TP H.

Năm 2021, 2022, Công ty T36 thuê nhân công thực hiện giám sát tại các công trình nhưng sau khi thanh toán, bên bán không xuất hóa đơn GTGT cho Công ty T36 để kê khai thuế. Để hợp thức khoản chi nêu trên, H3 đã liên hệ với cá nhân tên "Ngô Thị Lệ T7" (là bị can trong vụ án) để mua 34 hóa đơn GTGT của 09 công ty gồm: Công ty TNHH Đ3 (03 hóa đơn), Công ty TNHH D7 (04 hóa đơn), Công ty TNHH Đ10 (07 hóa đơn), Công ty TNHH K2 (03 hóa đơn), Công ty TNHH T22 (01 hóa đơn), Công ty TNHH T23 (05 hóa đơn), Công ty TNHH T10 (02 hóa đơn), Công ty TNHH T30 (07 hóa đơn), Công ty TNHH T26 (02 hóa đơn) với tổng doanh số là 4.083.109.635 đồng *(Trong đó tiền hàng là: 3.718.915.350 đồng, tiền thuế GTGT là 364.194.285 đồng)*. 09 Công ty này do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT thông qua trung gian (F1) có "Mã khách hàng" là "Chị T7".

Theo thỏa thuận, H3 phải trả cho "Ngô Thị Lệ T7" số tiền tương đương 7% giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn và theo nhận thức của H3, số tiền này là tiền thuế GTGT "Thu" sẽ nộp ngân sách Nhà nước.

Để hợp thức thủ tục thanh toán cho việc mua bán hóa đơn nêu trên, "Thu" nộp tiền mặt hoặc chuyển tiền từ tài khoản số 12829677 mở tại ngân hàng A của "Ngô Thị Lệ T7" vào tài khoản số 148954496 mở tại ngân hàng V4 của Công ty T36, sau đó H3 chuyển tiền từ tài khoản Công ty T36 đến tài khoản công ty bán hóa đơn. Để mua 34 hóa đơn khống, H3 đã trả số tiền 108.357.000 đồng (tương đương 3% giá trị tiền hàng) cho "Thu" bằng hình thức chuyển khoản từ tài khoản của H3 đến tài khoản của "Ngô Thị Lệ T7".

Sau khi mua 34 hóa đơn nêu trên, H3 đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty T36 tại Chi cục thuế T. Năm 2023, Võ Văn Quốc H3 đã kê khai bổ sung điều chỉnh và nộp số tiền 72.526.035 đồng vào ngân sách Nhà nước.

Ngày 0710/2023, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P có Quyết định trưng cầu giám định số 208/CQĐT(PC03) trưng cầu Cục thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm về pháp luật thuế đối với Công ty Q2

Tại Kết luận giám định ngày 15/8/2023, Cục thuế tỉnh P kết luận: *"Với hành vi sử dụng không hợp pháp hóa đơn để hạch toán kê khai tăng số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, gây thiệt hại về thuế GTGT, thuế TNDN của Công ty T36 là hành vi trốn thuế theo quy định tại Khoản 4 Điều 143 Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/06/2019" và "phải nộp đủ số tiền thuế GTGT truy thu vào Ngân sách Nhà nước là 291.668.250 đồng".*

Sau khi Cục thuế tỉnh P ban hành Kết luận giám định nêu trên, Võ Văn Quốc H3 đã nộp khắc phục bổ sung số tiền **164.459.241 đồng.**

Do đó, Võ Văn Quốc H3 đã có hành vi trốn thuế và phải chịu trách nhiệm hình sự về số tiền thuế đã trốn là 291.668.250 đồng (tương đương số tiền thuế ghi trên hóa đơn chưa kê khai giảm trừ), H3 đã nộp 164.459.241 đồng, còn lại số tiền H3 tiếp tục phải nộp: 291.668.250 đồng - 164.459.241 đồng = 127.209.009 đồng.

IV. HÀNH VI MUA BÁN TRÁI PHÉP HÓA ĐƠN GTGT CỦA 161 BỊ CÁO LÀ GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN... TẠI CÁC CÔNG TY, CỤ THỂ NHƯ SAU:

1. Lê Hoàng N1 - Sinh năm 1985; HKTT: K, Mỏ Cày B, B; Chức vụ: Phó tổng giám đốc phụ trách tài chính, kế toán Công ty cổ phần Đ11 (viết tắt là Công ty Đ11);

2. Nguyễn Thị Kim L- Sinh năm 1984; HKTT: 37E4, M, phường G, thành phố B, tỉnh B; Chức vụ: Trưởng bộ phận kế toán Công ty Đ11.

Công ty Đ11 hoạtđộng theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên S do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh B cấp ngày 26/10/2015; đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày: 08/03/2023; Địa chỉ: số A, ấp T, xã T, huyện M, tỉnh B. Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn Đ; Sinh năm 1965; HKTT: A T, phường P, quận T, thành phố H. Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm từ cây Dừa.

Trong năm 2021, 2022, công ty Đ11 mua hàng hóa và thanh toán chi phí nhân công của các cá nhân và cơ sở kinh doanh nhỏ lẻ để phục vụ sản xuất (đến nay không xác định được danh tính, địa chỉ). Theo thỏa thuận, công ty Đ11 đã thanh toán tiền hàng bao gồm cả tiền thuế GTGT nhưng sau khi nhận hàng, bên bán không xuất hóa đơn GTGT cho Công ty để kê khai thuế. Để chứng minh nguồn gốc hàng hóa đã mua, N1 đã chỉ đạo L và kế toán dịch vụ tên L1 (chưa xác định được nhân thân lai lịch) liên hệ với một cá nhân tên "K" (chưa xác định được danh tính) để mua tổng số 1014 hóa đơn GTGT của 36 công ty (có phụ lục kèm theo) với tổng doanh số: **50.527.740.544 đồng** *(trong đó: tiền hàng hóa: 46.504.646.550 đồng; tiền thuế GTGT: 4.022.982.994 đồng)*; trong đó L trực tiếp liên hệ mua 118 hóa đơn. 36 Công ty này do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT thông qua các trung gian (F1) có "Mã khách hàng" là **"LAP"** và **"chi.thi"**.

Theo thỏa thuận, công ty Đ11 phải trả cho người bán hóa đơn số tiền tương đương tiền thuế ghi trên hóa đơn và theo nhận thức của N1 và L số tiền này là tiền thuế GTGT mà "Khang" sẽ nộp ngân sách nhà nước.

Để hợp thức hóa đơn, L báo cáo và trình N1 ký trước Ủy nhiệm chi chuyển tiền đến tài khoản của các công ty bán hóa đơn và cùng nhân viên bộ phận kế toán là chị Nguyễn Thị Thanh X đến Ngân hàng L3 - Chi nhánh tỉnh B để thực hiện giao dịch. Tại Ngân hàng, L nhận tiền mặt bằng với doanh số hóa đơn cần chuyển khoản hợp thức trừ đi số tiền mua hóa đơn (bằng tiền thuế trên hóa đơn) và nộp vào tài khoản công ty số: 234567688868 mở tại Ngân hàng L3, sau đó công ty Đ11 bù thêm số tiền mua hóa đơn và chị X thực hiện Ủy nhiệm chi N1 đã ký sẵn, để chuyển số tiền bằng với doanh số trên hóa đơn đến tài khoản của các công ty bán hóa đơn. Nếu tài khoản khoản của công ty Đ11 còn

tiền để thanh toán hợp thức hóa đơn, L chỉ nộp tiền mặt vào tài khoản để số dư tài khoản vừa đủ thanh toán hợp thức hóa đơn, còn lại cầm tiền mặt về trả vào quỹ tiền mặt của công ty. Quá trình nộp tiền và thực hiện giao dịch, chị X không biết các giao dịch này là giao dịch thanh toán hợp thức hóa đơn L mua trái phép. Để mua 1014 hóa đơn khống, công ty Đ11 đã trả cho người bán hóa đơn tổng số tiền là 4.022.982.994đồng (bằng tiền thuế trên 1014 hóa đơn.

Sau khi mua 1014 hóa đơn nêu trên, công ty Đ11 đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của công ty tại Cục thuế tỉnh B trong năm 2021, 2022. Đến nay, công ty Đ11 đã kê khai bổ sung loại toàn bộ 1014 hóa đơn nêu trên.

Ngày 10/4/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P có Quyết định trưng cầu giám định số 1599/CQĐT(PC03) trưng cầu Cục thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm về pháp luật thuế đối với Công ty Đ11.

Tại Kết luận giám định ngày 10/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận: *"Hành vi của Công ty CP Đ11 là hành vi trốn thuế". "Công ty CP Đ11 đã kê khai điều chỉnh giảm số thuế GTGT khấu trừ đối với toàn bộ 1014 số hóa đơn sử dụng không hợp pháp nêu trên, dẫn đến tăng thuế GTGT phát sinh phải nộp tương ứng số tiền: 4.022.982.994 đồng. Tại thời điểm giám định công ty CP Đ11 đã nộp hết số thuế phát sinh vào Ngân sách Nhà nước".*Vì vậy không còn thiệt hại về thuế.

Do đó, Lê Hoàng N1 có hành vi mua trái phép 1014 hóa đơn GTGT và Nguyễn Thị Kim Lcó hành vi mua trái phép 118 hóa đơn GTGT của Nguyễn Minh T.

Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, làm rõ hành vi của đối tượng "Luân" và "Khang" sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.

3. Hồ Phương D2- Sinh năm 1986; HKTT: thôn P, xã P, huyện N, tỉnh N; chức vụ: Phó Giám đốc trực tiếp quản lý, điều hành Công ty TNHH D7 (viết tắt là Công ty D7).

Công ty D7 hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh nghiệp số: 0312572806, do Sở K cấp ngày 03/12/2013; đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 17/8/2023; Địa chỉ trụ sở: 1 N, phường I, quận T, TP H; Người đại diện theo pháp luật là ông Trương Thanh D3 - Sinh năm 1984; HKTT: 7A/33/21/1.2 Thành Thái, phường A, quận A, TP H; Chỗ ở hiện tại: 373/53/25 L, phường I, quận T, TP H; Chức vụ: Giám đốc; Ngành nghề kinh doanh chính: buôn bán vật tư thiết bị y tế.

Công ty D7 do ông D3 là Giám đốc nhưng thực tế mọi hoạt động kinh doanh của Công ty đều do D2 trực tiếp quản lý, điều hành. Trong năm 2021 và 2022, Công ty D7 đã mua hàng hóa và thuê phương tiện vận chuyển, sử dụng dịch ăn uống của những cá nhân, hộ kinh doanh nhỏ lẻ để phục vụ kinh doanh (hiện không xác định được danh tính, lai lịch). Theo thỏa thuận, D2 đã thanh toán tiền mua hàng hóa, dịch vụ đã bao gồm thuế GTGT nhưng sau khi nhận hàng hóa, dịch vụ, bên bán hàng hóa, dịch vụ không xuất được hóa đơn GTGT cho Công ty để kê khai thuế. Để chứng minh nguồn gốc hàng hóa, dịch vụ đã mua và sử dụng, D2 đã liên hệ với một cá nhân (chưa xác định được tên tuổi, nhân thân, lai lịch) để mua 857 hóa đơn GTGT của 18 Công ty gồm: Công ty

TNHH K1 (135 hóa đơn); Công ty TNHH T12 (108 hóa đơn); Công ty TNHH K1 (85 hóa đơn); Công ty TNHH T11 (108 hóa đơn); Công ty TNHH D12 (40 hóa đơn); Công ty TNHH D13nhà hàng K3 (81 hóa đơn); Công ty TNHH Đ12 (01 hóa đơn); Công ty TNHH N5 (87 hóa đơn); Công ty TNHH D7 (13 hóa đơn); Công ty TNHH D14 (98 hóa đơn); Công ty TNHH G1 (98 hóa đơn); Công ty TNHH N6 (65 hóa đơn); Công ty TNHH N7 (22 hóa đơn); Công ty TNHH N8 (68 hóa đơn); Công ty TNHH N3 (09 hóa đơn); Công ty TNHH X5 (11 hóa đơn); Công ty TNHH N3 (08 hóa đơn); Công ty TNHH T37 (03 hóa đơn) cho Công ty D7 với tổng giá trị hóa đơn là **10.988.988.652 đồng***(trong đó: tiền hàng hóa: 10.076.895.291 đồng; tiền thuế GTGT: 912.093.361 đồng)*. 18 Công ty này do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT.

Theo thỏa thuận, D2 phải trả cho bên bán hóa đơn số tiền tương đương 8% giá trị hàng hóa ghi trên hóa đơn và theo nhận thức của D2, số tiền này là tiền thuế GTGT sẽ nộp ngân sách Nhà nước.

Để hợp thức thủ tục thanh toán qua ngân hàng cho các hóa đơn, bên bán hóa đơn chuyển tiền vào tài khoản của D2 số 7030103907006 mở tại Ngân hàng M2 để D2 chuyển tiền vào tài khoản của Công ty D7, rồi D2 chuyển tiền bằng hình thức online trên máy tính từ tài khoản Công ty D7 đến Công ty bán hóa đơn nêu trên. Hoặc D2 chuyển tiền bằng hình thức Online trên máy tính từ tài khoản Công ty D7 đến Công ty bán hóa đơn. Sau khi, nhận được tiền bên bán hóa đơn chuyển tiền lại cho D2 (bằng đúng số tiền D2 đã chuyển đi). Để mua 864 hóa đơn khống, D2 đã trả số tiền 809.949.000 đồng cho bên bán hóa đơn bằng tiền mặt (tương đương 8% giá trị tiền hàng).

Sau khi mua 857 hóa đơn GTGT nêu trên, D2 đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty D7 tại Chi cục thuế quận T, TP .. Công ty D7 đã kê khai bổ sung, điều chỉnh giảm thuế GTGT được khấu trừ tại Chi cục thuế quận T đối với 857 hóa đơn trên.

Ngày 03/4/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P có Quyết định trưng cầu giám định số 1463/CQĐT(PC03) trưng cầu Cục thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm về pháp luật thuế đối với Công ty D7.

Tại Kết luận giám định ngày 09/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận:

"Với hành vi sử dụng không hợp pháp hóa đơn, hóa đơn khống để kê khai làm tăng số tiền thuế được khấu trừ thuế làm giảm số thuế phải nộp của Công ty D7 là hành vi trốn thuế".

*"Công ty D7 đã kê khai bổ sung điều chỉnh giảm số thuế GTGT khấu trừ đối với toàn bộ 857 số hóa đơn sử dụng không hợp pháp nêu trên dẫn đến tăng số thuế GTGT phải nộp là: **105.030.913 đồng**;giảm số tiền thuế GTGTcòn khấu trừ chuyển kỳ sau số tiền là: **185.857.895 đồng**"*. Vì vậy không còn thiệt hại về thuế. Công ty D7 đã nộp lại toàn bộ số tiền thuế vào ngân sách Nhà nước sau khi thực hiện kê khai bổ sung.

Do đó, Hồ Phương D2 có hành vi "Mua bán trái phép" 857 hoá đơn GTGT của Nguyễn Minh T.

Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, làm rõ hành vi của đối tượng bán hóa đơn trái phép sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.

4. Huỳnh Tấn D4- Sinh năm 1993, HKTT: ấp C, T, Bắc Tân U, B; Chức vụ: Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty TNHH MTV S và DV suất ăn công nghiệp Gia Huỳnh Đ1 (viết tắt là Công ty H6); Là người đại diện theo pháp luật; Ngành nghề kinh doanh: suất ăn công nghiệp.

Công ty Huỳnh Đặng được Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh B cấp giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viêS, mã số 3702850596, đăng ký lần đầu ngày 14/02/2020; Địa chỉ trụ sở chính: số C, tổ G, ấp C, T, Bắc Tân U, B.

Trong năm 2021 và 2022, Công ty H7 một số hàng hóa là thực phẩm các loại như: rau, củ, quả,…. của các hộ kinh doanh cá nhân, nhỏ lẻ ở nhiều địa chỉ khác nhau nên không xác định được danh tính; công ty đã thanh toán tiền hàng và tiền thuế cho người bán nhưng sau đó vì các cá nhân không thể phát hành được hóa đơn nên để có hóa đơn GTGT chứng minh nguồn gốc hàng hóa mua vào, D4 đã liên hệ với các cá nhân giới thiệu tên là "T8", "H4" và "P2" (chưa xác định được nhân thân lai lịch) để mua **695** hóa đơn GTGT khống của 08 công ty gồm: Công ty TNHH Đ12 (105 hóa đơn); Công ty TNHH Đ7 (106 hóa đơn); Công ty TNHH S3 và chế biến hạt điều Diệp Thanh (51 hóa đơn); Công ty TNHH T30 (93 hóa đơn); Công ty TNHH T38 (109 hóa đơn); Công ty TNHH T28 (30 hóa đơn); Công ty TNHH T12 (96 hóa đơn); Công ty TNHH X3 (108 hóa đơn) với tổng doanh số ghi trên hóa đơn là 16.309.231.610 đồng *(trong đó tiền hàng hóa dịch vụ là 14.868.490.000 đồng, tiền thuế GTGT là 1.440.741.610 đồng)*. 08 Công ty này do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT thông qua các trung gian (F1) có "Mã khách hàng" là "Lê D5" và "Khang gia".

Theo thỏa thuận, D4 phải trả cho bên bán hóa đơn số tiền tương đương từ 8% đến 10% giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn và theo nhận thức của D4, số tiền này là tiền thuế GTGT bên bán hóa đơn sẽ nộp ngân sách Nhà nước.

Để hợp thức thanh toán cho các hóa đơn phải chuyển khoản qua ngân hàng, bên bán hoá đơn và D4 ra Ngân hàng để làm thủ tục thanh toán. Lúc này, bên bán hoá đơn sẽ đưa tiền mặt cho D4 số tiền bằng với giá trị thanh toán trên hoá đơn để D4 nộp vào tài khoản Công ty H6 (số tài khoản 65010004421586 tại Ngân hàng B2) và dùng Ủy nhiệm chi do D4 ký xác nhận để chuyển tiền từ tài khoản trên của Công ty H8 tài khoản của các Công ty phát hành hoá đơn (số tài khoản do bên bán hoá đơn cung cấp). Để mua 695 hóa đơn, D4 đã trả cho người bán hóa đơn số tiền là 1.440.700.000 đồng (tương đương với 8% đến 10% giá trị tiền hàng chưa bao gồm thuế GTGT).

Đối với toàn bộ 695 tờ hóa đơn GTGT nêu trên đã được Công ty H9 thuế trong năm 2021, 2022 tại chi cục thuế khu vực T39. Đến nay, Công ty H6 đã kê khai điều chỉnh bổ sung, loại bỏ 695 hóa đơn của 08 Công ty nêu trên và nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền là 70.000.000 đồng.

Ngày 09/4/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P có Quyết định trưng cầu giám định số 1569/QĐ- CSKT trưng cầu Cục thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm về pháp luật thuế đối với Công ty H10

Tại Kết luận giám định ngày 07/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận:

"Với hành vi sử dụng không hợp pháp hoá đơn (hoá đơn khống) để kê khai làm tăng số tiền thuế được khấu trừ, làm giảm số tiền thuế phải nộp của Công ty H11 hành vi trốn thuế theo quy định tại Khoản 4 Điều 143 Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019".

"Tại thời điểm giám định Công ty H6 đã kê khai bổ sung để điều chỉnh giảm toàn bộ số thuế GTGT đầu vào khấu trừ của 695 tờ hoá đơn sử dụng không hợp pháp và đã khắc phục nộp vào ngân sách số thuế GTGT phải nộp ngân sách tăng sau khi kê khai điều chỉnh bổ sung, số tiền 70.000.000 đồng, số tiền thuế GTGT sau điều chỉnh bổ sung chưa nộp ngân sách là 1.310.299.026 đồng". Vì vậy không còn thiệt hại về thuế.

Do đó, Huỳnh Tấn D4 có hành vi mua bán trái phép 695 hóa đơn GTGT của Nguyễn Minh T.

Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, xác định danh tính, làm rõ hành vi của cá nhân "T8", "H4" và "P2" sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.

5. Vũ Thị Tuyết T9- Sinh năm 1982; HKTT: 103, tổ B, khu phố E, phường L, TP B, tỉnh Đ. Chức vụ: Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty TNHH một thành viên S (viết tắt là Công ty S); Là người đại diện theo pháp luật; Ngành nghề kinh doanh chính: buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.

Công ty S hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh nghiệp số: 3603198316 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Đ cấp ngày 22/07/2014; đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày: 26/10/2020. Địa chỉ trụ sở: số H, khu phố A, đường P, phường B, TP B, tỉnh Đ.

Trong năm 2021 và 2022, Công ty S đã mua hàng hóa và thuê phương tiện vận chuyển của những cá nhân, hộ kinh doanh nhỏ lẻ để phục vụ kinh doanh (đến nay, T9 không xác định được danh tính, địa chỉ). T9 đã thanh toán tiền mua hàng hóa, dịch vụ đã bao gồm thuế GTGT nhưng sau khi nhận hàng hóa, dịch vụ, bên bán hàng hóa, dịch vụ không xuất được hóa đơn GTGT cho Công ty để kê khai thuế. Để chứng minh nguồn gốc hàng hóa, dịch vụ đã mua và sử dụng, T9 đã liên hệ với một cá nhân tên "Diễm" (chưa xác định được nhân thân, lai lịch) để mua 501 hóa đơn GTGT của 22 Công ty gồm: Công ty TNHH C2 (05 hóa đơn); Công ty TNHH Đ12 (89 hóa đơn); Công ty TNHH D7 (36 hóa đơn); Công ty TNHH Đ7 (02 hóa đơn); Công ty TNHH D15 (06 hóa đơn); Công ty TNHH K4 (20 hóa đơn); Công ty TNHH K5 (04 hóa đơn); Công ty TNHH S5 (01 hóa đơn); Công ty TNHH T40 (01 hóa đơn); Công ty TNHH T41 (01 hóa đơn); Công ty TNHH T38 (11 hóa đơn); Công ty TNHH T28 (28 hóa đơn); Công ty TNHH T10 (39 hóa đơn); Công ty TNHH T42 (46 hóa đơn); Công ty TNHH T43 (01 hóa đơn); Công ty TNHH T44 (17 hóa đơn); Công ty TNHH T21 (10 hóa đơn); Công ty TNHH T13 (19 hóa đơn); Công ty TNHH T14 (82 hóa đơn); Công ty TNHH V5 (04 hóa đơn); Công ty TNHH X4 (31 hóa đơn); Công ty TNHH X3 (48 hóa đơn) cho Công ty S với tổng giá trị hóa đơn là 26.647.448.678 đồng (trong đó: tiền hàng hóa: 24.274.415.844 đồng; tiền thuế GTGT: 2.373.032.834 đồng). 22 Công ty này do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT.

Theo thỏa thuận, T9 phải trả cho "Diễm" số tiền tương đương 4,5% giá trị hàng hóa ghi trên hóa đơn và theo nhận thức của T9, số tiền này là tiền thuế GTGT "Diễm" sẽ nộp ngân sách Nhà nước.

Để hợp thức thủ tục thanh toán qua ngân hàng cho các hóa đơn, "Diễm" chuyển tiền vào tài khoản của T9 số 104000655022 mở tại Ngân hàng V6 để T9 chuyển tiền vào tài khoản Công ty S mở tại Ngân hàng V6. Sau đó, T9 thực hiện chuyển tiền qua ứng dụng Ngân hàng trên điện thoại di động số tiền trên đến 22 Công ty bán hóa đơn nêu trên. Để mua 501 hóa đơn khống, T9 đã trả số tiền 1.092.348.712 đồng cho "Diễm" bằng tiền mặt và chuyển khoản (tương đương 4,5% giá trị tiền hàng).

Sau khi mua 501 hóa đơn GTGT nêu trên, T9 đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty S tại Chi cục thuế khu vực B1-V, Đ. Công ty S đã kê khai bổ sung, điều chỉnh giảm thuế GTGT được khấu trừ tại Chi cục thuế khu vực B1-V đối với 501 hóa đơn trên.

Ngày 03/4/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P có Quyết định trưng cầu giám định số 1468/CQĐT(PC03) trưng cầu Cục thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm về pháp luật thuế đối với Công ty S.

Tại Kết luận giám định ngày 09/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận:

"Với hành vi sử dụng không hợp pháp hóa đơn, hóa đơn khống để kê khai làm tăng số tiền thuế được khấu trừ thuế làm giảm số thuế phải nộp của Công ty S là hành vi trốn thuế".

"Công ty S đã thực hiện kê khai bổ sung, điều chỉnh giảm thuế GTGT đầu vào được khấu trừ của 501 số hóa đơn dẫn đến làm tăng số thuế GTGT phải nộp ***515.225.767 đồng*** *và giảm tổng số tiền thuế GTGT được khấu trừ* ***1.857.807.067 đồng****"*. Vì vậy không còn thiệt hại về thuế. Công ty S đã nộp lại toàn bộ số tiền thuế vào ngân sách Nhà nước sau khi thực hiện kê khai bổ sung.

Do đó, Vũ Thị Tuyết T9 có hành vi "Mua bán trái phép" 501 hoá đơn GTGT của Nguyễn Minh T.

Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, làm rõ hành vi của đối tượng "Diễm" sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.

6. Phạm Quang V- Sinh năm 1972; Nơi thường trú: 128/6 KP1, P. Q, TP B, tỉnh Đ; Chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH A1 (viết tắt là Công ty A1); Là người đại diện theo pháp luật.

Công ty A1 hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên. Mã số doanh nghiệp: 3602040012; Đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 17/8/2009; Đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 24/12/2016. Địa chỉ trụ sở chính: Số B, KP7, đường P, phường T, TP B, tỉnh Đ.

Trong năm 2021 và 2022, Công ty A1 thuê xe vận chuyển, sửa chữa xe, mua lốp xe ô tô của một số cá nhân ở nhiều địa chỉ khác nhau nên không xác định được danh tính. Công ty đã thanh toán cả tiền hàng và tiền thuế cho người bán nhưng sau đó vì các cá nhân không thể phát hành được hóa đơn nên để có hóa đơn GTGT chứng minh nguồn gốc hàng hóa mua vào, V đã liên hệ với cá nhân tên "Q" (chưa xác định được danh tính) để mua 358 hóa đơn GTGT với tổng doanh số 17.180.533.115 đồng *(tiền hàng 15.746.414.642 đồng, tiền thuế*

1.434.118.473 đồng) của **21 công ty** gồm: Công ty TNHH T20 (03 hóa đơn), Công ty TNHH Đ2 (06 hóa đơn), Công ty TNHH N3 (64 hóa đơn), Công ty TNHH T38 (14 hóa đơn), Công ty TNHH T45 (21 hóa đơn), Công ty TNHH T10 (13), Công ty TNHH T46 27 hóa đơn), Công ty TNHH T13 (7 hóa đơn), Công ty TNHH T23 (01 hóa đơn), Công ty TNHH V5 (6 hóa đơn), Công ty TNHH T20 và KD nhiên liệu S7 (11 hóa đơn), Công ty TNHH T20 (38 hóa đơn), Công ty TNHH X1 (25), Công ty TNHH X2 (12 hóa đơn), Công ty TNHH X6 (38 hóa đơn), Công ty TNHH X3 (43 hóa đơn), Công ty TNHH T19 (09 hóa đơn), Công ty TNHH D10 (01 hóa đơn), Công ty TNHH T28 (02 hóa đơn), Công ty TNHH X7 (5 hóa đơn).

Các Công ty này do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT thông qua các trung gian (F1) có "Mã khách hàng".

Theo thỏa thuận, V phải trả cho Quân số tiền tương đương 6% giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn và theo nhận thức của V, số tiền này là tiền thuế GTGT Q sẽ nộp ngân sách Nhà nước.

Để hợp thức thủ tục thanh toán cho việc mua bán hóa đơn nêu trên, đối với hóa đơn GTGT khống ghi doanh số trên 20 triệu đồng: Do Công ty A1 không có nhiều tiền trong tài khoản nên Q cho V mượn tiền để thực hiện thanh toán hợp thức cho các tờ hóa đơn GTGT khống, cụ thể: kế toán lập ủy nhiệm số tiền cần thanh toán hợp thức theo yêu cầu của V, sau đó gửi grap hoặc chuyển phát nhanh cho Q, sau đó Q nộp tiền vào tài khoản Công ty A1 đúng bằng số tiền trên ủy nhiệm chỉ cần thanh toán hợp thức, Qthực hiện thanh toán ủy nhiệm chi sang tài khoản công ty xuất hóa đơn GTGT khống, còn tiền bán hóa đơn 6% như đã thỏa thuận Q cho người đến lấy tiền mặt. Kế toán chỉ thực hiện các nội dung trên theo yêu cầu của V. Đối với hóa đơn GTGT khống ghi doanh số dưới 20 triệu đồng: Căn cứ vào doanh số ghi trên hóa đơn GTGT khống, Q cho người đến gặp V lấy tiền bán hóa đơn GTGT khống 6% như đã thỏa thuận cũng bằng hình thức tiền mặt. Để mua 358 hóa đơn khống, V đã trả cho Quân số tiền mua hóa đơn là 944.000.000 đồng (tương đương 6% giá trị tiền hàng).

Sau khi mua 358 hóa đơn nêu trên, V đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty A1 tại Chi cục thuế T7, tỉnh Đ. Tháng 6/2023, V đã kê khai bổ sung điều chỉnh giảm 358/358 hóa đơn với tổng doanh số là17.180.533.115 đồng *(tiền hàng 15.746.414.642 đồng, tiền thuế 1.434.118.473 đồng).*

Ngày 10/4/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P có Quyết định trưng cầu số 1597/CQĐT(PC03) trưng cầu Cục Thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm pháp luật về thuế đối với Công ty A1.

Tại Kết luận giám định ngày 9/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận: *"Tại thời điểm giám định, Công ty TNHH A1 đã kê khai điều chỉnh giảm số thuế GTGT khấu trừ đối với toàn bộ 358 số hóa đơn GTGT sử dụng không hợp pháp nêu trên dẫn đến tăng số thuế GTGT phải nộp là 1.434.118.473 đồng"*. Vì vậy không còn thiệt hại về thuế.

Do đó, Phạm Quang V có hành vi mua bán trái phép 358 hoá đơn giá trị gia tăng của Nguyễn Minh T.

Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, xác định danh tính, làm rõ hành vi

của "Q" sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.

7. Hồ Thị Thu T1- Sinh năm 1985; Nơi thường trú: Tổ 14, T, T, B, Đ; (là vợ ông Hà Huy C - Giám đốc Công ty TNHH C1 -viết tắt là Công ty C1).

Công ty C1 được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đ cấp Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, mã số: 3603153322, đăng ký lần đầu ngày 05/03/2014, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 05/12/2022; Địa chỉ trụ sở chính: số C, tổ A, KP T, T, B, Đ; Người đại diện theo pháp luật: Hà Huy C, sinh năm 1984, HKTT: tổ A, KP T, T, B, Đ; Chức danh: Chủ tịch kiêm Giám đốc; Ngành nghề kinh doanh: Gia công cơ khí.

Công ty C1 do ông C đứng tên là Giám đốc, nhưng không tham gia điều hành hoạt động của Công ty. Trong năm 2021 và 2022, Công ty C1 mua hàng hóa là các loại vật liệu như: Tấm inox, đồng tấm,….và thuê các xưởng cơ khí ở nhiều địa chỉ khác nhau nên không xác định được danh tính. Công ty đã thanh toán tiền hàng hóa, dịch vụ và tiền thuế cho bên bán hàng và cung cấp dịch vụ nhưng sau đó vì các đơn vị không thể phát hành được hóa đơn nên để có hóa đơn GTGT chứng minh nguồn gốc hàng hóa, dịch vụ mua vào, T1 đã thông qua "X" (nhân viên Kế toán thời vụ hiện đã nghỉ việc, chưa xác định được nhân thân, lai lịch) để liên hệ với một cá nhân không rõ tên tuổi để mua **323** hóa đơn GTGT khống của 24 công ty gồm: Công ty TNHH C2 (45 hóa đơn); Công ty TNHH Đ (02 hóa đơn); Công ty TNHH D1 (01 hóa đơn); Công ty TNHH Đ1 (02 hóa đơn); Công ty TNHH D2 (01 hóa đơn); Công ty TNHH K1 (62 hóa đơn); Công ty TNHH K2 (16 hóa đơn); Công ty TNHH M (46 hóa đơn); Công ty TNHH N4 (07 hóa đơn); Công ty TNHH Q1 (03 hóa đơn); Công ty TNHH S (30 hóa đơn); Công ty TNHH S1 (03 hóa đơn); Công ty TNHH S2 (67 hóa đơn); Công ty TNHH T8 (02 hóa đơn); Công ty TNHH T9 (03 hóa đơn); Công ty TNHH T10 (01 hóa đơn); Công ty TNHH T11 (01 hóa đơn); Công ty TNHH T12 (01 hóa đơn); Công ty TNHH T12nhà hàng Ầ (06 hóa đơn); Công ty TNHH T13 (02 hóa đơn); Công ty TNHH T14 (02 hóa đơn); Công ty TNHH V2 (02 hóa đơn); Công ty TNHH V3 (08 hóa đơn); Công ty TNHH X1 (10 hóa đơn) với tổng doanh số ghi trên hóa đơn là 27.344.980.436 đồng *(Trong đó, tiền hàng hóa, dịch vụ là 24.871.863.147đồng, tiền thuế GTGT là 2.473.117.289đồng)*. 24 Công ty này do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT thông qua các trung gian (F1) có "Mã khách hàng" là "Lê D" và "Meo".

Theo thỏa thuận, T1 phải trả cho bên bán hóa đơn số tiền tương đương từ 8% đến 10% giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn và theo nhận thức của T1, số tiền này là tiền thuế GTGT bên bán hóa đơn sẽ nộp ngân sách Nhà nước.

Để hợp thức thanh toán cho các hóa đơn phải chuyển khoản qua ngân hàng, bên bán hóa đơn hẹn X ra Ngân hàng để làm thủ tục hợp thức thanh toán. Sau đó, X cung cấp số tài khoản để bên bán hóa đơn chuyển tiền khoản vào tài khoản cá nhân của T1 (số tài khoản 0481000827034 tại Ngân hàng V4) hoặc đưa tiền mặt cho X số tiền bằng với giá trị thanh toán trên các tờ hóa đơn để nộp vào tài khoản Công ty C1 (số tài khoản 0381000413889 tại Ngân hàng V4). Sau khi nộp tiền vào tài khoản của Công ty C1, X thông báo để T1 thực hiện chuyển tiền qua dịch vụ Mobile Banking từ tài khoản trên của Công ty C1 đến các số tài

khoản của Công ty phát hành hóa đơn (số tài khoản do bên bán hóa đơn cung cấp). Để mua 323 hóa đơn trên, T1 đã trả cho người bán hóa đơn là 2.473.117.289 đồng tương đương với 8% đến 10% giá trị tiền hàng chưa bao gồm thuế GTGT.

Toàn bộ 323 hoá đơn GTGT đã được Công ty C1 kê khai thuế trong năm 2021, 2022 tại chi cục thuế khu vực T7 - V. Đến ngày 08/7/2023, Công ty C1 đã kê khai điều chỉnh bổ sung, loại bỏ 323 hóa đơn trên và nộp khắc phục vào Ngân sách Nhà nước số tiền 5.737.454.364 đồng.

Ngày 09/4/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P có Quyết định trưng cầu giám định số 1563/QĐ- CSKT trưng cầu Cục thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm về pháp luật thuế đối với Công ty C1.

Tại Kết luận giám định ngày 07/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận:

"Với hành vi sử dụng không hợp pháp hoá đơn (hoá đơn khống) để kê khai làm tăng số tiền thuế được khấu trừ, làm giảm số tiền thuế phải nộp của Công ty C1 là hành vi trốn thuế theo quy định tại Khoản 4 Điều 143 Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019".

"Tại thời điểm giám định Công ty C1 đã kê khai bổ sung để điều chỉnh giảm toàn bộ số thuế GTGT đầu vào khấu trừ của 323 tờ hoá đơn sử dụng không hợp pháp và đã khắc phục nộp đầy đủ vào ngân sách số thuế GTGT phải nộp ngân sách tăng sau khi kê khai điều chỉnh bổ sung". Vì vậy không còn thiệt hại về thuế.

Do đó, Hồ Thị Thu T1 có hành vi mua bán trái phép 323 hóa đơn GTGT của Nguyễn Minh T.

Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, xác định danh tính, làm rõ hành vi của cá nhân "Xuân" sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.

8. Võ P- Sinh năm 1986; HKTT: 111/113/6 B, phường B, quận B, TP H; Chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH N4 (viết tắt là Công ty N4); Là người đại diện theo pháp luật; Ngành nghề kinh doanh chính: sửa chữa bảo dưỡng ô tô.

Công ty N4 hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh nghiệp số: 0315742069, do Sở K3 cấp ngày 17/6/2019; đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày: 01/8/2022; Địa chỉ trụ sở: 150 đường B, khu phố D, phường B, quận B, TP H.

Trong năm 2021 và 2022, Công ty N4 đã mua hàng hóa là má phanh, bơm nước, …của các cá nhân và cơ sở kinh doanh nhỏ lẻ để phục vụ kinh doanh (đến nay, P không xác định được danh tính, địa chỉ). P đã thanh toán tiền mua hàng hóa đã bao gồm thuế GTGT nhưng sau khi nhận hàng, bên bán hàng không xuất được hóa đơn GTGT cho Công ty để kê khai thuế. Để chứng minh nguồn gốc hàng hóa đã mua, P đã liên hệ với một cá nhân tên "T1" (chưa xác định được nhân thân, lai lịch) để mua 323 hóa đơn GTGT với tổng giá trị 6.157.311.756 đồng (trong đó: tiền hàng hoá 5.663.636.398 đồng; tiền thuế GTGT 493.675.358 đồng) của 04 Công ty gồm: Công ty TNHH D3 (37 hóa đơn); Công ty TNHH S3 (211 hóa đơn); Công ty TNHH V5 (07 hóa đơn); Công ty TNHH X2 (68 hóa đơn). 04 Công ty này do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT.

Theo thỏa thuận, P phải trả cho "Thảo" số tiền tương đương 5% giá trị hàng hóa

ghi trên hóa đơn và theo nhận thức của P, số tiền này là tiền thuế GTGT "Thảo" sẽ nộp ngân sách Nhà nước.
Để hợp thức thủ tục thanh toán qua ngân hàng cho các hóa đơn, P chỉ đạo "T1" chuyển tiền vào tài khoản cá nhân chị N (vợ ông P) số 604608 mở tại Ngân hàng A2, sau đó chị N chuyển tiền vào tài khoản Công ty N4, rồi P thực hiện việc chuyển tiền trên điện thoại ứng dụng online từ tài khoản Công ty N4 mở tại Ngân hàng A2 đến tài khoản Công ty xuất hóa đơn. Để mua 323 hóa đơn khống, P đã trả số tiền 283.181.000 đồng cho "Thảo" bằng tiền mặt (tương đương 5% giá trị tiền hàng). Vì không biết các giao dịch trên là để hợp thức cho việc mua bán hóa đơn nên chị N chỉ thực hiện theo yêu cầu của P.
Sau khi mua 323 hóa đơn GTGT nêu trên, P đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty N4 tại Chi cục thuế quận B, TP H. Công ty N4 đã kê khai bổ sung, điều chỉnh giảm thuế GTGT được khấu trừ tại Chi cục thuế quận B đối với 323 hóa đơn trên.
Ngày 03/4/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P có Quyết định trưng cầu giám định số 1477/CQĐT(PC03) trưng cầu Cục thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm về pháp luật thuế đối với Công ty N4.
Tại Kết luận giám định ngày 03/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận:
"Việc Công ty N4 sử dụng 323 hóa đơn không hợp pháp để hạch toán hàng hóa, nguyên liệu đầu vào trong hoạt động phát sinh nghĩa vụ thuế làm tăng số tiền thuế được khấu trừ là hành vi trốn thuế".
"Công ty N4 đã thực hiện kê khai bổ sung, điều chỉnh giảm toàn bộ số thuế GTGT đầu vào khấu trừ của 323 tờ hóa đơn sử dụng không hợp pháp và đã khắc phục nộp đủ vào ngân sách số thuế GTGT phải nộp ngân sách tăng sau khi kê khai điều chỉnh bổ sung". Vì vậy không còn thiệt hại về thuế.
Do đó, Võ P có hành vi "Mua bán trái phép" 323 hoá đơn GTGT của Nguyễn Minh T.
Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, làm rõ hành vi của đối tượng "Thảo" sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.
9. Đào Thị Hồng L- Sinh năm 1987; Nơi cư trú: A B, phường F, quận D, TP H. Chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH một thành viên B (viết tắt là Công ty B); Là người đại diện theo pháp luật.
Công ty Bhoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên trở lên. Mã số doanh nghiệp: 0312434108; Đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 26/08/2013; Đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 14/09/2017. Địa chỉ trụ sở chính: 4 Q, phường A, quận G, TP H.
Trong năm 2021, 2022, Công ty B sử dụng các dịch vụ ăn uống, mua hàng hóa văn phòng phẩm, thuê nhân công sửa chữa văn phòng Công ty của nhiều cá nhân khác nhau hiện không xác định được danh tính. Do các cá nhân cung cấp dịch vụ mà Công ty B sử dụng không có pháp nhân, nên không có hóa đơn chứng từ xuất cho Công ty B để làm chứng từ kê khai hạch toán. Sau đó để có chứng từ kê khai L đã liên hệ với một cá nhân để trao đổi việc mua hóa đơn GTGT (hiện chưa xác định được nhân thân lai lịch) để mua **308** hóa đơn GTGT khống của 18 Công ty Công ty TNHH D4 Những Người Bạn; Công ty TNHH

D4; Công ty TNHH D5; Công ty TNHH Đ2; Công ty TNHH K4; Công ty TNHH N5; Công ty TNHH S4; Công ty TNHH S5; Công ty TNHH T15; Công ty TNHH T16; Công ty TNHH T16; Công ty TNHH T17; Công ty TNHH D6; Công ty TNHH T18; Công ty TNHH M; Công ty TNHH T19; Công ty TNHH T20; Công ty TNHH V6; Công ty TNHH N4 với tổng doanh số 24.642.005.118 đồng(trong đó tiền hàng 22.458.985.688 đồng, tiền thuế 2.183.019.430 đồng). 18 Công ty này do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT thông qua các trung gian (F1).

Theo thỏa thuận, L phải trả cho "cá nhân bán hóa đơn" số tiền tương đương 4% giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn và theo nhận thức của L, số tiền này là tiền thuế GTGT "cá nhân bán hóa đơn" sẽ nộp ngân sách Nhà nước.

Về việc thanh toán hợp thức và thanh toán tiền mua hóa đơn như sau: Theo thỏa thuận do tài khoản Công ty B không có đủ tiền nên sẽ mượn tiền của các cá nhân bán hóa đơn để hợp thức thanh toán chuyển khoản qua ngân hàng. Các khoản tiền mượn của các công ty cung cấp hóa đơn sẽ được chuyển vào tài khoản cá nhân của L, số 2152937 tại Ngân hàng A2 - CN Quận D. Tại ngân hàng L gặp các cá nhân bên bán hóa đơn (mỗi lần đều thay đổi người đi giao dịch), sau đó các cá nhân này đưa tiền mặt cho L nộp vào tài khoản Công ty B. Sau khi các khoản tiền được chuyển nộp vào tài khoản Công ty thì L ký ủy nhiệm chi làm các thủ tục thanh toán từ tài khoản Công ty B đến tài khoản các Công ty xuất hóa đơn. Số tiền mua hóa đơn đã thanh toán là 890.000.000 đồng.

Toàn bộ 308 hoá đơn GTGT đã được Công ty B kê khai thuế trong năm 2021, năm 2022 tại Chi cục thuế quận G - TP H. Đến tháng 4/2022, tháng 7, tháng 11/2023 và tháng 01/2024, Công ty B đã kê khai điều chỉnh bổ sung, loại bỏ 308 hóa đơn nêu trên.

Ngày 09/4/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P có Quyết định trưng cầu giám định số 1527/QĐ- CSKT trưng cầu Cục thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm về pháp luật thuế đối với Công ty B.

Tại Kết luận giám định ngày 11/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận:

"Hành vi sử dụng không hợp pháp hóa đơn (hóa đơn khống) để kê khai làm tăng số tiền thuế được khấu trừ, làm giảm số tiền thuế phải nộp của Công ty B là hành vi trốn thuế".

"Công ty B đã kê khai bổ sung để điều chỉnh giảm toàn bộ số thuế GTGT đầu vào khấu trừ của 308 tờ hóa đơn sử dụng không hợp pháp và đã khắc phục nộp vào ngân sách số thuế GTGT phải nộp tăng sau khi kê khai điều chỉnh là 2.107.170.826 đồng, số tiền thuế GTGT phải nộp sau điều chỉnh bổ sung chưa nộp ngân sách là 294.071 đồng". Vì vậy không còn thiệt hại về thuế. Sau khi kê khai điều chỉnh, Công ty B đã nộp số tiền **2.107.170.826 đồng** vào ngân sách Nhà nước.

Do đó, Đào Thị Hồng L có hành vi mua trái phép 308 hóa đơn GTGT của Nguyễn Minh T.

Đào Thị Hồng L đã nộp số tiền 2.107.170.826 đồng, còn lại số tiền tiếp tục nộp theo quy định pháp luật là: 2.107.464.897 đồng - 2.107.170.826 đồng = **294.071 đồng**.

Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, xác định danh tính, làm rõ hành vi của cá nhân bán hóa đơn sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.

10. Nguyễn Diệp Bích H- Sinh năm 1977, HKTT: 352/6 B, phường A, quận B, thành phố H; Chức vụ: Tổng Giám đốc Công ty TNHH V7 (viết tắt là Công ty V7); Là người đại diện theo pháp luật; Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất phụ gia xây dựng.

Công ty V7 được Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh T cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3900368144, đăng ký lần đầu ngày 01/2/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 14/4/2020; Địa chỉ trụ sở chính: Lô D KCN L, khu phố S, phường A, T, T.

Năm 2021, 2022, để phục vụ hoạt động sản xuất, Công ty V7 mua nguyên vật liệu sản xuất của nhiều cửa hàng khác nhau trên địa bàn tỉnh T, khi thanh toán tiền thì những cá nhân, đơn vị này không có hóa đơn. Do đó, H đã liên hệ được với một cá nhân tên "Tuyền" (hiện chưa xác định được nhân thân lai lịch) mua 174 hóa đơn của 08 Công ty: Công ty TNHH Đ3 (08 hóa đơn); Công ty TNHH T10 (15 hóa đơn); Công ty TNHH D7 (28 hóa đơn); Công ty TNHH Đ4 (04 hóa đơn); Công ty TNHH S6 (04 hóa đơn); Công ty TNHH T21 (24 hóa đơn); Công ty TNHH T22 (66 hóa đơn); Công ty TNHH T23 (17 hóa đơn) với tổng giá trị là 101.776.366.250 đồng, trong đó tiền hàng hóa dịch vụ trước thuế VAT là 92.542.152.000 đồng, tiền thuế là 9.234.214.250 đồng. 08 Công ty này do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT thông qua trung gian (F1) có "Mã khách hàng" là **"Chị T2".**

Theo thỏa thuận, H phải trả cho "Tuyền" số tiền tương đương 6% giá trị hàng hoá ghi trên hoá đơn và theo nhận thức của H, số tiền này là tiền thuế GTGT "Tuyền" sẽ nộp ngân sách Nhà nước.

Để hợp thức tiền trên tài khoản: Trước mỗi lần thanh toán, T3 sẽ chuyển khoản vào tài khoản của Công ty V7 mở tại ngân hàng A2 (số tiền chuyển khoản T3 đã trừ 6% phí mua hóa đơn). Sau đó, H sẽ ký vào các Ủy nhiệm chi và đưa cho kế toán (không nhớ là ai) ra ngân hàng thực hiện chuyển khoản vào tài khoản công ty bán hóa đơn. Số tiền H đã trả để mua hóa đơn là 5.552.529.120đ (tương đương với 6% tiền hàng ghi trên hóa đơn).

Sau khi mua 174 hóa đơn nêu trên, H đã sử dụng 167/174 hóa đơn với tổng giá trị là 97.722.263.750đ, trong đó tiền hàng là 88.847.512.500 đồng, thuế GTGT là 8.874.751.250 đồng để kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty V7 tại Cục thuế tỉnh T. H đã kê khai bổ sung điều chỉnh giảm toàn bộ 167 hóa đơn trên.

Ngày 11/4/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P đã có Quyết định trưng cầu giám định số 1630/CQĐT(PC03) trưng cầu Cục thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm về pháp luật thuế đối với Công ty V7.

Tại Kết luận giám định ngày 09/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận:

"*Việc Công ty V7 sử dụng không hợp pháp hóa đơn để hạch toán hàng hóa, nguyên liệu đầu vào trong hoạt động phát sinh nghĩa vụ thuế làm tăng số tiền thuế được khấu trừ, giảm số tiền thuế phải nộp là hành vi trốn thuế theo quy định tại Khoản 4 Điều 143 Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019".*

"Công ty V7 đã kê khai điều chỉnh giảm thuế GTGT khấu trừ đối với toàn bộ 167 số hóa đơn sử dụng không hợp pháp nêu trên, dẫn đến tăng số thuế GTGT phải nộp là 6.771.871.971đ; giảm số thuế GTGT còn khấu trừ chuyển kỳ sau số tiền là 2.102.879.279đ". Vì vậy không còn thiệt hại về thuế.

Do đó, Nguyễn Diệp Bích H có hành vi "Mua bán trái phép" 167 hóa đơn GTGT của Nguyễn Minh T.

Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, xác định danh tính, làm rõ hành vi của cá nhân "Tuyền" sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.

11. Đỗ Văn L1- Sinh năm 1988; Địa chỉ thường trú: Ấp S, xã P, huyện G, tỉnh T. Chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH X3 (viết tắt là Công ty X3); Là người đại diện theo pháp luật.

Công ty X3 hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên. Mã số doanh nghiệp: 0315146524; Đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 09/07/2018; Đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 14/01/2022. Địa chỉ trụ sở chính: 6 L, phường T, quận T, thành phố H.

Năm 2021, 2022, Công ty X3 ký các hợp đồng thi công lắp đặt các công trình nhà xưởng khung thép, L1 đã thực hiện thuê nhân công tại các địa phương có công trình, các nhân công này là lao động tự do không có hóa đơn chứng từ xuất cho L1 để làm chứng từ thanh toán. L1 đã liên hệ người đàn ông tên là "P1" (hiện chưa xác định được nhân thân lai lịch) để mua tổng số **167** hóa đơn GTGT khống của 04 Công ty gồm Công ty TNHH Đ5; Công ty TNHH S3; Công ty TNHH T24; Công ty TNHH X4 với tổng doanh số 27.782.702.758 đồng (trong đó tiền hàng 25.562.604.285 đồng, tiền thuế 2.220.098.473 đồng). 04 Công ty này do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT thông qua các trung gian (F1) có "Mã khách hàng" là "son.my.tp" và "tp".

Theo thỏa thuận, L1 phải trả cho "P1" số tiền tương đương 10% giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn và theo nhận thức của L1, số tiền này là tiền thuế GTGT "Phong" sẽ nộp ngân sách Nhà nước.

Về việc thanh toán hợp thức và thanh toán tiền mua hóa đơn như sau: L1 đến 02 chi nhánh ngân hàng (Ngân hàng S7 – C3; Ngân hàng B1) để thực hiện các giao dịch. Tại Ngân hàng L1 thực dùng ủy nhiệm chi để chuyển tiền từ tài khoản Công ty X3 đến tài khoản của các Công ty xuất hóa đơn và sau đó cá nhân P1 sẽ thực hiện rút tiền mặt trả lại cho L1. Sau khi nhận đủ số tiền đã chuyển thì L1 sẽ thanh toán tiền mua hóa đơn cho P1 bằng tiền mặt là 2.556.260.429 đồng.

Toàn bộ 167 tờ hoá đơn GTGT của các Công ty nêu trên đã được Công ty X3 kê khai thuế trong năm 2021, năm 2022 tại chi cục thuế quận T - TP H. Đến tháng 10/2022 và tháng 7/2023, Công ty X3 đã kê khai điều chỉnh bổ sung, loại bỏ 167 hóa đơn nêu trên.

Ngày 09/4/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P có Quyết định trưng cầu giám định số 1553/QĐ- CSKT trưng cầu Cục thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm về pháp luật thuế đối với Công ty X3.

Tại Kết luận giám định ngày 09/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận:

"Việc Công ty X3 sử dụng không hợp pháp hóa đơn để hạch toán hàng hóa, nguyên liệu mua vào trong hoạt động phát sinh nghĩa vụ thuế làm tăng số tiền

thuế được khấu trừ, làm giảm số tiền thuế phải nộp là hành vi trốn thuế".
"Công ty X3 đã kê khai điều chỉnh giảm thuế GTGT khấu trừ đối với 167 số hóa đơn sử dụng không hợp pháp nêu trên dẫn đến tăng số thuế GTGT phát sinh phải nộp tương ứng số tiền 2.092.895.136 đồng, giảm số thuế GTGT khấu trừ chuyển kỳ sau số tiền là 127.203.337 đồng". Vì vậy không còn thiệt hại về thuế. Sau khi kê khai điều chỉnh, Công ty X3 đã nộp số tiền **101.000.000 đồng** vào ngân sách Nhà nước.
Do đó, Đỗ Văn L1 có hành vi mua trái phép 167 hóa đơn GTGT của Nguyễn Minh T.
Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, xác định danh tính, làm rõ hành vi của cá nhân "P1" sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.
12. Hồ Thị Mỹ N1- Sinh năm 1985, HKTT: L, D, D, Q; Chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH B2 (viết tắt là Công ty B3); Là người đại diện theo pháp luật; Ngành nghề kinh doanh: phụ gia, hương liệu thực phẩm.
Công ty B3 được Sở K3 cấp giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành
viên, mã số: 0314467878, đăng ký lần đầu ngày 19/6/2017, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 30/01/2023; Địa chỉ trụ sở chính: số I u C, Phường A, Quận T, TP H.
Trong năm 2021 và 2022, để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty B3 có thực hiện các hoạt động dịch vụ tiếp khách ăn uống, thuê vận chuyển của các hộ kinh doanh cá nhân nhỏ lẻ ở nhiều địa chỉ khác nhau nên không xác định được danh tính; Công ty đã thanh toán cả tiền hàng hóa, dịch vụ và tiền thuế cho bên bán hàng và cung cấp dịch vụ nhưng sau đó vì các đơn vị không thể phát hành được hóa đơn nên để có hóa đơn GTGT chứng minh nguồn gốc hàng hóa, dịch vụ mua vào, N1 đã giao cho "Hằng" (nhân viên kế toán hiện đã nghỉ việc tại Công ty, chưa xác định được nhân thân lai lịch) liên hệ với một cá nhân (chưa xác định được nhân thân lai lịch) để mua 163 hóa đơn GTGT khống của 39 công ty gồm: Công ty TNHH C2 (01 hóa đơn); Công ty TNHH C4 (01 hóa đơn); Công ty TNHH Đ6 (12 hóa đơn); Công ty TNHH D8 (04 hóa đơn); Công ty TNHH D9nhà hàng K5 (01 hóa đơn); Công ty TNHH D10 (04 hóa đơn); Công ty TNHH Đ3 (05 hóa đơn); Công ty TNHH Đ5 (01 hóa đơn); Công ty TNHH D11 (07 hóa đơn); Công ty TNHH D12 (01 hóa đơn); Công ty TNHH D13 (01 hóa đơn); Công ty TNHH H3 (03 hóa đơn); Công ty TNHH K6 (06 hóa đơn); Công ty TNHH K2 (01 hóa đơn); Công ty TNHH N6 (03 hóa đơn); Công ty TNHH N7 (08 hóa đơn); Công ty TNHH N4 (03 hóa đơn); Công ty TNHH Q1 (04 hóa đơn); Công ty TNHH S (02 hóa đơn); Công ty TNHH S1 (01 hóa đơn); Công ty TNHH S8 (07 hóa đơn); Công ty TNHH T25 (01 hóa đơn); Công ty TNHH T26 (04 hóa đơn); Công ty TNHH T27 (01 hóa đơn); Công ty TNHH T28 (01 hóa đơn); Công ty TNHH T10 (06 hóa đơn); Công ty TNHH T29 (12 hóa đơn); Công ty TNHH T30 (01 hóa đơn); Công ty TNHH T31 (01 hóa đơn); Công ty TNHH T32 (07 hóa đơn); Công
ty TNHH TMDV Nhà sách Văn Lang (04 hóa đơn); Công ty TNHH T34 (11 hóa đơn); Công ty TNHH T35 (03 hóa đơn); Công ty TNHH T13 (09 hóa đơn); Công ty TNHH T36 (06 hóa đơn); Công ty TNHH V2 (07 hóa đơn); Công ty

TNHH V8 (02 hóa đơn); Công ty TNHH D3 (08 hóa đơn); Công ty TNHH X2 (07 hóa đơn) với tổng doanh số ghi trên hóa đơn là 16.507.743.770 đồng *(Trong đó tiền hàng là 15.152.083.600 đồng, tiền thuế là 1.355.660.170 đồng).* 39 Công ty này do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT thông qua trung gian (F1) có "Mã khách hàng" là "Mây".

Theo thỏa thuận, N1 phải trả cho người bán hóa đơn số tiền tương đương 3,8% giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn và theo nhận thức của N1, số tiền này là tiền thuế GTGT người bán hóa đơn sẽ nộp ngân sách Nhà nước.

Để hợp thức thanh toán cho các hóa đơn phải chuyển khoản qua ngân hàng, bên bán hóa đơn sẽ hẹn H1 ra Ngân hàng để làm thủ tục thanh toán. Lúc này, N1 sẽ ký sẵn các Ủy nhiệm chi và đưa cho H1 ra Ngân hàng nơi bên bán hóa đơn đã hẹn trước để làm các thủ tục thanh toán. Sau đó, bên bán hóa đơn đưa tiền cho Hằng số tiền bằng với giá trị thanh toán trên các tờ hóa đơn nhưng giữ lại 3,8% tiền chi phí mua hóa đơn như đã thỏa thuận để H1 nộp tiền mặt vào tài khoản Công ty B3 (số tài khoản 2467878 tại Ngân hàng A2) và dùng Ủy nhiệm chi để chuyển tiền từ tài khoản của Công ty B3 đến tài khoản các Công ty phát hành hóa đơn. Về tiền chi phí mua hóa đơn, N1 sẽ trả cho bên bán hóa đơn thông qua các lần hợp thức thanh toán tại Ngân hàng. Cụ thể, bên bán hóa đơn sẽ giữ lại số tiền 3,8% (giá trị tiền hàng hóa chưa bao gồm thuế GTGT) khi đưa tiền cho H1 nộp vào tài khoản Công ty B3. Tổng số tiền chi phí mua hóa đơn N1 đã trả cho bên bán hóa đơn do H1 liên hệ là 575.779.176 đồng.

Đối với 163 hoá đơn nêu trên, Công ty B3 chỉ sử dụng 162 hoá đơn GTGT với tổng doanh số ghi trên hóa đơn là 16.498.563.770 đồng *(trong đó tiền hàng hóa dịch vụ là 15.143.583.600 đồng, tiền thuế GTGT là: 1.354.980.170 đồng)*kê khai thuế trong năm 2021, 2022 tại chi cục thuế quận T. Đến tháng 9/2024, Công ty B3 đã loại bỏ và kê khai điều chỉnh bổ sung giảm toàn bộ 162 hóa đơn GTGT trên và nộp khắc phục vào Ngân sách Nhà nước với tổng số tiền là 4.570.319.675 đồng.

Ngày 09/4/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P có Quyết định trưng cầu giám định số 1554/QĐ- CSKT trưng cầu Cục thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm về pháp luật thuế đối với Công ty B3.

Tại Kết luận giám định ngày 09/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận:

"Việc Công ty TNHH B2 sử dụng không hợp pháp hoá đơn để hạch toán hàng hoá, nguyên liệu mua vào trong hoạt động phát sinh nghĩa vụ thuế làm tăng số tiền thuế được khấu trừ, giảm số tiền thuế phải nộp là hành vi trốn thuế theo quy định tại Khoản 4 Điều 143 Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14".

"Tại thời điểm giám định Công ty TNHH B2 đã kê khai điều chỉnh giảm số thuế GTGT khấu trừ đối với toàn bộ 162 số hoá đơn sử dụng không hợp pháp nêu trên dẫn đến tăng số thuế GTGT phải nộp là 1.060.944.254 đồng; giảm số thuế GTGT còn được khấu trừ chuyển kỳ sau số tiền là 294.035.914 đồng". Vì vậy không còn thiệt hại về thuế.

Do đó, Hồ Thị Mỹ N1 có hành vi mua bán trái phép 162 hóa đơn GTGT của Nguyễn Minh T.

Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, xác định danh tính, làm rõ hành vi

của cá nhân "H1" sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.

13. Đặng Chí K- Sinh năm 1962, HKTT: 52 H, L, T, TP H; Chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH V9 (viết tắt là Công ty V9); Là người đại diện theo pháp luật; Ngành nghề kinh doanh: kinh doanh vận tải đường bộ.

Công ty V9 được Sở K3 cấp giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, mã số 0301734614, đăng ký lần đầu ngày 31/05/1999, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 15/11/2022; Địa chỉ trụ sở chính: 227/7/6 G, T, T, TP H.

Trong năm 2021 và 2022, Công ty V9 thuê các cá nhân, đơn vị kinh doanh vận tải thực hiện vận chuyển và làm các dịch vụ về cần cẩu ở nhiều địa chỉ khác nhau nên không xác định được danh tính; công ty đã thanh toán tiền thuê dịch vụ và tiền thuế cho bên cung cấp dịch vụ, nhưng vì các cá nhân không thể phát hành được hóa đơn nên để có hóa đơn GTGT chứng minh nguồn gốc hàng hóa, dịch vụ mua vào, K đã liên hệ với các cá nhân làm việc tại công trường mà Công ty V9 đang thi công (chưa xác định được nhân thân lai lịch) để mua **161** hóa đơn GTGT khống của 11 công ty gồm: Công ty TNHH Đ (01 hóa đơn); Công ty TNHH N4 (26 hóa đơn); Công ty TNHH T9 (01 hóa đơn); Công ty TNHH T37 (04 hóa đơn); Công ty TNHH T38 (07 hóa đơn); Công ty TNHH T39 liệu Trí T4 (13 hóa đơn); Công ty TNHH T13 (34 hóa đơn); Công ty TNHH V5 (35 hóa đơn); Công ty TNHH X4 (03 hóa đơn); Công ty TNHH X5 (34 hóa đơn); Công ty TNHH D3 (03 hóa đơn) với doanh số ghi trên hóa đơn là 88.837.321.800 đồng *(trong đó tiền hàng hóa dịch vụ là 80.824.838.000đồng, tiền thuế GTGT là 8.012.483.800đồng)*. 11 Công ty này do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT thông qua các trung gian (F1) có "Mã khách hàng" là "Tan dat" và "Vu".

Theo thỏa thuận, K phải trả cho bên bán hóa đơn số tiền tương đương 6% giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn và theo nhận thức của K, số tiền này là tiền thuế GTGT bên bán hóa đơn sẽ nộp ngân sách Nhà nước.

Để hợp thức cho các hóa đơn phải thanh toán qua ngân hàng, bên bán hóa đơn sẽ cùng K ra Ngân hàng để làm thủ tục thanh toán. Kiến sẽ ký sẵn các Uỷ nhiệm chi của Công ty V9 đưa cho chị Nguyễn Thị Kim A (Nhân viên kế toán) để chị Kim A đi cùng bên bán hóa đơn. Lúc này, bên bán hóa đơn sẽ nộp tiền mặt vào tài khoản Công ty V9 (số tài khoản 114000008422 tại Ngân hàng V10 và số tài khoản 163002699 tại Ngân hàng A2) số tiền bằng với giá trị thanh toán ghi trên hóa đơn nhưng đã giữ lại 6% tiền chi phí mua hóa đơn như đã thỏa thuận nên K sẽ phải bù vào số tiền trên để thanh toán hợp thức các hóa đơn đã mua. Sau khi có tiền vào khoản Công ty, chị Kim A sẽ sử dụng Ủy nhiệm chi do K đã ký để chuyển tiền từ tài khoản trên của Công ty V9 đến tài khoản các Công ty phát hành hóa đơn. Chị Kim A chỉ thực hiện theo chỉ đạo của K mà không biết việc K mua bán trái phép hóa đơn. Để mua 161 hóa đơn, K đã trả cho bên bán hóa đơn số tiền là 4.849.490.280 đồng (tương đương với 6% giá trị tiền hàng chưa bao gồm thuế GTGT).

Đối với **161** hoá đơn GTGT, Công ty V9 chỉ sử dụng **116** hóa đơn GTGT với tổng doanh số ghi trên hóa đơn là **63.497.940.000 đồng***(trong đó tiền hàng hóa*

dịch vụ là 57.725.400.000 đồng, tiền thuế GTGT là 5.772.540.000 đồng) để kê khai thuế trong năm 2021, 2022 tại chi cục thuế quận T và Chi cục thuế T40. Từ ngày 12/12/2022 đến ngày 19/6/2024, Công ty V9 đã nộp khắc phục vào Ngân sách Nhà nước tổng số tiền là 7.532.393.210 đồng; trong đó tiền thuế GTGT phát sinh phải nộp của hoá đơn bất hợp pháp là 230.000.000 đồng.

Ngày 09/4/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P có Quyết định trưng cầu giám định số 1566/QĐ- CSKT trưng cầu Cục thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm về pháp luật thuế đối với Công ty V9.

Tại Kết luận giám định ngày 11/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận:

"Với hành vi sử dụng không hợp pháp hoá đơn (hoá đơn khống) để kê khai làm tăng số tiền thuế được khấu trừ, làm giảm số tiền thuế phải nộp của Công ty V9 là hành vi trốn thuế theo quy định tại Khoản 4 Điều 143 Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019".

"Tại thời điểm giám định Công ty V9 đã kê khai bổ sung để điều chỉnh giảm toàn bộ số thuế GTGT đầu vào khấu trừ của 116 tờ hoá đơn sử dụng không hợp pháp và đã khắc phục nộp đủ vào ngân sách số thuế GTGT phải nộp ngân sách tăng sau khi kê khai điều chỉnh bổ sung". Vì vậy không còn thiệt hại về thuế.

Do đó, Đặng Chí K có hành vi mua bán trái phép 116 hóa đơn GTGT của Nguyễn Minh T.

Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, xác định danh tính, làm rõ hành vi của cá nhân đã bán hóa đơn GTGT sau khi tách vụ án hình sự để tiếp tục xử lý theo quy định.

14. Trang Duy P2- Sinh năm 1985; HKTT: 111/23/17 khu phố G, thị trấn N, huyện N, TP H. Chức vụ: Phó Giám đốc trực tiếp quản lý và điều hành Công ty TNHH D14 (viết tắt là Công ty D14).

Công ty D14 hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0314002713 do Sở K3 cấp ngày 09/09/2016. Địa chỉ trụ sở: số A,P, phường P, Quận G, TP H; Người đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Ngọc T5; Sinh năm 1982; HKTT: số A, Phạm Hữu L2, khu phố B, phường P, Quận G, TP H. Nơi ở hiện nay: số A, P, khu phố B, phường P, Quận G, TP H - Chức vụ: Giám đốc; Ngành nghề kinh doanh chính: xếp dỡ hàng hóa, phương tiện bốc xếp.

Công ty D14 do ông T5 là Giám đốc nhưng thực tế mọi hoạt động kinh doanh của Công ty được ông T5 ủy quyền cho P2 trực tiếp quản lý và điều hành. Trong năm 2021, Công ty D14 đã thuê nhân công bốc xếp, lái cẩu của những cá nhân, hộ kinh doanh nhỏ lẻ để phục vụ kinh doanh (đến nay, P2 không xác định được danh tính, địa chỉ). Theo thỏa thuận, P2 đã thanh toán tiền thuê dịch vụ đã bao gồm thuế GTGT nhưng sau khi sử dụng dịch vụ, bên cho thuê dịch vụ không xuất được hóa đơn GTGT cho Công ty để kê khai thuế. Để chứng minh nguồn gốc dịch vụ đã sử dụng, P2 đã liên hệ với cá nhân tên "Thái Văn G" (chưa xác định được nhân thân, lai lịch) để mua 138 hóa đơn GTGT của Công ty TNHH T13 cho Công ty D14 với tổng giá trị là 20.692.376.413 đồng (trong đó: tiền hàng hóa: 18.811.251.278 đồng; tiền thuế GTGT: 1.881.125.137 đồng). Công ty TNHH T41Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT.

Theo thỏa thuận, P2 phải trả cho "G" số tiền tương đương 7,7% giá trị hàng hóa

ghi trên hóa đơn và theo nhận thức của P2, số tiền này là tiền thuế GTGT "Giang" sẽ nộp ngân sách Nhà nước.
Để hợp thức thủ tục thanh toán qua ngân hàng cho các hóa đơn, P2 chuyển tiền từ tài khoản Công ty D14 mở tại Ngân hàng E đến Công ty bán hóa đơn nêu trên. Sau khi nhận được tiền, bên bán hóa đơn giữ lại tiền mua hóa đơn tương đương 7,7% giá trị tiền hàng và trả lại cho P2 số tiền còn lại bằng tiền mặt.
Để hợp thức thủ tục thanh toán qua ngân hàng cho các hóa đơn: G cử người đến cùng P2 ở một địa chỉ bên ngoài đã hẹn trước để giám sát việc hợp thức mua hóa đơn rồi P2 thông báo cho ông T5 là Giám đốc Công ty D14 chuyển khoản bằng hình thức online qua điện thoại từ tài khoản số 141114851017521 mở tại Ngân hàng E của Công ty D14 đến tài khoản Công ty phát hành hóa đơn. Sau khi, G nhận được tiền trừ đi tiền mua hóa đơn là 7,7% giá trị dịch vụ ghi trên hóa đơn (chưa bao gồm thuế GTGT) còn thừa tiền bao nhiêu thì G chỉ đạo người được cử đi giám sát trả lại tiền bằng tiền mặt cho P2. Do tin tưởng và đã ủy quyền cho P2 điều hành hoạt động của công ty, nên ông T5 chỉ thực hiện theo yêu cầu của P2 mà không biết việc chuyển tiền để hợp thức hóa đơn. Để mua 138 hóa đơn khống, P2 đã trả số tiền 1.448.466.348 đồng cho bên bán hóa đơn (tương đương 7,7% giá trị tiền hàng).
Sau khi mua 138 hóa đơn GTGT nêu trên, P2 đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty D14 tại Chi cục thuế quận G1-huyện N, TP .. Công ty D14 đã kê khai bổ sung, điều chỉnh giảm thuế GTGT được khấu trừ tại Chi cục thuế quận G1-huyện N đối với 138 hóa đơn trên.
Ngày 03/4/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P có Quyết định trưng cầu giám định số 1465/CQĐT(PC03) trưng cầu Cục thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm về pháp luật thuế đối với Công ty D14.
Tại Kết luận giám định ngày 09/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận:
"Với hành vi sử dụng không hợp pháp hóa đơn, hóa đơn khống để kê khai làm tăng số tiền thuế được khấu trừ thuế làm giảm số thuế phải nộp của Công ty D14 là hành vi trốn thuế".
"Công ty D14 đã kê khai bổ sung điều chỉnh giảm số thuế GTGT khấu trừ đối với toàn bộ 138 số hóa đơn sử dụng không hợp pháp nêu trên dẫn đến tăng số thuế GTGT phải nộp là: ***231.004.513 đồng****;giảm số thuếGTGT khấu trừ trong kỳ số tiền là:* ***1.650.120.624 đồng****"*. Vì vậy không còn thiệt hại về thuế. Công ty T42 đã nộp lại toàn bộ số tiền thuế vào ngân sách Nhà nước sau khi thực hiện kê khai bổ sung.
Do đó, Trang Duy P2 có hành vi "Mua bán trái phép" 138 hoá đơn GTGT của Nguyễn Minh T.
Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, làm rõ hành vi của đối tượng "Thái Văn G" sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.
15. Triệu Thoại Q- Sinh năm 1971; Địa chỉ thường trú: Số B K, Phường A, Quận E, TP H. Chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH N8 (viết tắt là Công ty N8); là người đại diện theo pháp luật.
Công ty N8 hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên. Mã số doanh nghiệp: 3702226349;

Đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 4/11/2013; Đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 28/11/2023. Địa chỉ trụ sở chính: Số T, tổ E, Khu phố B, phường T, TP T, tỉnh B.

Trong năm 2021 và 2022, Công ty N8 mua linh kiện máy móc, dịch vụ vận chuyển, tiếp khách, xăng dầu của một số cá nhân ở nhiều địa chỉ khác nhau nên không xác định được danh tính. Công ty đã thanh toán cả tiền hàng và tiền thuế cho người bán nhưng sau đó vì các cá nhân không thể phát hành được hóa đơn nên để có hóa đơn GTGT chứng minh nguồn gốc hàng hóa mua vào, Q đã liên hệ với một cá nhân (không xác định được danh tính) để mua 133 hóa đơn GTGT với tổng doanh số **11.915.334.447 đồng** (*Tiền hàng: 10.872.813.770 đồng, tiền VAT: 1.042.520.677 đồng*. Các Công ty này do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT thông qua các trung gian (F1).

Theo thỏa thuận, Q phải trả cho cá nhân nêu trên số tiền tương đương 4% giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn và theo nhận thức của Q, số tiền này là tiền thuế GTGT cá nhân nêu trên sẽ nộp ngân sách Nhà nước.

Để hợp thức thủ tục thanh toán cho việc mua bán hóa đơn nêu trên, Q sẽ yêu cầu bộ phận kế toán lập ủy nhiệm chi theo yêu cầu của Q, sau đó thực hiện ủy nhiệm chi sang các công ty phát hành hóa đơn. Bên công ty bán hóa đơn giữ lại số tiền 04% giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn như đã thỏa thuận, số tiền còn lại chuyển trả lại cho Q vào tài khoản cá nhân của Q. Nếu tài khoản Công ty không đủ tiền để thanh toán hợp thức thì bên bán hóa đơn sẽ cho Q mượn tiền để thanh toán hợp thức, Q lập sẵn ủy nhiệm chi số tiền cần thanh toán hợp thức, sau đó cùng với cá nhân bán hóa đơn đến ngân hàng A3Chi nhánh S9, cá nhân bán hóa đơn sẽ đưa số tiền cần thanh toán hợp thức cho Q để Q nộp vào tài khoản công ty (nhưng đã trừ 04% bán hóa đơn như đã thỏa thuận). Sau đó Q sẽ thực hiện ủy nhiệm chi thanh toán hợp thức số tiền cần thanh toán sang công ty phát hành hóa đơn; Khi thanh toán ủy nhiệm chi sang công ty bán hóa đơn thì Q sẽ thanh toán hợp thức đủ số tiền cần hợp thức (bao gồm số tiền 04% mua hóa đơn GTGT). Để mua 133 hóa đơn khống, Q đã trả cho cá nhân nêu trên số tiền mua hóa đơn là 434.000.000 đồng (tương đương 4% giá trị tiền hàng).

Sau khi mua 133 hóa đơn, Q đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty N8 tại Chi cục thuế T43, tỉnh B. Tháng 3/2024, Q đã kê khai bổ sung điều chỉnh giảm 133/133 hóa đơn với tổng doanh số là **11.915.334.447 đồng (***Tiền hàng: 10.872.813.770 đồng, tiền VAT: 1.042.520.677 đồng)*.

Ngày 10/4/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P có Quyết định trưng cầu số 1592/CQĐT(PC03) trưng cầu Cục Thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm pháp luật về thuế đối với Công ty N8.

Tại Kết luận giám định ngày 10/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận:

"Công ty N8 có hành vi sử dụng hóa đơn không hợp pháp bị xử lý vi phạm theo quy định tại Nghị Định 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính P3 về hành vi sử dụng không hợp pháp hóa đơn".

"Tại thời điểm giám định, Công ty N8 đã kê khai điều chỉnh giảm số thuế GTGT khấu trừ đối với các hóa đơn sử dụng không hợp pháp đã kê khai khấu trừ thuế đồng thời đã xác định tăng thuế GTGT phát sinh phải nộp, và giảm thuế GTGT

còn được khấu trừ chuyển kỳ sau tương ứng". Vì vậy không còn thiệt hại về thuế.

Do đó, Triệu Thoại Q có hành vi mua bán trái phép 133 hoá đơn giá trị gia tăng của Nguyễn Minh T.

Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, xác định danh tính, làm rõ hành vi của đối tượng bán hóa đơn cho Triệu Thoại Q sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.

16. Trần Thị Á– Sinh năm 1985; Nơi thường trú: 21 đường D, T, T, D, B; Chức vụ: Thủ quỹ Công ty TNHH MTV B (viết tắt là Công ty B).

Công ty B được Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh B cấp giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, mã số: 3702439280, đăng ký lần đầu ngày 26/02/2016, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 01/06/2020; Địa chỉ trụ sở chính: 21 Đường D, KDC phát triển đô thị T44, KP T, phường T, TP D, tỉnh B; Người đại diện theo pháp luật: Lê Quý H2, sinh năm 1985, HKTT: 21 đường D, T, T, D, B; Chức danh: Chủ tịch kiêm Giám đốc; Ngành nghề kinh doanh: vận tải đường bộ.

Công ty B do ông H2 đứng tên Chủ tịch kiêm Giám đốc, nhưng không tham gia hoạt động điều hành Công ty. Trong năm 2021 và 2022, để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty B thuê các đơn vị kinh doanh vận tải để vận chuyển hàng hóa cho khách hàng và sử dụng các dịch vụ ăn uống, sửa chữa bảo dưỡng xe, mua nhiên liệu ở nhiều địa chỉ khác nhau nên không xác định được danh tính; công ty đã thanh toán tiền hàng hóa, dịch vụ và tiền thuế cho bên bán hàng và cung cấp dịch vụ nhưng sau đó vì các đơn vị không thể phát hành được hóa đơn nên để có hóa đơn GTGT chứng minh nguồn gốc hàng hóa, dịch vụ mua vào, Á (là vợ ông H2 và thủ quỹ Công ty) đã liên hệ với cá nhân tên "Nhi" (chưa xác định được nhân thân lai lịch) để mua 103 hóa đơn GTGT khống của 21 công ty gồm: Công TNHH thiết kế xây dựng và vật tư điện P4 (01 hóa đơn);Công ty TNHH Đ (02 hóa đơn);Công ty TNHH D9nhà hàng K5 (03 hóa đơn);Công ty TNHH N4 (12 hóa đơn);Công ty TNHH K7 (03 hóa đơn);Công ty TNHH K8 (02 hóa đơn);Công ty TNHH N4 (08 hóa đơn);Công ty TNHH T9 (01 hóa đơn);Công ty TNHH T45 (18 hóa đơn);Công ty TNHH T37 (01 hóa đơn);Công ty TNHH T30 (08 hóa đơn);Công ty TNHH T32 (04 hóa đơn);Công ty TNHH T34 (03 hóa đơn);Công ty TNHH T39 (02 hóa đơn);Công ty TNHH T13 (16 hóa đơn);Công ty TNHH T46 (01 hóa đơn);Công ty TNHH V5 (01 hóa đơn);Công ty TNHH V11 (05 hóa đơn);Công ty TNHH X5 (01 hóa đơn);Công ty TNHH D3 (01 hóa đơn);Công ty TNHH X6 (10 hóa đơn) với tổng doanh số ghi trên hóa đơn là 15.819.946.788 đồng *(Trong đó, tiền hàng hóa, dịch vụ là 14.482.434.353đồng, tiền thuế GTGT là 1.337.512.435đồng)*. 21 Công ty này do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT thông qua các trung gian (F1) có "Mã khách hàng" là "Lê duy", "Chi My" và "Tram anh".

Theo thỏa thuận, Á phải trả cho "Nhi" số tiền tương đương 7% giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn và theo nhận thức của Á, số tiền này là tiền thuế GTGT "Nhi" sẽ nộp ngân sách Nhà nước.

Để hợp thức thanh toán hóa đơn, N2 cử người và hẹn Á ra Ngân hàng để làm thủ

tục thông qua 02 hình thức:
- Hình thức thứ nhất: Người bên N2 sẽ đưa tiền cho Á số tiền bằng số tiền thanh toán ghi trên hóa đơn nhưng đã giữ lại tiền chi phí mua hóa đơn là 7% như thỏa thuận. Sau khi nhận được tiền, Á sẽ căn cứ số dư trong tài khoản của Công ty B (số tài khoản 6511001693718 tại Ngân hàng B1) để nộp tiền vào sau đó chuyển tiền (qua dịch vụ M1) từ tài khoản trên của Công ty B đến tài khoản các Công ty phát hành hóa đơn (số tài khoản do phía chị N2 cung cấp).
- Hình thức thứ hai: Ái sẽ chuyển tiền sẵn có trong tài khoản trên của Công ty B đến tài khoản của các Công ty phát hành hóa đơn. Sau khi nhận được tiền vào tài khoản của Công ty phát hành hóa đơn, phía N2 sẽ giữ lại số tiền chi phí mua hóa đơn là 7% và trả số tiền còn lại cho Á.
Tổng số tiền chi phí mua hóa đơn Á đã trả cho N2 là 1.013.770.404 đồng (tương đương với 7% giá trị hàng hóa chưa bao gồm thuế GTGT).
Toàn bộ 103 hoá đơn GTGT đã được Công ty B kê khai thuế trong năm 2021, 2022 tại chi cục thuế T43. Đến ngày 09/01/2024, Công ty B đã kê khai điều chỉnh bổ sung, loại bỏ 103 hóa đơn trên và đến nay Công ty B đã nộp khắc phục vào Ngân sách Nhà nước số tiền là 4.629.849.790đồng.
Ngày 09/4/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P có Quyết định trưng cầu giám định số 1559/QĐ- CSKT trưng cầu Cục thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm về pháp luật thuế đối với Công ty B.
Tại Kết luận giám định ngày 10/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận:
"Việc Công ty B sử dụng không hợp pháp hoá đơn (hoá đơn khống) để kê khai khấu trừ thuế GTGT làm giảm số tiền thuế GTGT phải nộp, tăng số thuế được khấu trừ là hành vi trốn thuế theo quy định tại Khoản 4 Điều 143 Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019".
"Tại thời điểm giám định, Công ty B đã kê khai bổ sung điều chỉnh giảm số thuế GTGT khấu trừ đối với các hoá đơn (103 tờ hoá đơn) sử dụng không hợp pháp đã kê khai khấu trừ thuế và đã xác định tăng thuế GTGT phát sinh phải nộp tương ứng 938.899.070 đồng". Vì vậy không còn thiệt hại về thuế.
Do vậy, Trần Thị Á có hành vi mua bán trái phép 103 hóa đơn GTGT của Nguyễn Minh T.
Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, xác định danh tính, làm rõ hành vi của cá nhân "Nhi" sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.
17. Nguyễn Trọng N3- Sinh năm 1981; HKTT: 4 Hòa Bình, phường T, quận T, thành phố H. Chức vụ: Tổng Giám đốc Công ty TNHH T47 (viết tắt là Công ty T47); Là người đại diện theo pháp luật; Ngành nghề kinh doanh: Xử lý môi trường và kinh doanh thiết bị y tế.
18. Hoàng Thị V1- Sinh năm 1987; HKTT: 103/11 L, phường B, quận B, TP .. Chức vụ: Kế toán Công ty TNHH T47.
Công ty T47 hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên số **0314008634** đăng ký lần đầu ngày 13/09/2016; Địa chỉ trụ sở chính: Số D Hòa Bình, phường T, quận T, TP ..
Trong năm 2021 2022, công ty T47 mua hàng hóa của các cá nhân và cơ sở kinh doanh nhỏ lẻ để phục vụ sản xuất (đến nay N3 không xác định được danh tính,

địa chỉ). Theo thỏa thuận, N3 đã thanh toán tiền hàng bao gồm cả tiền thuế GTGT nhưng sau khi nhận hàng, bên bán không xuất hóa đơn GTGT cho Công ty để kê khai thuế. Để chứng minh nguồn gốc hàng hóa đã mua, N3 đã chỉ đạo V1 liên hệ với một cá nhân tên "T6" (chưa xác định được danh tính) để mua tổng số 101 hóa đơn GTGT của 17 công ty: Công Ty Cổ Phần T48 (01 hóa đơn); Công Ty TNHH Đ7 (03 hóa đơn); Công Ty TNHH V2 (07 hóa đơn); Công Ty TNHH Đ8 (06 hóa đơn); Công Ty TNHH K9 (03 hóa đơn); Công Ty TNHH S5 (07 hóa đơn); Công Ty TNHH S10 (04 hóa đơn); Công Ty TNHH S4 (06 hóa đơn); Công Ty TNHH S11 (12 hóa đơn); Công Ty TNHH S12 (13 hóa đơn); Công Ty TNHH T49 (07 hóa đơn); Công Ty TNHH T19 (06 hóađơn); Công Ty TNHH T6 (01 hóa đơn); Công Ty TNHH T7 (06 hóa đơn); Công Ty TNHH T8 (03 hóa đơn); Công Ty TNHH T9 (03 hóa đơn); Công Ty TNHH T10 (13 hóa đơn), với tổng doanh số: 12.043.540.687 đồng (trong đó: tiền hàng hóa: 11.019.609.752 đồng; tiền thuế GTGT: 1.023.930.935 đồng), 17 Công ty này do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT thông qua các trung gian (F1) có "Mã khách hàng" là "TUAN".

Theo thỏa thuận, N phải trả cho người bán hóa đơn số tiền tương đương 5% giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn và theo nhận thức của N và V, số tiền này là tiền thuế GTGT mà "T1" sẽ nộp ngân sách nhà nước.

Để hợp thức hóa đơn, N ký vào Ủy nhiệm chi để trống nội dung, sau đó đưa cho V đi thực hiện giao dịch hợp thức hóa đơn. V gặp "T1" tại Ngân hàng V4 chi nhánh T11. Tại đây, V nhận tiền mặt từ người bán hóa đơn số tiền bằng doanh số hóa đơn cần hợp thức. Nếu tài khoản của công ty F không đủ tiền thanh toán hợp thức hóa đơn, V nộp tiền mặt vào tài khoản của công ty S1 mở tại Ngân hàng V4 và thực hiện Ủy nhiệm chi N đã ký chuyển tiền đến các công ty bán hóa đơn để thanh toán hợp thức hóa đơn. Nếu tài khoản của công ty còn đủ tiền, V sẽ thực hiện Ủy nhiệm chi và cầm tiền mặt về sử dụng vào các khoản chi của công ty theo chỉ đạo của Giám đốc. Để mua 101 hóa đơn khống, N đã trả cho người bán hóa đơn tổng số tiền là 280.164.414 đồng (bằng 5% giá trị hàng hóa trên 59 hóa đơn đã chuyển khoản hợp thức), số tiền này V đưa tiền mặt cho người bán hóa đơn sau khi thanh toán hợp thức hóa đơn.

Sau khi mua 101 hóa đơn nêu trên, công ty F đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của công ty F tại Chi cục thuế Quận T, Thành Phố H trong năm 2021, 2022. Đến nay, công ty F đã kê khai bổ sung loại toàn bộ 101 hóa đơn nêu trên.

Ngày 03/4/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P có Quyết định trưng cầu giám định số 1445/CQĐT(PC03) trưng cầu Cục thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm về pháp luật thuế đối với Công ty F.

Tại Kết luận giám định ngày 10/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận:

"Đối với hành vi sử dụng không hợp pháp 101 hóa đơn GTGT của Công ty F để kê khai tăng thuế GTGT đầu vào được khấu trừ 1.023.930.935 đồng trong các kỳ kê khai thuế từ quý 4/2021 đến quý 3/2022, làm giảm số tiền thuế phải nộp là hành vi trốn thuế".

"Công ty F đã thực hiện kê khai bổ sung và loại bỏ 101 số hóa đơn trong kỳ kê khai thuế từ quý 4/2021 đến quý 3/2022, tương ứng số thuế GTGT đầu vào điều

chỉnh giảm là 1.023.930.935 đồng; Sau khi điều chỉnh giảm, số thuế GTGT phát sinh phải nộp trong kỳ kê khai thuế là 1.051.866.082 đồng". "Tính đến ngày 27/11/2023, Công ty F đã khắc phục nộp đủ số tiền thuế GTGT phát sinh sau điều chỉnh là 1.051.866.082 đồng theo Công văn số 7085/CCCTP-KTr5 ngày 27/11/2023. Vì vậy không còn thiệt hại về thuế.

Do đó, Nguyễn Trọng N và Hoàng Thị V có hành vi mua trái phép 101 hóa đơn GTGT của Nguyễn Minh T.

Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, làm rõ hành vi của đối tượng "T1" sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.

19. Ngô Quốc N1 - Sinh năm 1982; Địa chỉ thường trú: D P, phường A, quận B, TP H. Chức vụ: Giám đốc Công ty Cổ phần C2 (viết tắt là Công ty C2); Là người đại diện theo pháp luật.

20. Hà Hoàng N2 - Sinh năm 1985; Nơi thường trú: 113/7 L, phường P, quận T, TP H; chức vụ: Kế toán trưởng Công ty NMS

Công ty NMS hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần. Mã số doanh nghiệp: 0314316050; Đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 28/03/2017; Đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 22/07/2020. Địa chỉ trụ sở chính: Số A tòa nhà H, D N, phường E, quận C, TP H.

Trong năm 2021, 2022, quá trình hoạt động Công ty C2 bán các mặt hàng là thiết bị máy tính và thực hiện lắp đặt thiết bị, Công ty thuê một người đàn ông tên là "M" thực hiện (hiện chưa xác định được nhân thân lai lịch). Sau khi kết thúc việc lắp đặt thiết bị Công ty C2 thanh toán tiền mặt cho M. Do M chỉ là cá nhân lao động tự do, không có pháp nhân nên không có hóa đơn chứng từ xuất cho Công ty C2 để làm chứng từ kê khai hạch toán cho các chi phí đã thanh toán. Sau đó N2 đã báo cáo N1 về việc các chi phí thanh toán cho M không có hóa đơn chứng từ và N1 chỉ đạo bộ phận kế toán trao đổi với M về việc lấy chứng từ hóa đơn để hạch toán. Sau đó M có trao đổi lại để có hóa đơn GTGT của các Công ty thì phải trả thêm khoản tiền từ 08% đến 10% trên doanh số tiền hàng thể hiện trên hóa đơn; bộ phận kế toán báo cáo lại N1 và được N1 đồng ý để mua 101 hóa đơn GTGT khống của 12 Công ty gồm Công ty TNHH T12; Công ty Cổ phần T13; Công ty TNHH C3; Công ty TNHH D2; Công ty TNHH D3; Công ty TNHH Đ1; Công ty TNHH T14; Công ty TNHH T8; Công ty TNHH T15; Công ty TNHH T16; Công ty TNHH V5; Công ty TNHH V6 với tổng doanh số 10.113.080.000 đồng (trong đó tiền hàng 9.194.310.000 đồng, tiền thuế 918.770.000 đồng). 12 Công ty này do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT thông qua các trung gian (F1) có "Mã khách hàng" là "cuongpham.duong", "TUYEN", "a.hoi".

Theo thỏa thuận, N1, N2 phải trả cho "M" số tiền tương đương 8% - 10% giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn và theo nhận thức của N1, N2, số tiền này là tiền thuế GTGT "M" sẽ nộp ngân sách Nhà nước.

Về việc thanh toán hợp thức và thanh toán tiền mua hóa đơn như sau: Các khoản tiền thanh toán hợp thức sẽ dùng tiền của Công ty C2, N2 không gặp trực tiếp M mà gặp một người đàn ông (không có quen biết) do M giới thiệu. Sau khi sử dụng ủy nhiệm của Công ty C2 thanh toán cho các Công ty xuất hóa đơn thì cá

nhân người đàn ông kia sẽ rút các khoản tiền vừa chuyển trả lại cho Công ty C2, việc nhận lại tiền có lúc N2 nhận tiền mặt hoặc cung cấp số tài khoản cá nhân của các cá nhân là kế toán viên của Công ty (Trần Thị Dịu H, Nguyễn Thị Tố N3) để cá nhân kia chuyển tiền đến. Các khoản tiền trả lại sẽ được N2 và nhân viên kế toán nộp vào tài khoản Công ty C2 hoặc trả các khoản tiền còn thiếu với M. Số tiền mua hóa đơn phải thanh toán trả cho M là 800 triệu đồng.

Đối với 101 hoá đơn GTGT Công ty C2 chỉ sử dụng 99 hóa đơn GTGT, (02 hóa đơn công ty tự loại bỏ không sử dụng kê khai) với tổng doanh số là 10.057.530.000 đồng (trong đó tiền hàng 9.143.810.000 đồng, tiền thuế 913.720.000 đồng) để kê khai thuế trong năm 2021, năm 2022 tại chi cục thuế quận C4 – TP H. Đến tháng 6, tháng 7/2023, Công ty C2 đã kê khai điều chỉnh bổ sung, loại bỏ 99 hóa đơn nêu trên.

Ngày 09/4/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P có Quyết định trưng cầu giám định số 1524/QĐ- CSKT trưng cầu Cục thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm về pháp luật thuế đối với Công ty C2.

Tại Kết luận giám định ngày 10/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận:

"Đối với hành vi sử dụng không hợp pháp 99 hóa đơn GTGT của Công ty C2 để kê khai tăng số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ 913.720.000 đồng trong các kỳ kê khai thuế từ tháng 4/2021 đến tháng 10/2022, làm giảm số tiền thuế phải nộp là hành vi trốn thuế".

"Công ty C2 đã thực hiện kê khai bổ sung và loại bỏ 99 số hóa đơn trong kỳ kê khai thuế từ tháng 4/2021 đến tháng 10/2022; tương ứng số thuế GTGT đầu vào điều chỉnh giảm là 913.720.000 đồng; Sau khi điều chỉnh giảm, số thuế GTGT phát sinh phải nộp trong kỳ kê khai thuế là 1.022.079.382 đồng. Tính đến ngày 20/4/2024, Công ty đã khắc phục nộp đủ số tiền sau điều chỉnh vào NSNN". Vì vậy không còn thiệt hại về thuế.

Do đó, Ngô Quốc N1 và Hà Hoàng N2 có hành vi mua bán trái phép 99 hóa đơn GTGT của Nguyễn Minh T.

Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, xác định danh tính, làm rõ hành vi của cá nhân "M" sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.

21. Châu Thị G - Sinh năm: 1988; HKTT: Ấp F, xã V, thành phố V, tỉnh H; Chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH K (viết tắt là Công ty K); Là người đại diện theo pháp luật; Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất, gia công, xuất khẩu các sản phẩm từ gỗ.

Công ty K hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3702579263 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh B cấp ngày 06/7/2017, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 24/12/2021. Địa chỉ trụ sở: thửa đất số 79, tờ bản đồ số 33-4, đường D, khu phố I, phường P, thành phố T, B.

Trong năm 2022, Công ty K mua vật liệu sản xuất của nhiều cá nhân khác nhau, tuy nhiên một số cá nhân khi bán hàng lại không thể xuất được hóa đơn. Do đó, G liên hệ với một cá nhân có nick Zalo tên "NK" (hiện chưa xác định được nhân thân lai lịch) và mua 97 hóa đơn GTGT của 04 Công ty: Công ty TNHH K1 (12 hóa đơn); Công ty TNHH T17 (12 hóa đơn); Công ty TNHH C5 (53 hóa đơn); Công ty TNHH T18 (20 hóa đơn) với tổng doanh số hóa đơn là

100.685.033.236 đồng, trong đó, giá trị tiền hàng 93.003.840.050 đồng, thuế VAT là 7.681.193.186 đồng. 04 Công ty này do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT thông qua trung gian (F1) có "Mã khách hàng" là "KAIPHUHOA".

Theo thỏa thuận, G phải trả cho "NK" đơn số tiền tương tiền thuế VAT ghi trên hoá đơn và theo nhận thức của G, số tiền này là tiền thuế GTGT "NK" sẽ nộp ngân sách Nhà nước.

Để hợp thức tiền trên tài khoản, mỗi lần thanh toán, Công ty K sẽ sử dụng tiền có sẵn trong tài khoản để chuyển vào tài khoản của Công ty bán hóa đơn. Sau đó, có người của Công ty bán hóa đơn sẽ chuyển lại số tiền trên (đã trừ phần trăm phí mua hóa đơn) cho G để G nhập vào quỹ tiền mặt của Công ty. Công ty K đã thanh toán 65 hóa đơn với tổng doanh số hóa đơn là 63.710.867.836 đồng, trong đó giá trị hàng trước thuế là 58.776.835.050 đồng, tiền thuế VAT là 4.934.032.786 đồng. Do vậy, chi phí mua hóa đơn Công ty K đã thanh toán là 4.934.032.786 đồng.

Sau khi mua 97 hóa đơn nêu trên, G đã sử dụng toàn bộ 97 hóa đơn để kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty K và đã được hoàn thuế. Công ty K2 đã kê khai loại trừ toàn bộ 97 hóa đơn trên.

Ngày 11/4/2024, Cơ quan CSĐT – Công an tỉnh P đã có Quyết định trưng cầu giám định số 1620/CQĐT(PC03) trưng cầu Cục thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm về pháp luật thuế đối với Công ty K.

Tại Kết luận giám định ngày 09/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận:

"Việc Công ty K sử dụng không hợp pháp hóa đơn để hạch toán hàng hóa, nguyên liệu đầu vào trong hoạt động phát sinh nghĩa vụ thuế làm tăng số tiền thuế được khấu trừ, giảm số tiền thuế phải nộp là hành vi trốn thuế theo quy định tại Khoản 4 Điều 143 Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019".

"Công ty K đã kê khai điều chỉnh giảm thuế GTGT khấu trừ đối với toàn bộ 97 số hóa đơn sử dụng không hợp pháp nêu trên dẫn đến giảm số thuế GTGT đề nghị hoàn số tiền là 7.681.193.186đ". Vì vậy không còn thiệt hại về thuế.

Do đó, Châu Thị G có hành vi mua bán trái phép 97 hóa đơn GTGT của Nguyễn Minh T.

Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, danh tính, làm rõ hành vi của cá nhân có nick Zalo tên "NK" sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.

22. Nguyễn Huỳnh Anh V1 - Sinh năm 1978; Nơi ở hiện tại: 1 N, phường B, quận C, TP .; Chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH MTV K3 (Viết tắt là Công ty K3); Là người đại diện theo pháp luật; Ngành nghề kinh doanh: khách sạn.

Công ty K3 hoạt động hoạt động theo giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305908036 do phòng Đăng ký kinh doanh Sở K4 cấp ngày 15/8/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 27/7/2023.

Trong năm 2021 và 2022, Công ty K3 có mua một số loại hàng hóa của các cá nhân, cửa hàng nhỏ lẻ ở nhiều địa chỉ khác nhau (đến nay, V1 không xác định được danh tính, địa chỉ của các cá nhân, cửa hàng nêu trên). Theo thỏa thuận, V1 đã thanh toán tiền mua hàng hóa đã bao gồm thuế GTGT, nhưng sau khi

nhận hàng, bên bán không phát hành được hóa đơn cho Công ty K3 để kê khai thuế. Để chứng minh nguồn gốc hàng hóa đã mua, V1 đã liên hệ với cá nhân tên "Y", "T2", "Đ" (không xác định được danh tính cụ thể) để mua 96 hóa đơn GTGT của 14 Công ty, gồm: Công ty TNHH Đ2 (08 hóa đơn); Công ty TNHH T19 (04 hóa đơn); Công ty T20 (02 hóa đơn); Công ty TNHH C6 (04 hóa đơn); Công ty TNHH Đ1 (22 hóa đơn); Công ty TNHH S2 (01 hóa đơn); Công ty TNHH S3 (03 hóa đơn); Công ty TNHH T21 (32 hóa đơn); Công ty TNHH T22 (02 hóa đơn); Công ty TNHH T23 (03 hóa đơn); Công ty TNHH T24 (08 hóa đơn); Công ty TNHH T20 (01 hóa đơn); Công ty TNHH V7 (03 hóa đơn); Công ty TNHH V8 (02 hóa đơn) với tổng giá trị hóa đơn là 12.334.303.800 đồng (tiền hàng là 11.323.779.000 đồng, tiền thuế là 1.010.524.800 đồng). 14 Công ty này đều do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT.

Theo thỏa thuận, V1 phải trả cho "Y", "T2", "Đ" số tiền tương đương 4% giá trị hàng hóa ghi trên hóa đơn và theo nhận thức của V1, số tiền này là tiền thuế GTGT các cá nhân sẽ nộp ngân sách Nhà nước.

Để hợp thức thủ tục thanh toán qua ngân hàng cho các hóa đơn đã mua, bên bán hóa đơn chuyển tiền từ tài khoản số 8889528 của Công ty TNHH T25 mở tại ngân hàng A2, đến tài khoản số 990110929999 mở tại ngân hàng M3 của Công ty K3. Sau đó V1 ủy nhiệm chi chuyển tiền đến tài khoản của Công ty bán hóa đơn. V1 đã trả số tiền 84.000.000 đồng cho các cá nhân bằng tiền mặt (tương đương với 4% giá trị tiền hàng của 96 hóa đơn).

Sau khi mua 96 hóa đơn GTGT nêu trên, V1 đã sử dụng để kê khai thuế đầu vào của Công ty K3 tại Chi cục thuế quận C4. Tháng 5, 6/2023, Công ty K3 đã kê khai bổ sung, điều chỉnh giảm thuế GTGT được khấu trừ tại Chi cục thuế quận C4 đối với 96 hóa đơn trên.

Ngày 03/4/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P có Quyết định trưng cầu giám định số 1433/CQĐT(PC03) trưng cầu Cục thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm pháp luật thuế đối với Công ty K3.

Tại Kết luận giám định ngày 09/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận:

"Việc Công ty TNHH MTV K3 sử dụng không hợp pháp để hạch toán hàng hóa, nguyên liệu đầu vào trong hoạt động phát sinh nghĩa vụ thuế làm tăng số tiền thuế được khấu trừ, giảm số tiền thuế phải nộp là hành vi trốn thuế".

"Công ty TNHH MTV K3 đã kê khai điều chỉnh giảm số thuế GTGT khấu trừ đối với toàn bộ 96 số hóa đơn sử dụng không hợp pháp nêu trên, dẫn đến tăng số thuế GTGT phải nộp là: 999.124.858 đồng; giảm số thuế GTGT còn khấu trừ chuyển kỳ sau số tiền là 22.711.052 đồng". Vì vậy không còn thiệt hại về thuế. Công ty K3 đã nộp lại toàn bộ số tiền thuế vào ngân sách Nhà nước sau khi thực hiện kê khai bổ sung.

Do đó, Nguyễn Huỳnh Anh V1 có hành vi "Mua bán trái phép" 96 hóa đơn GTGT của Nguyễn Minh T.

Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, làm rõ hành vi của đối tượng "Yến", "T2", "Đ" sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.

23. Nguyễn Ngọc Xuân Q - Sinh năm 1979; HKTT: 2 L, Phường G, G, TP H; Chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH MTV S4 (viết tắt là Công ty S4); Là người

đại diện theo pháp luật; ngành nghề kinh doanh: kinh doanh thương mại các mặt hàng về gỗ và vật liệu xây dựng.

Công ty S4 được Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh B cấp giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, mã số: 3702604463, đăng ký lần đầu ngày 28/09/2017, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 01/11/2021; Địa chỉ trụ sở chính: Số C đường L, Tổ G, Khu H, Phường P, Thành phố T, Tỉnh B.

Trong năm 2021 và 2022, để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty S4 mua hàng hóa là gỗ ván ép, sắt thép của các hộ kinh doanh cá nhân ở nhiều địa chỉ khác nhau nên không xác định được danh tính; Công ty đã thanh toán cả tiền dịch vụ và tiền thuế cho đơn vị bán hàng; nhưng sau đó vì các đơn vị không thể phát hành được hóa đơn nên để có hóa đơn GTGT chứng minh nguồn gốc hàng hóa, dịch vụ mua vào, Q đã liên hệ với cá nhân tên ”Mười” (chưa xác định được nhân thân lai lịch) để mua 93 hóa đơn GTGT khống của 22 công ty gồm: Công ty TNHH Đ1 (02 hóa đơn); Công ty TNHH Đ3 (07 hóa đơn); Công ty TNHH Đ4 (05 hóa đơn); Công ty TNHH Đ5 (04 hóa đơn); Công ty TNHH Đ6 (01 hóa đơn); Công ty TNHH D4 (01 hóa đơn); Công ty TNHH D5 (01 hóa đơn); Công ty TNHH K5 (08 hóa đơn); Công ty TNHH K6 (04 hóa đơn); Công ty TNHH T8 (02 hóa đơn); Công ty TNHH Q1 (01 hóa đơn); Công ty TNHH S5 (02 hóa đơn); Công ty TNHH S6 (14 hóa đơn); Công ty TNHH S7 (01 hóa đơn); Công ty TNHH T26 (01 hóa đơn); Công ty TNHH T27 (03 hóa đơn); Công ty TNHH T28 (01 hóa đơn); Công ty TNHH T29 (05 hóa đơn); Công ty TNHH T30 (12 hóa đơn); Công ty TNHH T31 (01 hóa đơn); Công ty TNHH T32 (16 hóa đơn); Công ty TNHH T33 (01 hóa đơn) với tổng doanh số ghi trên hóa đơn là 53.092.702.657 đồng (Trong đó, tiền hàng là 48.573.585.533 đồng, tiền thuế GTGT là: 4.519.117.124 đồng). 22 Công ty này do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT thông qua các trung gian (F1) có “Mã khách hàng” là “Chi my” và “Lê duy”.

Theo thỏa thuận, Q phải trả cho “Mười” số tiền tương đương 4,5% giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn và theo nhận thức của Q, số tiền này là tiền thuế GTGT “Mười” sẽ nộp ngân sách Nhà nước.

Để hợp thức cho các hóa đơn phải thanh toán qua ngân hàng, M1 sẽ đưa tiền mặt cho Q hoặc M1 sẽ sử dụng các tài khoản Ngân hàng để chuyển tiền vào tài khoản của Q (Số tài khoản 65010000012508 tại Ngân hàng B1) để Q chuyển vào tài khoản Công ty S4 hoặc M1 sẽ chuyển trực tiếp vào tài khoản của Công ty S4 (số tài khoản 116002638396 tại Ngân hàng V9) số tiền bằng với số tiền thanh toán ghi trên hóa đơn. Sau đó, Q sẽ thực hiện chuyển tiền qua hình thức Mobile Banking hoặc Ủy nhiệm chi để chuyển tiền từ tài khoản trên của Công ty S4 đến các số tài khoản của các Công ty bán hóa đơn. Về tiền chi phí mua hóa đơn, Q trả cho M1 qua chuyển khoản từ số tài khoản cá nhân của Q (Số tài khoản 65010000012508 tại Ngân hàng B1) đến số tài khoản do M1 cung cấp hoặc Q sẽ đưa trực tiếp tiền mặt cho M1. Tổng số tiền Q đã trả cho M1 là 2.185.800.000 đồng (tương đương với 4,5% giá trị tiền hàng chưa bao gồm thuế GTGT).

Đối với 93 hoá đơn GTGT, Công ty S4 đã sử dụng để kê khai thuế trong năm 2021, 2022 tại chi cục thuế T34. Đến nay, Công ty S4 đã kê khai điều chỉnh bổ sung, loại bỏ 93 hóa đơn của 22 Công ty trên.

Ngoài việc mua 93 hóa đơn khống cho Công ty S4, trong năm 2021 và năm 2022, Q còn làm dịch vụ kế toán cho một số Doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh B nên Q đã thông qua M1 để liên hệ mua 43 hoá đơn GTGT cho 03 Công ty, gồm: Công ty TNHH MTV V10 (MST C) 07 hóa đơn với tổng giá trị thanh toán là 8.410.424.400 đồng (trong đó, tiền hàng là: 7787.430.000 đồng, tiền thuế là: 622.994.400 đồng); mua cho Công ty TNHH S8 (MST3702409624) 17 hóa đơn GTGT có tổng giá trị thanh toán là: 15.892.052.200 đồng (Trong đó, tiền hàng là: 14.570.379.000 đồng, tiền thuế là: 1.321.673.200 đồng); mua cho Công ty TNHH Đ6 (M4) 19 hóa đơn với tổng giá trị thanh toán là 18.327.224.900 đồng (trong đó, tiền hàng là 16.820.784.000 đồng, tiền thuế là 1.506.440.900 đồng). Do làm dịch vụ kế toán cho 03 Công ty này nên Q chỉ giúp việc liên hệ mua hóa đơn và không được hưởng lợi gì từ việc liên hệ mua hóa đơn cho 03 Công ty này.

Như vậy, thông qua M1, Q đã mua tổng cộng 136 hóa đơn GTGT với tổng giá trị ghi trên hóa đơn là 95.722.404.157 đồng (Trong đó, tiền hàng hóa là 87.752.178.533 đồng, tiền thuế GTGT là 7.970.225.624 đồng).

Ngày 09/4/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P có Quyết định trưng cầu giám định số 1560/QĐ- CSKT trưng cầu Cục thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm về pháp luật thuế đối với Công ty S4.

Tại Kết luận giám định ngày 09/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận:

"Việc Công ty S4 sử dụng không hợp pháp 93 số hoá đơn để hạch toán hàng hoá, nguyên liệu đầu vào trong hoạt động phát sinh nghĩa vụ thuế làm giảm số tiền thuế phải nộp và tăng số tiền thuế được khấu trừ là hành vi trốn thuế theo quy định tại Khoản 4 Điều 143 Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14".

"Tại thời điểm giám định, Công ty S4 đã thực hiện kê khai bổ sung, điều chỉnh giảm thuế GTGT đầu vào khấu trừ của 93 số hoá đơn dẫn đến làm tăng số thuế GTGT phải nộp 4.519.117.124 đồng". Vì vậy không còn thiệt hại về thuế.

Do đó, Nguyễn Ngọc Xuân Q có hành vi mua bán trái phép 136 hóa đơn của Nguyễn Minh T.

Nguyễn Ngọc Xuân Q phải tiếp tục nộp số tiền 4.519.117.124 đồng theo quy định của pháp luật.

Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, làm rõ hành vi của đối tượng tên "Mười" và xác minh việc sử dụng hóa đơn bất hợp pháp của Công ty TNHH MTV V10; Công ty TNHH S8 và Công ty TNHH Đ6 sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.

24. Hoàng Thị M2 - Sinh năm 1977; HKTT: Ấp A, xã P, huyện Đ, tỉnh Đ; Chức vụ: phụ trách mua sắm vật tư Công ty TNHH một thành viên S9 (viết tắt là Công ty S9).

Công ty S9 hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số: 3601004678 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Đ cấp ngày 05/05/2008; đăng ký thay đổi lần thứ 06 ngày: 11/01/2023. Địa chỉ: B,

KP A, đường B, phường A, TP ., tỉnh Đ. Người đại diện theo pháp luật: Bà Lưu Thị N4; Sinh năm 1971; HKTT: 265A, KP A, đường B, phường A, TP ., tỉnh Đ. Nơi ở hiện nay: Nhà số B, tòa L, số G, phường B, Quận B, TP .. Chức danh: Chủ tịch công ty kiêm Giám đốc. Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm từ hạt điều.

Trong năm 2021, 2022, công ty S9 mua hàng hóa của các cá nhân và cơ sở kinh doanh nhỏ lẻ để phục vụ sản xuất (đến nay công ty S9 không xác định được danh tính, địa chỉ của các cá nhân và cơ sở kinh doanh nêu trên). Theo thỏa thuận, Công ty S9 đã thanh toán tiền hàng bao gồm cả tiền thuế GTGT nhưng sau khi nhận hàng, bên bán không xuất hóa đơn GTGT cho Công ty để kê khai thuế. Để chứng minh nguồn gốc hàng hóa đã mua, M2 đã liên hệ với một cá nhân tên "Pham Van A" (chưa xác định được danh tính) để mua tổng số 90 hóa đơn GTGT của 04 công ty gồm: Công ty TNHH C3 (07 hóa đơn); Công ty TNHH T35 (22 hóa đơn); Công ty TNHH T33 (44 hóa đơn); Công ty TNHH T36 (17 hóa đơn) với tổng doanh số: 9.532.217.661 đồng (trong đó: tiền hàng hóa: 8.824.213.000 đồng; tiền thuế GTGT: 833.941.660 đồng). 03 Công ty này do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT thông qua các trung gian (F1) có "Mã khách hàng" là "Lê D". Việc mua hóa đơn nêu trên M2 không báo cáo Giám đốc công ty là Lưu Thị N4, do thời điểm này chị N4 đang đi điều trị bệnh dài ngày, thường xuyên vắng mặt ở công ty.

Theo thỏa thuận, M2 phải trả cho người bán hóa đơn số tiền tương đương tiền thuế ghi trên hóa đơn và theo nhận thức của M2 số tiền này là tiền thuế GTGT mà "A" sẽ nộp ngân sách nhà nước.

Để hợp thức hóa đơn, N4 báo cáo với D1 (là em gái N4) - kế toán, quản lý của công ty số tiền cần thanh toán chuyển khoản và báo cáo chị D1 số tiền này công ty đã ứng để M2 thanh toán cho người bán hàng trong quá trình mua hàng nên người bán hàng sẽ tiến hành thanh toán chuyển khoản để hợp thức cho hóa đơn. Chị D1 đưa cho M2 các ủy nhiệm chi N4 đã ký sẵn để trống nội dung, sau đó M2 gặp người bán hóa đơn tại Ngân hàng V9 - Chi nhánh Đ7 và nhận tiền mặt từ người bán hóa đơn số tiền bằng với doanh số hóa đơn cần chuyển khoản hợp thức và đưa cho kế toán của công ty là Nguyễn Thúy A1 nộp vào tài khoản của công ty S10 mở tại Ngân hàng V9, sau đó sử dụng Ủy nhiệm chi do N4 đã ký sẵn chuyển tiền đến các công ty bán hóa đơn để thanh toán hợp thức hóa đơn. Quá trình nộp tiền và thực hiện giao dịch, chị A1 không biết các giao dịch này là giao dịch thanh toán hợp thức hóa đơn M2 mua trái phép. Để mua 90 hóa đơn khống M2 đã trả cho người bán hóa đơn tổng số tiền là 833.941.660 đồng (bằng tiền thuế trên 90 hóa đơn), số tiền này M2 đưa tiền mặt cho người bán hóa đơn sau khi thanh toán hợp thức hóa đơn.

Sau khi mua 90 hóa đơn nêu trên, M2 đã chuyển cho bộ phận kế toán sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của công ty S9 tại Cục thuế tỉnh Đ trong năm 2021, 2022. Đến nay, công ty S9 đã kê khai bổ sung loại toàn bộ 90 hóa đơn nêu trên.

Ngày 03/4/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P có Quyết định trưng cầu giám định số 1443/CQĐT(PC03) trưng cầu Cục thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm về pháp luật thuế đối với Công ty S9.

Tại Kết luận giám định ngày 10/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận:
"Đối với hành vi sử dụng không hợp pháp 90 hóa đơn GTGT của Công ty S9 để kê khai tăng số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ số tiền 833.941.660 đồng trong các kỳ kê khai từ tháng 10/2021 đến tháng 07/2022 tại Cục thuế tỉnh Đ, dẫn đến làm tăng số thuế GTGT được hoàn 833.941.660 đồng là hành vi trốn thuế".
"Công ty S9 đã kê khai điều chỉnh bổ sung, loại bỏ 90 hóa đơn của 04 công ty, tương ứng với điều chỉnh giảm số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ 833.941.600 đồng trong các kỳ kê khai thuế từ tháng 10/2021 đến tháng 7/2022; tương ứng điều chỉnh giảm số thuế GTGT đề nghị hoàn 833.941.660 đồng trong các kỳ kê khai từ tháng 10/2021 đếng tháng 07/2022; Sau khi điều chỉnh, không phát sinh số thuế phải nộp. Ngày 29/6/2023, Công ty S9 đã khắc phục nộp 833.941.660 đồng tiền thuế GTGT đã được hoàn vào ngân sách nhà nước tại tài khoản thu hồi hoàn thuế GTGT theo các giấy nộp tiền Cục thuế tỉnh Đ cung cấp". Vì vậy không còn thiệt hại về thuế.
Do đó, Hoàng Thị M2 có hành vi mua trái phép 90 hóa đơn GTGT của Nguyễn Minh T.
Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, làm rõ hành vi của đối tượng "Pham Van A" sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.
25. Nguyễn Thị Cẩm T3 - Sinh năm 1984; HKTT: Tổ 2, Ấp B, xã P, thị xã B, tỉnh B; Chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH một thành viên T37 (viết tắt là Công ty T37); Là người đại diện theo pháp luật; Ngành nghề kinh doanh chính: Kinh doanh thương mại vật tư điện nước, vật liệu xây dựng.
Công ty T37 hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số: 3702325188 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh B cấp ngày 24/12/2014; đăng ký thay đổi lần thứ 05 ngày 06/12/2021. Địa chỉ: Số C, ấp B, xã P, thị xã B, tỉnh B.
Trong năm 2022, công ty T37 có mua hàng hóa của các cá nhân và cơ sở kinh doanh nhỏ lẻ để phục vụ sản xuất (đến nay T3 không xác định được danh tính, địa chỉ của các cá nhân và cơ sở kinh doanh nêu trên). Theo thỏa thuận, T3 đã thanh toán tiền hàng bao gồm cả tiền thuế GTGT nhưng sau khi nhận hàng, bên bán không xuất hóa đơn GTGT cho Công ty để kê khai thuế. Để chứng minh nguồn gốc hàng hóa đã mua, T3 đã liên hệ với một cá nhân tên "T4" (chưa xác định được danh tính) để mua tổng số 90 hóa đơn GTGT của 09 công ty gồm: Công ty TNHH Đ1 (01 hóa đơn); Công ty TNHH D2 (20 hóa đơn); Công ty TNHH T19 (02 hóa đơn); Công ty TNHH T38 (04 hóa đơn); Công ty TNHH T39 (01 hóa đơn); Công ty TNHH T40 (08 hóa đơn); Công ty TNHH T41 (17 hóa đơn); Công ty TNHH T42 (13 hóa đơn); Công ty TNHH V11 (24 hóa đơn) với tổng doanh số là 5.587.664.957 đồng (trong đó: tiền hàng hóa: 5.589.391.913 đồng; tiền thuế GTGT: 497.233.083 đồng). 09 Công ty này do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT thông qua các trung gian (F1) có "Mã khách hàng" là "minh quoc".
Theo thỏa thuận, T phải trả cho "T4" số tiền tương đương 3,5% giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn và theo nhận thức của T, số tiền này là tiền thuế GTGT mà

“T4” sẽ nộp ngân sách nhà nước. Để hợp thức hóa đơn, T gặp “T4”, “T4” đưa tiền mặt bằng đúng doanh số các hóa đơn cần hợp thức. Sau đó T nộp tiền vào tài khoản của Công ty T37 số: 1511198408 mở tại Ngân hàng A2 và ký Ủy nhiệm chi chuyển tiền đến tài khoản của các công ty bán hóa đơn. Để mua 90 hóa đơn khống, T đã trả cho “T4” tổng số tiền là: 178.225.000 đồng (bằng 3,5% giá trị hàng hóa trên hóa đơn), số tiền này T đưa tiền mặt cho T4 sau khi thanh toán hợp thức hóa đơn.

Sau khi mua 90 hóa đơn nêu trên, T đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty T37 tại Chi cục Thuế khu vực B2 trong năm 2022. Đến nay, T đã kê khai bổ sung loại bỏ toàn bộ 90 hóa đơn nêu trên.

Ngày 03/4/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P có Quyết định trưng cầu giám định số 1454/CQĐT(PC03) trưng cầu Cục thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm về pháp luật thuế đối với Công ty TNHH một thành viên T37.

Tại Kết luận giám định ngày 09/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận:

“Việc Công ty T37 sử dụng không hợp pháp 90 số hóa đơn để hạch toán hàng hóa, nguyên liệu đầu vào trong hoạt động phát sinh nghĩa vụ thuế làm giảm số tiền thuế phải nộp và làm tăng số tiền thuế được khấu trừ là hành vi trốn thuế”.

“Công ty T37 đã thực hiện kê khai bổ sung, điều chỉnh giảm thuế GTGT đầu vào được khấu trừ của 90 hóa đơn nêu trên dẫn đến làm tăng số tiền thuế phải nộp 208.936.697 đồng, giảm số thuế GTGT được khấu trừ 288.296.386 đồng”.

Công ty T37 đã nộp toàn bộ số tiền thuế GTGT phát sinh sau khi kê khai điều chỉnh vào ngân sách Nhà nước. Vì vậy không còn thiệt hại về thuế.

Do đó, Nguyễn Thị Cẩm T3 có hành vi mua trái phép 90 hóa đơn GTGT của Nguyễn Minh T.

Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, làm rõ hành vi của đối tượng “Tiến” sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.

26. Lê Bách V2 - Sinh năm 1982; Nơi thường trú: 3 L, Phường H, Quận T, TP HCM; Chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH X (viết tắt là Công ty X); Là người đại diện theo pháp luật.

Công ty X hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0312274990 do Phòng đăng ký kinh doanh Sở K4 cấp ngày 13/05/2013, Trụ sở: 373/54 L, Phường H, Quận T, TP ..

Trong năm 2021 và 2022, Công ty X mua vật liệu và thuê phương tiện của của các cá nhân, cửa hàng N8 ở nhiều địa chỉ khác nhau nên không xác định được danh tính. Công ty đã thanh toán tiền hàng và tiền thuế cho người bán nhưng sau đó vì các cá nhân không thể phát hành được hóa đơn nên để có hóa đơn GTGT chứng minh nguồn gốc hàng hóa mua vào, V2 đã liên hệ với một người đàn ông (đến nay chưa xác định được danh tính) để mua 90 hóa đơn GTGT của 08 công ty gồm: Công ty TNHH D6; Công ty TNHH Đ6; Công ty TNHH T43; Công ty TNHH T44; Công ty TNHH T45; Công ty TNHH D4; Công ty TNHH D5; Công ty TNHH D7 (08 Công ty đều do Nguyễn Minh T sử dụng để bán hóa đơn) với tổng giá trị là 13.410.413.340đ (trong đó tiền hàng là 12.282.877.000đ, tiền thuế là 1.127.536.340đ).

Theo thoả thuận, V2 phải trả cho người bán hóa đơn số tiền tương đương từ 5%

giá trị tiền hàng ghi trên hoá đơn, theo nhận thức của V2 thì số tiền này là tiền thuế GTGT người bán hóa đơn sẽ nộp ngân sách Nhà nước.
Để hợp thức thủ tục thanh toán qua ngân hàng cho các hoá đơn thì bên bán hóa đơn sẽ giao tiền mặt tương đương với 95% giá trị hóa đơn cho V2 để nộp vào tài khoản số số 160826369 của Công ty X mở tại Ngân hàng A2, trước khi chuyển tiền đến tài khoản công ty bán hóa đơn V2 phải bù thêm 5% (đây là tiền mua hóa đơn). Để mua được 90 hóa đơn, V2 đã trả cho người bán tổng số tiền là 614.134.850đ (tương đương với 5%).
Sau khi mua 90 hóa đơn GTGT nêu trên, Công ty X đã sử dụng kê khai thuế GTGT đầu vào với Chi cục thuế quận T, TP H. Tháng 06 năm 2023, Công ty X đã kê khai bổ sung, điều chỉnh giảm thuế GTGT được khấu trừ đối với 90 hoá đơn trên.
Ngày 10/04/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P có Quyết định trưng cầu giám định số 1536/QĐ- CSKT trưng cầu Cục thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm về pháp luật thuế đối với Công ty X.
Tại Kết luận giám định ngày 10/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận:
"Việc Công ty X sử dụng 90 hóa đơn không hợp pháp để hạch toán hàng hóa, nguyên liệu đầu vào trong hoạt động phát sinh nghĩa vụ thuế làm tăng số tiền thuế được khấu trừ là hành vi trốn thuế".
"Công ty X đã kê khai điều chỉnh giảm thuế số thuế GTGT khấu trừ đối với toàn bộ 90 số hóa đơn không hợp pháp nêu trên dẫn đến tăng số thuế GTGT phát sinh phải nộp là 571.824.481 đồng, đến thời điểm giám định Công ty X đã nộp hết số thuế GTGT phát sinh phải nộp vào ngân sách nhà nước". Vì vậy không còn thiệt hại về thuế.
Do đó, Lê Bách V2 có hành vi Mua bán trái phép 90 hoá đơn GTGT của Nguyễn Minh T.
Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, làm rõ hành vi của đối tượng bán hóa đơn trái phép sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.
27. Thủy Thanh P - Sinh năm 1989; Địa chỉ thường trú: 7 T, phường D, TP D, B; Chức vụ: Chủ tịch công ty kiêm Giám đốc Công ty TNHH H6 (viết tắt là Công ty H7); là người đại diện theo pháp luật; Ngành nghề kinh doanh: Vệ sinh công nghiệp.
Công ty H7 hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên. Mã số doanh nghiệp: 3702657419; Đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 20/04/2018; Đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 14/09/2023. Địa chỉ trụ sở chính: Số B đường B, khu phố T, phường T, TP D, B.
Trong năm 2021, năm 2022, Công ty H7 mua hàng hóa vật tư là dụng cụ, hóa chất về vệ sinh công nghiệp của các cá nhân ở nhiều địa phương khác nhau. Do các cá nhân bán hàng nhỏ lẻ, không có pháp nhân, không có hóa đơn chứng từ xuất cho Công ty H7, nên để có hóa đơn chứng minh nguồn gốc hàng hóa mua vào, P đã liên hệ với người đàn ông tên "D" (hiện chưa xác định được nhân thân lai lịch) để mua 88 hóa đơn GTGT khống của 18 Công ty gồm: Công ty TNHH Đ1; Công ty TNHH D2; Công ty TNHH D8 nhà hàng K7; Công ty TNHH Đ5; Công ty TNHH H8; Công ty TNHH K8 và PCCC 24h; Công ty TNHH K3 nhà

hàng K3; Công ty TNHH K3; Công ty TNHH S7; Công ty TNHH V5; Công ty TNHH Đ6; Công ty TNHH T21; Công ty TNHH T14; Công ty TNHH T19; Công ty TNHH T38; Công ty TNHH V12; Công ty TNHH X1; Công ty TNHH X2 với tổng doanh số 7.222.956.420 đồng (trong đó tiền hàng là 6.582.222.000 đồng; tiền thuế là 640.734.420 đồng). 18 Công ty này do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT thông qua các trung gian (F1) có "Mã khách hàng" là "A toai" và "Cuong pham".

Theo thỏa thuận, P phải trả cho "D" số tiền tương đương 3,5% giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn và theo nhận thức của P, số tiền này là tiền thuế GTGT "Duy" sẽ nộp ngân sách Nhà nước.

Về việc thanh toán hợp thức và thanh toán tiền mua hóa đơn như sau: P đã trao đổi với D là do tài khoản Công ty H7 không có đủ tiền nên các cá nhân bán hóa đơn sẽ cho mượn tiền để chuyển thanh toán hợp thức qua tài khoản ngân hàng. Theo như đã thỏa thuận, P đã nhờ chị Lê Thị H1 (nhân viên kế toán) đến chi nhánh Ngân hàng A2 - CN D để gặp các cá nhân giới thiệu bên công ty bán hóa đơn. Tại đây H1 gặp một nam thanh niên và người này đưa các khoản tiền mặt cho chị H1 sau đó P chỉ đạo H1 nộp tiền vào Công ty H7. P có trao đổi khi tiền chuyển vào tài khoản Công ty H7 thì H1 sử dụng các ủy nhiệm chi P đã ký sẵn làm lệnh chuyển tiền từ tài khoản Công ty H7 đến tài khoản của các công ty phát hành hóa đơn, khi tiền được chuyển đến thì các công ty bán hóa đơn sẽ giữ lại. Tổng số tiền đã thanh toán hợp thức thể hiện trên tài khoản Công ty H7 là 7.464.183.920 đồng và số tiền mua hóa đơn Phương đã thanh toán là 230.377.770 đồng (tương đương 3,5% giá trị tiền hàng chưa thuế). Chị H1 chỉ thực hiện theo chỉ đạo của P mà không biết việc nhận, chuyển tiền như trên là để thực hiện việc mua bán hóa đơn.

Toàn bộ 88 hoá đơn GTGT đã được Công ty H7 kê khai thuế trong năm 2021, năm 2022 tại Chi cục thuế T46 - B. Đến tháng 12/2022; Tháng 01, tháng 6, tháng 9, tháng 12 /2023, Công ty H7 đã kê khai điều chỉnh bổ sung, loại bỏ 88 hóa đơn nêu trên.

Ngày 09/4/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P có Quyết định trưng cầu giám định số 1529/QĐ- CSKT trưng cầu Cục thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm về pháp luật thuế đối với Công ty H7.

Tại Kết luận giám định ngày 10/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận:

"Với hành vi sử dụng không hợp pháp hóa đơn (hóa đơn khống) để kê khai làm tăng số tiền thuế được khấu trừ, làm giảm số thuế phải nộp của Công ty H7 là hành vi trốn thuế".

"Công ty H7 đã kê khai bổ sung để điều chỉnh giảm toàn bộ số thuế GTGT đầu vào khấu trừ của 88 hóa đơn sử dụng không hợp pháp và đã khắc phục nộp đủ vào ngân sách số thuế GTGT phải nộp ngân sách tăng sau khi kê khai điều chỉnh bổ sung". Vì vậy không còn thiệt hại về thuế.

Do đó, Thủy Thanh P có hành vi mua bán trái phép 88 hóa đơn GTGT của Nguyễn Minh T.

Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, xác định danh tính, làm rõ hành vi của cá nhân "D" sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.

28. Nguyễn Thị N5 - Sinh năm 1991, HKTT: KP B, phường T, T, B; Chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH MTV S11 (viết tắt là Công ty S11); Là người đại diện theo pháp luật; Ngành nghề kinh doanh: Gia công kim loại.

Công ty S11 được Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh B cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3702566867, đăng ký lần đầu ngày 29/5/2017, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 17/05/2023; Địa chỉ trụ sở chính: Thửa đất số 211, tờ bản đồ số 24, khu phố B, phường T, T, B.

Năm 2021, 2022, Công ty S11 mua hàng hóa của nhiều cửa hàng, đơn vị nhỏ lẻ trên địa bàn tỉnh B. Tuy nhiên, khi thanh toán tiền hàng, các cửa hàng này lại không xuất được hóa đơn GTGT, nên N5 đã liên hệ với cá nhân tên "C" (hiện chưa xác định được nhân thân lai lịch) và mua 84 hóa đơn GTGT của 17 Công ty: Công ty TNHH C3 (08 hóa đơn); Công ty TNHH D2 (10 hóa đơn); Công ty TNHH D3 (02 hóa đơn); Công ty TNHH Đ5 (10 hóa đơn); Công ty TNHH K3 (01 hóa đơn); Công ty TNHH K3 (01 hóa đơn); Công ty TNHH N9 (02 hóa đơn); Công ty TNHH S12 (02 hóa đơn); Công ty TNHH S5 (10 hóa đơn); Công ty TNHH T21 (06 hóa đơn); Công ty TNHH T14 (04 hóa đơn); Công ty TNHH T38 (06 hóa đơn); Công ty TNHH T33 (09 hóa đơn); Công ty TNHH T36 (05 hóa đơn); Công ty TNHH T16 (03 hóa đơn); Công ty TNHH V5 (02 hóa đơn); Công ty TNHH V13 (03 hóa đơn) với tổng doanh số hóa đơn là 15.336.670.910 đồng, trong đó, giá trị tiền hàng 13.984.308.100 đồng, thuế VAT là 1.352.362.810 đồng. 17 Công ty này do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT thông qua trung gian (F1) có "Mã khách hàng" là "Lê D".

Theo thỏa thuận, N5 phải trả cho "C" đơn số tiền bằng 6% giá trị tiền hàng ghi trên hoá đơn và theo nhận thức của N5, số tiền này là tiền thuế GTGT "Cường" sẽ nộp ngân sách Nhà nước.

Để hợp thức tiền trên tài khoản, trước khi thanh toán cho Công ty bán hóa đơn, C và N5 ra ngân hàng, C nộp tiền mặt (đã trừ phí mua hóa đơn 6%) vào tài khoản Công ty số 0281000520334 mở tại V4, đồng thời N5 sẽ viết Ủy nhiệm chi thanh toán đến tài khoản Công ty bán hóa đơn. Về sau, do đã tin tưởng nên trước khi thanh toán, C sẽ đến gặp N5 để lấy Ủy nhiệm chi rồi tự ra ngân hàng nộp tiền mặt vào tài khoản Công ty rồi dùng Ủy nhiệm chi N5 đã viết, ký sẵn để chuyển khoản hợp thức. Chi phí mua hóa đơn Công ty S11 đã thanh toán là 791.334.744 đồng.

Sau khi mua 84 hóa đơn nêu trên, N5 đã sử dụng toàn bộ 84 hóa đơn để kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty S11 tại chi cục thuế khu vực T47, B và N5 đã kê khai bổ sung điều chỉnh giảm 84 hóa đơn trên.

Ngày 11/4/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P đã có Quyết định trưng cầu giám định số 1622/CQĐT(PC03) trưng cầu Cục thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm về pháp luật thuế đối với Công ty S11.

Tại Kết luận giám định ngày 10/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận:

"Việc Công ty S11 sử dụng không hợp pháp hóa đơn để hạch toán hàng hóa, nguyên liệu đầu vào trong hoạt động phát sinh nghĩa vụ thuế làm tăng số tiền thuế được khấu trừ, giảm số tiền thuế phải nộp là hành vi trốn thuế theo quy định tại Khoản 4 Điều 143 Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày

13/6/2019".
"Công ty S11 đã kê khai điều chỉnh giảm số tiền thuế GTGT khấu trừ đối với các hóa đơn sử dụng không hợp pháp đã kê khai khấu trừ thuế và đã xác định tăng thuế GTGT phát sinh phải nộp tương ứng (1.355.402.810đ)". Vì vậy không còn thiệt hại về thuế.
Do đó, Nguyễn Thị N5 có hành vi mua bán trái phép 84 hóa đơn GTGT của Nguyễn Minh T.
Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, xác định danh tính, làm rõ hành vi của cá nhân "C" sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.
29. Nguyễn Thị H2 - Sinh năm 1975; Địa chỉ thường trú: Số E, tổ B, KP D, phường L, TP B, Đ. Chức vụ: Chủ tịch hội đồng thành viên kiêm Giám đốc Công ty TNHH T48 (viết tắt là Công ty T48); Là người đại diện theo pháp luật; Ngành nghề kinh doanh: cung cấp dịch vụ vận tải.
Công ty T48 hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên. Mã số doanh nghiệp: 3602413144; Đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 06/12/2010; Đăng ý thay đổi lần thứ 1 ngày 06/11/2013. Địa chỉ trụ sở chính: Số E, tổ B, KP D, phường L, TP B, tỉnh Đ.
Trong năm 2021 và năm 2022, quá trình hoạt động Công ty T48 thuê xe của các cá nhân ở nhiều địa phương khác nhau. Do các cá nhân có xe mà Công ty thuê không có hóa đơn chứng từ xuất cho Công ty để làm chứng từ kê khai hạch toán cho các chi phí đã thanh toán. Để có hóa đơn hợp thức chứng từ mua vào cho Công ty, H2 đã giao cho kế toán dịch vụ tên là "Ngô Tường V3" (địa chỉ nhà ở TP H, chưa xác định được nhân thân, lai lịch) liên hệ mua 90 hóa đơn GTGT khống của các công ty gồm: Công ty TNHH D2; Công ty TNHH D9; Công ty TNHH V5; Công ty TNHH T8; Công ty TNHH T49; Công ty TNHH T16; Công ty TNHH T50 với tổng doanh số 12.444.909.866 đồng (trong đó tiền hàng 11.434.881.060 đồng, tiền thuế 1.010.028.806 đồng). Các Công ty này do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT thông qua các trung gian (F1) có "Mã khách hàng" là "A H3" "A Phu"và "Lê D".
Theo thỏa thuận, H2 phải trả cho người bán hóa đơn số tiền tương đương từ 8% đến 10% giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn và theo nhận thức của H2, số tiền này là tiền thuế GTGT người bán hóa đơn sẽ nộp ngân sách Nhà nước.
Về việc hợp thức cho các tờ hóa đơn, V3 trao đổi các Công ty bán hóa đơn sẽ hỗ trợ cho mượn tiền để hợp thức (đảo tiền). Các khoản tiền mượn của các công ty bán hóa đơn sẽ được chuyển vào tài khoản cá nhân của H2, số 198797089 tại Ngân hàng A2 - CN Đ. Sau đó V3 có báo cho H2 để H2 tiếp tục nộp vào tài khoản công ty T48 và sử dụng ủy nhiệm chi thanh toán từ tài khoản Công ty đến tài khoản các Công ty xuất hóa đơn. Để mua 83 hóa đơn trên, H2 đã trả số tiền tương đương với tiền thuế GTGT trên các hóa đơn là 946.464.006 đồng.
Đối với 90 hoá đơn GTGT nêu trên, Công ty T48 chỉ sử dụng 83 hóa đơn GTGT (07 hóa đơn tự loại bỏ không sử dụng kê khai thuế) với tổng doanh số là 11.586.785.066 đồng (trong đó tiền hàng 10.640.321.060 đồng, tiền thuế 946.464.006 đồng) để kê khai thuế trong năm 2021, năm 2022 tại Chi cục thuế T51 - tỉnh Đ. Đến tháng 4/2022; Tháng 7, tháng 8/2023 và tháng 03/2024, Công

ty T48 đã kê khai điều chỉnh bổ sung, loại bỏ 83 hóa đơn nêu trên.
Ngày 09/4/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P có Quyết định trưng cầu giám định số 1542/QĐ- CSKT trưng cầu Cục thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm về pháp luật thuế đối với Công ty T48.
Tại Kết luận giám định ngày 09/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận:
"Việc Công ty T48 sử dụng không hợp pháp hóa đơn để hạch toán hàng hóa, nguyên liệu mua vào trong hoạt động phát sinh nghĩa vụ thuế làm tăng số tiền thuế được khấu trừ, làm giảm số tiền thuế phải nộp là hành vi trốn thuế".
"Công ty T48 đã kê khai điều chỉnh giảm số thuế GTGT khấu trừ đối với 83 số hóa đơn sử dụng không hợp pháp nêu trên dẫn đến số thuế GTGT phải nộp số tiền 912.564.558 đồng, giảm số thuế GTGT khấu trừ số tiền 33.899.448 đồng". Vì vậy không còn thiệt hại về thuế. Sau khi kê khai điều chỉnh, Công ty T48 đã nộp số tiền 433.196.756 đồng vào ngân sách Nhà nước.
Do đó, Nguyễn Thị H2 có hành vi mua trái phép 83 hóa đơn GTGT của Nguyễn Minh T.
Nguyễn Thị H2 đã nộp số tiền 433.196.756 đồng, còn lại số tiền: 912.564.558 đồng - 433.196.756 đồng = 479.367.802 đồng tiếp tục nộp theo quy định của pháp luật.
Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, danh tính, làm rõ hành vi của cá nhân "Ngô Tường V3" sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.
30. Lê Thị Kim L - Sinh năm 1986; HKTT: B2-12-21, C/C PHB, đường E, Phường A, Quận G, thành phố H. Chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH một thành viên T38 (viết tắt là Công ty T38); Là người đại diện theo pháp luật; Ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh dịch vụ vệ sinh công nghiệp.
Công ty H9 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp C7: 0314078127, đăng ký lần đầu ngày 24/10/2016; đăng ký thay đổi lần thứ 03 ngày: 24/8/2022. Địa chỉ trụ sở chính: Số H đường số E, phường A, Quận G, thành phố H.
Trong năm 2021, 2022, Công ty T38 có mua hàng hóa của các cá nhân và cơ sở kinh doanh nhỏ lẻ (đến nay L không xác định được danh tính, địa chỉ của các cá nhân và cơ sở kinh doanh nêu trên). Theo thỏa thuận, L đã thanh toán tiền hàng bao gồm cả tiền thuế GTGT nhưng sau khi nhận hàng, bên bán không xuất hóa đơn GTGT cho Công ty để kê khai thuế. Để chứng minh nguồn gốc hàng hóa đã mua, L đã liên hệ với 03 cá nhân tên "D"; "S"; "B" (chưa xác định được danh tính) mua tổng số 82 hóa đơn GTGT của 12 công ty gồm: Công ty Cổ phần S13 (04 hóa đơn), Công ty TNHH Đ5 (09 hóa đơn), Công ty TNHH Đ8 (02 hóa đơn), Công ty TNHH D10
(12 hóa đơn), Công ty TNHH T52 (07 hóa đơn), Công ty TNHH T53 (07 hóa đơn), Công ty TNHH T54 (01 hóa đơn), Công ty TNHH T7 (11 hóa đơn), Công ty TNHH T55 (11 hóa đơn), Công Ty TNHH Đ9 (03 hóa đơn), Công ty TNHH T56 (07 hóa đơn), Công ty TNHH T9 (06 hóa đơn) với tổng doanh số là 33.391.709.527 đồng (trong đó tiền hàng hóa dịch vụ là 30.710.503.551 đồng; tiền thuế GTGT: 2.681.205.976 đồng); 12 Công ty này do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT thông qua các trung gian (F1) có "Mã khách hàng" là "BINH"; "Chị T5".

Theo thỏa thuận, L phải trả cho 03 cá nhân nêu trên số tiền tương đương từ 3% đến 5% giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn và theo nhận thức của L, số tiền này là tiền thuế GTGT mà 03 cá nhân nêu trên sẽ nộp ngân sách nhà nước.
Để hợp thức hóa đơn, L đã chuyển tiền từ tài khoản của Công ty C7: 11111426 mở tại ngân hàng A2 đến tài khoản của công ty bán hóa đơn. Sau đó 03 cá nhân nêu trên giữ lại số tiền mua hóa đơn bằng 3 - 5% giá trị tiền hàng và trả số tiền còn lại bằng tiền mặt cho L. Để mua 82 hóa đơn, L đã trả tiền cho 03 cá nhân nêu trên là 1.427.306.318 đồng.
Sau khi mua 82 hóa đơn GTGT nêu trên, L đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty Hồ Lê Gia tại Chi cục thuế Quận G trong năm 2021, 2022. Tháng 02/2024, Công ty T38 đã làm thủ tục kê khai bổ sung, điều chỉnh loại bỏ toàn bộ 82 hóa đơn khống nêu trên ra khỏi tờ khai thuế.
Ngày 03/4/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P có Quyết định trưng cầu giám định số 1449/CQĐT(PC03) trưng cầu Cục thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm về pháp luật thuế đối với Công ty H10
Tại Kết luận giám định ngày 09/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận: "Việc Công ty T38 sử dụng không hợp pháp hóa đơn (hóa đơn khống) để kê khai khấu trừ thuế GTGT làm giảm số thuế phải nộp, tăng số thuế được khấu trừ là hành vi trốn thuế theo quy định tại Khoản 4 Điều 143 Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019". Theo kết quả điều tra của Cơ quan điều tra tại thời điểm giám định Công ty T38 đã kê khai bổ sung điều chỉnh loại bỏ hóa đơn khống nêu trên hồ sơ kê khai thuế GTGT và xác định số thuế GTGT phải nộp tăng thêm 2.426.720.976 đồng. Công ty T38 đã nộp đủ số tiền GTGT phát sinh sau khi kê khai điều chỉnh vào ngân sách Nhà nước, vì vậy không còn thiệt hại về thuế.
Do đó, Lê Thị Kim L có hành vi mua trái phép 82 hóa đơn GTGT của Nguyễn Minh T.
Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, làm rõ hành vi của đối tượng "D"; "S"; "B" sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.
31. Dương Thị Kim C1 - Sinh năm 1982 HKTT: 06 đường F, phường H, TP ., TP .. Chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH S14 (viết tắt là Công ty S14); Là người đại diện theo pháp luật; Ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh vật tư gỗ.
Công ty S14 hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên C7: 3702960782, đăng ký lần đầu ngày 17/03/2021; Địa chỉ trụ sở chính: Thửa đất số 327, tờ bản đồ số 30, tổ D, khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh B.
Trong năm 2021, 2022, công ty S14 mua hàng hóa của các cá nhân và cơ sở kinh doanh nhỏ lẻ để phục vụ sản xuất (đến nay C1 không xác định được danh tính, địa chỉ của các cá nhân và cơ sở kinh doanh nêu trên). C1 đã thanh toán tiền hàng bao gồm cả tiền thuế GTGT nhưng sau khi nhận hàng, bên bán không xuất hóa đơn GTGT cho Công ty để kê khai thuế. Để chứng minh nguồn gốc hàng hóa đã mua, C1 đã liên hệ với một cá nhân tên "H4" (chưa xác định được danh tính) để mua tổng số 78 hóa đơn GTGT của 16 công ty (có phụ lục kèm theo) với tổng doanh số: 13.987.538.423 đồng (trong đó: tiền hàng hóa:

12.718.634.930 đồng; tiền thuế GTGT: 1.268.903.493 đồng). 16 Công ty này do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT thông qua các trung gian (F1) có "Mã khách hàng" là "Lê D".

Theo thỏa thuận, C1 trả cho người bán hóa đơn số tiền tương đương 5% giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn và theo nhận thức của C1 số tiền này là tiền thuế GTGT mà "H4" sẽ nộp ngân sách nhà nước.

Để hợp thức hóa đơn, C1 hẹn gặp "H4" tại Ngân hàng S15 chi nhánh T57, B. Tại đây "H4" đưa tiền mặt cho C1 số tiền bằng với doanh số trên hóa đơn để nộp vào tài khoản của công ty S14 mở tại Ngân hàng S15 sau đó ký ủy nhiệm chi chuyển tiền đến công ty bán hóa đơn. Nếu tài khoản công ty có đủ tiền, C1 thực hiện chuyển khoản hợp thức hóa đơn và nhận lại tiền mặt từ "H4". Để mua 78 hóa đơn khống, C1 đã trả cho người bán hóa đơn tổng số tiền là 635.931.000 đồng (bằng 5% giá trị hàng hóa trên 78 hóa đơn đã chuyển khoản hợp thức), số tiền này C1 đưa tiền mặt cho người bán hóa đơn sau khi thanh toán hợp thức hóa đơn.

Sau khi mua 78 hóa đơn nêu trên, C1 đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của công ty S14 tại Chi cục thuế khu vực T47, tỉnh B trong năm 2021, 2022. Đến nay, công ty S14 đã kê khai bổ sung loại toàn bộ 78 hóa đơn nêu trên.

Ngày 03/4/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P có Quyết định trưng cầu giám định số 1446/CQĐT(PC03) trưng cầu Cục thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm về pháp luật thuế đối với Công ty S14.

Tại Kết luận giám định ngày 09/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận:

"Với hành vi sử dụng không hợp pháp hóa đơn, hóa đơn khống để kê khai làm tăng số tiền thuế được khấu trừ thuế làm giảm số thuế phải nộp của Công ty S14 là hành vi trốn thuế".

"Tại thời điểm giám định Công ty S14 đã kê khai bổ sung điều chỉnh giảm toàn bộ số thuế GTGT đầu vào khấu trừ của 78 hóa đơn sử dụng không hợp pháp và đã khắc phục nộp vào ngân sách số thuế GTGT phải nộp tăng sau khi kê khai điều chỉnh là 100.000.000 đồng, số tiền thuế GTGT phải nộp sau kê khai điều chỉnh bổ sung chưa nộp ngân sách là 1.105.699.437 đồng". Vì vậy không còn thiệt hại về thuế.

Do đó, Dương Thị Kim C1 có hành vi mua trái phép 78 hóa đơn GTGT của Nguyễn Minh T.

Dương Thị Kim C1 phải tiếp tục nộp số tiền là 1.105.699.437 đồng theo quy định của pháp luật.

Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, làm rõ hành vi của đối tượng "H4" sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.

32. Lê N6 - Sinh năm 1974; Trú tại: 12.09 CC Võ Đình TA A, KP6, p. T, q.12, thành phố H; Chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH V5 (viết tắt là Công ty V5); Là người đại diện theo pháp luật; Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất, gia công hàng may mặc.

33. Nguyễn Thị Thái H5 - Sinh năm 1992; Nơi thường trú: Q, Q, Q; Chức vụ: kế toán Công ty V5.

Công ty V5 hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:

0312761440 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố K4 cấp năm 28/4/2014, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 10/7/2023. Địa chỉ trụ sở: F đường T, phường T, quận A, thành phố H (thực tế Công ty hoạt động tại địa chỉ A N, ấp F, xã Đ, huyện H, thành phố H).

Trong năm 2021, 2022, Công ty V5 thuê nhiều xưởng sản xuất nhỏ lẻ gia công một số mặt hàng và mua bán hàng hóa phục vụ sản xuất, tuy nhiên các xưởng gia công hay cửa hàng này lại không xuất được hóa đơn GTGT cho Công ty. Do vậy, N6 đã giao cho H5 tìm hóa đơn để hợp thức hóa đầu vào cho Công ty. Sau đó, H5 liên hệ với Nguyễn Thị N7 - cộng tác viên của Công ty (hiện chưa xác định được nhân thân lai lịch) và mua 111 hóa đơn GTGT của 12 Công ty: Công ty Cổ phần S16 (20 hóa đơn); Công ty TNHH D10 (19 hóa đơn); Công ty TNHH Đ10 (05 hóa đơn); Công ty TNHH S17 (04 hóa đơn); Công ty TNHH S18 (04 hóa đơn); Công ty TNHH T10 (20 hóa đơn); Công ty TNHH T7 (06 hóa đơn); Công ty Cổ phần S13 (07 hóa đơn); Công ty TNHH D11 (03 hóa đơn); Công ty TNHH D12 (04 hóa đơn); Công ty TNHH K3 (07 hóa đơn); Công ty TNHH T58 (09 hóa đơn) với tổng doanh số hóa đơn là 16.137.627.013 đồng, trong đó, giá trị tiền hàng là 14.635.849.052 đồng, thuế VAT là 1.253.329.161 đồng. 12 Công ty này do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT thông qua trung gian (F1) có "Mã khách hàng" là "Vang" và "PHAT".

Theo thỏa thuận, N6 phải trả cho N7 số tiền tương đương 3,5% giá trị hàng hoá ghi trên hoá đơn và theo nhận thức của N6, số tiền này là tiền thuế GTGT Nguyệt sẽ nộp ngân sách Nhà nước.

Để hợp thức tiền trên tài khoản, mỗi lần thanh toán, khi cần thanh toán, H5 sẽ viết sẵn ủy nhiệm chi của Công ty (N6 đã ký sẵn ủy nhiệm chi) rồi chụp cho N7 xem trước rồi N7 sẽ mang tiền mặt trực tiếp đưa cho H5 để H5 nộp tiền vào tài khoản Công ty và sử dụng các ủy nhiệm chi để chuyển khoản đến tài khoản của các Công ty bán hóa đơn. Chi phí mua hóa đơn được H5 thanh toán bằng cách đưa tiền mặt cho N7. Chi phí mua hóa đơn mà N6 đã trả là 520.235.242 đồng (tương đương 3.5% doanh số tiền hàng).

Sau khi mua 111 hóa đơn nêu trên, N6 chỉ sử dụng 76/111 hóa đơn với tổng doanh số hóa đơn là 15.889.178.213 đồng, trong đó giá trị hàng trước thuế là 14.635.849.052 đồng, tiền thuế VAT là 1.253.329.161 đồng để kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty V5 tại chi cục thuế KV quận A3 – huyện H, thành phố H. N6 đã kê khai bổ sung điều chỉnh giảm 76 hóa đơn này.

Ngày 11/4/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P đã có Quyết định trưng cầu giám định số 1611/CQĐT(PC03) trưng cầu Cục thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm về pháp luật thuế đối với Công ty V5.

Tại Kết luận giám định ngày 10/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận:

"Việc Công ty V5 sử dụng không hợp pháp hóa đơn để hạch toán hàng hóa, nguyên liệu đầu vào trong hoạt động phát sinh nghĩa vụ thuế làm tăng số tiền thuế được khấu trừ, giảm số tiền thuế phải nộp là hành vi trốn thuế theo quy định tại Khoản 4 Điều 143 Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019".

"Công ty V5 đã kê khai điều chỉnh giảm số thuế GTGT đầu vào khấu trừ đối với

76 hóa đơn sử dụng không hợp pháp nêu trên, dẫn đến tăng thuế GTGT phải nộp tương ứng số tiền 1.100.958.300đ. Tại thời điểm giám định doanh nghiệp đã nộp số tiền thuế GTGT trên vào ngân sách Nhà nước là 107.300.000đ".
Do đó, Lê N6 và Nguyễn Thị Thái H5 có hành vi mua bán trái phép 76 hóa đơn GTGT của Nguyễn Minh T.
đơn); Công Ty TNHH T6 (01 hóa đơn); Công Ty TNHH T7 (06 hóa đơn); Công Ty TNHH T8 (03 hóa đơn); Công Ty TNHH T9 (03 hóa đơn); Công Ty TNHH T10 (13 hóa đơn), với tổng doanh số: 12.043.540.687 đồng (trong đó: tiền hàng hóa: 11.019.609.752 đồng; tiền thuế GTGT: 1.023.930.935 đồng), 17 Công ty này do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT thông qua các trung gian (F1) có "Mã khách hàng" là "TUAN".
Theo thỏa thuận, N phải trả cho người bán hóa đơn số tiền tương đương 5% giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn và theo nhận thức của N và V, số tiền này là tiền thuế GTGT mà "T1" sẽ nộp ngân sách nhà nước.
Để hợp thức hóa đơn, N ký vào Ủy nhiệm chi để trống nội dung, sau đó đưa cho V đi thực hiện giao dịch hợp thức hóa đơn. V gặp "T1" tại Ngân hàng V4 chi nhánh T11. Tại đây, V nhận tiền mặt từ người bán hóa đơn số tiền bằng doanh số hóa đơn cần hợp thức. Nếu tài khoản của công ty F không đủ tiền thanh toán hợp thức hóa đơn, V nộp tiền mặt vào tài khoản của công ty S1 mở tại Ngân hàng V4 và thực hiện Ủy nhiệm chi N đã ký chuyển tiền đến các công ty bán hóa đơn để thanh toán hợp thức hóa đơn. Nếu tài khoản của công ty còn đủ tiền, V sẽ thực hiện Ủy nhiệm chi và cầm tiền mặt về sử dụng vào các khoản chi của công ty theo chỉ đạo của Giám đốc. Để mua 101 hóa đơn khống, N đã trả cho người bán hóa đơn tổng số tiền là 280.164.414 đồng (bằng 5% giá trị hàng hóa trên 59 hóa đơn đã chuyển khoản hợp thức), số tiền này V đưa tiền mặt cho người bán hóa đơn sau khi thanh toán hợp thức hóa đơn.
Sau khi mua 101 hóa đơn nêu trên, công ty F đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của công ty F tại Chi cục thuế Quận T, Thành Phố H trong năm 2021, 2022. Đến nay, công ty F đã kê khai bổ sung loại toàn bộ 101 hóa đơn nêu trên.
Ngày 03/4/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P có Quyết định trưng cầu giám định số 1445/CQĐT(PC03) trưng cầu Cục thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm về pháp luật thuế đối với Công ty F.
Tại Kết luận giám định ngày 10/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận:
"Đối với hành vi sử dụng không hợp pháp 101 hóa đơn GTGT của Công ty F để kê khai tăng thuế GTGT đầu vào được khấu trừ 1.023.930.935 đồng trong các kỳ kê khai thuế từ quý 4/2021 đến quý 3/2022, làm giảm số tiền thuế phải nộp là hành vi trốn thuế".
"Công ty F đã thực hiện kê khai bổ sung và loại bỏ 101 số hóa đơn trong kỳ kê khai thuế từ quý 4/2021 đến quý 3/2022, tương ứng số thuế GTGT đầu vào điều chỉnh giảm là 1.023.930.935 đồng; Sau khi điều chỉnh giảm, số thuế GTGT phát sinh phải nộp trong kỳ kê khai thuế là 1.051.866.082 đồng". "Tính đến ngày 27/11/2023, Công ty F đã khắc phục nộp đủ số tiền thuế GTGT phát sinh sau điều chỉnh là 1.051.866.082 đồng theo Công văn số 7085/CCCTP-KTr5 ngày 27/11/2023. Vì vậy không còn thiệt hại về thuế.

Do đó, Nguyễn Trọng N và Hoàng Thị V có hành vi mua trái phép 101 hóa đơn GTGT của Nguyễn Minh T.
Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, làm rõ hành vi của đối tượng "T1" sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.
19. Ngô Quốc N1 - Sinh năm 1982; Địa chỉ thường trú: D P, phường A, quận B, TP H. Chức vụ: Giám đốc Công ty Cổ phần C2 (viết tắt là Công ty C2); Là người đại diện theo pháp luật.
20. Hà Hoàng N2 - Sinh năm 1985; Nơi thường trú: 113/7 L, phường P, quận T, TP H; chức vụ: Kế toán trưởng Công ty NMS
Công ty NMS hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần. Mã số doanh nghiệp: 0314316050; Đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 28/03/2017; Đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 22/07/2020. Địa chỉ trụ sở chính: Số A tòa nhà H, D N, phường E, quận C, TP H.
Trong năm 2021, 2022, quá trình hoạt động Công ty C2 bán các mặt hàng là thiết bị máy tính và thực hiện lắp đặt thiết bị, Công ty thuê một người đàn ông tên là "M" thực hiện (hiện chưa xác định được nhân thân lai lịch). Sau khi kết thúc việc lắp đặt thiết bị Công ty C2 thanh toán tiền mặt cho M. Do M chỉ là cá nhân lao động tự do, không có pháp nhân nên không có hóa đơn chứng từ xuất cho Công ty C2 để làm chứng từ kê khai hạch toán cho các chi phí đã thanh toán. Sau đó N2 đã báo cáo N1 về việc các chi phí thanh toán cho M không có hóa đơn chứng từ và N1 chỉ đạo bộ phận kế toán trao đổi với M về việc lấy chứng từ hóa đơn để hạch toán. Sau đó M có trao đổi lại để có hóa đơn GTGT của các Công ty thì phải trả thêm khoản tiền từ 08% đến 10% trên doanh số tiền hàng thể hiện trên hóa đơn; bộ phận kế toán báo cáo lại N1 và được N1 đồng ý để mua 101 hóa đơn GTGT khống của 12 Công ty gồm Công ty TNHH T12; Công ty Cổ phần T13; Công ty TNHH C3; Công ty TNHH D2; Công ty TNHH D3; Công ty TNHH Đ1; Công ty TNHH T14; Công ty TNHH T8; Công ty TNHH T15; Công ty TNHH T16; Công ty TNHH V5; Công ty TNHH V6 với tổng doanh số 10.113.080.000 đồng (trong đó tiền hàng 9.194.310.000 đồng, tiền thuế 918.770.000 đồng). 12 Công ty này do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT thông qua các trung gian (F1) có "Mã khách hàng" là "cuongpham.duong", "TUYEN", "a.hoi".
Theo thỏa thuận, N1, N2 phải trả cho "M" số tiền tương đương 8% - 10% giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn và theo nhận thức của N1, N2, số tiền này là tiền thuế GTGT "M" sẽ nộp ngân sách Nhà nước.
Về việc thanh toán hợp thức và thanh toán tiền mua hóa đơn như sau: Các khoản tiền thanh toán hợp thức sẽ dùng tiền của Công ty C2, N2 không gặp trực tiếp M mà gặp một người đàn ông (không có quen biết) do M giới thiệu. Sau khi sử dụng ủy nhiệm của Công ty C2 thanh toán cho các Công ty xuất hóa đơn thì cá nhân người đàn ông kia sẽ rút các khoản tiền vừa chuyển trả lại cho Công ty C2, việc nhận lại tiền có lúc N2 nhận tiền mặt hoặc cung cấp số tài khoản cá nhân của các cá nhân là kế toán viên của Công ty (Trần Thị Dịu H, Nguyễn Thị Tố N3) để cá nhân kia chuyển tiền đến. Các khoản tiền trả lại sẽ được N2 và nhân viên kế toán nộp vào tài khoản Công ty C2 hoặc trả các khoản tiền còn thiếu với

M. Số tiền mua hóa đơn phải thanh toán trả cho M là 800 triệu đồng.
Đối với 101 hoá đơn GTGT Công ty C2 chỉ sử dụng 99 hóa đơn GTGT, (02 hóa đơn công ty tự loại bỏ không sử dụng kê khai) với tổng doanh số là 10.057.530.000 đồng (trong đó tiền hàng 9.143.810.000 đồng, tiền thuế 913.720.000 đồng) để kê khai thuế trong năm 2021, năm 2022 tại chi cục thuế quận C4 – TP H. Đến tháng 6, tháng 7/2023, Công ty C2 đã kê khai điều chỉnh bổ sung, loại bỏ 99 hóa đơn nêu trên.
Ngày 09/4/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P có Quyết định trưng cầu giám định số 1524/QĐ- CSKT trưng cầu Cục thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm về pháp luật thuế đối với Công ty C2.
Tại Kết luận giám định ngày 10/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận:
"Đối với hành vi sử dụng không hợp pháp 99 hóa đơn GTGT của Công ty C2 để kê khai tăng số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ 913.720.000 đồng trong các kỳ kê khai thuế từ tháng 4/2021 đến tháng 10/2022, làm giảm số tiền thuế phải nộp là hành vi trốn thuế".
"Công ty C2 đã thực hiện kê khai bổ sung và loại bỏ 99 số hóa đơn trong kỳ kê khai thuế từ tháng 4/2021 đến tháng 10/2022; tương ứng số thuế GTGT đầu vào điều chỉnh giảm là 913.720.000 đồng; Sau khi điều chỉnh giảm, số thuế GTGT phát sinh phải nộp trong kỳ kê khai thuế là 1.022.079.382 đồng. Tính đến ngày 20/4/2024, Công ty đã khắc phục nộp đủ số tiền sau điều chỉnh vào NSNN". Vì vậy không còn thiệt hại về thuế.
Do đó, Ngô Quốc N1 và Hà Hoàng N2 có hành vi mua bán trái phép 99 hóa đơn GTGT của Nguyễn Minh T.
Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, xác định danh tính, làm rõ hành vi của cá nhân "M" sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.
21. Châu Thị G - Sinh năm: 1988; HKTT: Ấp F, xã V, thành phố V, tỉnh H; Chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH K (viết tắt là Công ty K); Là người đại diện theo pháp luật; Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất, gia công, xuất khẩu các sản phẩm từ gỗ.
Công ty K hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3702579263 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh B cấp ngày 06/7/2017, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 24/12/2021. Địa chỉ trụ sở: thửa đất số 79, tờ bản đồ số 33-4, đường D, khu phố I, phường P, thành phố T, B.
Trong năm 2022, Công ty K mua vật liệu sản xuất của nhiều cá nhân khác nhau, tuy nhiên một số cá nhân khi bán hàng lại không thể xuất được hóa đơn. Do đó, G liên hệ với một cá nhân có nick Zalo tên "NK" (hiện chưa xác định được nhân thân lai lịch) và mua 97 hóa đơn GTGT của 04 Công ty: Công ty TNHH K1 (12 hóa đơn); Công ty TNHH T17 (12 hóa đơn); Công ty TNHH C5 (53 hóa đơn); Công ty TNHH T18 (20 hóa đơn) với tổng doanh số hóa đơn là 100.685.033.236 đồng, trong đó, giá trị tiền hàng 93.003.840.050 đồng, thuế VAT là 7.681.193.186 đồng. 04 Công ty này do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT thông qua trung gian (F1) có "Mã khách hàng" là "KAIPHUHOA".
Theo thỏa thuận, G phải trả cho "NK" đơn số tiền tương tiền thuế VAT ghi trên

hoá đơn và theo nhận thức của G, số tiền này là tiền thuế GTGT "NK" sẽ nộp ngân sách Nhà nước.
Để hợp thức tiền trên tài khoản, mỗi lần thanh toán, Công ty K sẽ sử dụng tiền có sẵn trong tài khoản để chuyển vào tài khoản của Công ty bán hóa đơn. Sau đó, có người của Công ty bán hóa đơn sẽ chuyển lại số tiền trên (đã trừ phần trăm phí mua hóa đơn) cho G để G nhập vào quỹ tiền mặt của Công ty. Công ty K đã thanh toán 65 hóa đơn với tổng doanh số hóa đơn là 63.710.867.836 đồng, trong đó giá trị hàng trước thuế là 58.776.835.050 đồng, tiền thuế VAT là 4.934.032.786 đồng. Do vậy, chi phí mua hóa đơn Công ty K đã thanh toán là 4.934.032.786 đồng.
Sau khi mua 97 hóa đơn nêu trên, G đã sử dụng toàn bộ 97 hóa đơn để kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty K và đã được hoàn thuế. Công ty K2 đã kê khai loại trừ toàn bộ 97 hóa đơn trên.
Ngày 11/4/2024, Cơ quan CSĐT – Công an tỉnh P đã có Quyết định trưng cầu giám định số 1620/CQĐT(PC03) trưng cầu Cục thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm về pháp luật thuế đối với Công ty K.
Tại Kết luận giám định ngày 09/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận:
"Việc Công ty K sử dụng không hợp pháp hóa đơn để hạch toán hàng hóa, nguyên liệu đầu vào trong hoạt động phát sinh nghĩa vụ thuế làm tăng số tiền thuế được khấu trừ, giảm số tiền thuế phải nộp là hành vi trốn thuế theo quy định tại Khoản 4 Điều 143 Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019".
"Công ty K đã kê khai điều chỉnh giảm thuế GTGT khấu trừ đối với toàn bộ 97 số hóa đơn sử dụng không hợp pháp nêu trên dẫn đến giảm số thuế GTGT đề nghị hoàn số tiền là 7.681.193.186đ". Vì vậy không còn thiệt hại về thuế.
Do đó, Châu Thị G có hành vi mua bán trái phép 97 hóa đơn GTGT của Nguyễn Minh T.
Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, danh tính, làm rõ hành vi của cá nhân có nick Zalo tên "NK" sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.
22. Nguyễn Huỳnh Anh V1 - Sinh năm 1978; Nơi ở hiện tại: 1 N, phường B, quận C, TP .; Chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH MTV K3 (Viết tắt là Công ty K3); Là người đại diện theo pháp luật; Ngành nghề kinh doanh: khách sạn.
Công ty K3 hoạt động hoạt động theo giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305908036 do phòng Đăng ký kinh doanh Sở K4 cấp ngày 15/8/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 27/7/2023.
Trong năm 2021 và 2022, Công ty K3 có mua một số loại hàng hóa của các cá nhân, cửa hàng nhỏ lẻ ở nhiều địa chỉ khác nhau (đến nay, V1 không xác định được danh tính, địa chỉ của các cá nhân, cửa hàng nêu trên). Theo thỏa thuận, V1 đã thanh toán tiền mua hàng hóa đã bao gồm thuế GTGT, nhưng sau khi nhận hàng, bên bán không phát hành được hóa đơn cho Công ty K3 để kê khai thuế. Để chứng minh nguồn gốc hàng hóa đã mua, V1 đã liên hệ với cá nhân tên "Y", "T2", "Đ" (không xác định được danh tính cụ thể) để mua 96 hóa đơn GTGT của 14 Công ty, gồm: Công ty TNHH Đ2 (08 hóa đơn); Công ty TNHH T19 (04 hóa đơn); Công ty T20 (02 hóa đơn); Công ty TNHH C6 (04 hóa đơn);

Công ty TNHH Đ1 (22 hóa đơn); Công ty TNHH S2 (01 hóa đơn); Công ty TNHH S3 (03 hóa đơn); Công ty TNHH T21 (32 hóa đơn); Công ty TNHH T22 (02 hóa đơn); Công ty TNHH T23 (03 hóa đơn); Công ty TNHH T24 (08 hóa đơn); Công ty TNHH T20 (01 hóa đơn); Công ty TNHH V7 (03 hóa đơn); Công ty TNHH V8 (02 hóa đơn) với tổng giá trị hóa đơn là 12.334.303.800 đồng (tiền hàng là 11.323.779.000 đồng, tiền thuế là 1.010.524.800 đồng). 14 Công ty này đều do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT.

Theo thỏa thuận, V1 phải trả cho "Y", "T2", "Đ" số tiền tương đương 4% giá trị hàng hóa ghi trên hóa đơn và theo nhận thức của V1, số tiền này là tiền thuế GTGT các cá nhân sẽ nộp ngân sách Nhà nước.

Để hợp thức thủ tục thanh toán qua ngân hàng cho các hóa đơn đã mua, bên bán hóa đơn chuyển tiền từ tài khoản số 8889528 của Công ty TNHH T25 mở tại ngân hàng A2, đến tài khoản số 990110929999 mở tại ngân hàng M3 của Công ty K3. Sau đó V1 ủy nhiệm chi chuyển tiền đến tài khoản của Công ty bán hóa đơn. V1 đã trả số tiền 84.000.000 đồng cho các cá nhân bằng tiền mặt (tương đương với 4% giá trị tiền hàng của 96 hóa đơn).

Sau khi mua 96 hóa đơn GTGT nêu trên, V1 đã sử dụng để kê khai thuế đầu vào của Công ty K3 tại Chi cục thuế quận C4. Tháng 5, 6/2023, Công ty K3 đã kê khai bổ sung, điều chỉnh giảm thuế GTGT được khấu trừ tại Chi cục thuế quận C4 đối với 96 hóa đơn trên.

Ngày 03/4/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P có Quyết định trưng cầu giám định số 1433/CQĐT(PC03) trưng cầu Cục thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm pháp luật thuế đối với Công ty K3.

Tại Kết luận giám định ngày 09/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận:

"Việc Công ty TNHH MTV K3 sử dụng không hợp pháp để hạch toán hàng hóa, nguyên liệu đầu vào trong hoạt động phát sinh nghĩa vụ thuế làm tăng số tiền thuế được khấu trừ, giảm số tiền thuế phải nộp là hành vi trốn thuế".

"Công ty TNHH MTV K3 đã kê khai điều chỉnh giảm số thuế GTGT khấu trừ đối với toàn bộ 96 số hóa đơn sử dụng không hợp pháp nêu trên, dẫn đến tăng số thuế GTGT phải nộp là: 999.124.858 đồng; giảm số thuế GTGT còn khấu trừ chuyển kỳ sau số tiền là 22.711.052 đồng". Vì vậy không còn thiệt hại về thuế. Công ty K3 đã nộp lại toàn bộ số tiền thuế vào ngân sách Nhà nước sau khi thực hiện kê khai bổ sung.

Do đó, Nguyễn Huỳnh Anh V1 có hành vi "Mua bán trái phép" 96 hóa đơn GTGT của Nguyễn Minh T.

Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, làm rõ hành vi của đối tượng "Yến", "T2", "Đ" sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.

23. Nguyễn Ngọc Xuân Q - Sinh năm 1979; HKTT: 2 L, Phường G, G, TP H; Chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH MTV S4 (viết tắt là Công ty S4); Là người đại diện theo pháp luật; ngành nghề kinh doanh: kinh doanh thương mại các mặt hàng về gỗ và vật liệu xây dựng.

Công ty S4 được Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh B cấp giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, mã số: 3702604463, đăng ký lần đầu ngày 28/09/2017, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày

01/11/2021; Địa chỉ trụ sở chính: Số C đường L, Tổ G, Khu H, Phường P, Thành phố T, Tỉnh B.

Trong năm 2021 và 2022, để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty S4 mua hàng hóa là gỗ ván ép, sắt thép của các hộ kinh doanh cá nhân ở nhiều địa chỉ khác nhau nên không xác định được danh tính; Công ty đã thanh toán cả tiền dịch vụ và tiền thuế cho đơn vị bán hàng; nhưng sau đó vì các đơn vị không thể phát hành được hóa đơn nên để có hóa đơn GTGT chứng minh nguồn gốc hàng hóa, dịch vụ mua vào, Q đã liên hệ với cá nhân tên ”Mười” (chưa xác định được nhân thân lai lịch) để mua 93 hóa đơn GTGT khống của 22 công ty gồm: Công ty TNHH Đ1 (02 hóa đơn); Công ty TNHH Đ3 (07 hóa đơn); Công ty TNHH Đ4 (05 hóa đơn); Công ty TNHH Đ5 (04 hóa đơn); Công ty TNHH Đ6 (01 hóa đơn); Công ty TNHH D4 (01 hóa đơn); Công ty TNHH D5 (01 hóa đơn); Công ty TNHH K5 (08 hóa đơn); Công ty TNHH K6 (04 hóa đơn); Công ty TNHH T8 (02 hóa đơn); Công ty TNHH Q1 (01 hóa đơn); Công ty TNHH S5 (02 hóa đơn); Công ty TNHH S6 (14 hóa đơn); Công ty TNHH S7 (01 hóa đơn); Công ty TNHH T26 (01 hóa đơn); Công ty TNHH T27 (03 hóa đơn); Công ty TNHH T28 (01 hóa đơn); Công ty TNHH T29 (05 hóa đơn); Công ty TNHH T30 (12 hóa đơn); Công ty TNHH T31 (01 hóa đơn); Công ty TNHH T32 (16 hóa đơn); Công ty TNHH T33 (01 hóa đơn) với tổng doanh số ghi trên hóa đơn là 53.092.702.657 đồng (Trong đó, tiền hàng là 48.573.585.533 đồng, tiền thuế GTGT là: 4.519.117.124 đồng). 22 Công ty này do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT thông qua các trung gian (F1) có “Mã khách hàng” là “Chi my” và “Lê duy”.

Theo thỏa thuận, Q phải trả cho “Mười” số tiền tương đương 4,5% giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn và theo nhận thức của Q, số tiền này là tiền thuế GTGT “Mười” sẽ nộp ngân sách Nhà nước.

Để hợp thức cho các hóa đơn phải thanh toán qua ngân hàng, M1 sẽ đưa tiền mặt cho Q hoặc M1 sẽ sử dụng các tài khoản Ngân hàng để chuyển tiền vào tài khoản của Q (Số tài khoản 65010000012508 tại Ngân hàng B1) để Q chuyển vào tài khoản Công ty S4 hoặc M1 sẽ chuyển trực tiếp vào tài khoản của Công ty S4 (số tài khoản 116002638396 tại Ngân hàng V9) số tiền bằng với số tiền thanh toán ghi trên hóa đơn. Sau đó, Q sẽ thực hiện chuyển tiền qua hình thức Mobile Banking hoặc Ủy nhiệm chi để chuyển tiền từ tài khoản trên của Công ty S4 đến các số tài khoản của các Công ty bán hóa đơn. Về tiền chi phí mua hóa đơn, Q trả cho M1 qua chuyển khoản từ số tài khoản cá nhân của Q (Số tài khoản 65010000012508 tại Ngân hàng B1) đến số tài khoản do M1 cung cấp hoặc Q sẽ đưa trực tiếp tiền mặt cho M1. Tổng số tiền Q đã trả cho M1 là 2.185.800.000 đồng (tương đương với 4,5% giá trị tiền hàng chưa bao gồm thuế GTGT).

Đối với 93 hoá đơn GTGT, Công ty S4 đã sử dụng để kê khai thuế trong năm 2021, 2022 tại chi cục thuế T34. Đến nay, Công ty S4 đã kê khai điều chỉnh bổ sung, loại bỏ 93 hóa đơn của 22 Công ty trên.

Ngoài việc mua 93 hóa đơn khống cho Công ty S4, trong năm 2021 và năm 2022, Q còn làm dịch vụ kế toán cho một số Doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh B

nên Q đã thông qua M1 để liên hệ mua 43 hoá đơn GTGT cho 03 Công ty, gồm: Công ty TNHH MTV V10 (MST C) 07 hóa đơn với tổng giá trị thanh toán là 8.410.424.400 đồng (trong đó, tiền hàng là: 7787.430.000 đồng, tiền thuế là: 622.994.400 đồng); mua cho Công ty TNHH S8 (MST3702409624) 17 hóa đơn GTGT có tổng giá trị thanh toán là: 15.892.052.200 đồng (Trong đó, tiền hàng là: 14.570.379.000 đồng, tiền thuế là: 1.321.673.200 đồng); mua cho Công ty TNHH Đ6 (M4) 19 hóa đơn với tổng giá trị thanh toán là 18.327.224.900 đồng (trong đó, tiền hàng là 16.820.784.000 đồng, tiền thuế là 1.506.440.900 đồng). Do làm dịch vụ kế toán cho 03 Công ty này nên Q chỉ giúp việc liên hệ mua hóa đơn và không được hưởng lợi gì từ việc liên hệ mua hóa đơn cho 03 Công ty này.

Như vậy, thông qua M1, Q đã mua tổng cộng 136 hóa đơn GTGT với tổng giá trị ghi trên hóa đơn là 95.722.404.157 đồng (Trong đó, tiền hàng hóa là 87.752.178.533 đồng, tiền thuế GTGT là 7.970.225.624 đồng).

Ngày 09/4/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P có Quyết định trưng cầu giám định số 1560/QĐ- CSKT trưng cầu Cục thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm về pháp luật thuế đối với Công ty S4.

Tại Kết luận giám định ngày 09/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận:

"Việc Công ty S4 sử dụng không hợp pháp 93 số hoá đơn để hạch toán hàng hoá, nguyên liệu đầu vào trong hoạt động phát sinh nghĩa vụ thuế làm giảm số tiền thuế phải nộp và tăng số tiền thuế được khấu trừ là hành vi trốn thuế theo quy định tại Khoản 4 Điều 143 Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14".

"Tại thời điểm giám định, Công ty S4 đã thực hiện kê khai bổ sung, điều chỉnh giảm thuế GTGT đầu vào khấu trừ của 93 số hoá đơn dẫn đến làm tăng số thuế GTGT phải nộp 4.519.117.124 đồng". Vì vậy không còn thiệt hại về thuế.

Do đó, Nguyễn Ngọc Xuân Q có hành vi mua bán trái phép 136 hóa đơn của Nguyễn Minh T.

Nguyễn Ngọc Xuân Q phải tiếp tục nộp số tiền 4.519.117.124 đồng theo quy định của pháp luật.

Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, làm rõ hành vi của đối tượng tên "Mười" và xác minh việc sử dụng hóa đơn bất hợp pháp của Công ty TNHH MTV V10; Công ty TNHH S8 và Công ty TNHH Đ6 sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.

24. Hoàng Thị M2 - Sinh năm 1977; HKTT: Ấp A, xã P, huyện Đ, tỉnh Đ; Chức vụ: phụ trách mua sắm vật tư Công ty TNHH một thành viên S9 (viết tắt là Công ty S9).

Công ty S9 hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số: 3601004678 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Đ cấp ngày 05/05/2008; đăng ký thay đổi lần thứ 06 ngày: 11/01/2023. Địa chỉ: B, KP A, đường B, phường A, TP ., tỉnh Đ. Người đại diện theo pháp luật: Bà Lưu Thị N4; Sinh năm 1971; HKTT: 265A, KP A, đường B, phường A, TP ., tỉnh Đ. Nơi ở hiện nay: Nhà số B, tòa L, số G, phường B, Quận B, TP .. Chức danh: Chủ tịch công ty kiêm Giám đốc. Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm từ hạt điều.

Trong năm 2021, 2022, công ty S9 mua hàng hóa của các cá nhân và cơ sở kinh doanh nhỏ lẻ để phục vụ sản xuất (đến nay công ty S9 không xác định được danh tính, địa chỉ của các cá nhân và cơ sở kinh doanh nêu trên). Theo thỏa thuận, Công ty S9 đã thanh toán tiền hàng bao gồm cả tiền thuế GTGT nhưng sau khi nhận hàng, bên bán không xuất hóa đơn GTGT cho Công ty để kê khai thuế. Để chứng minh nguồn gốc hàng hóa đã mua, M2 đã liên hệ với một cá nhân tên "Pham Van A" (chưa xác định được danh tính) để mua tổng số 90 hóa đơn GTGT của 04 công ty gồm: Công ty TNHH C3 (07 hóa đơn); Công ty TNHH T35 (22 hóa đơn); Công ty TNHH T33 (44 hóa đơn); Công ty TNHH T36 (17 hóa đơn) với tổng doanh số: 9.532.217.661 đồng (trong đó: tiền hàng hóa: 8.824.213.000 đồng; tiền thuế GTGT: 833.941.660 đồng). 03 Công ty này do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT thông qua các trung gian (F1) có "Mã khách hàng" là "Lê D". Việc mua hóa đơn nêu trên M2 không báo cáo Giám đốc công ty là Lưu Thị N4, do thời điểm này chị N4 đang đi điều trị bệnh dài ngày, thường xuyên vắng mặt ở công ty.

Theo thỏa thuận, M2 phải trả cho người bán hóa đơn số tiền tương đương tiền thuế ghi trên hóa đơn và theo nhận thức của M2 số tiền này là tiền thuế GTGT mà "A" sẽ nộp ngân sách nhà nước.

Để hợp thức hóa đơn, N4 báo cáo với D1 (là em gái N4) - kế toán, quản lý của công ty số tiền cần thanh toán chuyển khoản và báo cáo chị D1 số tiền này công ty đã ứng để M2 thanh toán cho người bán hàng trong quá trình mua hàng nên người bán hàng sẽ tiến hành thanh toán chuyển khoản để hợp thức cho hóa đơn. Chị D1 đưa cho M2 các ủy nhiệm chi N4 đã ký sẵn để trống nội dung, sau đó M2 gặp người bán hóa đơn tại Ngân hàng V9 - Chi nhánh Đ7 và nhận tiền mặt từ người bán hóa đơn số tiền bằng với doanh số hóa đơn cần chuyển khoản hợp thức và đưa cho kế toán của công ty là Nguyễn Thúy A1 nộp vào tài khoản của công ty S10 mở tại Ngân hàng V9, sau đó sử dụng Ủy nhiệm chi do N4 đã ký sẵn chuyển tiền đến các công ty bán hóa đơn để thanh toán hợp thức hóa đơn. Quá trình nộp tiền và thực hiện giao dịch, chị A1 không biết các giao dịch này là giao dịch thanh toán hợp thức hóa đơn M2 mua trái phép. Để mua 90 hóa đơn khống M2 đã trả cho người bán hóa đơn tổng số tiền là 833.941.660 đồng (bằng tiền thuế trên 90 hóa đơn), số tiền này M2 đưa tiền mặt cho người bán hóa đơn sau khi thanh toán hợp thức hóa đơn.

Sau khi mua 90 hóa đơn nêu trên, M2 đã chuyển cho bộ phận kế toán sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của công ty S9 tại Cục thuế tỉnh Đ trong năm 2021, 2022. Đến nay, công ty S9 đã kê khai bổ sung loại toàn bộ 90 hóa đơn nêu trên.

Ngày 03/4/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P có Quyết định trưng cầu giám định số 1443/CQĐT(PC03) trưng cầu Cục thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm về pháp luật thuế đối với Công ty S9.

Tại Kết luận giám định ngày 10/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận:

"Đối với hành vi sử dụng không hợp pháp 90 hóa đơn GTGT của Công ty S9 để kê khai tăng số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ số tiền 833.941.660 đồng trong các kỳ kê khai từ tháng 10/2021 đến tháng 07/2022 tại Cục thuế tỉnh Đ, dẫn đến làm tăng số thuế GTGT được hoàn 833.941.660 đồng là hành vi trốn

thuế".
"Công ty S9 đã kê khai điều chỉnh bổ sung, loại bỏ 90 hóa đơn của 04 công ty, tương ứng với điều chỉnh giảm số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ 833.941.600 đồng trong các kỳ kê khai thuế từ tháng 10/2021 đến tháng 7/2022; tương ứng điều chỉnh giảm số thuế GTGT đề nghị hoàn 833.941.660 đồng trong các kỳ kê khai từ tháng 10/2021 đếng tháng 07/2022; Sau khi điều chỉnh, không phát sinh số thuế phải nộp. Ngày 29/6/2023, Công ty S9 đã khắc phục nộp 833.941.660 đồng tiền thuế GTGT đã được hoàn vào ngân sách nhà nước tại tài khoản thu hồi hoàn thuế GTGT theo các giấy nộp tiền Cục thuế tỉnh Đ cung cấp". Vì vậy không còn thiệt hại về thuế.
Do đó, Hoàng Thị M2 có hành vi mua trái phép 90 hóa đơn GTGT của Nguyễn Minh T.
Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, làm rõ hành vi của đối tượng "Pham Van A" sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.
25. Nguyễn Thị Cẩm T3 - Sinh năm 1984; HKTT: Tổ 2, Ấp B, xã P, thị xã B, tỉnh B; Chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH một thành viên T37 (viết tắt là Công ty T37); Là người đại diện theo pháp luật; Ngành nghề kinh doanh chính: Kinh doanh thương mại vật tư điện nước, vật liệu xây dựng.
Công ty T37 hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số: 3702325188 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh B cấp ngày 24/12/2014; đăng ký thay đổi lần thứ 05 ngày 06/12/2021. Địa chỉ: Số C, ấp B, xã P, thị xã B, tỉnh B.
Trong năm 2022, công ty T37 có mua hàng hóa của các cá nhân và cơ sở kinh doanh nhỏ lẻ để phục vụ sản xuất (đến nay T3 không xác định được danh tính, địa chỉ của các cá nhân và cơ sở kinh doanh nêu trên). Theo thỏa thuận, T3 đã thanh toán tiền hàng bao gồm cả tiền thuế GTGT nhưng sau khi nhận hàng, bên bán không xuất hóa đơn GTGT cho Công ty để kê khai thuế. Để chứng minh nguồn gốc hàng hóa đã mua, T3 đã liên hệ với một cá nhân tên "T4" (chưa xác định được danh tính) để mua tổng số 90 hóa đơn GTGT của 09 công ty gồm: Công ty TNHH Đ1 (01 hóa đơn); Công ty TNHH D2 (20 hóa đơn); Công ty TNHH T19 (02 hóa đơn); Công ty TNHH T38 (04 hóa đơn); Công ty TNHH T39 (01 hóa đơn); Công ty TNHH T40 (08 hóa đơn); Công ty TNHH T41 (17 hóa đơn); Công ty TNHH T42 (13 hóa đơn); Công ty TNHH V11 (24 hóa đơn) với tổng doanh số là 5.587.664.957 đồng (trong đó: tiền hàng hóa: 5.589.391.913 đồng; tiền thuế GTGT: 497.233.083 đồng). 09 Công ty này do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT thông qua các trung gian (F1) có "Mã khách hàng" là "minh quoc".
Theo thỏa thuận, T phải trả cho "T4" số tiền tương đương 3,5% giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn và theo nhận thức của T, số tiền này là tiền thuế GTGT mà "T4" sẽ nộp ngân sách nhà nước. Để hợp thức hóa đơn, T gặp "T4", "T4" đưa tiền mặt bằng đúng doanh số các hóa đơn cần hợp thức. Sau đó T nộp tiền vào tài khoản của Công ty T37 số: 1511198408 mở tại Ngân hàng A2 và ký Ủy nhiệm chi chuyển tiền đến tài khoản của các công ty bán hóa đơn. Để mua 90 hóa đơn khống, T đã trả cho "T4" tổng số tiền là: 178.225.000 đồng (bằng 3,5%

giá trị hàng hóa trên hóa đơn), số tiền này T đưa tiền mặt cho T4 sau khi thanh toán hợp thức hóa đơn.
Sau khi mua 90 hóa đơn nêu trên, T đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty T37 tại Chi cục Thuế khu vực B2 trong năm 2022. Đến nay, T đã kê khai bổ sung loại bỏ toàn bộ 90 hóa đơn nêu trên.
Ngày 03/4/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P có Quyết định trưng cầu giám định số 1454/CQĐT(PC03) trưng cầu Cục thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm về pháp luật thuế đối với Công ty TNHH một thành viên T37.
Tại Kết luận giám định ngày 09/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận:
"Việc Công ty T37 sử dụng không hợp pháp 90 số hóa đơn để hạch toán hàng hóa, nguyên liệu đầu vào trong hoạt động phát sinh nghĩa vụ thuế làm giảm số tiền thuế phải nộp và làm tăng số tiền thuế được khấu trừ là hành vi trốn thuế".
"Công ty T37 đã thực hiện kê khai bổ sung, điều chỉnh giảm thuế GTGT đầu vào được khấu trừ của 90 hóa đơn nêu trên dẫn đến làm tăng số tiền thuế phải nộp 208.936.697 đồng, giảm số thuế GTGT được khấu trừ 288.296.386 đồng".
Công ty T37 đã nộp toàn bộ số tiền thuế GTGT phát sinh sau khi kê khai điều chỉnh vào ngân sách Nhà nước. Vì vậy không còn thiệt hại về thuế.
Do đó, Nguyễn Thị Cẩm T3 có hành vi mua trái phép 90 hóa đơn GTGT của Nguyễn Minh T.
Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, làm rõ hành vi của đối tượng "Tiến" sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.
26. Lê Bách V2 - Sinh năm 1982; Nơi thường trú: 3 L, Phường H, Quận T, TP HCM; Chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH X (viết tắt là Công ty X); Là người đại diện theo pháp luật.
Công ty X hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0312274990 do Phòng đăng ký kinh doanh Sở K4 cấp ngày 13/05/2013, Trụ sở: 373/54 L, Phường H, Quận T, TP ..
Trong năm 2021 và 2022, Công ty X mua vật liệu và thuê phương tiện của của các cá nhân, cửa hàng N8 ở nhiều địa chỉ khác nhau nên không xác định được danh tính. Công ty đã thanh toán tiền hàng và tiền thuế cho người bán nhưng sau đó vì các cá nhân không thể phát hành được hóa đơn nên để có hóa đơn GTGT chứng minh nguồn gốc hàng hóa mua vào, V2 đã liên hệ với một người đàn ông (đến nay chưa xác định được danh tính) để mua 90 hóa đơn GTGT của 08 công ty gồm: Công ty TNHH D6; Công ty TNHH Đ6; Công ty TNHH T43; Công ty TNHH T44; Công ty TNHH T45; Công ty TNHH D4; Công ty TNHH D5; Công ty TNHH D7 (08 Công ty đều do Nguyễn Minh T sử dụng để bán hóa đơn) với tổng giá trị là 13.410.413.340đ (trong đó tiền hàng là 12.282.877.000đ, tiền thuế là 1.127.536.340đ).
Theo thoả thuận, V2 phải trả cho người bán hóa đơn số tiền tương đương từ 5% giá trị tiền hàng ghi trên hoá đơn, theo nhận thức của V2 thì số tiền này là tiền thuế GTGT người bán hóa đơn sẽ nộp ngân sách Nhà nước.
Để hợp thức thủ tục thanh toán qua ngân hàng cho các hoá đơn thì bên bán hóa đơn sẽ giao tiền mặt tương đương với 95% giá trị hóa đơn cho V2 để nộp vào tài khoản số số 160826369 của Công ty X mở tại Ngân hàng A2, trước khi chuyển

tiền đến tài khoản công ty bán hóa đơn V2 phải bù thêm 5% (đây là tiền mua hóa đơn). Để mua được 90 hóa đơn, V2 đã trả cho người bán tổng số tiền là 614.134.850đ (tương đương với 5%).

Sau khi mua 90 hóa đơn GTGT nêu trên, Công ty X đã sử dụng kê khai thuế GTGT đầu vào với Chi cục thuế quận T, TP H. Tháng 06 năm 2023, Công ty X đã kê khai bổ sung, điều chỉnh giảm thuế GTGT được khấu trừ đối với 90 hoá đơn trên.

Ngày 10/04/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P có Quyết định trưng cầu giám định số 1536/QĐ- CSKT trưng cầu Cục thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm về pháp luật thuế đối với Công ty X.

Tại Kết luận giám định ngày 10/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận:

"Việc Công ty X sử dụng 90 hóa đơn không hợp pháp để hạch toán hàng hóa, nguyên liệu đầu vào trong hoạt động phát sinh nghĩa vụ thuế làm tăng số tiền thuế được khấu trừ là hành vi trốn thuế".

"Công ty X đã kê khai điều chỉnh giảm thuế số thuế GTGT khấu trừ đối với toàn bộ 90 số hóa đơn không hợp pháp nêu trên dẫn đến tăng số thuế GTGT phát sinh phải nộp là 571.824.481 đồng, đến thời điểm giám định Công ty X đã nộp hết số thuế GTGT phát sinh phải nộp vào ngân sách nhà nước". Vì vậy không còn thiệt hại về thuế.

Do đó, Lê Bách V2 có hành vi Mua bán trái phép 90 hoá đơn GTGT của Nguyễn Minh T.

Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, làm rõ hành vi của đối tượng bán hóa đơn trái phép sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.

27. Thủy Thanh P - Sinh năm 1989; Địa chỉ thường trú: 7 T, phường D, TP D, B; Chức vụ: Chủ tịch công ty kiêm Giám đốc Công ty TNHH H6 (viết tắt là Công ty H7); là người đại diện theo pháp luật; Ngành nghề kinh doanh: Vệ sinh công nghiệp.

Công ty H7 hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên. Mã số doanh nghiệp: 3702657419; Đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 20/04/2018; Đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 14/09/2023. Địa chỉ trụ sở chính: Số B đường B, khu phố T, phường T, TP D, B.

Trong năm 2021, năm 2022, Công ty H7 mua hàng hóa vật tư là dụng cụ, hóa chất về vệ sinh công nghiệp của các cá nhân ở nhiều địa phương khác nhau. Do các cá nhân bán hàng nhỏ lẻ, không có pháp nhân, không có hóa đơn chứng từ xuất cho Công ty H7, nên để có hóa đơn chứng minh nguồn gốc hàng hóa mua vào, P đã liên hệ với người đàn ông tên "D" (hiện chưa xác định được nhân thân lai lịch) để mua 88 hóa đơn GTGT khống của 18 Công ty gồm: Công ty TNHH Đ1; Công ty TNHH D2; Công ty TNHH D8 nhà hàng K7; Công ty TNHH Đ5; Công ty TNHH H8; Công ty TNHH K8 và PCCC 24h; Công ty TNHH K3 nhà hàng K3; Công ty TNHH K3; Công ty TNHH S7; Công ty TNHH V5; Công ty TNHH Đ6; Công ty TNHH T21; Công ty TNHH T14; Công ty TNHH T19; Công ty TNHH T38; Công ty TNHH V12; Công ty TNHH X1; Công ty TNHH X2 với tổng doanh số 7.222.956.420 đồng (trong đó tiền hàng là 6.582.222.000 đồng; tiền thuế là 640.734.420 đồng). 18 Công ty này do Nguyễn Minh T thành

lập để bán trái phép hóa đơn GTGT thông qua các trung gian (F1) có "Mã khách hàng" là "A toai" và "Cuong pham".
Theo thỏa thuận, P phải trả cho "D" số tiền tương đương 3,5% giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn và theo nhận thức của P, số tiền này là tiền thuế GTGT "Duy" sẽ nộp ngân sách Nhà nước.
Về việc thanh toán hợp thức và thanh toán tiền mua hóa đơn như sau: P đã trao đổi với D là do tài khoản Công ty H7 không có đủ tiền nên các cá nhân bán hóa đơn sẽ cho mượn tiền để chuyển thanh toán hợp thức qua tài khoản ngân hàng. Theo như đã thỏa thuận, P đã nhờ chị Lê Thị H1 (nhân viên kế toán) đến chi nhánh Ngân hàng A2 - CN D để gặp các cá nhân giới thiệu bên công ty bán hóa đơn. Tại đây H1 gặp một nam thanh niên và người này đưa các khoản tiền mặt cho chị H1 sau đó P chỉ đạo H1 nộp tiền vào Công ty H7. P có trao đổi khi tiền chuyển vào tài khoản Công ty H7 thì H1 sử dụng các ủy nhiệm chi P đã ký sẵn làm lệnh chuyển tiền từ tài khoản Công ty H7 đến tài khoản của các công ty phát hành hóa đơn, khi tiền được chuyển đến thì các công ty bán hóa đơn sẽ giữ lại. Tổng số tiền đã thanh toán hợp thức thể hiện trên tài khoản Công ty H7 là 7.464.183.920 đồng và số tiền mua hóa đơn Phương đã thanh toán là 230.377.770 đồng (tương đương 3,5% giá trị tiền hàng chưa thuế). Chị H1 chỉ thực hiện theo chỉ đạo của P mà không biết việc nhận, chuyển tiền như trên là để thực hiện việc mua bán hóa đơn.
Toàn bộ 88 hoá đơn GTGT đã được Công ty H7 kê khai thuế trong năm 2021, năm 2022 tại Chi cục thuế T46 - B. Đến tháng 12/2022; Tháng 01, tháng 6, tháng 9, tháng 12 /2023, Công ty H7 đã kê khai điều chỉnh bổ sung, loại bỏ 88 hóa đơn nêu trên.
Ngày 09/4/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P có Quyết định trưng cầu giám định số 1529/QĐ- CSKT trưng cầu Cục thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm về pháp luật thuế đối với Công ty H7.
Tại Kết luận giám định ngày 10/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận:
"Với hành vi sử dụng không hợp pháp hóa đơn (hóa đơn khống) để kê khai làm tăng số tiền thuế được khấu trừ, làm giảm số thuế phải nộp của Công ty H7 là hành vi trốn thuế".
"Công ty H7 đã kê khai bổ sung để điều chỉnh giảm toàn bộ số thuế GTGT đầu vào khấu trừ của 88 hóa đơn sử dụng không hợp pháp và đã khắc phục nộp đủ vào ngân sách số thuế GTGT phải nộp ngân sách tăng sau khi kê khai điều chỉnh bổ sung". Vì vậy không còn thiệt hại về thuế.
Do đó, Thủy Thanh P có hành vi mua bán trái phép 88 hóa đơn GTGT của Nguyễn Minh T.
Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, xác định danh tính, làm rõ hành vi của cá nhân "D" sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.
28. Nguyễn Thị N5 - Sinh năm 1991, HKTT: KP B, phường T, T, B; Chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH MTV S11 (viết tắt là Công ty S11); Là người đại diện theo pháp luật; Ngành nghề kinh doanh: Gia công kim loại.
Công ty S11 được Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh B cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3702566867, đăng ký lần đầu ngày 29/5/2017, đăng ký thay đổi

lần thứ 3 ngày 17/05/2023; Địa chỉ trụ sở chính: Thửa đất số 211, tờ bản đồ số 24, khu phố B, phường T, T, B.

Năm 2021, 2022, Công ty S11 mua hàng hóa của nhiều cửa hàng, đơn vị nhỏ lẻ trên địa bàn tỉnh B. Tuy nhiên, khi thanh toán tiền hàng, các cửa hàng này lại không xuất được hóa đơn GTGT, nên N5 đã liên hệ với cá nhân tên "C" (hiện chưa xác định được nhân thân lai lịch) và mua 84 hóa đơn GTGT của 17 Công ty: Công ty TNHH C3 (08 hóa đơn); Công ty TNHH D2 (10 hóa đơn); Công ty TNHH D3 (02 hóa đơn); Công ty TNHH Đ5 (10 hóa đơn); Công ty TNHH K3 (01 hóa đơn); Công ty TNHH K3 (01 hóa đơn); Công ty TNHH N9 (02 hóa đơn); Công ty TNHH S12 (02 hóa đơn); Công ty TNHH S5 (10 hóa đơn); Công ty TNHH T21 (06 hóa đơn); Công ty TNHH T14 (04 hóa đơn); Công ty TNHH T38 (06 hóa đơn); Công ty TNHH T33 (09 hóa đơn); Công ty TNHH T36 (05 hóa đơn); Công ty TNHH T16 (03 hóa đơn); Công ty TNHH V5 (02 hóa đơn); Công ty TNHH V13 (03 hóa đơn) với tổng doanh số hóa đơn là 15.336.670.910 đồng, trong đó, giá trị tiền hàng 13.984.308.100 đồng, thuế VAT là 1.352.362.810 đồng. 17 Công ty này do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT thông qua trung gian (F1) có "Mã khách hàng" là "Lê D".

Theo thỏa thuận, N5 phải trả cho "C" đơn số tiền bằng 6% giá trị tiền hàng ghi trên hoá đơn và theo nhận thức của N5, số tiền này là tiền thuế GTGT "Cường" sẽ nộp ngân sách Nhà nước.

Để hợp thức tiền trên tài khoản, trước khi thanh toán cho Công ty bán hóa đơn, C và N5 ra ngân hàng, C nộp tiền mặt (đã trừ phí mua hóa đơn 6%) vào tài khoản Công ty số 0281000520334 mở tại V4, đồng thời N5 sẽ viết Ủy nhiệm chi thanh toán đến tài khoản Công ty bán hóa đơn. Về sau, do đã tin tưởng nên trước khi thanh toán, C sẽ đến gặp N5 để lấy Ủy nhiệm chi rồi tự ra ngân hàng nộp tiền mặt vào tài khoản Công ty rồi dùng Ủy nhiệm chi N5 đã viết, ký sẵn để chuyển khoản hợp thức. Chi phí mua hóa đơn Công ty S11 đã thanh toán là 791.334.744 đồng.

Sau khi mua 84 hóa đơn nêu trên, N5 đã sử dụng toàn bộ 84 hóa đơn để kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty S11 tại chi cục thuế khu vực T47, B và N5 đã kê khai bổ sung điều chỉnh giảm 84 hóa đơn trên.

Ngày 11/4/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P đã có Quyết định trưng cầu giám định số 1622/CQĐT(PC03) trưng cầu Cục thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm về pháp luật thuế đối với Công ty S11.

Tại Kết luận giám định ngày 10/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận:

"Việc Công ty S11 sử dụng không hợp pháp hóa đơn để hạch toán hàng hóa, nguyên liệu đầu vào trong hoạt động phát sinh nghĩa vụ thuế làm tăng số tiền thuế được khấu trừ, giảm số tiền thuế phải nộp là hành vi trốn thuế theo quy định tại Khoản 4 Điều 143 Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019".

"Công ty S11 đã kê khai điều chỉnh giảm số tiền thuế GTGT khấu trừ đối với các hóa đơn sử dụng không hợp pháp đã kê khai khấu trừ thuế và đã xác định tăng thuế GTGT phát sinh phải nộp tương ứng (1.355.402.810đ)". Vì vậy không còn thiệt hại về thuế.

Do đó, Nguyễn Thị N5 có hành vi mua bán trái phép 84 hóa đơn GTGT của Nguyễn Minh T.
Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, xác định danh tính, làm rõ hành vi của cá nhân "C" sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.
29. Nguyễn Thị H2 - Sinh năm 1975; Địa chỉ thường trú: Số E, tổ B, KP D, phường L, TP B, Đ. Chức vụ: Chủ tịch hội đồng thành viên kiêm Giám đốc Công ty TNHH T48 (viết tắt là Công ty T48); Là người đại diện theo pháp luật; Ngành nghề kinh doanh: cung cấp dịch vụ vận tải.
Công ty T48 hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên. Mã số doanh nghiệp: 3602413144; Đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 06/12/2010; Đăng ý thay đổi lần thứ 1 ngày 06/11/2013. Địa chỉ trụ sở chính: Số E, tổ B, KP D, phường L, TP B, tỉnh Đ.
Trong năm 2021 và năm 2022, quá trình hoạt động Công ty T48 thuê xe của các cá nhân ở nhiều địa phương khác nhau. Do các cá nhân có xe mà Công ty thuê không có hóa đơn chứng từ xuất cho Công ty để làm chứng từ kê khai hạch toán cho các chi phí đã thanh toán. Để có hóa đơn hợp thức chứng từ mua vào cho Công ty, H2 đã giao cho kế toán dịch vụ tên là "Ngô Tường V3" (địa chỉ nhà ở TP H, chưa xác định được nhân thân, lai lịch) liên hệ mua 90 hóa đơn GTGT khống của các công ty gồm: Công ty TNHH D2; Công ty TNHH D9; Công ty TNHH V5; Công ty TNHH T8; Công ty TNHH T49; Công ty TNHH T16; Công ty TNHH T50 với tổng doanh số 12.444.909.866 đồng (trong đó tiền hàng 11.434.881.060 đồng, tiền thuế 1.010.028.806 đồng). Các Công ty này do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT thông qua các trung gian (F1) có "Mã khách hàng" là "A H3" "A Phu"và "Lê D".
Theo thỏa thuận, H2 phải trả cho người bán hóa đơn số tiền tương đương từ 8% đến 10% giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn và theo nhận thức của H2, số tiền này là tiền thuế GTGT người bán hóa đơn sẽ nộp ngân sách Nhà nước.
Về việc hợp thức cho các tờ hóa đơn, V3 trao đổi các Công ty bán hóa đơn sẽ hỗ trợ cho mượn tiền để hợp thức (đảo tiền). Các khoản tiền mượn của các công ty bán hóa đơn sẽ được chuyển vào tài khoản cá nhân của H2, số 198797089 tại Ngân hàng A2 - CN Đ. Sau đó V3 có báo cho H2 để H2 tiếp tục nộp vào tài khoản công ty T48 và sử dụng ủy nhiệm chi thanh toán từ tài khoản Công ty đến tài khoản các Công ty xuất hóa đơn. Để mua 83 hóa đơn trên, H2 đã trả số tiền tương đương với tiền thuế GTGT trên các hóa đơn là 946.464.006 đồng.
Đối với 90 hoá đơn GTGT nêu trên, Công ty T48 chỉ sử dụng 83 hóa đơn GTGT (07 hóa đơn tự loại bỏ không sử dụng kê khai thuế) với tổng doanh số là 11.586.785.066 đồng (trong đó tiền hàng 10.640.321.060 đồng, tiền thuế 946.464.006 đồng) để kê khai thuế trong năm 2021, năm 2022 tại Chi cục thuế T51 - tỉnh Đ. Đến tháng 4/2022; Tháng 7, tháng 8/2023 và tháng 03/2024, Công ty T48 đã kê khai điều chỉnh bổ sung, loại bỏ 83 hóa đơn nêu trên.
Ngày 09/4/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P có Quyết định trưng cầu giám định số 1542/QĐ- CSKT trưng cầu Cục thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm về pháp luật thuế đối với Công ty T48.
Tại Kết luận giám định ngày 09/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận:

“Việc Công ty T48 sử dụng không hợp pháp hóa đơn để hạch toán hàng hóa, nguyên liệu mua vào trong hoạt động phát sinh nghĩa vụ thuế làm tăng số tiền thuế được khấu trừ, làm giảm số tiền thuế phải nộp là hành vi trốn thuế”.
“Công ty T48 đã kê khai điều chỉnh giảm số thuế GTGT khấu trừ đối với 83 số hóa đơn sử dụng không hợp pháp nêu trên dẫn đến số thuế GTGT phải nộp số tiền 912.564.558 đồng, giảm số thuế GTGT khấu trừ số tiền 33.899.448 đồng”. Vì vậy không còn thiệt hại về thuế. Sau khi kê khai điều chỉnh, Công ty T48 đã nộp số tiền 433.196.756 đồng vào ngân sách Nhà nước.
Do đó, Nguyễn Thị H2 có hành vi mua trái phép 83 hóa đơn GTGT của Nguyễn Minh T.
Nguyễn Thị H2 đã nộp số tiền 433.196.756 đồng, còn lại số tiền: 912.564.558 đồng - 433.196.756 đồng = 479.367.802 đồng tiếp tục nộp theo quy định của pháp luật.
Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, danh tính, làm rõ hành vi của cá nhân “Ngô Tường V3” sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.
30. Lê Thị Kim L - Sinh năm 1986; HKTT: B2-12-21, C/C PHB, đường E, Phường A, Quận G, thành phố H. Chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH một thành viên T38 (viết tắt là Công ty T38); Là người đại diện theo pháp luật; Ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh dịch vụ vệ sinh công nghiệp.
Công ty H9 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp C7: 0314078127, đăng ký lần đầu ngày 24/10/2016; đăng ký thay đổi lần thứ 03 ngày: 24/8/2022. Địa chỉ trụ sở chính: Số H đường số E, phường A, Quận G, thành phố H.
Trong năm 2021, 2022, Công ty T38 có mua hàng hóa của các cá nhân và cơ sở kinh doanh nhỏ lẻ (đến nay L không xác định được danh tính, địa chỉ của các cá nhân và cơ sở kinh doanh nêu trên). Theo thỏa thuận, L đã thanh toán tiền hàng bao gồm cả tiền thuế GTGT nhưng sau khi nhận hàng, bên bán không xuất hóa đơn GTGT cho Công ty để kê khai thuế. Để chứng minh nguồn gốc hàng hóa đã mua, L đã liên hệ với 03 cá nhân tên “D”; “S”; “B” (chưa xác định được danh tính) mua tổng số 82 hóa đơn GTGT của 12 công ty gồm: Công ty Cổ phần S13 (04 hóa đơn), Công ty TNHH Đ5 (09 hóa đơn), Công ty TNHH Đ8 (02 hóa đơn), Công ty TNHH D10
(12 hóa đơn), Công ty TNHH T52 (07 hóa đơn), Công ty TNHH T53 (07 hóa đơn), Công ty TNHH T54 (01 hóa đơn), Công ty TNHH T7 (11 hóa đơn), Công ty TNHH T55 (11 hóa đơn), Công Ty TNHH Đ9 (03 hóa đơn), Công ty TNHH T56 (07 hóa đơn), Công ty TNHH T9 (06 hóa đơn) với tổng doanh số là 33.391.709.527 đồng (trong đó tiền hàng hóa dịch vụ là 30.710.503.551 đồng; tiền thuế GTGT: 2.681.205.976 đồng); 12 Công ty này do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT thông qua các trung gian (F1) có “Mã khách hàng” là “BINH”; “Chị T5”.
Theo thỏa thuận, L phải trả cho 03 cá nhân nêu trên số tiền tương đương từ 3% đến 5% giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn và theo nhận thức của L, số tiền này là tiền thuế GTGT mà 03 cá nhân nêu trên sẽ nộp ngân sách nhà nước.
Để hợp thức hóa đơn, L đã chuyển tiền từ tài khoản của Công ty C7: 11111426 mở tại ngân hàng A2 đến tài khoản của công ty bán hóa đơn. Sau đó 03 cá nhân

nêu trên giữ lại số tiền mua hóa đơn bằng 3 - 5% giá trị tiền hàng và trả số tiền còn lại bằng tiền mặt cho L. Để mua 82 hóa đơn, L đã trả tiền cho 03 cá nhân nêu trên là 1.427.306.318 đồng.
Sau khi mua 82 hóa đơn GTGT nêu trên, L đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty Hồ Lê Gia tại Chi cục thuế Quận G trong năm 2021, 2022. Tháng 02/2024, Công ty T38 đã làm thủ tục kê khai bổ sung, điều chỉnh loại bỏ toàn bộ 82 hóa đơn khống nêu trên ra khỏi tờ khai thuế.
Ngày 03/4/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P có Quyết định trưng cầu giám định số 1449/CQĐT(PC03) trưng cầu Cục thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm về pháp luật thuế đối với Công ty H10
Tại Kết luận giám định ngày 09/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận: "Việc Công ty T38 sử dụng không hợp pháp hóa đơn (hóa đơn khống) để kê khai khấu trừ thuế GTGT làm giảm số thuế phải nộp, tăng số thuế được khấu trừ là hành vi trốn thuế theo quy định tại Khoản 4 Điều 143 Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019". Theo kết quả điều tra của Cơ quan điều tra tại thời điểm giám định Công ty T38 đã kê khai bổ sung điều chỉnh loại bỏ hóa đơn khống nêu trên hồ sơ kê khai thuế GTGT và xác định số thuế GTGT phải nộp tăng thêm 2.426.720.976 đồng. Công ty T38 đã nộp đủ số tiền GTGT phát sinh sau khi kê khai điều chỉnh vào ngân sách Nhà nước, vì vậy không còn thiệt hại về thuế.
Do đó, Lê Thị Kim L có hành vi mua trái phép 82 hóa đơn GTGT của Nguyễn Minh T.
Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, làm rõ hành vi của đối tượng "D"; "S"; "B" sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.
31. Dương Thị Kim C1 - Sinh năm 1982 HKTT: 06 đường F, phường H, TP ., TP .. Chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH S14 (viết tắt là Công ty S14); Là người đại diện theo pháp luật; Ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh vật tư gỗ.
Công ty S14 hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên C7: 3702960782, đăng ký lần đầu ngày 17/03/2021; Địa chỉ trụ sở chính: Thửa đất số 327, tờ bản đồ số 30, tổ D, khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh B.
Trong năm 2021, 2022, công ty S14 mua hàng hóa của các cá nhân và cơ sở kinh doanh nhỏ lẻ để phục vụ sản xuất (đến nay C1 không xác định được danh tính, địa chỉ của các cá nhân và cơ sở kinh doanh nêu trên). C1 đã thanh toán tiền hàng bao gồm cả tiền thuế GTGT nhưng sau khi nhận hàng, bên bán không xuất hóa đơn GTGT cho Công ty để kê khai thuế. Để chứng minh nguồn gốc hàng hóa đã mua, C1 đã liên hệ với một cá nhân tên "H4" (chưa xác định được danh tính) để mua tổng số 78 hóa đơn GTGT của 16 công ty (có phụ lục kèm theo) với tổng doanh số: 13.987.538.423 đồng (trong đó: tiền hàng hóa: 12.718.634.930 đồng; tiền thuế GTGT: 1.268.903.493 đồng). 16 Công ty này do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT thông qua các trung gian (F1) có "Mã khách hàng" là "Lê D".
Theo thỏa thuận, C1 trả cho người bán hóa đơn số tiền tương đương 5% giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn và theo nhận thức của C1 số tiền này là tiền thuế

GTGT mà "H4" sẽ nộp ngân sách nhà nước.
Để hợp thức hóa đơn, C1 hẹn gặp "H4" tại Ngân hàng S15 chi nhánh T57, B. Tại đây "H4" đưa tiền mặt cho C1 số tiền bằng với doanh số trên hóa đơn để nộp vào tài khoản của công ty S14 mở tại Ngân hàng S15 sau đó ký ủy nhiệm chi chuyển tiền đến công ty bán hóa đơn. Nếu tài khoản công ty có đủ tiền, C1 thực hiện chuyển khoản hợp thức hóa đơn và nhận lại tiền mặt từ "H4". Để mua 78 hóa đơn khống, C1 đã trả cho người bán hóa đơn tổng số tiền là 635.931.000 đồng (bằng 5% giá trị hàng hóa trên 78 hóa đơn đã chuyển khoản hợp thức), số tiền này C1 đưa tiền mặt cho người bán hóa đơn sau khi thanh toán hợp thức hóa đơn.
Sau khi mua 78 hóa đơn nêu trên, C1 đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của công ty S14 tại Chi cục thuế khu vực T47, tỉnh B trong năm 2021, 2022. Đến nay, công ty S14 đã kê khai bổ sung loại toàn bộ 78 hóa đơn nêu trên.
Ngày 03/4/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P có Quyết định trưng cầu giám định số 1446/CQĐT(PC03) trưng cầu Cục thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm về pháp luật thuế đối với Công ty S14.
Tại Kết luận giám định ngày 09/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận:
"Với hành vi sử dụng không hợp pháp hóa đơn, hóa đơn khống để kê khai làm tăng số tiền thuế được khấu trừ thuế làm giảm số thuế phải nộp của Công ty S14 là hành vi trốn thuế".
"Tại thời điểm giám định Công ty S14 đã kê khai bổ sung điều chỉnh giảm toàn bộ số thuế GTGT đầu vào khấu trừ của 78 hóa đơn sử dụng không hợp pháp và đã khắc phục nộp vào ngân sách số thuế GTGT phải nộp tăng sau khi kê khai điều chỉnh là 100.000.000 đồng, số tiền thuế GTGT phải nộp sau kê khai điều chỉnh bổ sung chưa nộp ngân sách là 1.105.699.437 đồng". Vì vậy không còn thiệt hại về thuế.
Do đó, Dương Thị Kim C1 có hành vi mua trái phép 78 hóa đơn GTGT của Nguyễn Minh T.
Dương Thị Kim C1 phải tiếp tục nộp số tiền là 1.105.699.437 đồng theo quy định của pháp luật.
Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, làm rõ hành vi của đối tượng "H4" sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.
32. Lê N6 - Sinh năm 1974; Trú tại: 12.09 CC Võ Đình TA A, KP6, p. T, q.12, thành phố H; Chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH V5 (viết tắt là Công ty V5); Là người đại diện theo pháp luật; Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất, gia công hàng may mặc.
33. Nguyễn Thị Thái H5 - Sinh năm 1992; Nơi thường trú: Q, Q, Q; Chức vụ: kế toán Công ty V5.
Công ty V5 hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0312761440 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố K4 cấp năm 28/4/2014, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 10/7/2023. Địa chỉ trụ sở: F đường T, phường T, quận A, thành phố H (thực tế Công ty hoạt động tại địa chỉ A N, ấp F, xã Đ, huyện H, thành phố H).
Trong năm 2021, 2022, Công ty V5 thuê nhiều xưởng sản xuất nhỏ lẻ gia công

một số mặt hàng và mua bán hàng hóa phục vụ sản xuất, tuy nhiên các xưởng gia công hay cửa hàng này lại không xuất được hóa đơn GTGT cho Công ty. Do vậy, N6 đã giao cho H5 tìm hóa đơn để hợp thức hóa đầu vào cho Công ty. Sau đó, H5 liên hệ với Nguyễn Thị N7 - cộng tác viên của Công ty (hiện chưa xác định được nhân thân lai lịch) và mua 111 hóa đơn GTGT của 12 Công ty: Công ty Cổ phần S16 (20 hóa đơn); Công ty TNHH D10 (19 hóa đơn); Công ty TNHH Đ10 (05 hóa đơn); Công ty TNHH S17 (04 hóa đơn); Công ty TNHH S18 (04 hóa đơn); Công ty TNHH T10 (20 hóa đơn); Công ty TNHH T7 (06 hóa đơn); Công ty Cổ phần S13 (07 hóa đơn); Công ty TNHH D11 (03 hóa đơn); Công ty TNHH D12 (04 hóa đơn); Công ty TNHH K3 (07 hóa đơn); Công ty TNHH T58 (09 hóa đơn) với tổng doanh số hóa đơn là 16.137.627.013 đồng, trong đó, giá trị tiền hàng là 14.635.849.052 đồng, thuế VAT là 1.253.329.161 đồng. 12 Công ty này do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT thông qua trung gian (F1) có "Mã khách hàng" là "Vang" và "PHAT".

Theo thỏa thuận, N6 phải trả cho N7 số tiền tương đương 3,5% giá trị hàng hoá ghi trên hoá đơn và theo nhận thức của N6, số tiền này là tiền thuế GTGT Nguyệt sẽ nộp ngân sách Nhà nước.

Để hợp thức tiền trên tài khoản, mỗi lần thanh toán, khi cần thanh toán, H5 sẽ viết sẵn ủy nhiệm chi của Công ty (N6 đã ký sẵn ủy nhiệm chi) rồi chụp cho N7 xem trước rồi N7 sẽ mang tiền mặt trực tiếp đưa cho H5 để H5 nộp tiền vào tài khoản Công ty và sử dụng các ủy nhiệm chi để chuyển khoản đến tài khoản của các Công ty bán hóa đơn. Chi phí mua hóa đơn được H5 thanh toán bằng cách đưa tiền mặt cho N7. Chi phí mua hóa đơn mà N6 đã trả là 520.235.242 đồng (tương đương 3.5% doanh số tiền hàng).

Sau khi mua 111 hóa đơn nêu trên, N6 chỉ sử dụng 76/111 hóa đơn với tổng doanh số hóa đơn là 15.889.178.213 đồng, trong đó giá trị hàng trước thuế là 14.635.849.052 đồng, tiền thuế VAT là 1.253.329.161 đồng để kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty V5 tại chi cục thuế KV quận A3 – huyện H, thành phố H. N6 đã kê khai bổ sung điều chỉnh giảm 76 hóa đơn này.

Ngày 11/4/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P đã có Quyết định trưng cầu giám định số 1611/CQĐT(PC03) trưng cầu Cục thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm về pháp luật thuế đối với Công ty V5.

Tại Kết luận giám định ngày 10/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận:

"Việc Công ty V5 sử dụng không hợp pháp hóa đơn để hạch toán hàng hóa, nguyên liệu đầu vào trong hoạt động phát sinh nghĩa vụ thuế làm tăng số tiền thuế được khấu trừ, giảm số tiền thuế phải nộp là hành vi trốn thuế theo quy định tại Khoản 4 Điều 143 Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019".

"Công ty V5 đã kê khai điều chỉnh giảm số thuế GTGT đầu vào khấu trừ đối với 76 hóa đơn sử dụng không hợp pháp nêu trên, dẫn đến tăng thuế GTGT phải nộp tương ứng số tiền 1.100.958.300đ. Tại thời điểm giám định doanh nghiệp đã nộp số tiền thuế GTGT trên vào ngân sách Nhà nước là 107.300.000đ".

Do đó, Lê N6 và Nguyễn Thị Thái H5 có hành vi mua bán trái phép 76 hóa đơn GTGT của Nguyễn Minh T.

đơn); Công Ty TNHH T6 (01 hóa đơn); Công Ty TNHH T7 (06 hóa đơn); Công Ty TNHH T8 (03 hóa đơn); Công Ty TNHH T9 (03 hóa đơn); Công Ty TNHH T10 (13 hóa đơn), với tổng doanh số: 12.043.540.687 đồng (trong đó: tiền hàng hóa: 11.019.609.752 đồng; tiền thuế GTGT: 1.023.930.935 đồng), 17 Công ty này do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT thông qua các trung gian (F1) có "Mã khách hàng" là "TUAN".

Theo thỏa thuận, N phải trả cho người bán hóa đơn số tiền tương đương 5% giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn và theo nhận thức của N và V, số tiền này là tiền thuế GTGT mà "T1" sẽ nộp ngân sách nhà nước.

Để hợp thức hóa đơn, N ký vào Ủy nhiệm chi để trống nội dung, sau đó đưa cho V đi thực hiện giao dịch hợp thức hóa đơn. V gặp "T1" tại Ngân hàng V4 chi nhánh T11. Tại đây, V nhận tiền mặt từ người bán hóa đơn số tiền bằng doanh số hóa đơn cần hợp thức. Nếu tài khoản của công ty F không đủ tiền thanh toán hợp thức hóa đơn, V nộp tiền mặt vào tài khoản của công ty S1 mở tại Ngân hàng V4 và thực hiện Ủy nhiệm chi N đã ký chuyển tiền đến các công ty bán hóa đơn để thanh toán hợp thức hóa đơn. Nếu tài khoản của công ty còn đủ tiền, V sẽ thực hiện Ủy nhiệm chi và cầm tiền mặt về sử dụng vào các khoản chi của công ty theo chỉ đạo của Giám đốc. Để mua 101 hóa đơn khống, N đã trả cho người bán hóa đơn tổng số tiền là 280.164.414 đồng (bằng 5% giá trị hàng hóa trên 59 hóa đơn đã chuyển khoản hợp thức), số tiền này V đưa tiền mặt cho người bán hóa đơn sau khi thanh toán hợp thức hóa đơn.

Sau khi mua 101 hóa đơn nêu trên, công ty F đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của công ty F tại Chi cục thuế Quận T, Thành Phố H trong năm 2021, 2022. Đến nay, công ty F đã kê khai bổ sung loại toàn bộ 101 hóa đơn nêu trên.

Ngày 03/4/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P có Quyết định trưng cầu giám định số 1445/CQĐT(PC03) trưng cầu Cục thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm về pháp luật thuế đối với Công ty F.

Tại Kết luận giám định ngày 10/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận:

"Đối với hành vi sử dụng không hợp pháp 101 hóa đơn GTGT của Công ty F để kê khai tăng thuế GTGT đầu vào được khấu trừ 1.023.930.935 đồng trong các kỳ kê khai thuế từ quý 4/2021 đến quý 3/2022, làm giảm số tiền thuế phải nộp là hành vi trốn thuế".

"Công ty F đã thực hiện kê khai bổ sung và loại bỏ 101 số hóa đơn trong kỳ kê khai thuế từ quý 4/2021 đến quý 3/2022, tương ứng số thuế GTGT đầu vào điều chỉnh giảm là 1.023.930.935 đồng; Sau khi điều chỉnh giảm, số thuế GTGT phát sinh phải nộp trong kỳ kê khai thuế là 1.051.866.082 đồng". "Tính đến ngày 27/11/2023, Công ty F đã khắc phục nộp đủ số tiền thuế GTGT phát sinh sau điều chỉnh là 1.051.866.082 đồng theo Công văn số 7085/CCCTP-KTr5 ngày 27/11/2023. Vì vậy không còn thiệt hại về thuế.

Do đó, Nguyễn Trọng N và Hoàng Thị V có hành vi mua trái phép 101 hóa đơn GTGT của Nguyễn Minh T.

Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, làm rõ hành vi của đối tượng "T1" sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.

19. Ngô Quốc N1 - Sinh năm 1982; Địa chỉ thường trú: D P, phường A, quận B,

TP H. Chức vụ: Giám đốc Công ty Cổ phần C2 (viết tắt là Công ty C2); Là người đại diện theo pháp luật.
20. Hà Hoàng N2 - Sinh năm 1985; Nơi thường trú: 113/7 L, phường P, quận T, TP H; chức vụ: Kế toán trưởng Công ty NMS
Công ty NMS hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần. Mã số doanh nghiệp: 0314316050; Đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 28/03/2017; Đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 22/07/2020. Địa chỉ trụ sở chính: Số A tòa nhà H, D N, phường E, quận C, TP H.
Trong năm 2021, 2022, quá trình hoạt động Công ty C2 bán các mặt hàng là thiết bị máy tính và thực hiện lắp đặt thiết bị, Công ty thuê một người đàn ông tên là "M" thực hiện (hiện chưa xác định được nhân thân lai lịch). Sau khi kết thúc việc lắp đặt thiết bị Công ty C2 thanh toán tiền mặt cho M. Do M chỉ là cá nhân lao động tự do, không có pháp nhân nên không có hóa đơn chứng từ xuất cho Công ty C2 để làm chứng từ kê khai hạch toán cho các chi phí đã thanh toán. Sau đó N2 đã báo cáo N1 về việc các chi phí thanh toán cho M không có hóa đơn chứng từ và N1 chỉ đạo bộ phận kế toán trao đổi với M về việc lấy chứng từ hóa đơn để hạch toán. Sau đó M có trao đổi lại để có hóa đơn GTGT của các Công ty thì phải trả thêm khoản tiền từ 08% đến 10% trên doanh số tiền hàng thể hiện trên hóa đơn; bộ phận kế toán báo cáo lại N1 và được N1 đồng ý để mua 101 hóa đơn GTGT khống của 12 Công ty gồm Công ty TNHH T12; Công ty Cổ phần T13; Công ty TNHH C3; Công ty TNHH D2; Công ty TNHH D3; Công ty TNHH Đ1; Công ty TNHH T14; Công ty TNHH T8; Công ty TNHH T15; Công ty TNHH T16; Công ty TNHH V5; Công ty TNHH V6 với tổng doanh số 10.113.080.000 đồng (trong đó tiền hàng 9.194.310.000 đồng, tiền thuế 918.770.000 đồng). 12 Công ty này do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT thông qua các trung gian (F1) có "Mã khách hàng" là "cuongpham.duong", "TUYEN", "a.hoi".
Theo thỏa thuận, N1, N2 phải trả cho "M" số tiền tương đương 8% - 10% giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn và theo nhận thức của N1, N2, số tiền này là tiền thuế GTGT "M" sẽ nộp ngân sách Nhà nước.
Về việc thanh toán hợp thức và thanh toán tiền mua hóa đơn như sau: Các khoản tiền thanh toán hợp thức sẽ dùng tiền của Công ty C2, N2 không gặp trực tiếp M mà gặp một người đàn ông (không có quen biết) do M giới thiệu. Sau khi sử dụng ủy nhiệm của Công ty C2 thanh toán cho các Công ty xuất hóa đơn thì cá nhân người đàn ông kia sẽ rút các khoản tiền vừa chuyển trả lại cho Công ty C2, việc nhận lại tiền có lúc N2 nhận tiền mặt hoặc cung cấp số tài khoản cá nhân của các cá nhân là kế toán viên của Công ty (Trần Thị Dịu H, Nguyễn Thị Tố N3) để cá nhân kia chuyển tiền đến. Các khoản tiền trả lại sẽ được N2 và nhân viên kế toán nộp vào tài khoản Công ty C2 hoặc trả các khoản tiền còn thiếu với M. Số tiền mua hóa đơn phải thanh toán trả cho M là 800 triệu đồng.
Đối với 101 hoá đơn GTGT Công ty C2 chỉ sử dụng 99 hóa đơn GTGT, (02 hóa đơn công ty tự loại bỏ không sử dụng kê khai) với tổng doanh số là 10.057.530.000 đồng (trong đó tiền hàng 9.143.810.000 đồng, tiền thuế 913.720.000 đồng) để kê khai thuế trong năm 2021, năm 2022 tại chi cục thuế

quận C4 – TP H. Đến tháng 6, tháng 7/2023, Công ty C2 đã kê khai điều chỉnh bổ sung, loại bỏ 99 hóa đơn nêu trên.
Ngày 09/4/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P có Quyết định trưng cầu giám định số 1524/QĐ- CSKT trưng cầu Cục thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm về pháp luật thuế đối với Công ty C2.
Tại Kết luận giám định ngày 10/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận:
"Đối với hành vi sử dụng không hợp pháp 99 hóa đơn GTGT của Công ty C2 để kê khai tăng số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ 913.720.000 đồng trong các kỳ kê khai thuế từ tháng 4/2021 đến tháng 10/2022, làm giảm số tiền thuế phải nộp là hành vi trốn thuế".
"Công ty C2 đã thực hiện kê khai bổ sung và loại bỏ 99 số hóa đơn trong kỳ kê khai thuế từ tháng 4/2021 đến tháng 10/2022; tương ứng số thuế GTGT đầu vào điều chỉnh giảm là 913.720.000 đồng; Sau khi điều chỉnh giảm, số thuế GTGT phát sinh phải nộp trong kỳ kê khai thuế là 1.022.079.382 đồng. Tính đến ngày 20/4/2024, Công ty đã khắc phục nộp đủ số tiền sau điều chỉnh vào NSNN". Vì vậy không còn thiệt hại về thuế.
Do đó, Ngô Quốc N1 và Hà Hoàng N2 có hành vi mua bán trái phép 99 hóa đơn GTGT của Nguyễn Minh T.
Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, xác định danh tính, làm rõ hành vi của cá nhân "M" sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.
21. Châu Thị G - Sinh năm: 1988; HKTT: Ấp F, xã V, thành phố V, tỉnh H; Chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH K (viết tắt là Công ty K); Là người đại diện theo pháp luật; Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất, gia công, xuất khẩu các sản phẩm từ gỗ.
Công ty K hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3702579263 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh B cấp ngày 06/7/2017, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 24/12/2021. Địa chỉ trụ sở: thửa đất số 79, tờ bản đồ số 33-4, đường D, khu phố I, phường P, thành phố T, B.
Trong năm 2022, Công ty K mua vật liệu sản xuất của nhiều cá nhân khác nhau, tuy nhiên một số cá nhân khi bán hàng lại không thể xuất được hóa đơn. Do đó, G liên hệ với một cá nhân có nick Zalo tên "NK" (hiện chưa xác định được nhân thân lai lịch) và mua 97 hóa đơn GTGT của 04 Công ty: Công ty TNHH K1 (12 hóa đơn); Công ty TNHH T17 (12 hóa đơn); Công ty TNHH C5 (53 hóa đơn); Công ty TNHH T18 (20 hóa đơn) với tổng doanh số hóa đơn là 100.685.033.236 đồng, trong đó, giá trị tiền hàng 93.003.840.050 đồng, thuế VAT là 7.681.193.186 đồng. 04 Công ty này do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT thông qua trung gian (F1) có "Mã khách hàng" là "KAIPHUHOA".
Theo thỏa thuận, G phải trả cho "NK" đơn số tiền tương tiền thuế VAT ghi trên hoá đơn và theo nhận thức của G, số tiền này là tiền thuế GTGT "NK" sẽ nộp ngân sách Nhà nước.
Để hợp thức tiền trên tài khoản, mỗi lần thanh toán, Công ty K sẽ sử dụng tiền có sẵn trong tài khoản để chuyển vào tài khoản của Công ty bán hóa đơn. Sau đó, có người của Công ty bán hóa đơn sẽ chuyển lại số tiền trên (đã trừ phần

trăm phí mua hóa đơn) cho G để G nhập vào quỹ tiền mặt của Công ty. Công ty K đã thanh toán 65 hóa đơn với tổng doanh số hóa đơn là 63.710.867.836 đồng, trong đó giá trị hàng trước thuế là 58.776.835.050 đồng, tiền thuế VAT là 4.934.032.786 đồng. Do vậy, chi phí mua hóa đơn Công ty K đã thanh toán là 4.934.032.786 đồng.

Sau khi mua 97 hóa đơn nêu trên, G đã sử dụng toàn bộ 97 hóa đơn để kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty K và đã được hoàn thuế. Công ty K2 đã kê khai loại trừ toàn bộ 97 hóa đơn trên.

Ngày 11/4/2024, Cơ quan CSĐT – Công an tỉnh P đã có Quyết định trưng cầu giám định số 1620/CQĐT(PC03) trưng cầu Cục thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm về pháp luật thuế đối với Công ty K.

Tại Kết luận giám định ngày 09/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận:

"Việc Công ty K sử dụng không hợp pháp hóa đơn để hạch toán hàng hóa, nguyên liệu đầu vào trong hoạt động phát sinh nghĩa vụ thuế làm tăng số tiền thuế được khấu trừ, giảm số tiền thuế phải nộp là hành vi trốn thuế theo quy định tại Khoản 4 Điều 143 Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019".

"Công ty K đã kê khai điều chỉnh giảm thuế GTGT khấu trừ đối với toàn bộ 97 số hóa đơn sử dụng không hợp pháp nêu trên dẫn đến giảm số thuế GTGT đề nghị hoàn số tiền là 7.681.193.186đ". Vì vậy không còn thiệt hại về thuế.

Do đó, Châu Thị G có hành vi mua bán trái phép 97 hóa đơn GTGT của Nguyễn Minh T.

Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, danh tính, làm rõ hành vi của cá nhân có nick Zalo tên "NK" sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.

22. Nguyễn Huỳnh Anh V1 - Sinh năm 1978; Nơi ở hiện tại: 1 N, phường B, quận C, TP .; Chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH MTV K3 (Viết tắt là Công ty K3); Là người đại diện theo pháp luật; Ngành nghề kinh doanh: khách sạn.

Công ty K3 hoạt động hoạt động theo giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305908036 do phòng Đăng ký kinh doanh Sở K4 cấp ngày 15/8/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 27/7/2023.

Trong năm 2021 và 2022, Công ty K3 có mua một số loại hàng hóa của các cá nhân, cửa hàng nhỏ lẻ ở nhiều địa chỉ khác nhau (đến nay, V1 không xác định được danh tính, địa chỉ của các cá nhân, cửa hàng nêu trên). Theo thỏa thuận, V1 đã thanh toán tiền mua hàng hóa đã bao gồm thuế GTGT, nhưng sau khi nhận hàng, bên bán không phát hành được hóa đơn cho Công ty K3 để kê khai thuế. Để chứng minh nguồn gốc hàng hóa đã mua, V1 đã liên hệ với cá nhân tên "Y", "T2", "Đ" (không xác định được danh tính cụ thể) để mua 96 hóa đơn GTGT của 14 Công ty, gồm: Công ty TNHH Đ2 (08 hóa đơn); Công ty TNHH T19 (04 hóa đơn); Công ty T20 (02 hóa đơn); Công ty TNHH C6 (04 hóa đơn); Công ty TNHH Đ1 (22 hóa đơn); Công ty TNHH S2 (01 hóa đơn); Công ty TNHH S3 (03 hóa đơn); Công ty TNHH T21 (32 hóa đơn); Công ty TNHH T22 (02 hóa đơn); Công ty TNHH T23 (03 hóa đơn); Công ty TNHH T24 (08 hóa đơn); Công ty TNHH T20 (01 hóa đơn); Công ty TNHH V7 (03 hóa đơn); Công ty TNHH V8 (02 hóa đơn) với tổng giá trị hóa đơn là 12.334.303.800 đồng (tiền

hàng là 11.323.779.000 đồng, tiền thuế là 1.010.524.800 đồng). 14 Công ty này đều do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT.
Theo thỏa thuận, V1 phải trả cho "Y", "T2", "Đ" số tiền tương đương 4% giá trị hàng hóa ghi trên hóa đơn và theo nhận thức của V1, số tiền này là tiền thuế GTGT các cá nhân sẽ nộp ngân sách Nhà nước.
Để hợp thức thủ tục thanh toán qua ngân hàng cho các hóa đơn đã mua, bên bán hóa đơn chuyển tiền từ tài khoản số 8889528 của Công ty TNHH T25 mở tại ngân hàng A2, đến tài khoản số 990110929999 mở tại ngân hàng M3 của Công ty K3. Sau đó V1 ủy nhiệm chi chuyển tiền đến tài khoản của Công ty bán hóa đơn. V1 đã trả số tiền 84.000.000 đồng cho các cá nhân bằng tiền mặt (tương đương với 4% giá trị tiền hàng của 96 hóa đơn).
Sau khi mua 96 hóa đơn GTGT nêu trên, V1 đã sử dụng để kê khai thuế đầu vào của Công ty K3 tại Chi cục thuế quận C4. Tháng 5, 6/2023, Công ty K3 đã kê khai bổ sung, điều chỉnh giảm thuế GTGT được khấu trừ tại Chi cục thuế quận C4 đối với 96 hóa đơn trên.
Ngày 03/4/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P có Quyết định trưng cầu giám định số 1433/CQĐT(PC03) trưng cầu Cục thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm pháp luật thuế đối với Công ty K3.
Tại Kết luận giám định ngày 09/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận:
"Việc Công ty TNHH MTV K3 sử dụng không hợp pháp để hạch toán hàng hóa, nguyên liệu đầu vào trong hoạt động phát sinh nghĩa vụ thuế làm tăng số tiền thuế được khấu trừ, giảm số tiền thuế phải nộp là hành vi trốn thuế".
"Công ty TNHH MTV K3 đã kê khai điều chỉnh giảm số thuế GTGT khấu trừ đối với toàn bộ 96 số hóa đơn sử dụng không hợp pháp nêu trên, dẫn đến tăng số thuế GTGT phải nộp là: 999.124.858 đồng; giảm số thuế GTGT còn khấu trừ chuyển kỳ sau số tiền là 22.711.052 đồng". Vì vậy không còn thiệt hại về thuế. Công ty K3 đã nộp lại toàn bộ số tiền thuế vào ngân sách Nhà nước sau khi thực hiện kê khai bổ sung.
Do đó, Nguyễn Huỳnh Anh V1 có hành vi "Mua bán trái phép" 96 hóa đơn GTGT của Nguyễn Minh T.
Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, làm rõ hành vi của đối tượng "Yến", "T2", "Đ" sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.
23. Nguyễn Ngọc Xuân Q - Sinh năm 1979; HKTT: 2 L, Phường G, G, TP H; Chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH MTV S4 (viết tắt là Công ty S4); Là người đại diện theo pháp luật; ngành nghề kinh doanh: kinh doanh thương mại các mặt hàng về gỗ và vật liệu xây dựng.
Công ty S4 được Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh B cấp giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, mã số: 3702604463, đăng ký lần đầu ngày 28/09/2017, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 01/11/2021; Địa chỉ trụ sở chính: Số C đường L, Tổ G, Khu H, Phường P, Thành phố T, Tỉnh B.
Trong năm 2021 và 2022, để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty S4 mua hàng hóa là gỗ ván ép, sắt thép của các hộ kinh doanh cá nhân ở nhiều địa chỉ khác nhau nên không xác định được danh tính; Công ty đã thanh toán cả

tiền dịch vụ và tiền thuế cho đơn vị bán hàng; nhưng sau đó vì các đơn vị không thể phát hành được hóa đơn nên để có hóa đơn GTGT chứng minh nguồn gốc hàng hóa, dịch vụ mua vào, Q đã liên hệ với cá nhân tên ”Mười” (chưa xác định được nhân thân lai lịch) để mua 93 hóa đơn GTGT khống của 22 công ty gồm: Công ty TNHH Đ1 (02 hóa đơn); Công ty TNHH Đ3 (07 hóa đơn); Công ty TNHH Đ4 (05 hóa đơn); Công ty TNHH Đ5 (04 hóa đơn); Công ty TNHH Đ6 (01 hóa đơn); Công ty TNHH D4 (01 hóa đơn); Công ty TNHH D5 (01 hóa đơn); Công ty TNHH K5 (08 hóa đơn); Công ty TNHH K6 (04 hóa đơn); Công ty TNHH T8 (02 hóa đơn); Công ty TNHH Q1 (01 hóa đơn); Công ty TNHH S5 (02 hóa đơn); Công ty TNHH S6 (14 hóa đơn); Công ty TNHH S7 (01 hóa đơn); Công ty TNHH T26 (01 hóa đơn); Công ty TNHH T27 (03 hóa đơn); Công ty TNHH T28 (01 hóa đơn); Công ty TNHH T29 (05 hóa đơn); Công ty TNHH T30 (12 hóa đơn); Công ty TNHH T31 (01 hóa đơn); Công ty TNHH T32 (16 hóa đơn); Công ty TNHH T33 (01 hóa đơn) với tổng doanh số ghi trên hóa đơn là 53.092.702.657 đồng (Trong đó, tiền hàng là 48.573.585.533 đồng, tiền thuế GTGT là: 4.519.117.124 đồng). 22 Công ty này do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT thông qua các trung gian (F1) có “Mã khách hàng” là “Chi my” và “Lê duy”.

Theo thỏa thuận, Q phải trả cho “Mười” số tiền tương đương 4,5% giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn và theo nhận thức của Q, số tiền này là tiền thuế GTGT “Mười” sẽ nộp ngân sách Nhà nước.

Để hợp thức cho các hóa đơn phải thanh toán qua ngân hàng, M1 sẽ đưa tiền mặt cho Q hoặc M1 sẽ sử dụng các tài khoản Ngân hàng để chuyển tiền vào tài khoản của Q (Số tài khoản 65010000012508 tại Ngân hàng B1) để Q chuyển vào tài khoản Công ty S4 hoặc M1 sẽ chuyển trực tiếp vào tài khoản của Công ty S4 (số tài khoản 116002638396 tại Ngân hàng V9) số tiền bằng với số tiền thanh toán ghi trên hóa đơn. Sau đó, Q sẽ thực hiện chuyển tiền qua hình thức Mobile Banking hoặc Ủy nhiệm chi để chuyển tiền từ tài khoản trên của Công ty S4 đến các số tài khoản của các Công ty bán hóa đơn. Về tiền chi phí mua hóa đơn, Q trả cho M1 qua chuyển khoản từ số tài khoản cá nhân của Q (Số tài khoản 65010000012508 tại Ngân hàng B1) đến số tài khoản do M1 cung cấp hoặc Q sẽ đưa trực tiếp tiền mặt cho M1. Tổng số tiền Q đã trả cho M1 là 2.185.800.000 đồng (tương đương với 4,5% giá trị tiền hàng chưa bao gồm thuế GTGT).

Đối với 93 hoá đơn GTGT, Công ty S4 đã sử dụng để kê khai thuế trong năm 2021, 2022 tại chi cục thuế T34. Đến nay, Công ty S4 đã kê khai điều chỉnh bổ sung, loại bỏ 93 hóa đơn của 22 Công ty trên.

Ngoài việc mua 93 hóa đơn khống cho Công ty S4, trong năm 2021 và năm 2022, Q còn làm dịch vụ kế toán cho một số Doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh B nên Q đã thông qua M1 để liên hệ mua 43 hoá đơn GTGT cho 03 Công ty, gồm: Công ty TNHH MTV V10 (MST C) 07 hóa đơn với tổng giá trị thanh toán là 8.410.424.400 đồng (trong đó, tiền hàng là: 7787.430.000 đồng, tiền thuế là: 622.994.400 đồng); mua cho Công ty TNHH S8 (MST3702409624) 17 hóa đơn GTGT có tổng giá trị thanh toán là: 15.892.052.200 đồng (Trong đó, tiền hàng

là: 14.570.379.000 đồng, tiền thuế là: 1.321.673.200 đồng); mua cho Công ty TNHH Đ6 (M4) 19 hóa đơn với tổng giá trị thanh toán là 18.327.224.900 đồng (trong đó, tiền hàng là 16.820.784.000 đồng, tiền thuế là 1.506.440.900 đồng). Do làm dịch vụ kế toán cho 03 Công ty này nên Q chỉ giúp việc liên hệ mua hóa đơn và không được hưởng lợi gì từ việc liên hệ mua hóa đơn cho 03 Công ty này.

Như vậy, thông qua M1, Q đã mua tổng cộng 136 hóa đơn GTGT với tổng giá trị ghi trên hóa đơn là 95.722.404.157 đồng (Trong đó, tiền hàng hóa là 87.752.178.533 đồng, tiền thuế GTGT là 7.970.225.624 đồng).

Ngày 09/4/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P có Quyết định trưng cầu giám định số 1560/QĐ- CSKT trưng cầu Cục thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm về pháp luật thuế đối với Công ty S4.

Tại Kết luận giám định ngày 09/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận:

"Việc Công ty S4 sử dụng không hợp pháp 93 số hoá đơn để hạch toán hàng hoá, nguyên liệu đầu vào trong hoạt động phát sinh nghĩa vụ thuế làm giảm số tiền thuế phải nộp và tăng số tiền thuế được khấu trừ là hành vi trốn thuế theo quy định tại Khoản 4 Điều 143 Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14".

"Tại thời điểm giám định, Công ty S4 đã thực hiện kê khai bổ sung, điều chỉnh giảm thuế GTGT đầu vào khấu trừ của 93 số hoá đơn dẫn đến làm tăng số thuế GTGT phải nộp 4.519.117.124 đồng". Vì vậy không còn thiệt hại về thuế.

Do đó, Nguyễn Ngọc Xuân Q có hành vi mua bán trái phép 136 hóa đơn của Nguyễn Minh T.

Nguyễn Ngọc Xuân Q phải tiếp tục nộp số tiền 4.519.117.124 đồng theo quy định của pháp luật.

Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, làm rõ hành vi của đối tượng tên "Mười" và xác minh việc sử dụng hóa đơn bất hợp pháp của Công ty TNHH MTV V10; Công ty TNHH S8 và Công ty TNHH Đ6 sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.

24. Hoàng Thị M2 - Sinh năm 1977; HKTT: Ấp A, xã P, huyện Đ, tỉnh Đ; Chức vụ: phụ trách mua sắm vật tư Công ty TNHH một thành viên S9 (viết tắt là Công ty S9).

Công ty S9 hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số: 3601004678 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Đ cấp ngày 05/05/2008; đăng ký thay đổi lần thứ 06 ngày: 11/01/2023. Địa chỉ: B, KP A, đường B, phường A, TP ., tỉnh Đ. Người đại diện theo pháp luật: Bà Lưu Thị N4; Sinh năm 1971; HKTT: 265A, KP A, đường B, phường A, TP ., tỉnh Đ. Nơi ở hiện nay: Nhà số B, tòa L, số G, phường B, Quận B, TP .. Chức danh: Chủ tịch công ty kiêm Giám đốc. Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm từ hạt điều.

Trong năm 2021, 2022, công ty S9 mua hàng hóa của các cá nhân và cơ sở kinh doanh nhỏ lẻ để phục vụ sản xuất (đến nay công ty S9 không xác định được danh tính, địa chỉ của các cá nhân và cơ sở kinh doanh nêu trên). Theo thỏa thuận, Công ty S9 đã thanh toán tiền hàng bao gồm cả tiền thuế GTGT nhưng sau khi nhận hàng, bên bán không xuất hóa đơn GTGT cho Công ty để kê khai

thuế. Để chứng minh nguồn gốc hàng hóa đã mua, M2 đã liên hệ với một cá nhân tên "Pham Van A" (chưa xác định được danh tính) để mua tổng số 90 hóa đơn GTGT của 04 công ty gồm: Công ty TNHH C3 (07 hóa đơn); Công ty TNHH T35 (22 hóa đơn); Công ty TNHH T33 (44 hóa đơn); Công ty TNHH T36 (17 hóa đơn) với tổng doanh số: 9.532.217.661 đồng (trong đó: tiền hàng hóa: 8.824.213.000 đồng; tiền thuế GTGT: 833.941.660 đồng). 03 Công ty này do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT thông qua các trung gian (F1) có "Mã khách hàng" là "Lê D". Việc mua hóa đơn nêu trên M2 không báo cáo Giám đốc công ty là Lưu Thị N4, do thời điểm này chị N4 đang đi điều trị bệnh dài ngày, thường xuyên vắng mặt ở công ty.

Theo thỏa thuận, M2 phải trả cho người bán hóa đơn số tiền tương đương tiền thuế ghi trên hóa đơn và theo nhận thức của M2 số tiền này là tiền thuế GTGT mà "A" sẽ nộp ngân sách nhà nước.

Để hợp thức hóa đơn, N4 báo cáo với D1 (là em gái N4) - kế toán, quản lý của công ty số tiền cần thanh toán chuyển khoản và báo cáo chị D1 số tiền này công ty đã ứng để M2 thanh toán cho người bán hàng trong quá trình mua hàng nên người bán hàng sẽ tiến hành thanh toán chuyển khoản để hợp thức cho hóa đơn. Chị D1 đưa cho M2 các ủy nhiệm chi N4 đã ký sẵn để trống nội dung, sau đó M2 gặp người bán hóa đơn tại Ngân hàng V9 - Chi nhánh Đ7 và nhận tiền mặt từ người bán hóa đơn số tiền bằng với doanh số hóa đơn cần chuyển khoản hợp thức và đưa cho kế toán của công ty là Nguyễn Thúy A1 nộp vào tài khoản của công ty S10 mở tại Ngân hàng V9, sau đó sử dụng Ủy nhiệm chi do N4 đã ký sẵn chuyển tiền đến các công ty bán hóa đơn để thanh toán hợp thức hóa đơn. Quá trình nộp tiền và thực hiện giao dịch, chị A1 không biết các giao dịch này là giao dịch thanh toán hợp thức hóa đơn M2 mua trái phép. Để mua 90 hóa đơn khống M2 đã trả cho người bán hóa đơn tổng số tiền là 833.941.660 đồng (bằng tiền thuế trên 90 hóa đơn), số tiền này M2 đưa tiền mặt cho người bán hóa đơn sau khi thanh toán hợp thức hóa đơn.

Sau khi mua 90 hóa đơn nêu trên, M2 đã chuyển cho bộ phận kế toán sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của công ty S9 tại Cục thuế tỉnh Đ trong năm 2021, 2022. Đến nay, công ty S9 đã kê khai bổ sung loại toàn bộ 90 hóa đơn nêu trên.

Ngày 03/4/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P có Quyết định trưng cầu giám định số 1443/CQĐT(PC03) trưng cầu Cục thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm về pháp luật thuế đối với Công ty S9.

Tại Kết luận giám định ngày 10/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận:

"Đối với hành vi sử dụng không hợp pháp 90 hóa đơn GTGT của Công ty S9 để kê khai tăng số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ số tiền 833.941.660 đồng trong các kỳ kê khai từ tháng 10/2021 đến tháng 07/2022 tại Cục thuế tỉnh Đ, dẫn đến làm tăng số thuế GTGT được hoàn 833.941.660 đồng là hành vi trốn thuế".

"Công ty S9 đã kê khai điều chỉnh bổ sung, loại bỏ 90 hóa đơn của 04 công ty, tương ứng với điều chỉnh giảm số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ 833.941.600 đồng trong các kỳ kê khai thuế từ tháng 10/2021 đến tháng 7/2022; tương ứng điều chỉnh giảm số thuế GTGT đề nghị hoàn 833.941.660 đồng trong

các kỳ kê khai từ tháng 10/2021 đếng tháng 07/2022; Sau khi điều chỉnh, không phát sinh số thuế phải nộp. Ngày 29/6/2023, Công ty S9 đã khắc phục nộp 833.941.660 đồng tiền thuế GTGT đã được hoàn vào ngân sách nhà nước tại tài khoản thu hồi hoàn thuế GTGT theo các giấy nộp tiền Cục thuế tỉnh Đ cung cấp". Vì vậy không còn thiệt hại về thuế.

Do đó, Hoàng Thị M2 có hành vi mua trái phép 90 hóa đơn GTGT của Nguyễn Minh T.

Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, làm rõ hành vi của đối tượng "Pham Van A" sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.

25. Nguyễn Thị Cẩm T3 - Sinh năm 1984; HKTT: Tổ 2, Ấp B, xã P, thị xã B, tỉnh B; Chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH một thành viên T37 (viết tắt là Công ty T37); Là người đại diện theo pháp luật; Ngành nghề kinh doanh chính: Kinh doanh thương mại vật tư điện nước, vật liệu xây dựng.

Công ty T37 hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số: 3702325188 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh B cấp ngày 24/12/2014; đăng ký thay đổi lần thứ 05 ngày 06/12/2021. Địa chỉ: Số C, ấp B, xã P, thị xã B, tỉnh B.

Trong năm 2022, công ty T37 có mua hàng hóa của các cá nhân và cơ sở kinh doanh nhỏ lẻ để phục vụ sản xuất (đến nay T3 không xác định được danh tính, địa chỉ của các cá nhân và cơ sở kinh doanh nêu trên). Theo thỏa thuận, T3 đã thanh toán tiền hàng bao gồm cả tiền thuế GTGT nhưng sau khi nhận hàng, bên bán không xuất hóa đơn GTGT cho Công ty để kê khai thuế. Để chứng minh nguồn gốc hàng hóa đã mua, T3 đã liên hệ với một cá nhân tên "T4" (chưa xác định được danh tính) để mua tổng số 90 hóa đơn GTGT của 09 công ty gồm: Công ty TNHH Đ1 (01 hóa đơn); Công ty TNHH D2 (20 hóa đơn); Công ty TNHH T19 (02 hóa đơn); Công ty TNHH T38 (04 hóa đơn); Công ty TNHH T39 (01 hóa đơn); Công ty TNHH T40 (08 hóa đơn); Công ty TNHH T41 (17 hóa đơn); Công ty TNHH T42 (13 hóa đơn); Công ty TNHH V11 (24 hóa đơn) với tổng doanh số là 5.587.664.957 đồng (trong đó: tiền hàng hóa: 5.589.391.913 đồng; tiền thuế GTGT: 497.233.083 đồng). 09 Công ty này do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT thông qua các trung gian (F1) có "Mã khách hàng" là "minh quoc".

Theo thỏa thuận, T phải trả cho "T4" số tiền tương đương 3,5% giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn và theo nhận thức của T, số tiền này là tiền thuế GTGT mà "T4" sẽ nộp ngân sách nhà nước. Để hợp thức hóa đơn, T gặp "T4", "T4" đưa tiền mặt bằng đúng doanh số các hóa đơn cần hợp thức. Sau đó T nộp tiền vào tài khoản của Công ty T37 số: 1511198408 mở tại Ngân hàng A2 và ký Ủy nhiệm chi chuyển tiền đến tài khoản của các công ty bán hóa đơn. Để mua 90 hóa đơn khống, T đã trả cho "T4" tổng số tiền là: 178.225.000 đồng (bằng 3,5% giá trị hàng hóa trên hóa đơn), số tiền này T đưa tiền mặt cho T4 sau khi thanh toán hợp thức hóa đơn.

Sau khi mua 90 hóa đơn nêu trên, T đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty T37 tại Chi cục Thuế khu vực B2 trong năm 2022. Đến nay, T đã kê khai bổ sung loại bỏ toàn bộ 90 hóa đơn nêu trên.

Ngày 03/4/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P có Quyết định trưng cầu giám định số 1454/CQĐT(PC03) trưng cầu Cục thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm về pháp luật thuế đối với Công ty TNHH một thành viên T37.
Tại Kết luận giám định ngày 09/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận:
"Việc Công ty T37 sử dụng không hợp pháp 90 số hóa đơn để hạch toán hàng hóa, nguyên liệu đầu vào trong hoạt động phát sinh nghĩa vụ thuế làm giảm số tiền thuế phải nộp và làm tăng số tiền thuế được khấu trừ là hành vi trốn thuế".
"Công ty T37 đã thực hiện kê khai bổ sung, điều chỉnh giảm thuế GTGT đầu vào được khấu trừ của 90 hóa đơn nêu trên dẫn đến làm tăng số tiền thuế phải nộp 208.936.697 đồng, giảm số thuế GTGT được khấu trừ 288.296.386 đồng".
Công ty T37 đã nộp toàn bộ số tiền thuế GTGT phát sinh sau khi kê khai điều chỉnh vào ngân sách Nhà nước. Vì vậy không còn thiệt hại về thuế.
Do đó, Nguyễn Thị Cẩm T3 có hành vi mua trái phép 90 hóa đơn GTGT của Nguyễn Minh T.
Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, làm rõ hành vi của đối tượng "Tiến" sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.
26. Lê Bách V2 - Sinh năm 1982; Nơi thường trú: 3 L, Phường H, Quận T, TP HCM; Chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH X (viết tắt là Công ty X); Là người đại diện theo pháp luật.
Công ty X hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0312274990 do Phòng đăng ký kinh doanh Sở K4 cấp ngày 13/05/2013, Trụ sở: 373/54 L, Phường H, Quận T, TP ..
Trong năm 2021 và 2022, Công ty X mua vật liệu và thuê phương tiện của của các cá nhân, cửa hàng N8 ở nhiều địa chỉ khác nhau nên không xác định được danh tính. Công ty đã thanh toán tiền hàng và tiền thuế cho người bán nhưng sau đó vì các cá nhân không thể phát hành được hóa đơn nên để có hóa đơn GTGT chứng minh nguồn gốc hàng hóa mua vào, V2 đã liên hệ với một người đàn ông (đến nay chưa xác định được danh tính) để mua 90 hóa đơn GTGT của 08 công ty gồm: Công ty TNHH D6; Công ty TNHH Đ6; Công ty TNHH T43; Công ty TNHH T44; Công ty TNHH T45; Công ty TNHH D4; Công ty TNHH D5; Công ty TNHH D7 (08 Công ty đều do Nguyễn Minh T sử dụng để bán hóa đơn) với tổng giá trị là 13.410.413.340đ (trong đó tiền hàng là 12.282.877.000đ, tiền thuế là 1.127.536.340đ).
Theo thoả thuận, V2 phải trả cho người bán hóa đơn số tiền tương đương từ 5% giá trị tiền hàng ghi trên hoá đơn, theo nhận thức của V2 thì số tiền này là tiền thuế GTGT người bán hóa đơn sẽ nộp ngân sách Nhà nước.
Để hợp thức thủ tục thanh toán qua ngân hàng cho các hoá đơn thì bên bán hóa đơn sẽ giao tiền mặt tương đương với 95% giá trị hóa đơn cho V2 để nộp vào tài khoản số số 160826369 của Công ty X mở tại Ngân hàng A2, trước khi chuyển tiền đến tài khoản công ty bán hóa đơn V2 phải bù thêm 5% (đây là tiền mua hóa đơn). Để mua được 90 hóa đơn, V2 đã trả cho người bán tổng số tiền là 614.134.850đ (tương đương với 5%).
Sau khi mua 90 hóa đơn GTGT nêu trên, Công ty X đã sử dụng kê khai thuế GTGT đầu vào với Chi cục thuế quận T, TP H. Tháng 06 năm 2023, Công ty X

đã kê khai bổ sung, điều chỉnh giảm thuế GTGT được khấu trừ đối với 90 hoá đơn trên.
Ngày 10/04/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P có Quyết định trưng cầu giám định số 1536/QĐ- CSKT trưng cầu Cục thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm về pháp luật thuế đối với Công ty X.
Tại Kết luận giám định ngày 10/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận:
"Việc Công ty X sử dụng 90 hóa đơn không hợp pháp để hạch toán hàng hóa, nguyên liệu đầu vào trong hoạt động phát sinh nghĩa vụ thuế làm tăng số tiền thuế được khấu trừ là hành vi trốn thuế".
"Công ty X đã kê khai điều chỉnh giảm thuế số thuế GTGT khấu trừ đối với toàn bộ 90 số hóa đơn không hợp pháp nêu trên dẫn đến tăng số thuế GTGT phát sinh phải nộp là 571.824.481 đồng, đến thời điểm giám định Công ty X đã nộp hết số thuế GTGT phát sinh phải nộp vào ngân sách nhà nước". Vì vậy không còn thiệt hại về thuế.
Do đó, Lê Bách V2 có hành vi Mua bán trái phép 90 hoá đơn GTGT của Nguyễn Minh T.
Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, làm rõ hành vi của đối tượng bán hóa đơn trái phép sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.
27. Thủy Thanh P - Sinh năm 1989; Địa chỉ thường trú: 7 T, phường D, TP D, B; Chức vụ: Chủ tịch công ty kiêm Giám đốc Công ty TNHH H6 (viết tắt là Công ty H7); là người đại diện theo pháp luật; Ngành nghề kinh doanh: Vệ sinh công nghiệp.
Công ty H7 hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên. Mã số doanh nghiệp: 3702657419; Đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 20/04/2018; Đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 14/09/2023. Địa chỉ trụ sở chính: Số B đường B, khu phố T, phường T, TP D, B.
Trong năm 2021, năm 2022, Công ty H7 mua hàng hóa vật tư là dụng cụ, hóa chất về vệ sinh công nghiệp của các cá nhân ở nhiều địa phương khác nhau. Do các cá nhân bán hàng nhỏ lẻ, không có pháp nhân, không có hóa đơn chứng từ xuất cho Công ty H7, nên để có hóa đơn chứng minh nguồn gốc hàng hóa mua vào, P đã liên hệ với người đàn ông tên "D" (hiện chưa xác định được nhân thân lai lịch) để mua 88 hóa đơn GTGT khống của 18 Công ty gồm: Công ty TNHH Đ1; Công ty TNHH D2; Công ty TNHH D8 nhà hàng K7; Công ty TNHH Đ5; Công ty TNHH H8; Công ty TNHH K8 và PCCC 24h; Công ty TNHH K3 nhà hàng K3; Công ty TNHH K3; Công ty TNHH S7; Công ty TNHH V5; Công ty TNHH Đ6; Công ty TNHH T21; Công ty TNHH T14; Công ty TNHH T19; Công ty TNHH T38; Công ty TNHH V12; Công ty TNHH X1; Công ty TNHH X2 với tổng doanh số 7.222.956.420 đồng (trong đó tiền hàng là 6.582.222.000 đồng; tiền thuế là 640.734.420 đồng). 18 Công ty này do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT thông qua các trung gian (F1) có "Mã khách hàng" là "A toai" và "Cuong pham".
Theo thỏa thuận, P phải trả cho "D" số tiền tương đương 3,5% giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn và theo nhận thức của P, số tiền này là tiền thuế GTGT "Duy" sẽ nộp ngân sách Nhà nước.

Về việc thanh toán hợp thức và thanh toán tiền mua hóa đơn như sau: P đã trao đổi với D là do tài khoản Công ty H7 không có đủ tiền nên các cá nhân bán hóa đơn sẽ cho mượn tiền để chuyển thanh toán hợp thức qua tài khoản ngân hàng. Theo như đã thỏa thuận, P đã nhờ chị Lê Thị H1 (nhân viên kế toán) đến chi nhánh Ngân hàng A2 - CN D để gặp các cá nhân giới thiệu bên công ty bán hóa đơn. Tại đây H1 gặp một nam thanh niên và người này đưa các khoản tiền mặt cho chị H1 sau đó P chỉ đạo H1 nộp tiền vào Công ty H7. P có trao đổi khi tiền chuyển vào tài khoản Công ty H7 thì H1 sử dụng các ủy nhiệm chi P đã ký sẵn làm lệnh chuyển tiền từ tài khoản Công ty H7 đến tài khoản của các công ty phát hành hóa đơn, khi tiền được chuyển đến thì các công ty bán hóa đơn sẽ giữ lại. Tổng số tiền đã thanh toán hợp thức thể hiện trên tài khoản Công ty H7 là 7.464.183.920 đồng và số tiền mua hóa đơn Phương đã thanh toán là 230.377.770 đồng (tương đương 3,5% giá trị tiền hàng chưa thuế). Chị H1 chỉ thực hiện theo chỉ đạo của P mà không biết việc nhận, chuyển tiền như trên là để thực hiện việc mua bán hóa đơn.

Toàn bộ 88 hoá đơn GTGT đã được Công ty H7 kê khai thuế trong năm 2021, năm 2022 tại Chi cục thuế T46 - B. Đến tháng 12/2022; Tháng 01, tháng 6, tháng 9, tháng 12 /2023, Công ty H7 đã kê khai điều chỉnh bổ sung, loại bỏ 88 hóa đơn nêu trên.

Ngày 09/4/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P có Quyết định trưng cầu giám định số 1529/QĐ- CSKT trưng cầu Cục thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm về pháp luật thuế đối với Công ty H7.

Tại Kết luận giám định ngày 10/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận:

"Với hành vi sử dụng không hợp pháp hóa đơn (hóa đơn khống) để kê khai làm tăng số tiền thuế được khấu trừ, làm giảm số thuế phải nộp của Công ty H7 là hành vi trốn thuế".

"Công ty H7 đã kê khai bổ sung để điều chỉnh giảm toàn bộ số thuế GTGT đầu vào khấu trừ của 88 hóa đơn sử dụng không hợp pháp và đã khắc phục nộp đủ vào ngân sách số thuế GTGT phải nộp ngân sách tăng sau khi kê khai điều chỉnh bổ sung". Vì vậy không còn thiệt hại về thuế.

Do đó, Thủy Thanh P có hành vi mua bán trái phép 88 hóa đơn GTGT của Nguyễn Minh T.

Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, xác định danh tính, làm rõ hành vi của cá nhân "D" sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.

28. Nguyễn Thị N5 - Sinh năm 1991, HKTT: KP B, phường T, T, B; Chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH MTV S11 (viết tắt là Công ty S11); Là người đại diện theo pháp luật; Ngành nghề kinh doanh: Gia công kim loại.

Công ty S11 được Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh B cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3702566867, đăng ký lần đầu ngày 29/5/2017, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 17/05/2023; Địa chỉ trụ sở chính: Thửa đất số 211, tờ bản đồ số 24, khu phố B, phường T, T, B.

Năm 2021, 2022, Công ty S11 mua hàng hóa của nhiều cửa hàng, đơn vị nhỏ lẻ trên địa bàn tỉnh B. Tuy nhiên, khi thanh toán tiền hàng, các cửa hàng này lại không xuất được hóa đơn GTGT, nên N5 đã liên hệ với cá nhân tên "C" (hiện

chưa xác định được nhân thân lai lịch) và mua 84 hóa đơn GTGT của 17 Công ty: Công ty TNHH C3 (08 hóa đơn); Công ty TNHH D2 (10 hóa đơn); Công ty TNHH D3 (02 hóa đơn); Công ty TNHH Đ5 (10 hóa đơn); Công ty TNHH K3 (01 hóa đơn); Công ty TNHH K3 (01 hóa đơn); Công ty TNHH N9 (02 hóa đơn); Công ty TNHH S12 (02 hóa đơn); Công ty TNHH S5 (10 hóa đơn); Công ty TNHH T21 (06 hóa đơn); Công ty TNHH T14 (04 hóa đơn); Công ty TNHH T38 (06 hóa đơn); Công ty TNHH T33 (09 hóa đơn); Công ty TNHH T36 (05 hóa đơn); Công ty TNHH T16 (03 hóa đơn); Công ty TNHH V5 (02 hóa đơn); Công ty TNHH V13 (03 hóa đơn) với tổng doanh số hóa đơn là 15.336.670.910 đồng, trong đó, giá trị tiền hàng 13.984.308.100 đồng, thuế VAT là 1.352.362.810 đồng. 17 Công ty này do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT thông qua trung gian (F1) có "Mã khách hàng" là "Lê D".

Theo thỏa thuận, N5 phải trả cho "C" đơn số tiền bằng 6% giá trị tiền hàng ghi trên hoá đơn và theo nhận thức của N5, số tiền này là tiền thuế GTGT "Cường" sẽ nộp ngân sách Nhà nước.

Để hợp thức tiền trên tài khoản, trước khi thanh toán cho Công ty bán hóa đơn, C và N5 ra ngân hàng, C nộp tiền mặt (đã trừ phí mua hóa đơn 6%) vào tài khoản Công ty số 0281000520334 mở tại V4, đồng thời N5 sẽ viết Ủy nhiệm chi thanh toán đến tài khoản Công ty bán hóa đơn. Về sau, do đã tin tưởng nên trước khi thanh toán, C sẽ đến gặp N5 để lấy Ủy nhiệm chi rồi tự ra ngân hàng nộp tiền mặt vào tài khoản Công ty rồi dùng Ủy nhiệm chi N5 đã viết, ký sẵn để chuyển khoản hợp thức. Chi phí mua hóa đơn Công ty S11 đã thanh toán là 791.334.744 đồng.

Sau khi mua 84 hóa đơn nêu trên, N5 đã sử dụng toàn bộ 84 hóa đơn để kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty S11 tại chi cục thuế khu vực T47, B và N5 đã kê khai bổ sung điều chỉnh giảm 84 hóa đơn trên.

Ngày 11/4/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P đã có Quyết định trưng cầu giám định số 1622/CQĐT(PC03) trưng cầu Cục thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm về pháp luật thuế đối với Công ty S11.

Tại Kết luận giám định ngày 10/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận:

"Việc Công ty S11 sử dụng không hợp pháp hóa đơn để hạch toán hàng hóa, nguyên liệu đầu vào trong hoạt động phát sinh nghĩa vụ thuế làm tăng số tiền thuế được khấu trừ, giảm số tiền thuế phải nộp là hành vi trốn thuế theo quy định tại Khoản 4 Điều 143 Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019".

"Công ty S11 đã kê khai điều chỉnh giảm số tiền thuế GTGT khấu trừ đối với các hóa đơn sử dụng không hợp pháp đã kê khai khấu trừ thuế và đã xác định tăng thuế GTGT phát sinh phải nộp tương ứng (1.355.402.810đ)". Vì vậy không còn thiệt hại về thuế.

Do đó, Nguyễn Thị N5 có hành vi mua bán trái phép 84 hóa đơn GTGT của Nguyễn Minh T.

Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, xác định danh tính, làm rõ hành vi của cá nhân "C" sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.

29. Nguyễn Thị H2 - Sinh năm 1975; Địa chỉ thường trú: Số E, tổ B, KP D,

phường L, TP B, Đ. Chức vụ: Chủ tịch hội đồng thành viên kiêm Giám đốc Công ty TNHH T48 (viết tắt là Công ty T48); Là người đại diện theo pháp luật; Ngành nghề kinh doanh: cung cấp dịch vụ vận tải.

Công ty T48 hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên. Mã số doanh nghiệp: 3602413144; Đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 06/12/2010; Đăng ý thay đổi lần thứ 1 ngày 06/11/2013. Địa chỉ trụ sở chính: Số E, tổ B, KP D, phường L, TP B, tỉnh Đ.

Trong năm 2021 và năm 2022, quá trình hoạt động Công ty T48 thuê xe của các cá nhân ở nhiều địa phương khác nhau. Do các cá nhân có xe mà Công ty thuê không có hóa đơn chứng từ xuất cho Công ty để làm chứng từ kê khai hạch toán cho các chi phí đã thanh toán. Để có hóa đơn hợp thức chứng từ mua vào cho Công ty, H2 đã giao cho kế toán dịch vụ tên là "Ngô Tường V3" (địa chỉ nhà ở TP H, chưa xác định được nhân thân, lai lịch) liên hệ mua 90 hóa đơn GTGT khống của các công ty gồm: Công ty TNHH D2; Công ty TNHH D9; Công ty TNHH V5; Công ty TNHH T8; Công ty TNHH T49; Công ty TNHH T16; Công ty TNHH T50 với tổng doanh số 12.444.909.866 đồng (trong đó tiền hàng 11.434.881.060 đồng, tiền thuế 1.010.028.806 đồng). Các Công ty này do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT thông qua các trung gian (F1) có "Mã khách hàng" là "A H3" "A Phu"và "Lê D".

Theo thỏa thuận, H2 phải trả cho người bán hóa đơn số tiền tương đương từ 8% đến 10% giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn và theo nhận thức của H2, số tiền này là tiền thuế GTGT người bán hóa đơn sẽ nộp ngân sách Nhà nước.

Về việc hợp thức cho các tờ hóa đơn, V3 trao đổi các Công ty bán hóa đơn sẽ hỗ trợ cho mượn tiền để hợp thức (đảo tiền). Các khoản tiền mượn của các công ty bán hóa đơn sẽ được chuyển vào tài khoản cá nhân của H2, số 198797089 tại Ngân hàng A2 - CN Đ. Sau đó V3 có báo cho H2 để H2 tiếp tục nộp vào tài khoản công ty T48 và sử dụng ủy nhiệm chi thanh toán từ tài khoản Công ty đến tài khoản các Công ty xuất hóa đơn. Để mua 83 hóa đơn trên, H2 đã trả số tiền tương đương với tiền thuế GTGT trên các hóa đơn là 946.464.006 đồng.

Đối với 90 hoá đơn GTGT nêu trên, Công ty T48 chỉ sử dụng 83 hóa đơn GTGT (07 hóa đơn tự loại bỏ không sử dụng kê khai thuế) với tổng doanh số là 11.586.785.066 đồng (trong đó tiền hàng 10.640.321.060 đồng, tiền thuế 946.464.006 đồng) để kê khai thuế trong năm 2021, năm 2022 tại Chi cục thuế T51 - tỉnh Đ. Đến tháng 4/2022; Tháng 7, tháng 8/2023 và tháng 03/2024, Công ty T48 đã kê khai điều chỉnh bổ sung, loại bỏ 83 hóa đơn nêu trên.

Ngày 09/4/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P có Quyết định trưng cầu giám định số 1542/QĐ- CSKT trưng cầu Cục thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm về pháp luật thuế đối với Công ty T48.

Tại Kết luận giám định ngày 09/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận:

"Việc Công ty T48 sử dụng không hợp pháp hóa đơn để hạch toán hàng hóa, nguyên liệu mua vào trong hoạt động phát sinh nghĩa vụ thuế làm tăng số tiền thuế được khấu trừ, làm giảm số tiền thuế phải nộp là hành vi trốn thuế".

"Công ty T48 đã kê khai điều chỉnh giảm số thuế GTGT khấu trừ đối với 83 số hóa đơn sử dụng không hợp pháp nêu trên dẫn đến số thuế GTGT phải nộp số

tiền 912.564.558 đồng, giảm số thuế GTGT khấu trừ số tiền 33.899.448 đồng". Vì vậy không còn thiệt hại về thuế. Sau khi kê khai điều chỉnh, Công ty T48 đã nộp số tiền 433.196.756 đồng vào ngân sách Nhà nước.
Do đó, Nguyễn Thị H2 có hành vi mua trái phép 83 hóa đơn GTGT của Nguyễn Minh T.
Nguyễn Thị H2 đã nộp số tiền 433.196.756 đồng, còn lại số tiền: 912.564.558 đồng - 433.196.756 đồng = 479.367.802 đồng tiếp tục nộp theo quy định của pháp luật.
Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, danh tính, làm rõ hành vi của cá nhân "Ngô Tường V3" sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.
30. Lê Thị Kim L - Sinh năm 1986; HKTT: B2-12-21, C/C PHB, đường E, Phường A, Quận G, thành phố H. Chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH một thành viên T38 (viết tắt là Công ty T38); Là người đại diện theo pháp luật; Ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh dịch vụ vệ sinh công nghiệp.
Công ty H9 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp C7: 0314078127, đăng ký lần đầu ngày 24/10/2016; đăng ký thay đổi lần thứ 03 ngày: 24/8/2022. Địa chỉ trụ sở chính: Số H đường số E, phường A, Quận G, thành phố H.
Trong năm 2021, 2022, Công ty T38 có mua hàng hóa của các cá nhân và cơ sở kinh doanh nhỏ lẻ (đến nay L không xác định được danh tính, địa chỉ của các cá nhân và cơ sở kinh doanh nêu trên). Theo thỏa thuận, L đã thanh toán tiền hàng bao gồm cả tiền thuế GTGT nhưng sau khi nhận hàng, bên bán không xuất hóa đơn GTGT cho Công ty để kê khai thuế. Để chứng minh nguồn gốc hàng hóa đã mua, L đã liên hệ với 03 cá nhân tên "D"; "S"; "B" (chưa xác định được danh tính) mua tổng số 82 hóa đơn GTGT của 12 công ty gồm: Công ty Cổ phần S13 (04 hóa đơn), Công ty TNHH Đ5 (09 hóa đơn), Công ty TNHH Đ8 (02 hóa đơn), Công ty TNHH D10
(12 hóa đơn), Công ty TNHH T52 (07 hóa đơn), Công ty TNHH T53 (07 hóa đơn), Công ty TNHH T54 (01 hóa đơn), Công ty TNHH T7 (11 hóa đơn), Công ty TNHH T55 (11 hóa đơn), Công Ty TNHH Đ9 (03 hóa đơn), Công ty TNHH T56 (07 hóa đơn), Công ty TNHH T9 (06 hóa đơn) với tổng doanh số là 33.391.709.527 đồng (trong đó tiền hàng hóa dịch vụ là 30.710.503.551 đồng; tiền thuế GTGT: 2.681.205.976 đồng); 12 Công ty này do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT thông qua các trung gian (F1) có "Mã khách hàng" là "BINH"; "Chị T5".
Theo thỏa thuận, L phải trả cho 03 cá nhân nêu trên số tiền tương đương từ 3% đến 5% giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn và theo nhận thức của L, số tiền này là tiền thuế GTGT mà 03 cá nhân nêu trên sẽ nộp ngân sách nhà nước.
Để hợp thức hóa đơn, L đã chuyển tiền từ tài khoản của Công ty C7: 11111426 mở tại ngân hàng A2 đến tài khoản của công ty bán hóa đơn. Sau đó 03 cá nhân nêu trên giữ lại số tiền mua hóa đơn bằng 3 - 5% giá trị tiền hàng và trả số tiền còn lại bằng tiền mặt cho L. Để mua 82 hóa đơn, L đã trả tiền cho 03 cá nhân nêu trên là 1.427.306.318 đồng.
Sau khi mua 82 hóa đơn GTGT nêu trên, L đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty Hồ Lê Gia tại Chi cục thuế Quận G trong năm 2021, 2022.

Tháng 02/2024, Công ty T38 đã làm thủ tục kê khai bổ sung, điều chỉnh loại bỏ toàn bộ 82 hóa đơn khống nêu trên ra khỏi tờ khai thuế.
Ngày 03/4/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P có Quyết định trưng cầu giám định số 1449/CQĐT(PC03) trưng cầu Cục thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm về pháp luật thuế đối với Công ty H10
Tại Kết luận giám định ngày 09/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận: "Việc Công ty T38 sử dụng không hợp pháp hóa đơn (hóa đơn khống) để kê khai khấu trừ thuế GTGT làm giảm số thuế phải nộp, tăng số thuế được khấu trừ là hành vi trốn thuế theo quy định tại Khoản 4 Điều 143 Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019". Theo kết quả điều tra của Cơ quan điều tra tại thời điểm giám định Công ty T38 đã kê khai bổ sung điều chỉnh loại bỏ hóa đơn khống nêu trên hồ sơ kê khai thuế GTGT và xác định số thuế GTGT phải nộp tăng thêm 2.426.720.976 đồng. Công ty T38 đã nộp đủ số tiền GTGT phát sinh sau khi kê khai điều chỉnh vào ngân sách Nhà nước, vì vậy không còn thiệt hại về thuế.
Do đó, Lê Thị Kim L có hành vi mua trái phép 82 hóa đơn GTGT của Nguyễn Minh T.
Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, làm rõ hành vi của đối tượng "D"; "S"; "B" sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.
31. Dương Thị Kim C1 - Sinh năm 1982 HKTT: 06 đường F, phường H, TP ., TP .. Chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH S14 (viết tắt là Công ty S14); Là người đại diện theo pháp luật; Ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh vật tư gỗ.
Công ty S14 hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên C7: 3702960782, đăng ký lần đầu ngày 17/03/2021; Địa chỉ trụ sở chính: Thửa đất số 327, tờ bản đồ số 30, tổ D, khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh B.
Trong năm 2021, 2022, công ty S14 mua hàng hóa của các cá nhân và cơ sở kinh doanh nhỏ lẻ để phục vụ sản xuất (đến nay C1 không xác định được danh tính, địa chỉ của các cá nhân và cơ sở kinh doanh nêu trên). C1 đã thanh toán tiền hàng bao gồm cả tiền thuế GTGT nhưng sau khi nhận hàng, bên bán không xuất hóa đơn GTGT cho Công ty để kê khai thuế. Để chứng minh nguồn gốc hàng hóa đã mua, C1 đã liên hệ với một cá nhân tên "H4" (chưa xác định được danh tính) để mua tổng số 78 hóa đơn GTGT của 16 công ty (có phụ lục kèm theo) với tổng doanh số: 13.987.538.423 đồng (trong đó: tiền hàng hóa: 12.718.634.930 đồng; tiền thuế GTGT: 1.268.903.493 đồng). 16 Công ty này do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT thông qua các trung gian (F1) có "Mã khách hàng" là "Lê D".
Theo thỏa thuận, C1 trả cho người bán hóa đơn số tiền tương đương 5% giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn và theo nhận thức của C1 số tiền này là tiền thuế GTGT mà "H4" sẽ nộp ngân sách nhà nước.
Để hợp thức hóa đơn, C1 hẹn gặp "H4" tại Ngân hàng S15 chi nhánh T57, B. Tại đây "H4" đưa tiền mặt cho C1 số tiền bằng với doanh số trên hóa đơn để nộp vào tài khoản của công ty S14 mở tại Ngân hàng S15 sau đó ký ủy nhiệm chi chuyển tiền đến công ty bán hóa đơn. Nếu tài khoản công ty có đủ tiền, C1

thực hiện chuyển khoản hợp thức hóa đơn và nhận lại tiền mặt từ "H4". Để mua 78 hóa đơn khống, C1 đã trả cho người bán hóa đơn tổng số tiền là 635.931.000 đồng (bằng 5% giá trị hàng hóa trên 78 hóa đơn đã chuyển khoản hợp thức), số tiền này C1 đưa tiền mặt cho người bán hóa đơn sau khi thanh toán hợp thức hóa đơn.

Sau khi mua 78 hóa đơn nêu trên, C1 đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của công ty S14 tại Chi cục thuế khu vực T47, tỉnh B trong năm 2021, 2022. Đến nay, công ty S14 đã kê khai bổ sung loại toàn bộ 78 hóa đơn nêu trên.

Ngày 03/4/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P có Quyết định trưng cầu giám định số 1446/CQĐT(PC03) trưng cầu Cục thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm về pháp luật thuế đối với Công ty S14.

Tại Kết luận giám định ngày 09/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận:

"Với hành vi sử dụng không hợp pháp hóa đơn, hóa đơn khống để kê khai làm tăng số tiền thuế được khấu trừ thuế làm giảm số thuế phải nộp của Công ty S14 là hành vi trốn thuế".

"Tại thời điểm giám định Công ty S14 đã kê khai bổ sung điều chỉnh giảm toàn bộ số thuế GTGT đầu vào khấu trừ của 78 hóa đơn sử dụng không hợp pháp và đã khắc phục nộp vào ngân sách số thuế GTGT phải nộp tăng sau khi kê khai điều chỉnh là 100.000.000 đồng, số tiền thuế GTGT phải nộp sau kê khai điều chỉnh bổ sung chưa nộp ngân sách là 1.105.699.437 đồng". Vì vậy không còn thiệt hại về thuế.

Do đó, Dương Thị Kim C1 có hành vi mua trái phép 78 hóa đơn GTGT của Nguyễn Minh T.

Dương Thị Kim C1 phải tiếp tục nộp số tiền là 1.105.699.437 đồng theo quy định của pháp luật.

Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, làm rõ hành vi của đối tượng "H4" sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.

32. Lê N6 - Sinh năm 1974; Trú tại: 12.09 CC Võ Đình TA A, KP6, p. T, q.12, thành phố H; Chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH V5 (viết tắt là Công ty V5); Là người đại diện theo pháp luật; Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất, gia công hàng may mặc.

33. Nguyễn Thị Thái H5 - Sinh năm 1992; Nơi thường trú: Q, Q, Q; Chức vụ: kế toán Công ty V5.

Công ty V5 hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0312761440 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố K4 cấp năm 28/4/2014, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 10/7/2023. Địa chỉ trụ sở: F đường T, phường T, quận A, thành phố H (thực tế Công ty hoạt động tại địa chỉ A N, ấp F, xã Đ, huyện H, thành phố H).

Trong năm 2021, 2022, Công ty V5 thuê nhiều xưởng sản xuất nhỏ lẻ gia công một số mặt hàng và mua bán hàng hóa phục vụ sản xuất, tuy nhiên các xưởng gia công hay cửa hàng này lại không xuất được hóa đơn GTGT cho Công ty. Do vậy, N6 đã giao cho H5 tìm hóa đơn để hợp thức hóa đầu vào cho Công ty. Sau đó, H5 liên hệ với Nguyễn Thị N7 - cộng tác viên của Công ty (hiện chưa xác định được nhân thân lai lịch) và mua 111 hóa đơn GTGT của 12 Công ty: Công

ty Cổ phần S16 (20 hóa đơn); Công ty TNHH D10 (19 hóa đơn); Công ty TNHH Đ10 (05 hóa đơn); Công ty TNHH S17 (04 hóa đơn); Công ty TNHH S18 (04 hóa đơn); Công ty TNHH T10 (20 hóa đơn); Công ty TNHH T7 (06 hóa đơn); Công ty Cổ phần S13 (07 hóa đơn); Công ty TNHH D11 (03 hóa đơn); Công ty TNHH D12 (04 hóa đơn); Công ty TNHH K3 (07 hóa đơn); Công ty TNHH T58 (09 hóa đơn) với tổng doanh số hóa đơn là 16.137.627.013 đồng, trong đó, giá trị tiền hàng là 14.635.849.052 đồng, thuế VAT là 1.253.329.161 đồng. 12 Công ty này do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT thông qua trung gian (F1) có "Mã khách hàng" là "Vang" và "PHAT".

Theo thỏa thuận, N6 phải trả cho N7 số tiền tương đương 3,5% giá trị hàng hoá ghi trên hoá đơn và theo nhận thức của N6, số tiền này là tiền thuế GTGT Nguyệt sẽ nộp ngân sách Nhà nước.

Để hợp thức tiền trên tài khoản, mỗi lần thanh toán, khi cần thanh toán, H5 sẽ viết sẵn ủy nhiệm chi của Công ty (N6 đã ký sẵn ủy nhiệm chi) rồi chụp cho N7 xem trước rồi N7 sẽ mang tiền mặt trực tiếp đưa cho H5 để H5 nộp tiền vào tài khoản Công ty và sử dụng các ủy nhiệm chi để chuyển khoản đến tài khoản của các Công ty bán hóa đơn. Chi phí mua hóa đơn được H5 thanh toán bằng cách đưa tiền mặt cho N7. Chi phí mua hóa đơn mà N6 đã trả là 520.235.242 đồng (tương đương 3.5% doanh số tiền hàng).

Sau khi mua 111 hóa đơn nêu trên, N6 chỉ sử dụng 76/111 hóa đơn với tổng doanh số hóa đơn là 15.889.178.213 đồng, trong đó giá trị hàng trước thuế là 14.635.849.052 đồng, tiền thuế VAT là 1.253.329.161 đồng để kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty V5 tại chi cục thuế KV quận A3 – huyện H, thành phố H. N6 đã kê khai bổ sung điều chỉnh giảm 76 hóa đơn này.

Ngày 11/4/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P đã có Quyết định trưng cầu giám định số 1611/CQĐT(PC03) trưng cầu Cục thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm về pháp luật thuế đối với Công ty V5.

Tại Kết luận giám định ngày 10/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận:

"Việc Công ty V5 sử dụng không hợp pháp hóa đơn để hạch toán hàng hóa, nguyên liệu đầu vào trong hoạt động phát sinh nghĩa vụ thuế làm tăng số tiền thuế được khấu trừ, giảm số tiền thuế phải nộp là hành vi trốn thuế theo quy định tại Khoản 4 Điều 143 Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019".

"Công ty V5 đã kê khai điều chỉnh giảm số thuế GTGT đầu vào khấu trừ đối với 76 hóa đơn sử dụng không hợp pháp nêu trên, dẫn đến tăng thuế GTGT phải nộp tương ứng số tiền 1.100.958.300đ. Tại thời điểm giám định doanh nghiệp đã nộp số tiền thuế GTGT trên vào ngân sách Nhà nước là 107.300.000đ".

Do đó, Lê N6 và Nguyễn Thị Thái H5 có hành vi mua bán trái phép 76 hóa đơn GTGT của Nguyễn Minh T.; L; Công ty TNHH X sửa chữa và mua bán phụ tùng ô tô Tín Phát; Công ty TNHH X; Công ty TNHH V; Công ty TNHH T12; Công ty TNHH T12; Công ty TNHH T12; Công ty TNHH T13; Công ty TNHH N1; Công ty TNHH K3; Công ty TNHH Đ3; Công ty TNHH Đ4; Công ty TNHH T12 với tổng doanh số 10.238.837.436 đồng (trong đó tiền hàng 9.328.267.450 đồng, tiền thuế 910.569.986 đồng). Các Công ty này do Nguyễn

Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT thông qua trung gian (F1) có "Mã khách hàng" là "Lê duy".
Theo thỏa thuận, B phải trả cho "T1" số tiền tương đương 6,5% giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn và theo nhận thức của B, số tiền này là tiền thuế GTGT "Tuấn" sẽ nộp ngân sách Nhà nước.
Về việc thanh toán hợp thức và thanh toán tiền mua hóa đơn cụ thể như sau: Khi Công ty G có tiền sẵn trong tài khoản thì B sẽ ký ủy nhiệm chi và đưa cho vợ là Lê Thị Đ ra chi nhánh Ngân hàng A - CN Sóng Thần để thực hiện thanh toán từ tài khoản Công ty G1 đến tài khoản của các công ty xuất hóa đơn. Sau khi tiền chuyển đến các công ty xuất hóa đơn thì T1 sẽ giữ tại tiền bán hóa (số tiền 6,5% trên doanh số tiền hàng) số tiền còn lại thì trả tiền mặt lại cho B. Khi Công ty G không có tiền thì T1 sẽ hỗ trợ cho mượn tiền để hợp thức. T1 sẽ gặp B đưa trực tiếp các khoản tiền, sau đó B đưa cho Đ và trao đổi việc ra chi nhánh Ngân hàng để nộp tiền vào tài khoản Công ty G và sử dụng ủy nhiệm B đã ký để chuyển tiền từ tài khoản Công ty G đến tài khoản của các công ty phát hành hóa đơn. Theo thỏa thuận khi chuyển tiền thì các cá nhân bán hóa đơn sẽ chuyển số tiền trừ đi 6,5% tiền mua hóa đơn và Công ty G phải bù khoản tiền đó để thanh toán khi chuyển khoản, khi tiền được chuyển đến thì các công ty bán hóa đơn sẽ giữ lại. Bà Lê Thị Đ chỉ thực hiện theo chỉ đạo của B mà không biết việc B mua bán trái phép hóa đơn. Toàn bộ số hóa đơn GTGT khống đã được thanh toán hợp thức hết qua chuyển khoản ngân hàng và số tiền mua hóa đơn mà B đã thanh toán là 653.682.912 đồng.
Toàn bộ 48 hoá đơn GTGT nêu trên, đã được Công ty G kê khai thuế trong năm 2021, năm 2022 tại Chi cục thuế T14 – B. Đến tháng 9/2023 và tháng 4/2024, Công ty G đã kê khai điều chỉnh bổ sung, loại bỏ 48 hóa đơn nêu trên.
Ngày 09/4/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P có Quyết định trưng cầu giám định số 1532/QĐ- CSKT trưng cầu Cục thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm về pháp luật thuế đối với Công ty G.
Tại Kết luận giám định ngày 09/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận:
"Việc Công ty G sử dụng không hợp pháp hóa đơn để hạch toán hàng hóa, nguyên liệu mua vào trong hoạt động phát sinh nghĩa vụ thuế làm tăng số tiền thuế được khấu trừ, làm giảm số tiền thuế phải nộp là hành vi trốn thuế".
"Công ty TNHH một thành viên G đã kê khai điều chỉnh giảm thuế GTGT khấu trừ đối với 48 số hóa đơn sử dụng không hợp pháp nêu trên dẫn đến số thuế GTGT phải nộp trong kỳ là 193.374.315 đồng, giảm số thuế GTGT khấu trừ 717.195.671 đồng". Vì vậy không còn thiệt hại về thuế. Sau khi kê khai điều chỉnh, Công ty G đã nộp số tiền **163.392.319 đồng** vào ngân sách Nhà nước.
Do đó, Nguyễn Văn B có hành vi mua trái phép 48 hóa đơn GTGT của Nguyễn Minh T.
Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, xác định danh tính, làm rõ hành vi của cá nhân "T1" sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.
64. Lê Văn C- sinh năm 1989; HKTT: thôn P, xã N, huyện T, tỉnh Q; Chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH X1 (viết tắt là Công ty X1); Là người đại diện theo pháp luật; Ngành nghề kinh doanh: thi công, lắp đặt hệ thống điện.

Công ty X1 được Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh B cấp giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, mã số: 3702713381, đăng ký lần đầu ngày 23/10/2018, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 25/4/2023; Địa chỉ trụ sở chính: số F L, tổ A, KP K, phường T, TP T, Tỉnh B.

Trong năm 2021 và 2022, Công ty X1 mua hàng hóa là vật tư ngành điện như: băng keo, cáp đồng,… của các hộ kinh doanh cá nhân ở nhiều địa chỉ khác nhau nên không xác định được danh tính; công ty đã thanh toán tiền hàng hóa, dịch vụ và tiền thuế cho bên bán hàng và cung cấp dịch vụ nhưng sau đó vì các đơn vị không thể phát hành được hóa đơn nên để có hóa đơn GTGT chứng minh nguồn gốc hàng hóa mua vào, C đã chỉ đạo nhân viên kế toán tên là "Kim" (hiện đã nghỉ việc, chưa xác định được nhân thân, lai lịch) liên hệ với một cá nhân không rõ tên tuổi (chưa xác định được nhân thân lai lịch) để mua **48** hóa đơn GTGT khống của 03 công ty gồm: Công ty TNHH Đ4 (17 hóa đơn); Công ty TNHH T12 (12 hóa đơn); Công ty TNHH T15 (19 hóa đơn)với tổng doanh số ghi trên hóa đơn là 15.626.865.890 đồng *(Trong đó, tiền hàng hóa, dịch vụ là 14.298.751.300 đồng, tiền thuế GTGT là 1.328.114.590đồng)*. 03 Công ty này do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT thông qua các trung gian (F1) có "Mã khách hàng" là "Chi my" và "Tram anh".

Theo thỏa thuận, C phải trả cho người bán hóa đơn số tiền tương đương 3,5% giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn và theo nhận thức của C, số tiền này là tiền thuế GTGT người bán hóa đơn sẽ nộp ngân sách Nhà nước.

Để hợp thức cho các hóa đơn phải thanh toán qua ngân hàng, người bán hóa đơn sẽ đưa tiền mặt hoặc sử dụng các tài khoản Ngân hàng để chuyển tiền vào tài khoản của C (Số tài khoản 050125210608 tại Ngân hàng S) hoặc tài khoản của Chế Thị Hồng T2 - vợ C (số tài khoản 050131523121 tại Ngân hàng S) số tiền bằng với số tiền thanh toán ghi trên hóa đơn để C chuyển tiền vào tài khoản Công ty X1 (số tài khoản 050096950540 tại Ngân hàng S). Sau đó, C sẽ thực hiện ký Ủy nhiệm chi để chuyển tiền từ tài khoản trên của Công ty X1 đến các số tài khoản của các Công ty bán hóa đơn (số tài khoản do người bán hóa đơn cung cấp). Để mua 48 hóa đơn trên, C đã trả cho người bán hóa đơn số tiền là 500.456.295 đồng tương đương với 3,5% giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn.

Toàn bộ 48 tờ hoá đơn GTGT đã được Công ty X1 kê khai thuế trong năm 2021, 2022 tại chi cục thuế khu vực T16. Đến ngày 29/9/2023, Công ty X1 đã kê khai điều chỉnh bổ sung, loại bỏ 48 hóa đơn trên và đến nay Công ty X1 đã nộp khắc phục vào Ngân sách Nhà nước số tiền là 1.179.276.585 đồng.

Ngày 09/4/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P có Quyết định trưng cầu giám định số 1561/QĐ- CSKT trưng cầu Cục thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm về pháp luật thuế đối với Công ty X1.

Tại Kết luận giám định ngày 11/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận:

"Với hành vi sử dụng không hợp pháp hoá đơn (hoá đơn khống) để kê khai làm tăng số tiền thuế được khấu trừ, làm giảm số tiền thuế phải nộp của Công ty X1 là hành vi trốn thuế theo quy định tại Khoản 4 Điều 143 Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019".

"Tại thời điểm giám định Công ty X1 đã kê khai bổ sung để điều chỉnh giảm

toàn bộ số thuế GTGT đầu vào khấu trừ của 48 tờ hoá đơn sử dụng không hợp pháp và đã khắc phục nộp đủ vào ngân sách số thuế GTGT phải nộp ngân sách tăng sau khi kê khai điều chỉnh bổ sung". Vì vậy không còn thiệt hại về thuế.
Do đó, Lê Văn C có hành vi mua bán trái phép 48 hóa đơn GTGT của Nguyễn Minh T.
Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, xác định danh tính, làm rõ hành vi của cá nhân "Kim" sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.
65. Ngô Quang N- Sinh năm 1981; Trú tại: 440/13/152 T, phường A, quận G, TP H; Chức vụ: Tổng Giám đốc Công ty cổ phần T17 (viết tắt là Công ty T17); Là người đại diện theo pháp luật. Ngành kinh doanh chính: xây dựng.
Công ty T17 hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh nghiệp số: 0311317063, do Sở K4 cấp ngày 07/11/2011; đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày: 09/12/2022; Địa chỉ trụ sở: Văn phòng 02, tầng H, khu văn phòng, tòa nhà P, số E Đ, phường B, quận B, TP H.
Trong năm 2021 và 2022, Công ty T17 đã mua hàng hóa và thuê nhân công, phương tiện của những cá nhân, hộ kinh doanh nhỏ lẻ để phục vụ kinh doanh (đến nay, N không xác định được danh tính, địa chỉ của các cá nhân hay cơ sở kinh doanh nêu trên). Theo thỏa thuận, N đã thanh toán tiền mua hàng hóa, dịch vụ đã bao gồm thuế GTGT nhưng sau khi nhận hàng hóa, dịch vụ, bên bán hàng hóa, dịch vụ không xuất được hóa đơn GTGT cho Công ty để kê khai thuế. Để chứng minh nguồn gốc hàng hóa, dịch vụ đã mua và sử dụng, N đã liên hệ với một cá nhân (chưa xác định được tên tuổi, nhân thân, lai lịch) để mua 46 hóa đơn GTGT của 10 Công ty gồm: Công ty TNHH Đ5 (02 hóa đơn); Công ty TNHH Đ6 (05 hóa đơn); Công ty TNHH T18 (03 hóa đơn); Công ty TNHH Đ7 (07 hóa đơn); Công ty TNHH T12 (05 hóa đơn); Công ty TNHH T19 (02 hóa đơn); Công ty cổ phần T20 (05 hóa đơn); Công ty TNHH K5 (05 hóa đơn); Công ty TNHH K6 (09 hóa đơn); Công ty TNHH T21 (03 hóa đơn) cho Công ty T17 Thịnh với tổng giá trị hóa đơn là 15.166.805.452 đồng (trong đó: tiền hàng hóa 13.939.905.286 đồng; tiền thuế GTGT 1.226.900.166 đồng). 10 Công ty này do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT.
Theo thỏa thuận, N phải trả cho bên bán hóa đơn số tiền tương đương 6% giá trị hàng hóa ghi trên hóa đơn và theo nhận thức của N, số tiền này là tiền thuế GTGT sẽ nộp ngân sách Nhà nước.
Để hợp thức thủ tục thanh toán qua ngân hàng cho các hóa đơn, bên bán hóa đơn đưa tiền mặt cho Cao Thị Diễm K và Dương Viết T3 là kế toán của Công ty T17T4 để K và T3 nộp tiền mặt vào tài khoản số 6223201003445 mở tại Ngân hàng A và 19028321182022 mở tại Ngân hàng T22 của Công ty T17, rồi Uỷ nhiệm chi chuyển tiền đến Công ty bán hóa đơn nêu trên. Và N giải ngân hạn mức vay vốn tại Ngân hàng A tài khoản số 6223201003445 theo hợp đồng số 6223-LAV-202000375 ngày 05/10/2020; Ngân hàng T22 tài khoản số 19028321182022 theo hợp đồng số PDL202042458/HĐCTD ngày 03/11/2020; Ngân hàng V1 tài khoản số 875246666 theo hợp đồng số Q11/22399 ngày 13/06/2022 của Công ty T17T4 hoặc N chuyển tiền có sẵn tại tài khoản số 210214851026945 mở tại Ngân hàng E của Công ty T17 đến công ty bán hóa

đơn nêu trên, sau khi bên bán hóa đơn nhận được tiền rồi trừ đi số tiền mua hóa đơn tương đương 6% giá trị tiền hàng rồi trả lại số tiền còn lại cho N, T3, K bằng tiền mặt. Để mua 46 hóa đơn khống, N đã trả số tiền 836.394.000 đồng cho bên bán hóa đơn bằng tiền mặt (tương đương 6% giá trị tiền hàng). Vì không biết các giao dịch trên là để hợp thức cho việc mua bán hóa đơn nên chị K và anh T3 chỉ thực hiện theo yêu cầu của N.

Sau khi mua 46 hóa đơn GTGT nêu trên, N đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty T17 tại Chi cục thuế quận B, TP .. Công ty T17 đã kê khai bổ sung, điều chỉnh giảm thuế GTGT được khấu trừ tại Chi cục thuế quận B đối với 46 hóa đơn trên.

Ngày 03/4/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P có Quyết định trưng cầu giám định số 1460/CQĐT(PC03) trưng cầu Cục thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm về pháp luật thuế đối với Công ty T17.

Tại Kết luận giám định ngày 10/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận:

"Với hành vi sử dụng không hợp pháp hóa đơn, hóa đơn khống để kê khai làm tăng số tiền thuế được khấu trừ thuế làm giảm số thuế phải nộp của Công ty T17T4 là hành vi trốn thuế".

"Công ty T17 đã kê khai bổ sung điều chỉnh giảm số thuế GTGT khấu trừ (1.226.900.166 đồng) đối với 46 hóa đơn sử dụng không hợp pháp và đã xác định thuế GTGT phát sinh tăng phải nộp tương ứng là 1.569.326.317 đồng". Vì vậy không còn thiệt hại về thuế.

Do đó, Ngô Quang Ncó hành vi mua trái phép 46 hóa đơn của Nguyễn Minh T.

Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, làm rõ hành vi của đối tượng bán hóa đơn trái phép sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.

66. Ngô Văn T5- Sinh năm 1988; HKTT: số A đường B, khu phố B, phường B, TP ., tỉnh B. Chức vụ: Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty TNHH D3 (viết tắt là Công ty D3); Là người đại diện theo pháp luật; Ngành nghề kinh doanh chính: sản xuất, thương mại các mặt hàng ngũ kim.

Công ty D3 hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3702873466 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh B cấp ngày 13/05/2020; đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 22/03/2022. Địa chỉ trụ sở: số A P, khu phố T, phường D, TP ., tỉnh B.

Trong năm 2021 và 2022, Công ty D3 đã mua hàng hóa và thuê nhân công của những cá nhân, hộ kinh doanh nhỏ lẻ để phục vụ kinh doanh (đến nay, T5 không xác định được danh tính, địa chỉ của các cá nhân hay cơ sở kinh doanh nêu trên). Theo thỏa thuận, T5 đã thanh toán tiền mua hàng hóa, dịch vụ đã bao gồm thuế GTGT nhưng sau khi nhận hàng hóa, dịch vụ, bên bán hàng hóa, dịch vụ không xuất được hóa đơn GTGT cho Công ty để kê khai thuế. Để chứng minh nguồn gốc hàng hóa, dịch vụ đã mua và sử dụng, T5 đã liên hệ với một cá nhân tên "L1" (chưa xác định được nhân thân, lai lịch) để mua 43 hóa đơn GTGT của 06 Công ty gồm: Công ty cổ phần S1 (02hóa đơn); Công ty TNHH Đ8 (09 hóa đơn); Công ty TNHH D4 (18 hóa đơn); Công ty TNHH S2 (01 hóa đơn); Công ty TNHH S3 (06 hóa đơn); Công ty TNHH T23 (07 hóa đơn) cho Công ty D3 với tổng giá trị hóa đơn là 3.392.813.755 đồng (trong đó: tiền hàng, dịch vụ:

3.087.312.050 đồng; tiền thuế GTGT: 305.501.705 đồng). 06 Công ty này do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT.
Theo thỏa thuận, T5 phải trả cho "Lộc" số tiền tương đương 5% giá trị hàng hóa ghi trên hóa đơn và theo nhận thức của T5, số tiền này là tiền thuế GTGT "Lộc" sẽ nộp ngân sách Nhà nước.
Để hợp thức thủ tục thanh toán qua ngân hàng cho các hóa đơn, "Lộc" đưa tiền mặt cho T5 để T5 nộp tiền vào tài khoản Công ty D3 mở tại Ngân hàng V2. Sau đó, T5 làm thủ tục Uỷ nhiệm chi chuyển khoản số tiền này đến 06 Công ty bán hóa đơn nêu trên. Để mua 43 hóa đơn khống, T5 đã trả số tiền 154.365.602 đồng cho "Lộc" bằng tiền mặt (tương đương 5% giá trị tiền hàng).
Sau khi mua 43 hóa đơn GTGT nêu trên, T5 đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty D3 tại Chi cục thuế T14, tỉnh B. Công ty D3 đã kê khai bổ sung, điều chỉnh giảm thuế GTGT được khấu trừ tại Chi cục thuế T14 đối với 43 hóa đơn trên.
Ngày 03/4/2024, Cơ quan CSĐT – Công an tỉnh P có Quyết định trưng cầu giám định số 1472/CQĐT(PC03) trưng cầu Cục thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm về pháp luật thuế đối với Công ty Đ7.
Tại Kết luận giám định ngày 10/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận:
"Việc Công ty D3 sử dụng 43 hóa đơn không hợp pháp để hạch toán hàng hóa, nguyên liệu đầu vào trong hoạt động phát sinh nghĩa vụ thuế làm tăng số tiền thuế được khấu trừ là hành vi trốn thuế".
"Công ty D3 đã kê khai bổ sung điều chỉnh giảm số thuế GTGT khấu trừ đối với các hóa đơn sử dụng không hợp pháp và đã xác định không tăng thuế GTGT phát sinh phải nộp tương ứng". Vì vậy không còn thiệt hại về thuế.
Do đó, Ngô Văn T5 có hành vi "Mua bán trái phép" 43 hoá đơn GTGT của Nguyễn Minh T.
Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, làm rõ hành vi của đối tượng "Lộc" sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.
67. Bùi Văn T6– Sinh năm 1982; Nơi thường trú: khu phố D, trị trấn Kim T7, huyện T, T; Chức vụ: Chủ tịch Công ty kiêm giám đốc Công ty TNHH T24 (viết tắt là Công ty T24); là người đại diện theo pháp luật.
Công ty T24hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên trở lên. Mã số doanh nghiệp: 3702657296; Đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 23/4/2018; Đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 04/3/2020. Địa chỉ trụ sở chính: Thửa đất số 117, tờ bản đồ số C3 (DC9-10), khu phố B, phường B, TP T, tỉnh B.
Trong năm 2021, 2022, T6 mua một số máy móc thiết bị cũ để phục vụ sản xuất kinh doanh gia công về các phụ kiện về giày, dép; tuy nhiên các cá nhân bán hàng không có hóa đơn GTGT xuất cho T6. Nên để có chứng từ hóa đơn hợp thức cho chi phí mua máy móc đã thanh toán, T6 đã liên hệ người đàn ông tên "Q" (hiện chưa xác định được nhân thân lai lịch) để mua **43** hóa đơn GTGT khống của 10 Công ty gồm Công ty TNHH C1; Công ty TNHH Q1; Công ty TNHH S4; Công ty TNHH S5; Công ty TNHH S6; Công ty TNHH T25; Công ty TNHH T12; Công ty TNHH T12; Công ty TNHH T12; Công ty TNHH T26

với tổng doanh số 9.665.897.832 đồng (trong đó tiền hàng 8.821.301.700 đồng, tiền thuế 844.596.132 đồng). 10 Công ty này do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT thông qua các trung gian (F1) có "Mã khách hàng" là "a.sơn" và "a.tien".

Theo thỏa thuận, T6 phải trả cho "Q" số tiền tương đương 8% giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn và theo nhận thức của T6 số tiền này là tiền thuế GTGT "Quân" sẽ nộp ngân sách Nhà nước.

Về việc thanh toán hợp thức và thanh toán tiền mua hóa đơn như sau: Thuấn và Q cùng ra Ngân hàng V3 - C2 để giao dịch. Trường hợp Công ty T24 có sẵn tiền trong tài khoản thì T6 ký ủy nhiệm chị chuyển tiền từ tài khoản Công ty T24 (số tài khoản 0461000597201) đến tài khoản của các Công ty xuất hóa đơn do Q cung cấp. Sau đó Q sẽ giữ lại tiền bán hóa đơn với số tiền tương đương 8% tổng tiền hàng chưa thuế, số tiền còn lại thì được trả lại cho T6 bằng tiền mặt. Có một vài lần thì Q rút tiền trả đủ số tiền chuyển hợp thức và T6 phải trả 8% tiền mua hóa đơn bằng tiền mặt cho Q tại ngân hàng.Trường hợp Công ty không có tiền thì T6 trao đổi mượn tiền của Q, sau đó Q sẽ nộp tiền vào tài khoản Công ty T24. Khi có tiền vào tài khoản thì Thuấn ủy ký nhiệm chi thanh toán đến tài khoản của các Công ty xuất hóa đơn. Do tiền mượn nên các Công ty này giữ lại tiền, còn tiền mua hóa đơn T6 thanh toán tiền mặt cho Q tại ngân hàng. Số tiền mua hóa đơn T6 đã thanh toán cho Q là 705.704.136 đồng.

Toàn bộ 43 hoá đơn GTGT đã được Công ty T24 kê khai thuế trong năm 2021, năm 2022 tại chi cục thuế T14 – B. Đến tháng 11/2023, Công ty T24 đã kê khai điều chỉnh bổ sung, loại bỏ 43 hóa đơn nêu trên.

Ngày 09/4/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P có Quyết định trưng cầu giám định số 1523/QĐ- CSKT trưng cầu Cục thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm về pháp luật thuế đối với Công ty T24 .

Tại Kết luận giám định ngày 10/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận:

"Việc Công ty T24 sử dụng không hợp pháp hóa đơn (hóa đơn khống) để kê khai khấu trừ thuế GTGT làm giảm số tiền thuế GTGT phải nộp, tăng số thuế được khấu trừ là hành vi trốn thuế".

"Công ty T24 đã kê khai bổ sung điều chỉnh giảm thuế GTGT khấu trừ đối với các hóa đơn sử dụng không hợp pháp đã kê khai, đồng thời đã xác định tăng thuế GTGT phát sinh phải nộp và xác định giảm thuế GTGT còn được khấu trừ chuyển kỳ sau". Vì vậy không còn thiệt hại về thuế. Sau khi kê khai điều chỉnh, Công ty T24 đã khắc phục nộp đủ số tiền thuế GTGT vào ngân sách Nhà nước.

Do đó, Bùi Văn T6 có hành vi mua bán trái phép 43 hóa đơn GTGT của Nguyễn Minh T.

Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, xác định danh tính, làm rõ hành vi của cá nhân "Q" sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.

68. Nguyễn Hoài Đ1- Sinh năm 1980, HKTT: Số G KDC P, phường P, thành phố T, B; Chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH B2 (viết tắt là Công ty Giấy H.D); là người đại diện pháp luật; Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất giấy.

Công ty Giấy H.D được Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh B cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3702204666, đăng ký lần đầu ngày 08/8/2013; Địa chỉ trụ sở

chính: Số G, Đường số H, khu dân cư P, khu phố I, Phường P, Thành phố T, B.
Năm 2021, 2022, để phục vụ hoạt động sản xuất, Công ty Giấy H.D mua nguyên vật liệu, máy móc ở nhiều cửa hàng nhỏ lẻ khác nhau, khi thanh toán tiền thì những cửa hàng này không xuất được hóa đơn GTGT. Do đó, Đ1 đã liên hệ với một cá nhân bán hóa đơn GTGT (hiện chưa xác định được nhân thân lai lịch) và mua 42 hóa đơn GTGT của 12 Công ty: Công ty TNHH T27 và chế biến gỗ Việt P (01 hóa đơn), Công ty TNHH X (04 hóa đơn), Công ty TNHH S7 (13 hóa đơn), Công ty TNHH T13 (01 hóa đơn), Công ty TNHH T28 (03 hóa đơn), Công ty TNHH G đồ gỗ và vật liệu Gia H (04 hóa đơn), Công ty TNHH G (08 hóa đơn), Công ty TNHH K7 (01 hóa đơn), Công ty TNHH N2 (01 hóa đơn), Công ty TNHH T29 (01 hóa đơn), Công ty TNHH T12 (03 hóa đơn), Công ty TNHH T12 (02 hóa đơn) với tổng doanh số hóa đơn là 24.216.941.657 đồng, trong đó giá trị hàng trước thuế là 22.097.626.082 đồng, tiền thuế VAT là 2.119.315.575 đồng. 12 Công ty này do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT thông qua trung gian (F1) có "Mã khách hàng" là "Duy Võ", "Hoang.Tan" và "H1".
Theo thỏa thuận, Đ1 phải trả cho bên bán hóa đơn số tiền tương đương 6% giá trị hàng hoá ghi trên hoá đơn và theo nhận thức của Đ1, số tiền này là tiền thuế GTGT người bán hóa đơn sẽ nộp ngân sách Nhà nước.
Để hợp thức tiền trên tài khoản, mỗi lần thanh toán, Đ1 sẽ sử dụng tài khoản Công ty chuyển tiền trước cho Công ty bán hóa đơn, sau đó, Công ty bán hóa đơn sẽ chuyển lại số tiền đã thanh toán vào tài khoản Lại Thị Bích T8 - vợ của Đ1 và một số nhân viên khác của Công ty (Đ1 chưa xác định là ai). Bà T8 chỉ thực hiện việc chuyển tiền do Đ1 nhờ, không được Đ1 bàn bạc, trao đổi về nội dung mua bán hóa đơn. Chi phí mua hóa đơn Công ty giấy H2 đã thanh toán cho cá nhân bán hóa đơn là 1.325.857.560 đồng.
Sau khi mua 42 hóa đơn nêu trên, Đ1 đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty Giấy H.D tại chi cục thuế T30, B. Đ1 đã kê khai bổ sung điều chỉnh giảm 42 hóa đơn nêu trên.
Ngày 11/4/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P đã có Quyết định trưng cầu giám định số 1632/CQĐT(PC03) trưng cầu Cục thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm về pháp luật thuế đối với Công ty Giấy H.D.
Tại Kết luận giám định ngày 10/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận:
"*Việc Công ty giấy H.D sử dụng không hợp pháp hóa đơn để hạch toán hàng hóa, nguyên liệu đầu vào trong hoạt động phát sinh nghĩa vụ thuế làm tăng số tiền thuế được khấu trừ, giảm số tiền thuế phải nộp là hành vi trốn thuế theo quy định tại Khoản 4 Điều 143 Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019".*
"Công ty giấy H.D đã kê khai bổ sung, điều chỉnh giảm thuế GTGT đầu vào được khấu trừ của 42 hóa đơn nêu trên dẫn đến làm tăng số thuế GTGT phải nộp 221.859.405đ, giảm số thuế GTGT còn khấu trừ 1.897.456.170đ". Vì vậy không còn thiệt hại về thuế.
Do đó, Nguyễn Hoài Đ1 có hành vi mua bán trái phép 42 hóa đơn GTGT của Nguyễn Minh T.

Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, xác định danh tính, làm rõ hành vi của cá nhân bán hóa đơn sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.

69. Chu Văn H3- sinh năm 1965, HKTT: số 121/6 KP4, phường B, TP B, tỉnh Đ; Chức vụ: Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty TNHH MTV G (viết tắt là Công ty G); Là người đại diện theo pháp luật; Ngành nghề kinh doanh: vận tải, bốc xếp hàng hóa.

Công ty G được Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viêG, mã số: 3602654189, đăng ký lần đầu ngày 30/5/2013, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 30/7/2016; Địa chỉ trụ sở chính: G399, KP7, phường L, TP B, tỉnh Đ.

Trong năm 2021 và 2022, Công ty G thuê các đơn vị kinh doanh vận tải thực hiện vận chuyển hàng hóa, thuê bốc xếp hàng hóa cho khách hàng ở nhiều địa chỉ khác nhau nên không xác định được danh tính. Theo thỏa thuận, H3 đã thanh toán cả tiền hàng hóa, dịch vụ và tiền thuế cho bên bán hàng và cung cấp dịch vụ nhưng sau đó vì các đơn vị không thể phát hành được hóa đơn nên để có hóa đơn GTGT chứng minh nguồn gốc hàng hóa mua vào, H3 đã liên hệ với cá nhân tên "Q" (chưa xác định được nhân thân lai lịch) để mua **41** hóa đơn GTGT khống của 04 công ty gồm: Công ty TNHH T12 (19 hóa đơn); Công ty TNHH G (02 hóa đơn); Công ty TNHH N1 (10 hóa đơn); Công ty TNHH T13 (10 hóa đơn) với tổng doanh số ghi trên hóa đơn là 42.181.235.085 đồng *(Trong đó, tiền hàng hóa, dịch vụ là 38.713.671.822đồng, tiền thuế GTGT là 3.467.563.263 đồng)*. 04 Công ty này do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT thông qua trung gian (F1) có "Mã khách hàng" là "Lê D".

Theo thỏa thuận, H3 phải trả cho "Q" số tiền tương đương từ 4% đến 5% giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn và theo nhận thức của H3, số tiền này là tiền thuế GTGT "Quân" sẽ nộp ngân sách Nhà nước.

Để hợp thức thanh toán hóa đơn, Q sẽ hẹn H3 ra Ngân hàng để làm thủ tục thanh toán. H3 sẽ ký sẵn các Ủy nhiệm chi của Công ty G và đưa cho chị Chu Ngọc D1 (là nhân viên Công ty G) đi đến Ngân hàng nơi Q đã hẹn trước để làm thủ tục thanh toán hợp thức cho các tờ hóa đơn đã mua. Sau đó, Q sẽ đưa tiền mặt cho chị Duyên số tiền bằng với giá trị thanh toán trên các tờ hóa đơn để chị D1 nộp vào tài khoản Công ty G (số tài khoản 0481000701101 tại Ngân hàng V3) và dùng Ủy nhiệm chi của Công ty G do H3 kỹ sẵn để chuyển tiền từ tài khoản trên của Công ty G đến tài khoản các Công ty phát hành hành hóa đơn (số tài khoản do Q cung cấp). Chị D1 chỉ thực hiện theo sự chỉ đạo của H3 mà không biết việc H3 mua bán trái phép hóa đơn. Để mua 41 hóa đơn trên, H3 trả cho Quân số tiền là 1.742.115.231 đồng tương đương với 4% đến 5% giá trị tiền hàng chưa bao gồm thuế GTGT (đưa tiền mặt).

Sau khi mua 41 hoá đơn GTGT trên, H3 đã sử dụng để Công ty G kê khai thuế trong năm 2021, 2022 tại chi cục thuế khu vực B3 - V. Đến nay, Công ty G đã kê khai điều chỉnh bổ sung, loại bỏ 41 hóa đơn trên và nộp khắc phục vào Ngân sách Nhà nước số tiền là 3.467.563.263 đồng.

Ngày 09/4/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P có Quyết định trưng cầu giám định số 1557/QĐ- CSKT trưng cầu Cục thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm

về pháp luật thuế đối với Công ty G.
Tại Kết luận giám định ngày 10/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận:
"Đối với hành vi sử dụng không hợp pháp 41 hoá đơn GTGT của Công ty G để kê khai tăng số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ 3.467.563.263 đồng trong các kỳ kê khai thuế từ quý 1/2021 đến quý 3/2022, làm số tiền thuế phải nộp là hành vi trốn thuế theo quy định tại Khoản 4 Điều 143 Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019".
"Công ty G đã thực hiện kê khai bổ sung và loại bỏ 41 số hoá đơn trong kỳ kê khai thuế từ quý 1/2021 đến quý 3/2022, tương ứng số thuế GTGT đầu vào điều chỉnh giảm là 3.467.563.263 đồng; Sau khi điều chỉnh giảm, số thuế GTGT phát sinh phải nộp trong kỳ kê khai thuế là 3.638.595.475 đồng. Công ty G đã khắc phục nộp đủ số tiền thuế GTGT phát sinh sau điều chỉnh là 3.638.595.475 đồng". Vì vậy không còn thiệt hại về thuế.
Do vậy, Chu Văn H3 có hành vi "mua bán trái phép" 41 hóa đơn GTGT của Nguyễn Minh T.
Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, xác định danh tính, làm rõ hành vi của cá nhân "Q" sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.
70. Võ Thị Mỹ T9- Sinh năm 1990; HKTT: KP H, phường V, TP ., tỉnh B; Chức vụ: Chủ sở hữu, người điều hành Công ty TNHH N3 (viết tắt là Công ty N3).
Công ty TNHH N3 hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên G: 3702777473, đăng ký lần đầu ngày 04/06/2019; đăng ký thay đổi lần thứ 03 ngày: 17/06/2021. Địa chỉ: T đất số 1021, tờ bản đồ số 44, đường B, khu phố B, phường B, TP ., tỉnh B. Người đại diện theo pháp luật: Ông Yang D2; Sinh năm 1978; HKTT: Room 608, B, Zongdan G, Y, T, J, Trung Quốc. Chức vụ: Giám đốc. Ngành nghề kinh doanh: Gia công, sơ chế và mua bán nhựa, bột màu.
Trong năm 2022, Công ty N4 Hồng mua hàng của các cá nhân và cơ sở kinh doanh nhỏ lẻ để phục vụ sản xuất (đến nay công ty không xác định được danh tính, địa chỉ của các cá nhân và cơ sở kinh doanh nêu trên). Theo thỏa thuận, T9 đã thanh toán tiền hàng bao gồm cả tiền thuế GTGT nhưng sau khi nhận hàng, bên bán không xuất hóa đơn GTGT cho Công ty để kê khai thuế. Để chứng minh nguồn gốc hàng hóa đã mua, T9 đã liên hệ với một cá nhân tên "T10" (chưa xác định được danh tính) mua tổng số 41 hóa đơn GTGT của 03 công ty gồm: Công ty TNHH T12 (03 hóa đơn); Công ty TNHH Đ7 (06 hóa đơn); Công ty TNHH T31 (32 hóa đơn) với tổng doanh số: 18.643.676.900 đồng *(trong đó: tiền hàng hóa: 16.949.979.000 đồng; tiền thuế GTGT: 1.693.697.900 đồng).* 03 Công ty này do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT thông qua các trung gian (F1) có "Mã khách hàng" là "thanh.thuan".
Theo thỏa thuận, T9 phải trả cho người bán hóa đơn số tiền bằng 4,5% giá trị tiền hàng trên hóa đơn và theo nhận thức của T9 tiền này là tiền thuế GTGT mà "T10" sẽ nộp ngân sách nhà nước.
Để hợp thức hóa đơn, T9 gặp người bán hóa đơn tại Ngân hàng B4 trên địa n thành phố T và nhận tiền mặt từ người bán hóa đơn số tiền bằng doanh số các

hóa đơn cần chuyển khoản hợp thức, sau đó nộp vào tài khoản của Công ty N3 số: 65110002468681 mở tại Ngân hàng B4, khi tiền đã vào tài khoản, T9 tạo lệnh và duyệt lệnh chuyển tiền trực tuyến trên Ứng dụng ngân hàng chuyển tiền trực tuyến từ tài khoản của Công ty N3 đến tài khoản của các công ty bán hóa đơn. Để mua 41 hóa đơn khống, T9 đã trả cho "T10" tổng số tiền là: 762.750.000 đồng(bằng 4,5% tiền hàng ghi trên 41 hóa đơn).

Sau khi mua 41 hóa đơn nêu trên, công ty N3 đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của công ty tại Chi cục thuế thành phố T14, tỉnh B trong năm 2022. Đến nay, công ty N3 đã kê khai bổ sung loại toàn bộ 41 hóa đơn nêu trên.

Ngày 03/4/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P có Quyết định trưng cầu giám định số 1444/CQĐT(PC03) trưng cầu Cục thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm về pháp luật thuế đối với Công ty N3.

Tại Kết luận giám định ngày 09/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận:

"Đối với hành vi sử dụng không hợp pháp 41 hóa đơn GTGT của Công ty N3 để kê khai tăng số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ 1.693.697.000 đồng trong các kỳ kê khai từ quý 1/2022 đến quý 3/2022, làm giảm số tiền thuế phải nộp là hành vi trốn thuế".

"Công ty N3 đã thực hiện kê khai bổ sung và loại bỏ 41 số hóa đơn trong kỳ kê khai thuế từ quý 1/2022 đến quý 3/2022, tương ứng số thuế GTGT đầu vào điều chỉnh giảm là 1.693.697.000 đồng; Sau khi điều chỉnh giảm, số thuế GTGT phát sinh nộp trong kỳ kê khai thuế là 1.273.773.053 đồng. Công ty N3 đã khắc phục nộp đủ số tiền thuế GTGT phát sinh sau khi điều chỉnh là 1.273.773.053 đồng".

Vì vậy không còn thiệt hại về thuế.

Do đó, Võ Thị Mỹ T9 có hành vi mua trái phép 41 hóa đơn GTGT của Nguyễn Minh T.

Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, làm rõ hành vi của đối tượng "T10" sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.

71. Huỳnh Xuân T11- Sinh năm 1976; HKTT: 692/2/10, Ấp A, Hiệp P1, Nhà B1, TP .; là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH T12 (viết tắt là Công ty T12); Ngành nghề kinh doanh: Gia công may mặc.

Công ty TNHH S8 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh nghiệp Công ty TNHH hai thành viên trở lên số: 0308011822, đăng ký lần đầu ngày 09/04/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 10/11/2020. Địa chỉ trụ sở chính: Địa chỉ E L, phường T, Quận G, TP ..

Trong năm 2021, 2022 công ty H5 hàng hóa của các cá nhân và cơ sở kinh doanh nhỏ lẻ để phục vụ sản xuất (đến nay Thiển không xác định được danh tính, địa chỉ của các cá nhân và cơ sở kinh doanh nêu trên). Theo thỏa thuận, T11 đã phải thanh toán tiền hàng bao gồm cả tiền thuế GTGT nhưng sau khi nhận hàng, bên bán không xuất hóa đơn GTGT cho công ty T12 để kê khai thuế. Để chứng minh nguồn gốc hàng hóa đã mua, T11 đã liên hệ với cá nhân tên "Liên" (chưa xác định được danh tính) mua tổng số 41 hóa đơn GTGT của 12 công ty gồm: Công ty TNHH C1 (13 hóa đơn); Công ty TNHH Đ4 (04 hóa đơn); Công ty TNHH Đ5 (02 hóa đơn); Công ty TNHH S7 (01 hóa đơn); Công ty TNHH S4 (05 hóa đơn); Công ty TNHH T32 (01 hóa đơn); Công ty TNHH

T33 (01 hóa đơn); Công ty TNHH T25 (07 hóa đơn); Công ty TNHH T34 (03 hóa đơn); Công ty TNHH T12 (01 hóa đơn); Công ty TNHH T12 (01 hóa đơn); Công ty TNHH V4 (02 hóa đơn) với tổng doanh số: 18.256.559.400 đồng *(trong đó: tiền hàng hóa: 16.914.304.000 đồng; tiền thuế GTGT: 1.342.255.400 đồng)*.
12 Công ty này do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT thông qua các trung gian (F1) có "Mã khách hàng" là "hoang.dung ", "a.tien".
Theo thỏa thuận, T11 phải trả cho người bán hóa đơn số tiền bằng 7% giá trị tiền hàng trên hóa đơn và theo nhận thức của Thiển tiền này là tiền thuế GTGT mà người bán hóa đơn sẽ nộp ngân sách nhà nước.
Để hợp thức hóa đơn, T11 gặp người bán hóa đơn tại Ngân hàng A1 - Chi nhánh T35 và nhận tiền mặt người bán hóa đơn số tiền bằng với doanh số trên hóa đơn cần chuyển khoản hợp thức, sau đó T11 nộp số tiền này vào tài khoản của Công ty H6 mở tại Ngân hàng A1 và ký ủy nhiệm chi chuyển tiền đến các công ty bán hóa đơn. Để mua 41 hóa đơn khống, T11 đã trả cho người bán hóa đơn tổng số tiền là 1.374.009.400 đồng.
Sau khi mua 41 hóa đơn nêu trên, T11 đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của công ty H7, TP . trong năm 2021, 2022. Đến nay, công ty G2 đã kê khai bổ sung loại toàn bộ 41 hóa đơn nêu trên.
Ngày 10/4/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P có Quyết định trưng cầu giám định số 1458/CQĐT(PC03) trưng cầu Cục thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm về pháp luật thuế đối với Công ty H8
Tại Kết luận giám định ngày 10/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận:
"Theo kết quả điều tra của Cơ quan CSĐT, công ty T12 đã sử dụng 41 tờ hóa đơn GTGT của 12 công ty với tổng doanh số là 18.256.559.400 đồng (trong đó tiền hàng là 16.914.304.000 đồng; tiền thuế là 1.342.255.400 đồng) do Huỳnh Xuân T11 - Giám đốc công ty mua, để hợp thức cho khối lượng hàng hóa mua vào của các cá nhân không có hóa đơn GTGT và kê khai tăng thuế GTGT đầu vào được khấu trừ số tiền 1.342.255.400 đồng từ kỳ kê khai thuế tháng 7/2021 đến tháng 3/2022 tại Chi cục thuế H7, TP . là hành vi sử dụng không hợp pháp hóa đơn".
"Công ty T12 đã điều chỉnh bổ sung, loại bỏ 41 hóa đơn sử dụng không hợp pháp, tương ứng số thuế GTGT đầu vào điều chỉnh giảm là 1.342.255.400 đồng trên các tờ khai từ tháng 07/2021 đến tháng 03/2022. Sau khi điều chỉnh, bổ sung không phát sinh tiền thuế GTGT phải nộp.". Vì vậy không còn thiệt hại về thuế.
Do đó, Huỳnh Xuân T11 có hành vi mua trái phép 41 hóa đơn GTGT của Nguyễn Minh T.
Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, làm rõ hành vi của đối tượng "Liên" sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.
72. Quách Ngọc Y- Sinh năm 1980; HKTT: Tổ A, khu H, phường T, TP ., tỉnh B. Chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH G3 (viết tắt là Công ty G3); Là người đại diện theo pháp luật; Ngành nghề kinh doanh: Gia công may mặc.
Công ty G3 hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên G; đăng ký lần đầu ngày 09/08/2016; đăng

ký thay đổi lần thứ 03 ngày 25/4/2023. Địa chỉ: T đất số 976, tờ bản đồ số 14, đường D, tổ A, khu phố H, phường T, thành phố T, tỉnh B.

Trong năm 2022, công ty G3 mua hàng hóa của các cá nhân và cơ sở kinh doanh nhỏ lẻ để phục vụ sản xuất (đến nay Y không xác định được danh tính, địa chỉ của các cá nhân và cơ sở kinh doanh nêu trên). Theo thỏa thuận, Y đã phải thanh toán tiền hàng bao gồm cả tiền thuế GTGT nhưng sau khi nhận hàng, bên bán không xuất hóa đơn GTGT cho Công ty để kê khai thuế. Để chứng minh nguồn gốc hàng hóa đã mua, Y đã liên hệ với cá nhân tên "H4" (chưa xác định được danh tính) mua tổng số 41 hóa đơn GTGT của 02 công ty gồm: Công ty TNHH G4 (07 hóa đơn); Công ty TNHH T27 (34 hóa đơn) với tổng doanh số: 9.353.932.471 đồng *(trong đó: tiền hàng hóa: 8.661.048.585 đồng; tiền thuế GTGT: 692.883.886 đồng)*. 02 Công ty này do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT thông qua các trung gian (F1) có "Mã khách hàng" là "son.my.nhat.huy".

Theo thỏa thuận, Y phải trả cho người bán hóa đơn số tiền bằng 6% giá trị tiền hàng trên hóa đơn và theo nhận thức của Y tiền này là tiền thuế GTGT mà "H4" sẽ nộp ngân sách nhà nước.

Để hợp thức hóa đơn, Y gặp "H4" và "H4" đưa tiền mặt cho Y số tiền bằng đúng doanh số các hóa đơn cần chuyển khoản hợp thức để Y nộp vào tài khoản của công ty G3 mở tại Ngân hàng E, tài khoản số 0116100001012004 mở tại Ngân hàng O và ký Ủy nhiệm chi hoặc thực hiện việc chuyển tiền trên ứng dụng Ngân hàng đến tài khoản của các công ty bán hóa đơn. Để mua 41 hóa đơn khống, Y đã trả cho người bán hóa đơn tổng số tiền là *519.000.000 đồng* (bằng 6% tiền hàng trên hóa đơn).

Sau khi mua 41 hóa đơn nêu trên, Y đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của công ty T16, tỉnh B trong năm 2022. Đến nay, Y đã kê khai bổ sung loại toàn bộ 41 hóa đơn nêu trên.

Ngày 03/4/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P có Quyết định trưng cầu giám định số 1440/CQĐT(PC03) trưng cầu Cục thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm về pháp luật thuế đối với Công ty G3.

Tại Kết luận giám định ngày 09/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận:

"*Việc Công ty G3 sử dụng không hợp pháp hóa đơn (hóa đơn khống) để kê khai khấu trừ thuế GTGT làm giảm số thuế GTGT phải nộp, tăng số thuế được khấu trừ là hành vi trốn thuế".*

"Tại thời điểm giám định, doanh nghiệp đã kê khai bổ sung điều chỉnh giảm số thuế GTGT khấu trừ đối với các hóa đơn sử dụng không hợp pháp đã kê khai khấu trừ thuế đồng thời xác định tăng thuế GTGT phát sinh phải nộp tương ứng và điều chỉnh giảm số tiền thuế GTGT còn được khấu trừ chuyển kỳ sau". Công ty G3 đã nộp toàn bộ số tiền thuế GTGT phát sinh sau khi điều chỉnh vào Ngân sách nhà nước. Vì vậy không còn thiệt hại về thuế.

Do đó, Quách Ngọc Y có hành vi mua trái phép 41 hóa đơn GTGT của Nguyễn Minh T.

Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, làm rõ hành vi của đối tượng "Huy" sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.

73. Bùi Thái K1- Sinh năm 1972; Nơi thường trú: 3A Lê Quý Đ2, P V, Quận C, TP H; Chức vụ: Tổng giám đốc Công ty CP Đ9 (viết tắt là Công ty Đ9).

Công ty Đ9 được Sở K4 cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0313632254, đăng ký lần đầu ngày 22/01/2016, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 11/06/2021; Địa chỉ trụ sở chính C L, phường V, Quận C, TP H; Người đại diện theo pháp luật: Nguyễn Ngọc K2 - Chủ tịch hội đồng quản trị; Ngành nghề kinh doanh: Thi công, xây dựng công trình.

Trong năm 2021 và 2022, Công ty Đ9 mua vật liệu và thuê phương tiện của của các cá nhân, cửa hàng N5 ở nhiều địa chỉ khác nhau nên không xác định được danh tính, công ty đã thanh toán cả tiền hàng và tiền thuế cho người bán, nhưng vì các cá nhân không phát hành được hóa đơn nên để có hóa đơn GTGT chứng minh nguồn gốc hàng hóa mua vào, Khương thời điểm này là Tổng giám đốc Công ty Đ9 đã liên hệ với một người đàn ông (đến nay chưa xác định được danh tính) để mua 40 hóa đơn của 04 công ty gồm: Công ty TNHH Đ6; Công ty TNHH Đ7; Công ty TNHH T18; Công ty TNHH T12xây dựng vận tải Hiếu Minh (04 Công ty đều do Nguyễn Minh T sử dụng để bán hóa đơn) với tổng doanh số là 27.315.187.230đ (trong đó tiền hàng là 24.844.932.143đ, tiền thuế là 2.470.255.087đ).

Theo thoả thuận, K phải trả cho người bán hóa đơn số tiền tương đương từ 7% giá trị tiền hàng ghi trên hoá đơn, theo nhận thức của K thì số tiền này là tiền thuế GTGT người bán hóa đơn sẽ nộp NSNN.

Để hợp thức thủ tục thanh toán qua ngân hàng cho các hoá đơn thì bên bán hóa đơn sẽ chuyển số tiền tương đương với 93% giá trị hóa đơn cần thanh toán đến tài khoản cá nhân số 172686868 của K mở tại Ngân hàng A, sau đó K chuyển số tiền này đến tài khoản số 90399038 của Công ty T8 mở tại Ngân hàng A, sau đó K phải bù thêm một phần tiền tương đương với 7% (số tiền bù thêm này là tiền mua hóa đơn phải trả) rồi lập ủy nhiệm chi và chuyển đến công ty bán hóa đơn. Để mua 40 hóa đơn, K đã trả cho người bán tổng số tiền là 1.739.145.250đ (tương đương với 7%). Việc mua hóa đơn cho Công ty T8sử dụng đều do K thực hiện, các cổ đông, người đại diện theo pháp luật và các cổ đông góp vốn của Công ty T8 không biết.

Sau khi mua 40 hóa đơn GTGT nêu trên, Công ty T8 đã sử dụng kê khai thuế GTGT đầu vào với Chi cục thuế Q1, TP H.

Ngày 10/04/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P có Quyết định trưng cầu giám định số 1557/QĐ- CSKT trưng cầu Cục thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm về pháp luật thuế đối với Công ty T8.

Tại Kết luận giám định ngày 10/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận:

"Việc Công ty T9 sử dụng 40 hóa đơn không hợp pháp để hạch toán hàng hóa, nguyên liệu đầu vào trong hoạt động phát sinh nghĩa vụ thuế làm tăng số tiền thuế được khấu trừ là hành vi trốn thuế".

"Công ty T8 đã kê khai điều chỉnh giảm thuế số thuế GTGT khấu trừ đối với toàn bộ 40 số hóa đơn không hợp pháp nêu trên dẫn đến tăng số thuế GTGT phát sinh phải nộp là 2.460.582.444 đồng". Vì vậy không còn thiệt hại về thuế.

Do đó, Bùi Thái K có hành vi Mua bán trái phép 40 hoá đơn giá trị gia tăng của

Nguyễn Minh T.
Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, làm rõ hành vi của đối tượng bán hóa đơn trái phép sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.
74. Thái Thị Bích H- Sinh năm 1973; Nơi thường trú: 288, H, Phường A, Quận A, TP H; Chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH K1 (viết tắt là Công ty K1); Là người đại diện theo pháp luật.
Công ty K1 hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303686003 do Sở kế hoạch và đầu tư Thành Phố H cấp ngày 11/03/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 07/12/2022, Trụ sở: A Q, Phường H, Quận G, Thành Phố H.
Trong năm 2021 và 2022, Công ty K1 có thuê tàu, mua dầu máy của của các cá nhân, cửa hàng N3 ở nhiều địa chỉ khác nhau nên không xác định được danh tính. Công ty K1 đã thanh toán cả tiền hàng và tiền thuế cho người bán nhưng sau đó vì các cá nhân không thể phát hành được hóa đơn,
nên để có hóa đơn GTGT chứng minh nguồn gốc hàng hóa mua vào, H đã thông qua một người đàn ông tên ”Vàng” (đến nay chưa xác định được danh tính) để mua 27 hóa đơn của 03 công ty gồm: Công ty TNHH T10; Công ty TNHH Đ2; Công ty TNHH T11 (03 Công ty đều do Nguyễn Minh T sử dụng để bán hóa đơn) với tổng doanh số là 10.215.561.328đ (trong đó tiền hàng hóa dịch vụ trước thuế VAT là 9.309.269.920đ, tiền thuế là 906.291.408đ).
Theo thoả thuận, H phải trả cho người bán hóa đơn số tiền tương đương 6% giá trị tiền hàng ghi trên hoá đơn, theo nhận thức của H thì số tiền này là tiền thuế GTGT người bán hóa đơn sẽ nộp NSNN.
Để hợp thức thủ tục thanh toán qua ngân hàng cho các hoá đơn, H sẽ làm thủ tục giải ngân khoản vay của Công ty K1 rồi sử dụng chính khoản giải ngân tài khoản số 57859269 mở tại Ngân hàng A để chuyển khoản vào tài khoản Công ty bán hóa đơn. Sau khi trừ 6% tiền mua hóa đơn, số tiền còn lại bên bán hóa đơn chuyển khoản trả lại vào tài khoản cá nhân số 140708 của H mở tại Ngân hàng A. Để mua 23 hóa đơn, H đã trả cho người bán tổng số tiền là 558.556.195 đồng (tương đương với 6%).
Sau khi mua 27 hóa đơn GTGT nêu trên, Công ty K1 đã sử dụng kê khai thuế GTGT đầu vào với Chi cục quận G - TP H. Đến tháng 6 năm 2023, Công ty K1 đã đã kê khai bổ sung, điều chỉnh giảm thuế GTGT được khấu trừ đối với 27 số hoá đơn trên.
Ngày 10/04/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P có Quyết định trưng cầu giám định số 1548/QĐ-CSKT trưng cầu Cục thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm về pháp luật thuế đối với Công ty K1.
Tại Kết luận giám định ngày 10/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận:
“Việc Công ty K1*sử dụng 27 hóa đơn không hợp pháp để hạch toán hàng hóa, nguyên liệu đầu vào trong hoạt động phát sinh nghĩa vụ thuế làm tăng số tiền thuế được khấu trừ là hành vi trốn thuế”.*
“Công ty K1 đã kê khai điều chỉnh giảm thuế số thuế GTGT khấu trừ đối với toàn bộ 27 số hóa đơn sử dụng không hợp pháp. Tuy nhiên, Công ty K1 còn được khấu trừ chuyển kỳ sau nên dẫn đến không phát sinh số thuế phải nộp sau

khi kê khai điều chỉnh". Vì vậy không còn thiệt hại về thuế.
Do đó, Thái Thị Bích H có hành vi mua bán trái phép 40 số hoá đơn giá trị gia tăng của Nguyễn Minh T.
Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, làm rõ hành vi của đối tượng "Vàng" sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.
75. Nguyễn Bá Đ- Sinh năm 1980; HKTT: 42/21 đường H, khu phố T, phường B, TP D, tỉnh B; chức vụ: Giám đốc, đại diện pháp luật Công ty TNHH Đ3 (viết tắt là Công ty Đ3.
Công ty Đ3, địa chỉ: Số H đường C tháng D, khu phố B, phường B, TP D, tỉnh B. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, mã số doanh nghiệp: 0312091002 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh B cấp.
Trong năm 2021, Đ liên hệ cá nhân tên Đ1 (chưa xác định được danh tính) về việc công ty Đ3 mua sắt thép và thuê thi công xây dựng, gia công cơ khí của các cá nhân không xuất được hóa đơn GTGT, công ty cần hóa đơn GTGT, Đ1 nói sẽ cung cấp được hóa đơn GTGT với giá từ 08% đến 10% tùy từng mặt hàng. Khi cần lấy hóa đơn GTGT Định sẽ cung cấp tên hàng hóa, dịch vụ, Đơn giá, thành tiền, tiền thuế, tổng tiền thanh toán, sau đó Đ1 gửi lại hóa đơn GTGT cho Đ cũng theo hình thức zalo. Còn hợp đồng kinh tế, phiếu giao nhận hàng hợp thức Đức nói nếu cần sẽ cung cấp sau cho Đ.
Tổng số Đ mua 40 hóa đơn GTGT khống của Đ1 cho công ty Đ3 với doanh số 43.891.842.660 đồng (tiền hàng 39.953.220.600 đồng, tiền thuế 3.938.622.060 đồng). Về thanh toán hợp thức: Đ yêu cầu kế toán làm ủy nhiệm chi trình Đ ký, sau đó thực hiện thanh toán hợp thức sang các công ty phát hành hóa đơn khống, Đ1 sẽ rút đúng số tiền Công ty Đ3 chuyển khoản thanh toán hợp thức và trả lại cho Đ bằng hình thức tiền mặt. Còn về tiền mua hóa đơn như đã thỏa thuận từ 08% đến 10% Định trả cho Đ1 bằng tiền mặt hoặc cũng có lúc thực hiện chuyển khoản từ tài khoản cá nhân của Đ sang tài khoản cá nhân Đức cung cấp cho Đ. Nếu Công ty Đ3 không có tiền trong tài khoản nên Đ1 cho Đ mượn tiền để thực hiện thanh toán hợp thức cho các tờ hóa đơn GTGT khống, cụ thể: Đ và Đ1 cùng ra ngân hàng Achi nhánh B, quận T, Đ1 đưa tiền mặt cho Đ, Đ viết ủy nhiệm chi số tiền đúng bằng số tiền Đ1 đưa. Sau đó Đ nộp tiền mặt vào tài khoản Công ty Đ3 và ngay sau đó thực hiện ủy nhiệm chi sang các công ty phát hành hóa đơn khống, các công ty phát hành hóa đơn GTGT khống sẽ giữ lại khoản tiền này luôn vì là tiền Đ1 cho Đ mượn như nêu trên. Tổng số tiền mua hóa đơn Đ đã trả cho Đ1 khoảng 02 tỷ đồng.
Đối với toàn bộ 40 hóa đơn GTGT khống, Công ty Đ3 đã kê khai với Chi cục thuế T12, tỉnh B năm 2021 và năm 2022. Đến tháng 10/2023, Công ty Đ3 đã kê khai điều chỉnh giảm toàn bộ 40 hóa đơn GTGT nêu trên.
Ngày 3/10/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P có Quyết định trưng cầu số 2981/CQĐT(PC03) trưng cầu Cục Thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm pháp luật về thuế đối với Công ty Đ3.
Tại Kết luận giám định ngày 9/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận: *"Tịa thời điểm giám định, căn cứ vào hồ sơ do cơ quan điều tra Công an tỉnh P cung cấp, Công*

ty TNHH Đ4 và gia công cơ khí Tấn D đã thực hiện kê khai bổ sung, điều chỉnh giảm thuế GTGT đầu vào được khấu trừ của 40 hóa đơn nêu trên làm giảm số thuế GTGT được khấu trừ 3.938.622.060 đồng". Vì vậy không còn thiệt hại về thuế.

Do đó, Nguyễn Bá Đ có hành vi "Mua bán trái phép" 40 hóa đơn GTGT của Nguyễn Minh T.

Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, làm rõ hành vi của đối tượng "Đức" đã bán hóa đơn cho Công ty Đ3 sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.

76. Bùi Thị M- Sinh năm 1986, HKTT: 168/183/5 ĐX06, phường P, TP T, tỉnh B; Chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH K2 (viết tắt là Công ty K2); Là người đại diện theo pháp luật; Ngành nghề kinh doanh: sản xuất sơn công nghiệp.

Công ty K2 được Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh B cấp giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, mã số: 3702535354, đăng ký lần đầu ngày 17/02/2017, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 16/11/2022; Địa chỉ trụ sở chính: số C KP B, phường T, TP T, Tỉnh B.

Trong năm 2021 và 2022, Công ty K2 thu mua hàng hóa là các loại nguyên liệu để sản xuất sơn như: bột màu, chất xúc tác…và thuê dịch vụ vận chuyển hàng hoá của các hộ kinh doanh cá nhân, nhỏ lẻ ở nhiều địa chỉ khác nhau nên không xác định được danh tính; công ty K2 đã thanh toán tiền hàng hóa, dịch vụ và tiền thuế cho bên bán hàng và cung cấp dịch vụ, nhưng sau đó vì các đơn vị không thể phát hành được hóa đơn, nên để có hóa đơn GTGT chứng minh nguồn gốc hàng hóa, dịch vụ mua vào, Mơ đã liên hệ với một cá nhân không rõ tên tuổi (chưa xác định được nhân thân lai lịch) để mua **40** hóa đơn GTGT khống của 05 công ty gồm: Công ty TNHH Đ5 (05 hóa đơn); Công ty TNHH S1 (17 hóa đơn); Công ty TNHH S2 (02 hóa đơn); Công ty TNHH T13 (13 hóa đơn); Công ty TNHH T14 (03 hóa đơn) với tổng doanh số ghi trên hóa đơn là 33.142.902.000 đồng *(trong đó tiền hàng hóa dịch vụ là 30.138.820.000 đồng, tiền thuế GTGT là: 3.004.082.000 đồng).* 05 Công ty này do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT thông qua các trung gian (F1) có "Mã khách hàng" là "Lê D1" và "Thanh thuan".

Theo thỏa thuận, M phải trả cho bên bán hóa đơn số tiền tương đương 5% giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn và theo nhận thức của Mơ, số tiền này là tiền thuế GTGT bên bán hóa đơn sẽ nộp ngân sách Nhà nước.

Để hợp thức thanh toán hóa đơn, bên bán hoá đơn và M sẽ ra Ngân hàng để làm thủ tục thanh toán. Lúc này, M sẽ sử dụng tiền cá nhân để nộp vào tài khoản Công ty K2 (số tài khoản 65310000110713 tại Ngân hàng B1). Sau đó, M sẽ ký Uỷ nhiệm chi để chuyển tiền từ tài khoản trên của Công ty K2 đến tài khoản các Công ty phát hành hoá đơn (số tài khoản do bên bán hoá dơn cung cấp). Sau khi nhận được tiền, bên bán hoá đơn sẽ giữ lại số tiền chi phí mua hoá đơn là 5% và trả số tiền còn lại cho M (đưa tiền mặt). Để mua 40 hóa đơn nêu trên, M đã trả cho bên bán hoá đơn số tiền là 1.496.441.000 đồng (tương đương với 5% giá trị tiền hàng chưa bao gồm thuế GTGT) số tiền còn lại là 10.500.000 đồng chưa trả do không liên lạc được với bên bán hoá đơn.

Đối với 40 hoá đơn GTGT, Công ty K2 chỉ sử dụng **39 hóa đơn GTGT (** tự loại bỏ không sử dụng kê khai thuế 01 hóa đơn**)** với tổng doanh số ghi trên hóa đơn là **32.749.102.000đồng***(trong đó tiền hàng hóa dịch vụ là 29.780.820.000 đồng, tiền thuế GTGT là: 2.968.282.000 đồng)* đểkê khai thuế trong năm 2021, 2022 tại chi cục thuế T12. Đến ngày 21/8/2023, Công ty K2 đã loại bỏ và kê khai bổ sung điều chỉnh giảm đối với toàn bộ 39 hóa đơn nêu trên và đến nay Công ty K2 nộp khắc phục vào Ngân sách Nhà nước số tiền 359.927.674 đồng.

Ngày 09/4/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P có Quyết định trưng cầu giám định số 1565/QĐ- CSKT trưng cầu Cục thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm về pháp luật thuế đối với Công ty K2.

Tại Kết luận giám định ngày 10/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận:

"Với hành vi sử dụng không hợp pháp hoá đơn (hoá đơn khống) để kê khai làm tăng số tiền thuế được khấu trừ, làm giảm số tiền thuế phải nộp của Công ty K2 là hành vi trốn thuế theo quy định tại Khoản 4 Điều 143 Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019".

"Tại thời điểm giám định Công ty K2 đã kê khai bổ sung để điều chỉnh giảm toàn bộ số thuế GTGT đầu vào khấu trừ của 39 tờ hoá đơn sử dụng không hợp pháp và điều chỉnh giảm thuế GTGT đã khấu trừ số tiền là 2.968.282.000 đồng, đồng thời sau kê khai điều chỉnh bổ sung không phát sinh số thuế GTGT phải nộp ngân sách". Vì vậy không còn thiệt hại về thuế.

Do đó, Bùi Thị M có hành vi mua bán trái phép 39 hóa đơn GTGT của Nguyễn Minh T.

Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, danh tính, làm rõ hành vi của cá nhân bán hóa đơn GTGT sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.

77. Hồ Bá T1- Sinh năm 1983; Nơi thường trú: 67/21 tổ H, KP3, T, Quận A, TP H; Chức vụ: Giám đốc Công ty Cổ phần T15 (viết tắt là Công ty T15); Là người đại diện theo pháp luật.

78. Lê Văn Q- Sinh năm 1983; Nơi thường trú: 42/11, tổ F, KP T, B, D, tỉnh B; là kế toán của công ty T15.

Công ty T15 hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0310780254 do Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố H cấp ngày 16/04/2011, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 26/07/2022 Trụ sở: 67/21 Đường T, Khu phố C, Phường T, Quận A, Thành phố H.

Năm 2021, Công ty T15 có sửa chữa, mua vật tư thay thế cho các phương tiện và thuê xe vận chuyển của một số cửa hàng, cá nhân khác, ở nhiều địa chỉ khác nhau nên không xác định được danh tính. Công ty đã thanh toán tiền hàng và tiền thuế cho những người này nhưng sau đó vì các cá nhân không phát hành được hóa đơn, nên để có hóa đơn GTGT chứng minh nguồn gốc hàng hóa, dịch vụ mua vào, Q đã báo cáo và tư vấn cho T1 tìm nguồn hóa đơn khác để hợp thức, T1 đồng ý và chỉ đạo Q liên hệ với người đàn ông tên "N" (đến nay chưa xác định được danh tính) để mua 39 hóa đơn của 06 công ty, gồm: Công ty TNHH T16; Công ty TNHH T13; Công ty TNHH Đ6; Công ty TNHH X; Công ty TNHH Đ7; Công ty TNHH T17 (những Công ty này do Nguyễn Minh T sử dụng để bán hóa đơn) với tổng doanh số là 10.176.512.786đ (trong đó tiền hàng

là 9.251.375.260đ, tiền thuế là 925.137.526đ).
Theo thoả thuận, Q và T1 phải trả cho người bán hóa đơn số tiền tương đương từ 5,5% giá trị tiền hàng ghi trên hoá đơn, theo nhận thức của T1 và Q thì số tiền này là tiền thuế GTGT người bán hóa đơn sẽ nộp ngân sách Nhà nước.
Để hợp thức thủ tục thanh toán qua ngân hàng cho các hoá đơn thì bên bán hóa đơn sẽ chuyển khoản số tiền tương đương với 94,5% giá trị hóa đơn đến tài khoản cá nhân của Q số 101866910336 mở tại ngân hàng V2 hoặc hẹn Q đến phòng giao dịch của ngân hàng để đưa tiền mặt cho Q nộp vào tài khoản số 113000074027 của Công ty T15 mở tại Ngân hàng V2. Trước khi chuyển số tiền này đến công ty bán hóa đơn thì Công ty T15 phải bù thêm 5,5% (đây là tiền mua hóa đơn phải trả) rồi Q thực hiện lập các ủy nhiệm chi và lập sẵn các lệnh chuyển tiền bằng hình thức Internet Banking, báo cáo T1 ký duyệt chuyển tiền tài khoản của công ty bán hóa đơn. Để mua 29 hóa đơn, T1 và Q đã trả cho người bán tổng số tiền là 508.825.639đ (tương đương với 5,5%). Việc mua hóa đơn bất hợp pháp cho Công ty T15 sử dụng đều do T1 và Q thực hiện, các cổ đông góp vốn của Công ty T15 không biết.
Sau khi mua 39 hóa đơn GTGT nêu trên, đã được Công ty T15 kê khai thuế GTGT đầu vào với Khu vực Quận A - Huyện H, TP H. Tháng 01 năm 2024, Công ty T15 đã kê khai bổ sung, điều chỉnh giảm thuế GTGT được khấu trừ đối với 39 hoá đơn trên.
Ngày 10/04/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P có Quyết định trưng cầu giám định số 1551/QĐ-CSKT trưng cầu Cục thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm về pháp luật thuế đối với Công ty T15.
Tại Kết luận giám định ngày 10/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận:
"Việc Công ty Cổ phần T15 sử dụng 34 hóa đơn không hợp pháp để hạch toán hàng hóa, nguyên liệu đầu vào trong hoạt động phát sinh nghĩa vụ thuế làm tăng số tiền thuế được khấu trừ là hành vi trốn thuế".
"Công ty Cổ phần T15 đã kê khai điều chỉnh giảm thuế số thuế GTGT khấu trừ đối với toàn bộ 39 số hóa đơn không hợp pháp nêu trên dẫn đến tăng số thuế GTGT phát sinh phải nộp là 925.137.526đ. đến thời điểm giám định Công ty Cổ phần T15 đã nộp hết số thuế GTGT phát sinh phải nộp vào ngân sách nhà nước". Vì vậy không còn thiệt hại về thuế.
Do đó, Hồ Bá T1 và Lê Văn Q có hành vi Mua bán trái phép 39 hoá đơn GTGT của Nguyễn Minh T.
Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, làm rõ hành vi của đối tượng "Nghĩa" sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.
79. Nguyễn Thị Thu N1- Sinh năm 1964; Địa chỉ thường trú: Số H, tổ B, khu phố G, phường T, TP B, Đ; Chức vụ: Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc Công ty TNHH Đ8 (viết tắt là Công ty Đ8); Là người đại diện theo pháp luật; Ngành nghề kinh doanh: dịch vụ vận tải.
Công ty Đ8 hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên. Mã số doanh nghiệp: 3603827797; Đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 20/10/2021; Đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 02/6/2023. Địa chỉ trụ sở chính: Số H, tổ B, khu phố G, phường T, TP B, Đ.

Trong năm 2022, Công ty Đ8 thuê xe của các cá nhân ở nhiều địa phương khác nhau. Do các cá nhân có xe mà N1 thuê không có hóa đơn chứng từ xuất cho Công ty để làm chứng từ kê khai hạch toán cho các chi phí. Sau đó để có hóa đơn hợp thức nguồn gốc hàng hóa, dịch vụ mua vào cho Công ty Đ8, N1 đã liên hệ với người đàn ông tên "Trần L" (hiện chưa xác định được nhân thân lai lịch) để mua **38** hóa đơn GTGT khống của Công ty TNHH T18 với tổng doanh số 11.889.608.246 đồng (trong đó tiền hàng 11.008.896.525 đồng, tiền thuế 880.711.721 đồng). Công ty này do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT thông qua các trung gian (F1).

Theo thỏa thuận, N1 phải trả cho "Trần Lợi" số tiền tương đương 4% giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn và theo nhận thức của N1, số tiền này là tiền thuế GTGT "Trần Lợi" sẽ nộp ngân sách Nhà nước.

Về việc thanh toán hợp thức: Theo thỏa thuận với L để thanh toán hợp thức các tờ hóa đơn GTGT thì sẽ dùng tiền bên bán hóa đơn để đảo, chuyển khoản qua ngân hàng. Lần giao dịch đầu tiên Nga đến gặp trực tiếp cá nhân tên L tại chi nhánh ngân hàng (Ngân hàng V3 – P1) để thanh toán hợp thức cho số lượng hóa đơn khống đã mua và thanh toán tiền mua hóa đơn. Tại chi nhánh Ngân hàng, L thực hiện chuyển khoản nộp tiền vào tài khoản của Công ty Đ8 sau đó N1 làm giấy ủy nhiệm chi thanh toán từ Công ty Đ8 đến tài khoản công ty xuất hóa đơn. Số tiền mua hóa đơn N1 đã thanh toán là 403.116.210 đồng.

Toàn bộ 36 hoá đơn GTGT đã được Công ty Đ8 kê khai thuế trong năm 2022 tại Chi cục thuế T19 - tỉnh Đ. Tháng 7/2022 và tháng 05/2023, Công ty Đ8 đã kê khai điều chỉnh bổ sung, loại bỏ 38 hóa đơn nêu trên.

Ngày 09/4/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P có Quyết định trưng cầu giám định số 1546 /QĐ- CSKT trưng cầu Cục thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm về pháp luật thuế đối với Công ty Đ8.

Tại Kết luận giám định ngày 09/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận:

"Việc Công ty Đ8 sử dụng không hợp pháp hóa đơn để hạch toán hàng hóa, nguyên liệu mua vào trong hoạt động phát sinh nghĩa vụ thuế làm tăng số tiền thuế được khấu trừ, làm giảm số tiền thuế phải nộp là hành vi trốn thuế".

"Công ty Đ8 đã kê khai điều chỉnh giảm thuế GTGT khấu trừ đối với 38 số hóa đơn sử dụng không hợp pháp nêu trên dẫn đến số thuế GTGT phải nộp trong kỳ là 727.866.355 đồng, giảm số thuế GTGT khấu trừ trong kỳ số tiền là 152.845.366 đồng". Vì vậy không còn thiệt hại về thuế. Sau khi kê khai điều chỉnh, Công ty Đ8 chưa nộp khắc phục khoản tiền thuế vào ngân sách Nhà nước.

Do đó, Nguyễn Thị Thu N1 có hành vi mua trái phép 38 hóa đơn GTGT của Nguyễn Minh T.

Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, xác định danh tính, làm rõ hành vi của cá nhân "Trần Lợi" sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.

80. Nguyễn Thị V- Sinh năm 1983, Địa chỉ thường trú: 16.06 Chung cư H, phường T, quận A, H. Chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH Y (viết tắt là Công ty Y); Là người đại diện theo pháp luật.

Công ty Y được Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh B cấp giấy chứng nhận đăng ký

Doanh nghiệp Công ty TNHH một thành viên, mã số: 3702854914, đăng ký lần đầu ngày 26/2/2020, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 16/11/2021; Địa chỉ trụ sở: Thửa đất số 71, tờ bản đồ số 71, đường T, khu phố T, phường A, TP T, B.

Năm 2021, 2022, Công ty Y mua hàng hóa là các loại hóa chất và thuê gia công đế giầy của các cá nhân trên địa bàn TP T để phục vụ sản xuất kinh doanh. Do các cá nhân mà Công ty Y mua hàng không xuất được hóa đơn GTGT để Công ty kê khai hàng hóa dịch vụ mua vào nên V liên hệ với người phụ nữ tên là "L1" (hiện chưa xác định được nhân thân lai lịch) để mua **38** hóa đơn GTGT khống của 05 Công ty gồm Công ty TNHH C3; Công ty TNHH Đ7; Công ty TNHH T20; Công ty TNHH T21; Công ty TNHH X1 với tổng doanh số là 14.285.794.107 đồng (trong đó: tiền hàng là 12.987.085.551 đồng, tiền thuế là 1.298.708.556 đồng). 05 Công ty này do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT thông qua các trung gian (F1) có "Mã khách hàng" là "chi.thi".

Theo thỏa thuận, V phải trả cho "Lan" số tiền tương đương 5% giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn và theo nhận thức của V, số tiền này là tiền thuế GTGT "Lan" sẽ nộp ngân sách Nhà nước.

Theo thỏa thuận với L1 do tài khoản Công ty Y không có đủ tiền nên sẽ mượn tiền của các cá nhân bán hóa đơn để hợp thức thanh toán chuyển khoản qua ngân hàng. V đến gặp trực tiếp L1 tại 01 chi nhánh ngân hàng (Ngân hàng V4 - CN T) để thanh toán hợp thức cho số lượng hóa đơn khống đã mua và thanh toán tiền mua hóa đơn. Tại Ngân hàng L2 sẽ đưa tiền mặt cho V thực hiện nộp tiền vào tài khoản của Công ty Y, số tiền đưa V sẽ thiếu số tiền tương ứng 5% tiền hóa đơn V phải chi phí và V phải bù khoản tiền 5% này để chuyển đủ số tiền doanh số ghi trên hóa đơn. Sau đó V sử dụng ủy nhiệm chi để thực hiện thanh toán từ tài khoản Công ty Y đến các Công ty bán hóa đơn và các Công ty này sẽ giữ lại tiền. Có một số lần thì L1 chuyển khoản vào tài khoản cá nhân của V (mở tại Ngân hàng V4, số tài khoản 0381000463668) và V sau đó cũng thực hiện như nêu trên. Số tiền mua hóa đơn phải thanh toán là 649.354.278 đồng.

Toàn bộ 38 hoá đơn GTGT đã được Công ty Y kê khai thuế trong năm 2021, năm 2022 tại chi cục thuế T12. Đến tháng 6/2023, Công ty Y đã kê khai điều chỉnh bổ sung, loại bỏ 38 hóa đơn nêu trên.

Ngày 09/4/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P có Quyết định trưng cầu giám định số 1522/QĐ- CSKT trưng cầu Cục thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm về pháp luật thuế đối với Công ty Y.

Tại Kết luận giám định ngày 09/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận:

"Việc Công ty Y sử dụng không hợp pháp 38 hóa đơn để hạch toán hàng hóa, nguyên liệu đầu vào trong hoạt động phát sinh nghĩa vụ thuế làm giảm số tiền thuế phải nộp và làm tăng số tiền thuế được khấu trừ là hành vi trốn thuế".

"Công ty Y đã thực hiện kê khai bổ sung, điều chỉnh giảm thuế GTGT của 38 hóa đơn nêu trên dẫn đến làm giảm số thuế GTGT phải nộp là 1.020.726.066 đồng, giảm số thuế GTGT được khấu trừ 277.946.490 đồng". Vì vậy không còn thiệt hại về thuế. Sau khi kê khai điều chỉnh, Công ty Y đã khắc phục nộp đủ số tiền thuế GTGTvào ngân sách Nhà nước.

Do đó, Nguyễn Thị V có hành vi mua bán trái phép 38 hóa đơn GTGT của Nguyễn Minh T.
Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, xác định danh tính, làm rõ hành vi của cá nhân "Lan" sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.
81. Lê Thị H1- Sinh năm 1984, HKTT: A, T, B; Chức vụ: Quản lý điều hành Công ty TNHH X2 (viết tắt là Công ty X2); Ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh động cơ, thiết bị máy móc.
Công ty X2 được Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh B cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3702473394, đăng ký lần đầu ngày 15/6/2016, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 13/3/2023; Địa chỉ trụ sở chính: Thửa đất số 472, tờ bản đồ số 9, tổ B, khu phố Đ, p. T, D, B. Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Chí C - Giám đốc. Thực tế, mọi hoạt động kinh doanh của Công ty X2 đều do Hội (chị gái ông C) điều hành.
Năm 2021, 2022, Công ty X2 mua hàng hóa là động cơ, máy móc (đã qua sử dụng) của nhiều cá nhân, đơn vị khác nhau; tuy nhiên, khi thanh toán tiền, các cá nhân, cửa hàng này lại không xuất được hóa đơn GTGT dẫn đến Công ty thiếu hóa đơn đầu vào để kê khai thuế đối với số hàng hóa đã mua. Do vậy, Hội đã liên lạc với một người phụ nữ tên "T2" (hiện chưa xác định được nhân thân lai lịch) và mua 38 hóa đơn GTGT của 03 Công ty: Công ty TNHH S3 (32 hóa đơn); Công ty TNHH Đ9 (03 hóa đơn); Công ty TNHH T22 (03 hóa đơn) với tổng doanh số hóa đơn là 12.037.119.101 đồng, trong đó giá trị hàng trước thuế là 11.036.954.580 đồng, tiền thuế VAT là 1.000.164.521 đồng. 03 Công ty này do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT thông qua trung gian (F1) có "Mã khách hàng" là "LOC", "PHUC".
Hội trả cho "T2" đơn số tiền bằng 7% giá trị tiền hàng ghi trên hoá đơn và theo nhận thức của Hội, số tiền này là tiền thuế GTGT "Thúy" sẽ nộp ngân sách Nhà nước.
Để hợp thức tiền trên tài khoản: Khi cần thanh toán, T2 sẽ mang tiền mặt (bằng đúng số tiền ghi trên hóa đơn) rồi cùng nhân viên của Công ty X2 ra ngân hàng. Tại ngân hàng, T2 đưa tiền để cho nhân viên Công ty X2 nộp tiền vào tài khoản Công ty, đồng thời, T2 dùng Ủy nhiệm chi (do ông C ký sẵn từ trước) để chuyển khoản vào tài khoản Công ty bán hóa đơn. Chi phí mua hóa đơn Công ty X2 đã phải thanh toán là 772.586.821 đồng, số tiền mua hóa đơn này được Hội thanh toán bằng tiền mặt cho T2 thông qua nhân viên ra ngân hàng thực hiện chuyển khoản hợp thức.
Sau khi mua 38 hóa đơn nêu trên, H1 đã sử dụng toàn bộ 38 hóa đơn để kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty X2 tại chi cục thuế T12, B. Hội đã kê khai bổ sung điều chỉnh giảm 38 hóa đơn trên.
Ngày 11/4/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P đã có Quyết định trưng cầu giám định số 1617/CQĐT(PC03) trưng cầu Cục thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm về pháp luật thuế đối với Công ty X2.
Tại Kết luận giám định ngày 10/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận:
"*Việc Công ty X2 sử dụng không hợp pháp hóa đơn (hóa đơn khống) để kê khai khấu trừ thuế GTGT làm giảm số thuế GTGT phải nộp, tăng số thuế được khấu*

trừ là hành vi trốn thuế theo quy định tại Khoản 4 Điều 143 Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019".
"Công ty X2 đã kê khai bổ sung điều chỉnh giảm số tiền thuế GTGT khấu trừ đối với 38 hóa đơn sử dụng không hợp pháp đã kê khai; đồng thời xác định tăng thuế GTGT phát sinh phải nộp tương ứng và giảm thuế GTGT còn được khấu trừ chuyển kỳ sau sau khi điều chỉnh hóa đơn không hợp pháp". Vì vậy không còn thiệt hại về thuế.
Do đó, Lê Thị H1 có hành vi mua bán trái phép 38 hóa đơn GTGT của Nguyễn Minh T.
Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, xác định danh tính, làm rõ hành vi của cá nhân "Thúy" sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.
82. Nghiêm Phạm Anh T3- Sinh năm 1980; Địa chỉ thường trú: A11 khu T, C L, phường A, quận A, thành phố H. Chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH T23 (viết tắt là Công ty T23); Là người đại diện theo pháp luật.
83. Nguyễn Xuân H2- Sinh năm 1985; Nơi thường trú: 4 T, phường A, TP T, B; Chức vụ: Giám đốc tài chính Công ty T23.
Công ty T23hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên. Mã số doanh nghiệp: 0304924490; Đăng ký lần đầu ngày 16/4/2007; Đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 23/11/2022. Địa chỉ trụ sở chính: A11 khu T, C L, phường A, quận A, thành phố H.
Trong năm 2022, quá trình hoạt động Công ty T23 mua các vật tư cát, đá, xi măng, sắt thép…. Nhưng do các đơn vị, cá nhân bán hàng không xuất được hóa đơn GTGT để làm chứng từ hạch toán cho các chi phí đã thanh toán, nên H2 đã báo cáo T3 việc mua hóa đơn GTGT khống để hợp thức chứng từ và được T3 đồng ý. Sau đó H2 đã thông qua cá nhân tên "T3" (hiện chưa xác định được nhân thân lai lịch) để mua tổng số **37** hóa đơn GTGT khống của 06 Công ty gồm Công ty TNHH T24; Công ty TNHH B2; Công ty TNHH Đ10; Công ty TNHH T14; Công ty TNHH T25; Công ty TNHH T26 tổng doanh số 13.653.794.466 đồng (trong đó tiền hàng 12.508.030.381 đồng, tiền thuế 1.145.764.085 đồng). 06 Công ty này do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT thông qua các trung gian (F1) có "Mã khách hàng" là "minh.quoc", "khang.gia", "a.tien", "thanh.thuan", "LE.DUY","may".
Theo thỏa thuận, T3 và H2 phải trả cho "T3" số tiền tương đương 4% giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn và theo nhận thức của T3 và H2, số tiền này là tiền thuế GTGT "Tuấn" sẽ nộp ngân sách Nhà nước.
Về việc thanh toán hợp thức và thanh toán tiền mua hóa đơn như sau: Do tài khoản Công ty T23 không có đủ tiền nên H2 trao đổi mượn tiền của T3 để hợp thức thanh toán qua ngân hàng. Theo thỏa thuận thì T3 sẽ chuyển tiền vào tài khoản của Cao Thị H3 (vợ ông T3), tài khoản của H3 mở tại Ngân hàng V4 - CN TP H, số tài khoản 2903886868 do H2 cung cấp và được sự đồng ý của T3. Sau khi tiền chuyển vào tài khoản thì H2 báo cho H3 chuyển tiếp nộp các khoản tiền này vào tài khoản Công ty T23 (mở tại Ngân hàng V4 – CN T, số tài khoản 0071004238766), đồng thời H2 làm các ủy nhiệm chi để T3 ký thực hiện thanh toán từ tài khoản Công ty T23 đến các tài khoản của các Công ty xuất hóa đơn

để thanh toán hợp thức cho số lượng hóa đơn khống đã mua, do các khoản tiền là mượn để hợp thức nên các Công ty sẽ giữ lại. Bà Cao Thị H3 chuyển tiền theo chỉ đạo của T3, không viết việc T3 và H2 mua trái phép hóa đơn. Số tiền mua hóa đơn H2 thanh toán bằng tiền mặt cho T3 là 500.321.000 đồng.

Toàn bộ 37 hoá đơn GTGT đã được Công ty T23 kê khai thuế trong năm 2022 tại chi cục thuế quận A1 - TP H. Đến tháng 7/2023, Công ty T23 đã kê khai điều chỉnh bổ sung, loại bỏ 37 hóa đơn nêu trên.

Ngày 09/4/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P có Quyết định trưng cầu giám định số 1519/QĐ- CSKT trưng cầu Cục thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm về pháp luật thuế đối với Công ty T23.

Tại Kết luận giám định ngày 10/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận:

"Việc Công ty T23 sử dụng không hợp pháp hóa đơn (hóa đơn khống) để kê khai khấu trừ thuế GTGT phải nộp, tăng số thuế GTGT được khấu trừ là hành vi trốn thuế".

"Công ty T23 đã kê khai bổ sung điều chỉnh giảm thuế GTGT đã khấu trừ đối với các hóa đơn sử dụng không hợp pháp đã kê khai; điều chỉnh các sai sót khác, đồng thời đã xác định giảm thuế GTGT còn được khấu trừ chuyển kỳ sau sau khi điều chỉnh". Vì vậy không còn thiệt hại về thuế. Công ty T23điều chỉnh bổ sung tờ khai thuế GTGT điều chỉnh giảm số thuế hóa đơn không hợp pháp nhưng doanh nghiệp vẫn còn thuế được khấu trừ do đó không phát sinh thuế GTGT phải nộp.

Do đó, Nghiêm Phạm Anh T3 và Nguyễn Xuân H2 có hành vi mua bán trái phép 37 hóa đơn GTGT của Nguyễn Minh T.

Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, xác định danh tính, làm rõ hành vi của cá nhân "T3" sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.

84. Nguyễn Minh C1- Sinh năm 1981 - HKTT: phường A, thành phố T, Thành phố H; Chức vụ: Giám đốc Công ty CP T27 (viết tắt là Công ty T27); Là người đại diện theo pháp luật; Ngành nghề kinh doanh chính: Vận tải và kinh doanh vật liệu xây dựng.

85. Bùi Văn T4- Sinh năm 1982; HKTT: Cư Xá, Đ, KP D, phường A, TP .; chức vụ: Kế toán công ty T27.

Công ty CP T27 hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0316306763 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố H cấp ngày 02/6/2020; Địa chỉ trụ sở chính: 67 M, phường A, thành phố T, thành phố H.

Trong năm 2021, 2022, Công ty T27 đã mua cát sỏi, thuê xe vận tải của các cá nhân và cơ sở kinh doanh nhỏ lẻ, nhưng bên bán hàng không xuất được hóa đơn GTGT cho Công ty để kê khai thuế. Để chứng minh nguồn gốc hàng hóa đã mua, C1 đã chỉ đạo T4 liên hệ với cá nhân tên tên "D1" (chưa xác định được danh tính) để mua 36 hóa đơn GTGT của 05 Công ty gồm: Công ty TNHH T28 (05 hóa đơn); Công ty TNHH X (04 hóa đơn); Công ty TNHH D3 (04 hóa đơn); Công ty TNHH Đ10 (15 hóa đơn); Công ty TNHH V5 với tổng doanh số là: ***72.126.956.909 đồng****(Tiền hàng là:* ***65.597.873.842 đồng****; tiền thuế GTGT là:* ***6.629.083.067 đồng)***. 05 Công ty này do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT thông qua các trung gian có "Mã khách hàng" là **"Lê D1"**.

Theo thỏa thuận, Công ty T27 phải trả cho "D1" số tiền tương đương 6.5% giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn và theo nhận thức của C1 và T4, số tiền này là tiền thuế GTGT "Duy" sẽ nộp ngân sách Nhà nước.
Để hợp thức hóa đơn, D1 chuyển tiền vào tài khoản của Công ty T27, sau đó Công ty chuyển tiền đến tài khoản của Công ty bán hóa đơn hoặc sử dụng tiền sẵn có trong tài khoản của Công ty để chuyển tiền đến tài khoản của Công ty bán hóa đơn, sau đó D1 cho người mang tiền mặt đến trả lại cho Công ty T27. Số tiền D1 cho Công ty M2 để hợp thức thường nhỏ hơn doanh số hóa đơn nên Công ty bù tiền vào để thanh toán hợp thức. Số tiền Công ty bù vào, D1 giữ lại và tính là tiền mua hóa đơn GTGT. Để mua 36 hóa đơn khống, Công ty CP T27 đã trả số tiền ***4.263.861.799 đồng*** (tương đương 6.5% giá trị tiền hàng).
Sau khi mua 36 hóa đơn nêu trên, C1 đã chỉ đạo T4 sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty T27 tại Chi cục thuế thành phố T, Thành phố H. Tuy nhiên vào tháng 7/2023, C1 kê khai bổ sung, loại toàn bộ 36 hóa đơn nêu trên ra khỏi hóa đơn đầu vào của Công ty.
Ngày 12/4/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P đã có Quyết định trưng cầu giám định số 1636/CQĐT(PC03) trưng cầu Cục thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm về pháp luật thuế đối với Công ty T27.
Tại Kết luận giám định ngày 10/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận:
"Hành vi của Công ty CP T27 là hành vi trốn thuế theo quy định tại khoản 4 Điều 143 Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14".
"Công ty Cổ phần T27 đã kê khai điều chỉnh giảm số thuế GTGT khấu trừ đối với toàn bộ 36 số hóa đơn sử dụng không hợp pháp nêu trên, dẫn đến tăng số thuế GTGT phát sinh phải nộp tương ứng số tiền 702.523.150 đồng, tại thời điểm giám định doanh nghiệp đã nộp số thuế GTGT vào ngân sách Nhà nước là 702.523.150 đồng". Vì vậy không còn thiệt hại về thuế.
Do đó, Nguyễn Minh C1 và Bùi Văn T4 đã có hành vi mua bán trái phép 36 hóa đơn GTGT.
Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, xác định danh tính, làm rõ hành vi của cá nhân "D1" sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.
86. Trần Thị H4- Sinh năm 1997; Nơi thường trú: A19,12B, chung cư E, phường L, TP T, B; Chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH M3 (viết tắt là Công ty M3), địa chỉ A, chung cư E, phường L, TP T, B; Là người đại diện theo pháp luật; Ngành nghề kinh doanh: Buôn bán máy công nghiệp các loại.
Công ty M3 có Địa chỉ trụ sở chính: đường D, khu phố E, phường Đ, TP T, B.
Trong năm 2021 và 2022, Công ty M3 mua một số hàng hóa, vật liệu của các cá nhân, cửa hàng nhỏ lẻ ở nhiều địa chỉ khác nhau nên không xác định được danh tính, H4 đã thanh toán cả tiền hàng và tiền thuế cho người bán nhưng các cá nhân này đã không phát hành được hóa đơn. Để có hóa đơn GTGT chứng minh nguồn gốc hàng hóa mua vào, H4 đã liên hệ với một người đàn ông (đến nay chưa xác định được danh tính) để mua 34 hóa đơn của 08 công ty gồm: Công ty TNHH C3; Công ty TNHH K3; Công ty TNHH T17; Công ty TNHH C4; Công ty TNHH T16; Công ty TNHH T29; Công ty TNHH V6; Công ty TNHH V7 (08 Công ty đều do Nguyễn Minh T sử dụng để bán hóa đơn) với tổng doanh số

8.527.029.583đ (trong đó tiền hàng là 7.813.073.305đ, tiền thuế là 713.956.278đ).
Theo thoả thuận, H4 phải trả cho người bán hóa đơn số tiền tương đương từ 5% giá trị tiền hàng ghi trên hoá đơn và theo nhận thức của H4, số tiền này là tiền thuế GTGT người bán hóa đơn sẽ nộp NSNN.
Để hợp thức thủ tục thanh toán qua ngân hàng cho các hoá đơn, H4 đã sử dụng tiền của mình có trong tài khoản số khoản số 30547850001 và tài khoản số 65010005033911 của Công ty M3 mở tại mở tại Ngân hàng S4 và Ngân Hàng B1 để chuyển số tiền bằng doanh số hóa đơn đến tài khoản của công ty H7 (trước khi thực hiện lệnh chuyển tiền thì bên bán hóa đơn phải đưa số tiền mặt tương ứng với giá trị thanh toán cho H4, sau đó H4 mới thực hiện lệnh thanh toán chuyển tiền đến tài khoản công ty bán hóa đơn); Hoặc bên bán hóa đơn sẽ giao số tiền mặt tương ứng giá trị cần thanh toán hợp thức cho H4 để nộp vào tài khoản của Công ty M3 sau đó H4 thực hiện chuyển số tiền này đến tài khoản của công ty bán hóa đơn. Để mua được 34 hóa đơn, H4 đã trả cho người bán số tiền là 202.786.613đ (tương đương với 3%).
Sau khi mua 34 số hóa đơn GTGT nêu trên, H4 đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty T12 – B. Tính đến ngày 30/9/2023, Công ty M3 đã kê khai bổ sung, điều chỉnh giảm thuế GTGT được khấu trừ đối với 34 hoá đơn trên.
Ngày 10/04/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P có Quyết định trưng cầu giám định số 1539/QĐ- CSKT trưng cầu Cục thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm về pháp luật thuế đối với Công ty M3.
Tại Kết luận giám định ngày 09/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận:
"Việc Công ty M3 sử dụng 34 hóa đơn không hợp pháp để hạch toán hàng hóa, nguyên liệu đầu vào trong hoạt động phát sinh nghĩa vụ thuế làm tăng số tiền thuế được khấu trừ là hành vi trốn thuế".
"Tại thời điểm giám định, Công ty M3 đã kê khai điều chỉnh giảm thuế số thuế GTGT khấu trừ đối với toàn bộ 34 số hóa đơn không hợp pháp nêu trên dẫn đến tăng số thuế GTGT phải nộp là 713.956.278đ". Sau khi kê khai, bổ sung Công ty M3 đã nộp lại toàn bộ số tiền thuế vào Ngân sách Nhà nước, vì vậy không còn thiệt hại về thuế.
Do đó, Trần Thị H4 có hành vi Mua bán trái phép 34 hoá đơn GTGT của Nguyễn Minh T.
Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, làm rõ hành vi của đối tượng bán hóa đơn trái phép sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.
87. Lê Tân Quang D1- Sinh năm 1983; Địa chỉ thường trú: 362/25/36 P, quận G, TP H. Chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH Một Thành Viên T30 (viết tắt là Công ty T30); Là người đại diện theo pháp luật.
Công ty T30 hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên. Mã số doanh nghiệp: 1101555546; Đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 16/05/2012; Đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 18/7/2023. Địa chỉ trụ sở chính: Số A, Quốc Lộ A, Ấp D, xã M, huyện B, tỉnh Long An.

Trong năm 2021, Công ty T30 mua sắt, thép của một số cá nhân ở nhiều địa chỉ khác nhau nên không xác định được danh tính. Công ty đã thanh toán cả tiền hàng và tiền thuế cho người bán nhưng sau đó vì các cá nhân không phát hành được hóa đơn nên để có hóa đơn GTGT chứng minh nguồn gốc hàng hóa mua vào, D1 đã liên hệ với cá nhân tên ”Q” (chưa xác định được danh tính) để mua 33 hóa đơn GTGT của Công ty TNHH K4 với tổng doanh số ***56.843.815.021 đồng*** *(tiền hàng: 51.676.195.475 đồng, tiền thuế: 5.167.619.548 đồng).* Công ty này do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT thông qua các trung gian (F1).

Theo thỏa thuận, D1 phải trả cho cá nhân bán hóa đơn số tiền tương đương 3,2% giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn và theo nhận thức của D1, số tiền này là tiền thuế GTGT cá nhân này sẽ nộp ngân sách Nhà nước.

Để hợp thức thủ tục thanh toán cho việc mua bán hóa đơn nêu trên, D1 viết ủy nhiệm chi số tiền cần thanh toán, đơn vị phát hành hóa đơn GTGT khống sau đó ký, đóng dấu. Sau đó, ra ngân hàng S5Chi nhánh C5 - quận A gặp bên bán hóa đơn, bên bán hóa đơn cho mượn tiền mặt để D1 nộp vào tài khoản Công ty T30 (số tiền bên bán cho mượn ít hơn số tiền ghi trên ủy nhiệm chi đúng bằng số tiền bán hóa đơn GTGT khống như đã thỏa thuận là 3,2% số tiền ghi trên hóa đơn, chưa bao gồm VAT, đây chính là tiền mua hóa đơn Công ty T30 phải trả cho bên bán hóa đơn), sau đó Duy thực hiện thanh toán hợp thức bằng ủy nhiệm chi (đã viết và ký sẵn) sang tài khoản công ty phát hành hóa đơn đúng số tiền ghi trên ủy nhiệm chi (Số tiền 3,2% mua hóa đơn như đã thỏa thuận, Công ty T30 bù bằng tiền trên tài khoản của Công ty để thanh toán chuyển khoản hợp thức đủ số tiền theo ủy nhiệm chi). Để mua 33 hóa đơn khống, D1 đã trả số tiền là 1.653.000.000 đồng (tương đương 3,2% giá trị tiền hàng) cho cá nhân nêu trên bằng tiền mặt.

Sau khi mua 33 hóa đơn nêu trên, D1 đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty T30 tại Chi cục thuế khu vực huyện B, tỉnh Long An. Tháng 6/2023, D1 đã kê khai bổ sung điều chỉnh giảm 33/33 hóa đơn với tổng doanh số là***56.843.815.021 đồng*** *(tiền hàng: 51.676.195.475 đồng, tiền thuế: 5.167.619.548 đồng).*

Ngày 10/4/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P có Quyết định trưng cầu số 1593/CQĐT(PC03) trưng cầu Cục Thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm pháp luật về thuế đối với Công ty T30.

Tại Kết luận giám định ngày 10/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận: *“Công ty T30 có hành vi sử dụng hóa đơn không hợp pháp bị xử lý vi phạm theo quy định tại Nghị Định 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính Phủ về hành vi sử dụng không hợp pháp hóa đơn. Tại thời điểm giám định, doanh nghiệp đã kê khai điều chỉnh giảm số thuế GTGT khấu trừ đối với 33 hóa đơn sử dụng không hợp pháp đã kê khai khấu trừ thuế đồng thời đã xác định tăng thuế GTGT phát sinh phải nộp tương ứng (3.639.796.411 đồng) và giảm số thuế GTGT khấu trừ chuyển kỳ sau (1.527.823.136)”.* Vì vậy không còn thiệt hại về thuế.

Do đó, Lê Tân Quang D1 có hành vi mua bán trái phép 33 hoá đơn giá trị gia tăng của Nguyễn Minh T.

Lê Tân Quang D1 đã nộp số tiền 3.035.700.000 đồng, số tiền còn lại D1 phải tiếp tục nộp theo quy định của pháp luật.
Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, xác định danh tính, làm rõ hành vi của ”Q” sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.
88. Tô Văn H5- Sinh năm 1970; HKTT: tổ G, xã P, huyện P, tỉnh B. Chức vụ: Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty TNHH một thành viên T30 (viết tắt là Công ty T30); Là người đại diện theo pháp luật; Ngành nghề kinh doanh chính: Chế biến gỗ, gia công nhựa và buôn bán vật liệu xây dựng.
Công ty T30 hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T30: 3701540753, đăng ký lần đầu ngày 26/06/2009; Địa chỉ trụ sở chính: 117/2 đường Đ, tổ G, xã P, huyện P, tỉnh B.
Trong năm 2021, 2022, công ty T30 mua hàng hóa của các cá nhân và cơ sở kinh doanh nhỏ lẻ để phục vụ sản xuất (đến nay H5 không xác định được danh tính). H5 đã thanh toán tiền hàng bao gồm cả tiền thuế GTGT nhưng sau khi nhận hàng, bên bán không xuất hóa đơn GTGT cho Công ty để kê khai thuế. Để chứng minh nguồn gốc hàng hóa đã mua, H5 đã liên hệ với cá nhân tên “Toàn” (chưa xác định được danh tính) để mua tổng số 33 hóa đơn GTGT của 07 công ty gồm: Công ty Cổ phần S6 (01 hóa đơn); Công ty Cổ phần S7 (01 hóa đơn); Công ty TNHH D4 (09 hóa đơn); Công ty TNHH N4 (07 hóa đơn); Công ty TNHH S8 (04 hóa đơn); Công ty TNHH T16 (02 hóa đơn); Công ty TNHH T10 (09 hóa đơn) với tổng doanh số: **15.245.754.198 đồng** *(trong đó: tiền hàng hóa:13.859.776.543đồng; tiền thuế GTGT:1.385.977.655 đồng)*. 06 Công ty này do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT thông qua các trung gian (F1) có “Mã khách hàng” là **“TAN.TÔ PHẤN”, “le.duy”**.
Theo thỏa thuận, H5 phải trả cho người bán hóa đơn số tiền tương đương 4% giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn và theo nhận thức của H5 số tiền này là tiền thuế GTGT mà “Toàn” sẽ nộp ngân sách nhà nước.
Để hợp thức hóa đơn, H5 ký sẵn các ủy nhiệm chi để trống nội dung sau đó đưa cho “Toàn” thực hiện việc chuyển khoản hợp thức hóa đơn. Sau đó có giao dịch nộp tiền mặt vào tài khoản số 65010001971578 mở tại Ngân hàng B1 của Công ty T30 và thực hiện ủy nhiệm chi chuyển tiền đến tài khoản của các công ty bán hóa đơn số tiền bằng với doanh số trên hóa đơn cần chuyển khoản hợp thức. Để mua 33 hóa đơn khống H5 đã trả cho người bán hóa đơn tổng số tiền là 76.041.641 đồng (bằng 4% giá trị hàng hóa trên 04 hóa đơn đã chuyển khoản hợp thức), số tiền này H5 đưa tiền mặt cho người bán hóa đơn sau khi thanh toán hợp thức hóa đơn.
Sau khi mua 33 hóa đơn nêu trên, H5 đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của công ty T31, tỉnh B trong năm 2021, 2022. Đến nay, H5 đã kê khai bổ sung loại toàn bộ 33 hóa đơn nêu trên.
Ngày 03/4/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P có Quyết định trưng cầu giám định số 1438/CQĐT(PC03) trưng cầu Cục thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm về pháp luật thuế đối với Công ty T30.
Tại Kết luận giám định ngày 09/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận: *“Hành vi của Công ty TNHH một thành viên T30 là hành vi trốn thuế”*. *“Công ty TNHH một*

thành viên T30 đã kê khai điều chỉnh giảm số thuế GTGT khấu trừ đối với toàn bộ 33 số hóa đơn sử dụng không hợp pháp nêu trên, dẫn đến tăng thuế GTGT phát sinh phải nộp tương ứng số tiền 1.385.977.655 đồng". Vì vậy không còn thiệt hại về thuế.

Do đó, Tô Văn H5 có hành vi mua trái phép 33 hóa đơn GTGT của Nguyễn Minh T.

Tô Văn H5 phải tiếp tục nộp số tiền là *1.385.977.655* đồng theo quy định của pháp luật.

Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, làm rõ hành vi của đối tượng "Toàn" sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.

89. Hoàng Thanh S- Sinh năm 1983, HKTT: Tổ 2, KP H, P, B, Đ; Chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH S9 (viết tắt là Công ty S9); Là người đại diện theo pháp luật; Ngành nghề kinh doanh: kinh doanh bao bì.

Công ty S9 được Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viêT30, mã số: 3603719424, đăng ký lần đầu ngày 29/04/2020, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 15/3/2023; Địa chỉ trụ sở chính: Tổ B, KP H, P, B, Đ.

Trong năm 2021 và 2022, Công ty S9 mua hàng hóa là các loại bao bì, túi nhựa,... và sử dụng các dịch vụ ăn uống của các cá nhân, hộ kinh doanh nhỏ lẻ ở nhiều địa chỉ khác nhau nên không xác định được danh tính; công ty S9 đã thanh toán cả tiền hàng hóa, dịch vụ và tiền thuế cho bên bán hàng và cung cấp dịch vụ nhưng sau đó vì các đơn vị không thể phát hành được hóa đơn nên để có hóa đơn GTGT chứng minh nguồn gốc hàng hóa, dịch vụ mua vào, S đã liên hệ với cá nhân tên "D" (chưa xác định được nhân thân lai lịch) để mua **41** hóa đơn GTGT khống của 14 công ty gồm: Công ty TNHH D5nhà hàng K5 (06 hóa đơn); Công ty TNHH D6 và Nhà hàng khách sạn Những Người Bạn (04 hóa đơn); Công ty TNHH D7 và nhà hàng K6 (02 hóa đơn); Công ty TNHH Đ10 (01 hóa đơn); Công ty TNHH K7 (01 hóa đơn); Công ty TNHH S8 (07 hóa đơn); Công ty TNHH T15 (04 hóa đơn); Công ty TNHH S1 (06 hóa đơn); Công ty TNHH Đ10 (03 hóa đơn); Công ty TNHH T9 (02 hóa đơn); Công ty TNHH T32 (02 hóa đơn); Công ty TNHH T33 (01 hóa đơn); Công ty TNHH V6 (01 hóa đơn); Công ty TNHH V8 (01 hóa đơn) với tổng doanh số ghi trên hóa đơn là 10.193.291.650 đồng *(trong đó tiền hàng hóa dịch vụ là 9.327.477.500 đồng, tiền thuế GTGT là: 865.814.150đồng)*. 14 Công ty này do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT thông qua các trung gian (F1) có "Mã khách hàng" là "A tien", "Chi my", "Cuong pham" và "Lê D1".

Theo thỏa thuận, S phải trả cho "D" số tiền tương đương 6% giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn và theo nhận thức của S, số tiền này là tiền thuế GTGT "D" sẽ nộp ngân sách Nhà nước.

Để hợp thức cho các hóa đơn phải thanh toán qua ngân hàng, D sẽ hẹn S ra Ngân hàng để làm thủ tục thanh toán (thường D sẽ không đi trực tiếp mà cử người đi cùng S). Lúc này, người do D cử đi cùng S sẽ đưa tiền mặt hoặc chuyển tiền vào tài khoản của S (số tài khoản 104800786737 tại ngân hàng V9) hoặc chuyển trực tiếp tiền vào tài khoản Công ty S9 (số tài khoản 67210000974811

tại Ngân hàng B1) số tiền bằng với giá trị thanh toán ghi trên hóa đơn. Sau khi nhận được tiền, S sẽ sử dụng Ủy nhiệm chi để chuyển tiền từ tài khoản trên của Công ty S9 đến tài khoản các Công ty phát hành hóa đơn. Để mua 41 hóa đơn, S đã trả cho D số tiền là 543.946.650 đồng tương đương với 6% giá trị hàng hóa chưa bao gồm thuế GTGT.

Đối với **41** hoá đơn GTGT Công ty S9 chỉ sử dụng **32** tờ hóa đơn GTGT với tổng doanh số ghi trên hóa đơn là **7.750.084.650 đồng***(Trong đó, tiền hàng hóa là 7.065.552.500 đồng và tiền thuế GTGT là 684.532.150 đồng)* để kê khai thuế trong năm 2021, 2022 tại chi cục thuế khu vực T19 - V. Từ ngày 17/7/2023 đến ngày 17/6/2024, Công ty S9 đã loại bỏ và kê khai điều chỉnh giảm đối với 32 hóa đơn GTGT trên và đến ngày 18/6/2024 Công ty đã nộp khắc phục vào Ngân sách Nhà nước tổng số tiền là 1.203.736.061 đồng.

Ngày 09/4/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P có Quyết định trưng cầu giám định số 1567/QĐ- CSKT trưng cầu Cục thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm về pháp luật thuế đối với Công ty S9.

Tại Kết luận giám định ngày 11/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận:

"Với hành vi sử dụng không hợp pháp hoá đơn (hoá đơn khống) để kê khai làm tăng số tiền thuế được khấu trừ, làm giảm số tiền thuế phải nộp của Công ty S9 là hành vi trốn thuế theo quy định tại Khoản 4 Điều 143 Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019".

"Tại thời điểm giám định Công ty S9 đã kê khai bổ sung để điều chỉnh giảm toàn bộ số thuế GTGT đầu vào khấu trừ của 32 tờ hoá đơn sử dụng không hợp pháp và đã khắc phục nộp đủ vào ngân sách số thuế GTGT phải nộp ngân sách tăng sau khi kê khai điều chỉnh bổ sung". Vì vậy không còn thiệt hại về thuế.

Do đó, Hoàng Thanh S có hành vi mua bán trái phép 32 hóa đơn GTGT của Nguyễn Minh T.

Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, xác định danh tính, làm rõ hành vi của cá nhân "D" sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.

90. Lê Quang V1- Sinh năm 1979; Trú tại: Số E Đường T, Khu Phố T, Phường Đ, Thành Phố D, Tỉnh B, Việt Nam; Chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH H8 (viết tắt là Công ty H8); Là người đại diện theo pháp luật; Ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh gỗ xẻ sấy, ván ghép.

Công ty H8 hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3702530846 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh B cấp năm 16/01/2017, thay đổi lần thứ 1 ngày 10/03/2020. Địa chỉ trụ sở: Số E, đường T, khu Phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh B, Việt Nam.

Năm 2021, 2022, Công ty H8 mua gỗ của nhiều cá nhân tại nhiều địa phương khác nhau. Tuy nhiên, khi thanh toán tiền hàng, các cá nhân bán hàng này không thể xuất được hóa đơn GTGT dẫn đến Công ty H8 thiếu đầu vào để kê khai với cơ quan thuế. Do vậy, V1 đã liên hệ với cá nhân tên "Ngân" (hiện chưa xác định được nhân thân lai lịch) để mua 31 hóa đơn GTGT của 04 Công ty: Công ty TNHH D8 (01 hóa đơn) với; Công ty TNHH D9 (03 hóa đơn) với; Công ty TNHH S2 và chế biến gỗ Việt P (09 hóa đơn) với; Công ty TNHH T34 (18 hóa đơn) với tổng doanh số hóa đơn là 12.630.682.299 đồng, trong đó tiền hàng hóa

dịch vụ trước thuế VAT là 11.568.173.010 đồng, tiền thuế là 1.062.509.289 đồng. 04 Công ty này do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT thông qua trung gian (F1) có "Mã khách hàng" là "cuongpham".

Theo thỏa thuận, V1 trả cho "N2" đơn số tiền bằng 3% giá trị tiền hàng ghi trên hoá đơn và theo nhận thức của V1, số tiền này là tiền thuế GTGT "Ngân" sẽ nộp ngân sách Nhà nước.

Để hợp thức tiền trên tài khoản: Mỗi lần thanh toán, người của Công ty bán hóa đơn sẽ chuyển khoản số tiền cần thanh toán (đã trừ 3% phí mua hóa đơn) vào tài khoản cá nhân của V1, sau đó V1 nộp số tiền này vào tài khoản của Công ty. Sau đó, V1 bù thêm 3% phí mua hóa đơn và chuyển khoản thanh toán đến các tài khoản Công ty bán hóa đơn. Chi phí mua hóa đơn Công ty đã thanh toán là 347.045.190 đồng.

Sau khi mua 31 hóa đơn nêu trên, V1 đã sử dụng toàn bộ 31 hóa đơn để kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty H8 tại chi cục thuế T12, B. Quý I, V1 đã kê khai bổ sung loại bỏ 31 hóa đơn trên.

Ngày 11/4/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P đã có Quyết định trưng cầu giám định số 1616/CQĐT(PC03) trưng cầu Cục thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm về pháp luật thuế đối với Công ty H8. Tuy nhiên đến nay chưa có kết luận giám định.

Tại Kết luận giám định ngày 10/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận:

"*Đối với hành vi sử dụng không hợp pháp 31 hóa đơn GTGT của Công ty H8 để kê khai tăng số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ 1.017.050.669đ trong các kỳ kê khai thuế từ quý 2/2021 đến quý 2/2022, làm giảm số thuế phải nộp là hành vi trốn thuế theo quy định tại Khoản 4 Điều 143 Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019".*

"Công ty H8 đã thực hiện kê khai bổ sung, loại bỏ 31 hóa đơn trong kỳ kê khai thuế từ quý 2/2021 đến quý 2/2022; tương ứng số thuế GTGT đầu vào điều chỉnh giảm là 1.017.050.669đ; Sau khi điều chỉnh giảm, số thuế GTGT phát sinh phải nộp trong kỳ kê khai thuế là 815.350.504đ. Công ty H8 đã nộp khắc phục 120.000.000đ vào ngân sách, là khoản thuế phát sinh phải nộp sau điều chỉnh. Số tiền thuế GTGT Công ty H8 còn phải nộp NSNN là 695.350.504đ".

Do đó, Lê Quang V1 có hành vi mua trái phép 31 hóa đơn GTGT của Nguyễn Minh T.

Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, xác định danh tính, làm rõ hành vi của cá nhân "Ngân" sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.

91. Trần Doãn C2- Sinh năm 1979; Trú tại: A, khu phố B, phường A, TP D, tỉnh B; Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc Công ty TNHH C6 (viết tắt là Công ty C6); Là người đại diện theo pháp luật; Ngành nghề kinh doanh chính: thu gom giấy phế liệu.

Công ty C6 hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh nghiệp số: 3702751901 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh B cấp ngày 20/03/2019; đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày: 02/03/2020. Địa chỉ trụ sở: số A, khu phố T, phường T, TP D, tỉnh B.

Trong năm 2021, Công ty C6 đã mua hàng hóa và thuê phương tiện vận chuyển

của những cá nhân, hộ kinh doanh nhỏ lẻ để phục vụ kinh doanh (đến nay, C2 không xác định được danh tính). Theo thỏa thuận, C2 đã thanh toán tiền mua hàng hóa, dịch vụ đã bao gồm thuế GTGT nhưng sau khi nhận hàng hóa, dịch vụ, bên bán hàng hóa, dịch vụ không xuất được hóa đơn GTGT cho Công ty để kê khai thuế. Để chứng minh nguồn gốc hàng hóa, dịch vụ đã mua và sử dụng, C2 đã liên hệ với một cá nhân tên "Kim" (chưa xác định được nhân thân, lai lịch) để mua 31 hóa đơn GTGT của 06 Công ty gồm: Công ty TNHH Đ6 (02 hóa đơn); Công ty TNHH T35 (04 hóa đơn); Công ty TNHH T36 (07 hóa đơn); Công ty TNHH T17 (06 hóa đơn); Công ty TNHH X1 (06 hóa đơn); Công ty TNHH H9 (06 hóa đơn) cho Công ty C6 với tổng giá trị hóa đơn là 15.914.618.797 đồng (trong đó: tiền hàng hóa: 14.467.835.270 đồng; tiền thuế GTGT: 1.446.783.527 đồng). 06 Công ty này do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT.

Theo thỏa thuận, C2 phải trả cho bên bán hóa đơn số tiền tương đương 4% giá trị hàng hóa ghi trên hóa đơn và theo nhận thức của C2, số tiền này là tiền thuế GTGT "Kim" sẽ nộp ngân sách Nhà nước.

Để hợp thức thủ tục thanh toán qua ngân hàng cho các hóa đơn, "Kim" chuyển tiền vào tài khoản số 06061975 của C2 mở tại ngân hàng S5 rồi C2 chuyển tiền vào tài khoản Công ty C7 mở tại Ngân hàng S5. Sau đó, C2 làm ủy nhiệm chi chuyển tiền đến 06 Công ty bán hóa đơn nêu trên. Để mua 31 hóa đơn khống, C2 đã trả số tiền 578.713.410 đồng cho "Kim" bằng tiền mặt (tương đương 4% giá trị tiền hàng).

Sau khi mua 31 hóa đơn GTGT nêu trên, C2 đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty C6 tại Chi cục thuế T12, tỉnh B. Công ty C6 đã kê khai bổ sung, điều chỉnh giảm thuế GTGT được khấu trừ tại Chi cục thuế T12 đối với 31 hóa đơn trên.

Ngày 03/4/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P có Quyết định trưng cầu giám định số 1479/CQĐT(PC03) trưng cầu Cục thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm về pháp luật thuế đối với Công ty C6.

Tại Kết luận giám định ngày 09/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận:

"Với hành vi sử dụng không hợp pháp hóa đơn, hóa đơn khống để kê khai làm tăng số tiền thuế được khấu trừ thuế làm giảm số thuế phải nộp của Công ty C6 là hành vi trốn thuế".

"Công ty C6 đã kê khai bổ sung điều chỉnh giảm thuế GTGT khấu trừ đối với toàn bộ 31 hóa đơn sử dụng không hợp pháp nêu trên dẫn đến tăng số thuế GTGT phải nộp là: ***236.052.000 đồng;*** *giảmsố tiền thuế GTGT còn khấu trừ chuyển kỳ sau số tiền là:* ***1.210.731.527 đồng****".* Vì vậy không còn thiệt hại về thuế.

Do đó, Trần Doãn C2 có hành vi "Mua bán trái phép" 31 hoá đơn GTGT của Nguyễn Minh T.

Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, làm rõ hành vi của đối tượng "Kim" sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.

92. Hoàng Tiến D2- Sinh năm 1985; Nơi ở hiện tại: Căn hộ B khu B, Chung cư G, phường E, quận H, TP .; Chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH T37 (Là người

đại diện theo pháp luật); Ngành nghề kinh doanh: Nhập khẩu, kinh doanh máy nén khí.

Công ty TNHH T37 (Viết tắt là Công ty T37) hoạt động theo giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0314622121 do phòng Đăng ký kinh doanh Sở K cấp ngày 13/9/2017, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 27/4/2022. Trụ sở: C8, ấp D, xã B, h. B, TP ..

Trong năm 2021 và 2022, Công ty A2 mua một số hàng hóa của các cá nhân, cửa hàng nhỏ lẻ ở nhiều địa chỉ khác nhau (đến nay, D2 không xác định được danh tính). D2 đã thanh toán tiền mua vật tư, hàng hóa đã bao gồm thuế GTGT, nhưng sau khi nhận hàng, bên bán không phát hành được hóa đơn cho Công ty để kê khai thuế. Để chứng minh nguồn gốc hàng hóa đã mua, D2 đã liên hệ với cá nhân tên "V1", "T" (không xác định được danh tính cụ thể) để mua 31 hóa đơn GTGT của 06 Công ty gồm: Công ty TNHH Đ11 (06 hóa đơn); Công ty TNHH S10 (01 hóa đơn); Công ty TNHH T29 (01 hóa đơn); Công ty TNHH T38 (05 hóa đơn); Công ty TNHH T39 (16 hóa đơn) và Công ty TNHH X1 (02 hóa đơn) cho Công ty T37 với tổng giá trị hóa đơn là 6.223.484.392 đồng (tiền hàng là 5.684.400.602 đồng, tiền thuế là 539.083.790 đồng). 05 Công ty này đều do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT thông qua trung gian (F1) có "MÃ KHÁCH HÀNG" là "A T5" và "Hoi".

Theo thỏa thuận, D2 phải trả cho "V1" và "T" số tiền tương đương 2% giá trị hàng hóa ghi trên hóa đơn và theo nhận thức của D2, số tiền này là tiền thuế GTGT "V1", "T" sẽ nộp ngân sách Nhà nước. Để hợp thức thủ tục thanh toán qua ngân hàng cho các hóa đơn đã mua, "Vinh", "T" đưa tiền mặt cho D2 để D2 nộp tiền vào tài khoản số 0401001454840 mở tại ngân hàng V4 của Công ty T37, hoặc "V1", "T" chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản của Công ty T37. Sau đó D2 Ủy nhiệm chi chuyển tiền đến tài khoản của Công ty bán hóa đơn. Để mua 31 hóa đơn GTGT, D2 đã trả số tiền **113.000.000 đồng** cho "V1" và "T" bằng tiền mặt (tương đương với 2% giá trị tiền hàng chưa bao gồm thuế GTGT).

Sau khi mua 31 hóa đơn nêu trên, D2 đã sử dụng để kê khai thuế đầu vào của Công ty T37 tại Chi cục thuế huyện B. Tháng 7/2023, Công ty T37 đã kê khai bổ sung, điều chỉnh giảm thuế GTGT được khấu trừ tại Chi cục thuế huyện B đối với 31 hóa đơn trên.

Ngày 03/4/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P có Quyết định trưng cầu giám định số 1435/CQĐT(PC03) trưng cầu Cục thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm pháp luật thuế đối với Công ty T37.

Tại Kết luận giám định ngày 09/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận:

"Việc Công ty T37 sử dụng không hợp pháp 31 hóa đơn để hạch toán hàng hóa, nguyên liệu đầu vào trong hoạt động phát sinh nghĩa vụ thuế làm giảm số tiền thuế phải nộp và tăng số tiền thuế được khấu trừ là hành vi trốn thuế".

"Công ty T37 đã thực hiện kê khai bổ sung, điều chỉnh giảm thuế GTGT đầu vào được khấu trừ của 31 hóa đơn nêu trên dẫn đến làm tăng số thuế GTGT phải nộp 373.028.694 đồng, giảm số thuế GTGT được khấu trừ 166.055.096 đồng". Vì vậy không còn thiệt hại về thuế. Công ty T37 đã nộp lại toàn bộ số tiền thuế vào ngân sách Nhà nước sau khi thực hiện kê khai bổ sung.

Do đó, Hoàng Tiến D2 có hành vi "Mua bán trái phép" 31 hóa đơn GTGT của Nguyễn Minh T.
Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, làm rõ hành vi của đối tượng "V1" và "T" sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.
93. Phạm Văn T6- Sinh năm 1983, HKTT: Số A đường D, phường P, T, B; Chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH Q2 (LP) (viết tắt là Công ty Q2); Là người đại diện pháp luật; Ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh suất ăn công nghiệp.
Công ty Q2 được Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh B cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3702420466, đăng ký lần đầu ngày 07/12/2015; đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 29/01/2019; Địa chỉ trụ sở chính: Lô V – Ô 08, tờ bản đồ số C5 – KĐT mới, phường P, thành phố T, tỉnh B.
Năm 2021, 2022, để phục vụ hoạt động sản xuất, Công ty Q2 mua nguyên liệu sản xuất của nhiều cá nhân khác nhau trên địa bàn tỉnh B. Tuy nhiên, các cá nhân này lại không thể xuất được hóa đơn cho Công ty. Do vậy, T6 đã giao cho "Hậu" - kế toán dịch vụ của Công ty (hiện chưa xác định được nhân thân lai lịch) liên hệ mua 30 hóa đơn GTGT của 03 Công ty: Công ty TNHH T13 (25 hóa đơn), Công ty TNHH Ô (03 hóa đơn), Công ty TNHH T40 (02 hóa đơn) với tổng doanh số hóa đơn là 12.980.045.770 đồng, trong đó tiền hàng hóa dịch vụ trước thuế VAT là 11.957.850.000 đồng, tiền thuế là 1.022.195.770 đồng. 03 Công ty này đều do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT thông qua trung gian (F1) có "Mã khách hàng" là "Chị M1".
Theo thỏa thuận, T6 phải trả cho người bán hóa đơn đơn số tiền bằng 5% giá trị tiền hàng ghi trên hoá đơn và theo nhận thức của T6, số tiền này là tiền thuế GTGT người bán hóa đơn sẽ nộp ngân sách Nhà nước.
Khi có nhu cầu lấy hóa đơn GTGT, mỗi lần thanh toán, H6 sẽ viết sẵn các Ủy nhiệm chi bằng đúng số tiền cần thanh toán rồi trình T6 ký. Sau đó, H6 sẽ ra ngân hàng thực hiện việc hợp thức tiền trên tài khoản. Ngoài ra, căn cứ vào số tiền hàng ghi trên hóa đơn, H6 sẽ báo cáo T6 rồi tự lấy tiền trong quỹ tiền mặt của Công ty để thanh toán tiền mua hóa đơn. Chi phí mua hóa đơn Công ty Q2 đã thanh toán là 597.892.500 đồng (bằng 5% số tiền hàng ghi trên hóa đơn).
Sau khi mua 30 hóa đơn nêu trên, T6 đã sử dụng toàn bộ 30 hóa đơn để kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty Q2 tại chi cục thuế T41, B và T6 đã kê khai bổ sung điều chỉnh giảm 30 hóa đơn trên.
Ngày 11/4/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P đã có Quyết định trưng cầu giám định số 1631/CQĐT(PC03) trưng cầu Cục thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm về pháp luật thuế đối với Công ty Q2.
Tại Kết luận giám định ngày 10/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận:
"*Việc Công ty Q2 sử dụng không hợp pháp hóa đơn (hóa đơn khống) để kê khai khấu trừ thuế GTGT làm giảm số thuế GTGT phải nộp, tăng số thuế được khấu trừ là hành vi trốn thuế theo quy định tại Khoản 4 Điều 143 Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019".*
"Công ty Q2 đã kê khai bổ sung (loại bỏ 30 hóa đơn) điều chỉnh giảm số tiền thuế GTGT khấu trừ đối với các hóa đơn sử dụng không hợp pháp đã kê khai khấu trừ thuế và đã xác định tăng thuế GTGT phát sinh phải nộp tương ứng

867.289.006đ". Vì vậy không còn thiệt hại về thuế.
Do đó, Phạm Văn T6 có hành vi mua bán trái phép 30 hóa đơn GTGT của Nguyễn Minh T.
Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, xác định danh tính, làm rõ hành vi của cá nhân "H6" sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.
94. Lê Xuân T7- Sinh năm 1975; Nơi thường trú: Thôn B, H - T42; Chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH K3 (viết tắt là Công ty K3); Là người đại diện theo pháp luật.
Công ty K3 hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0315034115 do Sở kế hoạch và đầu tư cấp ngày 09/05/2018, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 24/03/2021 Trụ sở: 866/21/1 Quốc lộ A, Khu phố B - Phường H.
Năm 2021, Công ty K3 thuê nhân công, ca máy và mua một số vật liệu của một số cá nhân, đơn vị khác ở nhiều địa chỉ khác nhau nên không xác định được danh tính, T7 đã thanh toán cả tiền hàng và tiền thuế cho người bán nhưng các cá nhân này đã không phát hành được hóa đơn. Nên để có hóa đơn GTGT chứng minh nguồn gốc hàng hóa mua vào, T7 đã liên hệ với một người đàn ông (đến nay chưa xác định được danh tính) để mua 30 hóa đơn của 03 công ty gồm: Công ty TNHH T35; Công ty TNHH T43; Công ty TNHH T44 (03 Công ty đều do Nguyễn Minh T sử dụng để bán hóa đơn) với tổng doanh số 16.894.822.149đ (trong đó tiền hàng là 15.289.438.317đ, tiền thuế là 1.596.443.832đ).
Theo thoả thuận, T7 phải trả cho người bán hóa đơn số tiền tương đương từ 6% giá trị tiền hàng ghi trên hoá đơn và theo nhận thức của T7, số tiền này là tiền thuế GTGT người bán hóa đơn sẽ nộp NSNN.
Để hợp thức thủ tục thanh toán qua ngân hàng cho các hoá đơn, T7 đã sử dụng tiền của mình có trong tài khoản 040-01-01-226417-2 của Công ty K3 mở tại Ngân hàng H10 (M4) để chuyển số tiền bằng doanh số hóa đơn đến tài khoản của công ty hóa đơn (sau đó bên bán hóa đơn trả lại số tiền này này cho T7 bằng tiền mặt); Hoặc bên bán hóa đơn sẽ giao số tiền mặt tương ứng giá trị cần thanh toán hợp thức cho T7 để nộp vào tài khoản của Công ty K3 sau đó T7 thực hiện chuyển số tiền này đến tài khoản của công ty bán hóa đơn. Để mua 30 hóa đơn, T7 đã trả cho người bán tổng số tiền là 917.366.299 đồng (tương đương với 6%).
Sau khi mua 30 hóa đơn GTGT nêu trên, T7 đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty K3. Đến nay, Công ty K3 chưa kê khai bổ sung, điều chỉnh giảm thuế GTGT được khấu trừ đối với 30 hoá đơn trên.
Ngày 10/04/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P có Quyết định trưng cầu giám định số 1538/QĐ- CSKT trưng cầu Cục thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm về pháp luật thuế đối với Công ty K3.
Tại Kết luận giám định ngày 09/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận:
"Việc Công ty K3 sử dụng 40 hóa đơn không hợp pháp để hạch toán hàng hóa, nguyên liệu đầu vào trong hoạt động phát sinh nghĩa vụ thuế làm tăng số tiền thuế được khấu trừ là hành vi trốn thuế".
"Tại thời điểm giám định, Công ty K3 đã kê khai điều chỉnh giảm thuế số thuế GTGT khấu trừ đối với toàn bộ 40 số hóa đơn không hợp pháp nêu trên dẫn đến

tăng số thuế GTGT phải nộp là 1.584.956.246 đồng". Vì vậy không còn thiệt hại về thuế, sau khi kê khai, bổ sung Công ty K3 chưa nộp lại số tiền thuế phải nộp vào Ngân sách Nhà nước,

Do đó, Lê Xuân T7 có hành vi Mua bán trái phép 30 hoá đơn GTGT của Nguyễn Minh T.

Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, làm rõ hành vi của đối tượng bán hóa đơn trái phép sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.

95. Ngô Văn C- Sinh năm 1980; HKTT: Căn hộ B.9.09 Lô B, Chung cư H, số B, đường số A, tổ dân phố I, khu phố B, phường P, TP T, TP .; Chức vụ: Tổng Giám đốc Công ty cổ phần X (viết tắt là Công ty X); là người đại diện theo pháp luật. Ngành nghề kinh doanh chính: xây dựng.

Công ty X hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0315494994 do Sở K cấp ngày 22/01/2019; đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày: 13/10/2022. Địa chỉ trụ sở: 74/87 đường H, khu phố Í, phường T, TP T, TP H.

Trong năm 2021, Công ty X đã mua hàng hóa và thuê nhân công, phương tiện của những cá nhân, hộ kinh doanh nhỏ lẻ để phục vụ kinh doanh (đến nay, Chiều không xác định được danh tính). Theo thỏa thuận, Chiều đã thanh toán tiền mua hàng hóa, dịch vụ đã bao gồm thuế GTGT nhưng sau khi nhận hàng hóa, dịch vụ, bên bán hàng hóa, dịch vụ không xuất được hóa đơn GTGT cho Công ty để kê khai thuế. Để chứng minh nguồn gốc hàng hóa, dịch vụ đã mua và sử dụng, Chiều đã liên hệ với cá nhân tên "C1" (chưa xác định được nhân thân, lai lịch) để mua 29 hóa đơn GTGT của 09 Công ty gồm: Công ty TNHH C4 (02 hóa đơn); Công ty TNHH Đ2 (04 hóa đơn); Công ty TNHH K1 (07 hóa đơn); Công ty TNHH K2 (06 hóa đơn); Công ty TNHH S2 (01 hóa đơn); Công ty TNHH T12 (01 hóa đơn); Công ty TNHH T13 (6 hóa đơn); Công ty TNHH T14 (01 hóa đơn); Công ty TNHH T15 (01 hóa đơn) cho Công ty X với tổng giá trị hóa đơn là 41.602.414.301 đồng (trong đó: tiền hàng hóa: 37.820.376.636 đồng; tiền thuế GTGT: 3.782.037.665 đồng). 09 Công ty này do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT.

Theo thỏa thuận, C phải trả cho "C1" số tiền tương đương 4,4% giá trị hàng hóa ghi trên hóa đơn và theo nhận thức của Chiều, số tiền này là tiền thuế GTGT "Cường" sẽ nộp ngân sách Nhà nước.

Để hợp thức thủ tục thanh toán qua ngân hàng cho các hóa đơn Chiều chỉ đạo bà Bùi Thị Thanh T1 (là vợ) và Nguyễn Thị Diễm T2 - Kế toán Công ty X đi cùng C1 hoặc C1 cử người đến ngân hàng để nộp tiền mặt vào tài khoản số 12568568 mở tại Ngân hàng A của Công ty X. Tại Ngân hàng bên bán hóa đơn đưa tiền mặt cho bà T1, T2 để nộp tiền mặt vào tài khoản Công ty X. Sau đó, C thực hiện việc chuyển khoản hợp thức mua hóa đơn đến Công ty phát hành hóa đơn trên bằng hình thức: chuyển khoản online trên máy điện thoại. Bên bán hóa đơn nhận được rồi C gặp C1 để trả tiền mua hóa đơn với giá 4,4% giá trị hàng hóa, dịch vụ ghi trong hóa đơn (chưa tính thuế GTGT) bằng tiền mặt. Bà T1 và T2 chỉ thực hiện theo chỉ đạo của Chiều mà không biết việc Chiều mua bán trái phép hóa đơn. Để mua 29 hóa đơn khống, C đã trả số tiền 1.664.096.571 đồng cho "Cường" bằng tiền mặt (tương đương 4,4% giá trị tiền hàng).

Sau khi mua 29 hóa đơn GTGT nêu trên, C đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty X tại Chi cục thuế thành phố T, TP .. Công ty X đã kê khai bổ sung, điều chỉnh giảm thuế GTGT được khấu trừ tại Chi cục thuế thành phố T đối với 29 hóa đơn trên.

Ngày 03/4/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P có Quyết định trưng cầu giám định số 1476/CQĐT(PC03) trưng cầu Cục thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm về pháp luật thuế đối với Công ty X.

Tại Kết luận giám định ngày 10/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận:

"Với hành vi sử dụng không hợp pháp hóa đơn, hóa đơn khống để kê khai làm tăng số tiền thuế được khấu trừ thuế làm giảm số thuế phải nộp của Công ty X là hành vi trốn thuế".

"Công ty X đã kê khai bổ sung điều chỉnh giảm toàn bộ số thuế GTGT đầu vào khấu trừ của 29 hóa đơn sử dụng không hợp pháp và chưa khắc phục nộp đủ số tiền thuế GTGT phát sinh phải nộp sau khi điều chỉnh, bổ sung trên tờ khai quý 3/2021 là ***3.268.611.621 đồng****".* Vì vậy không còn thiệt hại về thuế.

Do đó, Ngô Văn Cco hành vi mua trái phép 29 hóa đơn GTGT của Nguyễn Minh T.

Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, làm rõ hành vi của đối tượng "Cường" sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.

96. Nguyễn Thị Thu H- Sinh năm 1981; Nơi thường trú: A, đường I, khu phố C, L, T, TP HCM; Giám đốc Công ty TNHH X1 (viết tắt là Công ty X1); Là người đại diện theo pháp luật; Ngành nghề kinh doanh: Thi công xây dựng công trình.

Công ty X1 trụ sở: Địa chỉ trụ sở chính: Số G Đại lộ B, tổ D, khu phố C, phường P, TP T, TP H.

Trong năm 2021 và năm 2022, Công ty X1 có thuê nhân công, ca máy và mua các vật liệu của một số cá nhân khác, đơn vị khác, khi thanh toán tiền thì những cá nhân, đơn vị này không phát hành hóa đơn nên Công ty X1 không thể thanh quyết toán các phí này với Chủ đầu tư và Cơ quan thuế. Do đó để chứng minh nguồn gốc hàng hóa đã mua, H đã liên hệ với một người đàn ông (đến nay chưa xác định được danh tính) để mua 29 hóa đơn GTGT của 09 Công ty gồm: Công ty TNHH C5; Công ty TNHH T16;Công ty cổ phần S3; Công ty TNHH T17; Công ty TNHH T18; Công ty TNHH D2; Công ty TNHH S4; Công TNHH TMDV xây dựng vận tải Q; Công ty cổ phần S5; Công ty TNHH Đ3 với tổng doanh số là: 13.120.172.047đ (trong đó tiền hàng là 11.959.047.315đ, tiền thuế là 1.161.124.732đ). 09 Công ty này do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hoá đơn GTGT.

Theo thoả thuận, H phải trả cho người bán số tiền tương đương từ 3% giá trị tiền hàng ghi trên hoá đơn và theo nhận thức của H, số tiền này là tiền thuế GTGT người bán hóa đơn sẽ nộp ngân sách Nhà nước.

Để hợp thức thủ tục thanh toán qua ngân hàng cho các hoá đơn, H đã sử dụng tiền của mình có trong tài khoản số 31410001135230 và tài khoản số 0381000378734 của Công ty X1 mở tại Ngân hàng B1 và Ngân hàng V2 để chuyển số tiền bằng doanh số hóa đơn đến tài khoản của công ty hóa đơn hoặc

Công ty X1 sẽ đề nghị Ngân hàng B1 giải ngân khoản vay rồi chuyển tiền thanh toán đến công ty bán hóa đơn. Sau khi nhận được tiền từ Công ty X1 thì bên bán hóa đơn sẽ rút tiền mặt và trả lại cho H. Để mua được 29 số hóa đơn, H đã trả cho người bán tổng số tiền là 358.771.419đ. (tương đương với 3%).
Sau khi mua 29 hóa đơn GTGT nêu trên, H đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty X1 tại Chi cục thuế T. Tính đến ngày 31/3/2023, Công ty X1 đã kê khai bổ sung, điều chỉnh giảm thuế GTGT được khấu trừ đối với 29 hoá đơn trên.
Ngày 10/04/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P có Quyết định trưng cầu giám định số 1541/QĐ- CSKT trưng cầu Cục thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm về pháp luật thuế đối với Công ty X1.
Tại Kết luận giám định ngày 11/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận:
"Việc Công ty X1 sử dụng 29 hóa đơn không hợp pháp để hạch toán hàng hóa, nguyên liệu đầu vào trong hoạt động phát sinh nghĩa vụ thuế làm tăng số tiền thuế được khấu trừ là hành vi trốn thuế".
"Công ty X1 đã thực hiện kê khai bổ sung, điều chỉnh giảm thuế GTGT khấu trừ đối với toàn bộ 29 hóa đơn sử dụng không hợp pháp nêu trên dẫn đến tăng số thuế GTGT phải nộp là: 1.103.555.266 đồng; giảm số thuế GTGT còn được khấu trừ chuyển kỳ sau số tiền là 57.569.466 đồng". Vì vậy không còn thiệt hại về thuế.
Do đó, Nguyễn Thị Thu H có hành vi Mua bán trái phép 29 số hoá đơn GTGT của Nguyễn Minh T.
Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, làm rõ hành vi của đối tượng bán hóa đơn trái phép sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.
97. Trần Ngọc T3- Sinh năm: 1980; HKTT: số D đường T, Phường A, quận G, TP H; Là người đại diện pháp luật Công ty CP Đ4 (viết tắt là Công ty Đ4); Ngành nghề kinh doanh: Thi công xây dung và thương mại.
Công ty Đ4 hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0306141086 do Sở K, đăng ký lần đầu ngày 03/11/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 16/5/2023; Địa chỉ trụ sở: số F, Đường số A, Phường A, quận T, TP H.
Năm 2022, Công ty Đ4 mua các nguyên vật liệu và thuê nhân công, ở nhiều địa chỉ khác nhau nên không xác định được danh tính. Công ty Đ4 đã thanh toán cả tiền hàng và tiền thuế, nhưng các cá nhân không phát hành được hóa đơn, nên để có hóa đơn GTGT chứng minh nguồn gốc hàng hóa, dịch vụ mua vào, T3 đã thông qua một người đàn ông tên "Nguyễn Thế H1" (đến nay chưa xác định được danh tính) để mua 29 hóa đơn của 03 công ty, gồm: Công ty TNHH S6; Công ty TNHH T19; Công ty TNHH T20 (03 Công ty này do Nguyễn Minh T sử dụng để bán hóa đơn) với tổng doanh số là 12.234.466.104đ (trong đó tiền hàng là 11.141.385.360đ, tiền thuế là 1.093.080.744đ).
Theo thoả thuận, T3 phải trả cho người bán hóa đơn số tiền tương đương 8% giá trị tiền hàng ghi trên hoá đơn, theo nhận thức của T3 thì số tiền này là tiền thuế GTGT người bán hóa đơn sẽ nộp NSNN.
Để hợp thức thủ tục thanh toán qua ngân hàng cho các hoá đơn, T3 đã sử dụng tiền có trong tài khoản tài khoản số 147040819 mở tại Ngân hàng A và tài khoản

số 04213010001439 mở tại Ngân hàng M2 của Công ty Đ4 để chuyển số tiền bằng doanh số hóa đơn đến tài khoản của công ty hóa đơn, sau đó bên bán hóa đơn sẽ trừ đi 8% tiền mua hóa đơn rồi chuyển khoản trả lại số tiền còn lại vào tài khoản nhân số 668068 mở tại Ngân hàng A và tài khoản số 04201012828347 mở tại Ngân hàng M2 (cả hai tài khoản này đều đứng Mai Anh Đ là vợ T3, nhưng T3 là người quản lý sử dụng Đ không biết việc này); Hoặc bên bán hóa đơn sẽ giao số tiền mặt tương ứng giá trị cần thanh toán hợp thức cho T3 để nộp vào tài khoản của Công ty Đ4, sau đó T3 thực hiện chuyển số tiền này đến tài khoản của công ty bán hóa đơn.

Để mua 29 hóa đơn nêu trên, T3 đã trả cho người bán tổng số tiền là: 891.310.828đ (tương đương với 8%) bằng tiền mặt và chuyển khoản. Việc mua hóa đơn bất hợp pháp cho Công ty Đ4 sử dụng đều do T3 thực hiện, các cổ đông cổ đông của Công ty Đ4 không biết.

Sau khi mua 29 hóa đơn GTGT, Công ty Đ4 đã sử dụng kê khai thuế GTGT đầu vào với Chi cục thuế quận T. Đến tháng 3 năm 2023, Công ty Đ4 đã kê khai bổ sung, điều chỉnh giảm thuế GTGT được khấu trừ đối với 29 hoá đơn trên.

Ngày 10/04/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P có Quyết định trưng cầu giám định số 1540/QĐ- CSKT trưng cầu Cục thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm về pháp luật thuế đối với Công ty Đ4.

Tại Kết luận giám định ngày 10/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận:

"Việc Công ty Đ4 sử dụng 11 hóa đơn không hợp pháp để hạch toán hàng hóa, nguyên liệu đầu vào trong hoạt động phát sinh nghĩa vụ thuế làm tăng số tiền thuế được khấu trừ là hành vi trốn thuế".

"Công ty Đ4đã kê khai điều chỉnh giảm thuế số thuế GTGT khấu trừ đối với toàn bộ 29 số hóa đơn không hợp pháp nêu trên dẫn đến tăng số thuế GTGT phát sinh phải nộp là 1.262.251.751 đồng. đến thời điểm giám định Công ty Đ4*đã nộp hết số thuế GTGT phát sinh phải nộp vào ngân sách nhà nước".* Vì vậy không còn thiệt hại về thuế.

Do đó, Trần Ngọc T3 có hành vi Mua bán trái phép 29 hoá đơn giá trị gia tăng của Nguyễn Minh T.

Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, làm rõ hành vi của đối tượng "Nguyễn Thế H1" sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.

98. Trương Ngọc T4- Sinh năm 1976; Nơi thường trú: 220/57/5, H, Phường E, quận B, TP H; Chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH T21 (viết tắt là Công ty G); Là người đại diện theo pháp luật.

Công ty T21 hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0313269048 do Sở K cấp ngày 25/05/2015, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 21/03/2023; Trụ sở: 220/57/5 H, Phường E, Quận B, Thành phố H.

Năm 2022, Công ty G1 có thuê một số cá nhân làm dịch vụ quảng cáo trên mạng Internet, nhưng khi thanh toán tiền thì những cá nhân, đơn vị này không phát hành hóa đơn cho Công ty, nên công ty không thể thanh, quyết toán các chi phí này với và Cơ quan thuế. Do đó để có hóa đơn GTGT hợp thức cho các phí đã trả, T4 đã liên hệ với người đàn ông tên "M" (đến nay chưa xác định được danh tính) để mua 29 hóa đơn GTGT của Công ty TNHH T22 (Công ty này do

Nguyễn Minh T sử dụng để bán hóa đơn) với tổng doanh số là 8.527.029.583đ (trong đó tiền hàng là 7.813.073.305đ, tiền thuế là 713.956.278đ).
Theo thoả thuận, T4 phải trả cho người bán hóa đơn số tiền tương đương từ 5% giá trị tiền hàng ghi trên hoá đơn, theo nhận thức của T4 số tiền này là tiền thuế GTGT người bán hóa đơn sẽ nộp NSNN.
Để hợp thức thủ tục thanh toán qua ngân hàng cho các hoá đơn, T4 đã sử dụng tiền của mình có trong tài khoản số 1031166686888 của Công ty G1 mở tại Ngân hàng M3 để chuyển số tiền bằng doanh số hóa đơn đến tài khoản của công ty hóa đơn (sau đó bên bán hóa đơn chuyển khoản trả lại số tiền này vào tài khoản số 2200101686888 của T4 mở tại Ngân hàng M3). Để mua được 29 hóa đơn, T4 đã trả cho người bán tổng số tiền là 417.999.758đ (tương đương với 5%).
Sau khi mua 29 hóa đơn GTGT nêu trên, T4 đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty T21 với Chi cục thuế quận B. Đến ngày 09/07/2023, Công ty T21 đã kê khai bổ sung, điều chỉnh giảm thuế GTGT được khấu trừ đối với 29 hoá đơn trên.
Ngày 10/04/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P có Quyết định trưng cầu giám định số 1537/QĐ- CSKT trưng cầu Cục thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm về pháp luật thuế đối với Công ty T21.
Tại Kết luận giám định ngày 10/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận:
"Việc Công ty T21 sử dụng 28 hóa đơn không hợp pháp để hạch toán hàng hóa, nguyên liệu đầu vào trong hoạt động phát sinh nghĩa vụ thuế làm tăng số tiền thuế được khấu trừ là hành vi trốn thuế".
"Tại thời điểm giám định, Công ty T21 đã kê khai điều chỉnh giảm thuế số thuế GTGT khấu trừ đối với toàn bộ 28 số hóa đơn không hợp pháp nêu trên dẫn đến tăng số thuế GTGT phải nộp là 673.899.353 đồng" Công ty T21 đã khắc phục nộp đủ số tiền thuế GTGT phát sinh sau điều chỉnh là 673.899.353 đồng". Vì vậy không còn thiệt hại về thuế.
Do đó, Trương Ngọc T4 có hành vi Mua bán trái phép 29 số hoá đơn GTGT của Nguyễn Minh T.
Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, làm rõ hành vi của đối tượng "M" sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.
99. Nguyễn Ngọc D- Sinh năm 1980, HKTT: Thôn C, Y, L, B; Chức vụ: Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty TNHH T23 (viết tắt là Công ty T23); Là người đại diện theo pháp luật; Ngành nghề kinh doanh: kinh doanh thương mại pallet.
Công ty T23 được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh B cấp Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, mã số: 3702746186, đăng ký lần đầu ngày 04/3/2019, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 31/12/2021; Địa chỉ trụ sở chính: Số C Khu phố D, A, T, B.
Trong năm 2021 và 2022, Công ty T23 mua hàng hóa là các loại Pallet gỗ của các hộ kinh doanh cá nhân nhỏ lẻ ở nhiều địa chỉ khác nhau nên không xác định được danh tính; công ty đã thanh toán cả tiền hàng và tiền thuế cho bên bán hàng nhưng sau đó vì các đơn vị không thể phát hành được hóa đơn nên để có hóa đơn GTGT chứng minh nguồn gốc hàng hóa mua vào, D đã liên hệ với hai

cá nhân tên là "T5" và "T1" (chưa xác định được nhân thân lai lịch) để mua 28 hóa đơn GTGT khống của 02 công ty gồm: Công ty TNHH T24 (17 hóa đơn); Công ty TNHH T19 và chế biến gỗ Việt P (11 hóa đơn) với tổng doanh số ghi trên hóa đơn là 20.619.608.810 đồng *(Trong đó, tiền hàng hóa, dịch vụ là 18.972.772.500đồng, tiền thuế GTGT là 1.646.836.310đồng)*. 02 Công ty này do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT thông qua trung gian (F1) có "Mã khách hàng" là "Lê duy".

Theo thỏa thuận, D phải trả cho "T5" và "T1" số tiền tương đương 3,7% giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn và theo nhận thức của D, số tiền này là tiền thuế GTGT "Thế" và "T1" sẽ nộp ngân sách Nhà nước.

Để hợp thức thanh toán cho các hóa đơn phải chuyển khoản qua ngân hàng, bên bán hóa đơn và D sẽ hẹn nhau ra Ngân hàng để làm thủ tục hợp thức thanh toán thông qua 02 hình thức:

- Hình thức thứ nhất: Bên bán hóa đơn sẽ đưa tiền mặt cho D số tiền bằng với giá trị thanh toán trên các tờ hóa đơn để D nộp tiền vào tài khoản Công ty T23 (số tài khoản 5590201028083 tại Ngân hàng A1 hoặc số tài khoản 746186 tại Ngân hàng A). Sau đó, D sẽ thực hiện chuyển tiền từ tài khoản trên của Công ty T23 đến tài khoản của Công ty phát hành hóa đơn (số tài khoản do bên bán hóa đơn cung cấp) và D sẽ trả tiền chi phí mua hóa đơn cho bên bán hóa đơn bằng tiền mặt.
- Hình thức thứ hai: D sử dụng tiền của cá nhân D để nộp vào tài khoản trên của Công ty T23. Sau đó, D thực hiện chuyển tiền từ tài khoản của Công ty T23 đến tài khoản của các Công ty phát hành hóa đơn. Sau khi nhận được vào tài khoản của Công ty phát hành hóa đơn, bên bán hóa đơn sẽ giữ lại tiền chi phí mua hóa đơn như đã thỏa thuận và trả số tiền còn lại cho D bằng tiền mặt.

Về tiền chi phí mua hóa đơn, D đã trả cho bên bán hóa đơn khi hợp thức thanh toán hóa đơn với tổng số tiền là 701.992.582 đồng (tương đương với 3,7% giá trị hàng hóa chưa bao gồm thuế GTGT).

Toàn bộ 28 hoá đơn GTGT đã được Công ty T23 kê khai thuế trong năm 2021, 2022 tại Chi cục thuế T25. Đến ngày 26/11/2023, Công ty T23 đã kê khai điều chỉnh bổ sung, loại bỏ 28 hóa đơn trên; đến nay Công ty T23 đã nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền là 1.522.801.288 đồng.

Ngày 09/4/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P có Quyết định trưng cầu giám định số 1555/QĐ- CSKT trưng cầu Cục thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm về pháp luật thuế đối với Công ty T23.

Tại Kết luận giám định ngày 09/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận:

"Việc Công ty T23 sử dụng không hợp pháp 28 số hoá đơn để kê khai thuế GTGT, hạch toán hàng hoá, nguyên liệu đầu vào trong hoạt động phát sinh nghĩa vụ thuế làm giảm số tiền thuế phải nộp và làm tăng số tiền thuế được khấu trừ là hành vi trốn thuế theo quy định tại Khoản 4 Điều 143 Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14".

"Tại thời điểm giám định, căn cứ vào hồ sơ do Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P cung cấp, Công ty T23 đã thực hiện kê khai bổ sung, điều chỉnh giảm thuế GTGT đầu vào được khấu trừ của 28 số hoá đơn nêu trên dẫn đến làm tăng số

thuế GTGT phải nộp 1.646.836.310 đồng". Vì vậy không còn thiệt hại về thuế.
Do vậy, Nguyễn Ngọc D có hành vi mua bán trái phép 28 hóa đơn GTGT của Nguyễn Minh T.
Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, xác định danh tính, làm rõ hành vi của cá nhân "T5" và "T1" sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.
100. Nguyễn Văn C2- Sinh năm 1984, HKTT: Xóm F, P, H, Hà Tĩnh; Chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH T19 (viết tắt là Công ty T19); Là người đại diện theo pháp luật; Ngành nghề kinh doanh gia công hàng may mặc.
Công ty T19 được Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh B cấp giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, mã số 3702916783, đăng ký lần đầu ngày 30/9/2020, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 09/3/2023; Địa chỉ trụ sở chính: 225A/3 Tổ A, KP2, A, T, B.
Trong năm 2021, Công ty T19 nhận được đơn gia công hàng may mặc cho khách hàng, nhưng do thời điểm này đang bùng phát dịch Covid-19 nên công nhân của Công ty phải nghỉ việc. Do đó, Công ty T19 đã thuê các xưởng may mặc trên địa bàn gia công đơn hàng này (Các xưởng may mặc ở nhiều địa chỉ khác nhau nên không xác định được danh tính). Theo thỏa thuận, công ty T19 đã thanh toán cả tiền thuê dịch vụ và tiền thuế cho bên gia công nhưng sau đó vì các đơn vị cá nhân không thể phát hành được hóa đơn nên để có hóa đơn GTGT chứng minh nguồn gốc hàng hóa, dịch vụ mua vào, C2 đã liên hệ với cá nhân tên "Loan" (chưa xác định được nhân thân lai lịch) để mua **28** hóa đơn GTGT khống của 03 công ty gồm: Công ty TNHH C5 (12 hóa đơn); Công ty TNHH S7 (13 hóa đơn); Công ty TNHH T19 (03 hóa đơn) với tổng doanh số ghi trên hóa đơn là 6.902.185.150 đồng *(trong đó tiền hàng hóa dịch vụ là 6.274.713.772 đồng, tiền thuế GTGT là: 627.471.378 đồng).* 03 Công ty này do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT thông qua các trung gian (F1) có "Mã khách hàng" là "A phuoc", "A tien", "Chi huong" và "Cuong pham".
Theo thỏa thuận, C2 phải trả cho "L" số tiền tương đương 3,5% giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn và theo nhận thức của C2, số tiền này là tiền thuế GTGT "Loan" sẽ nộp ngân sách Nhà nước.
Để hợp thức thanh toán hóa đơn phải thanh toán qua ngân hàng, C2 và L sẽ cùng ra Ngân hàng thì L sẽ chuyển tiền vào tài khoản Công ty T19 (số tài khoản 1017012240 tại Ngân hàng V2) số tiền bằng với giá trị thanh toán trên các tờ hóa đơn. Sau đó, C2 sẽ sử dụng Ủy nhiệm chi do C2 ký để chuyển tiền từ tài khoản trên của Công ty T19 đến tài khoản các Công ty phát hành hóa đơn. Tổng số tiền C2 đã trả trực tiếp tiền mặt cho L để mua 28 hóa đơn trên là 219.614.982 đồng, tương đương 3,5% giá trị tiền hàng chưa bao gồm thuế GTGT.
Toàn bộ 28 hoá đơn GTGT của 03 Công ty với tổng doanh số ghi trên hóa đơn là **6.902.185.150đồng,** đã được Công ty T19 kê khai thuế trong năm 2021 tại chi cục thuế T25. Đến ngày 17/01/2024, Công ty đã kê khai điều chỉnh bổ sung, loại bỏ 28 hóa đơn của 03 Công ty nêu trên; đến nay, Công ty đã nộp khắc phục vào Ngân sách Nhà nước số tiền là 200.000.000 đồng.
Ngày 09/4/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P có Quyết định trưng cầu giám định số 1568/QĐ- CSKT trưng cầu Cục thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm

về pháp luật thuế đối với Công ty T19.
Tại Kết luận giám định ngày 07/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận:
"Với hành vi sử dụng không hợp pháp hoá đơn (hoá đơn khống) để kê khai làm tăng số tiền thuế được khấu trừ, làm giảm số tiền thuế phải nộp của Công ty Đ5 là hành vi trốn thuế theo quy định tại Khoản 4 Điều 143 Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019".
*"Tại thời điểm giám định Công ty T19 đã kê khai bổ sung để điều chỉnh giảm toàn bộ số thuế GTGT đầu vào khấu trừ của 28 tờ hoá đơn sử dụng không hợp pháp và đã khắc phục nộp vào ngân sách số thuế GTGT phải nộp ngân sách tăng sau khi kê khai điều chỉnh là 200.000.000 đồng, số tiền thuế GTGT phải nộp sau điều chỉnh bổ sung chưa nộp ngân sách là 373.381.324 đồng".*Vì vậy không còn thiệt hại về thuế.
Do đó, Nguyễn Văn C2 có hành vi mua bán trái phép 28 hóa đơn GTGT của Nguyễn Minh T.
Nguyễn Văn C2 phải tiếp tục nộp số tiền là 373.381.324 đồng theo quy định của pháp luật.
Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, xác định danh tính, làm rõ hành vi của cá nhân "L" sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.
101. Trần N- Sinh năm 1983; HKTT: Số C T, phường B, TX. A, tỉnh B; Chức vụ: Giám đốc Công ty CP T26 (Là người đại diện theo pháp luật); Ngành nghề kinh doanh: Xây dựng công trình điện.
102. Huỳnh Hữu T6- Sinh năm 1980; Nơi thường trú: Số B đường F, P. P, TP ., TP .; Chức vụ: Phó Giám đốc Công ty CP T26
103. Nguyễn Thành C3- Sinh năm 1985; Nơi thường trú: thôn X, xã C, huyện P, tỉnh B; Chức vụ: nhân viên kỹ thuật của Công ty CP T26
Công ty CP T26 (Viết tắt là Công ty T26)hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0312061953 do phòng Đăng ký kinh doanh Sở K cấp ngày 22/11/2012, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 10/4/2023. Trụ sở: Số G đường số B, phường P, TP ., TP ..
Trong năm 2021 và 2022, Công ty T26 mua một số hàng hóa là dây điện, tủ điện… của các cá nhân, cửa hàng nhỏ lẻ ở nhiều địa chỉ khác nhau (đến nay không xác định được danh tính). Công ty đã thanh toán tiền mua vật tư, hàng hóa đã bao gồm thuế GTGT, nhưng sau khi nhận hàng, bên bán không phát hành được hóa đơn cho Công ty để kê khai thuế. Để chứng minh nguồn gốc hàng hóa đã mua, N đã giao cho T6 và C3 tìm mua hóa đơn GTGT cho Công ty. C3 đã liên hệ với cá nhân giới thiệu tên "Vàng" (không xác định được danh tính cụ thể) để mua 28 hóa đơn GTGT của 03 Công ty gồm: Công ty Cổ phần S3 (18 hóa đơn); Công ty TNHH T19 (01 hóa đơn) và Công ty TNHH T18 (09 hóa đơn) với tổng giá trị hóa đơn là 13.892.379.105 đồng (Tiền hàng là: 12.629.435.550 đồng; tiền thuế GTGT là: 1.262.943.555đồng). 03 Công ty này đều do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT thông qua trung gian (F1) có "MÃ KHÁCH HÀNG" là: "VANG"
Theo thỏa thuận, Như phải trả cho V số tiền tương đương 3% giá trị hàng hóa ghi trên hóa đơn và theo nhận thức của Như, số tiền này là tiền thuế GTGT

Vàng sẽ nộp ngân sách Nhà nước. Để hợp thức thủ tục thanh toán qua ngân hàng cho các hóa đơn đã mua, Như yêu cầu Bùi Thị Thanh T7 là kế toán viên của Công ty T26 đến ngân hàng, nhận tiền mặt của bên bán hóa đơn để nộp vào tài khoản số 060060701876 mở tại ngân hàng S8 của Công ty T26, rồi thực hiện Ủy nhiệm chi chuyển tiền đến tài khoản của Công ty bán hóa đơn (T6 đã viết Ủy nhiệm chi trình Như ký rồi đưa cho T7). T7 thực hiện theo chỉ đạo của N mà không biết việc chuyển tiền là để hợp thức hóa đơn đã mua. Để mua 28 hóa đơn GTGT, Như đã trả số tiền *378.883.000 đồng* cho "Vàng" bằng tiền mặt (tương đương với 3% giá trị tiền hàng chưa bao gồm thuế GTGT).

Sau khi mua 28 hóa đơn nêu trên, Như đã giao cho T6 sử dụng để kê khai thuế đầu vào của Công ty T26 tại Chi cục thuế T. Tháng 10/2023, Công ty T26 đã kê khai bổ sung, điều chỉnh giảm thuế GTGT được khấu trừ tại Chi cục thuế T đối với 28 hóa đơn trên.

Ngày 03/4/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P có Quyết định trưng cầu giám định số 1435/CQĐT(PC03) trưng cầu Cục thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm pháp luật thuế đối với Công ty T26.

Tại Kết luận giám định ngày 09/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận:

"Việc Công ty T26 sử dụng không hợp pháp hóa đơn để hạch toán hàng hóa, nguyên liệu đầu vào trong hoạt động phát sinh nghĩa vụ thuế làm giảm số tiền thuế phải nộp và tăng số tiền thuế được khấu trừ là hành vi trốn thuế".

"Công ty T26 đã thực hiện kê khai bổ sung, điều chỉnh giảm thuế GTGT đầu vào được khấu trừ của 28 hóa đơn nêu trên dẫn đến làm tăng số thuế GTGT phải nộp 747.012.217 đồng, giảm số thuế GTGT còn được khấu trừ 515.931.338 đồng". Vì vậy không còn thiệt hại về thuế. Công ty T26 đã nộp lại toàn bộ số tiền thuế vào ngân sách Nhà nước sau khi thực hiện kê khai bổ sung.

Do đó, Trần N, Huỳnh Hữu T6 và Nguyễn Thành C3 có hành vi "Mua bán trái phép" 28 hóa đơn GTGT của Nguyễn Minh T.

Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, làm rõ hành vi của đối tượng "Vàng" sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.

104. Trần Đ1- Sinh năm 1980; Địa chỉ thường trú: Thôn H, xã Đ, huyện Đ, Q; Chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH S9 (viết tắt là Công ty S9); Là người đại diện theo pháp luật; Ngành nghề kinh doanh: sản xuất đồ gỗ nội thất.

Công ty S9 hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên. Mã số doanh nghiệp: **37026033727**; Đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 26/9/2017; Đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 28/3/2023. Địa chỉ trụ sở chính: Thửa đất số 111, 194, tờ bản đồ số 10, tổ A, khu phố C, phường H, thị xã T, B.

Trong năm 2021 và 2022, Công ty S9 mua một số hàng hóa là gỗ nguyên liệu và sơn để phục vụ sản xuất đồ gỗ nội thất của cá nhân thu mua gom hàng hóa và bán hàng tự do tên là "H" (chưa xác định được nhân thân lai lịch); công ty S9 đã thanh toán cả tiền hàng và tiền thuế cho người bán nhưng sau đó vì cá nhân này không thể phát hành được hóa đơn nên để có hóa đơn GTGT chứng minh nguồn gốc hàng hóa mua vào, Đ1 đã trao đổi với H, H có thỏa thuận nếu muốn có hóa đơn GTGT của công ty thì phải trả cho H thêm tiền chi phí và Đ1 đồng ý. Thông

qua H, Đ1 đã mua **40** hóa đơn GTGT khống của 13 công ty gồm: Công ty TNHH Đ6 (01 hóa đơn); Công ty TNHH S2 (06 hóa đơn); Công ty TNHH S10 (09 hóa đơn); Công ty TNHH T27 (03 hóa đơn); Công ty TNHH T20 (02 hóa đơn); Công ty TNHH T19 (05 hóa đơn); Công ty TNHH T28 (01 hóa đơn); Công ty TNHH T24 (07 hóa đơn); Công ty TNHH T29 (01 hóa đơn); Công ty TNHH T30 (01 hóa đơn); Công ty TNHH T31 (01 hóa đơn); Công ty TNHH T32 (01 hóa đơn); Công ty TNHH V3 (02 hóa đơn) với tổng doanh số ghi trên hóa đơn là 15.722.244.222 đồng *(trong đó tiền hàng hóa dịch vụ là 14.360.919.776 đồng, tiền thuế GTGT là 1.361.324.446đồng).* 13 Công ty này do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT thông qua trung gian (F1) có "Mã khách hàng" là "Lê duy".

Theo thỏa thuận, Đ1 phải trả cho "H" số tiền tương đương từ 6% đến 8% giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn và theo nhận thức của Đ1, số tiền này là tiền thuế GTGT "Hiền" sẽ nộp ngân sách Nhà nước.

Về việc thanh toán hợp thức hóa đơn và số tiền mua hóa đơn phải thanh toán cụ thể: Sau khi H cung cấp hóa đơn khống của các đơn vị có yêu cầu Đ1 chuyển khoản thanh toán hợp thức (các hóa đơn trên 20 triệu phải chuyển khoản qua ngân hàng để có chứng từ), nhưng do không tin tưởng sợ sau khi chuyển tiền sẽ bị các đối tượng chiếm đoạt tiền nên Đ1 yêu cầu H thực hiện hợp thức hóa đơn. Tại chi nhánh Ngân hàng, Đ1 nhận tiền mặt từ H sau đó nộp vào tài khoản Công ty S9 và sử dụng các chứng từ ủy nhiệm chi để chuyển tiền từ tài khoản Công ty S9 đến tài khoản của Công ty xuất hóa đơn, thời gian sau do sử dụng Internet Banking nên H nộp tiền thẳng vào tài khoản Công ty S9, khi có tiền thì Đ1 chuyển tiếp cho các công ty, do là tiền mượn nên công ty xuất hóa đơn sẽ giữ lại tiền. Tổng số tiền mua hóa đơn Đ1 đã trả cho H bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản là 750 triệu đồng.

Đối với 40 hoá đơn GTGT của 13 Công ty nêu trên, Công ty S9 chỉ sử dụng 27 hóa đơn GTGT (còn lại 13 hóa đơn tự loại bỏ không sử dụng kê khai thuế) với tổng doanh số ghi trên hóa đơn **10.007.624.714 đồng***(trong đó tiền hàng hóa dịch vụ là 9.144.602.860 đồng, tiền thuế GTGT là 863.021.854 đồng)* để kê khai thuế trong năm 2021, 2022 tại chi cục thuế khu vực T33. Đến nay, Công ty S9 đã loại bỏ và kê khai điều chỉnh giảm đối với 27 hóa đơn nêu trên và nộp khắc phục vào Ngân sách Nhà nước số tiền 863.021.854 đồng.

Ngày 09/4/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P có Quyết định trưng cầu giám định số 1562/QĐ- CSKT trưng cầu Cục thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm về pháp luật thuế đối với Công ty S9.

Tại Kết luận giám định ngày 07/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận:

"Với hành vi sử dụng không hợp pháp hoá đơn (hoá đơn khống) để kê khai làm tăng số tiền thuế được khấu trừ, làm giảm số tiền thuế phải nộp của Công ty S9 là hành vi trốn thuế theo quy định tại Khoản 4 Điều 143 Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019".

"Tại thời điểm giám định Công ty S9 đã kê khai bổ sung điều chỉnh giảm toàn bộ số thuế GTGT đầu vào khấu trừ của 27 tờ hoá đơn sử dụng không hợp pháp và đã khắc phục nộp đủ vào ngân sách số thuế GTGT phải tăng (bao gồm tiền

thuế GTGT truy hoàn và phải nộp) sau khi kê khai điều chỉnh bổ sung". Vì vậy không còn thiệt hại về thuế.
Do vậy, Trần Đ1 có hành vi mua bán trái phép 27 hóa đơn GTGT của Nguyễn Minh T.
Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, xác định danh tính, làm rõ hành vi của cá nhân "H" sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.
105. Đỗ Quốc H2- Sinh năm 1986; HKTT: T, T, L, Đ. Nơi ở hiện nay: 1275 Quốc lộ A, phường A, quận B, TP H. Chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH T34 và thu gom phế liệu Hòa P1 (viết tắt là Công ty T19); Là người đại diện theo pháp luật; Ngành nghề kinh doanh chính: thu gom nhôm phế liệu.
Công ty T19 hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh nghiệp số: 0316895170 do Sở K cấp ngày 04/06/2021; đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 15/7/2021. Địa chỉ trụ sở: 1275 Quốc lộ A, phường A, quận B, TP H.
Trong năm 2022, Công ty T19 đã mua hàng hóa của các cá nhân và cơ sở kinh doanh nhỏ lẻ để phục vụ kinh doanh (đến nay, H2 không xác định được danh tính). Theo thỏa thuận, H2 đã thanh toán tiền mua hàng hóa đã bao gồm thuế GTGT nhưng sau khi nhận hàng, bên bán hàng không xuất được hóa đơn GTGT cho Công ty để kê khai thuế. Để chứng minh nguồn gốc hàng hóa đã mua, H2 đã liên hệ với cá nhân tên "H3" (chưa xác định được nhân thân, lai lịch) để mua 27 hóa đơn GTGT của Công ty TNHH T35 cho Công ty T19 với tổng giá trị hóa đơn là 33.527.515.461 đồng (trong đó: tiền hàng hóa 30.479.559.510 đồng; tiền thuế GTGT 3.047.955.951 đồng). Công ty TNHH T35 do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT.
Theo thỏa thuận, H2 phải trả cho "H3" số tiền tương đương 3,8% giá trị hàng hóa ghi trên hóa đơn và theo nhận thức của H2, số tiền này là tiền thuế GTGT "H3" sẽ nộp ngân sách Nhà nước.
Để hợp thức thủ tục thanh toán qua ngân hàng cho các hóa đơn, "H3" đưa tiền mặt cho H2 để H2 nộp tiền vào tài khoản Công ty T19 mở tại Ngân hàng A. Sau đó, H2 làm thủ tục Uỷ nhiệm chi chuyển khoản số tiền này đến Công ty TNHH T35. Để mua 27 hóa đơn khống, H2 đã trả số tiền 1.066.784.582 đồng cho "H3" bằng tiền mặt (tương đương 3,8% giá trị tiền hàng).
Sau khi mua 27 hóa đơn GTGT nêu trên, H2 đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty tại Chi cục thuế quận B, TP .. Công ty T19 đã kê khai bổ sung, điều chỉnh giảm thuế GTGT được khấu trừ tại Chi cục thuế quận B đối với 27 hóa đơn trên.
Ngày 03/4/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P có Quyết định trưng cầu giám định số 1474/CQĐT(PC03) trưng cầu Cục thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm về pháp luật thuế đối với Công ty T19.
Tại Kết luận giám định ngày 10/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận:
"Với hành vi sử dụng không hợp pháp hóa đơn, hóa đơn khống để kê khai làm tăng số tiền thuế được khấu trừ thuế làm giảm số thuế phải nộp của Công ty T19 là hành vi trốn thuế".
"Công ty T19 đã kê khai bổ sung điều chỉnh giảm số thuế GTGT khấu trừ đối với 27 hóa đơn sử dụng không hợp pháp đã kê khai khấu trừ thuế và điều chỉnh

các sai sót khác đồng thời đã xác định tăng thuế GTGT phát sinh phải nộp là: ***2.953.029.352đồng****"*. Vì vậy không còn thiệt hại về thuế. Công ty T19 đã nộp lại toàn bộ số tiền thuế vào ngân sách Nhà nước sau khi thực hiện kê khai bổ sung.

Do đó, Đỗ Quốc H2 có hành vi "Mua bán trái phép" 27 hoá đơn GTGT của Nguyễn Minh T.

Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, làm rõ hành vi của đối tượng "H3"sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.

106. Đoàn Thị H4- Sinh năm: 1984; HKTT: B156 Oasi1, khu phố D, phường A, thành phố T, tỉnh B. Chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH MTV H (viết tắt là Công ty H); Là người đại diện theo pháp luật; Ngành nghề kinh doanh: buôn bán máy móc, thiết bị và chế biến gỗ.

Công ty H hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp C: 3702946883, đăng ký lần đầu ngày 15/01/2021; Địa chỉ trụ sở chính: SN F, tổ B, khu phố A, phường T, thị xã T, tỉnh B.

Trong năm 2022, Công ty H mua hàng hóa và chi phí ăn uống của các cá nhân và cơ sở kinh doanh nhỏ lẻ (đến nay H4 không xác định được danh tính, địa chỉ của các cá nhân và cơ sở kinh doanh nêu trên). Theo thỏa thuận, H4 đã thanh toán tiền hàng bao gồm cả tiền thuế GTGT nhưng sau khi nhận hàng, bên bán không xuất hóa đơn GTGT cho công ty H để kê khai thuế. Để chứng minh nguồn gốc hàng hóa đã mua, H4 đã liên hệ với cá nhân tên "Bảo" (chưa xác định được danh tính) mua 27 hóa đơn GTGT của 04 công ty gồm: Công ty TNHH S10 gỗ và trang trí nội ngoại thất N2 (14 hóa đơn); Công ty TNHH T19 (01 hóa đơn); Công ty TNHH T36 (04 hóa đơn); Công ty TNHH T37 (08 hóa đơn) với tổng doanh số là 10.103.401.936 đồng*(trong đó tiền hàng hóa dịch vụ là 9.312.844.723 đồng; tiền thuế GTGT: 790.557.213 đồng)*; 04 Công ty này do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT thông qua các trung gian.

Theo thỏa thuận, H4 phải trả cho "Bảo" số tiền tương đương từ 6% giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn và theo nhận thức của H4, số tiền này là tiền thuế GTGT mà "Bảo" sẽ nộp ngân sách nhà nước. Để hợp thức hóa đơn, H4 đã chuyển tiền từ tài khoản của Công ty H số: 0609000001916 mở tại Ngân hàng P3 và số tài khoản: 1018729262 mở tại Ngân hàng V2 đến tài khoản của công ty bán hóa đơn. Sau đó "B" giữ lại số tiền mua hóa đơn bằng 6% giá trị tiền hàng và trả số tiền còn lại bằng tiền mặt cho H4. Để mua 27 hóa đơn, H4 đã trả tiền cho "B" là 253.945.322 đồng(bằng 06% giá trị hàng hóa của 09 hóa đơn GTGT).

Sau khi mua 27 hóa đơn GTGT nêu trên, H4 đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của công ty H tại Chi cục thuế thành phố T33 trong năm 2022. Tháng 03/2024, Công ty H đã làm thủ tục kê khai bổ sung, loại bỏ toàn bộ 27 hóa đơn nêu trên ra khỏi tờ khai thuế.

Ngày 10/4/2024, Cơ quan CSĐT – Công an tỉnh P có Quyết định trưng cầu giám định số 1602/CQĐT(PC03) trưng cầu Cục thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm về pháp luật thuế đối với Công ty H.

Tại Kết luận giám định ngày 10/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận:

"Việc Công ty TNHH MTV H sử dụng 27 hóa đơn không hợp pháp để hạch toán hàng hóa, nguyên liệu đầu vào trong hoạt động phát sinh nghĩa vụ thuế làm tăng số tiền thuế được khấu trừ là hành vi trốn thuế".
"Công ty TNHH MTV H đã thực hiện kê khai bổ sung, điều chỉnh giảm thuế GTGT đầu vào được khấu trừ của 27 hóa đơn nêu trên dẫn đến tăng thuế GTGT phát sinh phải nộp tương ứng số tiền: 661.553.063 đồng, đồng thời đã nộp đủ số tiền thuế GTGT phát sinh sau khi kê khai điều chỉnh vào Ngân sách nhà nước".
Vì vậy không còn thiệt hại về thuế.
Do đó, Đoàn Thị H4có hành vi mua trái phép 27 hóa đơn GTGT của Nguyễn Minh T.
Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, làm rõ hành vi của đối tượng "Bảo" sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.
107. Tư Đồ Quan S– Sinh năm 1987; Nơi thường trú: 6 Khu phố B, phường B, TP ., tỉnh B; là chồng của Trịnh Thị Bích V1 - Giám đốc Công ty TNHH MTV Â (viết tắt là Công ty Â).
Công ty Â hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên. Mã số doanh nghiệp: 3702131224; Đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 3/12/212; Đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 20/5/2020. Địa chỉ trụ sở chính: Số F Khu phố B, Phường B, TP T, tỉnh B. Người đại diện theo pháp luật: Trịnh Thị Bích V1 - Chủ tịch công ty kiêm Giám đốc; SN 1985; Địa chỉ thường trú: Số F Khu phố B, Phường B, TP T, tỉnh B**.**
Trong năm 2021, Công ty Â thuê nhân công, vận chuyển, mua dầu để thực hiện thu gom chất thải của các nhà máy trong khu công nghiệp, của một số cá nhân ở nhiều địa chỉ khác nhau nên không xác định được danh tính; công ty đã thanh toán cả tiền hàng và tiền thuế cho người bán nhưng sau đó vì các cá nhân không thể phát hành được hóa đơn nên để có hóa đơn GTGT chứng minh nguồn gốc hàng hóa mua vào, S đã liên hệ với cá nhân (chưa xác định được danh tính) để mua 27 hóa đơn GTGT của 04 công ty gồm: Công ty TNHH N3, Công ty TNHH X2, Công ty TNHH T38, Công ty TNHH V4 với tổng doanh số **23.555.453.856 đồng** *(tiền hàng: 21.414.048.960 đồng, tiền thuế: 2.141.404.896 đồng).* Các Công ty này do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT thông qua các trung gian (F1).
Theo thỏa thuận, S phải trả cho cá nhân nêu trên số tiền tương đương 5% giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn và theo nhận thức của S, số tiền này là tiền thuế GTGT cá nhân này sẽ nộp ngân sách Nhà nước.
Để hợp thức thủ tục thanh toán cho việc mua bán hóa đơn nêu trên, nếu trong tài khoản Công ty Â có đủ tiền thì S lập ủy nhiệm chi sau đó đưa kế toán và Trịnh Thị Bích V1 là giám đốc (vợ của S) ký, sau đó kế toán thực hiện thanh toán hợp thức từ tài khoản Công ty Â sang các công ty phát hành hóa đơn, cá nhân nêu trên giữ lại 05% tiền bán hóa đơn như đã thỏa thuận, số tiền còn lại rút ra trả tiền mặt cho S. Còn trong tài khoản Công ty Â không có đủ tiền thì cá nhân bán hóa đơn sẽ chuyển khoản vào tài khoản Công ty Â nhưng nội dung ghi Trịnh Thị Bích V1 nộp tiền vào tài khoản. Sau đó, Sơn L1 ủy nhiệm chi sau đó đưa kế toán và V1 ký, số tiền ghi trên ủy nhiệm chi đúng bằng số tiền cá nhân bán hóa đơn

chuyển khoản vào tài khoản Công ty Â; Sau đó kế toán thực hiện thanh toán hợp thức từ tài khoản Công ty Â sang các công ty phát hành hóa đơn. Trịnh Thị Bích V1 chỉ làm theo sự chỉ đạo của S, mà không biết đây là việc làm phục vụ cho mua bán hóa đơn bất hợp pháp. Để mua 14 hóa đơn khống, S đã trả cho cá nhân nêu trên số tiền mua hóa đơn là 703.000.000 đồng (tương đương 5% giá trị tiền hàng).

Sau khi mua 27 hóa đơn nêu trên, S đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty Â tại Chi cục thuế T25, tỉnh B. Tháng 6/2023, S đã kê khai bổ sung điều chỉnh giảm 27 hóa đơn với tổng doanh số là **23.555.453.856 đồng** *(tiền hàng: 21.414.048.960 đồng, tiền thuế: 2.141.404.896 đồng).*

Ngày 10/4/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P có Quyết định trưng cầu giám định số 1586/CQĐT(PC03) trưng cầu Cục thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm về pháp luật thuế đối với Công ty Â.

Tại Kết luận giám định ngày 10/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận:

"Công ty Â có hành vi sử dụng hóa đơn không hợp pháp bị xử lý vi phạm theo quy định tại Nghị Định 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính Phủ về hành vi sử dụng không hợp pháp hóa đơn. Tại thời điểm giám định, Công ty Â đã kê khai điều chỉnh giảm số thuế GTGT khấu trừ đối với các hóa đơn sử dụng không hợp pháp đã kê khai khấu trừ thuế đồng thời đã xác định tăng thuế GTGT phải nộp tương ứng và điều chỉnh giảm số thuế GTGT khấu trừ chuyển kỳ sau".

Vì vậy không còn thiệt hại về thuế.

Do đó, Tư Đồ Q có hành vi "Mua bán trái phép" 27 hóa đơn GTGT của Nguyễn Minh T.

Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, danh tính, làm rõ hành vi của cá nhân bán hóa đơn trái phép sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.

108. Nguyễn Văn T8- Sinh năm 1979; Địa chỉ thường trú: Căn số 10, Chung cư T city, C C, Phường D, Quận H, TP H. Chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH B2 (viết tắt là Công ty B2); Là người đại diện theo pháp luật.

Công ty B2hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH hai thành viên trở lên. Mã số doanh nghiệp: 3701603410; Đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 01/9/2009; Đăng ký thay đổi lần đầu thứ 6 ngày 27/4/2023. Địa chỉ trụ sở chính: Số A, Võ Thị S1, Khu phố T, Phường Đ, TP D, tỉnh B.

Trong năm 2022, Công ty B2 có mua mút xốp, giấy cát tông của một số cá nhân ở nhiều địa chỉ khác nhau nên không xác định được danh tính. Công ty đã thanh toán cả tiền hàng và tiền thuế cho người bán nhưng sau đó vì các cá nhân không thể phát hành được hóa đơn nên để có hóa đơn GTGT chứng minh nguồn gốc hàng hóa mua vào, T8 đã liên hệ với cá nhân tên "H1" (chưa xác định được danh tính) để mua 26 hóa đơn GTGT của 03 công ty gồm: Công ty TNHH S11, Công ty TNHH T19, Công ty TNHH S12 Như ý với tổng doanh số 8.115.199.700 đồng *(tiền hàng: 7.452.542.500 đồng, tiền thuế: 662.657.200 đồng).* Các Công ty này do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT thông qua các trung gian (F1) có "Mã khách hàng".

Theo thỏa thuận, T8 phải trả cho H1 số tiền tương đương 6% giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn và theo nhận thức của T8, số tiền này là tiền thuế GTGT H1 sẽ

nộp ngân sách Nhà nước.
Để hợp thức thủ tục thanh toán cho việc mua bán hóa đơn nêu trên, H1 cùng T8 ra ngân hàng OCB, H1 mang theo tiền mặt đưa cho T8 để T8 nộp vào tài khoản Công ty B2, sau đó T8 mang ủy nhiệm chi lập và ký sẵn thực hiện ủy nhiệm chi số tiền H1 vừa đưa nộp vào tài khoản Công ty sang công ty phát hành hóa đơn (số tiền H1 đưa đúng bằng số tiền cần thanh toán hợp thức ghi trên ủy nhiệm chi T8 đã lập sẵn). Số tiền mua hóa đơn GTGT như đã thỏa thuận, T8 trả cho H1 bằng tiền mặt tại ngân hàng. Để mua 26 hóa đơn khống, T8 đã trả cho cá nhân nêu trên số tiền là 445.532.000 đồng (tương đương 6% giá trị tiền hàng).
Sau khi mua 26 hóa đơn, T8 đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty B2 tại Chi cục thuế T25, tỉnh B. Tháng 6/2023, T8 đã kê khai bổ sung loại bỏ 26/26 hóa đơn với tổng doanh số là 8.115.199.700 đồng *(tiền hàng:* 7.452.542.500 đồng*, tiền thuế: 662.657.200 đồng).*
Ngày 10/4/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P có Quyết định trưng cầu số 1594/CQĐT(PC03) trưng cầu Cục Thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm pháp luật về thuế đối với Công ty B2.
Tại Kết luận giám định ngày 10/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận:
"Công ty B2 có hành vi sử dụng hóa đơn không hợp pháp bị xử lý vi phạm theo quy định tại Nghị Định 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính P2 về hành vi sử dụng không hợp pháp hóa đơn".
"Tại thời điểm giám định, doanh nghiệp đã kê khai điều chỉnh giảm số thuế GTGT khấu trừ đối số tiền 330.388.200 đồng đối với 17 hóa đơn sử dụng không hợp pháp đã kê khai khấu trừ thuế và đã xác định tăng thuế GTGT phát sinh phải nộp tương ứng theo quy định về kê khai thuế trên tờ khai thuế GTGT quý 1, quý 2, quý 3/2022; Đối với tờ khai thuế GTGT quý 4/2021, Công ty Đ7 chưa điều chỉnh giảm hết toàn bộ tiền thuế GTGT được khấu trừ 332.269.000 đồng, chỉ điều chỉnh giảm thuế GTGT còn được khấu trừ 332.168.997 đồng, dẫn đến tăng thuế GTGT còn được khấu trừ chuyển kỳ sau là 100.003 đồng". Vì vậy không còn thiệt hại về thuế.
Do đó, Nguyễn Văn T8 có hành vi mua bán trái phép 26 hoá đơn giá trị gia tăng của Nguyễn Minh T.
Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, xác định danh tính, làm rõ hành vi của "H1" sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.
109. Nguyễn Thành T9- SN 1974, HKTT: 159/27 ô 3, khu A, thị trấn H, huyện Đ, Long An; Chức vụ: Phó Giám đốc là người điều hành Công ty TNHH Đ8 (viết tắt là Công ty Đ8); Ngành nghề kinh doanh: Xây dựng.
Công ty Đ8 được Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh L cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1101872471, đăng ký lần đầu ngày 11/01/2018, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 19/2/2019; Địa chỉ trụ sở chính: Ô khu A, thị trấn H, huyện Đ, Long An. Người đại diện theo pháp luật: Nguyễn Thùy Đoan T10 - Giám đốc; tuy nhiên, thực tế, Công ty Đ8 do T9 là người điều hành.
Năm 2021, Quá trình thi công công trình, T9 mua hàng hóa vật tư như sắt, thép, xi măng của một người đàn ông tên "Lợi" nhà ở H (hiện chưa xác định được nhân thân lai lịch) nhưng không có hóa đơn chứng từ, do đó Công ty Đ8 không

thể quyết toán với Chủ đầu tư được, nên T9 đã trao đổi với L2 tìm mua hóa đơn của công ty khác, sau đó thông qua L2, T9 đã mua 25 hóa đơn GTGT của 08 Công ty: Công ty TNHH Đ2 (03 hóa đơn); Công ty TNHH Đ9 (05 hóa đơn); Công ty TNHH T13 (01 hóa đơn); Công ty TNHH T39 (01 hóa đơn); Công ty TNHH T15 (03 hóa đơn); Công ty TNHH T27 (06 hóa đơn); Công ty TNHH T38 (04 hóa đơn); Công ty TNHH V3 (02 hóa đơn) với tổng doanh số hóa đơn là 50.923.912.249 đồng, trong đó tiền hàng hóa dịch vụ trước thuế VAT là 46.294.465.681 đồng, tiền thuế là 4.629.446.568 đồng. 08 Công ty này do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT thông qua trung gian (F1) có "Mã khách hàng" là "Chị M1".

Theo thỏa thuận, T9 phải trả cho người bán hóa đơn số tiền bằng 3,5% giá trị tiền hàng ghi trên hoá đơn và theo nhận thức của T9, số tiền này là tiền thuế GTGT người bán hóa đơn sẽ nộp ngân sách Nhà nước.

Để hợp thức tiền trên tài khoản: Khi cần thanh toán, T9 vay tiền của người quen (hoặc sử dụng tiền của bên bán hóa đơn cho vay) để chuyển vào tài khoản của bà Nguyễn Thùy Đoan T10 (vợ T9), sau đó chuyển khoản từ tài khoản bà T10 sang tài khoản Công ty Đ8. Đồng thời, bà T10 lập và ký ủy nhiệm chi đưa cho T9 để T9 cùng bên bán hóa đơn đến phòng giao dịch ngân hàng thực hiện giao dịch chuyển khoản đến tài khoản công ty bán hóa đơn, sau khi tiền đến tài khoản công ty bán hóa đơn thì đồng thời bên bán hóa đơn trả lại tiền mặt tương ứng cho T9. Bà T10 chỉ thực hiện theo chỉ đạo của T9 mà không biết việc T9 mua bán các hóa đơn nêu trên. Chi phí mua hóa đơn Công ty Đ8 đã thanh toán là 1.620.306.299 đồng.

Sau khi mua 25 hóa đơn nêu trên, T9 đã sử dụng toàn bộ 25 hóa đơn để kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty Đ8 tại chi cục thuế khu vực Đ10 - Đ, Long An. T9 đã kê khai bổ sung điều chỉnh giảm toàn bộ 25 hóa đơn trên.

Ngày 11/4/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P đã có Quyết định trưng cầu giám định số 1628/CQĐT(PC03) trưng cầu Cục thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm về pháp luật thuế đối với Công ty Đ8.

Tại Kết luận giám định ngày 10/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận:

"*Việc Công ty Đ8 sử dụng không hợp pháp hóa đơn (hóa đơn khống) để kê khai khấu trừ thuế GTGT làm giảm số thuế GTGT phải nộp, tăng số thuế được khấu trừ là hành vi trốn thuế theo quy định tại Khoản 4 Điều 143 Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019"*.

"Công ty Đ8 đã kê khai bổ sung điều chỉnh (loại bỏ 25 hóa đơn) giảm số tiền thuế GTGT khấu trừ đối với các hóa đơn sử dụng không hợp pháp đã kê khai khấu trừ thuế và đã xác định tăng thuế GTGT phát sinh phải nộp tương ứng 784.882.378đ". Vì vậy không còn thiệt hại về thuế.

Do đó, Nguyễn Thành T9 có hành vi mua bán trái phép 25 hóa đơn GTGT của Nguyễn Minh T.

Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, xác định danh tính, làm rõ hành vi của cá nhân "Lợi" sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.

110. Nguyễn Văn H5- Sinh năm 1974; HKTT: Số E, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh B. Chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH X3 (viết tắt là Công ty

X3); Là người đại diện theo pháp luật; Ngành nghề kinh doanh chính: Kinh doanh vật liệu xây dựng.
Công ty X3 hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số: **3702569586** do Sở kế hoạch & đầu tư tỉnh B cấp ngày 07/06/2017, đăng ký lần thứ 4 ngày 10/3/2020. Địa chỉ: Số E, khu phố T, phường T, Thành phố D, tỉnh B.
Trong năm 2021, 2022, công ty X3 mua hàng hóa các loại của các cá nhân và cơ sở kinh doanh nhỏ lẻ để phục vụ sản xuất (đến nay H5 không xác định được danh tính). H5 đã thanh toán tiền hàng bao gồm cả tiền thuế GTGT nhưng sau khi nhận hàng, bên bán không xuất hóa đơn GTGT cho Công ty để kê khai thuế. Để chứng minh nguồn gốc hàng hóa đã mua, H5 đã liên hệ với "Trần Văn D1" (chưa xác định được danh tính) để mua tổng số 25 hóa đơn GTGT của 04 công ty gồm: Công ty TNHH Đ3 (18 hóa đơn); Công ty TNHH T40 (01 hóa đơn); Công ty TNHH T41 (05 hóa đơn); Công ty TNHH T16 (01 hóa đơn) với tổng doanh số là **8.972.366.128 đồng** *(trong đó: tiền hàng hóa: 8.209.147.464đồng; tiền thuế GTGT: 763.218.664đồng)*. 04 Công ty này do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT thông qua các trung gian (F1) có "Mã khách hàng" là "PHAT".
Theo thỏa thuận, H5 phải trả cho người bán hóa đơn số tiền tương đương 2,5% giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn và theo nhận thức của H5, số tiền này là tiền thuế GTGT mà người bán hóa đơn sẽ nộp ngân sách nhà nước. Để hợp thức hóa đơn, H5 chuyển tiền từ tài khoản của công ty X3 và 0001181927916 mở tại Ngân hàng M4 đến tài khoản của các công ty phát hành hóa đơn. Sau đó người bán hóa đơn giữ lại số tiền bằng 2,5% giá trị hàng hóa trên hóa đơn đã chuyển khoản hợp thức và có tài khoản (hiện tại H5 chưa xác định được thông tin tài khoản) chuyển số tiền còn lại vào tài khoản cá nhân của H5 mở tại Ngân hàng T42. Để mua 25 hóa đơn khống, H5 đã chuyển cho "D1" tổng số tiền là: 205.228.687đồng (bằng 2,5% giá trị hàng hóa trên hóa đơn).
Sau khi mua 25 hóa đơn nêu trên, H5 đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của công ty X3 tại Chi cục thuế thành phố T25 trong năm 2021, 2022.
Ngày 03/4/2024, Cơ quan CSĐT – Công an tỉnh P có Quyết định trưng cầu giám định số 1456/CQĐT(PC03) trưng cầu Cục thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm về pháp luật thuế đối với Công ty C6
Tại Kết luận giám định ngày 09/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận:
"Với hành vi sử dụng không hợp pháp hóa đơn (hóa đơn khống) để kê khai làm tăng số tiền thuế được khấu trừ, làm giảm số tiền thuế phải nộp của Công ty X3 là hành vi trốn thuế".
"Công ty X3 đã kê khai bổ sung để điều chỉnh giảm toàn bộ số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ của 25 tờ hóa đơn sử dụng không hợp pháp và đã khắc phục nộp đủ vào ngân sách số thuế GTGT phải nộp tăng sau khi kê khai điều chỉnh bổ sung". Vì vậy không còn thiệt hại về thuế.
Do đó, Nguyễn Văn H5có hành vi mua trái phép 25 hóa đơn GTGT của Nguyễn Minh T.
Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, làm rõ hành vi của đối tượng "Trần

Văn D1" sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.

111. Bùi Đình N1- Sinh năm 1990; HKTT và Nơi ở hiện nay: 2 L, phường B, quận B, TP H. Chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH S13 (viết tắt là Công ty S13); Là người đại diện theo pháp luật; Ngành nghề kinh doanh chính: sản xuất nội thất.

Công ty S13 hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0312916253 do Sở K cấp ngày 08/09/2014; đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 05/10/2018. Địa chỉ trụ sở: 2 L, phường B, quận B, TP H.

Trong năm 2021 và 2022, Công ty S13 đã mua hàng hóa của các cá nhân và cơ sở kinh doanh nhỏ lẻ để phục vụ kinh doanh (đến nay, N1 không xác định được danh tính). N1 đã thanh toán tiền mua hàng hóa đã bao gồm thuế GTGT nhưng sau khi nhận hàng, bên bán hàng không xuất được hóa đơn GTGT cho Công ty S13 để kê khai thuế. Để chứng minh nguồn gốc hàng hóa đã mua, N1 đã liên hệ với một cá nhân tên "T11" (chưa xác định được nhân thân, lai lịch) để mua 24 hóa đơn GTGT của 03 Công ty gồm: Công ty cổ phần S14 (05 hóa đơn); Công ty TNHH D2 (04 hóa đơn); Công ty TNHH T43Quốc Mạnh (15 hóa đơn) cho Công ty Đại Ngân với tổng giá trị hóa đơn là 21.617.617.230 đồng (trong đó: tiền hàng hóa: 19.652.379.300 đồng; tiền thuế GTGT: 1.965.237.930 đồng). 03 Công ty này do Nguyễn Minh Tú thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT.

Theo thỏa thuận, Ninh phải trả cho "Tuấn" số tiền tương đương 5% giá trị hàng hóa ghi trên hóa đơn và theo nhận thức của Ninh, số tiền này là tiền thuế GTGT "Tuấn" sẽ nộp ngân sách Nhà nước.

Để hợp thức thủ tục thanh toán qua ngân hàng cho các hóa đơn, "Tuấn" chuyển tiền vào tài khoản Công ty Đại Ngân số 060092772368 mở tại Ngân hàng Sacombank hoặc đưa tiền mặt để Ninh nộp tiền vào tài khoản Công ty Đại Ngân. Sau đó, Ninh làm thủ tục Uỷ nhiệm chi chuyển khoản số tiền này đến 03 Công ty bán hóa đơn nêu trên. Khi Ninh không đi hợp thức việc mua hóa đơn được Ninh sẽ chỉ đạo vợ là Phạm Thị Thúy Hằng mang tiền mặt đến ngân hàng (Ninh ghi trước nội dung, ký, đóng dấu trước vào thủ tục ủy nhiệm chi cho bà Hằng) để nộp tiền vào tài khoản Công ty Đại Ngân và chuyển tiền đến Công ty phát hành hóa đơn. Bà Hằng chỉ thực hiện theo chỉ đạo của Ninh mà không biết việc Ninh mua bán trái phép hóa đơn. Để mua 24 hóa đơn khống, Ninh đã trả số tiền 900.998.900 đồng cho "Tuấn" bằng tiền mặt (tương đương 5% giá trị tiền hàng).

Sau khi mua 24 hóa đơn GTGT nêu trên, Ninh đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty Đại Ngân tại Chi cục thuế quận Bình Tân, TP. H. Công ty Đại Ngân đã kê khai bổ sung, điều chỉnh giảm thuế GTGT được khấu trừ tại Chi cục thuế quận Bình Tân đối với 24 hóa đơn trên.

Ngày 03/4/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P có Quyết định trưng cầu giám định số 1467/CQĐT(PC03) trưng cầu Cục thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm về pháp luật thuế đối với Công ty Đại Ngân.

Tại Kết luận giám định ngày 10/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận:

"Với hành vi sử dụng không hợp pháp hóa đơn, hóa đơn khống để kê khai làm tăng số tiền thuế được khấu trừ thuế làm giảm số thuế phải nộp của Công ty Đại

Ngân là hành vi trốn thuế".
*"Công ty Đại Ngân đã kê khai bổ sung điều chỉnh giảm toàn bộ số thuế GTGT đầu vào khấu trừ của 24 hóa đơn sử dụng không hợp pháp và còn phải nộp khắc phục số tiền thuế GTGT phát sinh phải nộp sau khi điều chỉnh, bổ sung vào ngân sách nhà nước là **1.694.931.829 đồng**"*. Vì vậy không còn thiệt hại về thuế.
Do đó, Bùi Đình Ninhcó hành vi mua trái phép 24 hóa đơn GTGT của Nguyễn Minh Tú.
Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, làm rõ hành vi của đối tượng "Tuấn" sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.
112. Trần Thị Kim Cương - Sinh năm 1968; HKTT: B.1403, 12 Quốc Hương, phường Thảo Điền, thành phố Thủ Đức, Thành phố H; Chức vụ: Phó Giám đốc Công ty TNHH C&C (viết tắt là Công ty C&C); Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất bao bì.
Công ty C&C hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0300851516 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố H cấp ngày 27/7/1995; Địa chỉ trụ sở chính: 17/6A Phan Huy Ích, phường 14, quận Gò Vấp, Thành phố H; Người đại diện theo pháp luật là ông Phan Mạnh Cường - Chức vụ: Giám đốc; Tuy nhiên trên thực tế, mọi hoạt dộng của Công ty do Cương (vợ của ông Cường) điều hành.
Trong năm 2022, Công ty C&C đã mua giấy bìa, keo của các cá nhân và cơ sở kinh doanh nhỏ lẻ để phục vụ sản xuất, nhưng sau khi nhận được hàng, bên bán hàng không xuất được hóa đơn GTGT cho Công ty để kê khai thuế. Để chứng minh nguồn gốc hàng hóa đã mua, Cương đã liên hệ với cá nhân tên "Hải" (chưa xác định được danh tính) để mua 24 hóa đơn GTGT của 04 Công ty gồm: Công ty TNHH DV VT Quí Chương (01 hóa đơn); Công ty TNHH SX In ấn bao bì và KD hóa chất Đồng Tiến (07 hóa đơn); Công ty TNHH KD giấy Phúc Quân (10 hóa đơn); Công ty TNHH TMDV SX Vũ Minh Đức (06 hóa đơn) với tổng doanh số là: ***13.432.740.457 đồng****(Tiền hàng là: **12.437.722.645 đồng**; tiền thuế GTGT là: **995.017.812 đồng**)*. 04 Công ty này do Nguyễn Minh Tú thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT thông qua các trung gian có "Mã khách hàng" là **"Lê Duy"**.
Theo thỏa thuận, Cương phải trả cho "Hải" số tiền tương đương 3% giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn và theo nhận thức của Cương, số tiền này là tiền thuế GTGT "Hải" sẽ nộp ngân sách Nhà nước.
Để hợp thức thủ tục thanh toán cho việc mua bán hóa đơn nêu trên, Hải chuyển tiền vào tài khoản cá nhân của Cương (STK: 1050138889999 mở tại ngân hàng MB Bank), sau đó Cương chuyển khoản vào tài khoản Công ty TNHH C&C (1051100438008 mở tại ngân hàng MB Bank) và thực hiện chuyển tiền từ tài khoản của Công ty TNHH C&C đến tài khoản của Công ty bán hóa đơn hoặc Hải trực tiếp mang tiền mặt đến cho Công ty TNHH C&C sử dụng để hợp thức hóa đơn, sau đó Cương nộp tiền vào tài khoản của Công ty và thực hiện chuyển tiền từ tài khoản của Công ty TNHH C&C đến tài khoản của Công ty bán hóa đơn; Ngoài ra Công ty TNHH C&C vay tiền ngân hàng để thanh toán hóa đơn

theo hình thức giải ngân theo hóa đơn, sau khi ngân hàng giải ngân khoản vay đến tài khoản của Công ty bán hóa đơn, Hải rút tiền mặt ra và mang đến trả lại cho Cương hoặc chuyển khoản vào tài khoản cá nhân của Cương mở tại ngân hàng MB Bank). Để mua 24 hóa đơn khống, Cương đã trả số tiền ***402.982.213 đồng*** (tương đương 3% giá trị tiền hàng) cho "Hải" bằng cách chuyển khoản cho Hải.

Sau khi mua 24 hóa đơn nêu trên, Cương đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty TNHH C&C tại Chi cục thuế quận Gò Vấp, Thành phố H. Tháng 7/2023, Công ty kê khai bổ sung, loại toàn bộ 24 hóa đơn nêu trên ra khỏi hóa đơn đầu vào của Công ty.

Ngày 12/4/2024, Cơ quan CSĐT – Công an tỉnh P đã có Quyết định trưng cầu giám định số 1637/CQĐT(PC03) trưng cầu Cục thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm về pháp luật thuế đối với Công ty TNHH C&C.

Tại Kết luận giám định ngày 10/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận:

"Hành vi của Công ty TNHH C&C là hành vi trốn thuế theo quy định tại khoản 4 Điều 143 Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14".

"Công ty TNHH C&C đã kê khai điều chỉnh giảm số thuế GTGT khấu trừ đối với toàn bộ 24 số hóa đơn sử dụng không hợp pháp nêu trên, dẫn đến tăng số thuế GTGT phát sinh phải nộp tương ứng số tiền 995.017.839 đồng. Số tiền thuế GTGT tăng thêm doanh nghiệp đã nộp vào Ngân sách Nhà nước". Vì vậy không còn thiệt hại về thuế.

Do đó, Trần Thị Kim Cương đã có hành vi mua bán trái phép 24 hóa đơn GTGT của Nguyễn Minh Tú.

Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, xác định danh tính, làm rõ hành vi của cá nhân "Hải" sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.

113. Lê Thanh Nhựt - Sinh năm 1978; Địa chỉ thường trú: D2/59 tổ 2, ấp 4, xã Đa Phước, huyện Bình Chánh, TP H - Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc; Công ty TNHH Nhựt Hà (gọi tắt là Công ty Nhựt Hà), là Người đại diện theo pháp luật.

Công ty Nhựt Hà hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên. Mã số doanh nghiệp: 1201077428; Đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 23/9/2010; Đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 17/5/2023. Địa chỉ trụ sở chính: Ấp Hội, xã Kim Sơn, huyện Châu Thành, tỉnh T; hoạt động trong lĩnh vực gia công, may ba lô, túi xách.

Trong năm 2021 và 2022, Công ty Nhựt Hà có mua vật liệu và thực hiện thuê may gia công ba lô, túi xách tại xưởng của Công ty của các cá nhân nhưng các cá nhân này không xuất được hóa đơn GTGT. Đầu năm 2022, Nhựt biết được cá nhân tên Duy (chưa xác định được danh tính), Duy nói có công ty xuất được hóa đơn về các mặt hàng nêu trên, muốn lấy hóa đơn thì phải trả cho Duy từ 08% đến 10% doanh số ghi trên tờ hóa đơn GTGT (chưa bao gồm thuế VAT) tùy từng thời điểm. Nhựt đồng ý, khi cần lấy hóa đơn Nhựt cung cấp thông tin cho Duy viết hóa đơn (tên hàng hóa, dịch vụ, đơn vị, số lượng, đơn giá, thành tiền), Nhựt lập bảng kê sau đó gửi scan cho Duy. Sau khi viết hóa đơn theo yêu cầu của Nhựt, Duy gửi vào mail Công ty Nhựt Hà cho Nhựt. Khi thanh toán hợp

thức cho các tờ hóa đơn lấy của Duy: Nhựt lập sẵn ủy nhiệm chi thanh toán từ Công ty Nhựt Hà sang các công ty phát hành hóa đơn, sau đó Nhựt cùng Duy ra ngân hàng ACB Chi nhánh Tùng Thị Dương, quận 8, TP H, Nhựt thực hiện ủy nhiệm chi từ tài khoản Công ty Nhựt Hà đến tài khoản các công ty phát hành hóa đơn, Duy giữ lại số tiền bán hóa đơn như đã thỏa thuận từ 08% đến 10%, số tiền còn lại chuyển khoản trả cho Nhựt vào tài khoản cá nhân Nhựt mở tại ngân hàng ACB. Nhựt đã mua 24 hóa đơn GTGT khống của Duy gồm: Công ty TNHH TMDV Mai Vàng (07 hóa đơn); Công ty TNHH phát triển thời trang P.I.C (08 hóa đơn); Công ty TNHH Công nghệ dệt may Bambo (09 hóa đơn) với tổng doanh số 36.767.581.785 đồng (Tiền hàng: 33.904.798.950 đồng, tiền thuế VAT: 2.862.782.835 đồng). Các công ty này do Nguyễn Minh Tú do Nguyễn Minh Tú thành lập để bán hóa đơn GTGT.

Đối với toàn bộ 24 hóa đơn GTGT khống, Công ty đã kê khai hàng hóa mua vào năm 2021 và năm 2022. Tháng 6/2023, Công ty Nhựt Hà đã kê khai điều chỉnh giảm 24 tờ hóa đơn GTGT khống nêu trên tại Chi cục thuế khu vực Châu Thành - Tân Phước, tỉnh T và đã nộp lại số tiền thuế và tiền phạt là 3.171.828.759 đồng vào ngân sách Nhà Nước.

Ngày 3/10/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P có Quyết định trưng cầu Cục Thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm pháp luật về thuế đối với Công ty Nhựt Hà.

Tại Kết luận giám định ngày 9/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận: *"Công ty TNHH Nhựt Hà đã kê khai điều chỉnh giảm số thuế GTGT khấu trừ đối với toàn bộ 24 số hóa đơn sử dụng không hợp pháp nêu trên, dẫn đến tăng số thuế GTGT phải nộp là 2.822.117.635 đồng (tại tờ khai bổ sung lần 2 của kỳ kê khai quý 3/2022, Công ty Nhựt Hà kê khai tăng số thuế GTGT được khấu trừ dẫn đến giảm số thuế GTGT phải nộp là 40.665.200 đồng)"*. Vì vậy không còn thiệt hại về thuế.

Do đó, Lê Thanh Nhựt có hành vi "Mua bán trái phép" 24 hóa đơn GTGT của Nguyễn Minh Tú.

Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, làm rõ hành vi của đối tượng "Duy" đã bán hóa đơn cho Công ty Nhựt Hà sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.

114. Lê Thanh Hải - Sinh năm 1969; Nơi thường trú: Tổ 4, KP 8, Uyên Hưng, TP Tân Uyên, B; Chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH MTV Lê Hải Đạt Thành (Công ty Lê Hải Thành); Là người đại diện theo pháp luật.

Công ty Lê Hải Đạt Thành hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3702560664 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh B; cấp ngày 09 tháng 5 năm 2017, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 30/05/2023; Địa chỉ trụ sở: Thửa đất 4, tờ bản đồ 51, tổ 4, khu phố 8, phường Uyên Hưng, Thành phố Tân Uyên, Tỉnh B.

Trong năm 2021 và 2022, Công ty Lê Hải Đạt Thành mua hàng hóa là ván lạng của của các cá nhân, cửa hàng nhỏ lẻ ở nhiều địa chỉ khác nhau nên không xác định được danh tính. Công ty đã thanh toán cả tiền hàng và tiền thuế cho người bán nhưng các cá nhân không phát hành được hóa đơn, nên để có hóa đơn GTGT chứng minh nguồn gốc hàng hóa mua vào, Hải đã liên hệ với một người

đàn ông (đến nay chưa xác định được danh tính) để mua 23 hóa đơn của 06 công ty gồm: Công ty TNHH Nhiên liệu vận tải Petro Sài Gòn; Công ty TNHH TM Dịch vụ xuất nhập khẩu Texaco; Công ty TNHH SX In ấn bao bì và KD hóa chất Đồng Tiến; Công ty TNHH SX in ấn bao bì và hóa chất Thế Gia Phát; Công ty TNHH KD gỗ và trang trí nội ngoại thất Nhật Anh; Công ty TNHH Thương mại và sản xuất gỗ Xuân Thế (06 Công ty đều do Nguyễn Minh Tú sử dụng để bán hóa đơn) với tổng doanh số là 9.860.496.900 đồng (trong đó tiền hàng là 8.991.365.000đ, tiền thuế là 869.131.900đ).

Theo thoả thuận, Hải phải trả cho người bán hóa đơn số tiền tương đương 6,5% giá trị tiền hàng ghi trên hoá đơn, theo nhận thức của Hải thì số tiền này là tiền thuế GTGT người bán hóa đơn sẽ nộp NSNN.

Để hợp thức thủ tục thanh toán qua ngân hàng cho các hoá đơn, thì người bán hóa đơn đưa tiền mặt tương đương với giá trị hóa đơn cần thanh toán để Hải nộp vào tài khoản số 050076352248 của Công ty Đạt Thành mở tại Ngân hàng Sacombank, sau đó Hải thực hiện ủy nhiệm chi số tiền này sang tài khoản các công ty phát hành hóa đơn. Để mua 23 hóa đơn nêu trên, Hải đã trả cho người bán tổng số tiền là 584.438.725đ(tương đương với 6,5%) bằng tiền mặt .

Sau khi mua 23 hóa đơn GTGT, Công ty Lê Hải Đạt Thành đã sử dụng kê khai thuế GTGT đầu vào với Chi cục thuế khu vực Tân Uyên - B. Đến tháng 3 năm 2024, Công ty Lê Hải Đạt Thành đã đã kê khai bổ sung, điều chỉnh giảm thuế GTGT được khấu trừ đối với 23 số hoá đơn trên.

Ngày 10/04/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P có Quyết định trưng cầu giám định số 1545/QĐ- CSKT trưng cầu Cục thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm về pháp luật thuế đối với Công ty Lê Hải Đạt Thành.

Tại Kết luận giám định ngày 10/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận:

"Việc Công ty Lê Hải Đạt Thành *sử dụng 23 hóa đơn không hợp pháp để hạch toán hàng hóa, nguyên liệu đầu vào trong hoạt động phát sinh nghĩa vụ thuế làm tăng số tiền thuế được khấu trừ là hành vi trốn thuế".*

"Công ty Lê Hải Đạt Thành đã kê khai điều chỉnh giảm thuế số thuế GTGT khấu trừ đối với toàn bộ 23 số hóa đơn sử dụng không hợp pháp, dẫn đến tăng số thuế phải nộp tương ứng với số tiền: ***785.461.061 đồng****. Đến thời điểm giám định Công ty Lê Hải Đạt Thành chưa nộp thuế vào Ngân sách nhà nước".* Vì vậy không còn thiệt hại về thuế.

Do đó, Lê Thanh Hải có hành vi mua bán trái phép 23 hoá đơn giá trị gia tăng của Nguyễn Minh Tú.

Lê Thanh Hải phải tiếp tục nộp số tiền là **785.461.061 đồng** theo quy định của pháp luật.

Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, làm rõ hành vi của đối tượng bán hóa đơn trái phép sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.

115. Trần Lê Hải Yến - Sinh năm 1975; HKTT: 541 Điện Biên Phủ, phường 25, quận Bình Thạnh, TP. H. Chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH kỹ thuật xây dựng TI (viết tắt là TI); là người đại diện theo pháp luật; Ngành nghề kinh doanh chính: xây dựng.

Công ty TI hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:

0316661969 do Sở kế hoạch và đầu tư TP H cấp ngày 29/12/2020; đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày: 23/11/2022. Địa chỉ trụ sở: 6/1/14/29 đường số 10, khu phố 2, phường Hiệp Bình Phước, TP Thủ Đức, TP H.

Trong năm 2021 và 2022, Công ty TI đã mua hàng hóa và thuê nhân công, phương tiện của những cá nhân, hộ kinh doanh nhỏ lẻ để phục vụ kinh doanh (đến nay, Yến không xác định được danh tính,). Theo thỏa thuận, Yến đã thanh toán tiền mua hàng hóa, dịch vụ đã bao gồm thuế GTGT nhưng sau khi nhận hàng hóa, dịch vụ, bên bán hàng hóa, dịch vụ không xuất được hóa đơn GTGT cho Công ty TI để kê khai thuế. Để chứng minh nguồn gốc hàng hóa, dịch vụ đã mua và sử dụng, Yến đã liên hệ với một cá nhân (chưa xác định được nhân thân, lai lịch) để mua 23 hóa đơn GTGT của 05 Công ty gồm: Công ty cổ phần tư vấn thiết kế và xây dựng An Phong (01 hóa đơn); Công ty TNHH đầu tư xây dựng Vương Bình (06 hóa đơn); Công ty TNHH thiết kế và xây dựng công trình Hùng Thịnh (04 hóa đơn); Công ty TNHH thương mại thiết mại thiết kế xây dựng Cát Gia (01 hóa đơn); Công ty TNHH thương mại dịch vụ và đầu tư xây dựng Minh Long (11 hóa đơn) cho Công ty TI với tổng giá trị hóa đơn là 27.522.664.124 đồng (trong đó: tiền hàng hóa: 25.055.178.690 đồng; tiền thuế GTGT: 2.467.485.434 đồng). 05 Công ty này do Nguyễn Minh Tú thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT.

Theo thỏa thuận, Yến phải trả cho bên bán hóa đơn số tiền tương đương 6% giá trị hàng hóa ghi trên hóa đơn và theo nhận thức của Yến, số tiền này là tiền thuế GTGT sẽ nộp ngân sách Nhà nước.

Để hợp thức thủ tục thanh toán qua ngân hàng cho các hóa đơn, Yến thực hiện Uỷ nhiệm chi chuyển tiền từ tài khoản Công ty TI số 6170201009084 mở tại Ngân hàng Agribank đến 05 Công ty bán hóa đơn nêu trên. Sau khi nhận được tiền, bên bán hóa đơn giữ lại tiền mua hóa đơn tương đương 6% giá trị tiền hàng và trả lại cho Yến số tiền còn lại bằng tiền mặt. Để mua 23 hóa đơn khống, Yến đã trả số tiền 1.503.310.721 đồng cho bên bán hóa đơn (tương đương 6% giá trị tiền hàng).

Sau khi mua 23 hóa đơn GTGT nêu trên, Yến đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty TI tại Chi cục thuế thành phố Thủ Đức, TP. H. Công ty TI đã kê khai bổ sung, điều chỉnh giảm thuế GTGT được khấu trừ tại Chi cục thuế thành phố Thủ Đức đối với 23 hóa đơn trên.

Ngày 03/4/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P có Quyết định trưng cầu giám định số 1464/CQĐT(PC03) trưng cầu Cục thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm về pháp luật thuế đối với Công ty TI.

Tại Kết luận giám định ngày 09/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận:

"Với hành vi sử dụng không hợp pháp hóa đơn, hóa đơn khống để kê khai làm tăng số tiền thuế được khấu trừ thuế làm giảm số thuế phải nộp của Công ty TI là hành vi trốn thuế".

"Công ty TI đã kê khai bổ sung điều chỉnh giảm số thuế GTGT khấu trừ đối với toàn bộ 23 số hóa đơn sử dụng không hợp pháp nêu trên dẫn đến tăng số thuế GTGT phải nộp là: ***2.374.114.568đồng****;giảm số tiền thuế GTGT còn khấu trừ chuyển kỳ sau số tiền là:* ***93.370.866 đồng****"*. Vì vậy không còn thiệt hại về thuế.

Do đó, Trần Lê Hải Yếncó hành vi mua trái phép 23 hóa đơn GTGT của Nguyễn Minh Tú.
Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, làm rõ hành vi của đối tượng bán hóa đơn trái phép sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.
116. Trần Thị Kim Chi - Sinh năm 1983, HKTT: 147/10 Lý Tế Xuyên, phường Linh Đông, TP Thủ Đức, thành phố H; Chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH An Phát Semitsu (viết tắt là Công ty An Phát); Là người đại diện theo pháp luật; Ngành nghề kinh doanh: Gia công cơ khí.
Công ty An Phát được Sở kế hoạch và đầu tư thành phố H cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0314272170, đăng ký lần đầu ngày 07/3/2017, đăng ký thay đổi lần thứ 5 năm 2023; Địa chỉ trụ sở chính: 147/10 Lý Tế Xuyên, phường Linh Đông, TP Thủ Đức, thành phố H.
Năm 2021, 2022, để phục vụ hoạt động sản xuất, Công ty An Phát mua mua nguyên vật liệu sản xuất ở các cá nhân, cửa hàng nhỏ lẻ khác nhau trên địa bàn thành phố H. Tuy nhiên, khi thanh toán tiền hàng, các cá nhân, cửa hàng này lại không xuất được hóa đơn GTGT nên Chi đã thông qua "Tuấn" (hiện chưa xác định được nhân thân lai lịch) mua 23 hóa đơn GTGT của Công ty TNHH TMDV vận tải Phúc Hòa (14 hóa đơn) và Công ty TNHH SX và KD sắt thép Mavyco (09 hóa đơn) với tổng doanh số hóa đơn là 19.041.480.000 đồng, trong đó giá trị hàng trước thuế là 17.313.000.000 đồng, tiền thuế VAT là 1.728.480.000 đồng. Các công ty này do Nguyễn Minh Tú thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT (chưa xác định được trung gian).
Theo thỏa thuận, Chi phải trả cho "Tuấn" đơn số tiền bằng số tiền thuế VAT ghi trên hoá đơn và theo nhận thức của Chi, số tiền này là tiền thuế GTGT "Tuấn" sẽ nộp ngân sách Nhà nước.
Để hợp thức tiền trên tài khoản, khi có nhu cầu lấy hóa đơn GTGT, Chi sẽ liên hệ với Tuấn, cung cấp cho Tuấn các thông tin cần thiết để Tuấn xuất hóa đơn. Về hình thức thanh toán hợp thức: Mỗi lần thanh toán, nhân viên của Chi (Chi không nhớ là ai) sẽ cùng Tuấn ra ngân hàng, tại ngân hàng, Tuấn sẽ đưa tiền mặt (bằng đúng số tiền ghi trên hóa đơn) để Chi nộp vào tài khoản số 0881000445796 mở tại ngân hàng Vietcombank, sau đó, Chi sẽ thực hiện Ủy nhiệm chi thanh toán vào tài khoản Công ty bán hóa đơn. Chi phí mua hóa đơn Công ty An Phát đã thanh toán là 1.728.480.000 đồng.
Sau khi mua 23 hóa đơn nêu trên, Chi đã sử dụng toàn bộ 23 hóa đơn để kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty An Phát tại chi cục thuế TP Thủ Đức, TP H. Chi đã kê khai bổ sung điều chỉnh giảm 23 hóa đơn trên.
Ngày 11/4/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P đã có Quyết định trưng cầu giám định số 1627/CQĐT(PC03) trưng cầu Cục thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm về pháp luật thuế đối với Công ty An Phát.
Tại Kết luận giám định ngày 10/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận:
"*Việc Công ty An Phát sử dụng không hợp pháp hóa đơn để hạch toán hàng hóa, nguyên liệu đầu vào trong hoạt động phát sinh nghĩa vụ thuế làm tăng số tiền thuế được khấu trừ, giảm số tiền thuế phải nộp là hành vi trốn thuế theo quy định tại Khoản 4 Điều 143 Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày*

13/6/2019".
"Công ty An Phát đã kê khai bổ sung điều chỉnh giảm số tiền thuế GTGT khấu trừ đối với các hóa đơn sử dụng không hợp pháp đã kê khai (loại bỏ 23 hóa đơn); đồng thời đã xác định giảm số thuế GTGT còn được khấu trừ chuyển kỳ sau". Vì vậy không còn thiệt hại về thuế.
Do đó, Trần Thị Kim Chi có hành vi mua bán trái phép 23 hóa đơn GTGT của Nguyễn Minh Tú.
Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, xác định danh tính, làm rõ hành vi của cá nhân "Tuấn" sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.
117. Khổng Hữu Nháng - Sinh năm 1958; HKTT: 27A/84 KP 12, phường Hố Nai, Biên Hòa, Đ; Chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH Khổng Đức Anh (viết tắt là Công ty Khổng Đức Anh); Là người đại diện pháp luật; Ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh bột mì.
Công ty Khổng Đức Anh; địa chỉ: 27A/84 KP 12, phường Hố Nai, Biên Hòa, Đ. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3603452139 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Đ cấp lần đầu ngày 23/3/2017; đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 10/1/2023.
Năm 2021, 2022, Công ty Khổng Đức Anh mua hàng hóa của nhiều cá nhân, cửa hàng khác nhau. Tuy nhiên, khi thanh toán tiền hàng, các cá nhân bán hàng không xuất được hóa đơn GTGT dẫn đến Công ty Khổng Đức Anh thiếu đầu vào để kê khai với cơ quan thuế. Do vậy, Nháng đã liên hệ được với một cá nhân tên "Duy" (hiện chưa xác định được nhân thân lai lịch) để mua 23 hóa đơn GTGT của 03 Công ty: Công ty TNHH SX In ấn bao bì và KD hóa chất Đồng Tiến (01 hóa đơn); Công ty TNHH SX và chế biến hạt điều Diệp Thanh (9 hóa đơn); Công ty TNHH TM Dịch vụ xuất nhập khẩu Texaco (13 hóa đơn) với tổng doanh số hóa đơn là 10.911.060.000 đồng, trong đó tiền hàng hóa dịch vụ trước thuế VAT là 9.997.000.000 đồng, tiền thuế là 914.060.000 đồng. Các Công ty này do Nguyễn Minh Tú thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT thông qua trung gian (F1) có "Mã khách hàng" là "xuanhai".
Theo thỏa thuận, Nháng phải trả cho "Duy" số tiền bằng 3,5% giá trị tiền hàng ghi trên hoá đơn và theo nhận thức của Nháng, số tiền này là tiền thuế GTGT "Duy" đơn sẽ nộp ngân sách Nhà nước.
Để hợp thức tiền trên tài khoản: Mỗi lần thanh toán, người của Công ty bán hóa đơn sẽ mang tiền mặt và cùng Nháng ra ngân hàng. Tại ngân hàng, bên bán hóa đơn sẽ đưa tiền (bằng đúng số tiền ghi trên hóa đơn) để Nháng nộp tiền vào tài khoản Công ty Khổng Đức Anh, sau đó, Nháng sẽ dùng Ủy nhiệm chi để thanh toán cho các Công ty bán hóa đơn. Chi phí mua hóa đơn Công ty Khổng Đức Anh đã thanh toán là 349.895.000 đồng.
Sau khi mua 23 hóa đơn nêu trên, Nháng đã sử dụng toàn bộ 23 hóa đơn để kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty Khổng Đức Anh tại chi cục thuế KV Biên Hòa - Vĩnh Cửu. Nháng đã kê khai bổ sung điều chỉnh giảm 23 hóa đơn trên.
Ngày 14/4/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P đã có Quyết định trưng cầu giám định số 1643/CQĐT(PC03) trưng cầu Cục thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm về pháp luật thuế đối với Công ty Khổng Đức Anh.

Tại Kết luận giám định ngày 10/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận:
"*Việc Công ty Khổng Đức Anh sử dụng không hợp pháp hóa đơn để hạch toán hàng hóa, nguyên liệu đầu vào trong hoạt động phát sinh nghĩa vụ thuế làm tăng số tiền thuế được khấu trừ, giảm số tiền thuế phải nộp là hành vi trốn thuế theo quy định tại Khoản 4 Điều 143 Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019".*
"Công ty Khổng Đức Anh đã kê khai điều chỉnh giảm số thuế GTGT đầu vào khấu trừ đối với 23 hóa đơn sử dụng không hợp pháp nêu trên, dẫn đến tăng thuế GTGT phải nộp tương ứng số tiền 905.368.000đ. Đến thời điểm giám định, Công ty Khổng Đức Anh đã nộp số tiền 198.000.000đ vào ngân sách Nhà nước. Số tiền còn phải nộp 707.368.000đ".

Do đó, Khổng Hữu Nháng có hành vi mua trái phép 23 hóa đơn GTGT của Nguyễn Minh Tú.

Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, xác định danh tính, làm rõ hành vi của cá nhân "Duy" sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.

118. Nguyễn Văn Hiển - Sinh năm 1984; HKTT, nơi ở hiện nay: Khu phố 4, phường An Phú, thành phố Thuận An, tỉnh B. Là người đại diện theo pháp luật Công ty TNHH Huy Hiệp Phát (viết tắt là Công ty Huy Hiệp Phát); Ngành nghề kinh doanh chính: Gia công cơ khí.

119. Lê Thị Huyền - Sinh năm 1984; HKTT: Tổ 5, khu phố Khánh Hội, phường T, Thị xã Tân Uyên, tỉnh B; Chức vụ: Kế toán Công ty TNHH Huy Hiệp Phát.

Công ty TNHH Huy Hiệp Phát hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên số: 3702469422 do Sở kế hoạch & đầu tư tỉnh B cấp ngày 01/06/2016, đăng ký lần thứ 2 ngày 18/6/2020. Địa chỉ: Số 70/17, khu phố Bình Phú, phường Bình Chuẩn, thành phố Thuận An, tỉnh B.

Trong năm 2021, 2022, công ty Huy Hiệp Phát mua hàng hóa của các cá nhân và cơ sở kinh doanh nhỏ lẻ để phục vụ sản xuất (đến nay không xác định được danh tính). Theo thỏa thuận, công ty Huy Hiệp Phát đã thanh toán tiền hàng bao gồm cả tiền thuế GTGT nhưng sau khi nhận hàng, bên bán không xuất hóa đơn GTGT cho Công ty để kê khai thuế. Để chứng minh nguồn gốc hàng hóa đã mua, Hiển đã chỉ đạo Huyền liên hệ với một cá nhân tên "An" (chưa xác định được danh tính) để mua tổng số 22 hóa đơn GTGT của 08 công ty gồm: Công ty TNHH Đầu tư sản xuất thương mại Mỹ Yến (02 hóa đơn); Công ty TNHH Khai thác sản xuất và kinh doanh sắt thép Việt Nhật (02 hóa đơn); Công ty TNHH Kinh doanh sắt thép Vạn Lợi (02 hóa đơn); Công ty TNHH SX và KD sắt thép Hoa Sen (04 hóa đơn); Công ty TNHH SX và KD sắt thép Việt Úc (03 hóa đơn); Công ty TNHH SXTM Tôn thép Việt Nga (03 hóa đơn); Công ty TNHH Thiết kế xây dựng Trung Kiên (03 hóa đơn); Công ty TNHH TMDV xây dựng Quốc Mạnh (03 hóa đơn) với tổng doanh số: **9.968.690.050 đồng** *(trong đó: tiền hàng hóa: 9.062.445.500 đồng; tiền thuế GTGT: 906.244.550 đồng)*. 08 Công ty này do Nguyễn Minh Tú thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT thông qua các trung gian (F1) có "Mã khách hàng" là **"a.hoi", "le.duy","chi.my".**

Theo thỏa thuận, công ty Huy Hiệp Phát phải trả cho người bán hóa đơn số tiền bằng 6% giá trị tiền hàng trên hóa đơn và theo nhận thức của Hiển và Huyền số tiền này là tiền thuế GTGT mà "An" sẽ nộp ngân sách nhà nước.
Để hợp thức hóa đơn, Huyền trình Hiển ký các Ủy nhiệm chi để trống nội dung sau đó hẹn "An" tại Ngân hàng Agribank - CN T và Ngân hàng Á Châu - Chi nhánh Dĩ An. Tại ngân hàng "An" đưa tiền mặt cho Huyền số tiền bằng doanh số trên hóa đơn trừ đi 6% giá trị tiền hàng trên hóa đơn cần chuyển khoản hợp thức (đây là tiền mua hóa đơn công ty Huy Hiệp Phát phải bù vào) sau đó Huyền nộp tiền vào tài khoản của công ty số 75578668 mở tại Ngân hàng ACB và tài khoản số 5506201005242 mở tại ngân hàng Agribank rồi thực hiện Ủy nhiệm chi Hiển đã ký sẵn chuyển tiền đến các công ty bán hóa đơn. Để mua 22 hóa đơn khống Hiển đã trả cho "An" tổng số tiền là: 419.815.410đồng (bằng 6% tiền hàng ghi trên 16 hóa đơn đã chuyển khoản hợp thức).
Sau khi mua 22 hóa đơn nêu trên, công ty Huy Hiệp Phát đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của công ty tại Chi cục thuế Thành phố Thuận An tỉnh B trong năm 2021, 2022. Đến nay, công ty Huy Hiệp Phát đã kê khai bổ sung loại toàn bộ 22 hóa đơn nêu trên.
Ngày 03/4/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P có Quyết định trưng cầu giám định số 1442/CQĐT(PC03) trưng cầu Cục thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm về pháp luật thuế đối với Công ty Huy Hiệp Phát.
Tại Kết luận giám định ngày 09/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận:
"Đối với hành vi sử dụng không hợp pháp của Công ty TNHH Huy Hiệp Phát để kê khai tăng số thuế GTGT được khấu trừ 906.244.550 đồng từ kỳ kê khai quý 1/2022 đến quý 4/2022, làm giảm số tiền thuế phải nộp là hành vi trốn thuế".
"công ty TNHH Huy Hiệp Phát đã kê khai điều chỉnh giảm số thuế GTGT đầu vào không hợp pháp là: 906.244.550 đồng (Kỳ kê khai bổ sung từ quý 1/2021 đến quý 4/2022), dẫn đến làm tăng số thuế GTGT phải nộp vào ngân sách nhà nước là 882.720.853 đồng). Công ty TNHH Huy Hiệp Phát khắc phục nộp ngân sách nhà nước 4.368.566 đồng. Tại thời điểm giám định, Công ty TNHH Huy Hiệp Phát chưa nộp ngân sách số tiền thuế GTGT phải nộp sau điều chỉnh bổ sung là ***878.352.287 đồng****"*. Vì vậy không còn thiệt hại về thuế.
Do đó, Nguyễn Văn Hiển và Lê Thị Huyềncó hành vi mua trái phép 22 hóa đơn của Nguyễn Minh Tú.
Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, làm rõ hành vi của đối tượng "An" sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.
120. Hà Văn Khôi - Sinh năm 1973; HKTT: 49B DC10 KDC Việt Sing, KP4, phường An Phú, thành phố Thuận An, tỉnh B; Chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH MTV chế biến gỗ Anh Khôi (viết tắt là Công ty Anh Khôi); Là người đại diện pháp luật.
Công ty Anh Khôi địa chỉ 49B DC10 KDC Việt Sing, KP4, phường An Phú, thành phố Thuận An, tỉnh B. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3702215033 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh B cấp.
Trong năm 2021 và 2022, Công ty Anh Khôi có thuê nhân công gia công của một số cá nhân ở nhiều địa chỉ khác nhau nên không xác định được danh tính.

Công ty đã thanh toán cả tiền hàng và tiền thuế cho người bán nhưng sau đó vì các cá nhân không thể phát hành được hóa đơn nên để có hóa đơn GTGT chứng minh nguồn gốc hàng hóa mua vào, Khôi đã liên hệ với cá nhân tên ”Bảo” (chưa xác định được danh tính) để mua 22 hóa đơn GTGT của 02 công ty gồm: Công ty TNHH kinh doanh gỗ và trang trí nội ngoại thất Nhật Anh; Công ty TNHH văn phòng phẩm và tin học Thuận Cường với tổng doanh số **9.929.763.311 đồng***(trong đó tiền hàng hóa dịch vụ trước thuế VAT là 8.535.977.760 đồng, tiền thuế là 682.806.222 đồng)*. 02 Công ty này do Nguyễn Minh Tú thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT thông qua các trung gian (F1).

Theo thỏa thuận, Khôi phải trả cho “Bảo” số tiền tương đương 2% giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn và theo nhận thức của Khôi, số tiền này là tiền thuế GTGT “Bảo” sẽ nộp ngân sách Nhà nước.

Để hợp thức thủ tục thanh toán cho việc mua bán hóa đơn nêu trên, kế toán nội bộ của Công ty sẽ lập các Ủy nhiệm chi đưa Khôi ký, scan gửi cho ngân hàng. “Bảo” sẽ là người ra ngân hàng, nộp tiền mặt vào tài khoản Công ty Anh Khôi số 0608000001441 mở tại ngân hàng Puclic Bank rồi thực hiện Ủy nhiệm chi đến các Công ty bán hóa đơn. Để mua 22 hóa đơn khống, Khôi đã trả số tiền mua hóa đơn là 170.710.555 đồng (tương đương 2% giá trị tiền hàng) cho “Bảo” bằng hình thức tiền mặt.

Ngày 10/4/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P có Quyết định trưng cầu số 1585/CQĐT(PC03) trưng cầu Cục Thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm pháp luật về thuế đối với Công ty Anh Khôi.

Tại Kết luận giám định ngày 10/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận: *“Công ty TNHH MTV Chế biến gỗ Anh Khôi đã kê khai điều chỉnh giảm số thuế GTGT khấu trừ đối với 22 tờ hóa đơn sử dụng không hợp pháp nêu trên, dẫn đến tăng thuế GTGT phát sinh phải nộp tương ứng số tiền **555.812.410 đồng**. Đến thời điểm giám định thuế, Công ty TNHH MTV Chế biến gỗ Anh Khôi chưa nộp thuế vào ngân sách Nhà nước”*. Vì vậy không còn thiệt hại về thuế.

Do đó, Hà Văn Khôi có hành vi mua bán trái phép 22 hoá đơn giá trị gia tăng của Nguyễn Minh Tú.

Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, làm rõ hành vi của đối tượng “Bảo” sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.

121. Đường Chí Nghĩa - Sinh năm 1977; Địa chỉ thường trú: 236/29/21 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP H; Chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Kỹ Thuật Phát Triển Pháp Trí (viết tắt là Công ty Pháp Trí); Là người đại diện theo pháp luật.

Công ty Pháp Trí hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên. Mã số doanh nghiệp: 0310832329; Đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 07/05/2011; Đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 06/9/2019. Địa chỉ trụ sở chính: Số 294/18K Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường 21, Quận Bình Thạnh, TP H.

Trong năm 2021 và 2022, Công ty Pháp Trí có thuê nhân công kéo cáp, đào móng, đào đường ống, ... của một số cá nhân ở nhiều địa chỉ khác nhau nên không xác định được danh tính. Công ty đã thanh toán cả tiền hàng và tiền thuế

cho người bán nhưng sau đó vì các cá nhân không thể phát hành được hóa đơn nên để có hóa đơn GTGT chứng minh nguồn gốc hàng hóa mua vào, Nghĩa đã liên hệ với một cá nhân (chưa xác định được danh tính) để mua 20 hóa đơn của 06 Công ty: Công ty TNHH TM DV Lương Chí Đức (02 hóa đơn); Công ty TNHH ĐT XD Vương Bình (02 hóa đơn); Công ty TNHH SX TM Máy móc thiết bị Kim Sang (05 hóa đơn); Công ty TNHH Thiết kế xây dựng Trung Kiên (03 hóa đơn); Công ty TNHH cơ khí viễn thông Đức Sáu (05 hóa đơn); Công ty TNHH ĐT SX TM Mỹ Yến (03 hóa đơn) với tổng doanh số là: ***9.832.182.200 đồng*** *(tiền hàng: 9.021.302.000 đồng, tiền thuế: 810.880.200 đồng).* Các Công ty này do Nguyễn Minh Tú thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT thông qua các trung gian.

Theo thỏa thuận, Nghĩa phải trả cho cá nhân bán hóa đơn số tiền tương đương 10% giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn và theo nhận thức của Nghĩa, số tiền này là tiền thuế GTGT cá nhân này sẽ nộp ngân sách Nhà nước.

Để hợp thức thủ tục thanh toán cho việc mua bán hóa đơn nêu trên, Nghĩa ký ủy nhiệm chi và thực hiện thanh toán hợp thức từ tài khoản của Công ty Pháp Trí sang tài khoản các công ty phát hành hóa đơn, Nghĩa thực hiện thanh toán đúng số tiền ghi trên hóa đơn GTGT (Số tiền thanh toán thực tế cho các cá nhân công ty Pháp Trí thuê bằng số tiền ghi trên hóa đơn GTGT đã bao gồm thuế VAT). Để mua 20 hóa đơn khống, Nghĩa đã trả số tiền là 915.000.000 đồng (tương đương 10% giá trị tiền hàng) cho cá nhân nêu trên bằng hình thức tiền mặt.

Sau khi mua 20 hóa đơn nêu trên, Nghĩa đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty Pháp Trí tại Chi cục thuế Quận Bình Thạnh - TP H. Tháng 6/2023, Nghĩa đã kê khai bổ sung điều chỉnh giảm 20/20 hóa đơn với tổng doanh số là **9.944.032.200 đồng** *(tiền hàng: 9.151.652.000 đồng, tiền thuế 792.380.200 đồng)*.

Ngày 10/4/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P có Quyết định trưng cầu số 1588/CQĐT(PC03) trưng cầu Cục Thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm pháp luật về thuế đối với Công ty Pháp Trí.

Tại Kết luận giám định ngày 10/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận: *"Công ty TNHH TM DV Kỹ thuật phát triển Pháp Trí đã kê khai điều chỉnh giảm số thuế GTGT khấu trừ đối với 20 tờ hóa đơn sử dụng không hợp pháp nêu trên, dẫn đến tăng thuế GTGT phát sinh phải nộp tương ứng số tiền* ***810.880.200đồng****. Đến thời điểm giám định thuế, Công ty TNHH TM DV Kỹ thuật phát triển Pháp Trí đã nộp hết số thuế GTGT phát sinh phải nộp vào ngân sách Nhà nước"*. Vì vậy không còn thiệt hại về thuế.

Do đó, Đường Chí Nghĩa có hành vi mua bán trái phép 20 hoá đơn giá trị gia tăng của Nguyễn Minh Tú.

Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, xác định danh tính, làm rõ hành vi của đối tượng bán hóa đơn trái phép sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.

122. Vũ Thanh Hải - Sinh năm 1988; Địa chỉ thường trú: 135/2Q Đình Phong Phú, khu phố 1, phường Tăng Nhơn Phú B, TP Thủ Đức, TP H. Chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH IS Sài Gòn (viết tắt là Công ty Sài Gòn); Là người đại diện

theo pháp luật.
Công ty Sài Gòn hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên. Mã số doanh nghiệp: 0312545111; Đăng ký lần đầu ngày 13/11/2013; Đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 25/4/2023. Địa chỉ trụ sở chính: Số 32 đường TL 57, khu phố 2, phường Thạnh Lộc, quận 12, TP H.
Trong năm 2021, 2022, quá trình hoạt động Công ty Sài Gòn mua sắm thiết bị máy móc và vật tư sắt thép để phục vụ sản xuất kinh doanh. Việc mua hàng hóa tại Công ty Sài Gòn có chi phí trả tiền mua hàng hóa cho các cá nhân bán hàng. Nhưng do các đơn vị, cá nhân bán hàng không xuất được hóa đơn GTGT để làm chứng từ hạch toán kê khai cho các chi phí đã thanh toán tại Công ty, nên Hải mua hóa đơn GTGT khống để hợp thức chứng từ. Sau đó Hải đã liên hệ với một người đàn ông giới thiệu tên là "Quân" (hiện chưa xác định được nhân thân lai lịch) để mua **21** hóa đơn GTGT khống của 04 công ty gồm Công ty TNHH DDTSX máy móc và cơ khí Ngọc Đức; Công ty TNHH KD VLXD Đồng Tiến; Công ty TNHH SX và KD sắt thép Hoa Sen; Công ty TNHH TMDV nhà hàng Hai Lúa với 6.524.237.027 đồng (trong đó tiền hàng 5.931.124.570 đồng, tiền thuế 593.112.457 đồng). 04 Công ty này do Nguyễn Minh Tú thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT thông qua các trung gian (F1) có "Mã khách hàng" là "Minh".
Theo thỏa thuận, Hải phải trả cho "Quân" số tiền tương đương 4,5% giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn và theo nhận thức của Hải, số tiền này là tiền thuế GTGT "Quân" sẽ nộp ngân sách Nhà nước.
Về việc thanh toán hợp thức và thanh toán tiền mua hóa đơn như sau: Hải và Quân thống nhất khi thực hiện các giao dịch thanh toán hợp thức qua ngân hàng sẽ dùng tiền của bên bán hóa đơn để giao dịch. Sau khi nhận tiền Hải nộp các khoản tiền này vào tài khoản Công ty Sài Gòn (mở tại Ngân hàng ACB – PGD Kiến Thiết, số tài khoản 169390539), đồng thời thực hiện thanh toán từ tài khoản Công ty Sài Gòn đến các tài khoản của các công ty xuất hóa đơn và số tiền mua hóa đơn Hải đã thanh toán là 290 triệu đồng.
Toàn bộ 21 tờ hoá đơn GTGT của các Công ty đã được Công ty Sài Gòn kê khai thuế trong năm 2021, năm 2022 tại Chi cục thuế quận 12 - TP H. Đến tháng 6, tháng 12 /2023, Công ty Sài Gòn đã kê khai điều chỉnh bổ sung, loại bỏ 21 hóa đơn nêu trên.
Ngày 09/4/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P có Quyết định trưng cầu giám định số 1529/QĐ- CSKT trưng cầu Cục thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm về pháp luật thuế đối với Công ty Sài Gòn.
Tại Kết luận giám định ngày 09/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận:
"Việc Công ty Sài Gòn sử dụng không hợp pháp hóa đơn để hạch toán hàng hóa, nguyên liệu mua vào trong hoạt động phát sinh nghĩa vụ thuế làm tăng số tiền thuế được khấu trừ, làm giảm số tiền thuế phải nộp là hành vi trốn thuế".
"Công ty Sài Gòn đã kê khai điều chỉnh giảm thuế GTGT khấu trừ đối với 21 số hóa đơn sử dụng không hợp pháp nêu trên dẫn đến số thuế GTGT phải nộp là 574.421.933 đồng, giảm số thuế GTGT khấu trừ chuyển kỳ sau số tiền

18.690.524 đồng". Vì vậy không còn thiệt hại về thuế. Sau khi kê khai điều chỉnh, Công ty Sài Gòn đã nộp đủ số tiền thuế GTGT vào ngân sách Nhà nước.
Do đó, Vũ Thanh Hải có hành vi mua trái phép 21 hóa đơn GTGT của Nguyễn Minh Tú.
Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, xác định danh tính, làm rõ hành vi của cá nhân "Quân" sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.
123. Trần Thị Ngọc Mai- Sinh năm 1985, HKTT: Tổ 5, KP Long Bình, Khánh Bình, Tân Uyên, B; Chức vụ: Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty TNHH MTV Suất ăn công nghiệp Ngọc Mai (viết tắt là Công ty Ngọc Mai); Là người đại diện theo pháp luật; Ngành nghề: Kinh doanh suất ăn công nghiệp.
Công ty Ngọc Mai được Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh B cấp giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, mã số 3702256946, đăng ký lần đầu ngày 28/02/2014, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 16/03/2023; Địa chỉ trụ sở chính: số 309/4 Tổ 5, KP Long Bình, Khánh Bình, Tân Uyên, B.
Trong năm 2021 và 2022, Công ty Ngọc Mai có mua hàng hóa là các loại thực phẩm như: thịt, cá,…của các nhà cung cấp và hộ kinh doanh ở nhiều địa chỉ khác nhau nên không xác định được danh tính; công ty đã thanh toán cả tiền hàng và tiền thuế cho bên bán hàng nhưng sau đó vì các cá nhân không thể phát hành được hóa đơn nên để có hóa đơn GTGT chứng minh nguồn gốc hàng hóa mua vào, Mai đã liên hệ với cá nhân tên "Thi" (chưa xác định được nhân thân lai lịch) để mua **21** hóa đơn GTGT khống của 02 công ty gồm: Công ty TNHH TMĐT Ý Tưởng (08 hóa đơn); Công ty TNHH TMDV ông mập FOOD (13 hóa đơn) với tổng doanh số ghi trên hóa đơn là 11.951.642.720 đồng *(trong đó tiền hàng hóa dịch vụ là 10.977.259.000đồng, tiền thuế GTGT là* 974.383.720 *đồng).*
02 Công ty này do Nguyễn Minh Tú thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT thông qua trung gian (F1) có "Mã khách hàng" là "Lê duy".
Theo thỏa thuận, Mai phải trả cho "Thi" số tiền tương đương 7% giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn và theo nhận thức của Mai, số tiền này là tiền thuế GTGT "Thi" sẽ nộp ngân sách Nhà nước.
Để hợp thức thanh toán hóa đơn, Thi sẽ đưa tiền mặt cho Mai số tiền bằng với giá trị thanh toán trên hóa đơn nhưng đã giữ lại số tiền chi phí mua hóa đơn là 7% để Mai nộp vào tài khoản của Công ty Ngọc Mai (số tài khoản 65010001120936 tại Ngân hàng BIDV). Sau đó, Mai sẽ ra ngân hàng để viết Ủy nhiệm chi để chuyển tiền từ tài khoản trên của Công ty Ngọc Mai đến tài khoản các Công ty phát hành hóa đơn. Về tiền chi phí mua hóa đơn, Mai đã trả cho Thi thông qua việc phải nộp bù vào số tiền mà Thi đã giữ lại khi đưa cho Mai để nộp vào tài khoản Công ty Ngọc Mai. Tổng số tiền Mai đã trả cho Thi để mua 21 hóa đơn là 729.581.120 đồng (tương đương với khoảng 7% giá trị tiền hàng hóa chưa bao gồm thuế GTGT).
Đối với 21 tờ hoá đơn GTGT của 02 Công ty trên với tổng doanh số ghi trên hóa đơn là 11.951.642.720 đồng, Công ty Ngọc Maiđã kê khai thuế trong năm 2021, 2022 tại chi cục thuế khu vực Tân Uyên. Đến ngày 28/11/2023, Công ty Ngọc Mai đã kê khai điều chỉnh bổ sung, loại bỏ 21 hóa đơn của 02 Công ty nêu trên;

đến nay, Công ty đã nộp khắc phục vào ngân sách Nhà nước số tiền là 660.185.990 đồng.
Ngày 09/4/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P có Quyết định trưng cầu giám định số 1564/QĐ- CSKT trưng cầu Cục thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm về pháp luật thuế đối với Công ty Ngọc Mai.
Tại Kết luận giám định ngày 07/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận:
"Với hành vi sử dụng không hợp pháp hoá đơn (hoá đơn khống) để kê khai làm tăng số tiền thuế được khấu trừ, làm giảm số tiền thuế phải nộp của Công ty Ngọc Mai là hành vi trốn thuế theo quy định tại Khoản 4 Điều 143 Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019".
*"Tại thời điểm giám định Công ty Ngọc Mai đã kê khai bổ sung để điều chỉnh giảm toàn bộ số thuế GTGT đầu vào khấu trừ của 21 tờ hoá đơn sử dụng không hợp pháp và đã khắc phục nộp vào ngân sách số thuế GTGT phải nộp tăng sau khi kê khai điều chỉnh là 551.353.543 đồng, số tiền thuế GTGT phải nộp sau điều chỉnh bổ sung chưa nộp ngân sách là 423.030.177 đồng".*Vì vậy không còn thiệt hại về thuế.
Do đó, Trần Thị Ngọc Mai có hành vi mua bán trái phép 21 hóa đơn GTGT của Nguyễn Minh Tú.
Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, xác định danh tính, làm rõ hành vi của cá nhân "Thi" sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.
124. Huỳnh Văn Đở - Sinh năm 1988; Địa chỉ thường trú: Tổ 1, khu phố Tân Hội, phường Tân Hiệp, TP Tân Uyên, B; Chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH Sản xuất thương mại cơ khí Thành Phát Đạt (viết tắt là Công ty Thành Phát Đạt); Là người đại diện theo pháp luật; Ngành nghề kinh doanh: gia công cơ khí sản xuất khuôn mẫu máy móc.
Công ty Thành Phát Đạt hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH hai thành viên trở lên. Mã số doanh nghiệp: 3702769715; Đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 14/5/2019; Đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 28/11/2023. Địa chỉ trụ sở chính: Thửa đất 1372 tờ bản đồ 34, đường Tân Hiệp 47, tổ 1, khu phố Tân Hội, phường Tân Hiệp, TP Tân Uyên, B.
Trong quá trình hoạt động để phục vụ việc sản xuất năm 2021, 2022, Công ty Thành Phát Đạt thực hiện mua hàng hóa vật tư sắt, thép, Đở đã giao dịch mua hàng thông qua một nam thanh niên tên "Hiền" (hiện chưa xác định được nhân thân lai lịch) để giới thiệu mua hàng vật tư. Sau khi trao đổi giá cả thì Hiền nói hàng hóa nếu không lấy hóa đơn thì giá khác, còn nếu lấy hóa đơn để hợp thức chứng từ thì phải trả cho thêm cho Hiền. Do thấy giá cả mặt hàng của Hiền giới thiệu rẻ hơn thị trường nên Đở đã mua hàng và đồng ý trả thêm khoản tiền để mua **21** hóa đơn GTGT khống để làm chứng từ hạch toán của 02 Công ty gồm: Công ty TNHH XNK và KD sắt thép POMINA; Công ty TNHH Khai thác sản xuất và kinh doanh sắt thép Việt Nhật với tổng doanh số 12.222.452.000 đồng (trong đó tiền hàng 11.111.320.000 đồng, tiền thuế 1.111.132.000 đồng). 02 Công ty này do Nguyễn Minh Tú thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT thông qua trung gian (F1) có "Mã khách hàng" là "Chi thi".
Theo thỏa thuận, Đở phải trả cho "Hiền" số tiền tương đương 5% giá trị tiền

hàng ghi trên hóa đơn và theo nhận thức của Đở, số tiền này là tiền thuế GTGT "Hiền" sẽ nộp ngân sách Nhà nước.
Về việc hợp thức thanh toán cho các hóa đơn khống cụ thể như sau: Bên bán hóa đơn sẽ chuyển tiền đến tài khoản cá nhân của Đở mở tại Ngân hàng Sacombank CN B số 050131683895, sau đó Đở tiếp tục nộp các khoản tiền này vào tài khoản của Công ty Thành Phát Đạt (mở tại ngân hàng Sacombank - CN B số 050108285092) và sử dụng ủy nhiệm chi để thanh toán từ tài khoản Công ty Thành Phát Đạt đến tài khoản các công ty xuất hóa đơn. Về tiền chi phí mua hóa đơn phải trả cho Hiền thì Đở có lúc thanh toán bằng tiền mặt hoặc thanh toán bằng tài khoản cá nhân đến các tài khoản cá nhân do Hiền cung cấp. Số tiền mua hóa đơn Đở đã trả cho Hiền là 555.566.000 đồng.
Toàn bộ 21 hoá đơn GTGT nêu trên, đã được Công ty Thành Phát Đạt kê khai thuế trong năm 2021, năm 2022 tại Chi cục thuế TP Tân Uyên - B. Đến tháng 01/2024, Công ty Thành Phát Đạt đã kê khai điều chỉnh bổ sung, loại bỏ 21 hóa đơn nêu trên.Quốc M (15 hóa đơn) cho Công ty Đ với tổng giá trị hóa đơn là 21.617.617.230 đồng (trong đó: tiền hàng hóa: 19.652.379.300 đồng; tiền thuế GTGT: 1.965.237.930 đồng). 03 Công ty này do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT.
Theo thỏa thuận, N phải trả cho "T1" số tiền tương đương 5% giá trị hàng hóa ghi trên hóa đơn và theo nhận thức của N, số tiền này là tiền thuế GTGT "Tuấn" sẽ nộp ngân sách Nhà nước.
Để hợp thức thủ tục thanh toán qua ngân hàng cho các hóa đơn, "T1" chuyển tiền vào tài khoản Công ty Đ mở tại Ngân hàng S hoặc đưa tiền mặt để N nộp tiền vào tài khoản Công ty Đ. Sau đó, N làm thủ tục Uỷ nhiệm chi chuyển khoản số tiền này đến 03 Công ty bán hóa đơn nêu trên. Khi N không đi hợp thức việc mua hóa đơn được N sẽ chỉ đạo vợ là Phạm Thị Thúy H mang tiền mặt đến ngân hàng (Ninh ghi trước nội dung, ký, đóng dấu trước vào thủ tục ủy nhiệm chi cho bà H) để nộp tiền vào tài khoản Công ty Đ và chuyển tiền đến Công ty phát hành hóa đơn. Bà H chỉ thực hiện theo chỉ đạo của N mà không biết việc N mua bán trái phép hóa đơn. Để mua 24 hóa đơn khống, N đã trả số tiền 900.998.900 đồng cho "Tuấn" bằng tiền mặt (tương đương 5% giá trị tiền hàng).
Sau khi mua 24 hóa đơn GTGT nêu trên, N đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty Đ tại Chi cục thuế quận B, TP .. Công ty Đ đã kê khai bổ sung, điều chỉnh giảm thuế GTGT được khấu trừ tại Chi cục thuế quận B đối với 24 hóa đơn trên.
Ngày 03/4/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P có Quyết định trưng cầu giám định số 1467/CQĐT(PC03) trưng cầu Cục thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm về pháp luật thuế đối với Công ty Đ.
Tại Kết luận giám định ngày 10/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận:
"Với hành vi sử dụng không hợp pháp hóa đơn, hóa đơn khống để kê khai làm tăng số tiền thuế được khấu trừ thuế làm giảm số thuế phải nộp của Công ty Đ là hành vi trốn thuế".
"Công ty Đ đã kê khai bổ sung điều chỉnh giảm toàn bộ số thuế GTGT đầu vào khấu trừ của 24 hóa đơn sử dụng không hợp pháp và còn phải nộp khắc phục số

*tiền thuế GTGT phát sinh phải nộp sau khi điều chỉnh, bổ sung vào ngân sách nhà nước là **1.694.931.829 đồng**"*. Vì vậy không còn thiệt hại về thuế.
Do đó, Bùi Đình Ncó hành vi mua trái phép 24 hóa đơn GTGT của Nguyễn Minh T.
Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, làm rõ hành vi của đối tượng "T1" sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.
112. Trần Thị Kim C- Sinh năm 1968; HKTT: B.1403, A Q, phường T, thành phố T, Thành phố H; Chức vụ: Phó Giám đốc Công ty TNHH C3 (viết tắt là Công ty C3); Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất bao bì.
Công ty C3 hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0300851516 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố H cấp ngày 27/7/1995; Địa chỉ trụ sở chính: A P, phường A, quận G, Thành phố H; Người đại diện theo pháp luật là ông Phan Mạnh C1 - Chức vụ: Giám đốc; Tuy nhiên trên thực tế, mọi hoạt dộng của Công ty do C (vợ của ông C1) điều hành.
Trong năm 2022, Công ty C3 đã mua giấy bìa, keo của các cá nhân và cơ sở kinh doanh nhỏ lẻ để phục vụ sản xuất, nhưng sau khi nhận được hàng, bên bán hàng không xuất được hóa đơn GTGT cho Công ty để kê khai thuế. Để chứng minh nguồn gốc hàng hóa đã mua, C đã liên hệ với cá nhân tên "H1" (chưa xác định được danh tính) để mua 24 hóa đơn GTGT của 04 Công ty gồm: Công ty TNHH D1 (01 hóa đơn); Công ty TNHH S1 (07 hóa đơn); Công ty TNHH K (10 hóa đơn); Công ty TNHH T3 (06 hóa đơn) với tổng doanh số là: ***13.432.740.457 đồng****(Tiền hàng là: **12.437.722.645 đồng**; tiền thuế GTGT là: **995.017.812 đồng**)*. 04 Công ty này do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT thông qua các trung gian có "Mã khách hàng" là **"Lê D"**.
Theo thỏa thuận, C phải trả cho "H1" số tiền tương đương 3% giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn và theo nhận thức của C, số tiền này là tiền thuế GTGT "H1" sẽ nộp ngân sách Nhà nước.
Để hợp thức thủ tục thanh toán cho việc mua bán hóa đơn nêu trên, H1 chuyển tiền vào tài khoản cá nhân của C (STK: 1050138889999 mở tại ngân hàng M1), sau đó C chuyển khoản vào tài khoản Công ty TNHH C3 (1051100438008 mở tại ngân hàng M1) và thực hiện chuyển tiền từ tài khoản của Công ty TNHH C3 đến tài khoản của Công ty bán hóa đơn hoặc H1 trực tiếp mang tiền mặt đến cho Công ty TNHH C3 sử dụng để hợp thức hóa đơn, sau đó C nộp tiền vào tài khoản của Công ty và thực hiện chuyển tiền từ tài khoản của Công ty TNHH C3 đến tài khoản của Công ty bán hóa đơn; Ngoài ra Công ty TNHH C3 vay tiền ngân hàng để thanh toán hóa đơn theo hình thức giải ngân theo hóa đơn, sau khi ngân hàng G vay đến tài khoản của Công ty bán hóa đơn, H1 rút tiền mặt ra và mang đến trả lại cho C hoặc chuyển khoản vào tài khoản cá nhân của C mở tại ngân hàng M1). Để mua 24 hóa đơn khống, C đã trả số tiền ***402.982.213 đồng*** (tương đương 3% giá trị tiền hàng) cho "H1" bằng cách chuyển khoản cho H1.
Sau khi mua 24 hóa đơn nêu trên, C đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty TNHH C3 tại Chi cục thuế quận G, Thành phố H. Tháng 7/2023, Công ty kê khai bổ sung, loại toàn bộ 24 hóa đơn nêu trên ra khỏi hóa đơn đầu vào của Công ty.

Ngày 12/4/2024, Cơ quan CSĐT – Công an tỉnh P đã có Quyết định trưng cầu giám định số 1637/CQĐT(PC03) trưng cầu Cục thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm về pháp luật thuế đối với Công ty TNHH C3.
Tại Kết luận giám định ngày 10/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận:
"Hành vi của Công ty TNHH C3 là hành vi trốn thuế theo quy định tại khoản 4 Điều 143 Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14".
"Công ty TNHH C3 đã kê khai điều chỉnh giảm số thuế GTGT khấu trừ đối với toàn bộ 24 số hóa đơn sử dụng không hợp pháp nêu trên, dẫn đến tăng số thuế GTGT phát sinh phải nộp tương ứng số tiền 995.017.839 đồng. Số tiền thuế GTGT tăng thêm doanh nghiệp đã nộp vào Ngân sách Nhà nước". Vì vậy không còn thiệt hại về thuế.
Do đó, Trần Thị Kim C đã có hành vi mua bán trái phép 24 hóa đơn GTGT của Nguyễn Minh T.
Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, xác định danh tính, làm rõ hành vi của cá nhân "H1" sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.
113. Lê Thanh N1- Sinh năm 1978; Địa chỉ thường trú: D2/59 tổ B, ấp D, xã Đ, huyện B, TP H - Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc; Công ty TNHH N2 (gọi tắt là Công ty N2), là Người đại diện theo pháp luật.
Công ty N2 hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên. Mã số doanh nghiệp: 1201077428; Đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 23/9/2010; Đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 17/5/2023. Địa chỉ trụ sở chính: Ấp H, xã K, huyện C, tỉnh T; hoạt động trong lĩnh vực gia công, M2, túi xách.
Trong năm 2021 và 2022, Công ty N2 có mua vật liệu và thực hiện thuê may gia công ba lô, túi xách tại xưởng của Công ty của các cá nhân nhưng các cá nhân này không xuất được hóa đơn GTGT. Đầu năm 2022, N1 biết được cá nhân tên D (chưa xác định được danh tính), D nói có công ty xuất được hóa đơn về các mặt hàng nêu trên, muốn lấy hóa đơn thì phải trả cho D từ 08% đến 10% doanh số ghi trên tờ hóa đơn GTGT (chưa bao gồm thuế VAT) tùy từng thời điểm. N1 đồng ý, khi cần lấy hóa đơn N1 cung cấp thông tin cho D viết hóa đơn (tên hàng hóa, dịch vụ, đơn vị, số lượng, đơn giá, thành tiền), N1 lập bảng kê sau đó gửi scan cho D. Sau khi viết hóa đơn theo yêu cầu của N1, D gửi vào mail Công ty N2 cho N1. Khi thanh toán hợp thức cho các tờ hóa đơn lấy của D: N1 lập sẵn ủy nhiệm chi thanh toán từ Công ty N2 sang các công ty phát hành hóa đơn, sau đó N1 cùng D ra ngân hàng AChi nhánh T4, quận H, TP H, N1 thực hiện ủy nhiệm chi từ tài khoản Công ty N2 đến tài khoản các công ty phát hành hóa đơn, D giữ lại số tiền bán hóa đơn như đã thỏa thuận từ 08% đến 10%, số tiền còn lại chuyển khoản trả cho N1 vào tài khoản cá nhân N1 mở tại ngân hàng A. N1 đã mua 24 hóa đơn GTGT khống của D gồm: Công ty TNHH T5 (07 hóa đơn); Công ty TNHH P (08 hóa đơn); Công ty TNHH C4 (09 hóa đơn) với tổng doanh số 36.767.581.785 đồng (Tiền hàng: 33.904.798.950 đồng, tiền thuế VAT: 2.862.782.835 đồng). Các công ty này do Nguyễn Minh T do Nguyễn Minh T thành lập để bán hóa đơn GTGT.
Đối với toàn bộ 24 hóa đơn GTGT khống, Công ty đã kê khai hàng hóa mua vào

năm 2021 và năm 2022. Tháng 6/2023, Công ty N2 đã kê khai điều chỉnh giảm 24 tờ hóa đơn GTGT khống nêu trên tại Chi cục thuế khu vực C5 - T, tỉnh T và đã nộp lại số tiền thuế và tiền phạt là 3.171.828.759 đồng vào ngân sách Nhà Nước.

Ngày 3/10/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P có Quyết định trưng cầu Cục Thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm pháp luật về thuế đối với Công ty N2.

Tại Kết luận giám định ngày 9/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận: *"Công ty TNHH N2 đã kê khai điều chỉnh giảm số thuế GTGT khấu trừ đối với toàn bộ 24 số hóa đơn sử dụng không hợp pháp nêu trên, dẫn đến tăng số thuế GTGT phải nộp là 2.822.117.635 đồng (tại tờ khai bổ sung lần 2 của kỳ kê khai quý 3/2022, Công ty N2 kê khai tăng số thuế GTGT được khấu trừ dẫn đến giảm số thuế GTGT phải nộp là 40.665.200 đồng)"*. Vì vậy không còn thiệt hại về thuế.

Do đó, Lê Thanh N1 có hành vi "Mua bán trái phép" 24 hóa đơn GTGT của Nguyễn Minh T.

Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, làm rõ hành vi của đối tượng "Duy" đã bán hóa đơn cho Công ty N2 sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.

114. Lê Thanh H1- Sinh năm 1969; Nơi thường trú: Tổ D, KP H, U, TP T, B; Chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH MTV L (Công ty L); Là người đại diện theo pháp luật.

Công ty L hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3702560664 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh B; cấp ngày 09 tháng 5 năm 2017, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 30/05/2023; Địa chỉ trụ sở: Thửa đất 4, tờ bản đồ 51, tổ D, khu phố H, phường U, Thành phố T, Tỉnh B.

Trong năm 2021 và 2022, Công ty L mua hàng hóa là ván lạng của của các cá nhân, cửa hàng nhỏ lẻ ở nhiều địa chỉ khác nhau nên không xác định được danh tính. Công ty đã thanh toán cả tiền hàng và tiền thuế cho người bán nhưng các cá nhân không phát hành được hóa đơn, nên để có hóa đơn GTGT chứng minh nguồn gốc hàng hóa mua vào, H1 đã liên hệ với một người đàn ông (đến nay chưa xác định được danh tính) để mua 23 hóa đơn của 06 công ty gồm: Công ty TNHH N3; Công ty TNHH T6; Công ty TNHH S1; Công ty TNHH S2; Công ty TNHH K1; Công ty TNHH T7 (06 Công ty đều do Nguyễn Minh T sử dụng để bán hóa đơn) với tổng doanh số là 9.860.496.900 đồng (trong đó tiền hàng là 8.991.365.000đ, tiền thuế là 869.131.900đ).

Theo thoả thuận, H1 phải trả cho người bán hóa đơn số tiền tương đương 6,5% giá trị tiền hàng ghi trên hoá đơn, theo nhận thức của H1 thì số tiền này là tiền thuế GTGT người bán hóa đơn sẽ nộp NSNN.

Để hợp thức thủ tục thanh toán qua ngân hàng cho các hoá đơn, thì người bán hóa đơn đưa tiền mặt tương đương với giá trị hóa đơn cần thanh toán để H1 nộp vào tài khoản số 050076352248 của Công ty L mở tại Ngân hàng S, sau đó H1 thực hiện ủy nhiệm chi số tiền này sang tài khoản các công ty phát hành hóa đơn. Để mua 23 hóa đơn nêu trên, H1 đã trả cho người bán tổng số tiền là 584.438.725đ(tương đương với 6,5%) bằng tiền mặt .

Sau khi mua 23 hóa đơn GTGT, Công ty L đã sử dụng kê khai thuế GTGT đầu

vào với Chi cục thuế khu vực T8 - B. Đến tháng 3 năm 2024, Công ty L đã đã kê khai bổ sung, điều chỉnh giảm thuế GTGT được khấu trừ đối với 23 số hoá đơn trên.

Ngày 10/04/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P có Quyết định trưng cầu giám định số 1545/QĐ- CSKT trưng cầu Cục thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm về pháp luật thuế đối với Công ty L.

Tại Kết luận giám định ngày 10/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận:

"Việc Công ty Lsử dụng 23 hóa đơn không hợp pháp để hạch toán hàng hóa, nguyên liệu đầu vào trong hoạt động phát sinh nghĩa vụ thuế làm tăng số tiền thuế được khấu trừ là hành vi trốn thuế".

*"Công ty L đã kê khai điều chỉnh giảm thuế số thuế GTGT khấu trừ đối với toàn bộ 23 số hóa đơn sử dụng không hợp pháp, dẫn đến tăng số thuế phải nộp tương ứng với số tiền: **785.461.061 đồng**. Đến thời điểm giám định Công ty LT2 chưa nộp thuế vào Ngân sách nhà nước".* Vì vậy không còn thiệt hại về thuế.

Do đó, Lê Thanh H1 có hành vi mua bán trái phép 23 hoá đơn giá trị gia tăng của Nguyễn Minh T.

Lê Thanh H1 phải tiếp tục nộp số tiền là **785.461.061 đồng** theo quy định của pháp luật.

Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, làm rõ hành vi của đối tượng bán hóa đơn trái phép sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.

115. Trần Lê Hải Y- Sinh năm 1975; HKTT: 541 Đ, phường B, quận B, TP .. Chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH K2 (viết tắt là TI); là người đại diện theo pháp luật; Ngành nghề kinh doanh chính: xây dựng.

Công ty K2 hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0316661969 do Sở K cấp ngày 29/12/2020; đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày: 23/11/2022. Địa chỉ trụ sở: 6/1/14/29 đường số A, khu phố B, phường H, TP T, TP H.

Trong năm 2021 và 2022, Công ty K2 đã mua hàng hóa và thuê nhân công, phương tiện của những cá nhân, hộ kinh doanh nhỏ lẻ để phục vụ kinh doanh (đến nay, Y không xác định được danh tính,). Theo thỏa thuận, Y đã thanh toán tiền mua hàng hóa, dịch vụ đã bao gồm thuế GTGT nhưng sau khi nhận hàng hóa, dịch vụ, bên bán hàng hóa, dịch vụ không xuất được hóa đơn GTGT cho Công ty K2 để kê khai thuế. Để chứng minh nguồn gốc hàng hóa, dịch vụ đã mua và sử dụng, Y đã liên hệ với một cá nhân (chưa xác định được nhân thân, lai lịch) để mua 23 hóa đơn GTGT của 05 Công ty gồm: Công ty cổ phần T9 (01 hóa đơn); Công ty TNHH Đ1 (06 hóa đơn); Công ty TNHH T10 (04 hóa đơn); Công ty TNHH T11 (01 hóa đơn); Công ty TNHH T12 (11 hóa đơn) cho Công ty K2 với tổng giá trị hóa đơn là 27.522.664.124 đồng (trong đó: tiền hàng hóa: 25.055.178.690 đồng; tiền thuế GTGT: 2.467.485.434 đồng). 05 Công ty này do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT.

Theo thỏa thuận, Y phải trả cho bên bán hóa đơn số tiền tương đương 6% giá trị hàng hóa ghi trên hóa đơn và theo nhận thức của Y, số tiền này là tiền thuế GTGT sẽ nộp ngân sách Nhà nước.

Để hợp thức thủ tục thanh toán qua ngân hàng cho các hóa đơn, Y thực hiện Uỷ

nhiệm chi chuyển tiền từ tài khoản Công ty K2 mở tại Ngân hàng A1 đến 05 Công ty bán hóa đơn nêu trên. Sau khi nhận được tiền, bên bán hóa đơn giữ lại tiền mua hóa đơn tương đương 6% giá trị tiền hàng và trả lại cho Y số tiền còn lại bằng tiền mặt. Để mua 23 hóa đơn khống, Y đã trả số tiền 1.503.310.721 đồng cho bên bán hóa đơn (tương đương 6% giá trị tiền hàng).

Sau khi mua 23 hóa đơn GTGT nêu trên, Y đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty K2 tại Chi cục thuế thành phố T, TP .. Công ty K2 đã kê khai bổ sung, điều chỉnh giảm thuế GTGT được khấu trừ tại Chi cục thuế thành phố T đối với 23 hóa đơn trên.

Ngày 03/4/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P có Quyết định trưng cầu giám định số 1464/CQĐT(PC03) trưng cầu Cục thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm về pháp luật thuế đối với Công ty K2.

Tại Kết luận giám định ngày 09/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận:

"Với hành vi sử dụng không hợp pháp hóa đơn, hóa đơn khống để kê khai làm tăng số tiền thuế được khấu trừ thuế làm giảm số thuế phải nộp của Công ty K2 là hành vi trốn thuế".

"Công ty K2 đã kê khai bổ sung điều chỉnh giảm số thuế GTGT khấu trừ đối với toàn bộ 23 số hóa đơn sử dụng không hợp pháp nêu trên dẫn đến tăng số thuế GTGT phải nộp là: ***2.374.114.568đồng****;giảm số tiền thuế GTGT còn khấu trừ chuyển kỳ sau số tiền là:* ***93.370.866 đồng****"*. Vì vậy không còn thiệt hại về thuế.

Do đó, Trần Lê Hải Ycó hành vi mua trái phép 23 hóa đơn GTGT của Nguyễn Minh T.

Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, làm rõ hành vi của đối tượng bán hóa đơn trái phép sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.

116. Trần Thị Kim C2- Sinh năm 1983, HKTT: 147/10 L, phường L, TP T, thành phố H; Chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH A2 (viết tắt là Công ty A3); Là người đại diện theo pháp luật; Ngành nghề kinh doanh: Gia công cơ khí.

Công ty A3 được Sở kế hoạch và đầu tư thành phố H cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0314272170, đăng ký lần đầu ngày 07/3/2017, đăng ký thay đổi lần thứ 5 năm 2023; Địa chỉ trụ sở chính: 147/10 L, phường L, TP T, thành phố H.

Năm 2021, 2022, để phục vụ hoạt động sản xuất, Công ty A3mua nguyên vật liệu sản xuất ở các cá nhân, cửa hàng nhỏ lẻ khác nhau trên địa bàn thành phố H. Tuy nhiên, khi thanh toán tiền hàng, các cá nhân, cửa hàng này lại không xuất được hóa đơn GTGT nên C đã thông qua "T" (hiện chưa xác định được nhân thân lai lịch) mua 23 hóa đơn GTGT của Công ty TNHH T3 (14 hóa đơn) và Công ty TNHH S (09 hóa đơn) với tổng doanh số hóa đơn là 19.041.480.000 đồng, trong đó giá trị hàng trước thuế là 17.313.000.000 đồng, tiền thuế VAT là 1.728.480.000 đồng. Các công ty này do Nguyễn Minh T1 thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT (chưa xác định được trung gian).

Theo thỏa thuận, C phải trả cho "T" đơn số tiền bằng số tiền thuế VAT ghi trên hoá đơn và theo nhận thức của C, số tiền này là tiền thuế GTGT "Tuấn" sẽ nộp ngân sách Nhà nước.

Để hợp thức tiền trên tài khoản, khi có nhu cầu lấy hóa đơn GTGT, C sẽ liên hệ

với T, cung cấp cho T các thông tin cần thiết để T xuất hóa đơn. Về hình thức thanh toán hợp thức: Mỗi lần thanh toán, nhân viên của C (C không nhớ là ai) sẽ cùng T ra ngân hàng, tại ngân hàng, T sẽ đưa tiền mặt (bằng đúng số tiền ghi trên hóa đơn) để C nộp vào tài khoản số 0881000445796 mở tại ngân hàng V, sau đó, C sẽ thực hiện Ủy nhiệm chi thanh toán vào tài khoản Công ty bán hóa đơn. Chi phí mua hóa đơn Công ty A1 đã thanh toán là 1.728.480.000 đồng.
Sau khi mua 23 hóa đơn nêu trên, C đã sử dụng toàn bộ 23 hóa đơn để kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty A1 tại chi cục thuế T4, TP H. Chi đã kê khai bổ sung điều chỉnh giảm 23 hóa đơn trên.
Ngày 11/4/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P đã có Quyết định trưng cầu giám định số 1627/CQĐT(PC03) trưng cầu Cục thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm về pháp luật thuế đối với Công ty A1.
Tại Kết luận giám định ngày 10/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận:
"*Việc Công ty A1 sử dụng không hợp pháp hóa đơn để hạch toán hàng hóa, nguyên liệu đầu vào trong hoạt động phát sinh nghĩa vụ thuế làm tăng số tiền thuế được khấu trừ, giảm số tiền thuế phải nộp là hành vi trốn thuế theo quy định tại Khoản 4 Điều 143 Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019".*
"Công ty A1 đã kê khai bổ sung điều chỉnh giảm số tiền thuế GTGT khấu trừ đối với các hóa đơn sử dụng không hợp pháp đã kê khai (loại bỏ 23 hóa đơn); đồng thời đã xác định giảm số thuế GTGT còn được khấu trừ chuyển kỳ sau". Vì vậy không còn thiệt hại về thuế.
Do đó, Trần Thị Kim C có hành vi mua bán trái phép 23 hóa đơn GTGT của Nguyễn Minh T1.
Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, xác định danh tính, làm rõ hành vi của cá nhân "T" sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.
117. Khổng Hữu N- Sinh năm 1958; HKTT: 27A/84 KP A, phường H, B, Đ; Chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH K1 (viết tắt là Công ty K1); Là người đại diện pháp luật; Ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh bột mì.
Công ty K1; địa chỉ: B KP A, phường H, B, Đ. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3603452139 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Đ cấp lần đầu ngày 23/3/2017; đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 10/1/2023.
Năm 2021, 2022, Công ty K1 mua hàng hóa của nhiều cá nhân, cửa hàng khác nhau. Tuy nhiên, khi thanh toán tiền hàng, các cá nhân bán hàng không xuất được hóa đơn GTGT dẫn đến Công ty K1 thiếu đầu vào để kê khai với cơ quan thuế. Do vậy, N đã liên hệ được với một cá nhân tên "D" (hiện chưa xác định được nhân thân lai lịch) để mua 23 hóa đơn GTGT của 03 Công ty: Công ty TNHH S (01 hóa đơn); Công ty TNHH S và chế biến hạt điều Diệp Thanh (9 hóa đơn); Công ty TNHH T5 (13 hóa đơn) với tổng doanh số hóa đơn là 10.911.060.000 đồng, trong đó tiền hàng hóa dịch vụ trước thuế VAT là 9.997.000.000 đồng, tiền thuế là 914.060.000 đồng. Các Công ty này do Nguyễn Minh T1 thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT thông qua trung gian (F1) có "Mã khách hàng" là "xuanhai".
Theo thỏa thuận, N phải trả cho "Duy" số tiền bằng 3,5% giá trị tiền hàng ghi

trên hoá đơn và theo nhận thức của N, số tiền này là tiền thuế GTGT "Duy" đơn sẽ nộp ngân sách Nhà nước.
Để hợp thức tiền trên tài khoản: Mỗi lần thanh toán, người của Công ty bán hóa đơn sẽ mang tiền mặt và cùng N ra ngân hàng. Tại ngân hàng, bên bán hóa đơn sẽ đưa tiền (bằng đúng số tiền ghi trên hóa đơn) để N nộp tiền vào tài khoản Công ty K1, sau đó, N sẽ dùng Ủy nhiệm chi để thanh toán cho các Công ty bán hóa đơn. Chi phí mua hóa đơn Công ty K1 đã thanh toán là 349.895.000 đồng.
Sau khi mua 23 hóa đơn nêu trên, N đã sử dụng toàn bộ 23 hóa đơn để kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty K1 tại chi cục thuế K2 - V. Nháng đã kê khai bổ sung điều chỉnh giảm 23 hóa đơn trên.
Ngày 14/4/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P đã có Quyết định trưng cầu giám định số 1643/CQĐT(PC03) trưng cầu Cục thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm về pháp luật thuế đối với Công ty K1.
Tại Kết luận giám định ngày 10/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận:
"*Việc Công ty K1 sử dụng không hợp pháp hóa đơn để hạch toán hàng hóa, nguyên liệu đầu vào trong hoạt động phát sinh nghĩa vụ thuế làm tăng số tiền thuế được khấu trừ, giảm số tiền thuế phải nộp là hành vi trốn thuế theo quy định tại Khoản 4 Điều 143 Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019".*
"Công ty K1 đã kê khai điều chỉnh giảm số thuế GTGT đầu vào khấu trừ đối với 23 hóa đơn sử dụng không hợp pháp nêu trên, dẫn đến tăng thuế GTGT phải nộp tương ứng số tiền 905.368.000đ. Đến thời điểm giám định, Công ty K1 đã nộp số tiền 198.000.000đ vào ngân sách Nhà nước. Số tiền còn phải nộp 707.368.000đ".
Do đó, Khổng Hữu N có hành vi mua trái phép 23 hóa đơn GTGT của Nguyễn Minh T1.
Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, xác định danh tính, làm rõ hành vi của cá nhân "D" sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.
118. Nguyễn Văn H- Sinh năm 1984; HKTT, nơi ở hiện nay: Khu phố D, phường A, thành phố T, tỉnh B. Là người đại diện theo pháp luật Công ty TNHH H4 (viết tắt là Công ty H4); Ngành nghề kinh doanh chính: Gia công cơ khí.
119. Lê Thị H1- Sinh năm 1984; HKTT: Tổ E, khu phố K, phường T, Thị xã T, tỉnh B; Chức vụ: Kế toán Công ty TNHH H4.
Công ty TNHH H4 hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên số: 3702469422 do Sở kế hoạch & đầu tư tỉnh B cấp ngày 01/06/2016, đăng ký lần thứ 2 ngày 18/6/2020. Địa chỉ: Số G, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh B.
Trong năm 2021, 2022, công ty H4 mua hàng hóa của các cá nhân và cơ sở kinh doanh nhỏ lẻ để phục vụ sản xuất (đến nay không xác định được danh tính). Theo thỏa thuận, công ty H4 đã thanh toán tiền hàng bao gồm cả tiền thuế GTGT nhưng sau khi nhận hàng, bên bán không xuất hóa đơn GTGT cho Công ty để kê khai thuế. Để chứng minh nguồn gốc hàng hóa đã mua, H đã chỉ đạo H1 liên hệ với một cá nhân tên "A" (chưa xác định được danh tính) để mua tổng số 22 hóa đơn GTGT của 08 công ty gồm: Công ty TNHH S (02 hóa đơn); Công ty

TNHH K3 (02 hóa đơn); Công ty TNHH K4 (02 hóa đơn); Công ty TNHH S (04 hóa đơn); Công ty TNHH S (03 hóa đơn); Công ty TNHH S1 (03 hóa đơn); Công ty TNHH T6 (03 hóa đơn); Công ty TNHH T3 (03 hóa đơn) với tổng doanh số: **9.968.690.050 đồng** *(trong đó: tiền hàng hóa: 9.062.445.500 đồng; tiền thuế GTGT: 906.244.550 đồng)*. 08 Công ty này do Nguyễn Minh T1 thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT thông qua các trung gian (F1) có "Mã khách hàng" là **"a.hoi", "le.duy","chi.my"**.

Theo thỏa thuận, công ty H4 phải trả cho người bán hóa đơn số tiền bằng 6% giá trị tiền hàng trên hóa đơn và theo nhận thức của H và H1 số tiền này là tiền thuế GTGT mà "A" sẽ nộp ngân sách nhà nước.

Để hợp thức hóa đơn, H1 trình H ký các Ủy nhiệm chi để trống nội dung sau đó hẹn "A" tại Ngân hàng A2 - C1 và Ngân hàng Á - Chi nhánh D1. Tại ngân hàng "A" đưa tiền mặt cho H1 số tiền bằng doanh số trên hóa đơn trừ đi 6% giá trị tiền hàng trên hóa đơn cần chuyển khoản hợp thức (đây là tiền mua hóa đơn công ty H4 phải bù vào) sau đó H1 nộp tiền vào tài khoản của công ty S2 mở tại Ngân hàng A3 và tài khoản số 5506201005242 mở tại ngân hàng A2 rồi thực hiện Ủy nhiệm chi H đã ký sẵn chuyển tiền đến các công ty bán hóa đơn. Để mua 22 hóa đơn khống H đã trả cho "A" tổng số tiền là: 419.815.410đồng (bằng 6% tiền hàng ghi trên 16 hóa đơn đã chuyển khoản hợp thức).

Sau khi mua 22 hóa đơn nêu trên, công ty H4 đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của công ty tại Chi cục thuế Thành phố T trong năm 2021, 2022. Đến nay, công ty H4 đã kê khai bổ sung loại toàn bộ 22 hóa đơn nêu trên.

Ngày 03/4/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P có Quyết định trưng cầu giám định số 1442/CQĐT(PC03) trưng cầu Cục thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm về pháp luật thuế đối với Công ty H4.

Tại Kết luận giám định ngày 09/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận:

"Đối với hành vi sử dụng không hợp pháp của Công ty TNHH H4 để kê khai tăng số thuế GTGT được khấu trừ 906.244.550 đồng từ kỳ kê khai quý 1/2022 đến quý 4/2022, làm giảm số tiền thuế phải nộp là hành vi trốn thuế".

*"công ty TNHH H4 đã kê khai điều chỉnh giảm số thuế GTGT đầu vào không hợp pháp là: 906.244.550 đồng (Kỳ kê khai bổ sung từ quý 1/2021 đến quý 4/2022), dẫn đến làm tăng số thuế GTGT phải nộp vào ngân sách nhà nước là 882.720.853 đồng). Công ty TNHH H4 khắc phục nộp ngân sách nhà nước 4.368.566 đồng. Tại thời điểm giám định, Công ty TNHH H4 chưa nộp ngân sách số tiền thuế GTGT phải nộp sau điều chỉnh bổ sung là **878.352.287 đồng**".*

Vì vậy không còn thiệt hại về thuế.

Do đó, Nguyễn Văn H và Lê Thị H1có hành vi mua trái phép 22 hóa đơn của Nguyễn Minh T1.

Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, làm rõ hành vi của đối tượng "An" sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.

120. Hà Văn K- Sinh năm 1973; HKTT: 49B DC10 KDC V, KP4, phường A, thành phố T, tỉnh B; Chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH MTV K1K (viết tắt là Công ty K1K); Là người đại diện pháp luật.

Công ty K1K địa chỉ 49B DC10 KDC V, KP4, phường A, thành phố T, tỉnh B.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3702215033 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh B cấp.
Trong năm 2021 và 2022, Công ty K1K có thuê nhân công gia công của một số cá nhân ở nhiều địa chỉ khác nhau nên không xác định được danh tính. Công ty đã thanh toán cả tiền hàng và tiền thuế cho người bán nhưng sau đó vì các cá nhân không thể phát hành được hóa đơn nên để có hóa đơn GTGT chứng minh nguồn gốc hàng hóa mua vào, K đã liên hệ với cá nhân tên ”Bảo” (chưa xác định được danh tính) để mua 22 hóa đơn GTGT của 02 công ty gồm: Công ty TNHH K1; Công ty TNHH V1 với tổng doanh số **9.929.763.311 đồng***(trong đó tiền hàng hóa dịch vụ trước thuế VAT là 8.535.977.760 đồng, tiền thuế là 682.806.222 đồng)*. 02 Công ty này do Nguyễn Minh T1 thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT thông qua các trung gian (F1).
Theo thỏa thuận, K phải trả cho “B” số tiền tương đương 2% giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn và theo nhận thức của K, số tiền này là tiền thuế GTGT “Bảo” sẽ nộp ngân sách Nhà nước.
Để hợp thức thủ tục thanh toán cho việc mua bán hóa đơn nêu trên, kế toán nội bộ của Công ty sẽ lập các Ủy nhiệm chi đưa K ký, scan gửi cho ngân hàng. “B” sẽ là người ra ngân hàng, nộp tiền mặt vào tài khoản Công ty K1K số 0608000001441 mở tại ngân hàng P rồi thực hiện Ủy nhiệm chi đến các Công ty bán hóa đơn. Để mua 22 hóa đơn khống, K đã trả số tiền mua hóa đơn là 170.710.555 đồng (tương đương 2% giá trị tiền hàng) cho “Bảo” bằng hình thức tiền mặt.
Ngày 10/4/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P có Quyết định trưng cầu số 1585/CQĐT(PC03) trưng cầu Cục Thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm pháp luật về thuế đối với Công ty K1K.
Tại Kết luận giám định ngày 10/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận: *“Công ty TNHH MTV K1K đã kê khai điều chỉnh giảm số thuế GTGT khấu trừ đối với 22 tờ hóa đơn sử dụng không hợp pháp nêu trên, dẫn đến tăng thuế GTGT phát sinh phải nộp tương ứng số tiền* ***555.812.410 đồng****. Đến thời điểm giám định thuế, Công ty TNHH MTV K1K chưa nộp thuế vào ngân sách Nhà nước”*. Vì vậy không còn thiệt hại về thuế.
Do đó, Hà Văn K có hành vi mua bán trái phép 22 hoá đơn giá trị gia tăng của Nguyễn Minh T1.
Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, làm rõ hành vi của đối tượng “Bảo” sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.
121. Đường C- Sinh năm 1977; Địa chỉ thường trú: 236/29/21 Đ, phường A, quận B, TP H; Chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH T7 (viết tắt là Công ty T7); Là người đại diện theo pháp luật.
Công ty T7 hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên. Mã số doanh nghiệp: 0310832329; Đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 07/05/2011; Đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 06/9/2019. Địa chỉ trụ sở chính: Số B X, phường B, Quận B, TP H.
Trong năm 2021 và 2022, Công ty T7 có thuê nhân công kéo cáp, đào móng, đào đường ống, ... của một số cá nhân ở nhiều địa chỉ khác nhau nên không xác

định được danh tính. Công ty đã thanh toán cả tiền hàng và tiền thuế cho người bán nhưng sau đó vì các cá nhân không thể phát hành được hóa đơn nên để có hóa đơn GTGT chứng minh nguồn gốc hàng hóa mua vào, N1 đã liên hệ với một cá nhân (chưa xác định được danh tính) để mua 20 hóa đơn của 06 Công ty: Công ty TNHH T8 (02 hóa đơn); Công ty TNHH Đ1 (02 hóa đơn); Công ty TNHH S (05 hóa đơn); Công ty TNHH T6 (03 hóa đơn); Công ty TNHH C2 (05 hóa đơn); Công ty TNHH S (03 hóa đơn) với tổng doanh số là: ***9.832.182.200 đồng*** *(tiền hàng: 9.021.302.000 đồng, tiền thuế: 810.880.200 đồng).* Các Công ty này do Nguyễn Minh T1 thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT thông qua các trung gian.

Theo thỏa thuận, N1 phải trả cho cá nhân bán hóa đơn số tiền tương đương 10% giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn và theo nhận thức của N1, số tiền này là tiền thuế GTGT cá nhân này sẽ nộp ngân sách Nhà nước.

Để hợp thức thủ tục thanh toán cho việc mua bán hóa đơn nêu trên, N1 ký ủy nhiệm chi và thực hiện thanh toán hợp thức từ tài khoản của Công ty T7 sang tài khoản các công ty phát hành hóa đơn, N1 thực hiện thanh toán đúng số tiền ghi trên hóa đơn GTGT (Số tiền thanh toán thực tế cho các cá nhân công ty T7 thuê bằng số tiền ghi trên hóa đơn GTGT đã bao gồm thuế VAT). Để mua 20 hóa đơn khống, N1 đã trả số tiền là 915.000.000 đồng (tương đương 10% giá trị tiền hàng) cho cá nhân nêu trên bằng hình thức tiền mặt.

Sau khi mua 20 hóa đơn nêu trên, N1 đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty T7 tại Chi cục thuế Quận B - TP H. Tháng 6/2023, N1 đã kê khai bổ sung điều chỉnh giảm 20/20 hóa đơn với tổng doanh số là **9.944.032.200 đồng** *(tiền hàng: 9.151.652.000 đồng, tiền thuế 792.380.200 đồng)*.

Ngày 10/4/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P có Quyết định trưng cầu số 1588/CQĐT(PC03) trưng cầu Cục Thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm pháp luật về thuế đối với Công ty T7.

Tại Kết luận giám định ngày 10/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận: *"Công ty TNHH T7 đã kê khai điều chỉnh giảm số thuế GTGT khấu trừ đối với 20 tờ hóa đơn sử dụng không hợp pháp nêu trên, dẫn đến tăng thuế GTGT phát sinh phải nộp tương ứng số tiền* ***810.880.200đồng****. Đến thời điểm giám định thuế, Công ty TNHH T7 đã nộp hết số thuế GTGT phát sinh phải nộp vào ngân sách Nhà nước"*. Vì vậy không còn thiệt hại về thuế.

Do đó, Đường C có hành vi mua bán trái phép 20 hoá đơn giá trị gia tăng của Nguyễn Minh T1.

Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, xác định danh tính, làm rõ hành vi của đối tượng bán hóa đơn trái phép sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.

122. Vũ Thanh H2- Sinh năm 1988; Địa chỉ thường trú: A Đ, khu phố A, phường T, TP T, TP H. Chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH I (viết tắt là Công ty I); Là người đại diện theo pháp luật.

Công ty I hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên. Mã số doanh nghiệp: 0312545111; Đăng ký lần đầu ngày 13/11/2013; Đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 25/4/2023. Địa chỉ

trụ sở chính: Số C đường T, khu phố B, phường T, quận A, TP H.
Trong năm 2021, 2022, quá trình hoạt động Công ty I mua sắm thiết bị máy móc và vật tư sắt thép để phục vụ sản xuất kinh doanh. Việc mua hàng hóa tại Công ty I có chi phí trả tiền mua hàng hóa cho các cá nhân bán hàng. Nhưng do các đơn vị, cá nhân bán hàng không xuất được hóa đơn GTGT để làm chứng từ hạch toán kê khai cho các chi phí đã thanh toán tại Công ty, nên H2 mua hóa đơn GTGT khống để hợp thức chứng từ. Sau đó H2 đã liên hệ với một người đàn ông giới thiệu tên là "Q" (hiện chưa xác định được nhân thân lai lịch) để mua **21** hóa đơn GTGT khống của 04 công ty gồm Công ty TNHH D2; Công ty TNHH S; Công ty TNHH S; Công ty TNHH T3nhà hàng H5 với 6.524.237.027 đồng (trong đó tiền hàng 5.931.124.570 đồng, tiền thuế 593.112.457 đồng). 04 Công ty này do Nguyễn Minh T1 thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT thông qua các trung gian (F1) có "Mã khách hàng" là "M".
Theo thỏa thuận, H2 phải trả cho "Q" số tiền tương đương 4,5% giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn và theo nhận thức của H2, số tiền này là tiền thuế GTGT "Quân" sẽ nộp ngân sách Nhà nước.
Về việc thanh toán hợp thức và thanh toán tiền mua hóa đơn như sau: H2 và Q thống nhất khi thực hiện các giao dịch thanh toán hợp thức qua ngân hàng sẽ dùng tiền của bên bán hóa đơn để giao dịch. Sau khi nhận tiền H2 nộp các khoản tiền này vào tài khoản Công ty I (mở tại Ngân hàng A3 – P1, số tài khoản 169390539), đồng thời thực hiện thanh toán từ tài khoản Công ty I đến các tài khoản của các công ty xuất hóa đơn và số tiền mua hóa đơn H2 đã thanh toán là 290 triệu đồng.
Toàn bộ 21 tờ hoá đơn GTGT của các Công ty đã được Công ty I kê khai thuế trong năm 2021, năm 2022 tại Chi cục thuế quận A4 - TP H. Đến tháng 6, tháng 12 /2023, Công ty I đã kê khai điều chỉnh bổ sung, loại bỏ 21 hóa đơn nêu trên.
Ngày 09/4/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P có Quyết định trưng cầu giám định số 1529/QĐ- CSKT trưng cầu Cục thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm về pháp luật thuế đối với Công ty I.
Tại Kết luận giám định ngày 09/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận:
"Việc Công ty I sử dụng không hợp pháp hóa đơn để hạch toán hàng hóa, nguyên liệu mua vào trong hoạt động phát sinh nghĩa vụ thuế làm tăng số tiền thuế được khấu trừ, làm giảm số tiền thuế phải nộp là hành vi trốn thuế".
"Công ty I đã kê khai điều chỉnh giảm thuế GTGT khấu trừ đối với 21 số hóa đơn sử dụng không hợp pháp nêu trên dẫn đến số thuế GTGT phải nộp là 574.421.933 đồng, giảm số thuế GTGT khấu trừ chuyển kỳ sau số tiền 18.690.524 đồng". Vì vậy không còn thiệt hại về thuế. Sau khi kê khai điều chỉnh, Công ty I đã nộp đủ số tiền thuế GTGT vào ngân sách Nhà nước.
Do đó, Vũ Thanh H2 có hành vi mua trái phép 21 hóa đơn GTGT của Nguyễn Minh T1.
Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, xác định danh tính, làm rõ hành vi của cá nhân "Q" sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.
123. Trần Thị Ngọc M1- Sinh năm 1985, HKTT: Tổ 5, KP L, K, T, B; Chức vụ: Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty TNHH MTV S3 (viết tắt là Công ty S3);

Là người đại diện theo pháp luật; Ngành nghề: Kinh doanh suất ăn công nghiệp.
Công ty S3 được Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh B cấp giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viêS3, mã số 3702256946, đăng ký lần đầu ngày 28/02/2014, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 16/03/2023; Địa chỉ trụ sở chính: số C Tổ E, KP L, K, T, B.
Trong năm 2021 và 2022, Công ty S3 có mua hàng hóa là các loại thực phẩm như: thịt, cá,…của các nhà cung cấp và hộ kinh doanh ở nhiều địa chỉ khác nhau nên không xác định được danh tính; công ty đã thanh toán cả tiền hàng và tiền thuế cho bên bán hàng nhưng sau đó vì các cá nhân không thể phát hành được hóa đơn nên để có hóa đơn GTGT chứng minh nguồn gốc hàng hóa mua vào, M1 đã liên hệ với cá nhân tên "Thi" (chưa xác định được nhân thân lai lịch) để mua **21** hóa đơn GTGT khống của 02 công ty gồm: Công ty TNHH T9 (08 hóa đơn); Công ty TNHH T3 (13 hóa đơn) với tổng doanh số ghi trên hóa đơn là 11.951.642.720 đồng *(trong đó tiền hàng hóa dịch vụ là 10.977.259.000đồng, tiền thuế GTGT là* 974.383.720 *đồng)*. 02 Công ty này do Nguyễn Minh T1 thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT thông qua trung gian (F1) có "Mã khách hàng" là "Lê duy".
Theo thỏa thuận, M1 phải trả cho "Thi" số tiền tương đương 7% giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn và theo nhận thức của M1, số tiền này là tiền thuế GTGT "Thi" sẽ nộp ngân sách Nhà nước.
Để hợp thức thanh toán hóa đơn, T2 sẽ đưa tiền mặt cho M1 số tiền bằng với giá trị thanh toán trên hóa đơn nhưng đã giữ lại số tiền chi phí mua hóa đơn là 7% để M1 nộp vào tài khoản của Công ty S3 (số tài khoản 650100011120936 tại Ngân hàng B1). Sau đó, M1 sẽ ra ngân hàng để viết Ủy nhiệm chi để chuyển tiền từ tài khoản trên của Công ty S3 đến tài khoản các Công ty phát hành hóa đơn. Về tiền chi phí mua hóa đơn, M1 đã trả cho T2 thông qua việc phải nộp bù vào số tiền mà T2 đã giữ lại khi đưa cho M1 để nộp vào tài khoản Công ty S3. Tổng số tiền M1 đã trả cho T2 để mua 21 hóa đơn là 729.581.120 đồng (tương đương với khoảng 7% giá trị tiền hàng hóa chưa bao gồm thuế GTGT).
Đối với 21 tờ hoá đơn GTGT của 02 Công ty trên với tổng doanh số ghi trên hóa đơn là 11.951.642.720 đồng, Công ty S3đã kê khai thuế trong năm 2021, 2022 tại chi cục thuế khu vực T10. Đến ngày 28/11/2023, Công ty S3 đã kê khai điều chỉnh bổ sung, loại bỏ 21 hóa đơn của 02 Công ty nêu trên; đến nay, Công ty đã nộp khắc phục vào ngân sách Nhà nước số tiền là 660.185.990 đồng.
Ngày 09/4/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P có Quyết định trưng cầu giám định số 1564/QĐ- CSKT trưng cầu Cục thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm về pháp luật thuế đối với Công ty S3.
Tại Kết luận giám định ngày 07/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận:
"Với hành vi sử dụng không hợp pháp hoá đơn (hoá đơn khống) để kê khai làm tăng số tiền thuế được khấu trừ, làm giảm số tiền thuế phải nộp của Công ty S3 là hành vi trốn thuế theo quy định tại Khoản 4 Điều 143 Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019".
"Tại thời điểm giám định Công ty S3 đã kê khai bổ sung để điều chỉnh giảm toàn bộ số thuế GTGT đầu vào khấu trừ của 21 tờ hoá đơn sử dụng không hợp

*pháp và đã khắc phục nộp vào ngân sách số thuế GTGT phải nộp tăng sau khi kê khai điều chỉnh là 551.353.543 đồng, số tiền thuế GTGT phải nộp sau điều chỉnh bổ sung chưa nộp ngân sách là 423.030.177 đồng".*Vì vậy không còn thiệt hại về thuế.

Do đó, Trần Thị Ngọc M1 có hành vi mua bán trái phép 21 hóa đơn GTGT của Nguyễn Minh T1.

Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, xác định danh tính, làm rõ hành vi của cá nhân "Thi" sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.

124. Huỳnh Văn Đ- Sinh năm 1988; Địa chỉ thường trú: Tổ A, khu phố T, phường T, TP T, B; Chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH S4 (viết tắt là Công ty S4); Là người đại diện theo pháp luật; Ngành nghề kinh doanh: gia công cơ khí sản xuất khuôn mẫu máy móc.

Công ty S4 hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH hai thành viên trở lên. Mã số doanh nghiệp: 3702769715; Đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 14/5/2019; Đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 28/11/2023. Địa chỉ trụ sở chính: Thửa đất 1372 tờ bản đồ 34, đường T, tổ A, khu phố T, phường T, TP T, B.

Trong quá trình hoạt động để phục vụ việc sản xuất năm 2021, 2022, Công ty S4 thực hiện mua hàng hóa vật tư sắt, thép, Đ đã giao dịch mua hàng thông qua một nam thanh niên tên "H3" (hiện chưa xác định được nhân thân lai lịch) để giới thiệu mua hàng vật tư. Sau khi trao đổi giá cả thì H3 nói hàng hóa nếu không lấy hóa đơn thì giá khác, còn nếu lấy hóa đơn để hợp thức chứng từ thì phải trả cho thêm cho H3. Do thấy giá cả mặt hàng của H3 giới thiệu rẻ hơn thị trường nên Đ đã mua hàng và đồng ý trả thêm khoản tiền để mua **21** hóa đơn GTGT khống để làm chứng từ hạch toán của 02 Công ty gồm: Công ty TNHH X; Công ty TNHH K3 với tổng doanh số 12.222.452.000 đồng (trong đó tiền hàng 11.111.320.000 đồng, tiền thuế 1.111.132.000 đồng). 02 Công ty này do Nguyễn Minh T1 thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT thông qua trung gian (F1) có "Mã khách hàng" là "Chi thi".

Theo thỏa thuận, Đ phải trả cho "H3" số tiền tương đương 5% giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn và theo nhận thức của Đ, số tiền này là tiền thuế GTGT "Hiền" sẽ nộp ngân sách Nhà nước.

Về việc hợp thức thanh toán cho các hóa đơn khống cụ thể như sau: Bên bán hóa đơn sẽ chuyển tiền đến tài khoản cá nhân của Đ mở tại Ngân hàng S5 CN B số 050131683895, sau đó Đ tiếp tục nộp các khoản tiền này vào tài khoản của Công ty S4 (mở tại ngân hàng S5 - CN B) và sử dụng ủy nhiệm chi để thanh toán từ tài khoản Công ty S4 đến tài khoản các công ty xuất hóa đơn. Về tiền chi phí mua hóa đơn phải trả cho H3 thì Đ có lúc thanh toán bằng tiền mặt hoặc thanh toán bằng tài khoản cá nhân đến các tài khoản cá nhân do H3 cung cấp. Số tiền mua hóa đơn Đ đã trả cho H3 là 555.566.000 đồng.

Toàn bộ 21 hoá đơn GTGT nêu trên, đã được Công ty S4 kê khai thuế trong năm 2021, năm 2022 tại Chi cục thuế T10 - B. Đến tháng 01/2024, Công ty S4 đã kê khai điều chỉnh bổ sung, loại bỏ 21 hóa đơn nêu trên.

Ngày 09/4/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P có Quyết định trưng cầu giám

định số 1530/QĐ- CSKT trưng cầu Cục thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm về pháp luật thuế đối với Công ty T7.
Tại Kết luận giám định ngày 09/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận:
"Việc Công ty T7 sử dụng không hợp pháp 21 hóa đơn để hạch toán hàng hóa, nguyên liệu đầu vào trong hoạt động phát sinh nghĩa vụ thuế làm giảm số tiền thuế phải nộp và làm tăng số tiền thuế được khấu trừ là hành vi trốn thuế".
"Công ty T7 đã thực hiện kê khai bổ sung, điều chỉnh giảm thuế GTGT đầu vào được khấu trừ của 21 hóa đơn nêu trên dẫn đến làm tăng số thuế GTGT phải nộp 1.033.145.776 đồng, giảm số thuế GTGT được khấu trừ 77.986.224 đồng".
Vì vậy không còn thiệt hại về thuế. Sau khi kê khai điều chỉnh, Công ty T7 đã khắc phục nộp đủ số tiền **1.204.043.908 đồng** vào ngân sách Nhà nước.
Do đó, Huỳnh Văn Đ có hành vi mua bán trái phép 21 hóa đơn GTGT của Nguyễn Minh T.
Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, xác định danh tính, làm rõ hành vi của cá nhân "H" sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.
125. Đỗ Minh T1- Sinh năm 1983, HKTT: 45/6B đường T, p. T, quận A, thành phố H; Chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH T7 (viết tắt là Công ty T8); Là người đại diện theo pháp luật; Ngành nghề kinh doanh: Mua bán phế liệu, kim loại.
Công ty T8 được Sở kế hoạch và đầu tư thành phố H cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0316238785, đăng ký lần đầu ngày 18/4/2020, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 31/5/2023; Địa chỉ trụ sở chính: 28/2/1, KP1, p. T, quận A, thành phố H.
Năm 2022, để phục vụ hoạt động sản xuất, Công ty T8 mua hàng hóa là phế liệu của một số vựa phế liệu, tuy nhiên, các vựa phế liệu này không xuất được hóa đơn GTGT dẫn đến việc Công ty T8 thiếu đầu vào để kê khai với cơ quan thuế. Do có quen biết với bà Lương Thị Hồng L, SN 1985 ở xã L, huyện L, tỉnh Đ nên T1 có hỏi L việc xuất được hóa đơn GTGT, thì L nói có quen người xuất được hóa đơn với phí bằng 5% giá trị hàng hóa ghi trên hóa đơn và được T1 đồng ý. Do vậy, L đã liên hệ, mua 20 hóa đơn của Công ty TNHH T7 và thu gom phế liệu Tấn Tài với tổng doanh số hóa đơn là 12.100.864.820 đồng, trong đó giá trị hàng trước thuế là 11.000.786.200 đồng, tiền thuế VAT là 1.100.078.620 đồng. Công ty TNHH T7 và thu gom phế liệu Tấn T2 do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT thông qua trung gian (F1) có "Mã khách hàng" là **"Tinnghia"**.
Theo thỏa thuận, T1 phải trả cho L số tiền tương đương 5% giá trị hàng hoá ghi trên hoá đơn và theo nhận thức của T1, số tiền này là tiền thuế GTGT Lý sẽ nộp ngân sách Nhà nước.
Để hợp thức tiền trên tài khoản, mỗi lần thanh toán, sẽ có người của Công ty T9 (có nhiều người mang tiền đến, T1 chỉ biết có một người đàn ông tên H2 còn lại không biết thông tin gì khác của H2 và những người khác) mang tiền mặt bằng đúng số tiền ghi trên hóa đơn đến cho T1, rồi cùng T1, nhân viên Công ty T8 ra ngân hàng E để T1 và nhân viên Công ty T8 nộp số tiền trên vào tài khoản Công ty S3 mở tại E, sau đó chuyển tiền thanh toán hợp thức đến Công ty T9. Số tiền T1 đã trả để mua hóa đơn là 550.039.310 đồng (tương đương với 5% giá trị tiền

hàng ghi trên hóa đơn).
Sau khi mua 20 hóa đơn nêu trên, T1 đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty T8 tại tại chi cục thuế khu vực quận A - huyện H, thành phố H. Tháng 6/2023, T1 đã kê khai bổ sung điều chỉnh giảm 20 hóa đơn trên.
Ngày 11/4/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P đã có Quyết định trưng cầu giám định số 1621/CQĐT(PC03) trưng cầu Cục thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm về pháp luật thuế đối với Công ty T8.
Tại Kết luận giám định ngày 09/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận:
"*Việc Công ty T8 sử dụng không hợp pháp hóa đơn để hạch toán hàng hóa, nguyên liệu đầu vào trong hoạt động phát sinh nghĩa vụ thuế làm tăng số tiền thuế được khấu trừ, giảm số tiền thuế phải nộp là hành vi trốn thuế theo quy định tại Khoản 4 Điều 143 Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019".*
"Công ty T8 đã kê khai điều chỉnh giảm thuế GTGT khấu trừ đối với toàn bộ 20 số hóa đơn sử dụng không hợp pháp nêu trên, làm giảm số thuế GTGT còn khấu trừ chuyển kỳ sau số tiền là 1.100.078.620đ". Vì vậy không còn thiệt hại về thuế.
Do đó, Đỗ Minh T1 có hành vi mua bán trái phép 20 hóa đơn GTGT của Nguyễn Minh T.
Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, xác định danh tính, làm rõ hành vi của cá nhân "Lý" sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.
126. Lê Hoài S- Sinh năm 1976; Trú tại: Số B, Tổ F, Ấp V, Xã V, Huyện P, Tỉnh B; Chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH MTV T7 (viết tắt là Công ty T7); Là người đại diện theo pháp luật; Ngành nghề kinh doanh: Cưa, xẻ, tẩm, sấy gỗ.
Công ty L4 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3701643011 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh B cấp năm 10/11/2009, thay đổi lần thứ 2 ngày 08/04/2022. Địa chỉ trụ sở: Số B, Tổ F, Ấp V, Xã V, Huyện P, Tỉnh B.
Năm 2021 và 2022, để phục vụ hoạt động, Công ty T7 mua gỗ của nhiều cá nhân trên địa bàn tỉnh B để phục vụ sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên, khi thanh toán, các cá nhân bán gỗ đều không xuất được hóa đơn GTGT cho Công ty. Do vậy, S đã được kế toán dịch vụ của Công ty là "Lê Thị Tú N" (hiện chưa xác định được nhân thân lai lịch) hướng dẫn tìm, mua hóa đơn để hợp thức hóa đầu vào cho Công ty. Sau đó, N liên hệ được với người phụ nữ tên "P" (hiện chưa xác định được nhân thân lai lịch) để thỏa thuận mua 20 hóa đơn GTGT của Công ty TNHT7 kinh doanh gỗ và trang trí nội ngoại thất Nhật A với tổng doanh số hóa đơn là 11.960.108.318 đồng, trong đó giá trị hàng trước thuế là 10.982.095.280 đồng, tiền thuế VAT là 978.013.038 đồng. Công ty này do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT (chưa xác định được trung gian).
Theo thỏa thuận, S phải trả cho "P" đơn số tiền bằng 6% giá trị tiền hàng ghi trên hoá đơn và theo nhận thức của S, số tiền này là tiền thuế GTGT "Phương" sẽ nộp ngân sách Nhà nước.
Để hợp thức tiền trên tài khoản: Khi cần thanh toán, P sẽ mang tiền mặt (bằng đúng số tiền ghi trên hóa đơn) rồi cùng S ra ngân hàng. S sẽ dùng số tiền của P

đưa để nộp tiền mặt vào tài khoản Công ty rồi sau đó thực hiện Ủy nhiệm chi thanh toán đến tài khoản Công ty bán hóa đơn. Chi phí mua hóa đơn Công ty T7 đã thanh toán là 658.925.717 đồng, số tiền này được S thanh toán bằng tiền mặt cho P.

Sau khi mua 20 hóa đơn nêu trên, S đã sử dụng toàn bộ 20 hóa đơn để kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty T7 tại chi cục thuế K, B. S đã kê khai bổ sung điều chỉnh giảm 20 hóa đơn trên.

Ngày 11/4/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P đã có Quyết định trưng cầu giám định số 1618/CQĐT(PC03) trưng cầu Cục thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm về pháp luật thuế đối với Công ty T7.

Tại Kết luận giám định ngày 10/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận:

"*Đối với hành vi sử dụng không hợp pháp 20 hóa đơn GTGT của Công ty T7 để kê khai tăng số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ 978.013.038đ trong các kỳ kê khai thuế từ quý 4/2021 đến quý 2/2022, làm giảm số thuế phải nộp là hành vi trốn thuế theo quy định tại Khoản 4 Điều 143 Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019".*

"Công ty T7 đã thực hiện kê khai bổ sung, loại bỏ 20 hóa đơn trong kỳ kê khai thuế từ quý 4/2021 đến quý 2/2022; tương ứng số thuế GTGT đầu vào điều chỉnh giảm là 978.013.038đ; Sau khi điều chỉnh giảm, số thuế GTGT phát sinh phải nộp trong kỳ kê khai thuế là 1.069.469.693đ. Công ty T7 đã khắc phục nộp đủ số tiền thuế GTGT phát sinh sau điều chỉnh là 1.069.469.693đ". Vì vậy không còn thiệt hại về thuế.

Do đó, Lê Hoài S có hành vi mua bán trái phép 20 hóa đơn GTGT của Nguyễn Minh T.

Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, xác định danh tính, làm rõ hành vi của cá nhân "Lê Thị Tú N" và "P" sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.

127. Trần Văn T3- Sinh năm 1991; Địa chỉ thường trú: Số B đường B, KP C, Phường B, TP T, TP H. Chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH T7 (viết tắt là Công ty T7); Là người đại diện theo pháp luật.

Công ty T7 hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một Thành ViêT7. Mã số doanh nghiệp: 0315059938; Đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 21/5/2018; Đăng ký kinh doanh lần thứ nhất ngày 05/2/2021. Địa chỉ trụ sở chính: Số B đường B, KP C, Phường B, TP T, TP H.

Trong năm 2021, Công ty T7 mua giấy phế liệu của cá nhân tên "H1" (không xác định được danh tính). Công ty đã thanh toán cả tiền hàng và tiền thuế cho người bán nhưng sau đó vì các cá nhân H1 không thể phát hành được hóa đơn nên để có hóa đơn GTGT chứng minh nguồn gốc hàng hóa mua vào, T3 đã thông qua H1 để mua 19 hóa đơn GTGT của 02 công ty gồm: Công ty TNHH T7 và thu gom phế liệu Tấn Tài và Công ty TNHH T7 với tổng doanh số14.721.647.508 đồng*(trong đó tiền hàng hóa dịch vụ là 13.631.155.100 đồng, tiền thuế GTGT là 1.090.492.408 đồng)*. Các Công ty này do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT thông qua các trung gian (F1) có "Mã khách hàng".

Theo thỏa thuận, T3 phải trả cho cá nhân bán hóa đơn số tiền tương đương 6,5% giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn và theo nhận thức của T3, số tiền này là tiền thuế GTGT H1 sẽ nộp ngân sách Nhà nước.

Để hợp thức thủ tục thanh toán cho việc mua bán hóa đơn nêu trên, khi mua giấy phế liệu của H1, Công ty T7 chỉ thanh toán một phần tiền mặt cho H1 (mỗi lần khoảng vài trăm triệu), khi cần thanh toán cho tờ hóa đơn GTGT của 02 công ty nêu trên do H1 cung cấp, T3 lập ủy nhiệm chi ghi số tiền cần thực hiện thanh toán hợp thức sau đó ký chủ tài khoản và ra ngân hàng thực hiện thanh toán ủy nhiệm chi (thanh toán giải ngân qua ngân hàng) và sau đó đưa cho H1 xem ủy nhiệm chi xem để chị biết, H1 tính 6,5% tiền lấy hóa đơn như đã thỏa thuận, sau đó lấy số tiền thanh toán ủy nhiệm chi sang 02 công ty phát hành hóa đơn trừ đi số tiền tương đương 6,5 % nêu trên (là tiền mua hóa đơn theo thỏa thuận với H1) còn lại số tiền H1 nợ Công ty T7 và H1 sẽ trả số hàng giấy phế liệu tương đương số tiền này (trả hàng thành nhiều lần). Để mua 19 hóa đơn khống, T3 đã trả cho H1 số tiền mua hóa đơn là 855.000.000 đồng (tương đương 6,5% giá trị tiền hàng).

Sau khi mua 19 hóa đơn, T3 đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty T7 tại Chi cục thuế T10, TP H. Tháng 3/2024, T3 đã kê khai bổ sung điều chỉnh giảm 19/19 hóa đơn với tổng doanh số là14.721.647.508 đồng*(trong đó tiền hàng hóa dịch vụ là 13.631.155.100 đồng, tiền thuế GTGT là 1.090.492.408 đồng)*.

Ngày 10/4/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P có Quyết định trưng cầu số 1582/CQĐT(PC03) trưng cầu Cục Thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm pháp luật về thuế đối với Công ty T7.

Tại Kết luận giám định ngày 10/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận:

"Công ty T7 có hành vi sử dụng hóa đơn không hợp pháp bị xử lý vi phạm theo quy định tại Nghị Định 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính P1 về hành vi sử dụng không hợp pháp hóa đơn".

"Tại thời điểm giám định, doanh nghiệp đã kê khai điều chỉnh giảm số thuế GTGT khấu trừ đối với các hóa đơn sử dụng không hợp pháp đã kê khai khấu trừ thuế đồng thời đã xác định tăng thuế GTGT phát sinh phải nộp, và giảm thuế GTGT còn được khấu trừ chuyển kỳ sau tương ứng". Vì vậy không còn thiệt hại về thuế.

Do đó, Trần Văn T3 có hành vi mua bán trái phép 19 hoá đơn giá trị gia tăng của Nguyễn Minh T.

Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, xác định danh tính, làm rõ hành vi của đối tượng "Hoa" sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.

128. Nguyễn Hiền D- Sinh năm 1973; Nơi thường trú: Ấp P, P, N, Đ; Chức vụ: Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV T7 (viết tắt là Công ty T7).

Công ty T7 được Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp Công ty TNHH một thành viêT7, mã số: 3603677012, đăng ký lần đầu ngày 21/10/2019; Địa chỉ trụ sở chính: tổ E, ấp T, B, T, tỉnh Đ; Người đại diện theo pháp luật: Nguyễn Thanh L1, sinh năm 1982, HKTT: Tổ D, ấp N, T, T, Đ; Chức danh: Giám đốc; Ngành nghề kinh doanh: gia công cơ khí.

Công ty T7 do ông L1 đứng tên làm giám đốc nhưng không tham gia điều hành công ty mà do Nguyễn Hiền D điều hành mọi hoạt động của Công ty. Trong năm 2021 và 2022, Công ty T7 mua một số hàng hóa là các loại nguyên liệu, vật tư phục vụ gia công cơ khí như: máy mài, ống thép các loại của các cá nhân, cửa hàng nhỏ lẻ ở nhiều địa chỉ khác nhau nên không xác định được danh tính, Công ty đã thanh toán cả tiền hàng và tiền thuế cho người bán nhưng sau đó vì các cá nhân không thể phát hành được hóa đơn nên để có hóa đơn GTGT chứng minh nguồn gốc hàng hóa mua vào, D đã liên hệ với cá nhân tên ”Diễm” (chưa xác định được nhân thân lai lịch) để mua **19** hóa đơn GTGT khống của 06 công ty gồm: Công ty TNHH T7 (02 hóa đơn); Công ty TNHH T7 (06 hóa đơn); Công ty TNHH T7 (06 hóa đơn); Công ty TNHH T7 (01 hóa đơn); Công ty TNHH T7 (01 hóa đơn); Công ty TNHH T7 (03 hóa đơn) với tổng doanh số ghi trên hóa đơn là 13.263.030.000 đồng *(trong đó tiền hàng hóa dịch vụ là 12.057.300.000đồng, tiền thuế GTGT là 1.205.730.000đồng)*. 06 Công ty này do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT thông qua các trung gian (F1) có “Mã khách hàng” là “Cuong pham”, “Thuan” và “Lap”.

Theo thỏa thuận, D phải trả cho “Diễm” số tiền tương đương 3,5% giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn và theo nhận thức của D, số tiền này là tiền thuế GTGT “Diễm” sẽ nộp ngân sách Nhà nước.

Để hợp thức thanh toán hóa đơn, D1 và D ra ngân hàng để làm thủ tục thanh toán. Lúc này, D1 sẽ đưa tiền mặt cho Danh số tiền bằng với giá trị thanh toán trên hoá đơn để D nộp vào tài khoản Công ty T7 (số tài khoản 050115902171 tại Ngân hàng S4) và dùng Ủy nhiệm chi do D ký xác nhận (D được ông L1 Uỷ quyền ký Uỷ nhiệm chi) để chuyển tiền từ tài khoản trên của Công ty T7 đến tài khoản của các Công ty phát hành hoá đơn (số tài khoản do D1 cung cấp). Để mua 19 hóa đơn trên, D đã trả cho D1 số tiền là 422.005.500 đồng (tương đương với 3,5% giá trị tiền hàng chưa bao gồm thuế GTGT).

Toàn bộ 19 hoá đơn GTGT đã được Công ty T7 kê khai thuế trong năm 2021, 2022 tại chi cục thuế khu vực T11 - T. Đến tháng 12/2023, Công ty T7 đã kê khai điều chỉnh bổ sung, loại bỏ 19 hóa đơn của 06 Công ty nêu trên.

Ngày 09/4/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P có Quyết định trưng cầu giám định số 1574/QĐ- CSKT trưng cầu Cục thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm về pháp luật thuế đối với Công ty T7.

Tại Kết luận giám định ngày 09/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận:

“Việc Công ty T7 sử dụng không hợp pháp 19 hoá đơn để hạch toán hàng hoá, nguyên liệu đầu vào trong hoạt động phát sinh nghĩa vụ thuế làm giảm số tiền thuế phải nộp và tăng số tiền thuế được khấu trừ là hành vi trốn thuế theo quy định tại Khoản 4 Điều 143 Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14”.

“Tại thời điểm giám định, Công ty T7 đã thực hiện kê khai bổ sung, điều chỉnh giảm thuế GTGT đầu vào được khấu trừ của 19 hoá đơn nêu trên dẫn đến làm tăng số thuế GTGT phải nộp 1.205.730.000 đồng”. Vì vậy không còn thiệt hại về thuế. Sau khi kê khai điều chỉnh, Công ty T7 đã nộp số tiền 35.250.000 đồngvào ngân sách nhà nước.

Do đó, Nguyễn Hiền D có hành vi mua bán trái phép 19 hóa đơn GTGT của

Nguyễn Minh T.
Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, xác định danh tính, làm rõ hành vi của cá nhân "Diễm" sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.
129. Nguyễn Huy P2- Sinh năm 1973, HKTT: 28/14/7 H, KP1, L, T, TP H; Chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH T7 (viết tắt là Công ty I); Là người đại diện theo pháp luật; Ngành nghề kinh doanh: hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực điện.
Công ty I.O.T được Sở K cấp giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viêT7, mã số: 0314596873, đăng ký lần đầu ngày 28/8/2017, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 23/3/2023; Địa chỉ trụ sở chính: Lô T, đường D, Khu C cao, T, T, TP H.
Năm 2021, trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty T7 đã thuê các nhân công tại địa phương thực hiện thi công lắp ráp và mua một số thiết bị vật tư như: tôn, bu long,… của một số hộ kinh doanh để phục vụ thi công; Công ty đã thanh toán đầy đủ tiền hàng hóa, dịch vụ và yêu cầu các đơn vị này xuất hóa đơn cho Công ty I nhưng các cá nhân, đơn vị này không xuất được hóa đơn GTGT nên P2 đã liên hệ với một cá nhân (hiện chưa xác định được nhân thân lai lịch) để mua **19** hóa đơn GTGT khống của các Công ty gồm: Công ty TNHH T7nhà hàng K1; Công ty TNHH T7; Công ty TNHH T7; Công ty TNHH T7; Công ty TNHH T7; Công ty TNHH T7; Công ty TNHH T7; Công ty TNHH T7; Công ty TNHH T7; Công ty TNHH T7với tổng giá trị thanh toán là: 9.127.286.312 đồng (Trong đó, tiền hàng là: 8.297.533.011 đồng, tiền thuế là: 829.753.301 đồng). Các Công ty này do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT thông qua các trung gian (F1) có "Mã khách hàng" là "A tien" và "Chi tuyet".
Theo thỏa thuận, P2 phải trả cho cá nhân trên số tiền tương đương từ 3% đến 5% giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn và theo nhận thức của P2, số tiền này là tiền thuế GTGT cá nhân trên sẽ nộp ngân sách Nhà nước.
Việc thanh toán hợp thức hóa đơn qua ngân hàng, P2 và bên bán hóa đơn thống nhất sử dụng tiền của bên bán hóa đơn để chuyển tiền. Sau khi thống nhất P2 có chỉ đạo nhân viên kế toán dịch vụ tên là Q đến chi nhánh ngân hàng để giúp thực hiện giao dịch. Tại chi nhánh ngân hàng bên bán hóa đơn sẽ đưa cho Q số tiền bằng với giá trị thanh toán trên hóa đơn để nộp vào tài khoản Công ty I (số tài khoản 0881000451421 tại Ngân hàng V) và sẽ sử dụng Ủy nhiệm chi do P2 ký sẵn để chuyển tiền từ tài khoản trên của Công ty I đến tài khoản các Công ty xuất hóa đơn. Q chỉ thực hiện theo chỉ đạo của P2 mà biết về việc mua bán trái phép hóa đơn. Tổng số tiền đã thanh toán hợp thức thể hiện trên tài khoản Công ty I là 9.178.628.661 đồng (bao gồm cả phí dịch vụ Ngân hàng) và số tiền mua hóa đơn mà P2 đã thanh toán là 331.901.320 đồng (tương đương 4% giá trị tiền hàng chưa bao gồm thuế).
Toàn bộ 19 tờ hoá đơn GTGT của các Công ty nêu trên, đã được Công ty I kê khai thuế trong năm 2021 tại Chi cục thuế T10 - TP H. Tháng 01/2024, Công ty I đã kê khai điều chỉnh bổ sung, loại bỏ 19 hóa đơn nêu trên.
Ngày 09/4/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P có Quyết định trưng cầu giám định số 1533/QĐ- CSKT trưng cầu Cục thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm

về pháp luật thuế đối với Công ty I.
Tại Kết luận giám định ngày 09/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận:
"Việc Công ty Isử dụng không hợp pháp hóa đơn để hạch toán hàng hóa, nguyên liệu mua vào trong hoạt động phát sinh nghĩa vụ thuế làm tăng số tiền thuế được khấu trừ, làm giảm số tiền thuế phải nộp là hành vi trốn thuế".
"Tại thời điểm giám định Công ty I đã kê khai điều chỉnh giảm số thuế GTGT khấu trừ đối với toàn bộ 19 số hóa đơn sử dụng không hợp pháp nêu trên dẫn đến số thuế GTGT phải nộp là 475.284.921 đồng; giảm số thuế GTGT khấu trừ số tiền 346.968.380 đồng". Vì vậy không còn thiệt hại về thuế. Sau khi kê khai điều chỉnh, Công ty I đã nộp số tiền 447.003.500 đồng vào ngân sách Nhà nước.
Do đó, Nguyễn Huy P2 có hành vi mua trái phép 19 hóa đơn GTGT của Nguyễn Minh T.
Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, danh tính, làm rõ hành vi của cá nhân bán hóa đơn sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.
130. Lê Xuân L2- Sinh năm 1982; HKTT: Khu Văn H2, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đ. Chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH một thành viên T7 (viết tắt là Công ty T7); là người đại diện theo pháp luật; Ngành nghề kinh doanh: Xây dựng.
Công ty T7 hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp T7: 360303874, đăng ký lần đầu ngày 04/02/2013; đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày: 10/03/2022. Địa chỉ trụ sở chính: số C tổ B, Khu V, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đ.
Trong năm 2021, 2022, Công ty T7 mua hàng hóa của các cá nhân và cơ sở kinh doanh nhỏ lẻ để phục vụ sản xuất (đến nay L2 không xác định được danh tính). Theo thỏa thuận, L2 đã phải thanh toán tiền hàng bao gồm cả tiền thuế GTGT nhưng sau khi nhận hàng, bên bán không xuất hóa đơn GTGT cho Công ty để kê khai thuế. Để chứng minh nguồn gốc hàng hóa đã mua, L2 đã liên hệ với cá nhân chưa xác định được danh tính để mua tổng số 18 hóa đơn GTGT của 03 công ty gồm: Công ty TNHH T7 (13 hóa đơn); Công ty TNHH T7 (01 hóa đơn); Công ty TNHH T7 (04 hóa đơn) với tổng doanh số là **45.206.726.037 đồng** *(trong đó: tiền hàng hóa: 41.097.023.669 đồng; tiền thuế GTGT: 4.109.702.368 đồng)*. 03 Công ty này do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT thông qua các trung gian (F1) có "Mã khách hàng" là "chị T3".
Theo thỏa thuận, L2 phải trả cho người bán hóa đơn nêu trên số tiền tương đương 4% giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn và theo nhận thức của L2, số tiền này là tiền thuế GTGT mà người bán hóa đơn sẽ nộp ngân sách nhà nước. Để hợp thức hóa đơn, L2 hẹn gặp người bán hóa đơn, người bán hóa đơn đưa tiền mặt cho L2 số tiền bằng doanh số trên các hóa đơn cần chuyển khoản hợp thức. L2 nộp tiền vào tài khoản của Công ty T7 số: 1858625 mở tại Ngân hàng A1, sau đó ký Ủy nhiệm chi chuyển tiền đến tài khoản của các công ty bán hóa đơn. Để mua 18 hóa đơn khống, L2 đã trả tiền số tiền là 1.643.880.947 đồng (bằng 4% giá trị hàng hóa trên hóa đơn).
Sau khi mua 18 hóa đơn nêu trên, L2 đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của công ty T7 tại Chi cục thuế L5, Đ trong năm 2021, 2022. Trong thời gian từ tháng 04 năm 2021 đến ngày 03/01/2024, Công ty T7 đã kê khai bổ sung loại trừ toàn bộ 18 hóa đơn GTGT bất hợp pháp.

Ngày 03/4/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P có Quyết định trưng cầu giám định số 1453/CQĐT(PC03) trưng cầu Cục thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm về pháp luật thuế đối với Công ty T7.
Tại Kết luận giám định ngày 09/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận:
"Với hành vi sử dụng không hợp pháp hóa đơn (hóa đơn khống) để kê khai làm tăng số tiền thuế được khấu trừ, làm giảm số tiền thuế phải nộp của Công ty T7 là hành vi trốn thuế".
"Công ty T7 đã kê khai bổ sung để điều chỉnh giảm toàn bộ số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ của 18 tờ hóa đơn sử dụng không hợp pháp và đã khắc phục nộp đủ vào ngân sách số thuế GTGT phải nộp tăng sau khi kê khai điều chỉnh bổ sung". Vì vậy không còn thiệt hại về thuế.
Do đó, Lê Xuân L2có hành vi mua trái phép 18 hóa đơn GTGT của Nguyễn Minh T.
Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, làm rõ hành vi của đối tượng bán hóa đơn trái phép sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.
131. Nguyễn Hải S1- Sinh năm 1978; HKTT: D545, khu phố D, phường L, TP ., tỉnh Đ; Chức vụ: Chủ tịch công ty kiêm Giám đốc Công ty TNHH T7 (viết tắt là Công ty T7); Là người đại diện theo pháp luật. Ngành nghề kinh doanh chính: sản xuất Pallet gỗ.
Công ty T7 hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh nghiệp số 3603498006, do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Đ cấp ngày 13/10/2017; đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 11/04/2023; Địa chỉ trụ sở: 101/191, tổ D, khu phố D, phường L, TP B, tỉnh Đ.
Trong năm 2021 và 2022, Công ty T7 đã mua hàng hóa của các cá nhân và cơ sở kinh doanh nhỏ lẻ để phục vụ kinh doanh (đến nay, S1 không xác định được danh tính, địa chỉ của các cá nhân hay cơ sở kinh doanh nêu trên). Theo thỏa thuận, S1 đã thanh toán tiền mua hàng hóa đã bao gồm thuế GTGT nhưng sau khi nhận hàng, bên bán hàng không xuất được hóa đơn GTGT cho Công ty để kê khai thuế. Để chứng minh nguồn gốc hàng hóa đã mua, S1 đã liên hệ với một cá nhân tên "M" (chưa xác định được nhân thân, lai lịch) để mua 18 hóa đơn GTGT của Công ty TNHH T7 và trang trí nội ngoại thất Nhật A với tổng giá trị hóa đơn là 9.997.499.800 đồng (trong đó: tiền hàng hóa 9.170.600.000 đồng; tiền thuế GTGT 826.899.800 đồng). Công ty TNHH T7 và trang trí nội ngoại thất Nhật A do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT.
Theo thỏa thuận, S1 phải trả cho "M" số tiền tương đương 3,5% giá trị hàng hóa ghi trên hóa đơn và theo nhận thức của S1, số tiền này là tiền thuế GTGT "M" sẽ nộp ngân sách Nhà nước.
Để hợp thức thủ tục thanh toán qua ngân hàng cho các hóa đơn, "M" đưa tiền mặt cho S1 để S1 nộp tiền vào tài khoản của Công ty T7 mở tại Ngân hàng V. Sau đó, S1 làm ủy nhiệm chi chuyển tiền đến tài khoản Công ty ban hóa đơn nêu trên. Để mua 18 hóa đơn khống, S1 đã trả số tiền 324.471.000 đồng cho "Minh" bằng tiền mặt và chuyển khoản (tương đương 3,5% giá trị tiền hàng).
Sau khi mua 18 hóa đơn GTGT nêu trên, S1 đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty T7 tại Chi cục thuế khu vực B1 – V, tỉnh Đ. Công ty T7 đã

kê khai bổ sung, điều chỉnh giảm thuế GTGT được khấu trừ tại Chi cục thuế khu vực B1 - V đối với 18 hóa đơn trên.
Ngày 03/4/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P có Quyết định trưng cầu giám định số 1459/CQĐT(PC03) trưng cầu Cục thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm về pháp luật thuế đối với Công ty T7.
Tại Kết luận giám định ngày 10/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận:
"Với hành vi sử dụng không hợp pháp hóa đơn, hóa đơn khống để kê khai làm tăng số tiền thuế được khấu trừ thuế làm giảm số thuế phải nộp của Công ty T7 là hành vi trốn thuế".
"Công ty T7 đã kê khai bổ sung điều chỉnh giảm số thuế GTGT khấu trừ đối với 18 hoá đơn sử dụng không hợp pháp đã kê khai khấu trừ thuế và đã xác định tăng thuế GTGT phát sinh phải nộp là: 643.876.763 đồng". Vì vậy không còn thiệt hại về thuế. Công ty T7 đã nộp lại toàn bộ số tiền thuế vào ngân sách Nhà nước sau khi thực hiện kê khai bổ sung.
Do đó, Nguyễn Hải S1 có hành vi "Mua bán trái phép" 18 hoá đơn GTGT của Nguyễn Minh T.
Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, làm rõ hành vi của đối tượng "M" sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.
132. Nguyễn Văn H3- Sinh năm 1996; HKTT: thôn T, xã M, huyện P, tỉnh B; Chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH T7 (là người đại diện theo pháp luật); Ngành nghề kinh doanh: Gia công cơ khí.
Công ty TNHH T7 (viết tắt là Công ty T7) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0316657867 do phòng Đăng ký kinh doanh Sở K cấp ngày 25/12/2020, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 07/7/2022. Trụ sở: Số B đường D, phường T, TP ., TP ..
Trong năm 2021 và 2022, Công ty T7 mua một số hàng hóa là nhôm, thép của các cá nhân, cửa hàng nhỏ lẻ ở nhiều địa chỉ khác nhau (đến nay, H3 không xác định được danh tính). Theo thỏa thuận, H3 đã thanh toán tiền mua vật tư, hàng hóa đã bao gồm thuế GTGT, nhưng sau khi nhận hàng, bên bán hàng không phát hành được hóa đơn cho Công ty để kê khai thuế. Để chứng minh nguồn gốc hàng hóa đã mua, H3 đã liên hệ với cá nhân tên "T4" (chưa xác định được danh tính) để mua 18 hóa đơn GTGT của 02 Công ty gồm: Công ty TNHH T7 (14 hóa đơn) và Công ty TNHH T7 (04 hóa đơn) với tổng doanh số là 12.837.250.000 đồng *(Tiền hàng là: 11.673.500.000 đồng, tiền thuế GTGT là: 1.163.750.000 đồng)*. 02 Công ty này do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT.
Theo thỏa thuận, H3 phải trả cho "T4" số tiền tương đương 8% đến 10% giá trị hàng hóa ghi trên hóa đơn và theo nhận thức của H3, số tiền này là tiền thuế GTGT T4 sẽ nộp ngân sách Nhà nước. Để hợp thức thủ tục thanh toán qua ngân hàng cho các hóa đơn, "T4" mang tiền đến ngân hàng đưa cho Ngô Phương H4 (nhân viên của Công ty T7) để H4 nộp vào tài khoản số 1018642093 mở tại ngân hàng S4 của Công ty T7, rồi thực hiện Ủy nhiệm chi chuyển khoản số tiền này đến tài khoản của Công ty bán hóa đơn. H4 thực hiện theo chỉ đạo của H3 mà không biết việc chuyển tiền là để hợp thức hóa đơn đã mua. Để mua 18 hóa

đơn, H3 đã trả số tiền 1.163.750.000 đồng cho "Tuấn" bằng tiền mặt (đúng bằng số tiền thuế GTGT của 18 hóa đơn).
Sau khi mua 18 hóa đơn nêu trên, H3 đã sử dụng để kê khai thuế đầu vào của Công ty T7 tại Chi cục thuế T10. Tháng 11/2023, Công ty T7 đã kê khai bổ sung, điều chỉnh giảm thuế GTGT được khấu trừ tại Chi cục thuế T10 đối với 18 hóa đơn trên.
Ngày 03/4/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P có Quyết định trưng cầu giám định số 1436/CQĐT(PC03) trưng cầu Cục thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm về pháp luật thuế đối với Công ty T7.
Tại Kết luận giám định ngày 11/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận:
"Việc Công ty T7 sử dụng 18 hóa đơn không hợp pháp để hạch toán hàng hóa, nguyên liệu đầu vào trong hoạt động phát sinh nghĩa vụ thuế làm tăng số tiền thuế được khấu trừ là hành vi trốn thuế".
"Công ty T7 đã thực hiện kê khai bổ sung, điều chỉnh giảm thuế GTGT đầu vào được khấu trừ của 18 hóa đơn nêu trên dẫn đến làm giảm số thuế GTGT được khấu trừ 1.163.750.000 đồng". Vì vậy không còn thiệt hại về thuế. Công ty T7 đã nộp lại toàn bộ số tiền thuế vào ngân sách Nhà nước sau khi thực hiện kê khai bổ sung.
Do đó, Nguyễn Văn H3 có hành vi "Mua bán trái phép" 18 hóa đơn GTGT của Nguyễn Minh T.
Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, làm rõ hành vi của đối tượng "T4" sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.
133. Phạm Phú G- Sinh năm 1968; Nơi ở hiện tại: 216 Lô A Hồ V, phường I, quận P, TP .; Chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH T7 (Viết tắt là Công ty T7); Là người đại diện theo pháp luật: Ngành nghề kinh doanh: tư vấn quản trị doanh nghiệp.
Công ty T7 hoạt động hoạt động theo giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0313187243 do phòng Đăng ký kinh doanh Sở K cấp ngày 31/3/2015, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 23/3/2023.
Trong năm 2021 và 2022, Công ty T7 có có thuê nhân công để cung cấp nhân lực cho một số đơn vị (đến nay, G không xác định được danh tính, địa chỉ của các tổ đội cá nhân đã thuê). Theo thỏa thuận, G đã thanh toán tiền nhân công đầy đủ cho các cá nhân, nhưng sau khi thanh toán tiền, các tổ đội không phát hành được hóa đơn cho Công ty T7 để kê khai thuế. Để có hóa đơn đầu vào làm căn cứ phát hành hóa đơn cho các đơn vị đối tác, G đã liên hệ với cá nhân tên "Lộc" (không xác định được danh tính cụ thể) để mua 18 hóa đơn GTGT của Công ty TNHH T7 cho Công ty T7 với tổng giá trị hóa đơn là 11.941.272.000 đồng(Tiền hàng hóa:10.905.600.000 đồng; tiền thuế GTGT là: 1.035.672.000 đồng). Công ty T7 do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT thông qua trung gian (F1) có "MÃ KHÁCH HÀNG" là "Phuc" và "Loc".
Theo thỏa thuận, G phải trả cho "Lộc" số tiền tương đương 5% giá trị hàng hóa ghi trên hóa đơn và theo nhận thức của G, số tiền này là tiền thuế GTGT "Lộc" sẽ nộp ngân sách Nhà nước. Để hợp thức thủ tục thanh toán qua ngân hàng cho các hóa đơn đã mua, G đã chuyển tiền từ tài khoản số 0071001160676 mở tại

Ngân hàng V của Công ty T7, đến tài khoản của Công ty T7. Sau đó "L3" giữ lại 5% tiền phí bán hóa đơn và trả số tiền còn lại cho G bằng tiền mặt. Để mua 18 hóa đơn, G đã trả số tiền 545.280.000 đồngcho "Lộc" (tương đương với 2% giá trị tiền hàng chưa bao gồm thuế GTGT).

Sau khi mua 18 hóa đơn GTGT nêu trên, G đã sử dụng để kê khai thuế đầu vào của Công ty T7 tại Chi cục thuế T10. Từ tháng 5/2023 đến tháng 3/2024, Công ty T7 đã kê khai bổ sung, điều chỉnh giảm thuế GTGT được khấu trừ tại Chi cục thuế T10 đối với 18 hóa đơn trên.

Ngày 03/4/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P có Quyết định trưng cầu giám định số 1437/CQĐT(PC03) trưng cầu Cục thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm pháp luật thuế đối với Công ty T7.

Tại Kết luận giám định ngày 11/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận:

"Với hành vi sử dụng không hợp pháp hóa đơn (hóa đơn khống) để kê khai làm tăng số tiền thuế được khấu trừ, làm giảm số tiền thuế phải nộp của Công ty T7 là hành vi trốn thuế".

"Công ty T7 đã kê khai bổ sung để điều chỉnh giảm toàn bộ số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ của 18 tờ hóa đơn sử dụng không hợp pháp và đã khắc phục nộp đủ vào ngân sách số thuế GTGT phải nộp ngân sách tăng sau khi kê khai điều chỉnh bổ sung". Vì vậy không còn thiệt hại về thuế. Công ty T7 đã nộp lại toàn bộ số tiền thuế vào ngân sách Nhà nước sau khi thực hiện kê khai bổ sung.

Do đó, Phạm Phú G có hành vi "Mua bán trái phép" 18 hóa đơn GTGT của Nguyễn Minh T.

Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, làm rõ hành vi của đối tượng "Lộc" sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.

134. Nguyễn Thị Tuyết S2 – Sinh năm 1978; Nơi thường trú: Số A, Chung cư Đ, Phường P, quận G, TP .; Chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH T7 (viết tắt là Công ty T7); Là người đại diện theo pháp luật.

135. Trần Văn T5– Sinh năm 1983; Hộ khẩu thường trú: xã B, huyện T, tỉnh B; Chức vụ: Giám đốc điều hành của Công ty T7.

Công ty T7 hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một Thành ViêT7. Mã số doanh nghiệp: 0314122224; Đăng ký kinh doanh lần thứ đầu ngày 21/11/2016; Đăng ký kinh doanh lần thứ 8 ngày 6/12/2023. Địa chỉ trụ sở C đường A, phường H, TP T, TP H.

Trong năm 2021 và 2022, để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty T7 thuê nhân công thực hiện các hợp đồng dọn vệ sinh công nghiệp của một số cá nhân ở nhiều địa chỉ khác nhau nên không xác định được danh tính. Công ty đã thanh toán cả tiền hàng và tiền thuế cho người bán nhưng sau đó vì các cá nhân không thể phát hành được hóa đơn nên để có hóa đơn GTGT chứng minh nguồn gốc hàng hóa mua vào, S2 (Giám đốc, đại diện pháp luật thời điểm năm 2021 và năm 2022) đã giao cho T5 liên hệ với cá nhân tên "Lê Thị Mỹ B" (chưa xác định được danh tính) để mua 18 hóa đơn GTGT gồm : Công ty T12 (03 hóa đơn); Công ty TNHH T7 (09 hóa đơn); Công ty TNHH T7 (03 hóa đơn); Công ty TNHH T7 (02 hóa đơn); Công ty TNHH T7 (01 hóa đơn) với tổng doanh số 15.784.667.931 đồng *(tiền hàng: 14.462.512.809 đồng, tiền thuế: 1.322.155.122*

đồng). Các Công ty này do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT thông qua các trung gian (F1).
Theo thỏa thuận, T5 phải trả cho B số tiền tương đương 5% giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn và theo nhận thức của T5, số tiền này là tiền thuế GTGT B sẽ nộp ngân sách Nhà nước.
Để hợp thức thủ tục thanh toán cho việc mua bán hóa đơn, T5 lập ủy nhiệm chi số tiền cần thanh toán hợp thức, sau đó ký trình S2 ký, đóng dấu và ra ngân hàng T13chi nhánh Q2 - G cùng B để thực hiện thanh toán hợp thức. Triều thực hiện chuyển tiền từ tài khoản Công ty T7 sang tài khoản các công ty phát hành hóa đơn, sau đó B giữ lại 05% số tiền bán hóa đơn như đã thỏa thuận, số tiền còn lại trả tiền mặt trực tiếp cho T5 (Tiền do B mang theo), cũng có vài lần B yêu cầu T5 thanh toán tiền mua hóa đơn vào tài khoản cá nhân của một cá nhântên T6. Để mua 18 hóa đơn, S2 đã trả cho B tổng số tiền là: 723.000.000 đồng.

Sau khi mua 18 hóa đơn nêu trên, T5 đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty T7 tại Chi cục thuế T10, TP H. Tháng 6/2023 và tháng 3/2024, T5 đã kê khai bổ sung điều chỉnh giảm 18 hóa đơn với tổng doanh số là15.784.667.931 đồng *(tiền hàng: 14.462.512.809 đồng, tiền thuế: 1.322.155.122 đồng)* và đã nộp số tiền 512.012.421 đồng tiền thuế GTGT vào ngân sách Nhà nước.

Ngày 10/4/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P có Quyết định trưng cầu số 1590/CQĐT(PC03) trưng cầu Cục Thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm pháp luật về thuế đối với Công ty T7.
Tại Kết luận giám định ngày 10/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận: *"Công ty TNHH T7 đã kê khai điều chỉnh giảm số thuế GTGT khấu trừ đối với 18 số hóa đơn sử dụng không hợp pháp nêu trên, dẫn đến tăng thuế GTGT phát sinh phải nộp "*. Vì vậy không còn thiệt hại về thuế.
Do đó, Trần Văn T5, Nguyễn Thị Tuyết S2 có hành vi mua bán trái phép 18 hoá đơn giá trị gia tăng của Nguyễn Minh T.
Trần Văn T5 đã nộp số tiền 512.012.421 đồng tiền thuế GTGT vào ngân sách Nhà nước, số tiền còn lại tiếp tục nộp theo quy định của pháp luật.
Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, xác định danh tính, làm rõ hành vi của cá nhân "B" và tài khoản cá nhân của "Thắm" sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.
136. Ngô Phong H5- Sinh năm 1970; Địa chỉ thường trú: 15.07 Chung cư N, khu phố B, phường P, quận G, TP H. Chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH T7 (viết tắt là Công ty T7); Là người đại diện theo pháp luật.
Công ty T7hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên. Mã số doanh nghiệp: 0312093419; Đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 19/12/2012; Đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 01/04/2021. Địa chỉ trụ sở chính: C H, phường T, quận G, TP H.
Trong năm 2021, năm 2022, quá trình hoạt động kinh doanh, H5 mua hàng hóa của các cá nhân bán hàng tự do. Do mua của các cá nhân không có hóa đơn chứng từ để sử dụng kê khai hạch toán cho các chi phí đã thanh toán nên H5 đã liên hệ với "Hồng" (hiện chưa xác định được nhân thân lai lịch) để mua để mua

17 hóa đơn GTGT khống của 03 Công ty gồm Công ty TNHH T7 và PCCC 24h; Công ty TNHH T7; Công ty TNHH T7 với tổng doanh số 34.947.366.275 đồng (trong đó tiền hàng 31.770.660.250 đồng, tiền thuế 3.176.706.025 đồng). 03 Công ty này do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT thông qua các trung gian (F1) có "Mã khách hàng" là "A THI", "LAP", "cuongpham.duong".

Theo thỏa thuận, H5 phải trả cho "Hồng" số tiền tương đương 5% giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn và theo nhận thức của H5, số tiền này là tiền thuế GTGT "Hồng" sẽ nộp ngân sách Nhà nước.

Việc thanh toán hợp thức và thanh toán tiền mua hóa đơn như sau: H5 trao đổi sử dụng tiền bên bán hóa đơn để hợp thức thanh toán. Sau đó H5 chỉ đạo anh Lê Huy Q1 là nhân viên Công ty T7 đến Ngân hàng V – C để nhận tiền mặt từ bên bán hóa đơn, nộp vào tài khoản của Công ty T7, rồi sử dụng các Ủy nhiệm chi do H5 đã ký sẵn để chuyển tiền từ tài khoản Công ty T7 đến tài khoản của các công ty phát hành hóa đơn. Anh Q1 chỉ thực hiện theo chỉ đạo của H5 mà không biết việc H5 mua bán trái phép hóa đơn. Số tiền mua hóa đơn H5 đã thanh toán là 1,5 tỷ đồng.

Toàn bộ 17 tờ hoá đơn GTGT của các Công ty nêu trên đã được Công ty T7 kê khai thuế trong năm 2021, năm 2022 tại chi cục thuế quận G1 - TP H. Đến tháng 9/2023, Công ty T7 đã kê khai điều chỉnh bổ sung, loại bỏ 17 hóa đơn nêu trên.

Ngày 09/4/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P có Quyết định trưng cầu giám định số 1517/QĐ- CSKT trưng cầu Cục thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm về pháp luật thuế đối với Công ty T7.

Tại Kết luận giám định ngày 09/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận:

"Việc Công ty T7 sử dụng không hợp pháp hóa đơn để hạch toán hàng hóa, nguyên liệu mua vào trong hoạt động phát sinh nghĩa vụ thuế làm tăng số tiền thuế được khấu trừ, làm giảm số tiền thuế phải nộp là hành vi trốn thuế".

"Công ty T7 đã kê khai điều chỉnh giảm thuế GTGT khấu trừ đối với toàn bộ 17 số hóa đơn sử dụng không hợp pháp nêu trên dẫn đến số thuế còn được khấu trừ chuyển kỳ sau tương ứng 3.176.706.025 đồng". Vì vậy không còn thiệt hại về thuế. Công ty T7 điều chỉnh bổ sung tờ khai thuế GTGT điều chỉnh giảm số thuế hóa đơn không hợp pháp nhưng doanh nghiệp vẫn còn thuế được khấu trừ do đó không phát sinh thuế GTGT phải nộp.

Do đó, Ngô Phong H5 có hành vi mua trái phép 17 hóa đơn của Nguyễn Minh T.

Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, xác định danh tính, làm rõ hành vi của cá nhân "Hồng" sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.

137. Trần Ngọc Vĩnh P3- Sinh năm 1977; Trú tại: C N, p. Đ, quận A, thành phố H; Chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH T7 (viết tắt là Công ty A2); Là người đại diện theo pháp luật; Ngành nghề kinh doanh chính: Tư vấn, xây dựng các hạng mục PCCC...

Công ty A2 hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0304004197do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố H cấp năm 14/9/2005, thay đổi lần thứ 11 ngày 16//4/2020. Địa chỉ trụ sở: C N, p. Đ, quận A, thành phố H.

Trong năm 2021, 2022, Công ty A2 thực hiện nhiều chức năng như nghiệm thu công trình, tư vấn thiết kế… tuy nhiên các hạng mục này không có hóa đơn đầu vào nên P3 đã chỉ đạo "Ngân" là kế toán dịch vụ của Công ty (hiện nay, N1 đã không còn làm việc tại Công ty và Công ty cũng không liên lạc được với N1) tìm, mua hóa đơn GTGT để hợp thức đầu vào đối với các nội dung Công ty A2 đã thực hiện nhưng không có hóa đơn GTGT như đã nêu trên. Sau đó, N1 đã mua 50 hóa đơn GTGT của Công ty TNHH T7 (07 hóa đơn) và Công ty TNHH T7 (43 hóa đơn) với tổng doanh số hóa đơn là 15.907.821.050 đồng, trong đó giá trị hàng trước thuế là 14.550.313.809 đồng, tiền thuế VAT là 1.357.507.241 đồng. Công ty TNHH T7 và Công ty TNHH T7 đều do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT thông qua trung gian (F1) có "Mã khách hàng" là "cuongpham".

Theo thỏa thuận, P3 phải trả cho bên bán hóa đơn số tiền tương đương 8% giá trị hàng hoá ghi trên hoá đơn và theo nhận thức của P3, số tiền này là tiền thuế GTGT người bán hóa đơn sẽ nộp ngân sách Nhà nước.

Để hợp thức tiền trên tài khoản, mỗi lần thanh toán, sẽ có người của Công ty bán hóa đơn mang tiền mặt đến và cùng N1 ra ngân hàng thực hiện nộp tiền mặt vào tài khoản Công ty (Số tiền nộp vào bằng đúng số tiền ghi trên hóa đơn). Trước đó, N1 có báo cáo Phan để Phan ký Ủy nhiệm chi đưa cho N1 ra ngân hàng để thực hiện chuyển khoản đến Công ty bán hóa đơn. Căn cứ vào số tiền ghi trên hóa đơn, P3 đưa tiền mặt số tiền phí mua hóa đơn tương ứng để N1 đưa cho bên bán hóa đơn. Chi phí mua hóa đơn mà P3 đã trả là 1.164.025.105đ (tương đương 8% doanh số tiền hàng).

Sau khi mua 50 hóa đơn nêu trên, Phan chỉ sử dụng 16/50 hóa đơn (còn lại 34 hóa đơn tự bỏ không sử dụng kê khai thuế GTGT) với tổng doanh số hóa đơn là 6.204.159.397 đồng, trong đó giá trị hàng trước thuế là 5.709.327.068 đồng, tiền thuế GTGT là 494.832.329 đồng để kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty A2 tại chi cục thuế KV quận A3 - huyện H, thành phố H. Phan đã kê khai bổ sung điều chỉnh giảm 16 hóa đơn này.

Ngày 11/4/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P đã có Quyết địnhtrưng cầu giám định số 1626/CQĐT(PC03) trưng cầu Cục thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm về pháp luật thuế đối với Công ty A.

Tại Kết luận giám định ngày 09/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận:

"*Việc Công ty A sử dụng không hợp pháp hóa đơn để hạch toán hàng hóa, nguyên liệu đầu vào trong hoạt động phát sinh nghĩa vụ thuế làm tăng số tiền thuế được khấu trừ, giảm số tiền thuế phải nộp là hành vi trốn thuế theo quy định tại Khoản 4 Điều 143 Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019".*

"Công ty A đã kê khai điều chỉnh giảm thuế GTGT khấu trừ đối với toàn bộ 16 số hóa đơn sử dụng không hợp pháp nêu trên, làm giảm số thuế GTGT còn khấu trừ chuyển kỳ sau số tiền là 494.832.328đ". Vì vậy không còn thiệt hại về thuế.

Do đó, Trần Ngọc Vĩnh P có hành vi mua bán trái phép 16 hóa đơn GTGT của Nguyễn Minh T.

Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, xác định danh tính, làm rõ hành vi

của cá nhân "Ngân" sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.

138. Trần Công D– Sinh năm 1967; Nơi thường trú: Thị trấn N, huyện N, TP H; Là người đại diện theo pháp luật Công ty TNHH D1 (viết tắt là Công ty D1);Ngành nghề kinh doanh: Dịch vụ bảo vệ.

Công ty D1được Sở K cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0313301982, đăng ký lần đầu ngày 12/06/2015, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 28/12/2021; Địa chỉ trụ sở chính: số C, Đường số A, Khu phố C, phường B, Quận G, TP H.

Trong năm 2021 và 2022, Công ty D1 có mua quần áo, vật tư của một số cá nhân ở nhiều địa chỉ khác nhau nên không xác định được danh tính. Công ty đã thanh toán cả tiền hàng và tiền thuế cho người bán nhưng sau đó vì các cá nhân không thể phát hành được hóa đơn nên để có hóa đơn GTGT chứng minh nguồn gốc hàng hóa mua vào, D đã liên hệ với cá nhân là nam giới, (chưa xác định được danh tính) để mua 16 hóa đơn GTGT của 03 công ty gồm: Công ty TNHH D2, Công ty TNHH Đ1, Công ty TNHH T8 phụ liệu may mặc Phùng Trang với tổng doanh số 39.776.000.000 đồng (*trong đó tiền hàng là 36.350.000.000 đồng, tiền thuế là 3.426.000.000 đồng).* Các Công ty này do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT thông qua các trung gian (F1) có "Mã khách hàng".

Theo thỏa thuận, D phải trả cho cá nhân nêu trên số tiền tương đương 5% giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn và theo nhận thức của D, số tiền này là tiền thuế GTGT cá nhân này sẽ nộp ngân sách Nhà nước.

Để hợp thức thủ tục thanh toán cho việc mua bán hóa đơn nêu trên, cá nhân bán hóa đơn mang số tiền tương ứng cần thanh toán đến ngân hàng và giao cho D nộp vào tài khoản số 0601104560272 mở tại Ngân hàng S tài khoản Công ty D1, sau đó D sẽ lập ủy nhiệm chi và chuyển thanh toán hợp thức số tiền này đến tài khoản của công ty phát hành hóa đơn GTGT khống. Tiền mua hóa đơn 5%, D trả trực tiếp cho bên bán hóa đơn bằng tiền mặt. Để mua 16 hóa đơn, D đã trả cho cá nhân nêu trên tổng số tiền là: 1.817.500.000 đồng.

Sau khi mua 16 hóa đơn, D đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty D1 tại Chi cục thuế Q1, TP H. Tháng 6/2023, D đã kê khai bổ sung điều chỉnh giảm 16/16 hóa đơn với tổng doanh số là39.776.000.000 đồng (*trong đó tiền hàng là 36.350.000.000 đồng, tiền thuế là 3.426.000.000 đồng).*

Ngày 10/4/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P có Quyết định trưng cầu số 1587/CQĐT(PC03) trưng cầu Cục Thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm pháp luật về thuế đối với Công ty D1.

Tại Kết luận giám định ngày 9/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận: *"Tại thời điểm giám định, Công ty D1 đã kê khai điều chỉnh giảm số thuế GTGT khấu trừ đối với toàn bộ 16 số hóa đơn sử dụng không hợp pháp nêu trên dẫn đến tăng số thuế GTGT phải nộp là 3.423.419.807 đồng; giảm số thuế GTGT còn khấu trừ chuyển kỳ sau số tiền 2.580.193 đồng"*. Vì vậy không còn thiệt hại về thuế.

Do đó, Trần Công D có hành vi mua bán trái phép 16 hoá đơn giá trị gia tăng của Nguyễn Minh T.

Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, xác định danh tính, làm rõ hành vi của cá nhân bán hóa đơn trái phép sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy

định.
139. Phan Trọng Bích N- Sinh năm 1979; HKTT: 48/64 tổ F khu F, phường P, thành phố T, tỉnh B. Chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH T9 (viết tắt là Công ty T9); Là người đại diện theo pháp luật; Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm từ nhựa.
Công ty T9 hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh nghiệp Công ty TNHH một thành viên số: 0311684828do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố K cấp ngày 30/03/2012; đăng ký thay đổi lần đầu thứ 5 ngày 07/04/2022. Địa chỉ trụ sở chính: SN B1, phường A, Quận B, TP ..
Trong năm 2021, 2022, công ty T9 mua hàng hóa của các cá nhân và cơ sở kinh doanh nhỏ lẻ để phục vụ sản xuất (đến nay N không xác định được danh tính). Theo thỏa thuận, N đã phải thanh toán tiền hàng bao gồm cả tiền thuế GTGT nhưng sau khi nhận hàng, bên bán không xuất hóa đơn GTGT cho Công ty để kê khai thuế. Để chứng minh nguồn gốc hàng hóa đã mua, N đã liên hệ với một cá nhân không rõ tên tuổi (chưa xác định được danh tính) mua tổng số 16 hóa đơn GTGT của 10 công ty gồm: Công ty TNHH Đ2 (05 hóa đơn); Công ty TNHH P6 (01 hóa đơn); Công ty TNHH S1 (02 hóa đơn); Công ty TNHH S2 (01 hóa đơn); Công ty TNHH T10 (01 hóa đơn); Công ty TNHH T11 (01 hóa đơn); Công ty TNHH T12 (01 hóa đơn); Công ty TNHH V1 (01 hóa đơn); Công ty TNHH X (01 hóa đơn); Công ty TNHH T13 (02 hóa đơn) với tổng doanh số 24.870.370.176 đồng (trong đó: tiền hàng hóa 22.609.427.493 đồng; tiền thuế GTGT 2.260.942.683 đồng).10 Công ty này do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT thông qua các trung gian (F1) có "Mã khách hàng" là "LOC", "PHUC".
Theo thỏa thuận, N phải trả cho người bán hóa đơn số tiền từ 4% đến 6% giá trị tiền hàng trên hóa đơn và theo nhận thức của N, tiền này là tiền thuế GTGT mà người bán hóa đơn sẽ nộp ngân sách nhà nước.
Để hợp thức hóa đơn, N chuyển tiền từ tài khoản của công ty T9 tại các Ngân hàng B2 và M đến tài khoản của các công ty bán hóa đơn để thanh toán hợp thức hóa đơn, sau đó người bán hóa đơn sẽ giữ lại số tiền mua hóa đơn bằng 4% hoặc 6% giá trị hàng hóa trên hóa đơn và trả lại tiền mặt cho N. Để mua 16 hóa đơn khống, N đã trả cho người bán hóa đơn tổng số tiền là: 1.147.610.920 đồng.
Sau khi mua 16 hóa đơn nêu trên, N đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của công ty tại Chi cục thuế quận B trong năm 2021, 2022. Đến nay, công ty T9 đã kê khai bổ sung loại toàn bộ 16 hóa đơn nêu trên.
Ngày 03/4/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P có Quyết định trưng cầu giám định số 1455/CQĐT(PC03) trưng cầu Cục thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm về pháp luật thuế đối với Công ty G
Tại Kết luận giám định ngày 09/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận:
"*Với hành vi sử dụng không hợp pháp hóa đơn (hóa đơn khống) để kê khai làm tăng số tiền thuế được khấu trừ, làm giảm số tiền thuế phải nộp của Công ty T9 là hành vi trốn thuế*".
"Tại thời điểm giám định Công ty T9 đã kê khai bổ sung để điều chỉnh giảm toàn bộ số thuế GTGT đầu vào khấu trừ của 16 tờ hóa đơn sử dụng không hợp

pháp và đã khắc phục nộp đủ vào ngân sách số thuế GTGT phải nộp tăng sau khi kê khai điều chỉnh bổ sung. Vì vậy không còn thiệt hại về thuế.
Do đó, Phan Trọng Bích N có hành vi mua trái phép 16 hóa đơn GTGT của Nguyễn Minh T.
Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, làm rõ hành vi của đối tượng bán hóa đơn trái phép sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.
140. Nguyễn Thanh T1- Sinh năm 1985; HKTT: Số D, ấp L, xã H 3, huyện T, tỉnh Đ; trực tiếp quản lý, điều hành Công ty TNHH một thành viên P7 (viết tắt là Công ty P7).
Công ty P8 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3603290008 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Đ cấp ngày 17/06/2015; đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 13/11/2017. Địa chỉ trụ sở: Số D, ấp L, xã H 3, huyện T, tỉnh Đ; Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quốc T2; Sinh năm 1989; HKTT và chỗ ở hiện nay: Số D, ấp L, xã H 3, huyện T, tỉnh Đ; Chức vụ: Chủ tịch công ty kiêm Giám đốc; Ngành nghề kinh doanh chính: sản xuất Pallet gỗ.
Công ty P7 do ông T2 là Chủ tịch kiêm Giám đốc nhưng thực tế mọi hoạt động kinh doanh của Công ty đều do T1 (là vợ ông T2) trực tiếp quản lý, điều hành. Trong năm 2021 và 2022, Công ty P7 đã mua hàng hóa là gỗ và thuê phương tiện vận chuyển của những cá nhân, hộ kinh doanh nhỏ lẻ để phục vụ kinh doanh (đến nay, T1 không xác định được danh tính). Theo thỏa thuận, T1 đã thanh toán tiền mua hàng hóa, dịch vụ đã bao gồm thuế GTGT nhưng sau khi nhận hàng hóa, dịch vụ, bên bán hàng hóa, dịch vụ không xuất được hóa đơn GTGT cho Công ty P7 để kê khai thuế. Để chứng minh nguồn gốc hàng hóa, dịch vụ đã mua và sử dụng, T1 đã liên hệ với một cá nhân tên "Duyên" (chưa xác định được nhân thân, lai lịch) để mua 16 hóa đơn GTGT của 03 Công ty gồm: Công ty TNHH T14 (07 hóa đơn); Công ty TNHH K1(03 hóa đơn); Công ty TNHH T15 (06 hóa đơn) cho Công ty P7 với tổng giá trị hóa đơn là 12.436.499.300 đồng (trong đó: tiền hàng hóa 11.370.463.000 đồng; tiền thuế GTGT 1.066.036.300 đồng). 03 Công ty này do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT.
Theo thỏa thuận, T1 phải trả cho "Duyên" số tiền tương đương 3,5% giá trị hàng hóa ghi trên hóa đơn và theo nhận thức của T1, số tiền này là tiền thuế GTGT "Duyên" sẽ nộp ngân sách Nhà nước.
Để hợp thức thủ tục thanh toán qua ngân hàng cho các hóa đơn, "Duyên" đưa tiền mặt cho T1 để T1 nộp tiền vào tài khoản của Công ty P7 mở tại Ngân hàng V2, rồi Uỷ nhiệm chi chuyển số tiền trên đến 03 Công ty bán hóa đơn nêu trên. Để mua 16 hóa đơn khống, T1 đã trả số tiền 273.697.000 đồng (đối với 7 hóa đơn) cho "Duyên" bằng tiền mặt (tương đương 3,5% giá trị tiền hàng).
Sau khi mua 16 hóa đơn GTGT nêu trên, T1 đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty P7 tại Chi cục thuế khu vực T16 – T, tỉnh Đ. Công ty P7 đã kê khai bổ sung, điều chỉnh giảm thuế GTGT được khấu trừ tại Chi cục thuế khu vực T16 – Thống Nhất đối với 16 hóa đơn trên.
Ngày 03/4/2024, Cơ quan CSĐT – Công an tỉnh P có Quyết định trưng cầu giám định số 1462/CQĐT(PC03) trưng cầu Cục thuế tỉnh P giám định hành vi vi

phạm về pháp luật thuế đối với Công ty P7.
Tại Kết luận giám định ngày 10/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận:
"Với hành vi sử dụng không hợp pháp hóa đơn, hóa đơn khống để kê khai làm tăng số tiền thuế được khấu trừ thuế làm giảm số thuế phải nộp của Công ty P7 là hành vi trốn thuế".
"Công ty P7 đã kê khai bổ sung điều chỉnh giảm toàn bộ số thuế GTGT đầu vào khấu trừ của 16 hóa đơn sử dụng không hợp pháp và còn phải nộp khắc phục số tiền thuế GTGT phát sinh phải nộp sau khi điều chỉnh, bổ sung là 54.247.723 đồng". Vì vậy không còn thiệt hại về thuế.
Do đó, Nguyễn Thanh T1 có hành vi "Mua bán trái phép" 16 hoá đơn GTGT của Nguyễn Minh T.
Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, làm rõ hành vi của đối tượng "Duyên" sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.
141. Trương Thị Thảo L- Sinh năm 1993, HKTT: Khu phố C, M, B, B; Chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH T17 (viết tắt là Công ty T17); Là người đại diện theo pháp luật; Ngành nghề kinh doanh: Suất ăn công nghiệp.
Công ty T17 được Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh B cấp giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, mã số: 3702833738, đăng ký lần đầu ngày 28/11/2019, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 23/12/2022; Địa chỉ trụ sở chính: Số H, Khu T, T, B, B.
Trong năm 2021 và 2022, Công ty T17 mua một số hàng hóa là các loại thực phẩm phục vụ sản xuất của các cá nhân, hộ kinh doanh nhỏ lẻ ở nhiều địa chỉ khác nhau nên không xác định được danh tính; công ty đã thanh toán cả tiền hàng và tiền thuế cho người bán nhưng sau đó vì các cá nhân không thể phát hành được hóa đơn, nên để có hóa đơn GTGT chứng minh nguồn gốc hàng hóa mua vào, L đã liên hệ với cá nhân không rõ tên tuổi, địa chỉ (chưa xác định được nhân thân lai lịch) để mua 16 hóa đơn GTGT khống của 03 công ty gồm: Công ty Cổ phần S3 (04 hóa đơn); Công ty TNHH Đ3 (09 hóa đơn); Công ty TNHH D3 (03 hóa đơn)với tổng doanh số ghi trên hóa đơn là 12.332.151.140 đồng *(trong đó tiền hàng hóa dịch vụ là 11.270.498.000 đồng, tiền thuế GTGT là: 1.061.653.140đồng)*. 03 Công ty này do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT thông qua trung gian (F1) có "Mã khách hàng" là "Vang".
Theo thỏa thuận, L phải trả cho người bán hóa đơn số tiền tương đương 2,5% giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn và theo nhận thức của L, số tiền này là tiền thuế GTGT người bán hóa đơn sẽ nộp ngân sách Nhà nước.
Để hợp thức cho các hóa đơn phải thanh toán qua ngân hàng, bên bán hóa đơn sẽ nộp tiền mặt vào tài khoản Công ty T17 (số tài khoản 0841000118076 tại Ngân hàng B2) số tiền bằng với giá trị thanh toán trên hóa đơn. Sau khi nhận được tiền, L sử dụng dịch vụ Mobile Banking để chuyển tiền từ tài khoản trên của Công ty T18 đến tài khoản các Công ty phát hành hóa đơn (số tài khoản do bên bán hóa đơn cung cấp). Về tiền chi phí mua hóa đơn, L đưa tiền mặt cho bên bán hóa đơn tổng số tiền là 281.762.450 đồng tương đương với 2,5% giá trị tiền hàng chưa bao gồm thuế GTGT.
Toàn bộ 16 hoá đơn GTGT đã được Công ty T17 kê khai thuế trong năm 2021,

2022 tại chi cục thuế khu vực B3. Đến nay, Công ty T17 đã kê khai điều chỉnh bổ sung, loại bỏ 16 hóa đơn của 03 Công ty nêu trên.
Ngày 09/4/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P có Quyết định trưng cầu giám định số 1572/QĐ- CSKT trưng cầu Cục thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm về pháp luật thuế đối với Công ty T17.
Tại Kết luận giám định ngày 09/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận:
"Việc Công ty T17 sử dụng không hợp pháp hoá đơn để hạch toán hàng hoá, nguyên liệu đầu vào trong hoạt động phát sinh nghĩa vụ thuế làm làm giảm số tiền thuế phải nộp và tăng số tiền thuế được khấu trừ là hành vi trốn thuế theo quy định tại Khoản 4 Điều 143 Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14".
"Tại thời điểm giám định, Công ty T17 đã kê khai bổ sung, điều chỉnh giảm thuế GTGT đầu vào được khấu trừ của 16 hoá đơn nêu trên dẫn đến làm tăng số thuế GTGT phải nộp 901.894.156 đồng, giảm số thuế GTGT còn được khấu trừ 159.758.984 đồng". Vì vậy không còn thiệt hại về thuế.
Do đó, Trương Thị Thảo L có hành vi mua bán trái phép 16 hóa đơn GTGT của Nguyễn Minh T.
Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, danh tính, làm rõ hành vi của cá nhân bán hóa đơn GTGT sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.
142. Nguyễn Văn N1- Sinh năm 1983; Địa chỉ thường trú: Chung cư E, phường A, quận B, TP H. Chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH T19 (viết tắt là Công ty T19); Là người đại diện theo pháp luật.
Công ty T19 hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên. Mã số doanh nghiệp: 0311555702; Đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 21/2/2012; Đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 21/8/2023. Địa chỉ trụ sở chính: Số B, đường số B, Khu tái định cư S, phường A, quận H, TP H.
Trong năm 2021 và 2022, Công ty T19 mua máy móc, hóa chất, thuê vận chuyển, văn phòng phẩm của một số cá nhân ở nhiều địa chỉ khác nhau nên không xác định được danh tính. Công ty đã thanh toán cả tiền hàng và tiền thuế cho người bán nhưng sau đó vì các cá nhân không phát hành được hóa đơn nên để có hóa đơn GTGT chứng minh nguồn gốc hàng hóa mua vào, N1 đã liên hệ với cá nhân tên "T3" (chưa xác định được danh tính) để mua 16 hóa đơn GTGT của 06 công ty với tổng doanh số 10.755.477.904 đồng *(tiền hàng: 9.782.744.000 đồng, tiền thuế: 972.733.940 đồng)*. 16 Công ty này do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT thông qua các trung gian (F1). Theo thỏa thuận, N1 phải trả cho "T3" số tiền tương đương 4% giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn và theo nhận thức của N1, số tiền này là tiền thuế GTGT "Trang" sẽ nộp ngân sách Nhà nước.
Để hợp thức thủ tục thanh toán cho việc mua bán hóa đơn nêu trên, "T3" thực hiện chuyển khoản vào tài khoản cá nhân của N1 mở tại ngân hàng V3, sau đó N1 chuyển số tiền này sang tài khoản công ty T19, và lập ủy nhiệm chi ký, đóng dấu thanh toán hợp thức sang công ty phát hành hóa đơn đúng bằng số tiền "T3" chuyển vào tài khoản cá nhân của N1. Để mua 16 hóa đơn khống, N1 đã trả số tiền mua hóa đơn là 391.309.760 đồng (tương đương 4% giá trị tiền hàng) cho

"Trang" bằng hình thức tiền mặt.

Sau khi mua 16 hóa đơn nêu trên, N1 đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty T19 tại Chi cục thuế Q2, TP H. Tháng 3/2024, N1 đã kê khai bổ sung điều chỉnh giảm 16/16 hóa đơn với tổng doanh số là **10.755.477.904 đồng** *(tiền hàng: 9.782.744.000 đồng, tiền thuế: 972.733.940 đồng).*

Ngày 10/4/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P có Quyết định trưng cầu số 1598/CQĐT(PC03) trưng cầu Cục Thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm pháp luật về thuế đối với Công ty T19.

Tại Kết luận giám định ngày 10/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận: *"Công ty TNHH T20 đã kê khai điều chỉnh giảm số thuế GTGT khấu trừ đối với 16 tờ hóa đơn sử dụng không hợp pháp nêu trên, dẫn đến tăng thuế GTGT phát sinh phải nộp tương ứng số tiền **972.733.940 đồng**. Đến thời điểm giám định thuế, Công ty TNHH T20 đã nộp hết số thuế GTGT phát sinh phải nộp vào ngân sách Nhà nước"*. Vì vậy không còn thiệt hại về thuế.

Do đó, Nguyễn Văn N1có hành vi mua bán trái phép 16 hoá đơn giá trị gia tăng của Nguyễn Minh T.

Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, làm rõ hành vi của đối tượng "Trang" sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.

143. Hoàng Kim T4- Sinh năm 1989; HKTT: Thông Phước Tân, xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước. Chức vụ: Tổng Giám đốc Công ty CP Đ4 (viết tắt là Công ty Đ4); Là người đại diện theo pháp luật. Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất, chế tạo máy móc nông nghiệp.

144. Nguyễn Phong Hồ P1- Sinh năm 1992; HKTT: khu phố P, phường P, thị xã P, tỉnh Bình Phước; Chức vụ: Kế toán Công ty CP Đ4.

Công ty CP Đ4 hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh nghiệp công ty cổ phần số: 3801224159 đăng ký lần đầu ngày 18/05/2020; đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 30/06/2023. Địa chỉ trụ sở chính: Đường L, thôn P, xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước.

Trong năm 2022, công ty Đ4 mua hàng hóa của các cá nhân và cơ sở kinh doanh nhỏ lẻ để phục vụ sản xuất (đến nay công ty không xác định được danh tính). Công ty đã thanh toán tiền hàng bao gồm cả tiền thuế GTGT nhưng sau khi nhận hàng, bên bán không xuất hóa đơn GTGT cho Công ty để kê khai thuế. Để chứng minh nguồn gốc hàng hóa đã mua, T4 đã chỉ đạo P1 liên hệ với cá nhân tên "Đ" (chưa xác định được danh tính) để mua tổng số 16 hóa đơn GTGT của 05 công ty gồm: Công ty Cổ phần S3 (03 hóa đơn); Công ty TNHH K2 (03 hóa đơn); Công ty TNHH K3 (04 hóa đơn); Công ty TNHH S4 (03 hóa đơn); Công ty TNHH S5 (03 hóa đơn) với tổng doanh số: **20.963.809.092 đồng***(trong đó: tiền hàng hóa: 19.131.130.701đồng; tiền thuế GTGT: 1.832.678.391đồng).* 05 Công ty này do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT thông qua các trung gian (F1) có "Mã khách hàng" là **"a.hoi"**.

Theo thỏa thuận, công ty Đ4 phải trả cho người bán hóa đơn số tiền bằng 6% giá trị tiền hàng trên hóa đơn và theo nhận thức của T4 và P1, số tiền này là tiền thuế GTGT mà "Đ" sẽ nộp ngân sách nhà nước.

Để hợp thức hóa đơn, người bán hóa đơn sử dụng tài khoản số 6368898 mở tại

ngân hàng A1 của công ty TNHH M1 (là công ty Nguyễn Minh T sử dụng để bán hóa đơn) chuyển tiền vào 02 tài khoản cá nhân của P1 số 0969749760 mở tại Ngân hàng M2 và tài khoản số 0841000116993 mở tại ngân hàng V4 số tiền bằng với doanh số của hóa đơn cần chuyển khoản hợp thức trừ đi 6% giá trị hàng hóa trên hóa đơn (tiền mua hóa đơn), sau đó P1 chuyển khoản số tiền này vào tài khoản của công ty Đ5 mở tại Ngân hàng M2, tài khoản 703076822666666 mở tại Ngân hàng N4 và tạo lệnh chuyển tiền trên ứng dụng ngân hàng, sau đó thông báo cho T4 biết để duyệt lệnh chuyển số tiền bằng với doanh số trên hóa đơn cần thanh toán hợp thức, đến tài khoản của các công ty bán hóa đơn. Ngoài ra, khi tài khoản của P1 hết hạn mức giao dịch trong ngày, P1 còn nhờ nhân viên khác của công ty là chị Đinh Thị Bích C nhận tiền chuyển khoản vào tài khoản cá nhân của chị C số 0000418959779 và chuyển vào tài khoản công ty để thanh toán hợp thức hóa đơn theo hình thức nêu trên. Chị C không biết số tiền trên là tiền thanh toán hợp thức hóa đơn P1 mua trái phép. Để mua 16 hóa đơn khống T4 đã trả tiền mua hóa đơn cho "Đ" tổng số tiền là: 1.147.867.842 đồng (bằng 6% tiền hàng ghi trên hóa đơn).

Sau khi mua 16 hóa đơn nêu trên, công ty Đ4 đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của công ty tại Cục thuế tỉnh B trong năm 2022. Đến nay, công ty Đ4 đã kê khai bổ sung loại toàn bộ 16 hóa đơn nêu trên.

Ngày 10/4/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P có Quyết định trưng cầu giám định số 1601/CQĐT(PC03) trưng cầu Cục thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm về pháp luật thuế đối với Công ty Đ4.

Tại Kết luận giám định ngày 10/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận: *"Hành vi của Công ty CP Đ4 là hành vi trốn thuế". "Công ty CP Đ4 đã thực hiện kê khai bổ sung, điều chỉnh giảm thuế GTGT đầu vào được khấu trừ của 16 số hóa đơn sử dụng không hợp pháp nêu trên, dẫn đến giảm số thuế GTGT còn được khấu trừ chuyển kì sau số tiền 1.099.607.035 đồng".* Sau khi kê khai điều chỉnh Công ty Đ4 không phát sinh số tiền thuế GTGT phải nộp. Vì vậy không còn thiệt hại về thuế.

Do đó, Hoàng Kim T4 và Nguyễn Phong Hồ P1có hành vi mua trái phép 16 hóa đơn GTGT của Nguyễn Minh T.

Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, làm rõ hành vi của đối tượng "Đức" sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.

145. Lương Thanh V- Sinh năm 1978; Nơi thường trú: 1 khu phố C, phường Q, TP B, Đ; Chức vụ: Phó Giám đốc trực tiếp quản lý, điều hành, hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH một thành viên P7 (viết tắt là Công ty P7); Ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh hóa chất công nghiệp.

Công ty P7 được Sở K cấp giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viêP7, mã số: 0302088836, đăng ký lần đầu ngày 08/9/2000, đăng ký thay đổi lần thứ 22 ngày 01/8/2023; Địa chỉ trụ sở chính: 19 N, Tổ D, KP B, phường L, TP T, TP H; Người đại diện theo pháp luật: Nguyễn Đức T5, sinh ngày: 02/11/1976, Chức danh: Giám đốc.

Công ty P7 do V trực tiếp quản lý, điều hành mọi hoạt động kinh doanh. Năm 2022, Công ty mua hàng là các loại hóa chất của các hộ kinh doanh cá nhân trên

địa bàn TP H và thuê vận chuyển hàng hóa đến khách hàng; Công ty đã thanh toán đầy đủ tiền hàng hóa cho bên bán hàng và yêu cầu họ xuất hóa đơn GTGT nhưng các hộ kinh doanh này không xuất được hóa đơn GTGT, nên V đã liên hệ với một người tên là "P2" (hiện chưa xác định được nhân thân lai lịch) để tìm mua hóa đơn GTGT hợp thức đầu vào hàng hóa cho Công ty P7. Quá trình trao đổi, P2 giới thiệu có Công ty đang dư hóa đơn đầu ra có thể bán cho các đơn vị có nhu cầu với chi phí là từ 4% đến 5% giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn. Sau đó, V đồng ý mua hóa đơn GTGT của P2 để hợp thức đầu vào hàng hóa cho Công ty P7 với tổng số **16** hóa đơn GTGT khống của 06 Công ty gồm Công ty Cổ phần S6; Công ty TNHH D3; Công ty TNHH T21; Công ty TNHH T22; Công ty TNHH T23, Công ty TNHH X và KD xăng dầu PEC OIL với tổng doanh số là 28.686.217.646 đồng (trong đó: tiền hàng là 26.536.012.844 đồng, tiền thuế là 2.150.204.802 đồng). 06 Công ty này do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT thông qua các trung gian (F1) có "Mã khách hàng" là "duy.vo" và "PHAT.BẢO PHỤNG".

Theo thỏa thuận, V phải trả cho "Phát" số tiền tương đương 5% giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn và theo nhận thức của V, số tiền này là tiền thuế GTGT "Phát" sẽ nộp ngân sách Nhà nước.

Về việc thanh toán hợp thức và thanh toán tiền mua hóa đơn như sau: Vung sẽ cung cấp số tài khoản cá nhân của V (số A tại Ngân hàng A1) cho P2, để P2 chuyển đủ số tiền ghi trên hóa đơn cho V. Sau khi nhận được tiền, V sẽ rút tiền mặt để nộp vào tài khoản của Công ty P7 (số tài khoản 302088828 tại Ngân hàng A1 và số tài khoản 6564282828 tại Ngân hàng B2) và lấy tên là Hoàng Quốc H nộp tiền (thời điểm này ông H đang đứng tên là Giám đốc Công ty P7). Sau đó, V sẽ thực hiện chuyển tiền từ các số tài khoản trên của Công ty P7 đến số tài khoản của các Công ty bán hóa đơn. Ông Hoàng Quốc H là Giám đốc Công ty P7 từ tháng 7/2021 đến tháng 3/2023 và không tham gia vào bất kỳ hoạt động kinh tế của công ty, chỉ đứng tên trên các thủ tục giấy tờ. Tổng số tiền đã thanh toán hợp thức thể hiện trên tài khoản Công ty P7 là 28.686.217.646 đồng và số tiền mua hóa đơn mà V đã thanh toán là là 1.194.120.000 đồng.

Toàn bộ 16 tờ hoá đơn GTGT của các Công ty đã được Công ty P7 kê khai thuế trong năm 2022 tại Chi cục thuế T24 – TP H. Đến tháng 6/2023, Công ty P7 đã kê khai điều chỉnh bổ sung, loại bỏ 16 hóa đơn nêu trên.

Ngày 09/4/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P có Quyết định trưng cầu giám định số 1521/QĐ- CSKT trưng cầu Cục thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm về pháp luật thuế đối với Công ty P7.

Tại Kết luận giám định ngày 10/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận:

"Hành vi sử dụng không hợp pháp 16 hóa đơn GTGT của Công ty P7 để kê khai tăng số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ 2.150.204.802 đồng trong các kỳ kê khai thuế từ tháng 2/2022 đến tháng 10/2022, làm giảm số tiền thuế phải nộp là hành vi trốn thuế".

"Công ty P7 đã thực kê khai bổ sung và loại bỏ 16 số hóa đơn trong kỳ kê khai thuế từ tháng 2/2022 đến tháng 10/2022; tương ứng số thuế GTGT đầu vào điều chỉnh giảm là 2.150.204.802 đồng; Sau khi điều chỉnh giảm, số thuế GTGT phát

sinh phải nộp trong kỳ kê khai thuế là 2.994.729.699 đồng". Vì vậy không còn thiệt hại về thuế. Sau khi kê khai điều chỉnh, Công ty P7 đã khắc phục nộp đủ số tiền thuế GTGTvào ngân sách Nhà nước.

Do đó, Lương Thanh V có hành vi mua trái phép 16 hóa đơn GTGT của Nguyễn Minh T.

Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, xác định danh tính, làm rõ hành vi của cá nhân "Phát" sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.

146. Nguyễn Đình T6- Sinh năm 1976; Nơi cư trú: 6 T, xã T, huyện H, TP H; Chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH S7 (viết tắt là Công ty S7); Là người đại diện theo pháp luật; Ngành nghề kinh doanh: sản xuất kinh doanh các mặt hàng vật liệu xây dựng, gạch lát vỉa hè.

Công ty S7 hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên. Mã số doanh nghiệp: 0304698386; Đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 17/11/2006; Đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 04/12/2023. Địa chỉ trụ sở chính: A D, xã T, huyện H, TP H.

Trong năm 2021 và 2022, để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty S7 đã mua hàng hóa đầu vào là vật liệu xây dựng của các hộ kinh doanh cá nhân nhỏ lẻ ở nhiều địa chỉ khác nhau nên không xác định được danh tính; Công ty đã thanh toán tiền hàng và tiền thuế cho bên bán hàng nhưng sau đó vì các cá nhân không thể phát hành được hóa đơn nên để có hóa đơn GTGT chứng minh nguồn gốc hàng hóa mua vào, T6 đã liên hệ với một cá nhân (chưa xác định được) để mua 15 hóa đơn GTGT khống của 04 công ty gồm: Công ty TNHH Đ6 (01 hóa đơn); Công ty TNHH T25 (05 hóa đơn); Công ty TNHH T26 (07 hóa đơn); Công ty TNHH T27 (02 hóa đơn) với tổng doanh số ghi trên hóa đơn là 11.488.897.382 đồng *(trong đó tiền hàng hóa dịch vụ là 10.444.452.165đồng, tiền thuế GTGT là: 1.044.445.217đồng)*. 04 Công ty này do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT thông qua trung gian (F1) có "Mã khách hàng" là "Hoang dung".

Theo thỏa thuận, T6 trả cho người bán hóa đơn số tiền tương đương 5% giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn và theo nhận thức của T6, số tiền này là tiền thuế GTGT người bán hóa đơn sẽ nộp ngân sách Nhà nước.

Về việc thanh toán hợp thức các hóa đơn, người bán hóa đơn và T6 cùng ra Ngân hàng để làm thủ tục. Lúc này, người bán hóa đơn sẽ đưa tiền mặt cho T6 số tiền bằng với giá trị thanh toán trên hóa đơn để nộp vào tài khoản của Công ty S7 (số tài khoản 31810000310476 tại Ngân hàng B2). Sau đó, T6 sẽ dùng Ủy nhiệm chi để chuyển tiền từ tài khoản trên của Công ty S7 đến tài khoản các Công ty phát hành hóa đơn (số tài khoản do người bán hóa đơn cung cấp) hoặc Ngân hàng sẽ giải ngân qua tài khoản vay của Công ty S7 đến tài khoản của Công ty phát hành hóa đơn. Về tiền chi phí mua hóa đơn, T6 đưa trực tiếp tiền mặt cho người bán hóa đơn là 522.222.608 đồng tương đương 5% giá trị tiền hàng chưa bao gồm thuế GTGT.

Toàn bộ 15 hoá đơn GTGT đã được Công ty S7 kê khai thuế trong năm 2021, 2022 tại chi cục thuế khu vực quận A - huyện H. Đến ngày 16/3/2024, Công ty S7 đã kê khai điều chỉnh bổ sung, loại bỏ 15 hóa đơn trên. Đến nay, Công ty S7

đã nộp khắc phục vào Ngân sách Nhà nước số tiền 1.126.875.610 đồng.
Ngày 09/4/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P có Quyết định trưng cầu giám định số 1570/QĐ- CSKT trưng cầu Cục thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm về pháp luật thuế đối với Công ty S7.
Tại Kết luận giám định ngày 09/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận:
"Với hành vi sử dụng không hợp pháp hoá đơn (hoá đơn khống) để kê khai làm tăng số tiền thuế được khấu trừ, làm giảm số tiền thuế phải nộp của Công ty S7 là hành vi trốn thuế theo quy định tại Khoản 4 Điều 143 Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019".
"Tại thời điểm giám định Công ty S7 đã kê khai bổ sung điều chỉnh giảm toàn bộ số thuế GTGT đầu vào khấu trừ của 15 tờ hoá đơn sử dụng không hợp pháp và đã khắc phục nộp vào ngân sách số thuế GTGT phải nộp tăng sau khi kê khai điều chỉnh là 879.728.166 đồng, số tiền thuế GTGT phải nộp sau điều chỉnh bổ sung chưa nộp ngân sách là 154.191.791 đồng". Vì vậy không còn thiệt hại về thuế.
Do đó, Nguyễn Đình T6 có hành vi mua bán trái phép 15 hóa đơn GTGT của Nguyễn Minh T.

Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, xác định danh tính, làm rõ hành vi của cá nhân bán hóa đơn sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.

147. Lê Thanh P3- Sinh năm 1980; HKTT: tổ C, ấp U, xã Đ, huyện D, tỉnh B; Chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH Đ7 (viết tắt là Công ty Đ7); Là người đại diện theo pháp luật; Ngành nghề kinh doanh chính: lắp đặt hệ thống điện.
Công ty Đ7 hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh nghiệp số: 3701799749, do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh B cấp ngày 08/11/2010; đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 29/03/2021; Địa chỉ trụ sở: số C tổ A, khu phố C, phường M, Thị xã B, tỉnh B.
Trong năm 2021 và 2022, Công ty Đ7 đã mua hàng hóa là dây điện, ổ cắm...và thuê nhân công của những cá nhân, hộ kinh doanh nhỏ lẻ để phục vụ kinh doanh (đến nay, P3 không xác định được danh tính). Theo thỏa thuận, P3 đã thanh toán tiền mua hàng hóa, dịch vụ đã bao gồm thuế GTGT nhưng sau khi nhận hàng hóa, dịch vụ, bên bán hàng hóa, dịch vụ không xuất được hóa đơn GTGT cho Công ty để kê khai thuế. Để chứng minh nguồn gốc hàng hóa, dịch vụ đã mua và sử dụng, P3 đã liên hệ với một cá nhân tên "Mười" (chưa xác định được nhân thân, lai lịch) để mua 15 hóa đơn GTGT của 03 Công ty gồm: Công ty TNHH V5 (03 hóa đơn); Công ty TNHH T25 (09 hóa đơn); Công ty TNHH S8 (03 hóa đơn) cho Công ty Đ7 với tổng giá trị hóa đơn là 10.790.214.743 đồng (trong đó: tiền hàng hóa: 9.812.528.294 đồng; tiền thuế GTGT: 977.686.449 đồng). 03 Công ty này do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT.
Theo thỏa thuận, P3 phải trả cho "Mười" số tiền tương đương 10% giá trị hàng hóa ghi trên hóa đơn và theo nhận thức của P3, số tiền này là tiền thuế GTGT "Mười" sẽ nộp ngân sách Nhà nước.
Để hợp thức thủ tục thanh toán qua ngân hàng cho các hóa đơn, "Mười" chuyển tiền vào tài khoản của Công ty Đ7 mở tại Ngân hàng B2. Sau đó, P3 làm thủ tục

ủy nhiệm chi chuyển tiền đến 03 Công ty bán hóa đơn nêu trên. Để mua 15 hóa đơn khống, P3 đã trả số tiền 977.686.449 đồng cho "Mười" bằng tiền mặt (tương đương 10% giá trị tiền hàng).
Sau khi mua 15 hóa đơn GTGT nêu trên, P3 đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty Đ7 tại Chi cục thuế B3, tỉnh B. Công ty Đ7 đã kê khai bổ sung, điều chỉnh giảm thuế GTGT được khấu trừ tại Chi cục thuế B3 đối với 15 hóa đơn trên.
Ngày 03/4/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P có Quyết định trưng cầu giám định số 1469/CQĐT(PC03) trưng cầu Cục thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm về pháp luật thuế đối với Công ty Đ7.
Tại Kết luận giám định ngày 09/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận:
"Với hành vi sử dụng không hợp pháp hóa đơn, hóa đơn khống để kê khai làm tăng số tiền thuế được khấu trừ thuế làm giảm số thuế phải nộp của Công ty Đ7 là hành vi trốn thuế".
"Công ty Đ7 đã kê khai bổ sung để điều chỉnh giảm toàn bộ số thuế GTGT đầu vào khấu trừ của 15 tờ hóa đơn sử dụng không hợp pháp và đã khắc phục nộp vào ngân sách số thuế GTGT phải nộp tăng sau khi kê khai điều chỉnh là: ***32.741.341 đồng****, số tiền thuế GTGT phải nộp sau điều chỉnh bổ sung chưa nộp ngân sách là:* ***664.990.486 đồng****"*. Vì vậy không còn thiệt hại về thuế.
Do đó, Lê Thanh P3 có hành vi "Mua bán trái phép" 15 hoá đơn của Nguyễn Minh T.
Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, làm rõ hành vi của đối tượng "Mười" sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.
148. Đoàn Khắc P4- Sinh năm 1982, HKTT: 327/9 Nguyễn Tri P5, KP N, D, B; Chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH C1 (viết tắt là Công ty C1); Là người đại diện theo pháp luật; Ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh, sửa chữa máy móc, thiết bị.
Công ty C1 được Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh B cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3702916462, đăng ký lần đầu ngày 29/9/2020; Địa chỉ trụ sở chính: 327/9 N, KP N, D, B.
Năm 2021, để phục vụ hoạt động sản xuất, Công ty C1 có mua có mua nguyên vật liệu của nhiều cá nhân, cửa hàng khác nhau. Tuy nhiên, khi thanh toán tiền hàng, các cá nhân bán hàng này không xuất được hóa đơn GTGT cho Công ty dẫn đến Công ty thiếu đầu vào để kê khai với cơ quan thuế. Do vậy, P4 đã liên hệ được với một cá nhân tên "Q" (hiện chưa xác định được nhân thân lai lịch) và mua 14 hóa đơn GTGT của Công ty TNHH K4 với tổng doanh số hóa đơn là 8.130.098.449 đồng, trong đó tiền hàng hóa dịch vụ trước thuế VAT là 7.390.998.590 đồng, tiền thuế là 739.099.859 đồng. Công ty này do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT thông qua trung gian (F1) có "Mã khách hàng" là "A.Tien".
Theo thỏa thuận, P4 phải trả cho "Q" đơn số tiền bằng 3,5% giá trị tiền hàng ghi trên hoá đơn và theo nhận thức của P4, số tiền này là tiền thuế GTGT "Q" sẽ nộp ngân sách Nhà nước.
Để hợp thức tiền trên tài khoản: Mỗi lần thanh toán, người của Công ty bán hóa

đơn sẽ chuyển số tiền cần thanh toán (đã trừ 3,5% phí mua hóa đơn) vào tài khoản của P4. Sau đó, P4 tự bù số tiền còn thiếu, chuyển khoản sang tài khoản Công ty C1 và thực hiện chuyển khoản đến tài khoản của Công ty K4. Chi phí mua hóa đơn Công ty C1 đã phải thanh toán là 258.684.951 đồng (bằng 3,5% số tiền hàng ghi trên hóa đơn).

Sau khi mua 14 hóa đơn nêu trên, P4 đã sử dụng toàn bộ 14 hóa đơn để kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty C1 tại chi cục thuế T28, B và đã kê khai bổ sung điều chỉnh giảm 14 hóa đơn trên.

Ngày 11/4/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P đã có Quyết định trưng cầu giám định số 1613/CQĐT(PC03) trưng cầu Cục thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm về pháp luật thuế đối với Công ty C1.

Tại Kết luận giám định ngày 10/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận:

"*Việc Công ty C1 sử dụng không hợp pháp hóa đơn (hóa đơn khống) để kê khai khấu trừ thuế GTGT làm giảm số thuế GTGT phải nộp, tăng số thuế được khấu trừ là hành vi trốn thuế theo quy định tại Khoản 4 Điều 143 Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019".*

"Công ty C1 đã kê khai bổ sung điều chỉnh giảm số tiền thuế GTGT khấu trừ đối với các hóa đơn sử dụng không hợp pháp đã kê khai; đồng thời xác định tăng thuế GTGT phát sinh phải nộp và xác định giảm thuế GTGT còn được khấu trừ chuyển kỳ sau". Vì vậy không còn thiệt hại về thuế.

Do đó, Đoàn Khắc P4 có hành vi mua bán trái phép 14 hóa đơn GTGT của Nguyễn Minh T.

Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, xác định danh tính, làm rõ hành vi của cá nhân "Q" sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.

149. Lê Nguyễn Minh T7- Sinh năm 1997; Nơi ở: số E, ấp C đường X, xã X, huyện H, thành phố H. Chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH T29 (viết tắt là Công ty T29); là người đại diện theo pháp luật.

Công ty T29 (nay là Công ty CP T29) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên P7: 0315230293, đăng ký lần đầu ngày 17/08/2018; đăng ký thay đổi lần thứ 02 ngày: 22/03/2021. Địa chỉ: Đường A Bà Đ, ấp B, xã B, huyện H, thành phố H. Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn H1; Sinh năm 1965; HKTT: Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh T. Chức vụ: Giám đốc. Ngành nghề kinh doanh: Vận tải.

Trong năm 2022, tại thời điểm Giám đốc, người đại diện theo pháp luật của công ty T29 là T7, Công ty có chi tiền thuê phương tiện vận tải các cá nhân và cơ sở kinh doanh nhỏ lẻ để phục vụ sản xuất (đến nay T7 không xác định được danh tính). Theo thỏa thuận, T7 đã thanh toán tiền hàng bao gồm cả tiền thuế GTGT nhưng sau khi nhận hàng, bên bán không xuất hóa đơn GTGT cho Công ty để kê khai thuế. Để chứng minh nguồn gốc hàng hóa đã mua, T7 đã liên hệ với một cá nhân tên "Duy Nhi" (chưa xác định được danh tính) mua tổng số 13 hóa đơn GTGT của 08 công ty gồm: Công ty TNHH Đ8 (03 hóa đơn); Công ty TNHH T30 (02 hóa đơn); Công ty TNHH T31 (01 hóa đơn); Công ty TNHH X (01 hóa đơn); Công ty TNHH T32 (01 hóa đơn); Công ty TNHH V6 (01 hóa đơn); Công ty TNHH X (02 hóa đơn); Công ty TNHH X (02 hóa đơn) với tổng

doanh số: 5.962.399.381 đồng *(trong đó: tiền hàng hóa: 5.504.273.251 đồng; tiền thuế GTGT: 458.126.130 đồng)*. 08 Công ty này do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT thông qua các trung gian (F1) có "Mã khách hàng" là "le.duy", "tram.anh".

Theo thỏa thuận, T7 phải trả cho người bán hóa đơn số tiền bằng 3% giá trị tiền hàng trên hóa đơn và theo nhận thức của Thư tiền này là tiền thuế GTGT mà "Duy Nhi" sẽ nộp ngân sách nhà nước.

Để hợp thức hóa đơn, T7 thông báo trước cho người bán hóa đơn. Sau đó có các giao dịch chuyển tiền vào tài khoản của công ty T29 mở tại Ngân hàng S số tiền bằng với doanh số hóa đơn cần chuyển khoản hợp thức từ các tài khoản có tên "VO MINH SANG", "NGUYEN HOAN VONG". Sau khi tiền vào tài khoản công ty, T7 tạo và duyệt lệnh chuyển tiền đến tài khoản của các công ty bán hóa đơn để hợp thức hóa đơn. Để mua 13 hóa đơn khống, T7 đã trả tiền cho "Duy N2" tổng số tiền là: 165.130.000 đồng(bằng 3% tiền hàng ghi trên 13 hóa đơn).

Sau khi mua 13 hóa đơn nêu trên, công ty T29 đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của công ty tại Chi cục thuế khu vực Quận A - H trong năm 2022. Đến nay, công ty T29 đã kê khai bổ sung loại toàn bộ 13 hóa đơn nêu trên.

Ngày 03/4/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P có Quyết định trưng cầu giám định số 1439/CQĐT(PC03) trưng cầu Cục thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm về pháp luật thuế đối với Công ty T29.

Tại Kết luận giám định ngày 09/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận:

"*Việc Công ty T29 sử dụng không hợp pháp hóa đơn để hạch toán hàng hóa, nguyên liệu mua vào trong hoạt động phát sinh nghĩa vụ thuế làm tăng số tiền thuế được khấu trừ, giảm số tiền thuế phải nộp là hành vi trốn thuế".*

"Tại thời điểm giám định, Công ty T29 đã kê khai điều chỉnh giảm số thuế GTGT được khấu trừ đối với toàn bộ 13 số hóa đơn sử dụng không hợp pháp nêu trên dẫn đến giảm số thuế GTGT còn được khấu trừ chuyển kỳ sau số tiền là: 458.126.130 đồng". Công ty T29 đã khắc phục nộp đủ số tiền thuế GTGT phát sinh sau khi điều chỉnh vào Ngân sách nhà nước. Vì vậy không còn thiệt hại về thuế.

Do đó, Lê Nguyễn Minh T7 có hành vi mua trái phép 13 hóa đơn GTGT của Nguyễn Minh T.

Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, làm rõ hành vi của đối tượng "Duy Nhi" sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.

150. Nguyễn Hoàng L1- Sinh năm 1983; Nơi thường trú: số B, đường N, P, xã P, C, TP H; Chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH S9 (viết tắt là Công ty S9); Là người đại diện theo pháp luật.

Công ty S9 hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 031688054 do Sở K cấp, đăng ký lần đầu ngày 27/5/2021, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 18/10/2022; Địa chỉ trụ sở chính 309, Nguyễn Thị N3, ấp P, xã P, C, TP H.

Trong 2022, trong quá trình hoạt động kinh doanh Công ty S9 mua hàng hóa là nhựa các loại của nhiều cá nhân, ở nhiều địa chỉ khác nhau nên không xác định được danh tính, công ty đã thanh toán cả tiền hàng và tiền thuế, nhưng các cá nhân không thể phát hành được hóa đơn, nên để có hóa đơn GTGT chứng minh

nguồn gốc hàng hóa, dịch vụ mua vào, L1 đã thông qua một người đàn ông tên ”B” (đến nay chưa xác định được danh tính) để mua 13 hóa đơn của Công ty TNHH T33 (Công ty này do Nguyễn Minh T sử dụng để bán hóa đơn) với tổng giá trị là 10.187.001.024đ (trong đó tiền hàng là 9.415.573.856đ, tiền thuế là 771.427.168đ).

Theo thoả thuận, L1 phải trả cho người bán hóa đơn số tiền tương đương 6% giá trị tiền hàng ghi trên hoá đơn, theo nhận thức của L1 thì số tiền này là tiền thuế GTGT người bán hóa đơn sẽ nộp NSNN.

Để hợp thức thủ tục thanh toán qua ngân hàng cho các hoáđơn, L1đã sử dụng tiền của mình có trong tài khoản tài khoản số 39868686 của Công ty S9 mở tại Ngân hàng A1để chuyển số tiền bằng doanh số hóa đơn đến tài khoản của công ty hóa đơn, sau đó bên bán hóa đơn chuyển khoản trả lại số tiền này vào tài khoản cá nhân số 6666868788 của L1 mở tại Ngân hàng A1; Hoặc bên bán hóa đơn sẽ giao số tiền mặt tương ứng giá trị cần thanh toán hợp thức cho L1để nộp vào tài khoản của Công ty S9 sau đóL1 thực hiện chuyểnsố tiền này đến tài khoản của công ty bán hóa đơn. Để mua 13 hóa đơn, L đã trả cho người bán tổng số tiền là 564.934.431đ (tương đương với 6%).

Sau khi mua 13 hóa đơn GTGT nêu trên, Công ty V2 đã sử dụng kê khai thuế GTGT đầu vào với Chi cục thuế Q, TP H. Đến ngày 11 tháng 03 năm 2024, Công ty V2 đã kê khai bổ sung, điều chỉnh giảm thuế GTGT được khấu trừ đối với 13 hoá đơn trên.

Ngày 10/04/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P có Quyết định trưng cầu giám định số 1535/QĐ- CSKT trưng cầu Cục thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm về pháp luật thuế đối với Công ty V2.

Tại Kết luận giám định ngày 10/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận:

“Việc Công ty V3 sử dụng 13 hóa đơn không hợp pháp để hạch toán hàng hóa, nguyên liệu đầu vào trong hoạt động phát sinh nghĩa vụ thuế làm tăng số tiền thuế được khấu trừ là hành vi trốn thuế”.

“Công ty V2 đã kê khai điều chỉnh giảm thuế số thuế GTGT khấu trừ đối với toàn bộ 13 số hóa đơn không hợp pháp nêu trên dẫn đến tăng số thuế GTGT phát sinh phải nộp là 648.344.396 đồng. đến thời điểm giám định Công ty V2 đã nộp hết số thuế GTGT phát sinh phải nộp vào ngân sách nhà nước”. Vì vậy không còn thiệt hại về thuế.

Do đó, Nguyễn Hoàng L có hành vi Mua bán trái phép 13 hoá đơn giá trị gia tăng của Nguyễn Minh T.

Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, làm rõ hành vi của đối tượng ”Bình” sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.

151. Trần Nhựt H - Sinh năm 1982; Chức vụ: Giám đốc Phòng cung ứng Công ty CP N7 (Viết tắt là Công ty N7); Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất nhựa.

152. Trần Minh H1 - Sinh năm 1990; Nơi thường trú: KP1 Đ, TP P - T, tỉnh N; Chức vụ: Trưởng phòng thu mua Công ty N7.

153. Trần Thanh H2- Sinh năm 1990; Nơi thường trú: B1, C L, phường T, quận T, TP .; Chức vụ: nhân viên của Công ty N7.

Công ty N7 hoạt động hoạt động theo giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1100676611 do phòng Đăng ký kinh doanh Sở K3 cấp ngày 30/6/2015, đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 06/9/2023. Công ty N7 do ông Trần Duy H3 - Sinh năm 1959; Nơi ở hiện tại: Số D G, phường C, quận F, TP . giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc; và là người đại diện theo pháp luật. Ông Huỳnh Ngọc T1 - Sinh năm 1986 ở A đường số E phường T, quận B, TP .; giữ chức vụ Giám đốc điều hành Công ty.

Trong năm 2021, 2022, Công ty N7 đã mua các loại nhựa phế liệu của các cá nhân trên địa bàn nhiều tỉnh, thành phố khác nhau. Tuy nhiên các cá nhân này không phát hành được hóa đơn GTGT. Để chứng minh nguồn gốc hàng hóa mua vào, Hiện đã thông qua "Nguyễn Văn D" (chưa xác định được danh tính) để mua hóa đơn. Sau đó, H đã chỉ đạo Hoàng liên H4, cung cấp thông tin cho "D" để mua hóa đơn. "D" đã trao đổi với Hoàng liên H4 với "Đào Thị A" (chưa xác định được danh tính) là nhân viên kế toán của "D" để "Anh" phát hành hóa đơn GTGT của Công ty L7V cho Công ty N7. Sau khi trao đổi với "Đào Thị A", H1 đã phân công H2 liên hệ với "Anh" để mua hóa đơn.

Với hình thức nêu trên, từ tháng 5/2022 đến tháng 10/2022, H2 đã thông qua Đào Thị A để mua 11 hóa đơn của Công ty TNHH L7V với doanh số **1.828.703.196 đồng** *(trong đó tiền hàng là 1.693.243.700 đồng, tiền thuế GTGT là 135.459.496 đồng)* cho Công ty N7. Sau khi H2 chuyển sang bộ phận khác thì H2 đã bàn giao công việc cho Nguyễn Thu T2 - Sinh năm 1989 là nhân viên của Công ty N7. Hiện và H1 tiếp tục phân công bà T2 liên hệ với Đào Thị A để đề nghị phát hành hóa đơn. Tuy nhiên bà T2 không biết về thỏa thuận mua bán hóa đơn giữa Hiện, H1, H2 với "D" và "Đào Thị A". Theo nhiệm vụ phân công, bà T2 đã thông qua Đào Thị A để đề nghị phát hành 02 hóa đơn của Công ty TNHH L7V với doanh số 234.936.720 *đồng (trong đó tiền hàng là 217.534.000 đồng, tiền thuế GTGT là 17.402.720 đồng)* cho Công ty N7. Tổng số, Trần Nhựt H và Trần Minh H1 đã thông qua Đào Thị A mua 13 hóa đơn của Công ty TNHH L7V với tổng số tiền **2.063.639.916 đồng** (tiền hàng hóa: 1.910.777.700 đồng; tiền thuế GTGT: 152.862.216 đồng), trong đó Trần Thanh H2 đã trực tiếp liên hệ để mua 11 hóa đơn nêu trên. Công ty TNHH T18 và bao bì Loan V do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn.

Theo thỏa thuận, Công ty N7 phải trả cho D số tiền tương đương từ 8% giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn. Tuy nhiên, khi liên hệ với Đào Thị A để trao đổi về việc mua hóa đơn, H2 đã tự thỏa thuận và thống nhất với Đào Thị A về việc chia số tiền 3% giá trị tiền hàng cho H2 hưởng lợi cá nhân, số tiền còn lại 5% giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn, D là người được hưởng. H2 không báo cáo

lại nội dung này với H1 và Hiện. Theo nhận thức của H1 và Hiện, số tiền 8% là tiền thuế GTGT mà D sẽ nộp ngân sách.

Để hợp thức thủ tục thanh toán qua ngân hàng, Công ty N7 sử dụng tiền sẵn có của Công ty để thực hiện ủy nhiệm chi chuyển tiền vào tài khoản của Công ty L7V. Sau đó, H2 thông báo số tài khoản của các cá nhân bán hàng thực tế cho Đào Thị A để Anh chuyển trả tiền cho các cá nhân này (số tiền chưa bao gồm thuế GTGT). Anh giữ lại số tiền mua hóa đơn là 5% và chuyển cho H2 hưởng lợi 3% (Anh chuyển tiền cho H2 bằng nhiều tài khoản khác nhau nên hiện H2 không xác định được cụ thể các giao dịch chuyển tiền). Để mua 13 hóa đơn, Công ty N7 đã trả số tiền **152.862.216 đồng** cho D bằng hình thức nêu trên (tương đương với 8% giá trị tiền hàng chưa bao gồm thuế GTGT), trong đó H2 hưởng lợi số tiền 50.000.000 đồng (tương đương 3% giá trị tiền hàng của 11 hóa đơn mà H2 đã trực tiếp liên hệ để mua).

Sau khi mua 13 hóa đơn GTGT nêu trên, Công ty N7 đã sử dụng để kê khai thuế đầu vào tại Cục thuế tỉnh L. Từ tháng 3 đến tháng 10/2023, Công ty N7 đã kê khai bổ sung, điều chỉnh giảm thuế GTGT được khấu trừ tại Cục thuế tỉnh L đối với 13 hóa đơn trên.

Ngày 03/4/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P có Quyết định trưng cầu giám định số 1480/CQĐT(PC03) trưng cầu Cục thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm pháp luật thuế đối với Công ty N7.

Tại Kết luận giám định ngày 11/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận:

"Với hành vi sử dụng không hợp pháp hóa đơn (hóa đơn khống) để kê khai làm tăng số tiền thuế được khấu trừ, làm giảm số tiền thuế phải nộp của Công ty N7 là hành vi trốn thuế".

"Công ty N7 đã kê khai bổ sung để điều chỉnh giảm toàn bộ số thuế GTGT đầu vào khấu trừ là 152.862.216 đồng của 13 tờ hóa đơn sử dụng không hợp pháp, đồng thời sau kê khai điều chỉnh bổ sung không phát sinh số thuế GTGT phải nộp ngân sách". Vì vậy không còn thiệt hại về thuế.

Do đó, Trần Nhựt H, Trần Minh H1 có hành vi "Mua bán trái phép" 13 hóa đơn của Nguyễn Minh T; Trần Thanh H2 có hành vi "Mua bán trái phép" 11 hóa đơn. H2 hưởng lợi 50.000.000 đồng.,

Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, làm rõ hành vi của đối tượng "Nguyễn Văn D" và "Đào Thị A" sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.

154. Phan Thanh H5 – Sinh năm 1985; Nơi thường trú: 64 Trần Văn K, KP D, T, Quận G, TP H; Chức vụ: Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV T19 (viết tắt là Công ty T19); Ngành nghề kinh doanh: tái chế kim loại màu.

Công ty T19 được Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viêT19, mã số: 3602654189, đăng ký lần đầu ngày 18/11/2011, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 29/01/2019; Địa chỉ trụ sở chính: Ấp C, xã T, huyện V, tỉnh Đ; Người đại diện theo pháp luật: Phan Văn T3, sinh năm: 1957, HKTT: 9A Bis, Tổ A, KP E, T,

Quận G, TP H; Chức danh: Chủ tịch kiêm Giám đốc.

Công ty T19 do ông T3 đứng tên Giám đốc nhưng không tham gia điều hành hoạt động của Công ty, mọi hoạt động của Công ty do Phan Thanh H5 điều hành. Trong năm 2021 và 2022, để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty thu mua các loại phế liệu của các hộ kinh doanh cá nhân, nhỏ lẻ ở nhiều địa chỉ khác nhau nên không xác định được danh tính; Công ty đã thanh toán cả tiền hàng và tiền thuế cho bên bán hàng nhưng sau đó vì các đơn vị không thể phát hành được hóa đơn nên để có hóa đơn GTGT chứng minh nguồn gốc hàng hóa mua vào, H5 đã liên hệ với cá nhân tên ”T9” (chưa xác định được nhân thân lai lịch) để mua 12 hóa đơn GTGT khống của Công ty TNHH T19 và thu gom phế liệu Ngọc H6 với tổng doanh số ghi trên hóa đơn là 31.293.350.000 đồng *(trong đó tiền hàng hóa dịch vụ là 28.448.500.000đồng, tiền thuế GTGT là: 2.844.850.000đồng)*. Công ty này do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT thông qua trung gian (F1) có “Mã khách hàng” là “Ánh”.

Theo thỏa thuận, H5 phải trả cho “T9” số tiền tương đương 6% giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn và theo nhận thức của H5, số tiền này là tiền thuế GTGT “T9” sẽ nộp ngân sách Nhà nước.

Để hợp thức thanh toán hóa đơn, T9 sẽ cử người và hẹn H5 ra Ngân hàng để làm thủ tục thanh toán. Lúc này, T9 sử dụng tài khoản Ngân hàng để chuyển tiền vào tài khoản cá nhân của H5 (số tài khoản 599899988 tại Ngân hàng A3) số tiền bằng số tiền thanh toán ghi trên hóa đơn. Sau đó, H5 chuyển tiền từ tài khoản cá nhân vào tài khoản Công ty T19 (số tài khoản 989888988 tại Ngân hàng A3) và dùng Ủy nhiệm chi để chuyển tiền từ tài khoản trên của Công ty T19 đến tài khoản của Công ty TNHH T19 và thu gom phế liệu Ngọc H6. Tổng số tiền chi phí mua hóa đơn H5 đã trả trực tiếp tiền mặt cho T9 là 1.706.910.000 đồng (tương đương với 6% giá trị tiền hàng chưa bao gồm thuế GTGT).

Đối với 12 hoá đơn GTGT, Công ty T19 đã kê khai thuế trong năm 2021, 2022 tại chi cục thuế khu vực B2 - V. Đến nay, Công ty T19 đã kê khai điều chỉnh bổ sung, loại bỏ 12 hóa đơn GTGT trên và nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền 2.735.416.625 đồng.

Ngày 09/4/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P có Quyết định trưng cầu giám định số 1558/QĐ- CSKT trưng cầu Cục thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm về pháp luật thuế đối với Công ty T19.

Tại Kết luận giám định ngày 09/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận:

“Việc Công ty T19 sử dụng không hợp pháp 12 số hoá đơn để kê khai thuế GTGT, hạch toán hàng hoá, nguyên liệu đầu vào trong hoạt động phát sinh nghĩa vụ thuế làm giảm số tiền thuế phải nộp và làm tăng số tiền thuế được khấu trừ là hành vi trốn thuế theo quy định tại Khoản 4 Điều 143 Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14”.

"Tại thời điểm giám định, Công ty T19 đã thực hiện kê khai bổ sung, điều chỉnh giảm thuế GTGT đầu vào được khấu trừ của 12 số hoá đơn dẫn đến làm tăng số thuế GTGT phải nộp 2.844.850.000 đồng". Vì vậy không còn thiệt hại về thuế.

Do đó, Phan Thanh H5 có hành vi mua bán trái phép 12 hóa đơn GTGT của Nguyễn Minh T.

Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, xác định danh tính, làm rõ hành vi của cá nhân "T9" sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.

155. Nguyễn Thị Hồng N- Sinh năm 1983; Địa chỉ thường trú: 705/69/73 Đại Lộ B, tổ G, KP C, phường C, TP T, tỉnh B. Chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH T19(viết tắt là Công ty T19); Là người đại diện theo pháp luật.

Công ty T19 hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH một thành viên. Mã số doanh nghiệp: 3702540467; Đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 6/3/2017; Đăng ký thay đổi lần đầu thứ 2 ngày 27/3/2023. Địa chỉ trụ sở chính: 705/69/73 Đại Lộ B, tổ G, KP C, phường C, TP T, tỉnh B.

Trong năm 2021 và 2022, Công ty T19mua hàng thiết bị công nghiệp của một số cá nhân ở nhiều địa chỉ khác nhau nên không xác định được danh tính. Công ty đã thanh toán cả tiền hàng và tiền thuế cho người bán nhưng sau đó vì các cá nhân không thể phát hành được hóa đơn nên để có hóa đơn GTGT chứng minh nguồn gốc hàng hóa mua vào, Nđã liên với cá nhân tên "Dung" (chưa xác định được danh tính) để mua 12 hóa đơn GTGT của 04 công ty gồm: Công ty TNHH C6, Công ty TNHH K4, Công ty TNHH T19, Công ty TNHH M3 với tổng doanh số 13.759.373.202 đồng (Tiền hàng 12.534.309.605 đồng, tiền thuế: 1.225.063.597 đồng). Các Công ty này do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT thông qua các trung gian (F1) có "Mã khách hàng".

Theo thỏa thuận, N phải trả cho "Dung" số tiền tương đương 3,5% giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn và theo nhận thức của N, số tiền này là tiền thuế GTGT "Dung" sẽ nộp ngân sách Nhà nước.

Để hợp thức thủ tục thanh toán cho việc mua bán hóa đơn nêu trên, "D2" cùng N ra ngân hàng V4chi nhánh B3, D2 mang theo tiền mặt đưa cho N để N nộp vào tài khoản Công ty T19, sau đó N nộp vào tài khoản Công ty và ủy nhiệm chi số tiền này sang công ty phát hành hóa đơn (số tiền D2 đưa đúng bằng số tiền cần thanh toán hợp thức ghi trên ủy nhiệm chi Nhiên đã lập sẵn) và công ty phát hành hóa đơn giữ lại luôn số tiền này. Số tiền mua hóa đơn GTGT như đã thảo thuận, N trả cho "Dung" bằng hình thức chuyển khoản từ tài khoản cá nhân của N mở tại ngân hàng V4 sang tài khoản cá nhân do "D2" cung cấp. Ngoài ra, cũng có lúc bên "D2" chuyển số tiền cần thanh toán hợp thức vào tài khoản Công ty T19, sau đó và N ủy nhiệm chi sang công ty phát hành hóa đơn, bên công ty phát hành hóa đơn giữ lại khoản tiền này luôn. Để mua 12 hóa đơn

khống, N đã trả cho D2 số tiền là 438.700.000 đồng (tương đương 3,2%).

Sau khi mua 12 hóa đơn nêu trên, N đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty T19 tại Chi cục thuế TP T, tỉnh B. Tháng 6/2023, N đã kê khai bổ sung điều chỉnh giảm 12/12 hóa đơn với tổng doanh số là13.759.373.202 đồng (Tiền hàng 12.534.309.605 đồng, tiền thuế: 1.225.063.597 đồng).

Ngày 10/4/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P có Quyết định trưng cầu số 1596/CQĐT(PC03) trưng cầu Cục Thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm pháp luật về thuế đối với Công ty T19.

Tại Kết luận giám định ngày 10/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận: *"Công ty TNHH T19 đã kê khai điều chỉnh giảm số thuế GTGT khấu trừ đối với 12 tờ hóa đơn sử dụng không hợp pháp nêu trên, dẫn đến tăng thuế GTGT phát sinh phải nộp tương ứng số tiền* ***1.225.063.597 đồng****. Tại thời điểm giám, doanh nghiệp đã nộp hết số thuế GTGT phát sinh phải nộp vào ngân sách Nhà nước"*. Vì vậy không còn thiệt hại về thuế.

Do đó, Nguyễn Thị Hồng Ncó hành vi mua bán trái phép 12 hoá đơn giá trị gia tăng của Nguyễn Minh T.

Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, xác định danh tính, làm rõ hành vi của đối tượng "Dung" sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.

156. Nguyễn Đình T4- Sinh năm1985; Nơi thường trú: B T, Phường A, Quận D,TP H; Chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH T20 (viết tắt là Công ty T20); Là người đại diện theo pháp luật.

Công ty T20 hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0313687581 do Sở K5 Phòng Đăng ký Kinh Doanh cấp ngày 10/03/2016, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 20/07/2022. Trụ sở: 232/73 Ấp G, xã Đ, Huyện H, Tp ..

Năm 2021 và 2022, Công ty T20 mua trang thiết bị và nguyên vật liệu là của một người đàn ông quốc tịch Trung Quốc, T4 biết người đàn ông này chỉ có hàng hóa bán nhưng không có hóa đơn, do đó khi thanh toán tiền Tài yêu cầu phía người đàn ông này phải tìm được nguồn hóa đơn để hợp thức cho số hàng hóa mà T4 đã mua. Sau đó người này giới thiệu một người đàn ông tên "H1" (đến nay chưa xác định được danh tính) để mua 11 hóa đơn GTGT của 03 công ty gồm: Công ty TNHH T19; Công ty TNHH T19; Công ty TNHH C7 (03 Công ty đều do Nguyễn Minh T sử dụng để bán hóa đơn) với tổng doanh số là số 8.334.515.204đ (trong đó tiền hàng là 7.584.969.986đ, tiền thuế là 749.545.218đ).

Theo thoả thuận, T4 phải trả cho người bán hóa đơn số tiền tương đương 6% giá trị tiền hàng ghi trên hoá đơn, theo nhận thức của T4 thì số tiền này là

tiền thuế GTGT người bán hóa đơn sẽ nộp NSNN.

Để hợp thức thủ tục thanh toán qua ngân hàng cho các hoá đơn, T4 đã thực hiện lệnh chuyển số tiền tương đương với giá trị hóa đơn qua ứng dụng Internet Banking từ tài khoản số 213639499 của Công ty T20 mở tại Ngân hàng A3 đến tài khoản công ty bán hóa đơn. Sau khi trừ 6% tiền mua hóa đơn, số tiền còn lại được người đàn ông tên "H1" trả lại cho người đàn ông quốc tịch Trung Quốc bằng tiền mặt. Để mua 11 hóa đơn, T4 đã trả cho người bán tổng số tiền là 455.247.749đ đồng (tương đương với 6%).

Sau khi mua 11 hóa đơn GTGT nêu trên, Công ty T20 đã sử dụng kê khai thuế GTGT đầu vào với Chi cục thuế K6 - H TP H. Đến tháng 6 năm 2023, Công ty T20 đã đã kê khai bổ sung, điều chỉnh giảm thuế GTGT được khấu trừ đối với 11 số hoá đơn trên.

Ngày 10/04/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P có Quyết định trưng cầu giám định số 1549/QĐ-CSKT trưng cầu Cục thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm về pháp luật thuế đối với Công ty T20.

Tại Kết luận giám định ngày 10/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận:

"Việc Công ty T20*sử dụng 11 hóa đơn không hợp pháp để hạch toán hàng hóa, nguyên liệu đầu vào trong hoạt động phát sinh nghĩa vụ thuế làm tăng số tiền thuế được khấu trừ là hành vi trốn thuế".*

"Công ty T20 đã kê khai điều chỉnh giảm thuế số thuế GTGT khấu trừ đối với toàn bộ 11 số hóa đơn sử dụng không hợp pháp, dẫn đến tăng số thuế phải nộp tương ứng với số tiền: ***586.668.259 đồng****. Tại thời điểm giám định Công ty T20 đã nộp* ***541.867.819 đồng*** *vào ngân sách Nhà nước".* Vì vậy không còn thiệt hại về thuế.

Do đó, Nguyễn Đình T4 có hành vi mua bán trái phép 11 hoá đơn giá trị gia tăng của Nguyễn Minh T.

Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, làm rõ hành vi của đối tượng "Hoàng" sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.

157. Trần Bình P- Sinh năm 1987; Nơi thường trú: A H, phường H, Quận A, TP H; Chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH MTV T19 (viết tắt là Công ty T19); Là người đại diện theo pháp luật.

Công ty T19 được Sở K3 cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0311205634, đăng ký lần đầu ngày 03/10/2011, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 21/3/2023; Địa chỉ trụ sở chính Lô S, khu G, KCN A, xã P, B, TP H.

Trong 2022, Công ty T19 có mua nguyên vật liệu của nhiều cá nhân, ở nhiều địa chỉ khác nhau nên không xác định được danh tính. Công ty đã thanh toán cả tiền hàng và tiền thuế, nhưng do các cá nhân không phát hành hóa đơn, nên để có hóa đơn GTGT chứng minh nguồn gốc hàng hóa, dịch vụ mua vào, P đã thông qua một người đàn ông (đến nay chưa xác định được danh tính) để mua 11 hóa đơn của Công ty TNHH T19 và Công ty TNHH L7 (02 Công ty này do

Nguyễn Minh T sử dụng để bán hóa đơn) với tổng doanh số là 8.604.400.000đ (trong đó tiền hàng là 7.896.000.000đ, tiền thuế là 708.400.00đ).

Theo thoả thuận, P phải trả cho người bán hóa đơn số tiền tương đương 5% giá trị tiền hàng ghi trên hoá đơn, theo nhận thức của P thì số tiền này là tiền thuế GTGT người bán hóa đơn sẽ nộp NSNN.

Để hợp thức thủ tục thanh toán qua ngân hàng cho các hoá đơn bên bán hóa đơn đưa tiền mặt tương đương với giá trị hóa đơn cần thanh toán hợp thức cho P để nộp vào tài khoản số 163402899 của Công ty T19 mở tại Ngân hàng A3, rồi P thực hiện ủy nhiêm chi đến tài khoản của Công ty bán hóa đơn. Để mua 11 hóa đơn, P đã trả cho người bán tổng số tiền là: 394.800.000đ (tương đương với 5%) bằng tiền mặt.

Sau khi mua 11 số hóa đơn GTGT nêu trên, Công ty T19P đã sử dụng kê khai thuế GTGT đầu vào với Cục T21. Đến tháng 6 năm 2023, Công ty T19 đã kê khai bổ sung, điều chỉnh giảm thuế GTGT được khấu trừ đối với 11 hoá đơn trên.

Ngày 10/04/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P có Quyết định trưng cầu giám định số 1534/QĐ- CSKT trưng cầu Cục thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm về pháp luật thuế đối với Công ty T19.

Tại Kết luận giám định ngày 10/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận:

"Việc Công ty T19 sử dụng 11 hóa đơn không hợp pháp để hạch toán hàng hóa, nguyên liệu đầu vào trong hoạt động phát sinh nghĩa vụ thuế làm tăng số tiền thuế được khấu trừ là hành vi trốn thuế".

"Công ty T19 đã kê khai điều chỉnh giảm thuế số thuế GTGT khấu trừ đối với toàn bộ 11 số hóa đơn không hợp pháp nêu trên dẫn đến tăng số thuế GTGT phát sinh phải nộp là 584.086.170 đồng. đến thời điểm giám định Công ty T19 đã nộp hết số thuế GTGT phát sinh phải nộp vào ngân sách nhà nước". Vì vậy không còn thiệt hại về thuế.

Do đó, Trần Bình P có hành vi Mua bán trái phép 11 hoá đơn giá trị gia tăng của Nguyễn Minh T.

Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, làm rõ hành vi của đối tượng bán hóa đơn trái phép sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.

158. Lê Thị T5 - Sinh năm 1977; Nơi thường trú: Tổ C, khu phố C, phường T, TP B, Đ; Chức vụ: Kế toán và là người điều hành hoạt động Công ty TNHH V5 (viết tắt là Công ty V5); Ngành nghề kinh doanh: sản xuất đồ gia dụng, nội thất.

Công ty V5hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên. Mã số doanh nghiệp: 3602447418; Đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 18/01/2011; Đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 09/11/2022. Địa chỉ trụ sở chính: Tổ F, KP C, phường T, TP B, tỉnh Đ. Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Quốc K1 - Chức vụ: Chủ tịch Hội

đồng thành viên kiêm Giám đốc; SN: 1959; Nơi cư trú: Tổ F, KP C, phường T, TP B, tỉnh Đ.

Công ty V5 do ông Lê Quốc K1 là Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc, nhưng không tham gia vào bất kỳ hoạt động kinh tế của công ty, chỉ đứng tên trên các thủ tục giấy tờ. Trong năm 2021, Công ty V5 có mua hàng hóa là sắt tấm của nhiều cá nhân trong đó có một cá nhân tên là "A1" (hiện chưa xác định được nhân thân lai lịch). Quá trình mua hàng T5 (là vợ ông K1) là người trực tiếp trao đổi thỏa thuận, thấy giá bán của A1 rẻ và hợp lý. Sau khi nhận hàng với khối lượng yêu cầu T5 thanh toán tiền mặt cho A1, nhưng A1 bán hàng tự do nên không xuất được hóa đơn. T5 có trao đổi cần hóa đơn GTGT để kê khai hàng hóa mua vào, khi này A1 có thỏa thuận nếu mua hóa đơn phải trả cho A1 thêm tiền chi phí T5 đồng ý và mua **11** hóa đơn GTGT khống của 03 Công ty gồm: Công ty TNHH K4; Công ty TNHH K7; Công ty TNHH T19 với tổng doanh số 14.527.931.000 đồng (trong đó tiền hàng 13.207.210.000 đồng, tiền thuế 1.320.721.000 đồng). 03 Công ty này do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT thông qua các trung gian (F1) có "Mã khách hàng" là "A tien", "A phu" và "Chi my".

Theo thỏa thuận, T5 phải trả cho "An" số tiền tương đương 4,5% giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn và theo nhận thức của T5, số tiền này là tiền thuế GTGT "An" sẽ nộp ngân sách Nhà nước.

Về việc thanh toán hợp thức và số tiền mua hóa đơn cụ thể: Theo thỏa thuận với A1 do tài khoản Công ty Kim Thịnh P1 không đủ tiền nên sẽ mượn tiền của các cá nhân bán hóa đơn để hợp thức thanh toán chuyển khoản qua ngân hàng. T5 đến gặp trực tiếp A1 tại 02 chi nhánh ngân hàng (Ngân hàng M4 – P5; Ngân hàng S2) để thanh toán hợp thức cho số lượng hóa đơn khống đã mua và thanh toán tiền mua hóa đơn. Tại các chi nhánh Ngân hàng, T5 cùng A1 và 01 người phụ nữ (không xác định được danh tính) thực hiện các giao dịch thanh toán hợp thức. Tại đây A1 sẽ đưa tiền mặt cho T5 thực hiện nộp tiền vào tài khoản Công ty V5, số tiền đưa T5 sẽ thiếu số tiền tương ứng 4,5% tiền hóa đơn T5 phải bù khoản tiền 4,5% này để chuyển đủ số tiền doanh số ghi trên hóa đơn. Sau đó T5 sử dụng ủy nhiệm chi để thực hiện thanh toán từ tài khoản Công ty V5 đến các Công ty bán hóa đơn và các công ty này sẽ giữ lại tiền. Số tiền mua hóa đơn T5 đã phải thanh toán là khoảng 500 triệu đồng.

Toàn bộ 11 hoá đơn GTGT đã được Công ty V5 kê khai thuế trong năm 2021 tại chi cục thuế khu vực B2 - tỉnh Đ. Đến tháng 12/2023, Công ty V5 đã kê khai điều chỉnh bổ sung, loại bỏ 11 hóa đơn nêu trên.

Ngày 09/4/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P có Quyết định trưng cầu giám định số 1530/QĐ- CSKT trưng cầu Cục thuế tỉnh P giám định hành vi

vi phạm về pháp luật thuế đối với Công ty V5.

Tại Kết luận giám định ngày 09/10/2024, Cục thuế tỉnh P kết luận:

"Việc Công ty V5 sử dụng không hợp pháp 11 hóa đơn để hạch toán hàng hóa, nguyên liệu đầu vào trong hoạt động phát sinh nghĩa vụ thuế làm giảm số tiền thuế phải nộp và làm tăng số tiền thuế được khấu trừ là hành vi trốn thuế".

"Công ty V5 đã thực hiện kê khai bổ sung, điều chỉnh giảm thuế GTGT đầu vào được khấu trừ của 11 hóa đơn nêu trên dẫn đến làm tăng số thuế GTGT phải nộp 1.043.535.442 đồng, giảm số thuế GTGT được khấu trừ 277.185.558 đồng". Vì vậy không còn thiệt hại về thuế. Sau khi kê khai điều chỉnh, Công ty V5 đã nộp số tiền **301.576.023 đồng** vào ngân sách Nhà nước.

Do đó, Lê Thị T5 có hành vi "Mua bán trái phép" 11 hóa đơn GTGT của Nguyễn Minh T.

Cơ quan điều tra sẽ xác minh rõ nhân thân, xác định danh tính, làm rõ hành vi của cá nhân "A1" sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định.

Về xác minh tài sản:

- Nguyễn Thị H7: có tài sản là thửa đất LK-44, tờ bản đồ số 00, Khu nhà ở B, phường M, quận H, TP H diện tích 85,5 m^2 (UBND quận H cấp Giấy chứng nhận số BN331266 ngày 30/3/2013 cho ông Đặng Trần H8. Ngày 07/4/2022 Văn phòng Đ1 - Chi nhánh quận H đã xác nhận biến động quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị H7 trên trang 4 Giấy chứng nhận đã cấp) theo Công văn phúc đáp số 809 ngày 08/10/2024 của Văn phòng Đ1 - Chi nhánh quận H.

- Nguyễn Đình T6: có tài sản chung với bà Trần Thị Đ gồm: thửa đất số 576 tờ bản đồ số 26, diện tích 571,2 m^2xã T, H và thửa đất số 1309 tờ bản đồ số 25, diện tích 604,6 m^2xã T, H; có tài sản là thửa đất số 716 tờ bản đồ số 25, diện tích 300,0 m^2xã T, H và thửa đất số 778 tờ bản đồ số 25, diện tích 1393,8 m^2xã T, H theo Công văn phúc đáp số 2992 ngày 28/3/2024 của Văn phòng Đ2chi nhánh huyện H.

- Hồ Thị Mỹ Ngọc: có tài sản là thửa đất số 1182, tờ bản đồ số 02, diện tích 113,7 m^2 loại đất: Đất ở tại nông thôn, địa chỉ: thôn C, xã D, D, Q theo Công văn phúc đáp số 12 ngày 12/01/2024 của Chi nhánh Văn phòng Đ3, tỉnh Q. Có tài sản chung với ông Lê Công T7 (sinh năm 1978; CCCD: 083078014142; CMND: 320959757) là nhà đất tại địa chỉ số I đường Q (số C đường số D) Phường A, Quận G (Thửa đất số 33, tờ bản đồ số 105) theo Hợp đồng công chứng số 008589 lập ngày 28/6/2022 tại Văn phòng C8 và nhà đất tại địa chỉ số D đường Q, Phường A, Quận G (thửa đất số 94, tờ bản đồ số 76) theo Công văn phúc đáp số 786 ngày 18/3/2024 của Văn phòng Đ2 - Chi nhánh Quận G.

- Hồ Thị Thu T8: chưa ghi nhận thông tin kê khai đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại phường T, B, Đ theo Công văn phúc đáp số 1646 ngày 06/3/2024 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ - Chi nhánh B4.

- Nguyễn Phan Hoàng L1: vợ là Lương Thị Thúy H9 có thửa đất số 514,

tờ bản đồ số 72, diện tích 918,5 m^2 địa chỉ phường A, Quận B, TP H theo Công văn phúc đáp số 5242 ngày 03/4/2024 của Văn phòng Đ2chi nhánh T22.

- Đặng Chí K2: có tài sản chung với bà Giáp Thị Thanh L2 là: Thửa đất số 526 tờ bản đồ số 78, diện tích 404,5m^2phường H, Quận I, TP H; thửa đất số 508 tờ bản đồ số 78 diện tích 66,0 m^2 địa chỉ 712 quốc lộ E, KP B, phường H, Quận I, TP H; thửa đất số 13-1 tờ bản đố số 04 diện tích 1.052 m^2phường H, Quận I, TP H; thửa đất số 519 tờ bản đồ số 5 diện tích 636,7 m^2 địa chỉ 52 H, KP A, phường L, TP T, TP H theo Công văn phúc đáp số 4082 ngày 15/3/2024 của VP đăng ký đất đai T23chi nhánh T22.

- Nguyễn Văn H10: có thửa đất số 292 tờ bản đồ số 22 địa chỉ phường T, B, Đ theo Công văn phúc đáp số 2330 ngày 29/3/2024 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đchi nhánh B4.

- Trần Thị Ngọc M: có tài sản chung với ông Đỗ Văn C là thửa đất số 1035 tờ bản đồ số 32 diện tích 460 m^2 (đất ở: 50 m^2 và đất trồng cây lâu năm 410 m^2) địa chỉ phường K, T, B theo Công văn phúc đáp số 641 ngày 05/3/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai TP T, tỉnh B.

- Hoàng Thanh S: có tài sản chung với bà Phan Thị L3 là thửa đất số 283 tờ bản đồ số 59 và thửa đất số 546 tờ bản đồ số 71 phường T theo Công văn phúc đáp số 1645 ngày 06/3/2024 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh ĐChi nhánh B4.

- Bùi Thị M1: có tài sản là thửa đất số 1962 tờ bản đồ số 06-1 diện tích 144,1 m^2phường P, TP T, tỉnh B; thửa đất số 1138 tờ bản đồ số 05-3 diện tích 1.125 m^2phường Đ, TP T, tỉnh B; thửa đất số 1140 tờ bản đồ số 53 diện tích 1.141 m^2phường Đ, TP T, tỉnh B; thửa đất số 126 tờ bản đồ số 83 diện tích 222,7 m^2phường P, TP T, tỉnh B theo Công văn phúc đáp số 682 ngày 19/4/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai TP T, tỉnh B.

- Trần Thị Á: có tài sản là thửa đất số 1938 tờ bản đồ số 31 diện tích 93,6 m^2 tại phường T, TP D, tỉnh B theo Công văn phúc đáp số 5348 ngày 27/12/2023 của Chi nhánh Văn phòng Đ4, tỉnh B.

- Nguyễn Ngọc D1: Có tài sản là thửa đất số 666, tờ bản đồ số 102 diện tích 100 m^2 ODT tọa lạc KP B, phường T, TP T, tỉnh B và tài sản gắn liền với đất là nhà ở riêng lẻ diện tích xây dựng 80 m^2, diện tích sàn 259 m^2 theo Công văn phúc đáp số 4244 ngày 29/12/2023 của C1 nhánhVăn phòng đăng ký đất đai TP T, tỉnh B.

- Lê Văn C2: có tài sản là thửa đất số 1323 tờ bản đồ số 20 diện tích 1457,7 m^2 xã N, huyện T và thửa đất số 684 tờ bản đồ số 19 diện tích 2347 m^2xã N, huyện T theo Công văn phúc đáp số 1291 ngày 20/11/2023 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh QChi nhánh huyện T; thửa đất số 1142 tờ bản đồ số 04 với diện tích 127 m^2, mục đích sử dụng: đất ở 100 m^2 và đất trồng cây lâu năm 27 m^2 theo Công văn phúc đáp số 642 ngày 05/3/2024 của Chi nhánh VP đăng ký đất đai TP T, tỉnh B.

- Trần Nhựt H: Có 01 căn nhà số B N, phường H, quận P, TP . theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với

đất số CH01098.

- Phạm Phú G: Có 01 căn hộ số B Lô A (Tầng C) Chung cư D Hồ V, phường I, quận P theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 17489/2001.

- Huỳnh Hữu T9: Có 01 căn hộ S Lô A chung cư G, đường H, phường P, TP ., TP . được Sở K3 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV 355067.

- Nguyễn Trọng N1: có tài sản chung với Cao Thị Thu T10 02 thửa đất theo Công văn phúc đáp số 1340/CNTP-ĐK&CGCN ngày 19/3/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận T, TP . gồm: Thửa đất tại địa chỉ A C, phường H, quận T, giấy chứng nhận số CH00065 ngày 06/3/2012 do UBND quận T cấp; Một phần nhà tại 4 Hòa Bình, phường T, quận T, TP ., giấy chứng nhận số CH01432 ngày 16/10/2017 do UBND quận T cấp.

- Nguyễn Thị Kim L4: Có đứng tên trên 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại Phường G, TP ., tỉnh B theo Công văn phúc đáp số 772 ngày 12/3/2024 gồm: Thửa đất số 194 tờ bản đồ số 2, diện tịch: 137,9 m^2; Thửa đất số 128, tờ bản đồ số 1, diện tích: 169,4 m^2.

- Hoàng Kim T11: Có đứng tên trên 04 giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất tại huyện P theo Công văn phúc đáp số 165 ngày 12/3/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện P, tỉnh Bình Phước gồm: Giấy chứng nhận số CT 771197 được Chi nhánh văn Phòng đăng ký đất đai huyện P cấp ngày 17/4/2020, thửa đất số 105 tờ bản đồ số 8, diện tích 39222.4 m^2; Giấy chứng nhận số DA 621028 do Chi nhánh VP đăng ký đất đai huyện P cấp ngày 31/5/2021 tại thửa đất số 50, tờ bản đồ số 8, diện tích: 3894.2 m^2; Giấy chứng nhận số DA 621027 do Chi nhánh VP đăng ký đất đai huyện P caaso ngày 31/5/2021 tại thửa đất số 52 tờ bản đồ số 8, diện tích: 5304.3 m^2; Giấy chứng nhận số DĐ 187670 ngày 28/2/2022 tại thửa đất số 55, tờ bản đồ số 8, diện tích: 9296.1 m^2.

- Nguyễn Phong Hồ P2: Có đứng tên trên 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 830480, số vào sổ 05748/TK cấp ngày 24/11/2022, thửa đất số 154, tờ bản đồ số 22, diện tích 537.3 m^2 đồng sử dụng với ông Nguyễn Mạnh H11, theo Công văn phúc đáp số 201 ngày 07/3/2024 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thị xã P, tỉnh Bình Phước.

- Võ Thị Mỹ T12: Có đứng tên trên 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DL 012540, thửa đất số 665, tờ bản đồ số 274, diện tích 244m^2 tại KDC V, phường A. Hiện tài sản đang được thế chấp tại Ngân hàng TNHH MTV P6 - Chi nhánh thành phố H. Theo công văn phúc đáp số 750 ngày 18/3/2024 của Chi nhánh VPĐK đất đai Chi nhánh thành phố T.

- Tô Văn H12: Có đứng tên trên 10 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại huyện P tỉnh B theo Công văn phúc đáp số 338 ngày 11/3/2024 của Chi nhánh VPĐK đất đai huyện P gồm: Giấy chứng nhận số CS04846 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh B cấp ngày 05/7/2017, thửa đất số 254, tờ bản đồ số 9, diện tích: 824,5 m^2; Giấy chứng nhận số CH00688 do UBND huyện P cấp

ngày 13/01/2011, thửa đất số 138, tờ bản đồ số 9, diện tích 420 m^2 hiện đang thế chấp tại Ngân hàng B5; Giấy chứng nhận số CH00689 do UBND huyện P cấp ngày 31/12/2011, thửa đất số 6, tờ bản đồ số 10, diện tích: 2070m^2, hiện đang thuế chấp tại Ngân hàng B5; Giấy chứng nhận số CH00952 do UBND huyện P cấp ngày 22/6/2021, thửa đất số 136 tờ bản đồ số 9, diện tích: 828 m^2, hiện đang thế chấp tại Ngân hàng B5; Giấy chứng nhận số H03063 do UBND huyện P cấp ngày 03/7/2016, thửa đất số 10, tờ bản đồ số 10, diện tích: 2631 m^2, hiện đang thế chấp tại Ngân hàng B5; Giấy chứng nhận số H04532 do UBND huyện P cấp ngày 05/9/2008, thửa đất số 9, tờ bản đồ số 10, diện tích: 2415 m^2, hiện đang thế chấp tại Ngân hàng B5; Giấy chứng nhận số H0364 do UBND huyện P cấp ngày 02/6/2016, thửa đất số 11, tờ bản đồ số 09, diện tích 2944 m^2, hiện đang thế chấp tại Ngân hàng B5; Giấy chứng nhận số H01822 do UBND huyện P cấp ngày 14/4/2008, thửa đất số 1,2,3,4,5, 671, 672, 673, 674, 761, 760 tờ bản đồ số 18, diện tích: 7431 m^2, hiện đang thế chấp tại Ngân hàng B5; Giấy chứng nhận số H01822, do UBND huyện P cấp ngày 14/4/2008 Thửa đất số 2,3 tờ bản đồ số 10m diện tích 6743 m^2, hiện đang thế chấp tại Ngân hàng B5.

- Dương Thị Kim C3: Đứng tên trên 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DC 692423, thửa đất số 828, 864, tờ bản đồ số 30, diện tích: 1316m^2 theo Công văn phúc đáp số 729 ngày 13/3/2024 của Chi nhánh văn phòng Đ5.

- Phan Trọng Bích N2: Đứng tên trên 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN09925, thửa đất số 66, tờ bản đồ số 51, diện tích: 120m^2 tại Phường P, TP ., B, ngày 15/01/2024 đã sử dụng để thế chấp tại Ngân hàng B5 – Chi nhánh B6. Theo C9 390 ngày 12/3/2024 của Chi nhánh văn phòng Đ6.

- Quách Ngọc Y: Đứng tên trên 04 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại TP ., tỉnh B theo Công văn phúc đáp số 872 ngày 28/3/2024 gồm: Giấy chứng nhận số DC 671173, số vào sổ CS09636 cấp ngày 06/7/2021, thửa đất số 472, 473, tờ bản đồ số 21 diện tích 1580 m^2; Giấy chứng nhận số DA 633829, số vào sổ CS09463, thửa đất số 873 tờ bản đồ số 14, diện tích: 73,4 m^2; Giấy chứng nhận số DL 670182, số vào sổ CS09463, thửa đất số 08, tờ bản đồ số 6, diện tích 753,6 m^2; Giấy chứng nhận số DC 506047, cấp ngày 31/12/2021, thửa đất số 11, tờ bản đồ số 19, diện tích: 138 m^2.

- Nguyễn Văn H13: Đứng tên trên 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1834, thửa đất số 309a, tờ bản đồ số 7, diện tích 127 m^2 tại phường T, TP ., tỉnh B. Theo công văn phúc đáp số 635 ngày 11/3/2024 của Chi nhánh VPĐK đất đai TP ..

- Nguyễn Thị Cẩm T13: Có đứng tên trên 06 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh B cấp theo Công văn phúc đáp số 775 ngày 08/3/2024 gồm: Giấy chứng nhận số CL 855341, số vào sổ CS07467, thửa đất số 389, tờ bản đồ số 20, diện tích: 968 m^2, hiện đang được thế chấp tại Ngân hàng A3; Giấy chứng nhận số CK 602859, số vào sổ CS07060, thửa đất số 583, tờ bản đồ số 36, diện tích: 848,5 m^2, hiện đang thế chấp tại Ngân hàng A3; Giấy chứng nhận số CP 652395, số vào sổ CS08710, thửa đất số 727, tờ bản đồ số 15, diện tích: 330,5 m^2, hiện đang thế chấp tại ngân hàng A3; Giấy chứng nhận số CP 652394, số vào sổ CS98711, thửa đất số 1009, tờ bản đồ số 29, diện

tích: 268,3 m^2; Giấy chứng nhận số AC 389108, số vào sổ H00282, thửa đất số 630, tờ bản đồ số 8, diện tích: 733 m^2, hiện đang thế chấp tại Ngân hàng A3.

- Đoàn Thị H14: Có đứng tên trên 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DĐ 324502, số vào sổ CS 18341 ngày 11/5/2022, thửa đất số 409, tờ bản đồ số 264, diện tích 129,5 m^2 tại KDC V, phường A, TP .. Hiện đang thế chấp tại Ngân hàng TNHH MTV P6. Theo công văn phúc đáp số 3835 ngày 01/12/2023 của Chi nhánh văn phòng Đ4.

- Nguyễn Thành T14: Đứng tên chủ sở hữu sử dụng đất tại thửa đất số 682, tờ bản đồ số 3, địa chỉ: xã A, huyện Đ, Long An; thửa đất số 601, tờ bản đồ số 30 (cơ sở dữ liệu bản đồ cũ), địa chỉ: xã Đ, huyện Đ, Long An; thửa đất số 665, 674, tờ bản đồ số 18 (cơ sở dữ liệu bản đồ cũ), địa chỉ: xã Đ, huyện Đ, Long An; thửa đất số 265, tờ bản đồ số 12-4-2 (cơ sở dữ liệu bản đồ cũ), thửa đất số 565, 1015, tờ bản đồ số 12 (cơ sở dữ liệu bản đồ cũ), thửa đất số 644, tờ bản đồ số 12 (cơ sở dữ liệu bản đồ mới), thửa đất số 675, tờ bản đồ số 35 (cơ sở dữ liệu bản đồ mới) cùng địa chỉ: thị trấn H, huyện Đ, Long An

- Trần Ngọc Vĩnh P3: Nhà đất tại địa chỉ C, KP2, phường Đ, quận A thuộc vị trí thửa đất số 3-33, tờ bản đồ 5A theo Giấy CNQSDĐ ở hồ sơ gốc số 2798 được UBND quận A4 cấp ngày 19/5/2003 theo công văn phúc đáp số 22012/CNQ12-LT ngày 23/11/2023 của CN văn phòng đăng ký đất đai quận 12, tp H.

- Lê Nhung: Căn hộ số 12.09 chung cư V, địa chỉ số H đường T, phường T, quận A, tp H thuộc vị trí thửa đất số 252, tờ bản đồ số 20 theo công văn phúc đáp số 22012/CNQ12-LT ngày 23/11/2023 của CN văn phòng đăng ký đất đai quận A, tp H.

- Ngô Thị Lệ T15: Giấy chứng nhận QSDĐ có số vào sổ cấp GCN số CS15212 do Sở K3 cấp ngày 29/4/2020 đứng tên Nguyễn Hữu M2 và Nguyễn Kim C4. Đăng ký thay đổi cho bà Ngô Thị Lệ T15 theo số hồ sơ số 012112.CN.001 ngày 27/5/2020 theo công văn phúc đáp số 22396/CNQ12-LT ngày 14/10/2024 của CN văn phòng đăng ký đất đai quận A, tp H.

- Nguyễn Thị N3: Giấy chứng nhận QSDĐ số DA 633516, số vào sổ CS11512 ngày 08/4/2021 tại thửa đất số 328, tờ bản đồ số 07 với diện tích 118.7m2 theo công văn phúc đáp số 730/CNTU-LT ngày 13/3/2024 của CN văn phòng đăng ký đất đai Thành phố T, B.

- Vũ Văn C5: có tài sản chung với vợ là bà Nguyễn Thị Thái H15: Thửa đất số 637, tờ bản đồ số 24, số Giấy CNQSDĐ 757312601103530 cấp ngày 07/7/2009, địa chỉ: phường B, B, Đ theo công văn phúc đáp số 2579/VPĐK.BH-TTLT ngày 05/4/2024 của CN văn phòng đăng ký đất đai TP B, Đ.

- Đinh Tấn T16: có tài sản chung cùng vợ là bà Nguyễn Trần Thúy A2: Giấy CNQSDĐ số CH04359 ngày 21/11/2014 do UBND huyện B cấp thuộc thửa 39, tờ bản đồ số 24, địa chỉ: Số H, đường số I, KDC H, ấp D, xã B, huyện B, thành phố H.

- Lê Hoài S1: Có 12 thửa đất trên địa bàn các xã: P, P, V, huyện P, B theo công văn phúc đáp số 616/CNVPĐKĐĐ ngày 19/4/2024 của CN văn phòng

đăng ký đất đai huyện P, B.

- Lê Quang V1: GCNQSDĐ có số vào sổ CH09844 do U cấp ngày 12/5/2015 cho ông Lê Quang V1 tại thửa đất số 8087, tờ bản đồ 1DH.4, diện tích 80,5m2 tại KP T, phường Đ, D, B. GCNQSDĐ có số vào sổ CS05397 do Sở T cấp ngày 27/8/2020 cho ông Lê Quang V1 tại thửa đất số 1862, 1843, 1860, tờ bản đồ 10, diện tích 49,6m2 tại phường B, D, B. GCNQSDĐ có số vào sổ CS15807 do Sở T cấp ngày 21/3/2019 cho ông Lê Quang V1 và bà Bùi Thị Bích L5 tại thửa đất số 8097, tờ bản đồ 5, diện tích 87,2m2 tại KP T, phường Đ, D, B.

- Võ Hoàn H16: có 07 thửa đất tại xã T, huyện B, tỉnh B theo Công văn phúc đáp số 4428/CNBĐ ngày 29/10/2024 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện B, tỉnh B.

- Nguyễn Thành N4: có 01 thửa đất số 146, tờ bản đồ số 71-TL2005, GCNQSDĐ số CN30693 cấp ngày 21/09/2023 tại KDC V, khu phố D, phường B, quận B, TP H theo Công văn phúc đáp số 2026/CNBT ngày 13/12/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận B, TP H.

- Ngô Quang N5: có 01 thửa đất số 48, tờ bản đồ số 79, GCNQSDĐ số 7960/2003 cấp ngày 17/7/2003 tại số D đường T (số cũ: 168/22/14 đường số H), phường A, quận G, TP H (Hiện đang thế chấp tại Ngân hàng TMCP K8 – Chi nhánh G1, quận B, TP H) theo Công văn phúc đáp số 789/CNGV ngày 18/03/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận G, TP H.

- Đỗ Quốc H17: có 02 thửa đất tại xã T, huyện L, tỉnh Đ theo Công văn phúc đáp số 2197/CNVPĐKĐĐ ngày 21/11/2023 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện L, tỉnh Đ gồm các thửa đất như sau:

- Vũ Thị Tuyết T17: có 03 thửa đất tại phường B, phường P, TP B, tỉnh Đ theo Công văn phúc đáp số 8455/VPĐK.BH-TTLT ngày 21/11/2023 của Chi nhánh văn phòng Đ7, tỉnh Đ.

- Trang Duy P4: có 01 thửa đất số 589, tờ bản đồ số 83, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH07553 cấp ngày 22/5/2015 tại thị trấn N, huyện N, TP H (cùng sử dụng đất và cùng sở hữu tài sản gắn liền với đất với bà Phan Thị Ngọc N6, ông Phan Văn B, bà Trần Thị L6, ông Trần Long H18 và bà Nguyễn Thị Ngọc D2) theo Công văn phúc đáp số 3063/CNNB-LT ngày 23/11/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện N, TP H.

- V: Thửa đất số 433, tờ bản đồ số 81, số vào sổ cấp GCN: CS27577 cấp ngày 26/04/2021 tại 111/113/6 B, khu phố D, phường B, quận B, TP H do ông Nguyễn Văn T là người sở hữu và sử dụng; ngày 18/5/2021, ông T chuyển nhượng quyền sở hữu và sử dụng cho ông Võ P và bà Ngô Thị Thanh N theo Công văn phúc đáp số 1254/CNBT ngày 25/03/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận B, TP H.

- Đoàn Thị Kiều V: có 02 thửa đất tại phường T, quận A, TP H theo Công văn phúc đáp số 5064/CNQ12-LT ngày 11/03/2024 của Chi nhánh văn phòng Đ, TP H.

- Nguyễn Văn H: có 04 thửa đất tại xã X, huyện H, TP H theo Công văn phúc

đáp số 2939/CNHM ngày 27/03/2024 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện H, TP H.
- Bùi Đình N1: có 02 thửa đất tại phường B, quận B, TP H theo Công văn phúc đáp số 2225/CNBT ngày 28/12/2023 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai quận B, TP H.
- Ngô Quốc N2: Không có thông tin kê khai đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo Công văn phúc đáp số 3944 ngày 14/3/2024 của Chi nhánh VPĐK đất đai TP T, TP H và theo Công văn phúc đáp số 2063 ngày 15/5/2024 của Chi nhánh VPĐK đất đai quận B, TP H.
- Nguyễn Thị Thu N3: Có tài sản là thửa đất số 177, tờ bản đồ số 02, địa chỉ phường T, TP B, Đ theo Công văn phúc đáp số 2328 ngày 29/3/2024 của VP đăng ký đất đai tỉnh Đ chi nhánh B1.
- Lê Thị T1: Có tài sản là thửa đất số 18, tờ bản đồ số 13, địa chỉ phường Q, TP B, Đ theo Công văn phúc đáp số 2329 ngày 29/3/2024 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đchi nhánh B1.
- Vũ Thanh H1: Có tài sản là thửa đất số 690, 691 tờ bản đồ số 27, địa chỉ phường T, quận I cũ theo Công văn phúc đáp số 5377 ngày 05/4/2024 của Văn phòng đăng ký đất đai TP T, TP H.
- Nguyễn Kim H2: Không có thông tin được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn huyện D theo Công văn phúc đáp số 2380 ngày 29/12/2023 của Văn phòng đăng ký đất đai huyện D, tỉnh N.
- Đỗ Văn L: Đỗ Văn L và bà Đặng Thị Hồng T2 có đứng tên đăng ký thửa đất số 585 tờ bản đồ số 22, diện tích 143,6m2 tại ấp S, xã P, huyện G, tỉnh T và được cấp giấy chứng nhận số CS05095 ngày 19/12/2018. Đến ngày 24/8/2023 ông L và bà T2 lập hợp đồng chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn V1 theo hợp đồng số 005148 do Văn phòng C thực hiện theo Công văn phúc đáp số 3915 ngày 17/11/2023 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh T – Chi nhánh G.
- Nguyễn Văn B: Không có trong hồ sơ đăng ký cấp GCN theo Công văn phúc đáp số 1101 ngày 01/4/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố D, tỉnh B.
- Đào Thị Hồng L1: Có sở hữu nhà ở, sử dụng đất tại địa chỉ A T, phường A, quận D, TP H (Thửa đất số 403 tờ bản đồ số 6, diện tích nhà 26,80m2, diện tích đất 22,70m2); Ngoài ra cùng đứng tên chung với ông Đỗ Nam H3 sở hữu nhà ở, sử dụng đất ở tại địa chỉ D T, phường A, quận D cùng (Thửa đất số 83 tờ bản đồ số 13, tổng diện tích sử dụng 121,7m2, diện tích xây dựng 78m2) theo Công văn phúc đáp số 899 ngày 10/5/2024 của Chi nhánh VPĐK đất đai quận D, TP H.
- Thủy Thanh P1: Không có thông tin kê khai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo Công văn phúc đáp số 3942 ngày 14/3/2024 của Chi nhánh VPĐK đất đai TP T, TP H.
- Bùi Văn T3: Không có thông tin kê khai quyền sử dụng đất, sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo Công văn phúc đáp số 41 ngày 28/2/2024 của Chi nhánh VPĐK đất đai huyện T, tỉnh T; Ngoài ra Thuấn có tài sản gắn với đất

số BĐ 054499 đối với thửa đất 1402 tờ bản đồ 97, diện tích 170,9m2 tại khu phố B, phường B. Năm 2012 tách thửa 1402 thành lập thửa 1421, diện tích 76,1m2 tặng cho bà V2 Sộc Vày (vợ của T4), diện tích còn lại là 94,8m2 theo Công văn phúc đáp số 630 ngày 04/3/2024 của Chi nhánh VPĐK đất đai TP T, B.
- Phạm Huỳnh Tố N4: Không có thông tin kê khai chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo Công văn phúc đáp số 626 ngày 12/4/2024 của Chi nhánh VPĐK đất đai TP T, tỉnh B và theo Công văn phúc đáp số 929 ngày 01/4/2024 của Chi nhánh VPĐK đất đai TP T, tỉnh B.
- Trần Thị Thanh T5: Không có thông tin kê khai đứng tên chủ sở hữu tài sản là đất, căn hộ chung cư theo Công văn phúc đáp số 1149 ngày 19/3/2024 của Chi nhánh VPĐK đất đai TP T, tỉnh B.
- Ngô Phong H4: Cùng đứng tên với Lê Nguyễn Thùy D tài sản gắn liền với đất số phát hành CB 086967 đối với căn hộ A chung cư N, tổ B, khu phố B, phường P, quận G, TP H. Đăng ký thế chấp ngày 22/7/2019 và đăng ký thay đổi nội dung thế chấp ngày 03/3/2022 theo Công văn phúc đáp số 1571 ngày 24/11/2023 của Chi nhánh VPĐK đất đai quận G, TP H.
- Lương Thanh V3: Có sở hữu đối với 2 thửa đất số 493, 616 tờ bản đồ số 53 phường H, thành phố B, theo Công văn phúc đáp số 9691 ngày 27/12/2023 của VP đăng ký đất đai tỉnh Đ - Chi nhánh B1.
- Hoàng Thị Minh H5: Không có thông tin về nhà đất trên địa bàn quận Đ, H theo Công văn phúc đáp số 9801 ngày 13/12/2023 của Chi nhánh Văn phòng Đ1 khu vực B - H- Đ. Ngoài ra H5 cùng đứng tên chung với ông Nguyễn Văn T6 sở hữu, sử dụng căn hộ sô 0.12 Lô Đ chung cư S, đường C, phường S, quận T theo giấy chứng nhận sở hữu nhà ở và quyền sở hữu đất ở số 8281/2008/UB.GCN ngày 18/12/2008 do UBND quận T cấp theo Công văn phúc đáp số 7666 ngày 30/11/2023 của Chi nhánh VPĐK đất đai quận T, TP H.
- Nguyễn Huy P2: Không có thông tin về quyền sử dụng đất, sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo Công văn phúc đáp số 5245 ngày 03/4/2024 của Chi nhánh VPĐK đất đai TP T, TP H.
- Đặng Trung T: Không có thông tin quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo Công văn phúc đáp số 24144 ngày 29/12/2023 của Chi nhánh Văn phòng Đ1, TP H và theo Công văn phúc đáp số 302 ngày 04/3/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện P, tỉnh B.
- Trần Duy Q: Cùng đứng tên với bà Hà Thị N đối với tài sản khác gắn liền với đất có số vào sổ cấp Giấy chứng nhận số CH03637 do UBND quận A ký ngày 09/11/2012, địa chỉ thửa đất tại 365/23/13 đường T, khu phố D, phường T, quận A, TP H (theo hồ sơ số 003755.CN.005 ngày 27/10/2021) theo Công văn phúc đáp số 5028 ngày 08/3/2024 của Chi nhánh Văn phòng Đ2, TP H.
- Hà Triều Trung: Không có thông tin quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo Công văn phúc đáp số 2095 ngày 03/4/2024 của Chi nhánh Văn phòng Đ3, TP H. Ngoài ra T1 có tài sản khác gắn liền với đất, số vào sổ cấp GCN: CS23907 ngày 09/12/2022, thửa đất số 1012 tờ bản đồ 50, diện tích 59,7m2. Ngày 14/11/2023 thế chấp cho Ngân hàng TMCP Q2 theo Công văn phúc đáp số 4348 ngày 26/9/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký

đất đai quận B, TP H.
- Nguyễn Thị V: Không có thông tin về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo Công văn phúc đáp số 5027 ngày 08/3/2024 của Chi nhánh VPĐK đất đai quận A, TP H.
- Huỳnh Văn Đ: Đứng tên tài sản khác gắn liền với đất số CO 019099, số vào sổ CS10050 ngày 15/11/2018 tại thửa đất số 1372, tờ bản đồ số 34 với diện tích 390 m2 tại phường T, TP T, B và Giấy chứng nhận số DL 670103, số vào sổ CN25269 ngày 09/11/2023 tại thửa đất số 426, tờ bản đồ số 41 với diện tích 523,8m2 tại phường V, TP T, B theo Công văn phúc đáp số 975 ngày 04/4/2024 của Chi nhánh VPĐK đất đai TP T, tỉnh B.
- Nguyễn Thị H: Cùng với ông Lê Đình S đứng tên chủ sử dụng đối với diện tích đất tại thửa số 84 tờ bản đồ 87 và thửa số 139 tờ bản đồ 116 thuộc địa chỉ phường L (kê khai đăng ký nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận QSDĐ) theo Công văn phúc đáp số 2336 ngày 29/3/2024 của VPĐK đất đai tỉnh Đ – Chi nhánh B1.
- Nghiêm Phạm Anh Tuấn: Cùng với bà Cao Thị H1 đứng tên trên Giấy chứng nhận và Hợp đồng mua bán chuyển nhượng căn hộ: Căn hộ chung cư S Khối D, khu dân cư G (lô M), phường T, quận G, TP H; Căn hộ chung cư S Khối E, khu dân cư P - M (Lô M), phường T, quận G, TP H (Tài sản được thế chấp tại Ngân hành TMCP N4Chi nhánh N5); Thửa đất số 7-33, tờ bản đồ số 2B (Sơ đồ nền) địa chỉ 645/4 khu phố B, phường T, quận G, TP H; Thửa đất số 7-26, tờ bản đồ số 2B (Sơ đồ nền) địa chỉ 645/4 khu phố B, phường T, quận G, TP H; Thửa đất số 453, tờ bản đồ số 32 phường T (theo tài liệu bản đồ năm 2003) địa chỉ 1 Khu M, phường T, quận G, TP H theo Công văn phúc đáp số 1688 ngày 06/12/2023 của Chi nhánh VPĐK đất đai quận G, TP H.
- Nguyễn Thị Thu H2: Theo công văn số 21455/CNTPTĐ ngày 21/11/2023 của Chi nhánh VPĐKĐĐ TP Thủ Đức thì H2 không có thông tin cấp GCNQSDĐ đứng tên sản là đất đai, nhà ở trong địa bàn quận
- Trần Thị Hoài: Theo công văn số 3708/CNTA-ĐK&CGCN ngày 07/03/2024 của Chi nhánh V3 thì H3 có 01 căn hộ A-19-12B, chung cư E tại TP T, tỉnh B, GCNQSDĐ số DG 807599.
- Nguyễn Hoàng L: Theo công văn số trả lời của Chi nhánh VPĐKĐĐ huyện C thì Luôn có 01 thửa đất số 1089, tờ bản đồ số 50 tại địa chỉ xã P, huyện C, TP H.
- Trần Ngọc T2: Theo công văn số trả lời của Chi nhánh VPĐKĐĐ quận G - TP H xác định không có thông tin T2 đứng tên sản là đất đai, nhà ở trong địa bàn quận
- Lê Thanh Hải: Theo công văn số 1002/CNTPTĐ ngày 05/4/2024 của Chi nhánh VPĐKĐĐ TP Tân Uyên thì H có thửa đất số 675, tờ bản đồ số 33, GCN số CH465599 và thửa đất số 4, tờ bản đồ 51, số GCN AM 479593 tại phường U.
- Thái Thị Bích H4: Theo công văn số 1968/CNBTH ngày 09/5/2024 của Chi nhánh VPĐKĐĐ quận B thì H4 có tài sản là căn hộ số P6-33.8, tòa nhà P, V Central theo GCNQSDĐ số CS01658, tuy nhiên ngày 29/3/2024 bà H4 đã chuyển nhượng cho người khác theo hợp đồng chuyển nhượng số 0032832 do VPCC Dương Thị Cẩm T3 chứng nhận.

- Nguyễn Đình T4: Theo công văn số trả lời của Chi nhánh V4 - TP H xác định không có thông tin T4 đứng tên đất đai, nhà ở trong địa bàn quận.
- Lê Xuân T5: Theo công văn số 21455/CNTPTĐ ngày 21/11/2023 của Chi nhánh V5 thì T5 có thửa đất số 28, tờ bản đồ số 8 phường H, TP T, TP H.
- Hồ Bá T6: Theo công văn số 16604/CNTPTĐ ngày 04/10/2024 của Chi nhánh V5 thì T6 có tài sản chung với bà Vũ Thị Kim N1 là 01 thửa đất số 736, tờ bản đồ số 142 tại địa chỉ D đường số B, khu phố D, phường H, TP T, TP H được U cấp GCNQSDĐ số BG 332771.
- Lê Văn Q1: Theo công văn số 766/CNVPĐKĐĐ-LT ngày 07/03/2024 của Chi nhánh V3 thì Q1, có 01 thửa đất số 2357, tờ bản đồ số 6BT.3 tại địa chỉ phường B, TP D, tỉnh B, số giấy chứng nhận BG 963859.
- Lê Bách V1: Theo công văn số 1801/CNTP-ĐK& ngày 09/04/2024 của Chi nhánh VPĐKĐĐ quận T xác định không có thông tin V1 có tài sản là đất đai, nhà ở trong địa bàn quận.
- Bùi Thái K: Theo công văn số 2293/CNHM ngày 87/03/2024 của Chi nhánh VPĐKĐĐ huyện H xác định không có thông tin Khương có tài sản là đất đai, nhà ở trong địa bàn huyện.
- Bùi Quốc T7: Theo công văn số trả lời của Chi nhánh V6, Đ xác định không có thông tin T7 đứng tên tài sản là đất đai, nhà ở trong địa huyện.
- Phạm Văn C: Theo công văn số trả lời của Chi nhánh VPĐKĐĐ huyện D, tỉnh T xác định không có thông tin C đứng tên tài sản là đất đai, nhà ở trong địa bàn huyện.
- Lê Tân Quang D: cùng vợ là bà Nguyễn Thị Ánh T8 đứng tên nhà đất tại địa chỉ số C đường P, phường A, Quận G, TP H (thửa đất số 532, tờ bản đồ số 185) theo Công văn trả lời số 276/CNGV ngày 17/01/2024 của Chi nhánh VPĐK đất đại quận G.
- Nguyễn Văn N2: cùng vợ là Trần Thị Như M có tài sản là căn hộ S Lô B, dự án E, KDC N, đường số D, phường A, quận B, TP H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất theo hồ sơ số CT66855 ngày 25/10/2017 cho Công ty TNHH T11. Và Căn hộ số 1.04 Khối A, Lô C, Chung cư L, dự án E, KDC N, đường số B, phường A, quận B, TP H theo cơ sở dữ liệu quản lý đất đai của Chi nhánh VPĐK đất đai quận B theo Công văn trả lời số 1545/CNBT của Chi nhánh VPĐK đất đai quận B.
- Hà Văn K1: Không có thông tin quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn TP T, tỉnh B.
- Vòng A N3: Không có thông tin quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn TP T, tỉnh B.
- Bùi Quang L1: và vợ là bà Trần Ngọc Minh H5 đứng tên nhà đất tại địa chỉ I đường N, phường C, quận G, TP H (thửa đất số 504, tờ bản đồ 27) theo Công văn số 788/CNGV của Chi nhánh VPĐK đất đai quận G, TP H.
- Nguyễn Thị Thanh T9: cùng chồng là ông Lê Hữu P đứng tên thửa đất 562, tờ bản đồ 74 tại địa chỉ 7 quốc Lộ A, KP1, phường T, quận A, TP H theo Công văn số 5285/CNQ12-LT của Chi nhánh VPĐK đất đai quận A, TP H. Và đứng tên quyền sử dụng đất đối với thửa số 238, tờ bản đồ số 8, tại ấp Đ, xã L, huyện C,

tỉnh T theo Công văn số 791/CNVPĐKĐĐ-ĐKGGCN-LT của Chi nhánh VPĐK đất đai huyện C, tỉnh T.
- Tư Đồ Quan Sơn: và vợ là Trịnh Thị Bích V2 đứng tên Căn hộ chung cư S, Chung cư B thuộc dự án KDC V 4, diện tích 40,3m2, thửa đất số 1258, tờ bản đồ DC310 tại p. V, TP T, tỉnh B.
- Nguyễn Văn T10: Không có thông tin quyền sử dụng đất, sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn huyện C, tỉnh Đ.
- Âu Dương B: đứng tên nhà đất tại địa chỉ số E đường C cư xá BThới, phường H, quận A, TP H theo Công văn số 24/CNQ11-LT của Chi nhánh VPĐK đất đai quận A, TP H.
- Trần Văn T: đứng tên Thửa đất số 516 tờ bản đồ 87 phường T, quận T, TP H và Thửa đất số 23, tờ bản đồ số 130 phường B, TP T, TP H theo Công văn số 5376/CNTPTĐ của Chi nhánh VPĐK đất đai TP T.
- Lê Thanh N: Đứng tên Căn nhà số D ấp D, xã Đ, huyện B, thửa 523, tờ bản đồ 49; Và thửa đất số 510, tờ bản đồ 49 xã Đ, huyện B, TP H theo Công văn số 3099/CNBC-LT của Chi nhánh VPĐK đất đai huyện B, TP H.
- Lê Duy T1: đứng tên quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa 518 tờ bản đồ 83 phường L, TP T theo công văn số 4662/CNTPTĐ của Chi nhánh VPĐK đất đai TP T.
- Nguyễn Bá Đ: đứng tên thửa đất số 2356, tờ bản đồ số 4AB.4, diện tích 330.8m2 tại phường D, tỉnh B; Thửa đất số 2361, tờ bản đồ 16, diện tích 65.2m2 tại phường B, TP D, tỉnh B theo công văn số 5345/CNVPĐKĐĐ-LT của Chi nhánh VPĐK đất đai TP D, tỉnh B.
- Nguyễn Thị Hồng N1: đứng tên quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thửa đất số 225, tờ bản đồ số 38, diện tích 143m2 địa chỉ tại phường C, TP T, tỉnh B.
- Nguyễn Thị Tuyết S: Không có thông tin quyền sử dụng đất, sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn quận G, TP H.
- Trần Văn T2: Không có thông tin quyền sử dụng đất, sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn TP T, TP H.
- Triệu Thoại Quân: đứng tên chủ sở hữu thủa đất số 422, tờ bản đồ 22 địa chỉ tại Phường L, TP T, tỉnh B. Và thửa đất số 94, tờ bản đồ 110, diện tích 565,6m2 địa chỉ KP B, phường T, TP T, tỉnh B.
- Trần Công D: và vợ là bà Lê Thị Kim D1 đứng tên thửa đất số 1207, tờ bản đồ 84 địa chỉ Thị Trấn N, huyện N, TP H theo công văn số 3064/CNNB-LT của Chi nhánh VPĐK đất đai huyện N, TP H.
- Nguyễn Hoàng D2: Không có thông tin quyền sử dụng đất, sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn quận B, TP H.
- Phạm Quang V: Không có thông tin quyền sử dụng đất, sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn TP Thủ Đức, TP H.
- Hà Hoàng Nguyên: Có đứng tên sở hữu, sử dụng thửa đất số 567, tờ bản đồ số 86, địa chỉ 7 N, phường T, quận T, TP H với diện tích đất là 54,3m2, diện tích xây dựng 52,4m2 diện tích sử dụng là 157m2 theo giấy chứng nhận số CS06852 ngày 04/05/2021 của Sở T38 cấp.

- Chu Văn H; Trần Đ1; Trương Thị Thảo L; Nguyễn Hiền D3; Nguyễn Ngọc Xuân Q; Nguyễn Văn C; Huỳnh Tấn D4; Phan Thanh H1; Nguyễn Thanh H2; Đặng Thị Bích L1; Trần Thanh H3, Trần Minh H4, Nguyễn Thành C1, Trần N2, Nguyễn Văn H5, Nguyễn Huỳnh Anh V1, Hoàng Tiến D5; Hoàng Thị V2; Ngô Văn T3; Lê Gia H6; Nguyễn Thị Hồng O; Nguyễn Văn H5; Lê Thị H7; Hoàng Thị M; L; Huỳnh Xuân T4; Võ Văn B; Phạm Thị T5; Lê Xuân L2; Lê Nguyễn Minh T6; Trần Thị Thanh T7; Nguyễn Thị Thúy M1; Phan Văn T8; Lê Thị Kim L3; Lê Hoàng N3; Khổng Hữu N4; Nguyễn Thị Thái H8; Phạm Văn T9; Đỗ Minh T10; Trần Thị Kim C2; Nguyễn Tuấn K; Nguyễn Hoài Đ2; Đoàn Khắc P; Nguyễn Diệp Bích H9; Châu Thị G; Lê Thị H10; Nguyễn Thanh T11; Huỳnh Nguyễn Gia H11; Ngô Văn T12; Võ Thị Hải Y; Trần Doãn C3; Nguyễn Tín T13; Lê Thanh P1; Trần Lê Hải Y1; Lâm Quốc Đ3; Hồ Phương D6; Ngô Văn C4; Nguyễn Hải S1: Không có tài sản riêng có gía trị.

Tại bản Cáo trạng số: 98/CT-VKS ngày 08/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P truy tố các bị cáo như sau:

- Truy tố Phạm Văn Chung, Nguyễn Kim H12, Lê Gia H6, Bùi Quốc T14, Ngô Văn T3, Nguyễn Tín T13 về tội: "Trốn thuế" theo quy định tại khoản 3 Điều 200 của Bộ luật hình sự.
- Truy tố Trần Thị Thanh T7, Võ Thị Hải Y về tội: "Trốn thuế" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 200 của Bộ luật hình sự.
- Truy tố Võ Văn Quốc H13 về tội: "Trốn thuế" theo quy định tại khoản 1 Điều 200 của Bộ luật hình sự.
- Truy tố Nguyễn Thị H14 về tội: "Mua bán trái phép hóa đơn" theo quy định tại điểm a, đ, e khoản 2 Điều 203 của Bộ luật hình sự.
- Truy tố Ngô Thị Lệ T15, Phan Văn T8 về tội: "Mua bán trái phép hóa đơn" theo quy định tại điểm a, d, đ, e khoản 2 Điều 203 của Bộ luật hình sự.
- Truy tố Huỳnh Nguyễn Gia H11 về tội: "Mua bán trái phép hóa đơn" theo quy định tại điểm a, d, e khoản 2 Điều 203 của Bộ luật hình sự.
- Truy tố Lê Hoàng N3, Nguyễn Thị Kim L4, Hồ Phương D6, Huỳnh Tấn D4, Vũ Thị Tuyết T16, Phạm Quang V, Hồ Thị Thu T17, Võ P2, Đào Thị Hồng L5, Nguyễn Diệp Bích H9, Đỗ Văn L6, Hồ Thị Mỹ N5, Đặng Chí K1, Trang Duy P3, Triệu Thoại Q1, Trần Thị Á, Nguyễn Trọng N6, Hoàng Thị V2, Ngô Quốc N7, Hà Hoàng N8, Châu Thị G, Nguyễn Huỳnh Anh V1, Nguyễn Ngọc Xuân Q, Hoàng Thị M, Nguyễn Thị Cẩm T18, Lê Bách V3, Thủy Thanh P4, Nguyễn Thị N9, Nguyễn Thị H15, Lê Thị Kim L3, Dương Thị Kim C5, Lê N10, Nguyễn Thị Thái H8, Hoàng Thị Minh H16, Võ Hoàn H17, Phạm Huỳnh Tố N11, Vũ Văn C6, Nguyễn Tuấn K, Bùi Quang L7, Nguyễn Thị Thanh T19, Nguyễn Thị Thúy M1, Trần Duy Q2, Hà Triều T20, Lâm Quốc Đ3, L, Nguyễn Thị Hồng O, Trần Thị Thanh T7, Nguyễn Thành N12, Võ Văn B, Nguyễn Phan Hoàng L8, Nguyễn Văn H18, Đinh Tấn T21, Nguyễn Hoàng D2, Phạm Thị T5, Đặng Thị Bích L1, Đặng Trung T22, Âu Dương B1, Lê Duy T1, Vòng A, Nguyễn Thanh H2, Đoàn Thị Kiều V4, Nguyễn Văn H19, Nguyễn Văn B2, Lê Văn C7, Ngô Quang N13, Ngô Văn T12, Bùi Văn T23, Nguyễn Hoài Đ2, Chu Văn H, Võ Thị Mỹ T24, Huỳnh Xuân T4, Quách Ngọc Y2, Bùi Thái K2, Thái Thị Bích H20,

Nguyễn Bá Đ, Bùi Thị M2, Hồ Bá T25, Lê Văn Q3, Nguyễn Thị Thu N14, Nguyễn Thị V5, Lê Thị H10, Nguyễn Xuân H21, Nghiêm Phạm Anh T26, Nguyễn Minh C8, Bùi Văn T27, Trần Thị H22, Lê Tân Quang D7, Tô Văn H23, Hoàng Thanh S2, Lê Quang V6, Trần Doãn C3, Hoàng Tiến D5, Phạm Văn T9, Lê Xuân T28 có lý lịch như đã nêu trên về tội: "Mua bán trái phép hóa đơn" theo quy định tại điểm d, khoản 2 Điều 203 của Bộ luật hình sự.

- Truy tố Ngô Văn C4, Nguyễn Thị Thu H24, Trần Ngọc T29, Trương Ngọc T30, Nguyễn Ngọc D8, Nguyễn Văn C, Trần N2, Huỳnh Hữu T31, Nguyễn Thành C1, Trần Đ1, Đỗ Quốc H25, Đoàn Thị H26, Tư Đồ Q, Nguyễn Văn T32, Nguyễn Thành T33, Nguyễn Văn H27, Bùi Đình N15, Trần Thị Kim C9, Lê Thanh N, Lê Thanh H28, Trần Lê Hải Y1, Trần Thị Kim C2, Khổng Hữu N4, Nguyễn Văn H5, Lê Thị H7, Hà Văn K3, Đường C, Vũ Thanh H29, Trần Thị Ngọc M3, Huỳnh Văn Đ4, Đỗ Minh T10, Lê Hoài S3, Trần Văn T, Nguyễn Hiền D3, Nguyễn Huy P5, Lê Xuân L2, Nguyễn Hải S1, Nguyễn Văn H5, Phạm Phú G1, Trần Văn T2, Nguyễn Thị Tuyết S, Ngô Phong H30, Trần Ngọc Vĩnh P6, Trần Công D, Phan Trọng Bích N16, Nguyễn Thanh T11, Trương Thị Thảo L, Nguyễn Văn N17, Hoàng Kim T34, Nguyễn Phong Hồ P7, Lương Thanh V7, Nguyễn Đình T35, Lê Thanh P1, Đoàn Khắc P, Lê Nguyễn Minh T6, Nguyễn Hoàng L9, Trần Nhựt H31, Trần Minh H4, Trần Thanh H3, Phan Thanh H1, Nguyễn Thị Hồng N1, Nguyễn Đình T36, Trần Bình P8, Lê Thị T37 về tội: "Mua bán trái phép hóa đơn" theo quy định tại khoản 1 Điều 203 của Bộ luật hình sự.

Điều 200. Tội trốn thuế:

1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây trốn thuế với số tiền từ 100.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng hoặc dưới 100.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trốn thuế hoặc đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 188, 189, 190, 191, 192, 193, 194, 195, 196, 202, 250, 251, 253, 254, 304, 305, 306, 309 và 311 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 01 năm:

a) ...

d) Sử dụng hóa đơn, chứng từ không hợp pháp để hạch toán hàng hóa, nguyên liệu đầu vào trong hoạt động phát sinh nghĩa vụ thuế làm giảm số tiền thuế phải nộp hoặc làm tăng số tiền thuế được miễn, số tiền thuế được giảm hoặc tăng số tiền thuế được khấu trừ, số tiền thuế được hoàn;

đ) Sử dụng chứng từ, tài liệu không hợp pháp khác để xác định sai số tiền thuế phải nộp, số tiền thuế được hoàn;

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 500.000.000 đồng đến 1.500.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 03 năm:

a) Có tổ chức;

b) Số tiền trốn thuế từ 300.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng;

...

3. Phạm tội trốn thuế với số tiền 1.000.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tiền từ 1.500.000.000 đồng đến 4.500.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 02 năm đến 07

năm.

Điều 203. Tội in, phát hành, mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước:

1. Người nào in, phát hành, mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước ở dạng phôi từ 50 số đến dưới 100 số hoặc hóa đơn, chứng từ đã ghi nội dung từ 10 số đến dưới 30 số hoặc thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

a) Có tổ chức;

b) Có tính chất chuyên nghiệp;

c) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;

d) Hóa đơn, chứng từ ở dạng phôi từ 100 số trở lên hoặc hóa đơn, chứng từ đã ghi nội dung từ 30 số trở lên;

đ) T2 lợi bất chính 100.000.000 đồng trở lên;

e) Gây thiệt hại cho ngân sách nhà nước 100.000.000 đồng trở lên;

g) Tái phạm nguy hiểm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh P tại phiên tòa đề nghị áp dụng pháp luật cùng với mức hình phạt của các bị cáo như sau:

- Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

+ Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào

+ Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Trong quá trình điều tra vụ án, các bị cáo: đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải.

Đề nghị tuyên bố hình phạt chính và hình phạt bổ sung như sau:

1. Trong thời gian từ tháng 4/2021 đến tháng 10/2022, Nguyễn Thị H đã liên hệ mua 303 doanh nghiệp và làm các thủ tục theo yêu cầu của Nguyễn Minh T, rồi bán cho T với chi phí từ 50 triệu đến 60 triệu đồng/01 doanh nghiệp. Đồng thời, T cũng thuê H làm thủ tục đăng ký hoạt động cho khoảng 200 doanh nghiệp do T mua trước đó, nhưng đang ở tình trạng ngừng hoạt động, hoặc chưa đầy đủ thủ tục để hoạt động. Sau khi Huế thực hiện xong các thủ tục nêu trên, Huế đã chuyển lại các công ty cho T để T sử dụng cho việc bán trái phép hóa đơn.

Để tránh sự phát hiện của các cơ quan quản lý Nhà nước, T trao đổi và thống nhất với H về việc kê khai thuế cho các Công ty "ma" của T. Với mục đích giảm số thuế phải nộp, T đã thống nhất với H kê khai giảm doanh số bán ra so với thực tế tổng doanh số hóa đơn GTGT khống đã phát hành, tự kê khai khống doanh số mua vào (thực tế không phát sinh doanh số mua vào) sao cho số thuế GTGT phải nộp dưới 10.000.000 đồng. Ngoài ra, khi thấy các Công ty của T có dấu hiệu rủi ro, Huế đã thực hiện thủ tục chuyển địa chỉ kinh doanh, ngừng hoạt động, đóng mã số thuế.

Theo thỏa thuận, để thực hiện các thủ tục nêu trên, T đã trả cho H tổng số tiền

là 31.613.687.959 đồng. Huế đã tích cực giúp sức cho T thực hiện hành vi mua bán trái phép hóa đơn, T chuyển vào các tài khoản của Huế số tiền 31.613.687.959 đồng. Tuy nhiên hành vi của H đồng phạm giúp sức cho T để T và các đồng phạm thực hiện hành vi phạm tội, quá trình giúp sức cho T, Huế cũng phải chi phí thực tế các khoản: T nhờ đóng thuế cho các công ty của T, T1 phí công bố nội dung thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh; Chi trả cho công ty TNHH H6 làm chữ ký số; Chi trả cho Công ty B2 làm hồ sơ, thủ tục đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử; Hoạt động mua bán con dấu mộc (bộ D1 tròn + chức danh); Hoạt động thuê địa điểm đặt biển hiệu công ty đồng thời cũng là địa điểm đăng ký trụ sở chính của doanh nghiệp; Tiền phí đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; Thuê lại đơn vị thứ ba thực hiện các thủ tục có liên quan đến việc đăng ký thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh cho doanh nghiệp; Hoạt động hỗ trợ kê khai, nộp thuế; Dịch vụ sang tên (Thuê làm dịch vụ thay đổi đăng ký kinh doanh cho các công ty); Dịch vụ chuyển nhượng doanh nghiệp (gồm hơn 300 công ty H7 mua rồi bán lại cho T)…Quá trình điều tra, cũng như tại phiên tòa hôm nay, Huế đã xác nhận đã hưởng lợi số tiền 14.159.652.000đ.

Ngày 27/12/2024, Công ty Cổ phần G có chứng thư thẩm định định giá tài sản: Quyền sử dụng đất tại thửa đất số : LK-44, tờ bản đồ số:00, tại địa chỉ: Khu N B, phường M, quận H, TP H, theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN331266 co UBND quận H cấp ngày 30/3/2013 cho ông Đặng Trần H1, đã chuyển nhượng theo hồ sơ số 2216001605BD tại Văn phòng Đ1 Chi nhánh quận H cho bà Nguyễn Thị H. Kết quả thẩm định giá: giá trị thẩm định 19.056.609.000đ.

Nguyễn Thị H đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Nộp ở giai đoạn điều tra số tiền 750.933.000 đồng; Ngày 15/10/2024 nộp số tiền 500.000.000đồng tại Cục Thi hành án Dân sự tỉnh P. Tổng số đã nộp: 1.250.933.000đ. Được Đoàn Luật sư thành phố H tặng Kỷ niệm chương Bảo vệ công lý, tặng giấy khen đã có thành tích trong xây dựng Đoàn luật sư và hoạt động nghề nghiệp luật sư năm 2016, 2017, 2018; BCH Đoàn TN Cộng sản H8 khối các cơ quan thành phố H tặng giấy khen đã có thành tích xuất sắc trong công tác đoàn năm 2013, 2014, 2015; Đoàn luật sư thành phố H tặng giấy khen đã có thành tích trong công tác Hội năm 2016, giai đoạn 2016-2021 và năm 2023.

Áp dụng: điểm đ, e khoản 2 Điều 203, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 BLHS. Đề nghị phạt 24 đến 30 tháng án treo. Thời gian thử thách 48 tháng đến 60 tháng. Cấm hành nghề luật sư 4 năm. Buộc H phải tiếp tục nộp số tiền hưởng lợi.

2. Trong năm 2021, 2022, Nguyễn Minh T đã thông qua Ngô Thị Lệ T2 để bán tổng số 2062 hóa đơn cho 228 đơn vị với tổng doanh số là 108.521.121.661 đồng (Trong đó tiền hàng là 98.655.565.146 đồng). Theo thỏa thuận, T2 sẽ thu tiền bán hóa đơn của khách hàng là 3% doanh số tiền hàng chưa bao gồm thuế GTGT tương đương 2.959.666.954 đồng, T2 phải chuyển cho T 1% tương đương số tiền 986.555.651 đồng, còn lại T2 sẽ được hưởng lợi 2% tương đương 1.973.111.303 đồng. Tuy nhiên, trên thực tế T2 chỉ mới chuyển khoản cho Nguyễn Minh T số tiền là 120.199.000 đồng. (do các Công ty mua hóa đơn chưa

thanh toán hoặc thanh toán chưa hết phí mua hóa đơn cho T2). Các công ty mua Hóa đơn của T2 đã trả cho T2 số tiền 240.398.000 đồng.
Do đó, Ngô Thị Lệ T2 "Mua bán trái phép" 2.062 hóa đơn GTGT, được hưởng lợi số tiền 240.398.000 đồng. Ngô Thị Lệ T2 đã nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền là 240.398.000 đồng.
Ngày 18/10/2024 nộp vào tài khoản Cục thi hành án Dân sự tỉnh P số tiền 150.000.000 đồng; Ngày 06/12/2024 nộp số tiền 90.398.000đ. (đã nộp hết số tiền hưởng lợi)
-Áp dụng điểm a, d, đ, e khoản 2 Điều 203, điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 BLHS. Đề nghị xử phạt 24 tháng tù treo đến 30 tháng tù treo, thời gian thử thách 28 tháng đến 60 tháng
3. Trong năm 2021, 2022, Phan Văn T3 đã thông qua cá nhân tên "B" để mua 76 hóa đơn GTGT khống của Nguyễn Minh T, sau đó thông qua Nguyễn Thanh T4 đã bán cho Công ty Đ2 (51 hóa đơn, doanh số là 6.487.133.571 đồng) và Công ty TNHH T7 (25 hóa đơn, doanh số là 11.727.950.210 đồng) với tổng doanh số 18.215.083.781 đồng. T3 trả cho "B" số tiền tương đương 1,5% giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn, còn lại số tiền 0,5% T3 được hưởng. Tuy nhiên, T4 và T3 chưa tiến hành chuyển khoản hợp thức được 76 hóa đơn nêu trên. Do vậy, T4 mới ứng số tiền 230.000.000 đồng tiền mua hóa đơn để trả cho T3. T3 được hưởng số tiền 57.500.000 đồng (0,5%) từ việc bán 76 hóa đơn cho Công ty T7 và Công ty Đ2.
Ngoài ra, T3 còn bán 1.428 hóa đơn GTGT khống với tổng doanh số 68.988.110.586 đồng (trong đó tiền hàng là 63.229.257.287 đồng) cho 62 đơn vị, doanh nghiệp, hưởng lợi bất chính số tiền 316.146.286 đồng. Do đó, Phan Văn T3 có hành vi "Mua bán trái phép" 1.504 hóa đơn GTGT với tổng doanh số 87.203.194.367 đồng, hưởng lợi bất chính tổng số tiền là 373.646.286 đồng. Phan Văn T3 phải khắc phục số tiền trong vụ án là 373.646.286 đồng.
Ngày 07/11/2024, nộp số tiền 200.000.000; ngày 13/11/2024 nộp: 194.000.000 đồng vào tài khoản Cục thi hành án Dân sự (Nộp thừa: 20.353.714).
-Áp dụng điểm d, đ, e khoản 2 Điều 203, điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 BLHS. Đề nghị xử phạt: từ 13/6/2024 đến ngày tuyên án. Đề nghị trả tự do tại Tòa; Trả lại Phan Văn T3 số tiền (Nộp thừa: 20.353.714)
4. Trong năm 2022, Huỳnh Nguyễn Gia H2 đã liên hệ với cá nhân tên "D" để mua 61 hóa đơn GTGT khống của 08 Công ty do Nguyễn Minh T thành lập, sau đó bán cho Nguyễn Văn H3 (là người trực tiếp quản lý và điều hành Công ty K). H2 trả cho "D" số tiền mua hóa đơn là 2,8% giá trị tiền hàng và H3 thanh toán tiền mua hóa đơn 3% giá trị hàng hóa ghi trên hóa đơn chưa có thuế GTGT cho H2 bằng tiền mặt và chuyển khoản. Trong tổng số 61 hóa đơn GTGT khống nêu trên, H3 mới thực hiện việc chuyển khoản hợp thức 35 hóa đơn với doanh số là 24.076.185.563 đồng và trả số tiền mua hóa đơn là 686.826.809 đồng cho H2. H2 được hưởng số tiền 45.788.454 đồng (0,2%); H2 trả cho "D" số tiền 641.038.355 đồng (2,8%).
Ngoài ra, H2 còn bán 18 hóa đơn GTGT khống cho Công ty TNHH S (Việt Nam) với doanh số 117.923.600 đồng (trong đó: tiền hàng 108.432.000 đồng;

tiền thuế GTGT 9.491.600 đồng), hưởng lợi bất chính số tiền 216.864 đồng. Do đó, Huỳnh Nguyễn Gia H2 đã có hành vi "Mua bán trái phép" 79 hóa đơn GTGT, hưởng lợi bất chính số tiền 46.005.318 đồng.

Nộp số tiền tại ủy nhiệm chi ngày 23/10/2024 nộp vào tài khoản Cục thi hành án dân sự tỉnh P số tiền 46.005.318 đồng; (đã nộp hết số tiền hưởng lợi); Gia đình H2 được Chủ tịch UBND xã H công nhận danh hiệu Gia đình Văn hóa 3 năm.

- Áp dụng điểm d, đ, e khoản 2 Điều 203, điểm b, s khoản 1,2 Điều 51; Điều 65 BLHS. Đề nghị xử phạt 12 đến 15 tháng án treo, thời gian thử thách 24 đến 30 tháng

5. Năm 2021 và 2022, Phạm Văn C là Giám đốc Công ty T8 đã liên hệ với người phụ nữ tên "M" để mua 47 hóa đơn GTGT khống của 09 công ty do Nguyễn Minh T sử dụng để bán hóa đơn, với tổng doanh số là 25.065.222.369đ (trong đó tiền hàng là 22.786.565.790đ, tiền thuế là 2.278.565.579đ). C đã trả người bán hóa đơn tổng số tiền là 911.462.631 (tương đương với 4%).

Sau khi mua 47 số hóa đơn GTGT nêu trên, Công ty T8 đã sử dụng kê khai thuế GTGT đầu vào với C1 thuế khu vực H - D tỉnh T và trốn thuế với số tiền 2.197.510.548 đồng.

Áp dụng khoản 3 Điều 200; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Phạm Văn C 24 đến 26 tháng tù giam.

6. Trong năm 2021 và năm 2022, Nguyễn Kim H4 là Giám đốc Công ty D2 đã liên hệ với người đàn ông tên "T6" để mua 109 hóa đơn GTGT khống, của 14 Công ty do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn, với tổng doanh số 25.605.018.677 đồng (trong đó tiền hàng 23.558.288.726 đồng, tiền thuế 2.046.729.951 đồng). H4 đã thanh toán tiền mua hóa đơn là khoảng 01 tỷ đồng (tương đương 5% giá trị tiền hàng chưa thuế).

Toàn bộ 109 hoá đơn GTGT đã được Công ty D2 kê khai thuế trong năm 2021, năm 2022 tại chi cục thuế quận T - TP H và trốn thuế với số tiền 2.046.729.951 đồng. Do đó, số tiền Nguyễn Kim H4 phải khắc phục trong vụ án là 2.046.729.951 đồng.

Ngày 11/11/2024, nộp số tiền 400.000.000đ; ngày 24/12/2024 nộp số tiền 1.050.000.000đ; ngày 02/01/2025 nộp số tiền 65.000.000đ vào tài khoản Cục thi hành án Dân sự tỉnh P.Tổng số tiền H4 đã nộp: 1.515.000.000đ. Ủy ban MTTQ Việt Nam thị trấn D xác nhận đã ủng hộ 10 triệu đồng xây dựng sửa chữa nhà ở cho người nghèo trên địa bàn xã D; Viện Thi đua khen thưởng nhà nước chứng nhận, Chủ tịch nước tặng gia đình ông bà Nguyễn Hồng M1 - Hoàng Thị Đ (ông bà ngoại vợ) Huy chương Kháng chiến Hạng Nhì; Chủ tịch nước tặng Huân chương kháng chiến hạng Ba cho bà Hoàng Thị Đ; Chủ tịch UBND tỉnh N tặng Bằng khen cho bà Lê Thị N (bà nội vợ) có thành tích tham gia cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước; Chứng nhận của UBND xã H cho bà Lê Thị N được thưởng Huy chương kháng chiến Hạng Nhất.

Áp dụng khoản 3 Điều 200; điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Kim H4 18 đến 20 tháng án treo, thời gian thử thách 36 tháng đến 40 tháng.

7. Trong năm 2021, 2022, Lê Gia H5 là Giám đốc Công ty H9 đã chỉ đạo kế

toán dịch vụ tên "B1" liên hệ với cá nhân tên "Tan" mua tổng số 73 hóa đơn GTGT khống của 08 công ty do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn, với tổng doanh số là 21.576.569.996 đồng (trong đó: tiền hàng hóa: 19.767.037.343 đồng; tiền thuế GTGT: 1.810.811.656 đồng). H5 đã trả tiền mua hóa đơn cho "Tân" tổng số tiền là 988.351.867 đồng.

Sau khi mua 73 hóa đơn GTGT nêu trên, H5 đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của công ty H9 tại Chi cục thuế Q trong năm 2021, 2022 và trốn thuế với số tiền 1.810.811.656 đồng. Do đó, số tiền Lê Gia H5 phải khắc phục trong vụ án là 1.810.811.656 đồng.

Ngày 07/11/2024, nộp số tiền 55.000.000 đồng; ngày 09/12/2024 nộp số tiền 70.000.000đ; ngày 23/12/2024 nộp số tiền 180.000.000đ; ngày 30/12/2024, nộp số tiền 205.000.000đ vào tài khoản Cục Thi hành án Dân sự tỉnh P. Tổng số tiền H5 đã nộp: 920.000.000đ; Ông Liên Tấn T5 (ông ngoại) được Chủ tịch nước tặng Huân Chương kháng chiến Hạng Nhì; Trường Đại học Sư phạm thành phố H cảm ơn cựu sinh viên đã trao học bổng cho sinh viên năm học 2020 - 2021; Sở Giáo dục - Đào tạo tỉnh B chứng nhận đạt giải nhì cấp tỉnh môn toán; Phòng Giáo dục và đào tạo huyện G A tặng giấy khen đạt giải khuyến khích môn toán; Hiệu trưởng trường tiểu học G1 nhiều giấy khen.

Áp dụng khoản 3 Điều 200; điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Lê Gia H5 18 đến 20 tháng án treo, thời gian thử thách 36 tháng đến 40 tháng.

8. Trong năm 2021 và 2022, Bùi Quốc T6 là Giám đốc Công ty L đã liên hệ với người phụ nữ tên "Như" để mua 40 hóa đơn GTGT khống của 12 công ty do Nguyễn Minh T sử dụng để bán hóa đơn, với tổng doanh số là 18.090.659.564 đồng (trong đó tiền hàng là 16.464.071.967 đồng, tiền thuế là 1.626.587.597 đồng). T đã trả cho người bán tổng số tiền là 576.242.518 đồng (tương đương với 3,5%) bằng tiền mặt.

Sau khi mua 40 hóa đơn GTGT nêu trên, Công ty L3 đã sử dụng kê khai thuế GTGT đầu vào với Chi cục thuế khu vực B2 - V và trốn thuế với số tiền 1.626.592.097 đồng.

Áp dụng khoản 3 Điều 200; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Bùi Quốc T 26 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án phạt tù.

9. Trong năm 2021, 2022, Ngô Văn T1 là Giám đốc Công ty H2 đã chỉ đạo kế toán dịch vụ tên "B" liên hệ với cá nhân tên "T2" mua 68 hóa đơn GTGT khống của 09 công ty do Nguyễn Minh T3 thành lập để bán trái phép hóa đơn, với tổng doanh số là 23.438.331.011 đồng (Tiền hàng hóa dịch vụ là: 21.579.772.979 đồng; tiền thuế GTGT: 1.858.558.032 đồng). T1 đã trả tiền mua hóa đơn cho "Tân" số tiền là 1.078.988.649 đồng (tương đương từ 5% giá trị tiền hàng).

Sau khi mua 68 hóa đơn GTGT nêu trên, T1 đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của công ty H2 tại Chi cục thuế thành phố T, TP . trong năm 2021, 2022 và trốn thuế với số tiền 1.488.058.338 đồng. Do đó, số tiền Ngô Văn T1 phải khắc phục trong vụ án là 1.488.058.338 đồng.

Ngày 08/11/2024, nộp số tiền 60.000.000đồng; ngày 30/12/2024, nộp số tiền 225.000.000đ ; ngày 03/01/2025 nộp số tiền 80.000.000đ; ngày 06/01/2024 nộp 70.000.000đ; ngày 09/01/2025 nộp số tiền 50.000.000đ; ngày 10/01/2024 nộp 162.000.000đ vào tài khoản Cục Thi hành án Dân sự. Tổng số tiền T1 đã nộp: 647.000.000đ; Ông Ngô Viết L (ông nội) được tặng Huy hiệu 55 năm tuổi Đảng; UBMT Tổ quốc huyện Q chứng nhận gia đình ông bà, cha mẹ mẫu mực, con cháu hiếu thảo 5 năm; ông Ngô Viết S (Bố đẻ) được Hội Cựu chiến binh huyện Q tặng Giấy khen vì đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong phong trào xây dựng Nông thôn mới kiểu mẫu; Ông Ngô Viết B1 (chú ruột) được chủ tịch nước tặng Huy chương quân kỳ quyết thắng; Chủ tịch nước tặng Huân chương chiến sỹ vẻ vang hạng nhất; huy chương chiến sỹ vẻ vang hạng nhì; được đảng ủy thị trấn H tặng Giấy khen; được Chủ tịch UBND huyện Q tặng Giấy khen.

Áp dụng khoản 3 Điều 200; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Ngô Văn T1 16 đến 18 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 32 đến 36 tháng.

10. Trong năm 2021 và 2022, Nguyễn Tín T4 là Giám đốc Công ty T12 đã liên hệ với cá nhân tên "My" mua 26 hóa đơn GTGT khống của 06 Công ty do Nguyễn Minh T3 thành lập để bán trái phép hóa đơn, với tổng giá trị hóa đơn là 23.892.888.688 đồng (trong đó: tiền hàng hóa 21.720.807.897 đồng; tiền thuế GTGT 2.172.080.791 đồng). T4 đã trả số tiền mua hoá đơn là 651.624.000 đồng cho "My" (tương đương 3% giá trị tiền hàng).

Sau khi mua 26 hóa đơn nêu trên, T4 đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty T12 tại Chi cục thuế khu vực H3 - D, tỉnh T và trốn thuế với số tiền 1.431.046.314 đồng.

Ngày 04/12/2024, nộp tại Cục thi hành án Dân sự tỉnh P số tiền 50.000.000đ; ngày 02/01/2025, nộp số tiền 45.000.000đ; ngày 04/01/2025, nộp 255.000.000đ.Tổng số tiền T4 đã nộp: 350.000.000đ. Ban Chỉ huy quân sự huyện B xác nhận đã ủng hộ vận chuyển hàng hóa cứu trợ miền trung đến huyện B.

Áp dụng khoản 3 Điều 200; điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Tín T4 24 đến 26 tháng tù cho hưởng án treo Thời gian thử thách 48 đến 52 tháng.

11. Trong năm 2021, 2022, Trần Thị Thanh T5 là Giám đốc Công ty C1 liên hệ với cá nhân chưa xác định được danh tính, mua 124 hóa đơn GTGT khống của 14 công ty do Nguyễn Minh T3 thành lập để bán trái phép hóa đơn, với tổng doanh số là 10.871.236.704 đồng (trong đó: tiền hàng hóa là 9.951.170.229 đồng; tiền thuế GTGT: 920.066.475 đồng). T5 đã trả tiền mua hóa đơn tổng số tiền là 497.558.000 đồng (bằng 5% giá trị hàng hóa trên hóa đơn).

Sau khi mua 124 hóa đơn nêu trên, T5 đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của công ty T13 trong năm 2021, 2022. Đến nay, T5 đã kê khai bổ sung loại 09/124 hóa đơn nêu trên; còn lại 115 hóa đơn chưa kê khai bổ sung với tổng doanh số là 9.590.913.964 đồng (tiền hàng hóa: 8.767.808.433 đồng; tiền thuế GTGT: 823.105.531 đồng) và trốn thuế với số tiền là 823.105.531 đồng. Do đó, số tiền Trần Thị Thanh T5 phải khắc phục trong vụ án là 823.105.531 đồng.

Ngày 18/10/2024, nộp 52.000.000đ; ngày 18/11/2024 nộp số tiền 50.000.000đ; ngày 11/12/2024 nộp số tiền 400.000.000đ vào tài khoản Cục thi hành án Dân sự tỉnh P. Tổng số tiền T5 đã nộp: 502.000.000đ.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 200; điểm b,i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Trần Thị Thanh T5 15-20 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 đến 40 tháng,

12. Trong năm 2021 và 2022, Võ Thị Hải Y trực tiếp quản lý, điều hành Công ty T14, đã liên hệ cá nhân tên "Trần Anh D" mua 36 hóa đơn GTGT khống, của 10 Công ty do Nguyễn Minh T3 thành lập để bán trái phép hóa đơn, với tổng giá trị hóa đơn là 17.645.362.080 đồng (trong đó: tiền hàng hóa 16.181.952.800 đồng; tiền thuế GTGT 1.463.409.280 đồng). Y đã trả số tiền mua hoá đơn 1.132.736.696 đồng cho "D" bằng tiền mặt và chuyển khoản (tương đương 7% giá trị tiền hàng).

Sau khi mua 36 hóa đơn GTGT nêu trên, Y đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty T14 và trốn thuế với số tiền 338.782.648 đồng. Do đó, số tiền Võ Thị Hải Y phải khắc phục trong vụ án là 338.782.648 đồng.

Phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; ngày 25/12/2024 nộp số tiền 8.000.000đ vào tài khoản Cục thi hành án Dân sự tỉnh P. Ủy ban nhân dân xã G, huyện C có thư cảm ơn vì đã hỗ trợ kinh phí xây dựng nhà tình thương.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 200; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Võ Thị Hải Y 15-18 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 đến 36 tháng.

13. Năm 2021, 2022, Võ Văn Quốc H là Giám đốc Công ty P1 đã liên hệ với Ngô Thị Lệ T6 (là Bị cáo trong vụ án) để mua 34 hóa đơn GTGT khống của 09 công ty do Nguyễn Minh T3 thành lập để bán trái phép hóa đơn, với tổng doanh số là 4.083.109.635 đồng (Trong đó tiền hàng là: 3.718.915.350 đồng, tiền thuế GTGT là 364.194.285 đồng). H đã trả số tiền mua hoá đơn 108.357.000 đồng cho T6.

Sau khi mua 34 hóa đơn nêu trên, H đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty P1 tại Chi cục thuế T. Năm 2023, H đã kê khai bổ sung điều chỉnh và nộp số tiền 72.526.035 đồng vào ngân sách Nhà nước và trốn thuế với số tiền 291.668.250 đồng.

Sau khi Cục thuế tỉnh P ban hành Kết luận giám định, đã nộp khắc phục bổ sung số tiền 164.459.241 đồng. Do đó, số tiền Võ Văn Quốc H phải khắc phục trong vụ án là 127.209.009 đồng.

Phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Sau khi Cục thuế tỉnh P ban hành Kết luận giám định, đã nộp khắc phục bổ sung số tiền 164.459.241 đồng. Ngày 23/11/2024, nộp số tiền 52.000.000đ.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 200; điểm b,i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Võ Văn Quốc H 11 tháng 19 ngày tù giam. Được trừ thời gian tạm giữ từ 25/4/2023 đến 4/5/3023 và từ 5/2/2024 đến 15/1/2025.

14. Lê Hoàng N

15. Nguyễn Thị Kim L1

Trong năm 2021 2022, Lê Hoàng N là Phó tổng giám đốc phụ trách tài chính, kế toán Công ty D3 đã chỉ đạo Nguyễn Thị Kim L1 (là Trưởng bộ phận kế toán Công ty) và L2 để liên hệ với cá nhân tên "Khang" mua tổng số 1014 hóa đơn GTGT khống của 36 công ty do Nguyễn Minh T3 thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT, với tổng doanh số 50.527.740.544 đồng (trong đó: tiền hàng hóa 46.504.646.550 đồng; tiền thuế GTGT 4.022.982.994 đồng), trong đó L1 trực tiếp liên hệ mua 118 hóa đơn. Công ty D3 đã trả tiền mua 1014 hóa đơn cho người bán hóa đơn tổng số tiền là 4.022.982.994 đồng (bằng tiền thuế trên 1014 hóa đơn).

Sau khi mua 1014 hóa đơn nêu trên, công ty D3 đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của công ty tại Cục thuế tỉnh B trong năm 2021, 2022. Đến nay, công ty D3 đã kê khai bổ sung loại toàn bộ 1014 hóa đơn nêu trên và đã nộp đủ toàn bộ số tiền thuế GTGT vào ngân sách Nhà nước. Do đó, Lê Hoàng N có hành vi "Mua bán trái phép" 1014 hóa đơn GTGT và Nguyễn Thị Kim L1 có hành vi mua trái phép 118 hóa đơn GTGT.

Chủ tịch UBND tỉnh B tặng Bằng khen đã đạt giải Ba cuộc thi đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp tỉnh B; ông Lê Văn M (bố đẻ) được Bộ N2 tặng danh hiệu Quyết thắng, UBND tỉnh B tặng Bằng khen vì đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; UBND tỉnh B tặng Bằng khen vì đã đạt danh hiệu chiến sỹ thi đua. Vì vậy Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51,54 BLHS. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Lê Hoàng N 160.000.000 đồng đến 180.000.000đ

Có ông Nguyễn Văn N1 (tức Nguyễn Minh C bố đẻ) được Chủ tịch Hội Nông dân tỉnh B tặng Bằng khen; BCH Trung ương tặng Huy hiệu 40 năm tuổi Đảng; Chủ tịch UBND phường 7 tặng giấy khen; Chủ tịch UBND thành phố B công nhận đã có thành tích 5 năm hoàn thành nhiệm vụ; Công ty cổ phần D3 công nhận Nguyễn Thị Kim L1 hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; ông Đỗ Văn T7 (bố chồng) là thương binh.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kim L1 230.000.000 đồng đến 250.000.000đ

16. Trong năm 2021 và 2022, Hồ Phương D1 là Phó Giám đốc trực tiếp quản lý, điều hành Công ty H4 đã liên hệ với một cá nhân, mua 857 hóa đơn GTGT khống của 18 Công ty do Nguyễn Minh T3 thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT, với tổng giá trị hóa đơn là 10.988.988.652 đồng (trong đó: tiền hàng hóa 10.076.895.291 đồng; tiền thuế GTGT 912.093.361 đồng). Để mua 857 hóa đơn khống, D1 đã trả số tiền 809.949.000 đồng cho bên bán hóa đơn bằng tiền mặt (tương đương 8% giá trị tiền hàng).

Sau khi mua 857 hóa đơn GTGT nêu trên, D1 đã sử dụng kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty H4. Công ty H4 đã kê khai bổ sung, điều chỉnh giảm thuế GTGT được khấu trừ đối với 857 hóa đơn trên và đã nộp đủ toàn bộ số tiền thuế GTGT vào ngân sách Nhà nước. Do đó, Hồ Phương D1 có hành vi "Mua bán trái phép" 857 hoá đơn GTGT.

Đã ủng hộ khắc phục cơn bão số 3 năm 2024 số tiền 6 triệu đồng; Đảng ủy, HĐND, UBND xã P ghi nhận tấm lòng vàng đã hỗ trợ kinh phí huy động tuyến đường cờ, thôn P, xã P, huyện N, tỉnh N; đã hỗ trợ quỹ Vì người nghèo; ghi nhận tấm lòng vàng vì sự nghiệp phát triển giáo dục, vì phong trào khuyến học địa phương. Vì vậy bị được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1,2 Điều 51 BLHS.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Hồ Phương D1 270.000.000 đồng đến 290.000.000đ

17. Trong năm 2021 và 2022, Huỳnh Tấn D2 là Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty H5 đã liên hệ với các cá nhân tên là "T8", "H1" và "P", mua 695 hóa đơn GTGT khống của 08 công ty do Nguyễn Minh T3 thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT, với tổng doanh số ghi trên hóa đơn là 16.309.231.610 đồng (trong đó tiền hàng hóa dịch vụ là 14.868.490.000 đồng, tiền thuế GTGT là 1.440.741.610 đồng). Để mua 695 hóa đơn trên, D2 đã trả cho người bán hóa đơn số tiền là 1.440.700.000 đồng (tương đương với 8% đến 10% giá trị tiền hàng chưa bao gồm thuế GTGT).

Đối với toàn bộ 695 tờ hóa đơn GTGT nêu trên đã được Công ty H6 thuế trong năm 2021, 2022. Đến nay, Công ty H5 đã kê khai điều chỉnh bổ sung, loại bỏ 695 hóa đơn nêu trên và nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền là 70.000.000 đồng. Do đó, Huỳnh Tấn D2 có hành vi "Mua bán trái phép" 695 hóa đơn GTGT.

Giám đốc Công an tỉnh B tặng giấy khen vì có thành tích phát hiện, bắt giữ đối tượng vận chuyển trái phép chất ma túy ngày 13/12/2023; vì có thành tích phát hiện, bắt giữ đối tượng vận chuyển trái phép chất ma túy ngày 08/01/2014, ngày 28/7/2014, 18/02/2014; đã có thành tích xuất sắc trong phong trào T9 dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; Chủ tịch UBND huyện B tặng giấy khen đã có thành tích xuất sắc trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm; Chủ tịch UBND thị trấn T tặng Giấy khen vì đã có thành tích xuất sắc trong công tác vận động quỹ nhân đạo; có thành tích xuất sắc trong công tác hội trại giao quân; Hội Chữ thập đỏ thị trấn T ghi nhận tâm lòng vàng nhân đạo. Vì vậy được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1,2 Điều 51 BLHS .

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Huỳnh Tấn D2 270.000.000 đồng đến 290.000.000đ

18. Trong năm 2021 và 2022, Vũ Thị Tuyết T10 là Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty H7 đã liên hệ với cá nhân tên "Diễm", mua 501 hóa đơn GTGT khống của 22 Công ty do Nguyễn Minh T3 thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT, với tổng giá trị hóa đơn là 26.647.448.678 đồng (trong đó: tiền hàng hóa 24.274.415.844 đồng; tiền thuế GTGT: 2.373.032.834 đồng). T10 đã trả số tiền 1.092.348.712 đồng mua hóa đơn cho "Diễm" bằng tiền mặt và chuyển khoản (tương đương 4,5% giá trị tiền hàng).

Sau khi mua 501 hóa đơn GTGT, T10 đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty H7. Công ty H7 đã kê khai bổ sung, điều chỉnh giảm thuế GTGT

được khấu trừ đối với 501 hóa đơn trên và đã nộp đủ toàn bộ số tiền thuế GTGT vào ngân sách Nhà nước. Do đó, Vũ Thị Tuyết T10 có hành vi "Mua bán trái phép" 501 hoá đơn GTGT.

Ông Nguyễn Ngọc T11 (bố chồng) được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Nhì; được tặng kỷ niệm chương vì sự nghiệp đại đoàn kết dân tộc. Vì vậy Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1,2 Điều 51 BLHS

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Vũ Thị Tuyết T10 250.000.000 đồng đến 270.000.000đ

19. Trong năm 2021 và 2022, Phạm Quang V là Giám đốc Công ty A đã liên hệ với cá nhân tên "Q" mua 358 hóa đơn GTGT của các công ty do Nguyễn Minh T3 thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT, với tổng doanh số 17.180.533.115 đồng (tiền hàng 15.746.414.642 đồng, tiền thuế 1.434.118.473 đồng). Để mua 358 hóa đơn khống, V đã trả cho Quân số tiền là 944.000.000 đồng (tương đương 6% giá trị tiền hàng).

Sau khi mua 358 hóa đơn nêu trên, V đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty A. Tháng 6/2023, V đã kê khai bổ sung điều chỉnh giảm 358/358 hóa đơn và đã nộp đủ toàn bộ số tiền thuế GTGT vào ngân sách Nhà nước. Do đó, Phạm Quang V có hành vi "Mua bán trái phép" 358 hoá đơn giá trị gia tăng.

Có ông Phạm Minh Đ (bố đẻ) được tặng thưởng Huân chương, Huy chương kháng chiến hạng Nhì. Vì vậy được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1,2 Điều 51 BLHS .

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Phạm Quang V 240.000.000 đồng đến 260.000.000đ

20. Trong năm 2021 và 2022, Hồ Thị Thu T là vợ ông H Huy Chương Giám đốc Công ty Đ2 đã thông qua "X" liên hệ với một cá nhân không rõ tên tuổi, mua 323 hóa đơn GTGT khống của 24 công ty do Nguyễn Minh T1 thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT, với tổng doanh số ghi trên hóa đơn là 27.344.980.436 đồng (Trong đó, tiền hàng hóa, dịch vụ là 24.871.863.147 đồng, tiền thuế GTGT là 2.473.117.289 đồng). T đã trả cho người bán hóa đơn là 2.473.117.289 đồng tương đương với 8% đến 10% giá trị tiền hàng chưa bao gồm thuế GTGT.

Toàn bộ 323 hoá đơn GTGT nêu trên, đã được Công ty Đ2 kê khai thuế trong năm 2021, 2022. Đến ngày 08/7/2023, Công ty Đ2 đã kê khai điều chỉnh bổ sung, loại bỏ 323 hóa đơn trên và nộp khắc phục vào Ngân sách Nhà nước số tiền 5.737.454.364 đồng. Do vậy, Hồ Thị Thu T có hành vi "Mua bán trái phép" 323 hóa đơn GTGT.

Ủng hộ kinh phí xây dựng mô hình Camera phòng chống tội phạm trên địa bàn phường T trong việc xã hội do C1; Thư cảm ơn của Bí thư Ban Chấp hành Đoàn thị xã Đ do đã ủng hộ trong đợt dịch Covid 19. Vì vậy được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1,2 Điều 51 BLHS .

Áo dụng điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35

của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Hồ Thị Thu T 240.000.000 đồng đến 260.000.000đ

21. Trong năm 2021 và 2022, Võ P là Giám đốc Công ty S1 đã liên hệ với cá nhân tên "T" mua 323 hóa đơn GTGT của 04 Công ty do Nguyễn Minh T1 thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT với tổng giá trị hóa đơn là 12.221.741.404 đồng (trong đó: tiền hàng hóa 11.170.707.640 đồng; tiền thuế GTGT 1.051.033.764 đồng). P đã trả số tiền mua hoá đơn là 283.181.000 đồng cho "Thảo" bằng tiền mặt (tương đương 5% giá trị tiền hàng).

Sau khi mua 323 hóa đơn GTGT nêu trên, P đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty S1. Công ty đã kê khai bổ sung, điều chỉnh giảm thuế GTGT được khấu trừ đối với 323 hóa đơn trên và đã nộp đủ toàn bộ số tiền thuế GTGT vào ngân sách Nhà nước. Do đó, Võ P có hành vi "Mua bán trái phép" 323 hoá đơn GTGT.

Đã ủng hộ miền B khắc phục hậu quả bão lụt năm 2024 vào tài khoản M1.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Võ P 240.000.000 đồng đến 260.000.000đ.

22. Trong năm 2021, 2022, Đào Thị Hồng L là Giám đốc Công ty B1 đã liên hệ với một cá nhân mua 308 hóa đơn GTGT khống của 18 Công ty do Nguyễn Minh T1 thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT, với tổng doanh số 24.642.005.118 đồng (trong đó tiền hàng 22.458.985.688 đồng, tiền thuế 2.183.019.430 đồng). Số tiền mua hóa đơn đã thanh toán là 890 triệu đồng.

Toàn bộ 308 hoá đơn GTGT đã được Công ty B1 kê khai thuế trong năm 2021, năm 2022. Đến tháng 4/2022, tháng 7, tháng 11/2023 và tháng 01/2024, Công ty B1 đã kê khai điều chỉnh bổ sung, loại bỏ 308 hóa đơn nêu trên và đã nộp số tiền 2.107.170.826 đồng vào ngân sách Nhà nước. Do đó, Đào Thị Hồng L có hành vi "Mua bán trái phép" 308 hóa đơn GTGT.

Quỹ từ thiện Bông S có thư cảm ơn vì đã có ủng hộ hiện vật.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Đào Thị Hồng L 240.000.000 đồng đến 260.000.000đ

23. Năm 2021, 2022, Nguyễn Diệp Bích H1 là Tổng Giám đốc Công ty V3 đã liên hệ với cá nhân tên "Tuyền" mua 174 hóa đơn của 08 công ty do Nguyễn Minh T1 thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT, với tổng giá trị là 101.776.366.250 đồng, trong đó tiền hàng hóa dịch vụ là 92.542.152.000 đồng, tiền thuế là 9.234.214.250 đồng. Số tiền H1 đã trả để mua hóa đơn là 5.552.529.120 đ (tương đương với 6% giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn).

Sau khi mua 174 hóa đơn nêu trên, H1 đã sử dụng 167/174 hóa đơn với tổng giá trị là 97.722.263.750đ (tiền hàng là 88.847.512.500 đồng; thuế GTGT là 8.874.751.250 đồng) để kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty V3. H1 đã kê khai bổ sung điều chỉnh giảm 167 hóa đơn nêu trên và đã nộp đủ toàn bộ số tiền thuế GTGT vào ngân sách Nhà nước. Do đó, Nguyễn Diệp Bích H1 có hành vi "Mua bán trái phép" 167 hóa đơn GTGT.

Đã ủng hộ đồng bào thiệt hại do cơn bão số 3 vào tài khoản Ban vận động cứu

trợ Trung ương.
Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Diệp Bích H1 230.000.000 đồng đến 250.000.000 đồng.
24. Năm 2021, năm 2022, Đỗ Văn L1 là Giám đốc Công ty C2 đã liên hệ với người tên là "P1", mua 167 hóa đơn GTGT khống của 04 công ty do Nguyễn Minh T1 thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT, với tổng doanh số 27.782.702.758 đồng (trong đó tiền hàng 25.562.604.285 đồng, tiền thuế 2.220.098.473 đồng). Số tiền mua hóa đơn L1 thanh toán là 2.556.260.429 đồng.
Toàn bộ 167 hoá đơn GTGT đã được Công ty C2 kê khai thuế trong năm 2021, năm 2022. Đến tháng 10/2022 và tháng 7/2023, Công ty C2 đã kê khai điều chỉnh bổ sung, loại bỏ 167 hóa đơn nêu trên và đã nộp số tiền 101.000.000 đồng vào ngân sách Nhà nước. Do đó, Đỗ Văn L1 có hành vi "Mua bán trái phép" 167 hóa đơn GTGT.
Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Đỗ Văn L1 12-15 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 tháng đến 30 tháng.
25. Trong năm 2021 và 2022, Hồ Thị Mỹ N là Giám đốc Công ty B2 đã liên hệ với cá nhân mua 163 hóa đơn GTGT khống của 39 công ty do Nguyễn Minh T1 thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT, với tổng doanh số ghi trên hóa đơn là 16.507.743.770 đồng (Trong đó tiền hàng là 15.152.083.600 đồng, tiền thuế là 1.355.660.170 đồng). Tổng số tiền chi phí mua hóa đơn N đã trả cho bên bán hóa đơn là 575.779.176 đồng.
Đối với 163 hoá đơn nêu trên, Công ty B2 chỉ sử dụng 162 tờ hoá đơn GTGT với tổng doanh số ghi trên hóa đơn là 16.498.563.770 đồng (trong đó tiền hàng hóa dịch vụ là 15.143.583.600 đồng, tiền thuế GTGT là: 1.354.980.170 đồng) kê khai thuế trong năm 2021, 2022. Đến nay, Công ty B2 đã loại bỏ và kê khai điều chỉnh bổ sung giảm toàn bộ 162 hóa đơn GTGT trên và nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền 4.570.319.675 đồng. Do đó, Hồ Thị Mỹ N có hành vi "Mua bán trái phép" 162 hóa đơn GTGT.
UBND huyện D tặng giấy khen vì đã có thành tích đạt giải nhì, giải ba môn hóa học cấp tỉnh; Giám đốc Sở G2 tặng giấy khen đạt giải nhì, giải ba môn hóa học trong kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh…
Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Hồ Thị Mỹ N 230.000.000 đồng đến 250.000.000đ .
26. Trong năm 2021 và 2022, Đặng Chí K là Giám đốc Công ty K1 đã liên hệ với các cá nhân mua 161 hóa đơn GTGT khống của 11 công ty do Nguyễn Minh T1 thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT, với doanh số ghi trên hóa đơn là 88.837.321.800 đồng (trong đó tiền hàng hóa dịch vụ là 80.824.838.000 đồng, tiền thuế GTGT là 8.012.483.800 đồng). K đã trả cho bên bán hóa đơn số tiền là 4.849.490.280 đồng (tương đương với 6% giá trị tiền hàng chưa bao gồm thuế GTGT).

Đối với 161 hoá đơn GTGT, Công ty K1 chỉ sử dụng 116 hóa đơn GTGT với tổng doanh số ghi trên hóa đơn là 63.497.940.000 đồng (trong đó tiền hàng hóa dịch vụ là 57.725.400.000 đồng, tiền thuế GTGT là 5.772.540.000 đồng) để kê khai thuế trong năm 2021, 2022. Đến nay, Công ty K1 đã loại bỏ và kê khai điều chỉnh giảm đối với 161 hóa đơn nêu trên và nộp khắc phục vào Ngân sách Nhà nước số tiền là 7.532.393.210 đồng. Do đó, Đặng Chí K có hành vi "Mua bán trái phép" 116 hóa đơn GTGT.

Chủ tịch UBND xã A có Giấy khen có thành tích tích cực hỗ trợ chính sách an sinh; T2 cảm ơn vì gia đình đã giúp địa phương xây dựng căn nhà tình thương.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Đặng Chí K 230.000.000 đồng đến 250.000.000 đồng.

27. Trong năm 2021, Trang Duy P2 là Phó Giám đốc trực tiếp quản lý và điều hành Công ty T7 đã liên hệ với cá nhân tên "Thái Văn G" mua 138 hóa đơn GTGT khống của Công ty do Nguyễn Minh T1 thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT, với tổng giá trị là 20.692.376.413 đồng (trong đó: tiền hàng hóa 18.811.251.278 đồng; tiền thuế GTGT: 1.881.125.137 đồng). P2 đã trả số tiền 1.448.466.348 đồng cho bên bán hóa đơn.

Sau khi mua 138 hóa đơn GTGT nêu trên, P2 đã sử dụng kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty T7. Công ty đã kê khai bổ sung, điều chỉnh giảm thuế GTGT được khấu trừ đối với 138 hóa đơn trên và đã nộp đủ toàn bộ số tiền thuế GTGT vào ngân sách Nhà nước. Do đó, Trang Duy P2 có hành vi "Mua bán trái phép" 138 hoá đơn GTGT.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Trang Duy P2 230.000.000 đồng - 240.000.000đ

28. Trong năm 2021 và 2022, Triệu Thoại Q là Giám đốc Công ty N5 đã liên hệ với một cá nhân mua 133 hóa đơn GTGT khống của các công ty do Nguyễn Minh T1 thành lập để bán trái phép hóa đơn, với tổng doanh số 11.915.334.447 đồng (Tiền hàng: 10.872.813.770 đồng, tiền VAT: 1.042.520.677 đồng. Q đã trả số tiền mua hóa đơn là 434.000.000 đồng (tương đương 4% giá trị tiền hàng).

Sau khi mua 133 hóa đơn nêu trên, Q đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty N5. Tháng 3/2024, Q đã kê khai bổ sung điều chỉnh giảm 133/133 hóa đơn và đã nộp đủ toàn bộ số tiền thuế GTGT vào ngân sách Nhà nước. Do đó, Triệu Thoại Q có hành vi "Mua bán trái phép" 133 hoá đơn giá trị gia tăng.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Triệu Thoại Q 230.000.000 đồng - 240.000.000đ

29. Trong năm 2021 và 2022, Trần Thị Á là Thủ quỹ Công ty P3 đã liên hệ với cá nhân tên "N6" mua 103 hóa đơn GTGT khống của 21 công ty do Nguyễn Minh T1 thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT, với tổng doanh số ghi trên hóa đơn là 15.819.946.789 đồng (Trong đó, tiền hàng hóa, dịch vụ là 14.482.434.353 đồng, tiền thuế GTGT là 1.337.512.436 đồng). Tổng số tiền mua hóa đơn Á đã trả cho N1 là 1.013.770.404 đồng (tương đương với 7% giá

trị hàng hóa chưa bao gồm thuế GTGT).
Toàn bộ 103 hoá đơn GTGT của 21 Công ty nêu trên, đã được Công ty P3 kê khai thuế trong năm 2021, 2022. Đến ngày 09/01/2024, Công ty P3 đã kê khai điều chỉnh bổ sung, loại bỏ 103 hóa đơn trên và đến nay Công ty P3 đã nộp khắc phục vào Ngân sách Nhà nước số tiền là 4.629.849.790 đồng. Do vậy, Trần Thị Á có hành vi "Mua bán trái phép" 103 hóa đơn GTGT.
Có ông Trần Đức D (ông nội) được BCH Trung ương tặng Huy hiệu 40 năm tuổi Đảng; ông Lê Quý H2 (bố đẻ) được Giám đốc Công an tỉnh B tặng Giấy khen vì đã có thành tích trong phong trào T3 dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.
Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Trần Thị Á 230.000.000 đồng đến 240.000.000đ.
30. Nguyễn Trọng N2
31. Hoàng Thị V1
Trong năm 2021 2022, Nguyễn Trọng Nghĩa L2 Tổng Giám đốc Công ty F đã chỉ đạo Hoàng Thị V1 là Kế toán Công ty liên hệ với cá nhân tên "T4" mua 101 hóa đơn GTGT khống của 17 công ty do Nguyễn Minh T1 thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT, với tổng doanh số: 12.043.540.687 đồng (trong đó: tiền hàng hóa 11.019.609.752 đồng; tiền thuế GTGT: 1.023.930.935 đồng). N2 đã trả tiền mua hóa đơn tổng số tiền là 280.164.414 đồng (bằng 5% giá trị hàng hóa trên 59 hóa đơn đã chuyển khoản hợp thức).
Sau khi mua 101 hóa đơn nêu trên, công ty F đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào trong năm 2021, 2022; Công ty đã kê khai bổ sung loại trừ toàn bộ hóa đơn GTGT bất hợp pháp và đã nộp đủ toàn bộ số tiền thuế GTGT vào ngân sách Nhà nước. Do đó, Nguyễn Trọng N2 và Hoàng Thị V1 có hành vi "Mua bán trái phép" 101 hóa đơn GTGT.
Ông Nguyễn Trọng T5 (bác ruột) được tặng Huy hiệu 50 năm tuổi Đảng. UBND xã Y có thư cảm ơn vì đã ủng hộ khắc phục thiệt hại cơn bão số 3
Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng N2 230.000.000 đồng đến 240.000.000đ
Công ty TNHH F xác nhận đã ủng hộ bão lụt miền B năm 2024; Công ty TNHH F tặng Bằng khen nhân viên xuất sắc các năm 2021, 2022, 2023; bà Phạm Thị D1 (bà ngoại) được Chủ tịch nước tặng Huy chương kháng chiến hạng nhất, hạng nhì; ông Trần Quang D2 (ông ngoại) được tặng thưởng Huân chương chiến sỹ vẻ vang hạng nhì, hạng ba; ông Hoàng T6 (bác ruột) được chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhất, Huân chương chiến thắng hạng ba, Huân chương chiến sỹ vẻ vang hạng ba.
Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Hoàng Thị V1 210.000.000 đến 220.000.000.
32. Ngô Quốc N3.
33. Hà Hoàng Nguyên
Trong năm 2021, 2022, Ngô Quốc N3 là Giám đốc Công ty N7 được Hà Hoàng

N4 là Kế toán trưởng Công ty đề xuất, mua của người đàn ông tên là "M" 101 hóa đơn GTGT khống của 12 Công ty do Nguyễn Minh T1 thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT, với tổng doanh số 10.113.080.000 đồng (trong đó tiền hàng 9.194.310.000 đồng, tiền thuế 918.770.000 đồng). Số tiền mua hóa đơn phải thanh toán trả cho M là 800 triệu đồng.

Đối với 101 hoá đơn, Công ty N7 chỉ sử dụng 99 hóa đơn với tổng doanh số là 10.057.530.000 đồng (trong đó tiền hàng 9.143.810.000 đồng, tiền thuế 913.720.000 đồng) để kê khai thuế trong năm 2021, năm 2022. Đến tháng 6, tháng 7/2023, Công ty N7 đã kê khai điều chỉnh bổ sung, loại bỏ 99 hóa đơn nêu trên và đã nộp đủ toàn bộ số tiền thuế GTGT vào ngân sách Nhà nước. Do đó, Ngô Quốc N3 và Hà Hoàng N4 có hành vi "Mua bán trái phép" 99 hóa đơn GTGT.

Liệt sỹ Trần Văn B (là ông ngoại) được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Nhất; BCH huyện đoàn K2 tặng giấy khen có nhiều đóng góp trong vận động hỗ trợ công tác đoàn và phong trào thanh thiếu niên huyện K, có thư cảm ơn vì đã có quà tặng cho các hộ gia đình chính sách có hoàn cảnh khó khăn; Chủ tịch UBND xã S tặng giấy khen đã có thành tích xuất sắc trong công tác an sinh xã hội tại địa phương

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Ngô Quốc N3 230.000.000 đồng đến 240.000.000đ

Chủ tịch UBND xã S tặng Giấy khen đã có thành tích xuất sắc trong công tác An sinh xã hội tại đại phương; Hội Chữ thập đỏ tỉnh N có thư cảm ơn vì đã ủng hộ người có hoàn cảnh khó khăn; BCH Đoàn huyện K có thư cảm ơn vì đã có quà tặng cho các hộ gia đình chính sách có hoàn cảnh khó khăn, tặng Giấy khen có nhiều đóng góp trong vận động hỗ trợ công tác Đ1 và phong trào thanh thiếu niên huyện K; UBND xã S, huyện T, tỉnh T có thư cảm ơn đã ủng hộ kinh phí xây nhà tình thương; có thư cảm ơn hỗ trợ phần quà cho hộ chất độc da cam khuyết tật khó khăn; đã quyên góp ủng hộ nông phẩm trong thời gian phòng chống dịch Covid-19. Vì vậy Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, khoản 1, 2 Điều 51 BLHS. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Hà Hoàng N4 210.000.000đ -220.000.000đ

34. Trong năm 2022, Châu Thị G1 là Giám đốc Công ty K3 liên hệ được với một cá nhân tên "NK" mua 97 hóa đơn GTGT khống của 04 Công ty do Nguyễn Minh T1 thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT, với tổng doanh số hóa đơn là 100.685.033.236 đồng, trong đó, giá trị tiền hàng 93.003.840.050 đồng, thuế VAT là 7.681.193.186 đồng. Chi phí mua hóa đơn Công ty K3 đã phải thanh toán là 4.934.032.786 đồng.

Sau khi mua 97 hóa đơn nêu trên, G1 đã sử dụng toàn bộ 97 hóa đơn để kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty K3 và đã được hoàn thuế. Công ty K3 đã kê khai loại trừ toàn bộ 97 hóa đơn trên và đã nộp đủ toàn bộ số tiền thuế GTGT vào ngân sách Nhà nước. Do đó, Châu Thị G1 có hành vi "Mua bán trái phép" 97 hóa đơn GTGT.

UBND phường P có thư cảm ơn vì đã đóng góp cho công tác an sinh xã hội
Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Châu Thị G1 230.000.000 đồng đến 240.000.000đ.
35. Trong năm 2021 và 2022, Nguyễn Huỳnh Anh V2 là Giám đốc Cty Sen Việt đã liên hệ với cá nhân tên "Yến", "Tùng", "Đức" mua 96 hóa đơn GTGT khống của 14 Công ty do Nguyễn Minh Tú thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT, với tổng giá trị hóa đơn là 12.334.303.800 đồng (tiền hàng là 11.323.779.000 đồng, tiền thuế là 1.010.524.800 đồng). Vũ đã trả số tiền 84.000.000 đồng mua hoá đơn (tương đương với 4% giá trị tiền hàng).
Sau khi mua 96 hóa đơn GTGT nêu trên, Vũ đã sử dụng kê khai thuế đầu vào của Công ty Sen Việt. Tháng 5, tháng 6/2023, Công ty Sen Việt đã kê khai bổ sung, điều chỉnh giảm thuế GTGT được khấu trừ đối với 96 hóa đơn trên và đã nộp đủ toàn bộ số tiền thuế GTGT vào ngân sách Nhà nước. Do đó, Nguyễn Huỳnh Anh Vũ có hành vi "Mua bán trái phép" 96 hóa đơn GTGT.
Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. UBND phường 2 có thư cảm ơn vì đã tích cực trong công tác phòng chống dịch Covid-19 và giai đoạn phục hồi kinh tế giai đoạn 2021 đến nay.
Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Huỳnh Anh Vũ 230.000.000 đồng đến 240.000.000đ
36. Trong năm 2021 và 2022, Nguyễn Ngọc Xuân Quỳnh là Giám đốc Công ty Song An đã liên hệ với cá nhân tên "Mười" mua 93 hóa đơn GTGT khống của 22 công ty do Nguyễn Minh Tú thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT, với tổng doanh số ghi trên hóa đơn là 53.092.702.657 đồng (Trong đó, tiền hàng là 48.573.585.533 đồng, tiền thuế GTGT là: 4.519.117.124 đồng). Tổng số tiền Quỳnh đã trả cho Mười là 2.185.800.000 đồng (tương đương với 4,5% giá trị tiền hàng chưa bao gồm thuế GTGT).
Đối với 93 hoá đơn GTGT, Công ty Song An đã sử dụng để kê khai thuế trong năm 2021, 2022. Đến nay, Công ty Song An đã kê khai điều chỉnh bổ sung, loại bỏ 93 hóa đơn của 22 Công ty trên.
Ngoài ra, trong năm 2021, 2022, Quỳnh còn làm dịch vụ kế toán cho một số Doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh B nên Quỳnh đã thông qua Mười để liên hệ mua 43 hoá đơn GTGT cho 03 Công ty. Như vậy, thông qua Mười, Quỳnh đã mua tổng cộng 136 hóa đơn GTGT với tổng giá trị ghi trên hóa đơn là 95.722.404.157 đồng (Trong đó, tiền hàng hóa là 87.752.178.533 đồng, tiền thuế GTGT là 7.970.225.624 đồng).
Do đó, Nguyễn Ngọc Xuân Quỳnh có hành vi "Mua bán trái phép" 136 hóa đơn GTGT và còn phải tiếp tục nộp số tiền là 4.519.117.124 đồng vào ngân sách Nhà nước theo quy định của pháp luật.
Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Có ông Nguyễn Thanh Tú (bố đẻ) là thương binh và được Chủ tịch UBND quận Vò Gấp tặng giấy khen đạt Danh hiệu Gia đình cách mạng gương mẫu; tặng giấy khen Vì đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua yêu nước.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc Xuân Quỳnh 230.000.000 đồng đến 240.000.000đ.

37. Trong năm 2021 2022, Hoàng Thị Mai là phụ trách mua sắm vật tư Công ty Hùng Lộc đã liên hệ với cá nhân tên "Pham Van An" mua tổng số 90 hóa đơn GTGT khống của 04 công ty do Nguyễn Minh Tú thành lập để bán trái phép hóa đơn, với tổng doanh số: 9.532.217.661 đồng (trong đó: tiền hàng hóa: 8.824.213.000 đồng; tiền thuế GTGT: 833.941.660 đồng). Mai đã trả tiền mua hóa đơn tổng số tiền là 833.941.660 đồng (bằng tiền thuế trên 90 hóa đơn).

Sau khi mua 90 hóa đơn nêu trên, Mai đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của công ty Hùng Lộc trong năm 2021, 2022. Đến nay, công ty Hùng Lộc đã kê khai bổ sung loại toàn bộ 90 hóa đơn nêu trên và đã nộp đủ toàn bộ số tiền thuế GTGT vào ngân sách Nhà nước. Do đó, Hoàng Thị Mai có hành vi "Mua bán trái phép" 90 hóa đơn GTGT.

Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. ông Hoàng Quốc Hiệp (bố đẻ) được tặng Huy hiệu 55 tuổi Đảng; ông Hồ Ngọc Xuân (ông ngoại) được tặng Huân chương kháng chiến Hạng Ba.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Hoàng Thị Mai 230.000.000 đồng đến 240.000.000đ

38. Trong năm 2022, Nguyễn Thị Cẩm Tú là Giám đốc Công ty Cẩm Tú Tiến đã liên hệ với cá nhân tên "Tiến" mua tổng số 90 hóa đơn GTGT khống của 09 công ty do Nguyễn Minh Tú thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT, với tổng doanh số là 5.587.664.957 đồng (trong đó: tiền hàng hóa 5.589.391.913 đồng; tiền thuế GTGT: 497.233.083 đồng). Tú đã trả tiền mua hóa đơn số tiền là 178.225.000 đồng (bằng 3,5% giá trị hàng hóa trên hóa đơn).

Sau khi mua 90 hóa đơn nêu trên, Tú đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty Cẩm Tú Tiến trong năm 2022; Công ty đã kê khai bổ sung loại trừ toàn bộ hóa đơn GTGT bất hợp pháp và đã nộp đủ toàn bộ số tiền thuế GTGT vào ngân sách Nhà nước. Do đó, Nguyễn Thị Cẩm Tú có hành vi "Mua bán trái phép" 90 hóa đơn GTGT.

Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Cẩm Tú 240.000.000 đồng đến 250.000.000đ

39. Trong năm 2021 và 2022, Lê Bách Việt là Giám đốc Công ty Hoàng Việt đã liên hệ với một người đàn ông để mua 90 hóa đơn GTGT khống của 08 công ty do Nguyễn Minh Tú sử dụng để bán hóa đơn, với tổng giá trị là 13.410.413.340đ (trong đó tiền hàng là 12.282.877.000đ, tiền thuế là 1.127.536.340đ). Việt đã trả số tiền mua hoá đơn là 614.134.850đ (tương đương với 5%).

Sau khi mua 90 hóa đơn GTGT nêu trên, Công ty Hoàng Việt đã sử dụng kê khai thuế GTGT đầu vào. Tháng 06 năm 2023, Công ty đã kê khai bổ sung, điều chỉnh giảm thuế GTGT được khấu trừ đối với 90 hoá đơn trên và đã nộp đủ toàn

bộ số tiền thuế GTGT vào ngân sách Nhà nước. Do đó, Lê Bách Việt có hành vi "Mua bán trái phép" 90 hoá đơn GTGT.

Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Thư cảm ơn của UBMT Tổ quốc phường Tân Sơn Nhì đã đóng góp 10 triệu đồng ủng hộ hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo…; UBMT Tổ quốc phường 8 có thư cảm ơn đã ủng hộ quà chăm lo các hộ có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn phường; UBND phường Tam Phú có thư cảm ơn vì đã ủng hộ chăm lo cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn bị ảnh hưởng do dịch Covid 19; Hội chữ thập đỏ phường Tân Thới Hòa có thư cảm ơn vì đã ủng hộ nhân dân có hoàn cảnh khó khăn; Mặt trận tổ quốc Tân Thới Hòa có thư cảm ơn vì đã ủng hộ quỹ "Vì người nghèo"; Chủ tịch nước tặng Huy chương Kháng chiến hạng nhì cho ông Nguyễn Công Tảnh (bố vợ).

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Lê Bách Việt 230.000.000 đồng đến 240.000.000đ.

40. Trong năm 2021, năm 2022, Thủy Thanh Phương là Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty Home đã liên hệ với người đàn ông tên "Duy" để mua 88 hóa đơn GTGT khống của 18 Công ty do Nguyễn Minh Tú thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT, với tổng doanh số 7.222.956.420 đồng (trong đó tiền hàng là 6.582.222.000 đồng; tiền thuế là 640.734.420 đồng). Tổng số tiền mua hóa đơn Phương đã trả là 230.377.770 đồng.

Toàn bộ 88 hoá đơn GTGT đã được Công ty Home kê khai thuế trong năm 2021, năm 2022. Đến tháng 12/2022; Tháng 01, tháng 6, tháng 9, tháng 12/2023, Công ty đã kê khai điều chỉnh bổ sung, loại bỏ 88 hóa đơn nêu trên và đã nộp đủ toàn bộ số tiền thuế GTGT vào ngân sách Nhà nước. Do đó, Thủy Thanh Phương có hành vi "Mua bán trái phép" 88 hóa đơn GTGT.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Thủy Thanh Phương 230.000.000 đồng đến 240.000.000đ.

41. Năm 2021, 2022, Nguyễn Thị Nhi là Giám đốc Công ty Hâm Kiệt đã liên hệ với cá nhân tên "Cường" mua 84 hóa đơn GTGT khống của 17 Công ty do Nguyễn Minh Tú thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT, với tổng doanh số hóa đơn là 15.336.670.910 đồng, trong đó, giá trị tiền hàng 13.984.308.100 đồng, thuế VAT là 1.352.362.810 đồng. Chi phí mua hóa đơn Công ty Hâm Kiệt đã thanh toán là 791.334.744 đồng.

Sau khi mua 84 hóa đơn nêu trên, Nhi đã sử dụng toàn bộ 84 hóa đơn để kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty Hâm Kiệt. Nhi đã kê khai bổ sung điều chỉnh giảm 84 hóa đơn trên và đã nộp đủ toàn bộ số tiền thuế GTGT vào ngân sách Nhà nước. Do đó, Nguyễn Thị Nhi có hành vi "Mua bán trái phép" 84 hóa đơn GTGT.

Bị cáo bị bệnh ung thư.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Nhi 200.000.000 đồng đến 210.000.000đ.

42. Trong năm 2021 và năm 2022, Nguyễn Thị Hải là Chủ tịch hội đồng kiêm Giám đốc Công ty Lê Anh Phát đã giao cho kế toán dịch vụ tên là "Ngô Tường Vy" liên hệ mua 90 hóa đơn GTGT khống của các công ty do Nguyễn Minh Tú thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT, với tổng doanh số 12.444.909.866 đồng (trong đó tiền hàng 11.434.881.060 đồng, tiền thuế 1.010.028.806 đồng). Hải đã trả số tiền mua hóa đơn là 946.464.006 đồng.

Đối với 90 hoá đơn GTGT nêu trên, Công ty Lê Anh Phát chỉ sử dụng 83 hóa đơn GTGT với tổng doanh số là 11.586.785.066 đồng (trong đó tiền hàng 10.640.321.060 đồng, tiền thuế 946.464.006 đồng) để kê khai thuế trong năm 2021, năm 2022. Đến tháng 4/2022; Tháng 7, tháng 8/2023 và tháng 03/2024, Công ty Lê Anh Phát đã kê khai điều chỉnh bổ sung, loại bỏ 83 hóa đơn nêu trên và đã nộp số tiền 433.196.756 đồng vào ngân sách Nhà nước. Do đó, Nguyễn Thị Hải có hành vi "Mua bán trái phép" 83 hóa đơn GTGT.

Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Ban Thường vụ Hội liên hiệp Phụ nữ thành phố Biên Hòa tặng giấy khen vì có thành tích xuất sắc trong công tác hội và phong trào phụ nữ; đã ủng hộ Trung tâm nhân đạo Làng Tre nuôi dạy trẻ cô nhi khuyết tật, người già neo đơn; BCH Quân sự phường Long Bình có thư cảm ơn vì đã đóng góp ủng hộ động viên tinh thần thanh niên tình nguyện tham gia nhập ngũ; ông Nguyễn Duy Phạm (cậu ruột) được Tổ quốc ghi công liệt sỹ, được tặng Huy chương kháng chiến Hạng Nhất; bà Nguyễn Thị Phạm (mẹ đẻ) được tặng Huy chương kháng chiến Hạng Nhất..

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Hải 230.000.000 đồng đến 240.000.000đ.

43. Trong năm 2021, 2022, Lê Thị Kim Loan là Giám đốc Công ty Hồ Lê Gia đã liên hệ với 03 cá nhân tên "Duy"; "Sơn"; "Bình" mua tổng số 82 hóa đơn GTGT khống của 12 công ty do Nguyễn Minh Tú thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT, với tổng doanh số là 33.391.709.527 đồng (trong đó tiền hàng hóa dịch vụ là 30.710.503.551 đồng; tiền thuế GTGT: 2.681.205.976 đồng). Loan đã trả tiền mua hoá đơn là 1.427.306.318 đồng.

Sau khi mua 82 hóa đơn GTGT nêu trên, Loan đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty Hồ Lê Gia trong năm 2021, 2022. Tháng 02/2024, Công ty Hồ Lê Gia đã làm thủ tục kê khai bổ sung, điều chỉnh loại bỏ toàn bộ 82 hóa đơn nêu trên ra khỏi tờ khai thuế và đã nộp đủ toàn bộ số tiền thuế GTGT vào ngân sách Nhà nước. Do đó, Lê Thị Kim Loan có hành vi "Mua bán trái phép" 82 hóa đơn GTGT.

UBMTTQ xã Vĩnh Hanh có giấy cảm tạ vì đã đóng góp quỹ xây dựng cầu đường xã Vĩnh Hanh; Công đoàn cơ sở Hội Nhà báo thành phố H có thư cảm ơn vì đã tham gia chương trình ca nhạc thiện nguyện; UBND xã Thạch Phú Đông có giấy ghi ơn đã hỗ trợ kinh phí xây dựng nhà tình thương cho hộ nghèo của xã; Chủ tịch nước tặng Huy chương Chiến sỹ vẻ vang hạng Ba cho Trần Quang Vũ (chồng); Chủ tịch nước tặng Huy chương Kháng chiến Hạng Nhất cho ông Lê Viết Cường (bố đẻ), Chủ tịch nước tặng Huân chương Kháng chiến Hạng Ba, được tặng Huy hiệu 30 năm tuổi Đảng, Đảng bộ xã Ngọk Vang tặng giấy khen

đảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, Chủ tịch UBND xã Ngọk Vang tặng giấy khen đã có thành tích xuất sắc trong công tác Mặt trận thôn.
Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Lê Thị Kim Loan 230.000.000 đồng đến 240.000.000đ.
44. Trong năm 2021 2022, Dương Thị Kim Chung là Giám đốc Công ty Kim Chung đã liên hệ với cá nhân tên "Hùng" mua 78 hóa đơn GTGT khống của 16 công ty do Nguyễn Minh Tú thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT, với tổng doanh số: 13.987.538.423 đồng (trong đó: tiền hàng hóa: 12.718.634.930 đồng; tiền thuế GTGT: 1.268.903.493 đồng). Chung đã trả tiền mua hóa đơn tổng số tiền là 635.931.000 đồng (bằng 5% giá trị hàng hóa).
Sau khi mua 78 hóa đơn nêu trên, Chung đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của công ty Kim Chung trong năm 2021, 2022. Đến nay, công ty Kim Chung đã kê khai bổ sung loại toàn bộ 78 hóa đơn nêu trên.
Do đó, Dương Thị Kim Chung có hành vi "Mua bán trái phép" 78 hóa đơn GTGT;
Bà Huỳnh Thị Vinh (mẹ chồng) được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Nhì, tặng thưởng Huân chương kháng chiến công hạng ba; được Hội cựu chiến binh Quận 9 tặng danh hiệu Cựu chiến binh gương mẫu; được tặng huy hiệu 45 năm tuổi Đảng; ông Nguyễn Văn Ngọc (bố chồng) được tặng huy hiệu 55 năm tuổi Đảng; được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhất.
Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Dương Thị Kim Chung 230.000.000 đồng đến 240.000.000đ
45. Lê Nhung.
46. Nguyễn Thị Thái Hằng
Trong năm 2021, 2022, Lê Nhung là Giám đốc Công ty Thành Đạt đã giao cho Nguyễn Thị Thái Hằng là kế toán Công ty tìm hóa đơn. Sau đó, Hằng liên hệ với Nguyễn Thị Nguyệt mua 111 hóa đơn GTGT khống của 12 Công ty do Nguyễn Minh Tú thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT, với tổng doanh số hóa đơn là 16.137.627.013 đồng, trong đó, giá trị tiền hàng là 14.635.849.052 đồng, thuế VAT là 1.253.329.161 đồng. Chi phí mua hóa đơn mà Nhung đã phải trả là 520.235.242 đồng (tương đương 3.5% doanh số tiền hàng).
Sau khi mua 111 hóa đơn nêu trên, Nhung chỉ sử dụng 76/111 hóa đơn với tổng doanh số hóa đơn là 15.889.178.213 đồng, trong đó giá trị hàng trước thuế là 14.635.849.052 đồng, tiền thuế VAT là 1.253.329.161 đồng để kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty Thành Đạt. Nhung đã kê khai bổ sung loại bỏ 76 hóa đơn này và đã nộp đủ toàn bộ số tiền thuế GTGT vào ngân sách Nhà nước.
Do đó, Lê Nhung và Nguyễn Thị Thái Hằng có hành vi "Mua bán trái phép" 76 hóa đơn GTGT.
Chủ tịch UBND xã Quế An tặng giấy khen vì đã có thành tích vận động xây dựng quê hương; UBND phường Thanh Xuân biểu dương Người tốt việc tốt vì đã có thành tích xuất sắc trong cuộc vận động Toàn dân đoàn kết xây dựng đời

sống văn hóa; UBND xã Quế Minh ghi nhận tấm lòng vàng vì đã ủng hộ cho người nghèo xã Quế Minh; Chủ tịch UBND tỉnh Q chứng nhận Doanh nhân tiêu biểu của hội đồng hương Q - Đà Nẵng; Hội chữ thập đỏ có thư cảm ơn vì đã tích cực đóng góp quỹ hoạt động xã hội nhân đạo…

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Lê Nhung 230.000.000 đồng đến 240.000.000đ

Bị cáo có ông Nguyễn Như Thiết (bố đẻ) được Chủ tịch UBND huyện Quế Sơn tặng danh hiệu Lao động tiên tiến đã có thành tích xuất sắc nhiệm vụ công tác; Trung ương hội chữ thập đỏ Việt nam tặng Kỷ niệm chương vì sự nghiệp nhân đạo; Hội chữ thập đỏ tỉnh Q tặng Giấy khen; Liệt sỹ Nguyễn Ký (ông nội) được Tổ quốc ghi công; Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương giải phóng hạng ba.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thái Hằng 210.000.000 đồng đến 230.000.000đ

47. Trong năm 2021 và 2022, Hoàng Thị Minh Hà là Giám đốc Công ty HPC thông qua nam thanh niên tên "Hợp" mua 75 hoá đơn GTGT khống của 06 Công ty do Nguyễn Minh Tú thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT, với tổng doanh số là 23.051.443.118 đồng (trong đó tiền hàng 20.955.857.380 đồng, tiền thuế 2.095.585.738 đồng). Số tiền mua hóa đơn là 700 triệu đồng.

Toàn bộ 75 hoá đơn GTGT đã được Công ty HPC kê khai thuế trong năm 2021, năm 2022. Đến tháng 4/2024, Công ty HPC đã kê khai điều chỉnh bổ sung, loại bỏ 75 hóa đơn nêu trên và đã nộp số tiền 606.312.707 đồng vào ngân sách Nhà nước. Do đó, Hoàng Thị Minh Hà có hành vi "Mua bán trái phép" 75 hóa đơn GTGT.

Bị cáo có bố đẻ là ông Hoàng Đạo được chủ tịch nước tặng Huân chương kháng chiến hạng nhất, Huân chương lao động hạng Nhì; Tổng giám đốc ngân hàng nhà nước tặng bằng khen.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Hoàng Thị Minh Hà 230.000.000 đồng đến 240.000.000đ

48. Trong năm 2021 và 2022, Võ Hoàn Hải là Giám đốc Công ty Lan Hùng Phát đã liên hệ với cá nhân tên "Dương" mua 75 hóa đơn GTGT khống của 06 Công ty do Nguyễn Minh Tú thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT, với tổng giá trị hóa đơn là 24.792.497.500 đồng (trong đó: tiền hàng hóa, dịch vụ 22.538.634.091 đồng; tiền thuế GTGT: 2.253.863.409 đồng). Hải đã trả số tiền mua hoá đơn là 1.983.399.800 đồng.

Sau khi mua 75 hóa đơn GTGT nêu trên, Hải đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty Lan Hùng Phát. Do đó, Võ Hoàn Hải có hành vi "Mua bán trái phép" 75 hoá đơn GTGT.

Đề nghị Chi cục thuế khu vực Biên Hòa - Vĩnh Cửu ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Võ Hoàn Hải về hành vi "Trốn thuế" 27 triệu đồng.

Bị cáo ông Phạm văn Gắt (bố vợ) được tặng Huy hiệu 40 năm tuổi đảng; có chị

Phạm Thị Hồng Thúy (vợ) được thư cảm ơn của UBMT Tổ quốc phường Tam Phước vì đã gửi và hỗ trợ quà cho các em nhỏ nhân ngày Tết trung thu; có nhiều đóng góp trong công tác phòng chống dịch Covid-19 trên địa bàn khu phố; đã có nhiều đóng góp hỗ trợ bóng đèn chiếu sáng, công tác an sinh xã hội trên địa bàn khu phố T, phường T.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Võ Hoàn H 230.000.000 đồng đến 240.000.000đ.

49. Trong thời gian năm 2021 và đầu năm 2022, Phạm Huỳnh Tố N là Giám đốc Công ty T8 thông qua cá nhân tên là "S" mua 74 hóa đơn GTGT khống của 04 công ty do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT, với tổng doanh số 36.384.755.711 đồng (trong đó tiền hàng 34.652.148297 đồng, tiền thuế 1.732.607.414 đồng). Số tiền Như mua hóa đơn là khoảng 400 triệu đồng.

Toàn bộ 74 hoá đơn GTGT đã được Công ty T8 kê khai thuế trong năm 2021, năm 2022. Tháng 10/2023, Công ty T8 đã kê khai điều chỉnh bổ sung, loại bỏ 74 hóa đơn nêu trên và đã nộp đủ toàn bộ số tiền thuế GTGT vào ngân sách Nhà nước. Do đó, Phạm Huỳnh Tố N có hành vi "Mua bán trái phép" 74 hóa đơn GTGT.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Phạm Huỳnh Tố N 240.000.000 đồng đến 250.000.000đ

50. Năm 2021, 2022, Vũ Văn C là Giám đốc Công ty B2 đã liên hệ với cá nhân tên "H1" mua 73 hóa đơn GTGT khống của 10 Công ty do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT, với tổng doanh số hóa đơn là 7.492.040.729 đồng, trong đó giá trị hàng trước thuế là 6.863.092.195 đồng, tiền thuế VAT là 628.948.534 đồng. Chi phí C mua hóa đơn là 352.320.671 đồng.

Sau khi mua 73 hóa đơn nêu trên, C đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty B2. C đã kê khai bổ sung điều chỉnh giảm 73 hóa đơn trên và đã nộp đủ toàn bộ số tiền thuế GTGT vào ngân sách Nhà nước. Do đó, Vũ Văn C có hành vi "Mua bán trái phép" 73 hóa đơn GTGT.

Năm 2021, gia đình ủng hộ coovid 19 về tiền, vật chất.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Vũ Văn C 230.000.000 đồng đến 240.000.000đ.

51. Trong năm 2021, 2022, Nguyễn Tuấn K là Giám đốc Công ty H6 đã liên hệ với một người đàn ông và mua 73 hóa đơn GTGT khống của 18 Công ty do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT, với tổng doanh số hóa đơn là 26.169.495.074 đồng, trong đó giá trị hàng trước thuế là 23.836.392.166 đồng, tiền thuế VAT là 2.333.102.908 đồng. Chi phí mua hóa đơn mà K đã trả là 834.273.726đ.

Sau khi mua 73 hóa đơn nêu trên, K đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty H6. K đã kê khai bổ sung điều chỉnh giảm 73 hóa đơn trên và đã nộp đủ toàn bộ số tiền thuế GTGT vào ngân sách Nhà nước. Do đó, Nguyễn

Tuấn K có hành vi "Mua bán trái phép" 73 hóa đơn GTGT.
Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Tuấn K 240.000.000 đồng đến 250.000.000đ
52. Bùi Quang L.
53. Nguyễn Thị Thanh T1.
Trong năm 2021 và 2022, Bùi Quang L là Tổng Giám đốc Công ty C2 đã giao cho Nguyễn Thị Thanh T1 liên hệ với một cá nhân là nam giới, mua 72 hóa đơn GTGT khống của các công ty do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT, với tổng doanh số 40.178.572.903 đồng. T1 đã trả số tiền mua hóa đơn là khoảng hơn 03 tỷ đồng (tương đương từ 6% đến 10% giá trị tiền hàng).
Sau khi mua 72 hóa đơn nêu trên, L đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty C2. Tháng 6/2023 và tháng 3/2024, L đã kê khai bổ sung điều chỉnh giảm 72/72 hóa đơn và đã nộp đủ toàn bộ số tiền thuế GTGT vào ngân sách Nhà nước. Do đó, Bùi Quang L, Nguyễn Thị Thanh T1 có hành vi "Mua bán trái phép" 72 hoá đơn giá trị gia tăng.
Ủng hộ Làng trẻ em S2 số tiền 7.200.000đ; Bà Phạm Thị L1 (bà N1) được Chủ tịch nước trao tặng Bà M Việt nam anh hùng; Liệt sỹ Bùi Thị H2 (cô ruột) được Tổ quốc ghi công; bà Bùi Thị B (mẹ đẻ) được tặng Huy hiệu 40 năm tuổi đảng.
Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Bùi Quang L 230.000.000 đồng đến 240.000.000đ
Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thanh T1 210.000.000 đồng đến 230.000.000đ.
54. Trong năm 2021, 2022, Nguyễn Thị Thúy M1 là Kế toán trưởng Công ty V3 đã liên hệ với cá nhân tên "V" mua 72 hóa đơn GTGT khống của 04 công ty do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT với tổng doanh số là 22.853.982.606 đồng (trong đó: tiền hàng hóa: 20.871.178.260 đồng; tiền thuế GTGT: 1.982.804.346 đồng). M1 đã trả số tiền mua hoá đơn là 730.491.239 đồng.
Sau khi mua 72 hóa đơn nêu trên, M1 đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của công ty V3 trong năm 2021, 2022. Công ty V3 đã nộp đủ số tiền GTGT phát sinh sau khi kê khai điều chỉnh vào ngân sách Nhà nước, vì vậy không còn thiệt hại về thuế. Do đó, Nguyễn Thị Thúy M1 có hành vi "Mua bán trái phép" 72 hóa đơn GTGT.
Đã ủng hộ đồng bào bị ảnh hưởng bởi cơn bão số 3 năm 2024 vào tài khoản của UBMT Tổ quốc tỉnh P số tiền là 5 triệu đồng; có ông Nguyễn Duy P tham gia Binh chủng đặc công được tặng tặng các huy hiệu của bộ đội đặc công; có chị Nguyễn Thị Phương T2 (chị ruột) được Chủ tịch UBND thành phố H tặng Bằng khen vì đã có thành tích góp phần vào phong trào thi đua của thành phố.
Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thúy M1 230.000.000 đồng đến 240.000.000đ

55. Trần Duy Q

56. Hà Triều Trung

Năm 2021, 2022 Trần Duy Q là Giám đốc Công ty Á và Hà Triều T3 đã thống nhất việc mua hóa đơn GTGT khống. Sau đó Quang thông qua người có tài khoản nick "N2" để mua 72 hóa đơn GTGT của 10 Công ty do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT, với tổng doanh số 16.705.416.870 đồng (trong đó tiền hàng 15.283.733.700 đồng, tiền thuế 1.421.683.170 đồng). Số tiền mua hóa đơn phải thanh toán là 611.349.348 đồng.

Toàn bộ 72 hoá đơn GTGT đã được Công ty Á kê khai thuế trong năm 2021, năm 2022. Đến tháng 6, tháng 10/2023, Công ty Á đã kê khai điều chỉnh bổ sung, loại bỏ 72 hóa đơn nêu trên và đã nộp đủ toàn bộ số tiền thuế GTGT vào ngân sách Nhà nước. Do đó, Trần Duy Q và Hà Triều T3 có hành vi "Mua bán trái phép" 72 hóa đơn GTGT.

Ủy ban mặt trận tổ quốc phường L có thư cảm ơn đã có ủng hộ vật chất cho các hoàn cảnh khó khăn; ủng hộ các chị em phụ nữ có hoàn cảnh khó khăn; ủng hộ vật chất và tinh thần cho các em học sinh có hoàn cảnh khó khăn.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Trần Duy Q 230.000.000 đồng đến 240.000.000đ

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Hà Triều T3 220.000.000 đồng đến 230.000.000đ

57. Trong năm 2021 và 2022, Lâm Quốc Đ là Chủ tịch kiêm giám đốc Công ty H7 đã liên hệ với cá nhân tên "H3" mua 67 hóa đơn GTGT khống của 13 Công ty do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT, với tổng giá trị hóa đơn là 12.221.741.404 đồng (trong đó: tiền hàng hóa 11.170.707.640 đồng; tiền thuế GTGT: 1.051.033.764 đồng). Đ đã trả số tiền mua hoá đơn là 781.949.000 đồng (tương đương 7% giá trị tiền hàng).

Sau khi mua 67 hóa đơn GTGT nêu trên, Đ đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty H7. Công ty H7 đã kê khai bổ sung, điều chỉnh giảm thuế GTGT được khấu trừ đối với 67 hóa đơn trên. Do đó, Lâm Quốc Đ có hành vi "Mua bán trái phép" 67 hoá đơn GTGT.

Bị cáo ông Lê Văn V1 (ông ngoại) là thương binh; đã ủng hộ khắc phục cơn bão số 3 năm 2024 số tiền 5 triệu đồng.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Lâm Quốc Đ 230.000.000 đồng đến 240.000.000đ

58. Trong năm 2021, 2022, Lâm V2 là Giám đốc Công ty I1 đã chỉ đạo kế toán dịch vụ tên "Hợp" liên hệ với cá nhân tên "Q1" mua 66 hóa đơn GTGT khống của 05 công ty do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT, với tổng doanh số 16.824.238.378 đồng (trong đó: tiền hàng hóa: 15.307.802.014 đồng; tiền thuế GTGT: 1.516.436.364 đồng). V2 đã trả tiền mua hóa đơn tổng số tiền là 1.047.217.221 đồng (bằng 7% tiền hàng ghi trên 66 hóa đơn đã chuyển khoản hợp thức).

Sau khi mua 66 hóa đơn nêu trên, công ty I1 đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của công ty trong năm 2021, 2022. Đến nay, công ty đã kê khai bổ sung loại toàn bộ 66 hóa đơn nêu trên và đã nộp đủ toàn bộ số tiền thuế GTGT vào ngân sách Nhà nước. Do đó, Lâm V2 có hành vi "Mua bán trái phép" 66 hóa đơn GTGT.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Lâm V2 240.000.000 đồng đến 250.000.000đ.

59. Trong năm 2021, 2022, Nguyễn Thị Hồng O là Trưởng Phòng Tài chính, kế toán của Công ty T9 đã liên hệ với cá nhân tên "N5" mua 64 hóa đơn GTGT khống của 07 công ty do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT với tổng doanh số là 11.643.828.030 đồng (trong đó: tiền hàng hóa: 10.613.515.043 đồng; tiền thuế GTGT: 1.030.312.987 đồng). O đã trả tiền mua hóa đơn là 636.810.903 đồng (tương đương 6% giá trị tiền hàng).

Sau khi mua 64 hóa đơn GTGT nêu trên, O đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của công ty T9 trong năm 2021, 2022. Ngày 15/8/2023 và ngày 23/8/2023 Công ty T9 đã làm thủ tục kê khai bổ sung, điều chỉnh loại bỏ toàn bộ 64 hóa đơn nêu trên ra khỏi tờ khai thuế và đã nộp đủ toàn bộ số tiền thuế GTGT vào ngân sách Nhà nước. Do đó, Nguyễn Thị Hồng O có hành vi "Mua bán trái phép" 64 hóa đơn GTGT.

Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Có chị Nguyễn Thị Vân A (chị gái) được UBND tỉnh Đ tặng Bằng khen vì đã đạt giải nhì cuộc thi tìm hiểu 70 năm ngày truyền thống Công an nhân dân; Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh Đ tặng Bằng khen vì đã có thành tích xuất sắc trong công tác phối hợp nghị quyết; Bộ trưởng Bộ C3 tặng Bằng khen vì đã có thành tích xuất sắc trong công tác phòng chống ma túy. Có ông Nguyễn Cao C1 (anh trai) được Chủ tịch nước C4 tặng Huy chương chiến sỹ vẻ vang hạng Nhất, Nhì, Ba; UBND thành phố B tặng giấy khen vì đã có thành tích xuất sắc trong tháng an toàn giao thông; Ban An toàn giao thông tỉnh Đ tặng Bằng khen vì đã có thành tích xuất sắc trong đảm bảo an toàn giao thông; Giám đốc Công an tỉnh Đ tặng Chiến sỹ tiên tiến.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Hồng O 230.000.000 đồng đến 240.000.000đ

60. Trong năm 2021, 2022, Trần Thị Thanh T4 là kế toán trưởng và người điều hành hoạt động kinh doanh Công ty P2, thông qua cá nhân tên "T5" mua 64 hóa đơn GTGT khống của 03 Công ty do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT, với tổng doanh số 32.285.182.000 đồng (trong đó tiền hàng 29.641.350.000 đồng, tiền thuế 2.643.832.000 đồng). Số tiền mua hóa đơn là 2.373.140.000 đồng.

Toàn bộ 64 hoá đơn GTGT đã được Công ty P2 kê khai thuế trong năm 2021, năm 2022. Đến tháng 11/2023, Công ty P2 đã kê khai điều chỉnh bổ sung, loại bỏ 64 hóa đơn nêu trên và đã nộp số tiền 62.000.000 đồng vào ngân sách Nhà nước. Do đó, Trần Thị Thanh T4 có hành vi "Mua bán trái phép" 64 hóa đơn GTGT.

Bị cáo có bà Đào Thị L2 (bác ruột) được Tổ quốc ghi công liệt sỹ.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản Điều 65 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Thị Thanh T4 18-24 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 đến 48 tháng.

61. Trong năm 2021 và 2022, Nguyễn Thành N3 là trực tiếp quản lý, điều hành Công ty D2 Biển đã liên hệ với cá nhân tên "T6" mua 63 hóa đơn GTGT khống của 06 Công ty do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT, với tổng giá trị hóa đơn là 17.975.544.831 đồng (trong đó: tiền hàng hóa 16.503.633.670 đồng; tiền thuế GTGT: 1.471.911.161 đồng). N3 đã trả số tiền mua hoá đơn là 431.413.075 đồng (tương đương 2,4% giá trị tiền hàng).

Sau khi mua 63 hóa đơn GTGT nêu trên, N3 đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty D2 Biển. Công ty đã kê khai bổ sung, điều chỉnh giảm thuế GTGT được khấu trừ đối với 63 hóa đơn trên và đã nộp đủ toàn bộ số tiền thuế GTGT vào ngân sách Nhà nước. Do đó, Nguyễn Thành N3 có hành vi "Mua bán trái phép" 63 hoá đơn GTGT.

Được UBMTTQ xã V4 "Người tốt, việc tốt" năm 2021, 2024; Được Chủ tịch UBND phường B B công nhận danh hiệu "Gia đình Văn Hóa"; Có bà Dương Thị N4 (mẹ đẻ) được Chủ tịch nước C4 tặng Huy chương kháng chiến hạng Nhất; có ông Nguyễn Ngọc I được Hội đồng nhà nước nước CHXHCN Việt Nam tặng Huân chương kháng chiến hạng nhất, Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa tặng Huy chương chiến thắng hạng Nhất, được tặng Huy hiệu 50 năm tuổi Đảng.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thành N3 230.000.000 đồng đến 240.000.000đ.

62. Trong năm 2021, 2022, Võ Văn B1 là Giám đốc Công ty B3 đã liên hệ với cá nhân tên "L3" mua tổng số 64 hóa đơn GTGT khống của 17 công ty do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn, với tổng doanh số là 10.599.396.932 đồng (trong đó: tiền hàng hóa 9.641.829.200 đồng; tiền thuế GTGT: 957.567.732 đồng). Báu đã trả tiền mua hóa đơn là 430.309.314 đồng (bằng 4,5% giá trị hàng hóa trên hóa đơn).

Sau khi mua 64 hóa đơn nêu trên, B1 đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của công ty B3 trong năm 2021, 2022 và đã kê khai bổ sung loại trừ toàn bộ hóa đơn GTGT bất hợp pháp.

Do đó, Võ Văn B1 có hành vi "Mua bán trái phép" 64 hóa đơn GTGT;

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Võ Văn B1 240.000.000 đồng đến 250.000.000đ

63. Trong năm 2021 và 2022, Nguyễn Phan Hoàng L4 là Giám đốc Công ty T10 đã liên hệ với cá nhân tên "P1" mua 63 hóa đơn GTGT khống của 04 công ty do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn, với tổng doanh số ghi trên hóa đơn là 9.813.299.116 đồng (trong đó tiền hàng hóa dịch vụ là 9.019.257.456 đồng, tiền thuế GTGT là: 794.041.660 đồng). Tổng số tiền L4 mua hóa đơn là 542.537.751 đồng, tương đương với 6% giá trị hàng hóa chưa bao gồm thuế GTGT.

Toàn bộ 63 hoá đơn GTGT đã được Công ty T10 kê khai thuế trong năm 2021, 2022. Đến ngày 28/3/2024, Công ty T10 đã kê khai điều chỉnh bổ sung, loại bỏ 63 hóa đơn. Do đó, Nguyễn Phan Hoàng L4 có hành vi "Mua bán trái phép" 63 hóa đơn GTGT.

Có ông Lương Minh S1 (bố vợ) thương binh loại A.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Phan Hoàng L4 230.000.000 đồng đến 240.000.000đ.

64. Trong năm 2022, Nguyễn Văn H4 là Giám đốc Công ty K1 đã liên hệ với Huỳnh Nguyễn Gia H5 để mua 61 hóa đơn GTGT khống của 08 Công ty do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn, với tổng giá trị là 54.048.881.880 đồng (tiền hàng hóa: 49.775.886.000 đồng; tiền thuế GTGT: 4.272.995.880 đồng). H4 đã trả số tiền mua hóa đơn là 686.826.809 đồng.

Sau khi mua 61 hóa đơn GTGT nêu trên, H4 đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty K1. Công ty K1 đã kê khai bổ sung, điều chỉnh giảm thuế GTGT được khấu trừ đối với 61 hóa đơn trên. Do đó, Nguyễn Văn H4, có hành vi "Mua bán trái phép" hoá đơn GTGT.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H4 240.000.000 đồng đến 250.000.000đ

65. Năm 2021, 2022, Đinh Tấn T7 là Giám đốc Trung tâm P3 đã liên hệ với cá nhân tên "D" mua 58 hóa đơn GTGT khống của 08 Công ty do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn, với tổng doanh số hóa đơn là 27.919.879.414 đồng, trong đó giá trị hàng trước thuế là 25.397.163.565 đồng, tiền thuế VAT là 2.522.715.849 đồng. Số tiền T7 đã trả để mua hóa đơn là 761.914.907 đồng (tương đương với 3% giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn).

Sau khi mua 58 hóa đơn, T7 đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của Trung tâm P3. T7 đã kê khai bổ sung điều chỉnh giảm 60 hóa đơn trên và đã nộp đủ toàn bộ số tiền thuế GTGT vào ngân sách Nhà nước. Do đó, Đinh Tấn T7 có hành vi "Mua bán trái phép" 58 hóa đơn GTGT.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Đinh Tấn T7 230.000.000 đồng đến 240.000.000đ.

66. Trong năm 2021 và 2022, Nguyễn Hoàng D1 là Giám đốc Công ty T11 đã liên hệ với cá nhân tên "V2" mua 57 hóa đơn GTGT khống của 05 công ty do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn, với tổng doanh số 11.406.613.320 đồng (Tiền hàng: 10.383.013.426 đồng, tiền thuế: 1.023.599.894 đồng. D1 đã trả số tiền mua hóa đơn là 726.000.000 đồng (tương đương 7% giá trị tiền hàng).

Sau khi mua 63 hóa đơn, D đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty. Tháng 6/2023, D đã kê khai bổ sung điều chỉnh giảm 63/63 hóa đơn và đã nộp đủ toàn bộ số tiền thuế GTGT vào ngân sách Nhà nước. Do đó, Nguyễn Hoàng D có hành vi "Mua bán trái phép" 57 hoá đơn giá trị gia tăng .

Có ông Hoàng Bá D1 (ông ngoại) được tặng Kỷ niệm chương kháng chiến

chống Mỹ, được tặng Huy chương Cựu chiến binh Việt Nam; được tặng Huy hiệu 65 năm tuổi Đảng.
Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng D 230.000.000 đồng đến 240.000.000đ.
67. Trong năm 2022, Phạm Thị T là Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc Công ty H9 đã liên hệ với cá nhân tên "P" mua tổng số 57 hóa đơn GTGT khống của 06 công ty do Nguyễn Minh T1 thành lập để bán trái phép hóa đơn, với tổng doanh số 13.893.793.361 đồng (trong đó: tiền hàng hóa 12.851.413.664 đồng; tiền thuế GTGT: 1.042.379.697 đồng). Công ty đã trả tiền mua hóa đơn số tiền là 1.028.113.000 đồng (bằng 8% tiền hàng ghi trên hóa đơn).
Sau khi mua 57 hóa đơn nêu trên, công ty H9P1 đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của công ty tại trong năm 2022. Đến nay, công ty H9 đã kê khai bổ sung loại toàn bộ 57 hóa đơn nêu trên và đã nộp đủ toàn bộ số tiền thuế GTGT vào ngân sách Nhà nước. Do đó, Phạm Thị T có hành vi "Mua bán trái phép" 57 hóa đơn GTGT.
Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Phạm Thị T 230.000.000 đồng đến 240.000.000đ.
68. Trong năm 2021 và 2022, Đặng Thị Bích L là Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc HTX Nguyễn H2 đã liên hệ với cá nhân tên "H5" mua 57 hóa đơn GTGT khống của 06 công ty do Nguyễn Minh T1 thành lập để bán trái phép hóa đơn, với tổng doanh số ghi trên hóa đơn là 20.083.717.700 đồng (trong đó tiền hàng hóa dịch vụ là 18.370.633.000 đồng, tiền thuế GTGT là 1.713.084.700 đồng). Tổng số tiền mua hóa đơn L phải trả cho H5 là 551.118.990 đồng, nhưng L mới trả cho H5 số tiền là 18.788.550 đồng (tương đương với 6% giá trị tiền hàng chưa bao gồm thuế GTGT của 02 hóa đơn GTGT đã hợp thức thanh toán). Số tiền chi phí mua hóa đơn còn lại đến nay Lắm vẫn chưa trả hết do không liên lạc được với H5.
Đối với 57 hoá đơn GTGT, HTX Nguyễn H2 đã kê khai thuế trong năm 2021, 2022. Đến nay, HTX Nguyễn H2 đã kê khai điều chỉnh bổ sung, loại bỏ 57 hóa đơn. Do đó, Đặng Thị Bích L có hành vi "Mua bán trái phép" 57 hóa đơn GTGT và còn phải tiếp tục nộp số tiền là 821.002.540 đồng vào ngân sách Nhà nước theo quy định của pháp luật.
Có ông Đặng Văn T2 (bố đẻ) được Chủ tịch UBND xã T tặng giấy khen đã có thành tích trong phong trào T8 dân bảo vệ an ninh tổ quốc năm 2004-2010, năm 2011, 2016, 2017; ông Đặng Minh H được Giám đốc Công an tỉnh B tặng giấy khen đã có thành tích xuất sắc trong công tác tuần tra kiểm soát đảm bảo an ninh trật tự năm 2018, 2019.
Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Đặng Thị Bích L 220.000.000 đồng đến 230.000.000đ.
69. Trong năm 2021, Đặng Trung T3 là Chủ tịch hội đồng quản trị Công ty T12

đã thông qua một người đàn ông tên "H1" mua 56 hóa đơn GTGT khống của 09 Công ty do Nguyễn Minh T1 thành lập để bán trái phép hóa đơn, với tổng doanh số 14.238.208.600 đồng (trong đó tiền hàng 12.943.826.000 đồng, tiền thuế 1.294.382.600 đồng. Số tiền T3 đã thanh toán mua hóa đơn là 400 triệu đồng.
Toàn bộ 56 hoá đơn GTGT đã được Công ty T12 kê khai thuế trong năm 2021. Đến tháng 4/2024, Công ty T12 đã kê khai điều chỉnh bổ sung, loại bỏ 56 hóa đơn nêu trên và đã nộp đủ toàn bộ số tiền thuế GTGT vào ngân sách Nhà nước. Do đó, Đặng Trung T3 có hành vi "Mua bán trái phép" 56 hóa đơn GTGT.
Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Được công đoàn cơ sở Đài phát thanh truyền hình T13 cảm ơn vì đã tài trợ chương trình Đêm hội trăng rằm 10 triệu đồng.
Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Đặng Trung T3 220.000.000 đồng đến 230.000.000đ
70. Trong năm 2021 và 2022, Âu Dương B là Giám đốc Công ty H10 đã liên hệ với cá nhân tên "T3" mua 56 hóa đơn GTGT khống của 09 Công ty do Nguyễn Minh T1 thành lập để bán trái phép hóa đơn, với tổng doanh số là 37.366.419.837 đồng (tiền hàng: 33.979.133.379 đồng, tiền thuế: 3.387.286.458 đồng). B đã trả số tiền mua hóa đơn là 3.397.000.000 đồng (tương đương từ 08% đến 10% giá trị tiền hàng).
Sau khi mua 56 hóa đơn nêu trên, B đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty H10. Tháng 6/2023, B đã kê khai bổ sung điều chỉnh giảm 56/56 hóa đơn và đã nộp đủ toàn bộ số tiền thuế GTGT vào ngân sách Nhà nước. Do đó, Âu Dương B có hành vi "Mua bán trái phép" 56 hoá đơn giá trị gia tăng.
Ban vận động, quản lý và sử dụng vì người nghèo xã T có Thư cảm ơn đã ủng hộ chăm lo cho những hộ nghèo trên địa bàn xã T.
Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự; Đề nghị xử phạt bị cáo Âu Dương B 220.000.000 đồng đến 230.000.000đ
71. Trong năm 2021 và 2022, Lê Duy T4 là Giám đốc Công ty T14 đã liên hệ với cá nhân tên "M" mua 59 hóa đơn GTGT khống của các công ty do Nguyễn Minh T1 thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT, với tổng doanh số 11.372.402.112 đồng (Tiền hàng: 10.343.310.071 đồng, tiền VAT: 1.029.092.041 đồng). T4 đã trả số tiền mua hóa đơn là 620.598.000 đồng (tương đương 6% giá trị tiền hàng).
Sau khi mua 59 hóa đơn nêu trên, T4 đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty T14. Tháng 6/2023, T4 đã kê khai bổ sung điều chỉnh giảm 59/59 hóa đơn và đã nộp đủ toàn bộ số tiền thuế GTGT vào ngân sách Nhà nước. Do đó, Lê Duy T4 có hành vi "Mua bán trái phép" 59 hoá đơn GTGT.
Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Lê Duy T4 220.000.000 đồng đến 230.000.000đ.
72. Trong năm 2021 và 2022, Vòng A N là Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty N2 đã giao nhân viên phụ trách mua hàng liên hệ với cá nhân tên "Thu" mua 54

hóa đơn GTGT của 08 công ty do Nguyễn Minh T1 thành lập để bán trái phép hóa đơn, với tổng doanh số 14.326.381.039 đồng (Tiền hàng: 13.024.473.671 đồng, tiền VAT: 1.301.907.368 đồng). N đã trả số tiền mua hóa đơn là 1.041.000.000 đồng (tương đương 8% giá trị tiền hàng).

Sau khi mua 54 hóa đơn nêu trên, N đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty N2. Tháng 3/2024, N đã kê khai bổ sung điều chỉnh giảm 54/54 hóa đơn và đã nộp đủ toàn bộ số tiền thuế GTGT vào ngân sách Nhà nước. Do đó, Vòng A N có hành vi "Mua bán trái phép" 54 hoá đơn giá trị gia tăng.

Đã ủng hộ đồng bào bị ảnh hưởng bởi cơn bão số 3 năm 2024 vào tài khoản Ngân hàng A1 số tiền là 2.800.000 đồng.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Vòng A N 220.000.000 đồng đến 230.000.000đ.

73. Trong năm 2021 và 2022, Nguyễn Thanh H2 là Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty A2 đã liên hệ với cá nhân tên "H3" mua 62 hóa đơn GTGT khống của 14 công ty do Nguyễn Minh T1 thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT, với tổng doanh số ghi trên hóa đơn là 20.408.523.544 đồng (trong đó tiền hàng hóa dịch vụ là 18.634.724.356 đồng, tiền thuế GTGT là 1.773.799.188 đồng. H2 đã trả số tiền mua hoá đơn là 745.388.974 đồng (Tương đương với 4% giá trị hàng hóa chưa bao gồm thuế GTGT).

Đối với 62 hoá đơn GTGT, Công ty A2 chỉ sử dụng 54 hóa đơn có tổng giá trị thanh toán là 18.400.781.883 đồng (Trong đó, tiền hàng là 16.809.548.068 đồng, tiền thuế là 1.591.233.815 đồng) để kê khai thuế trong năm 2021, 2022. Đến ngày 25/7/2023, Công ty A2 đã loại bỏ và kê khai điều chỉnh bổ sung giảm toàn bộ 54 hóa đơn nêu trên. Do đó, Nguyễn Thanh H2 có hành vi "Mua bán trái phép" 54 hóa đơn GTGT.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh H2 12-15 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 đến 30 tháng,

74. Trong năm 2021 và 2022, Đoàn Thị Kiều V là người trực tiếp quản lý, điều hành Công ty H11 đã liên hệ với một cá nhân mua 54 hóa đơn GTGT khống, của 15 Công ty do Nguyễn Minh T1 thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT với tổng doanh số là: 10.908.291.667 đồng (trong đó: tiền hàng hóa: 9.916.628.789 đồng; tiền thuế GTGT: 991.662.878 đồng). V đã trả số tiền mua hóa đơn là 272.707.000 đồng (tương đương 2,5% giá trị tiền hàng).

Sau khi mua 54 hóa đơn GTGT nêu trên, V đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty V2. Công ty đã kê khai bổ sung, điều chỉnh giảm thuế GTGT được khấu trừ đối với 54 hóa đơn trên. Do đó, Đoàn Thị Kiều V có hành vi "Mua bán trái phép" 54 hoá đơn GTGT.

Đoàn Thị Kiều V đã nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền là 657.452.384 đồng, do đó còn phải tiếp tục nộp số tiền là 77.362.890 đồng theo quy định của pháp luật.

Chủ tịch UBND tỉnh B tặng Bằng khen vì đã có thành tích xuất sắc trong cuộc thi khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của tỉnh; UBND phường T biểu dương Người

tốt việc tốt đã có thành tích trong cuộc vận động xây dựng Nông thôn mới, đô thị văn minh; Quỹ thiện nguyện Hạnh phúc có thư cảm ơn đã ủng hộ tặng quà cho người dân khó khăn ở tỉnh N, B, Đ; đóng góp xây dựng nhà hạnh phúc cho tỉnh N; ủng hộ khắc phục bão lũ lụt ở miền T; ủng hộ phòng chống Covid-19.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Đoàn Thị Kiều V 150.000.000 đồng đến 160.000.000 đồng.

75. Trong năm 2021 và 2022, Nguyễn Văn H4 là Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty P2 đã liên hệ với cá nhân không rõ tên tuổi, địa chỉ để mua 49 hóa đơn GTGT khống của 09 công ty do Nguyễn Minh T1 thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT với tổng doanh số ghi trên hóa đơn là 16.494.753.721 đồng (trong đó tiền hàng hóa dịch vụ là 15.044.179.437 đồng, tiền thuế GTGT là 1.450.574.284 đồng). H4 trả số tiền mua hóa đơn là 601.767.177 đồng, tương đương với 3% đến 5% giá trị tiền hàng chưa bao gồm thuế GTGT.

Toàn bộ 49 hoá đơn GTGT đã được Công ty P2 kê khai thuế trong năm 2021, 2022. Đến tháng 12/2023, Công ty P2 đã kê khai điều chỉnh bổ sung, loại bỏ 49 hóa đơn nêu trên. Do đó, Nguyễn Văn H4 có hành vi "Mua bán trái phép" 49 hóa đơn GTGT.

Nguyễn Văn H4 đã nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền là 3.000.000 đồng, do đó còn phải tiếp tục nộp số tiền là 1.322.207.746 đồng theo quy định của pháp luật.

UBND phường T tặng giấy khen vì đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua yêu nước; tặng giấy khen có thành tích xuất sắc trong phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng Nông thôn mới; Nguyễn Văn H5 (chú ruột) được Tổ quốc ghi công liệt sỹ.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H4 220.000.000 đồng đến 230.000.000đ

76. Trong năm 2021 và năm 2022, Nguyễn Văn B1 là Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty G đã liên hệ với người đàn ông tên "T5" để mua 48 hóa đơn GTGT khống của các công ty do Nguyễn Minh T1 thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT, với tổng doanh số 10.238.837.436 đồng (trong đó tiền hàng 9.328.267.450 đồng, tiền thuế 910.569.986 đồng). Số tiền mua hóa đơn mà B1 đã thanh toán là 653.682.912 đồng.

Toàn bộ 48 hoá đơn GTGT nêu trên, đã được Công ty G kê khai thuế trong năm 2021, năm 2022. Đến tháng 9/2023 và tháng 4/2024, Công ty G đã kê khai điều chỉnh bổ sung, loại bỏ 48 hóa đơn nêu trên. Do đó, Nguyễn Văn B1 có hành vi "Mua bán trái phép" 48 hóa đơn GTGT của Nguyễn Minh T1.

Nguyễn Văn B1 đã nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền là 163.392.319 đồng, do đó còn phải tiếp tục nộp số tiền là 29.981.996 đồng theo quy định của pháp luật.

Bị cáo ông Nguyễn Văn L1 (Bố đẻ) là thương binh loại A. có ông Phạm Đình H6 (cậu ruột) là Liệt sỹ.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65

của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B1 12-15 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 đến 30 tháng,

77. Trong năm 2021 và 2022, Lê Văn C là Giám đốc Công ty Đ1 đã chỉ đạo nhân viên kế toán tên là "Kim" liên hệ với một cá nhân không rõ tên tuổi để mua 48 hóa đơn GTGT khống của 03 công ty do Nguyễn Minh T1 thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT, với tổng doanh số ghi trên hóa đơn là 15.626.865.890 đồng (Trong đó, tiền hàng hóa, dịch vụ là 14.298.751.300 đồng, tiền thuế GTGT là 1.328.114.590 đồng). C đã trả số tiền mua hoá đơn là 500.456.295 đồng, tương đương với 3,5% giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn.

Toàn bộ 48 tờ hoá đơn GTGT đã được Công ty Đ1 kê khai thuế trong năm 2021, 2022. Đến ngày 29/9/2023, Công ty Đ1 đã kê khai điều chỉnh bổ sung, loại bỏ 48 hóa đơn trên. Do đó, Lê Văn C có hành vi "Mua bán trái phép" 48 hóa đơn GTGT.

Bị cáo có ông Lê Văn A (bố đẻ) được tặng thưởng Kỷ niệm chương Cựu chiến binh Việt Nam; có ông Lê V1 (Ông nội) được Thủ tướng Chính phủ tặng Kỷ niệm chương chiến sỹ cách mạng bị địch bắt tù, đày.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Lê Văn C 220.000.000 đồng đến 230.000.000đ

78. Trong năm 2021 và 2022, Ngô Quang N1 là Tổng Giám đốc Công ty Q1 Thịnh đã liên hệ với một cá nhân để mua 46 hóa đơn GTGT khống của 10 Công ty do Nguyễn Minh T1 thành lập để bán trái phép hóa đơn, với tổng giá trị hóa đơn là 15.166.805.452 đồng (trong đó: tiền hàng hóa là 13.939.905.286 đồng; tiền thuế GTGT: 1.226.900.166 đồng). N1 đã trả số tiền mua hoá đơn là 836.394.000 đồng (tương đương 6% giá trị tiền hàng).

Sau khi mua 46 hóa đơn GTGT nêu trên, N1 đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty Q1. Công ty đã kê khai bổ sung, điều chỉnh giảm thuế GTGT được khấu trừ đối với 46 hóa đơn trên. Do đó, Ngô Quang N1 có hành vi "Mua bán trái phép" 46 hoá đơn GTGT.

Bị cáo Ủng hộ quỹ vì người nghèo phường A.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Ngô Quang N1 220.000.000 đồng đến 230.000.000đ.

79. Trong năm 2021 và 2022, Ngô Văn T6 là Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty D2 đã liên hệ với cá nhân tên "Lộc", mua 43 hóa đơn GTGT khống của 06 Công ty do Nguyễn Minh T1 thành lập để bán trái phép hóa đơn, với tổng giá trị hóa đơn là 3.392.813.755 đồng (trong đó: tiền hàng, dịch vụ: 3.087.312.050 đồng; tiền thuế GTGT: 305.501.705 đồng). T6 đã trả số tiền mua hoá đơn là 154.365.602 đồng (tương đương 5% giá trị tiền hàng).

Sau khi mua 43 hóa đơn GTGT nêu trên, T6 đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty D2. Công ty đã kê khai bổ sung, điều chỉnh giảm thuế GTGT được khấu trừ đối với 43 hóa đơn trên. Do đó, Ngô Văn T6 có hành vi "Mua bán trái phép" 43 hoá đơn GTGT.

Ủng hộ đồng bào bị ảnh hưởng cơn bão số 3 đến tài khoản Ban vận động cứu

trợ tỉnh B.
Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Ngô Văn T6 220.000.000 đồng đến 230.000.000đ
80. Trong năm 2021, 2022, Bùi Văn T7 là Chủ tịch Công ty kiêm giám đốc Công ty V3 đã gặp người đàn ông tên "Q" mua 43 hóa đơn GTGT khống của 10 Công ty do Nguyễn Minh T1 thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT, với tổng doanh số 9.665.897.832 đồng (trong đó tiền hàng 8.821.301.700 đồng, tiền thuế 844.596.132 đồng). Số tiền mua hóa đơn T7 đã thanh toán cho Q là 705.704.136 đồng.
Toàn bộ 43 hoá đơn GTGT đã được Công ty V3 kê khai thuế trong năm 2021, năm 2022. Đến tháng 11/2023, Công ty V3 đã kê khai điều chỉnh bổ sung, loại bỏ 43 hóa đơn nêu trên và đã nộp đủ toàn bộ số tiền thuế GTGT vào ngân sách Nhà nước. Do đó, Bùi Văn T7 có hành vi "Mua bán trái phép" 43 hóa đơn GTGT.
Chủ tịch UBND tỉnh B tặng Bằng khen đã có thành tích xuất sắc trong lao động sản xuất và công tác; Liên đoàn Lao động tỉnh B tặng Bằng khen đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua lao động giỏi và xây dựng tổ chức công đoàn vững mạnh; Công đoàn cơ sở Công ty H12 đã có thành tích xuất sắc trong lao động và hoạt động công đoàn; Bà Nguyễn Thị T8 có giấy chừng nhận của Ban Thường vụ tỉnh hội Cựu Thanh niên xung phong T chứng nhận đã hoàn thành nhiệm vụ thanh niên xung phong phục vụ trong thời kỳ kháng chiến. Vì vậy Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm v khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.
Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Bùi Văn T7 100.000.000 đồng đến 110.000.000đ.
81. Năm 2021, 2022, Nguyễn Hoài Đ là Giám đốc Công ty Giấy H.D đã liên hệ được với một cá nhân và mua 42 hóa đơn GTGT khống của 12 Công ty do Nguyễn Minh T1 thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT, với tổng doanh số hóa đơn là 24.216.941.657 đồng, trong đó giá trị hàng trước thuế là 22.097.626.082 đồng, tiền thuế VAT là 2.119.315.575 đồng. Chi phí mua hóa đơn Công ty giấy H.D đã thanh toán là 1.325.857.560 đồng.
Sau khi mua 42 hóa đơn nêu trên, Đ đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty Giấy H.D. Đ đã kê khai bổ sung điều chỉnh giảm 42/42 hóa đơn nêu trên và đã nộp đủ toàn bộ số tiền thuế GTGT vào ngân sách Nhà nước. Do đó, Nguyễn Hoài Đ có hành vi "Mua bán trái phép" 42 hóa đơn GTGT.
Chủ tịch ỦY ban nhân dân phường T tặng giấy khen; ông Lại Quang T9 (bố vợ) được chủ tịch UBND tỉnh B tặng Bằng khen; Đảng ủy phường P tặng nhiều giấy khen; được Chủ tịch ủy ban nhân dân T15 một tặng giấy khen; được tặng huy hiệu 50 năm tuổi đảng; được chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương chiến công hạng nhất; hạng nhì; hạng ba; Huân chương kháng chiến hạng ba.
Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Hoài Đ 220.000.000 đồng

đến 230.000.000đ.

82. Trong năm 2021 và 2022, Chu Văn H7 là Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty C1 đã liên hệ với cá nhân tên "Q" để mua 41 hóa đơn GTGT khống của 04 công ty do Nguyễn Minh T1 thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT, với tổng doanh số ghi trên hóa đơn là 42.181.235.085 đồng (Trong đó, tiền hàng hóa, dịch vụ là 38.713.671.822 đồng, tiền thuế GTGT là 3.467.563.263 đồng). H7 trả số tiền mua hoá đơn là 1.742.115.231 đồng tương đương với 4% đến 5% giá trị tiền hàng chưa bao gồm thuế GTGT.

Sau khi mua 41 hoá đơn GTGT trên, H7 đã sử dụng để Công ty C1 kê khai thuế trong năm 2021, 2022. Đến nay, Công ty C1 đã kê khai điều chỉnh bổ sung, loại bỏ 41 hóa đơn trên. Do vậy, Chu Văn H7 có hành vi "Mua bán trái phép" 41 hóa đơn

Chủ tịch UBND tỉnh Đ tặng Bằng khen vì đã có thành tích xuất sắc trong phong trào xây dựng và phát triển Hợp tác xã các năm 2010 và 2012; Chủ tịch UBND thành phố B tặng giấy khen có thành tích xuất sắc trong 10 năm xây dựng và phát triển kinh tế tập thể thành phố B.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Chu Văn H7 100.000.000 đồng đến 110.000.000đ.

83. Trong năm 2022, Võ Thị Mỹ T10 là Chủ sở H8, người điều hành Công ty N3 liên hệ với cá nhân tên "T11" mua 41 hóa đơn GTGT của 03 công ty do Nguyễn Minh T1 thành lập để bán trái phép hóa đơn, với tổng doanh số: 18.643.676.900 đồng (tiền hàng hóa: 16.949.979.000 đồng; tiền thuế GTGT: 1.693.697.900 đồng). T10 đã trả tiền mua hóa đơn số tiền là 762.750.000 đồng (bằng 4,5% tiền hàng ghi trên hóa đơn).

Sau khi mua 41 hóa đơn nêu trên, công ty N3 đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của công ty trong năm 2022. Đến nay, công ty đã kê khai bổ sung loại toàn bộ 41 hóa đơn nêu trên và đã nộp đủ toàn bộ số tiền thuế GTGT vào ngân sách Nhà nước. Do đó, Võ Thị Mỹ T10 có hành vi "Mua bán trái phép" 41 hóa đơn GTGT.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Võ Thị Mỹ T 230.000.000 đồng đến 240.000.000đ

84. Trong năm 2021, 2022 Huỳnh Xuân T1 là người đại diện theo pháp luật của Công ty H4 đã liên hệ với cá nhân tên "L" mua 41 hóa đơn GTGT khống của 12 công ty do Nguyễn Minh T2 thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT, với tổng doanh số: 18.256.559.400 đồng (trong đó: tiền hàng hóa: 16.914.304.000 đồng; tiền thuế GTGT: 1.342.255.400 đồng). Thiển đã trả tiền mua hóa đơn là 1.374.009.400 đồng.

Sau khi mua 41 hóa đơn nêu trên, T1 đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của công ty H5 năm 2021, 2022. Đến nay, công ty G đã kê khai bổ sung loại toàn bộ 41 hóa đơn nêu trên và đã nộp đủ toàn bộ số tiền thuế GTGT vào ngân sách Nhà nước. Do đó, Huỳnh Xuân T1 có hành vi "Mua bán trái phép" 41 hóa đơn GTGT.

Được Chủ tịch Hội Bảo vệ quyền trẻ em và Bảo trợ người khuyết tật tỉnh Kontum tặng giấy khen vì đã có thành tích trong công tác hỗ trợ trẻ em nghèo, người khuyết tật và trẻ em nghèo trên địa bàn tỉnh Kontum; tặng giấy khen vì đã có thành tích trong công tác hỗ trợ xe lăn và quà cho trẻ em, người khuyết tật, người nghèo trên địa bàn huyện T, Đắc tô, Kon tum; Chủ tịch UBND xã I ghi nhận tấm lòng vàng nhân đạo đã đầu tư và trao tặng công trình nước sinh hoạt tại điểm trường làng T, xã I, huyện C, Gia lai; Chủ tịch UBND xã R giấy khen vì đã tặng quà cho bà con vùng cao tại xã R huyện X, tỉnh Kon tun; tặng giấy khen vì đã tài trợ giếng nước và hệ thống lấy nước cho học sinh vùng khó khăn tại thôn K, xã R huyện X, tỉnh Kon tum; Thư Cảm ơn của Hội C1 vì đã hỗ trợ thuốc khám bệnh cho các hộ nghèo ở tỉnh Gialai; vì đã khám bệnh cho các hộ nghèo ở thị xã G; Hội Chữ thập đỏ huyện Đắc song ghi nhận tấm lòng vàng nhân đạo vì đã trao tặng nguồn nước sạch tại Bon Ta M xã T.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Huỳnh Xuân T1 220.000.000 đồng đến 230.000.000đ

85. Trong năm 2022 Quách Ngọc Y là Giám đốc Công ty N5 đã liên hệ với một cá nhân tên "H" mua tổng số 41 hóa đơn GTGT khống của 02 công ty do Nguyễn Minh T2 thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT, với tổng doanh số: 9.353.932.471 đồng (trong đó: tiền hàng hóa: 8.661.048.585 đồng; tiền thuế GTGT: 692.883.886 đồng). Y đã trả tiền mua hóa đơn số tiền là: 519.000.000 đồng (bằng 6% tiền hàng trên hóa đơn).

Sau khi mua 41 hóa đơn nêu trên, Y đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của công ty H5 năm 2022. Đến nay, Y đã kê khai bổ sung loại toàn bộ 41 hóa đơn nêu trên và đã nộp đủ toàn bộ số tiền thuế GTGT vào ngân sách Nhà nước. Do đó, Quách Ngọc Y có hành vi "Mua bán trái phép" 41 hóa đơn GTGT.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Quách Ngọc Y 230.000.000 đồng đến 240.000.000đ.

86. Trong năm 2021 và 2022, Bùi Thái K là Tổng giám đốc Công ty T8 đã liên hệ với một người đàn ông để mua 40 hóa đơn GTGT khống của 04 công ty do Nguyễn Minh T2 sử dụng để bán hóa đơn, với tổng doanh số là 27.315.187.230đ (trong đó tiền hàng là 24.844.932.143đ, tiền thuế là 2.470.255.087đ). K đã trả số tiền mua hoá đơn là 1.739.145.250đ (tương đương với 7%).

Sau khi mua 40 hóa đơn GTGT nêu trên, Công ty T8 đã sử dụng kê khai thuế GTGT đầu vào với Chi cục thuế Q2, TP H và đã kê khai bổ sung, điều chỉnh giảm thuế GTGT được khấu trừ đối với hoá đơn trên. Do đó, Bùi Thái K có hành vi "Mua bán trái phép" 40 hoá đơn giá trị gia tăng.

Trường THCS T9 có Thư cảm ơn vì đã ủng hộ kinh phí động viên học sinh có hoàn cảnh khó khăn; bà Nguyễn Thị L1 (mẹ đẻ) được Bộ trưởng Bộ Y1 tặng kỷ niệm chương vì sức khỏe nhân dân.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Bùi Thái K 210.000.000 đồng đến 220.000.000đ

87. Trong năm 2021 và 2022, Thái Thị Bích H1 là Giám đốc Công ty T10 đã thông qua người đàn ông tên "Vàng" để mua 27 hóa đơn GTGT khống của 03 công ty do Nguyễn Minh T2 sử dụng để bán hóa đơn, với tổng doanh số là 10.215.561.328đ (trong đó tiền hàng hóa dịch vụ trước thuế VAT là 9.309.269.920đ, tiền thuế là 906.291.408đ). H1 đã trả số tiền mua hoá đơn là: 558.556.195 đồng (tương đương với 6%).

Sau khi mua 27 hóa đơn GTGT nêu trên, Công ty T10 đã sử dụng kê khai thuế GTGT đầu vào. Đến tháng 6 năm 2023, Công ty T10 đã kê khai bổ sung, điều chỉnh giảm thuế GTGT được khấu trừ đối với 27 số hoá đơn trên và đã nộp đủ toàn bộ số tiền thuế GTGT vào ngân sách Nhà nước. Do đó, Thái Thị Bích H1 có hành vi "Mua bán trái phép" 27 hoá đơn giá trị gia tăng.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Thái Thị Bích H1 210.000.000 đồng đến 220.000.000đ.

88. Trong năm 2021, Nguyễn Bá Đ là Giám đốc Công ty T11 liên hệ cá nhân tên "Đ1" để mua 40 hóa đơn GTGT khống của Đ1 cho công ty T11 với doanh số 43.891.842.660 đồng (tiền hàng 39.953.220.600 đồng, tiền thuế 3.938.622.060 đồng). Tổng số tiền mua hóa đơn Đ đã trả cho Đ1 khoảng 02 tỷ đồng.

Sau khi mua 40 hóa đơn GTGT, Công ty T11 đã kê khai với Chi cục thuế T12, tỉnh B năm 2021 và năm 2022. Đến tháng 10/2023, Công ty T11 đã kê khai điều chỉnh giảm toàn bộ 40 hóa đơn GTGT nêu trên và đã nộp đủ toàn bộ số tiền thuế GTGT vào ngân sách Nhà nước. Do đó, Nguyễn Bá Đ có hành vi "Mua bán trái phép" 40 hóa đơn GTGT.

BCH Hội Chữ Thập đỏ phường B có thư cảm ơn vì đã ủng hộ Tết vì người nghèo và nạn nhân chất độc da cam; Hội Chữ Thập đỏ phường B có thư cảm ơn vì đã tặng quà tết nguyên đán; tặng quà Tết Nhân ái xuân Quý Mão; tặng quà cho 20 hộ có hoàn cảnh khó khăn phường B.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Bá Đ 210.000.000 đồng đến 220.000.000đ.

89. Trong năm 2021 và 2022, Bùi Thị M là Giám đốc Công ty K2 đã liên hệ với một cá nhân không rõ tên tuổi, mua 40 hóa đơn GTGT khống của 05 công ty do Nguyễn Minh T2 thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT, với tổng doanh số ghi trên hóa đơn là 33.142.902.000 đồng (trong đó tiền hàng hóa dịch vụ là 30.138.820.000 đồng, tiền thuế GTGT là: 3.004.082.000 đồng). Mơ đã trả cho bên bán hoá đơn số tiền là 1.496.441.000 đồng (tương đương với 5% giá trị tiền hàng chưa bao gồm thuế GTGT), số tiền còn lại là 10.500.000 đồng chưa trả do không liên lạc được với bên bán hoá đơn.

Đối với 40 hoá đơn GTGT, Công ty K2 chỉ sử dụng 39 hóa đơn GTGT với tổng doanh số ghi trên hóa đơn là 32.749.102.000 đồng (trong đó tiền hàng hóa dịch vụ là 29.780.820.000 đồng, tiền thuế GTGT là: 2.968.282.000 đồng) để kê khai thuế trong năm 2021, 2022.

Đến ngày 21/8/2023, Công ty K2 đã loại bỏ và kê khai bổ sung điều chỉnh giảm đối với toàn bộ 40 hóa đơn nêu trên và đến nay Công ty K2 nộp khắc phục vào

Ngân sách Nhà nước số tiền 359.927.674 đồng. Do đó, Bùi Thị M có hành vi "Mua bán trái phép" 39 hóa đơn GTGT.
Có ông Bùi Đăng N (ông N1) được Chủ tịch nước C2 tặng Huy chương Kháng chiến hạng Nhất vì đã có thành tích trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, được tặng Huy hiệu 50 năm tuổi Đảng; có anh Bùi Đăng Q (anh trai ruột) được Đoàn Kinh tế quốc phòng 92 tặng danh hiệu Chiến sỹ tiên tiến năm 2006, 2007.
Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Bùi Thị M 200.000.000 đồng đến 210.000.000đ
90. Hồ Bá T3.
91. Lê Văn Q1.
Năm 2021, Hồ Bá T3 là Giám đốc Công ty H6 đã chỉ đạo Lê Văn Q1 là kế toán của Công ty đã liên hệ với người đàn ông tên "N" để mua 39 số hóa đơn GTGT khống của 06 công ty do Nguyễn Minh T2 sử dụng để bán hóa đơn, với tổng doanh số là 10.176.512.786 đồng (trong đó tiền hàng là 9.251.375.260 đồng, tiền thuế là 925.137.526 đồng). T3 và Q1 đã trả cho người bán tổng số tiền mua hoá đơn là 508.825.639 đồng (tương đương với 5,5%).
Sau khi mua 39 hóa đơn GTGT nêu trên, đã được Công ty H6 kê khai thuế GTGT đầu vào. Tháng 01 năm 2024, Công ty H6 đã kê khai bổ sung, điều chỉnh giảm thuế GTGT được khấu trừ đối với 39 hoá đơn trên và đã nộp đủ toàn bộ số tiền thuế GTGT vào ngân sách Nhà nước. Do đó, Hồ Bá T3 và Lê Văn Q1 có hành vi "Mua bán trái phép" 39 hoá đơn GTGT.
Hồ Bá T3 Ủng hộ đồng bào miền B khắc phục bão lụt năm 2024.
Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Hồ Bá T3 200.000.000 đồng đến 210.000.000đ.
Lê Văn Q1 Hội chữ thập đỏ có phiếu thu đã ủng hộ đồng bào bị thiên tai; UBND phường B có phiếu thu đã ủng hộ quỹ vì người nghèo.
Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Lê Văn Q1 200.000.000 đồng đến 210.000.000đ.
92. Trong năm 2022, Nguyễn Thị Thu N2 là Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc Công ty T13 đã liên hệ với một người đàn ông tên "Trần L2" để mua 38 hóa đơn GTGT khống của Công ty do Nguyễn Minh T2 thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT, với tổng doanh số 11.889.608.246 đồng (trong đó tiền hàng 11.008.896.525 đồng, tiền thuế 880.711.721 đồng). Tổng số tiền mua hóa đơn N2 đã thanh toán là 403.116.210 đồng.
Toàn bộ 38 hoá đơn GTGT đã được Công ty T13 kê khai thuế trong năm 2022. Tháng 7/2022 và tháng 05/2023, Công ty T13 đã kê khai điều chỉnh bổ sung, loại bỏ 38 hóa đơn nêu trên. Do đó, Nguyễn Thị Thu N2 có hành vi "Mua bán trái phép" 38 hóa đơn GTGT và còn phải tiếp tục nộp số tiền là 727.866.355 đồng vào ngân sách Nhà nước theo quy định của pháp luật.
Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật

Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thu N2 210.000.000 đồng đến 220.000.000đ

93. Năm 2021, 2022, Nguyễn Thị V là Giám đốc Công ty Y2 đã liên hệ với một người phụ nữ tên là "L1" để mua 38 hóa đơn GTGT khống của 05 Công ty do Nguyễn Minh T2 thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT, với tổng doanh số là 14.285.794.107 đồng (trong đó: tiền hàng là 12.987.085.551 đồng, tiền thuế là 1.298.708.556 đồng). Số tiền mua hóa đơn phải thanh toán là 649.354.278 đồng.

Toàn bộ 38 hoá đơn GTGT đã được Công ty Y2 kê khai thuế trong năm 2021, năm 2022. Đến tháng 6/2023, Công ty Y2 đã kê khai điều chỉnh bổ sung, loại bỏ 38 hóa đơn nêu trên và đã nộp đủ toàn bộ số tiền thuế GTGT vào ngân sách Nhà nước. Do đó, Nguyễn Thị V có hành vi "Mua bán trái phép" 38 hóa đơn GTGT.

Chủ tịch nước tặng Huy chương kháng chiến hạng Nhì cho bà Nguyễn Thị L3 (mẹ đẻ); được tặng Huy hiệu 50 tuổi Đảng cho ông Nguyễn Đình Đ2 (bố đẻ); ủng hộ 3 triệu đồng khắc phục thiệt hại cơn bão số 3 năm 2024 tới tài khoản của M1.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thị V 200.000.000 đồng đến 210.000.000đ

94. Năm 2021, 2022, Lê Thị H2 là Quản lý điều hành Công ty Đ3 đã liên lạc với một người phụ nữ tên "T4", mua 38 hóa đơn GTGT khống của 03 Công ty do Nguyễn Minh T2 thành lập để bán trái phép hóa đơn, với tổng doanh số hóa đơn là 12.037.119.101 đồng, trong đó giá trị hàng trước thuế là 11.036.954.580 đồng, tiền thuế VAT là 1.000.164.521 đồng. Chi phí mua hóa đơn Công ty Đ3 đã thanh toán là 772.586.821 đồng.

Sau khi mua 38 hóa đơn nêu trên, H2 đã sử dụng toàn bộ 38 hóa đơn để kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty Đ3. Hội đã kê khai bổ sung loại bỏ 38 hóa đơn trên và đã nộp đủ toàn bộ số tiền thuế GTGT vào ngân sách Nhà nước. Do đó, Lê Thị H2 có hành vi "Mua bán trái phép" 38 hóa đơn GTGT.

Ủng hộ đồng bào bị lũ lụt vào tài khoản Ban Cứu trợ U.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Lê Thị H2 200.000.000 đồng đến 210.000.000đ

95. Nghiêm Phạm Anh T5.

96. Nguyễn Xuân H3.

Trong năm 2022, N3Phạm Anh T5 là Giám đốc Công ty N6 được Nguyễn Xuân H3 là Giám đốc tài chính Công ty đề xuất, đã đồng ý giao cho H3 mua hóa đơn GTGT. Sau đó H3 đã thông qua cá nhân tên "T5", mua tổng số 37 hóa đơn GTGT khống của 06 Công ty do Nguyễn Minh T2 thành lập để bán trái phép hóa đơn, với tổng doanh số 13.653.794.466 đồng (trong đó tiền hàng 12.508.030.381 đồng, tiền thuế 1.145.764.085 đồng). Số tiền mua hóa đơn H3 thanh toán là 500.321.000 đồng.

Toàn bộ 37 hoá đơn GTGT đã được Công ty N6 kê khai thuế trong năm 2022.

Đến tháng 7/2023, Công ty N6 đã kê khai điều chỉnh bổ sung, loại bỏ 37 hóa đơn nêu trên và đã nộp đủ toàn bộ số tiền thuế GTGT vào ngân sách Nhà nước. Do đó, N3Phạm Anh T5 và Nguyễn Xuân H3 có hành vi "Mua bán trái phép" 37 hóa đơn GTGT.

Bị cáo Nghiêm Phạm Anh T5: Bà Đào Thị L4 (bà nội) được Chủ tịch nước truy tặng Danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng; Ông Nghiêm K1 (bác ruột) được Tổ quốc ghi công Liệt sỹ, được Chủ tịch nước truy tặng Huân chương độc lập Hạng Nhì.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Nghiêm Phạm Anh T5 200.000.000 đồng đến 210.000.000đ

Bị cáo Nguyễn Xuân H3: Có ông Nguyễn Đức T6 (bố đẻ) được tặng thưởng Kỷ niệm chương Chiến sỹ Đoàn 333 Quân khu E. Ông Võ Tuấn N4 (ông ngoại) là thương binh; được tặng Kỷ niệm chương Cựu chiến binh Việt Nam. Bị cáo bị bệnh ung thư.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân H3 200.000.000 đồng đến 210.000.000đ

97. Nguyễn Minh C

98. Bùi Văn T7

Trong năm 2021, 2022, Nguyễn Minh C là Giám đốc Công ty SDC đã chỉ đạo Bùi Văn T là Kế toán công ty, liên hệ với cá nhân tên "Duy", mua 36 hóa đơn GTGT khống của 05 Công ty do Nguyễn Minh T1 thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT, với tổng doanh số là: 72.126.956.909 đồng (Tiền hàng là: 65.597.873.842 đồng; tiền thuế GTGT là: 6.629.083.067 đồng). Công ty S1 đã trả số tiền mua hoá đơn là 4.263.861.799 đồng (tương đương 6.5% giá trị tiền hàng).

Sau khi mua 36 hóa đơn nêu trên, C đã chỉ đạo T sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty S1. Vào tháng 7/2023, C kê khai bổ sung, loại toàn bộ 36 hóa đơn nêu trên ra khỏi hóa đơn đầu vào của Công ty và đã nộp đủ toàn bộ số tiền thuế GTGT vào ngân sách Nhà nước. Do đó, Nguyễn Minh C và Bùi Văn T đã có hành vi "Mua bán trái phép" 36 hóa đơn GTGT.

Bị cáo Nguyễn Minh C: Thư cảm ơn của Chủ tịch UBMT Tổ quốc tỉnh A do đã ủng hộ 150 triệu đồng và 500 thùng mỳ trong đợt dịch Covid 19.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Minh C 200.000.000 đồng đến 210.000.000đ

Bị cáo Bùi Văn T: Bộ trưởng Bộ X1 tặng Bằng khen đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác năm 2022; MTTQ Việt Nam tỉnh A tặng Bằng khen vì đã có nhiều đóng góp cho công tác an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh A năm 2021. Có bố đẻ là Bùi Đình X được Bộ Q1 Chiến sỹ giải phóng hạng Ba.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Bùi Văn T 100.000.000 đồng đến 110.000.000đ

99. Trong năm 2021 và 2022, Trần Thị H là Giám đốc Công ty T4 đã liên hệ với người đàn ông, mua 34 hóa đơn GTGT khống của 08 công ty do Nguyễn Minh T1 thành lập để bán trái phép hóa đơn, với tổng doanh số 8.527.029.583đ (trong đó tiền hàng là 7.813.073.305đ, tiền thuế là 713.956.278đ). H đã trả số tiền mua hoá đơn là 202.786.613đ (tương đương với 3%).

Sau khi mua 34 số hóa đơn GTGT nêu trên, H đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty T4. Tính đến ngày 30/9/2023, Công ty T4 đã kê khai bổ sung, điều chỉnh giảm thuế GTGT được khấu trừ đối với 34 hoá đơn trên và đã nộp đủ toàn bộ số tiền thuế GTGT vào ngân sách Nhà nước. Do đó, Trần Thị H có hành vi "Mua bán trái phép" 34 hoá đơn GTGT.

Bị cáo ủng hộ đồng bào lũ vào tài khoản Mặt trận T5.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Trần Thị H 200.000.000 đồng đến 210.000.000đ

100. Trong năm 2021, Lê Tấn Quang D là Giám đốc Công ty B đã liên hệ với cá nhân tên "Q", mua 33 hóa đơn GTGT khống của Công ty do Nguyễn Minh T1 thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT, với tổng doanh số 56.843.815.021 đồng (tiền hàng: 51.676.195.475 đồng, tiền thuế: 5.167.619.548 đồng). D đã trả số tiền mua hóa đơn là 1.653.000.000 đồng (tương đương 3,2% giá trị tiền hàng).

Sau khi mua 33 hóa đơn nêu trên, D đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty B. Tháng 6/2023, D đã kê khai bổ sung điều chỉnh giảm 33/33 hóa đơn và cần tiếp tục khắc phục số tiền thuế GTGT theo quy định của pháp luật. Do đó, Lê Tấn Quang D có hành vi "Mua bán trái phép" 33 hoá đơn giá trị gia tăng.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Lê Tân Quang D1 200.000.000 đồng đến 210.000.000đ

101. Trong năm 2021 2022, Tô Văn H1 là Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty T6 đã liên hệ với một cá nhân tên "T2", mua 33 hóa đơn GTGT khống của 07 công ty do Nguyễn Minh T1 thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT, với tổng doanh số: 15.245.754.198 đồng (trong đó: tiền hàng hóa 13.859.776.543 đồng; tiền thuế GTGT: 1.385.977.655 đồng). H1 đã trả tiền mua hóa đơn là: 76.041.641 đồng (bằng 4% giá trị hàng hóa trên 04 hóa đơn đã hợp thức).

Sau khi mua 33 hóa đơn nêu trên, H1 đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của công ty T6 trong năm 2021, 2022. Đến nay, H1 đã kê khai bổ sung loại toàn bộ 33 hóa đơn nêu trên. Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải Chủ tịch UBND tỉnh B tặng Bằng khen vì đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua yêu nước, Bằng khen đã có thành tích xuất sắc trong phong trào nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, Bằng khen đã có thành tích xuất sắc trong phong trào Cựu chiến binh giúp nhau giảm nghèo làm kinh tế giỏi; Hội C2 tặng Bằng khen có thành tích xuất sắc trong phong trào cựu chiến binh xóa đói giảm nghèo làm kinh tế giỏi; Hội Cựu Chiến binh tỉnh B tặng Bằng khen vì đã có thành tích xuất sắc trong hoạt động của doanh nhân cựu chiến binh tỉnh B;

BCH Đảng bộ xã P tặng giấy khen vì đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2020; Chủ tịch UBND huyện P tặng giấy khen là điển hình tiên tiến trong các phong trào thi đua yêu nước; có ông Tô Văn T3 (bố đẻ) được Chủ tịch nước tặng Huân chương kháng chiến Hạng Nhì.
Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Tô Văn H1 100.000.000 đồng đến 110.000.000đ
102. Trong năm 2021 và 2022, Hoàng Thanh S là Giám đốc Công ty H2 đã liên hệ với một cá nhân tên "D2", mua 41 hóa đơn GTGT khống của 14 công ty do Nguyễn Minh T1 thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT, với tổng doanh số ghi trên hóa đơn là 10.193.291.650 đồng (trong đó tiền hàng hóa dịch vụ là 9.327.477.500 đồng, tiền thuế GTGT là: 865.814.150 đồng). S đã trả số tiền mua hoá đơn là 543.946.650 đồng tương đương với 6% giá trị hàng hóa chưa bao gồm thuế GTGT.
Đối với 41 hoá đơn GTGT Công ty H2 chỉ sử dụng 32 tờ hóa đơn GTGT với tổng doanh số ghi trên hóa đơn là 7.750.084.650 đồng (Trong đó, tiền hàng hóa là 7.065.552.500 đồng và tiền thuế GTGT là 684.532.150 đồng) để kê khai thuế trong năm 2021, 2022. Đến ngày 25/12/2023, Công ty H2 đã loại bỏ và kê khai điều chỉnh giảm đối với 32 hóa đơn GTGT trên. Do đó, Hoàng Thanh S có hành vi "Mua bán trái phép" 32 hóa đơn GTGT.
Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Hoàng Thanh S 200.000.000 đồng đến 210.000.000đ
103. Năm 2021, 2022, Lê Quang V là Giám đốc Công ty H3 đã liên hệ với một cá nhân tên "Ngân", mua 31 hóa đơn GTGT khống của 04 Công ty do Nguyễn Minh T1 thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT, với tổng doanh số hóa đơn là 12.630.682.299 đồng, trong đó tiền hàng hóa dịch vụ trước thuế VAT là 11.568.173.010 đồng, tiền thuế là 1.062.509.289 đồng. Chi phí mua hóa đơn Công ty đã phải thanh toán là 347.045.190 đồng.
Sau khi mua 31 hóa đơn nêu trên, V đã sử dụng toàn bộ 31 hóa đơn để kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty H3. Quý I, V đã kê khai bổ sung điều chỉnh giảm 31 hóa đơn trên. Do đó, Lê Quang V có hành vi "Mua bán trái phép" 31 hóa đơn GTGT của Nguyễn Minh T1.
Ủng hộ Quỹ vì người nghèo, ủng hộ đồng bào bị thiệt hại bão lũ số 3 gây ra, ủng hộ quỹ xây dựng ủng hộ nghĩa trang L xã D.
Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Lê Quang V 200.000.000 đồng đến 210.000.000đ
104. Trong năm 2021, Trần Doãn C1 là Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc Công ty C3 đã liên hệ với một cá nhân tên "Kim", mua 31 hóa đơn GTGT khống của 06 Công ty do Nguyễn Minh T1 thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT, với tổng giá trị hóa đơn là 15.914.618.797 đồng (trong đó: tiền hàng hóa: 14.467.835.270 đồng; tiền thuế GTGT: 1.446.783.527 đồng). C1 đã trả số tiền mua hoá đơn là 578.713.410 đồng (tương đương 4% giá trị tiền

hàng).
Sau khi mua 31 hóa đơn GTGT nêu trên, C1 đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty C3. Công ty C3 đã kê khai bổ sung, điều chỉnh giảm thuế GTGT được khấu trừ đối với 31 hóa đơn trên. Do đó, Trần Doãn C1 có hành vi "Mua bán trái phép" 31 hoá đơn GTGT.
Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Trần Doãn C1 210.000.000 đồng đến 220.000.000đ
105. Trong năm 2021 và 2022, Hoàng Tiến D2 là Giám đốc Công ty J đã liên hệ với cá nhân tên "V", "T1", mua 31 hóa đơn GTGT khống của 05 Công ty do Nguyễn Minh T1 thành lập để bán trái phép hóa đơn, với tổng giá trị hóa đơn là 6.223.484.392 đồng (tiền hàng là 5.684.400.602 đồng, tiền thuế là 539.083.790 đồng). D2 đã trả số tiền mua hoá đơn là 113.000.000 đồng (tương đương với 2% giá trị tiền hàng chưa bao gồm thuế GTGT).
Sau khi mua 31 hóa đơn nêu trên, D2 đã sử dụng để kê khai thuế đầu vào của Công ty J. Tháng 7/2023, Công ty J đã kê khai bổ sung, điều chỉnh giảm thuế GTGT được khấu trừ đối với 31 hóa đơn trên và đã nộp đủ toàn bộ số tiền thuế GTGT vào ngân sách Nhà nước. Do đó, Hoàng Tiến D có hành vi "Mua bán trái phép" 31 hóa đơn GTGT.
Bị cáo có ông Hoàng Văn S (bố đẻ) được tặng Huy chương Chiến sỹ vẻ vang Hạng ba; Huy chương Chiến sỹ giải phóng.
Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Hoàng Tiến D 200.000.000 đồng đến 210.000.000đ
106. Năm 2021, 2022, Phạm Văn T là Giám đốc Công ty Q1 đã giao cho "Hậu" - kế toán dịch vụ của Công ty mua 30 hóa đơn GTGT khống của 03 Công ty do Nguyễn Minh T1 thành lập để bán trái phép hóa đơn, với tổng doanh số hóa đơn là 12.980.045.770 đồng, trong đó tiền hàng hóa dịch vụ trước thuế VAT là 11.957.850.000 đồng, tiền thuế là 1.022.195.770 đồng. Chi phí mua hóa đơn Công ty Q1 đã thanh toán là 597.892.500 đồng (bằng 5% số tiền hàng ghi trên hóa đơn).
Sau khi mua 30 hóa đơn nêu trên, T đã sử dụng toàn bộ 30 hóa đơn để kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty Q1. T đã kê khai bổ sung điều chỉnh giảm 30 hóa đơn trên và đã nộp đủ toàn bộ số tiền thuế GTGT vào ngân sách Nhà nước. Do đó, Phạm Văn T có hành vi "Mua bán trái phép" 30 hóa đơn GTGT.
Hội khuyến học tỉnh N tặng bảng vàng khuyến học vì đã có thành tích đóng góp xây dựng Quỹ khuyến học Trương Hán S1xã K.
Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Phạm Văn T 200.000.000 đồng đến 210.000.000đ
107. Năm 2021, Lê Xuân T2 là Giám đốc Công ty V đã liên hệ với một người đàn ông để mua 30 hóa đơn GTGT khống của 03 công ty do Nguyễn Minh T1 sử dụng để bán hóa đơn, với tổng doanh số 16.894.822.149 đồng (tiền hàng là 15.289.438.317 đồng, tiền thuế là 1.596.443.832 đồng). T2 đã trả số tiền mua

hoá đơn là 917.366.299 đồng (tương đương với 6%).
Sau khi mua 30 hóa đơn GTGT nêu trên, T2 đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty V. Đến nay, Công ty V đã kê khai bổ sung, điều chỉnh giảm thuế GTGT được khấu trừ đối với 30 hoá đơn trên. Do đó, Lê Xuân T2 có hành vi "Mua bán trái phép" 30 hoá đơn.
Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Lê Xuân T2 12-15 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 đến 30 tháng,
108. Trong năm 2021, Ngô Văn C là Tổng Giám đốc Công ty T8 đã liên hệ với một cá nhân tên "C1" để mua 29 hóa đơn GTGT khống của 09 Công ty do Nguyễn Minh T1 thành lập để bán trái phép hóa đơn, với tổng giá trị hóa đơn là 41.602.414.301 đồng (trong đó: tiền hàng hóa 37.820.376.636 đồng; tiền thuế GTGT 3.782.037.665 đồng). Chiều đã trả số tiền mua hoá đơn là 1.664.096.571 đồng (tương đương 4,4% giá trị tiền hàng).
Sau khi mua 29 hóa đơn GTGT nêu trên, C đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty T8. Công ty T8 đã kê khai bổ sung, điều chỉnh giảm thuế GTGT được khấu trừ đối với 29 hóa đơn trên. Do đó, Ngô Văn C có hành vi "Mua bán trái phép" 29 hoá đơn GTGT
Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bà Bùi Thị T3 (bà nội) được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Ba; có anh trai là Ngô Thế D1 được Công an thành phố H tặng giấy khen vì đã có thành tích bắt cướp tài sản công dân.
Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Ngô Văn C 100.000.000 đồng đến 110.000.000đ
109. Trong năm 2021 và năm 2022, Nguyễn Thị Thu H là Giám đốc Công ty K đã liên hệ với một người đàn ông để mua 29 hóa đơn GTGT khống của 09 Công ty do Nguyễn Minh T1 thành lập để bán trái phép hoá đơn GTGT, với tổng doanh số là: 13.120.172.047 đồng (trong đó tiền hàng là 11.959.047.315 đồng, tiền thuế là 1.161.124.732 đồng). H đã trả số tiền mua hoá đơn là 358.771.419 đồng (tương đương với 3%).
Sau khi mua 29 hóa đơn GTGT nêu trên, H đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty K. Tính đến ngày 31/3/2023, Công ty K đã kê khai bổ sung, điều chỉnh giảm thuế GTGT được khấu trừ đối với 29 hoá đơn trên và đã nộp đủ toàn bộ số tiền thuế GTGT vào ngân sách Nhà nước. Do đó, Nguyễn Thị Thu H có hành vi "Mua bán trái phép" 29 số hoá đơn GTGT.
Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bà Phạm Thị Q (mẹ đẻ) có giấy chứng nhận là thương binh; Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba.
Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thu H 100.000.000 đồng đến 110.000.000đ
110. Năm 2022, Trần Ngọc T4 Là người đại diện pháp luật Công ty Đ đã thông qua một người đàn ông tên "Nguyễn Thế H1" để mua 29 hóa đơn GTGT khống

của 03 công ty do Nguyễn Minh T1 sử dụng để bán hóa đơn, với tổng doanh số là 12.234.466.104 đồng (trong đó tiền hàng là 11.141.385.360 đồng, tiền thuế là 1.093.080.744 đồng). T4 đã trả số tiền mua hoá đơn là: 891.310.828 đồng (tương đương với 8%).

Sau khi mua 29 hóa đơn GTGT, Công ty Đ đã sử dụng kê khai thuế GTGT đầu vào. Đến tháng 3 năm 2023, Công ty Đ đã kê khai bổ sung, điều chỉnh giảm thuế GTGT được khấu trừ đối với 29 hoá đơn trên và đã nộp đủ toàn bộ số tiền thuế GTGT vào ngân sách Nhà nước. Do đó, Trần Ngọc T4 có hành vi "Mua bán trái phép" 29 hoá đơn giá trị gia tăng.

Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng;

Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Trần Ngọc T4 110.000.000 đồng đến 120.000.000đ

111. Năm 2022, Trương Ngọc T5 là Giám đốc Công ty G đã liên hệ với người đàn ông tên "M" để mua 29 hóa đơn GTGT khống của C2 do Nguyễn Minh T1 sử dụng để bán hóa đơn, với tổng doanh số là 8.527.029.583 đồng (trong đó tiền hàng là 7.813.073.305 đồng, tiền thuế là 713.956.278 đồng). T5 đã trả số tiền mua hoá đơn là 417.999.758 đồng (tương đương với 5%).

Sau khi mua 29 hóa đơn GTGT nêu trên, T5 đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty. Đến ngày 09/07/2023, Công ty G1 đã kê khai bổ sung, điều chỉnh giảm thuế GTGT được khấu trừ đối với 29 hoá đơn trên và đã nộp đủ toàn bộ số tiền thuế GTGT vào ngân sách Nhà nước. Do đó, Trương Ngọc T5 có hành vi "Mua bán trái phép" 29 số hoá đơn GTGT.

Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng;

Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Trương Ngọc T5 110.000.000 đồng đến 120.000.000đ

112. Trong năm 2021 và 2022, Nguyễn Ngọc D2 là Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty T9 đã liên hệ với hai cá nhân tên là "T6" và "T7" để mua 28 hóa đơn GTGT khống của 02 công ty do Nguyễn Minh T1 thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT, với tổng doanh số ghi trên hóa đơn là 20.619.608.810 đồng (Trong đó, tiền hàng hóa, dịch vụ là 18.972.772.500 đồng, tiền thuế GTGT là 1.646.836.310 đồng). D2 đã trả số tiền mua hoá đơn là 701.992.582 đồng (tương đương với 3,7% giá trị hàng hóa chưa bao gồm thuế GTGT).

Toàn bộ 28 tờ hoá đơn GTGT đã được Công ty T9 kê khai thuế trong năm 2021, 2022. Đến ngày 26/11/2023, Công ty T9 đã kê khai điều chỉnh bổ sung, loại bỏ 28 hóa đơn trên. Do vậy, Nguyễn Ngọc D2 có hành vi "Mua bán trái phép" 28 hóa đơn GTGT.

Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Có ông Nguyễn Ngọc H2 (bố đẻ) được Hội đồng nhà nước N tặng Huân chương kháng chiến hạng Nhì vì đã có công lao trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước; ông Nguyễn Ngọc D3 được Hội đồng nhà nước N tặng Huân chương kháng chiến hạng Nhì; ông Nguyễn Ngọc H3 được Chủ tịch nước N tặng Huân chương Chiến công hạng Nhì; Huân chương chiến sỹ vẻ vang

hạng Nhì, hạng Ba, BCH Trung ương Đảng tặng Huy hiệu 40 năm tuổi Đảng; Cục trưởng Cục thuế tỉnh B tặng Giấy khen cho cơ sở Pallett Thanh H4 đã có thành tích thự hiện tốt chính sách pháp luật thuế 2013.

Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc D2 100.000.000 đồng đến 110.000.000đ.

113. Trong năm 2021, Nguyễn Văn C2 là Giám đốc Công ty T10 đã liên hệ với cá nhân tên "L" để mua 28 hóa đơn GTGT khống của 03 công ty do Nguyễn Minh T1 thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT, với tổng doanh số ghi trên hóa đơn là 6.902.185.150 đồng (trong đó tiền hàng hóa dịch vụ là 6.274.713.772 đồng, tiền thuế GTGT là: 627.471.378 đồng). Tổng số tiền C2đã trả mua hóa đơn là 219.614.982 đồng, tương đương 3,5% giá trị tiền hàng chưa bao gồm thuế GTGT.

Toàn bộ 28 tờ hoá đơn GTGT của 03 Công ty với tổng doanh số ghi trên hóa đơn là 6.902.185.150 đồng (trong đó tiền hàng hóa dịch vụ là 6.274.713.772 đồng, tiền thuế GTGT là: 627.471.378 đồng), đã được Công ty T6 kê khai thuế trong năm 2021. Đến ngày 17/01/2024, Công ty T6 đã kê khai điều chỉnh bổ sung, loại bỏ 28 hóa đơn nêu trên. Do đó, Nguyễn Văn C có hành vi "Mua bán trái phép" 28 hóa đơn GTGT và còn phải tiếp tục nộp số tiền là 373.381.324 đồng vào ngân sách Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng;Thư cảm ơn của cơ sở bảo trợ Mái ấm Phan S vì đã tặng ủng hộ tiền, đồ vật cho những trẻ em mồ côi khuyết tật và bệnh nhân.

Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C 100.000.000 đồng đến 110.000.000đ

114. Trần Như

115. Huỳnh Hữu T

116. Nguyễn Thành C1

Trong năm 2021 và 2022, Trần N là Giám đốc Công ty A đã giao cho Huỳnh Hữu T là Phó Giám đốc Công ty và Nguyễn Thành C1 nhân viên kỹ thuật của Công ty tìm mua hóa đơn GTGT cho Công ty. C1 đã liên hệ với cá nhân giới thiệu tên "Vàng" để mua 28 hóa đơn GTGT khống của 03 Công ty do Nguyễn Minh T1 thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT, với tổng giá trị hóa đơn là 13.892.379.105 đồng (Tiền hàng là: 12.629.435.550 đồng; tiền thuế GTGT là: 1.262.943.555 đồng). Như đã trả số tiền mua hoá đơn là 378.883.000 đồng.

Sau khi mua 28 hóa đơn GTGT, Như đã giao cho T sử dụng để kê khai thuế đầu vào của Công ty A. Tháng 10/2023, Công ty A đã kê khai bổ sung, điều chỉnh giảm thuế GTGT được khấu trừ đối với 28 hóa đơn trên và đã nộp đủ toàn bộ số tiền thuế GTGT vào ngân sách Nhà nước. Do đó, Trần N, Huỳnh Hữu T và Nguyễn Thành C1 có hành vi "Mua bán trái phép" 28 hóa đơn GTGT.

Bị cáo Trần N, Huỳnh Hữu T và Nguyễn Thành C1 thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng;

Bị cáo Trần N được Chủ tịch UBND thị xã A tặng Giấy khen vì đã có nhiều

đóng góp tích cực góp phần phát triển kinh tế xã hội xã A; BCH Đồng hương B thành phố H khen tặng vì đã có nhiều đóng góp tích cực trong hoạt động của đồng hương B và quê nhà; Chủ tịch UBND thành phố T tặng Giấy khen đã có thành tích điển hình tiên tiến trên địa bàn thành phố; Chủ tịch UBND phường P tặng Giấy khen vì đã có thành tích trong phong trào Người tốt việc tốt.

Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Trần N, Huỳnh Hữu T; Nguyễn Thành C1 60.000.000 đồng đến 70.000.000đ.

117. Trong năm 2021 và 2022, Trần Đ là Giám đốc Công ty S2 thông qua cá nhân tên "H" đã mua 40 hóa đơn GTGT khống của 13 công ty do Nguyễn Minh T1 thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT, với tổng doanh số ghi trên hóa đơn là 15.722.244.222 đồng (trong đó tiền hàng hóa dịch vụ là 14.360.919.776 đồng, tiền thuế GTGT là 1.361.324.446 đồng). Tổng số tiền mua hóa đơn Đ đã trả cho H là khoảng 750 triệu đồng.

Đối với 40 hoá đơn GTGT của 13 Công ty nêu trên, Công ty S2 chỉ sử dụng 27 hóa đơn GTGT với tổng doanh số ghi trên hóa đơn 10.007.624.714 đồng (trong đó tiền hàng hóa dịch vụ là 9.144.602.860 đồng, tiền thuế GTGT là 863.021.854 đồng) để kê khai thuế trong năm 2021, 2022. Đến nay, Công ty S2 đã loại bỏ và kê khai điều chỉnh giảm đối với 40 hóa đơn nêu trên. Do vậy, Trần Đ có hành vi "Mua bán trái phép" 27 hóa đơn GTGT.

Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng;Ủng hộ đồng bào miền B vượt qua khó khăn do cơn bão số 3 số tiền 2 triệu đồng.

Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Trần Đ 100.000.000 đồng đến 110.000.000đ

118. Trong năm 2022, Đỗ Quốc H1 là Giám đốc Công ty D1 đã liên hệ với một cá nhân tên "H2" để mua 27 hóa đơn GTGT khống của Công ty do Nguyễn Minh T1 thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT, với tổng giá trị hóa đơn là 33.527.515.461 đồng (trong đó: tiền hàng hóa 30.479.559.510 đồng; tiền thuế GTGT: 3.047.955.951 đồng). Để mua 27 hóa đơn khống, H1 đã trả số tiền 1.066.784.582 đồng cho "H2" bằng tiền mặt (tương đương 3,8% giá trị tiền hàng).

Sau khi mua 27 hóa đơn GTGT nêu trên, H1 đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty D1. Công ty D1 đã kê khai bổ sung, điều chỉnh giảm thuế GTGT được khấu trừ đối với 27 hóa đơn trên và đã nộp đủ toàn bộ số tiền thuế GTGT vào ngân sách Nhà nước. Do đó, Đỗ Quốc H1 có hành vi "Mua bán trái phép" 27 hoá đơn GTGT.

Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng ; Tổ quốc ghi công liệt sỹ Đỗ Văn T2 (ông nội); Bà Nguyễn Thị L (bà nội) được Chủ tịch nước tặng Huy chương kháng chiến hạng Nhì.

Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Đỗ Quốc H1 100.000.000 đồng đến 110.000.000đ

119. Trong năm 2022, Đoàn Thị H3 là Giám đốc Công ty H6 đã liên hệ với cá

nhân tên "B" mua 27 hóa đơn GTGT khống của 04 công ty do Nguyễn Minh T1 thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT, với tổng doanh số là 10.103.401.936 đồng (trong đó tiền hàng hóa dịch vụ là 9.312.844.723 đồng; tiền thuế GTGT: 790.557.213 đồng). H3 đã trả tiền mua hoá đơn là 253.945.322 đồng (bằng 06% giá trị hàng hóa).

Sau khi mua 27 hóa đơn GTGT nêu trên, H3 đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của công ty H6 trong năm 2022. Tháng 03/2024, Công ty H6 đã làm thủ tục kê khai bổ sung, điều chỉnh loại bỏ toàn bộ 27 hóa đơn nêu trên ra khỏi tờ khai thuế và đã nộp đủ toàn bộ số tiền thuế GTGT vào ngân sách Nhà nước. Do đó, Đoàn Thị H3 có hành vi "Mua bán trái phép" 27 hóa đơn GTGT.

Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng;

Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Đoàn Thị H3 110.000.000 đồng đến 120.000.000đ

120. Trong năm 2021, Tư Đồ Q là chồng của Trịnh Thị Bích V Giám đốc Công ty Â đã liên hệ với cá nhân để mua 27 hóa đơn GTGT khống của 04 công ty do Nguyễn Minh T1 thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT, với tổng doanh số 23.555.453.856 đồng (tiền hàng: 21.414.048.960 đồng, tiền thuế: 2.141.404.896 đồng). S1 đã trả số tiền mua hóa đơn là 703.000.000 đồng (tương đương 5% giá trị tiền hàng).

Sau khi mua 27 hóa đơn nêu trên, S1 đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty Â. Tháng 6/2023, S1 đã kê khai bổ sung điều chỉnh giảm 27/27 hóa đơn và đã nộp đủ toàn bộ số tiền thuế GTGT vào ngân sách Nhà nước. Do đó, Tư Đồ Q có hành vi "Mua bán trái phép" 27 hoá đơn giá trị gia tăng.

Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng;

Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Tư Đồ Quan S1 110.000.000 đồng đến 120.000.000đ

121. Trong năm 2022, Nguyễn Văn T3 là Giám đốc Công ty Đ1 đã liên hệ với cá nhân tên "H4" mua 26 hóa đơn GTGT khống của 03 công ty do Nguyễn Minh T1 thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT, với tổng doanh số 8.115.199.700 đồng (tiền hàng: 7.452.542.500 đồng, tiền thuế: 662.657.200 đồng). T3 đã trả số tiền mua hóa đơn là 445.532.000 đồng (tương đương 6% giá trị tiền hàng).

Sau khi mua 26 hóa đơn, T3 đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty. Tháng 6/2023, T3 đã kê khai bổ sung điều chỉnh giảm 26 hóa đơn và đã nộp đủ toàn bộ số tiền thuế GTGT vào ngân sách Nhà nước. Do đó, Nguyễn Văn T3 có hành vi "Mua bán trái phép" 26 hoá đơn giá trị gia tăng.

Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Tổ quốc ghi công cho liệt sỹ Nguyễn Văn B1 (Bác ruột).

Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T3 70.000.000 đồng đến 80.000.000đ

122. Năm 2021, Nguyễn Thành T4 là Phó Giám đốc là người điều hành Công ty T7 thông qua người đàn ông tên "L1" mua 25 hóa đơn GTGT khống của 08

Công ty do Nguyễn Minh T1 thành lập để bán trái phép hóa đơn, với tổng doanh số hóa đơn là 50.923.912.249 đồng, trong đó tiền hàng hóa dịch vụ trước thuế VAT là 46.294.465.681 đồng, tiền thuế là 4.629.446.568 đồng. Chi phí mua hóa đơn Công ty T7 đã thanh toán là 1.620.306.299 đồng.

Sau khi mua 25 hóa đơn nêu trên, T4 đã sử dụng toàn bộ 25 hóa đơn để kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty T7. T4 đã kê khai bổ sung điều chỉnh giảm 25 hóa đơn trên và đã nộp đủ toàn bộ số tiền thuế GTGT vào ngân sách Nhà nước. Do đó, Nguyễn Thành T4 có hành vi "Mua bán trái phép" 25 hóa đơn GTGT.

Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng;

Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thành T4 80.000.000 đồng đến 90.000.000đ

123. Trong năm 2021, 2022, Nguyễn Văn H5 là Giám đốc Công ty C3 đã liên hệ với "Trần Văn D" để mua tổng số 25 hóa đơn GTGT khống của 04 công ty do Nguyễn Minh T1 thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT, với tổng doanh số là 8.972.366.128 đồng (trong đó: tiền hàng hóa: 8.209.147.464 đồng; tiền thuế GTGT: 763.218.664 đồng). H5 đã trả tiền mua hóa đơn là: 205.228.687 đồng (bằng 2,5% giá trị hàng hóa trên hóa đơn).

Sau khi mua 25 hóa đơn nêu trên, H5 đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của công ty C3 trong năm 2021, 2022 và đã kê khai bổ sung loại trừ toàn bộ hóa đơn GTGT bất hợp pháp và đã nộp đủ toàn bộ số tiền thuế GTGT vào ngân sách Nhà nước. Do đó, Nguyễn Văn H5 có hành vi "Mua bán trái phép" 25 hóa đơn GTGT.

Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng;

Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H5 80.000.000 đồng đến 90.000.000đ.

124. Trong năm 2021 và 2022, Bùi Đình N1 là Giám đốc Công ty Đ2 đã liên hệ với cá nhân tên "T5" mua 24 hóa đơn GTGT khống của 03 Công ty do Nguyễn Minh T1 thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT, với tổng giá trị hóa đơn là 21.617.617.230 đồng (trong đó: tiền hàng hóa: 19.652.379.300 đồng; tiền thuế GTGT: 1.965.237.930 đồng). N1 đã trả số tiền mua hoá đơn là 900.998.900 đồng (tương đương 5% giá trị tiền hàng).

Sau khi mua 24 hóa đơn GTGT nêu trên, N1 đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty Đ2. Công ty Đ2 đã kê khai bổ sung, điều chỉnh giảm thuế GTGT được khấu trừ đối với 24 hóa đơn trên. Do đó, Bùi Đình N1 có hành vi "Mua bán trái phép" 24 hoá đơn GTGT.

Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; UBMTTQ quận B biểu dương người tốt việc tốt đã tích cực tham gia các phong trào thi đua yêu nước tại địa phương; có bà Phạm R (bà nội vợ) là liệt sỹ.

Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Bùi Đình N1 70.000.000 đồng đến 80.000.000đ

125. Trong năm 2022, Trần Thị Kim C2 là Phó Giám đốc Công ty C4 đã liên hệ

với cá nhân tên tên "H2" để mua 24 hóa đơn GTGT khống của 04 Công ty gồm do Nguyễn Minh T1 thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT, với tổng doanh số là: 13.432.740.457 đồng (Tiền hàng là: 12.437.722.645 đồng; tiền thuế GTGT là: 995.017.812 đồng). C2 đã trả số tiền mua hoá đơn là 402.982.213 đồng (tương đương 3% giá trị tiền hàng).

Sau khi mua 24 hóa đơn nêu trên, C đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty TNHH C2. Tháng 7/2023, Công ty kê khai bổ sung, loại toàn bộ 24 hóa đơn nêu trên ra khỏi hóa đơn đầu vào của Công ty và đã nộp đủ toàn bộ số tiền thuế GTGT vào ngân sách Nhà nước. Do đó, Trần Thị Kim C đã có hành vi "Mua bán trái phép" 24 hóa đơn GTGT.

Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Được Hội Nữ Doanh nhân thành phố H tặng giấy khen; được Hội Doanh nhân trẻ thành phố H tặng giấy khen, được Hội Liên hiệp phụ nữ TP H tặng giấy khen; Bà Nguyễn Thị T (mẹ chồng) được Chủ tịch nước tặng Huy chương kháng chiến hạng nhất; ông Phan Tấn S (bố chồng) được Bộ trưởng Bộ T6 tặng Bằng khen đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua, công tác; được tặng Huy hiệu 40 năm tuổi Đảng, được Chủ tịch nước tặng Huân chương kháng chiến hạng Nhất.

Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Trần Thị Kim C 70.000.000 đồng đến 80.000.000đ.

126. Trong năm 2021 và 2022, Lê Thanh N là Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Công ty N4 thông qua cá nhân tên D, đã mua 24 hóa đơn GTGT khống của D với tổng doanh số 36.767.581.785 đồng (Tiền hàng: 33.904.798.950 đồng, tiền thuế VAT: 2.862.782.835 đồng).

Sau khi mua 24 hóa đơn GTGT khống, Công ty đã kê khai hàng hóa mua vào năm 2021 và năm 2022. Tháng 6/2023, Công ty N4 đã kê khai điều chỉnh giảm 24 tờ hóa đơn GTGT khống nêu trên. Do đó, Lê Thanh N có hành vi "Mua bán trái phép" 24 hóa đơn GTGT.

Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; TƯ Hội Chữ thập đỏ Việt Nam tặng Bằng khen vì đã có thành tích xuất sắc trong công tác.

Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm i, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Lê Thanh N 50.000.000 đồng đến 60.000.000đ

127. Trong năm 2021 và 2022, Lê Thanh H là Giám đốc Công ty L đã liên hệ với một người đàn ông để mua 23 hóa đơn GTGT khống của 06 công ty do Nguyễn Minh T1 sử dụng để bán hóa đơn, với tổng doanh số là 9.860.496.900 đồng (trong đó tiền hàng là 8.991.365.000 đồng, tiền thuế là 869.131.900 đồng). H đã trả số tiền mua hoá đơn là: 584.438.725 đồng (tương đương với 6,5%) bằng tiền mặt.

Sau khi mua 23 hóa đơn GTGT, Công ty L đã sử dụng kê khai thuế GTGT đầu vào. Đến tháng 3 năm 2024, Công ty L đã đã kê khai bổ sung, điều chỉnh giảm thuế GTGT được khấu trừ đối với 23 số hoá đơn trên. Do đó, Lê Thanh H có hành vi "Mua bán trái phép" 23 hoá đơn giá trị gia tăng.

Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; có ông Lê Minh Đ (chú ruột) được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba.
Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Lê Thanh H 70.000.000 đồng đến 80.000.000đ
128. Trong năm 2021 và 2022, Trần Lê Hải Y là Giám đốc Công ty T7 đã liên hệ với một cá nhân để mua 23 hóa đơn GTGT khống của 05 Công ty do Nguyễn Minh T1 thành lập để bán trái phép hóa đơn, với tổng giá trị hóa đơn là 27.522.664.124 đồng (trong đó: tiền hàng hóa: 25.055.178.690 đồng; tiền thuế GTGT 2.467.485.434 đồng). Y đã trả số tiền mua hoá đơn là 1.503.310.721 đồng (tương đương 6% giá trị tiền hàng).
Sau khi mua 23 hóa đơn GTGT nêu trên, Y đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty T7. Công ty T7 đã kê khai bổ sung, điều chỉnh giảm thuế GTGT được khấu trừ đối với 23 hóa đơn trên. Do đó, Trần Lê Hải Y có hành vi "Mua bán trái phép" 23 hoá đơn GTGT.
Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Hội chữ thập đỏ phường H tuyên dương đã có thành tích tích cực trong công tác xã hội nhân đạo.
Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: đề nghị xử phạt bị cáo Trần Lê Hải Y 70.000.000 đồng đến 80.000.000đ
129. Năm 2021, 2022, Trần Thị Kim C1 là Giám đốc Công ty A1 đã thông qua "T2" mua 23 hóa đơn GTGT khống của các công ty do Nguyễn Minh T1 thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT với tổng doanh số hóa đơn là 19.041.480.000 đồng, trong đó giá trị hàng trước thuế là 17.313.000.000 đồng, tiền thuế VAT là 1.728.480.000 đồng. Chi phí mua hóa đơn Công ty A1 đã phải thanh toán là 1.728.480.000 đồng.
Sau khi mua 23 hóa đơn nêu trên, C1 đã sử dụng toàn bộ 23 hóa đơn để kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty A1. N1 đã kê khai bổ sung điều chỉnh giảm 23 hóa đơn trên và đã nộp đủ toàn bộ số tiền thuế GTGT vào ngân sách Nhà nước. Do đó, Trần Thị Kim C1 có hành vi "Mua bán trái phép" 23 hóa đơn GTGT.
Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng;
Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Trần Thị Kim C1 80.000.000 đồng đến 90.000.000đ.
130. Năm 2021, 2022, Khổng Hữu N2 là Giám đốc Công ty K2 đã liên hệ với một cá nhân tên "D" mua 23 hóa đơn GTGT khống của 03 Công ty do Nguyễn Minh T1 thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT, với tổng doanh số hóa đơn là 10.911.060.000 đồng, trong đó tiền hàng hóa dịch vụ trước thuế VAT là 9.997.000.000 đồng, tiền thuế là 914.060.000 đồng. Chi phí mua hóa đơn Công ty K2 đã thanh toán là 349.895.000 đồng.
Sau khi mua 23 hóa đơn nêu trên, N2 đã sử dụng toàn bộ 23 hóa đơn để kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty K2. Nháng đã kê khai bổ sung điều chỉnh giảm 23 hóa đơn trên. Do đó, Khổng Hữu N2 có hành vi "Mua bán trái phép" 23 hóa đơn GTGT.

Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; có em trai là Khổng Hữu K là liệt sỹ.
Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Khổng Hữu N2 70.000.000 đồng đến 80.000.000đ.
131. Nguyễn Văn H1
132. Lê Thị Huyền
Trong năm 2021, 2022, Nguyễn Văn H1 Là người đại diện theo pháp luật Công ty H4 đã chỉ đạo Lê Thị H2 là Kế toán Công ty liên hệ với một cá nhân tên "A" mua tổng số 22 hóa đơn GTGT khống của 08 công ty do Nguyễn Minh T1 thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT, với tổng doanh số: 9.968.690.050 đồng (trong đó: tiền hàng hóa: 9.062.445.500 đồng; tiền thuế GTGT: 906.244.550 đồng). H1 đã trả tiền mua hóa đơn số tiền là: 419.815.410 đồng (bằng 6% tiền hàng ghi trên 16 hóa đơn đã chuyển khoản hợp thức).
Sau khi mua 22 hóa đơn nêu trên, công ty H4 đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của công ty trong năm 2021, 2022. Đến nay, công ty H4 đã kê khai bổ sung loại toàn bộ 22 hóa đơn nêu trên. Do đó, Nguyễn Văn H1 và Lê Thị H2 có hành vi "Mua bán trái phép" 22 hóa đơn GTGT.
Bị cáo Nguyễn Văn H1 phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Ông Nguyễn Văn T4 (bố đẻ) được Chủ tịch nước tặng Huy chương kháng chiến hạng Nhì; được ghi danh Người chiến sỹ cách mạng Việt Nam bị địch bắt tù đày; được UBND thị xã T công nhận Gia đình Văn hóa.
Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H1 70.000.000 đồng đến 80.000.000đ
Bị cáo Lê Thị H2 phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Ông Lê Hữu T5 (bố đẻ) được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương Chiến sỹ vẻ vang hạng Nhì năm 1997 và năm 2004; Huân chương Chiến sỹ vẻ vang hạng Ba; Giấy chứng nhận thương binh.
Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Lê Thị H2 70.000.000 đồng đến 80.000.000đ.
133. Trong năm 2021 và 2022, Hà Văn K1 là Giám đốc Công ty K2K1 đã liên hệ với cá nhân tên "B" để mua 22 hóa đơn GTGT khống của 02 công ty do Nguyễn Minh T1 thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT với tổng doanh số 9.929.763.311 đồng (trong đó tiền hàng hóa dịch vụ trước thuế VAT là 8.535.977.760 đồng, tiền thuế là 649.685.551 đồng). K1 đã trả số tiền mua hóa đơn là 170.710.555 đồng (tương đương 2% giá trị tiền hàng).
Sau khi mua 22 hóa đơn nêu trên, công ty K2K1 đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của công ty trong năm 2021, 2022. Đến nay, công ty đã kê khai bổ sung loại toàn bộ 22 hóa đơn nêu trên. Do đó, Hà Văn K1 có hành vi "Mua bán trái phép" 22 hoá đơn giá trị gia tăng.
Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng;
Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật

Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Hà Văn K1 80.000.000 đồng đến 90.000.000đ.
134. Trong năm 2021 và 2022, Đường Chí Nghĩa là Giám đốc Công ty P đã liên hệ với một cá nhân để mua 20 hóa đơn GTGT khống của 06 Công ty do Nguyễn Minh T1 thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT, với tổng doanh số là 9.832.182.200 đồng (tiền hàng: 9.021.302.000 đồng, tiền thuế: 810.880.200 đồng). N3 đã trả số tiền mua hóa đơn là 915.000.000 đồng (tương đương 10% giá trị tiền hàng).
Sau khi mua 20 hóa đơn nêu trên, N3 đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty P. Tháng 6/2023, N3 đã kê khai bổ sung điều chỉnh giảm 20/20 hóa đơn và đã nộp đủ toàn bộ số tiền thuế GTGT vào ngân sách Nhà nước. Do đó, Đường C có hành vi "Mua bán trái phép" 20 hoá đơn giá trị gia tăng.
Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; UBMTTQ phường 11 quận B biểu dương vì đã tích cực ủng hộ chương trình vì người nghèo.
Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Đường C 70.000.000 đồng đến 80.000.000đ
135. Trong năm 2021, 2022, Vũ Thanh H3 là Giám đốc Công ty S1 đã liên hệ với người đàn ông giới thiệu tên là "Q", mua 21 hóa đơn GTGT của 04 công ty do Nguyễn Minh T1 thành lập để bán trái phép hóa đơn, với 6.524.237.027 đồng (tiền hàng 5.931.124.570 đồng, tiền thuế 593.112.457 đồng). Tổng số tiền mua hóa đơn đã thanh toán là khoảng 290 triệu đồng.
Toàn bộ 21 hoá đơn GTGT đã được Công ty S1 kê khai thuế trong năm 2021, năm 2022. Đến tháng 6, tháng 12 /2023, Công ty S1 đã kê khai điều chỉnh bổ sung, loại bỏ 21 hóa đơn nêu trên. Đến tháng 6, tháng 12 /2023, Công ty S1 đã kê khai điều chỉnh bổ sung, loại bỏ 21 hóa đơn nêu trên và đã nộp đủ toàn bộ số tiền thuế GTGT vào ngân sách Nhà nước. Do đó, Vũ Thanh H3 có hành vi "Mua bán trái phép" 21 hóa đơn GTGT.
Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng;
Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Vũ Thanh H3 80.000.000 đồng đến 90.000.000đ
136. Trong năm 2021 và 2022, Trần Thị Ngọc M là Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty N5 đã liên hệ với cá nhân tên "Thi" để mua 21 hóa đơn GTGT khống của 02 công ty do Nguyễn Minh T1 thành lập để bán trái phép hóa đơn, với tổng doanh số ghi trên hóa đơn là 11.951.642.720 đồng (trong đó tiền hàng hóa dịch vụ là 10.977.259.000 đồng, tiền thuế GTGT là 974.383.720 đồng). Tổng số tiền M đã trả để mua hóa đơn là 729.581.120 đồng (tương đương với khoảng 7% giá trị tiền hàng hóa chưa bao gồm thuế GTGT).
Đối với 21 tờ hoá đơn GTGT của 02 Công ty trên, Công ty N5 đã kê khai thuế trong năm 2021, 2022. Đến ngày 28/11/2023, Công ty N5 đã kê khai điều chỉnh bổ sung, loại bỏ 21 hóa đơn của 02 Công ty nêu trên; Do đó, Trần Thị Ngọc M có hành vi "Mua bán trái phép" 21 hóa đơn GTGT.
Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng;
Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật

Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Trần Thị Ngọc M 80.000.000 đồng đến 90.000.000đ.

137. Trong năm 2021, năm 2022, Huỳnh Văn Đ là Giám đốc Công ty T7 đã thông qua một nam thanh niên tên "H" để mua 21 hóa đơn GTGT khống của 02 Công ty do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT, với tổng doanh số 12.222.452.000 đồng (trong đó tiền hàng 11.111.320.000 đồng, tiền thuế 1.111.132.000 đồng). Số tiền mua hóa đơn Đ đã trả cho H là 555.566.000 đồng.

Toàn bộ 21 hoá đơn GTGT nêu trên, đã được Công ty T7 kê khai thuế trong năm 2021, năm 2022. Đến tháng 01/2024, Công ty T7 đã kê khai điều chỉnh bổ sung, loại bỏ 21 hóa đơn nêu trên. Do đó, Huỳnh Văn Đ có hành vi "Mua bán trái phép" 21 hóa đơn GTGT.

Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Chủ tịch UBND phường T tặng giấy khen vì đã có nhiều đóng góp trong xây dựng Nông thôn mới, đô thị văn minh.

Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Huỳnh Văn Đ 70.000.000 đồng đến 80.000.000đ

138. Năm 2022, Đỗ Minh T1 là Giám đốc Công ty T8 đã thông qua L mua 20 hóa đơn GTGT khống của công ty do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn, với tổng doanh số hóa đơn là 12.100.864.820 đồng, trong đó giá trị hàng trước thuế là 11.000.786.200 đồng, tiền thuế VAT là 1.100.078.620 đồng. Số tiền T1 đã trả để mua hóa đơn là 550.039.310 đồng (tương đương với 5% giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn).

Sau khi mua 20 hóa đơn nêu trên, T1 đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty T8. Triết đã kê khai bổ sung điều chỉnh giảm 20 hóa đơn trên và đã nộp đủ toàn bộ số tiền thuế GTGT vào ngân sách Nhà nước. Do đó, Đỗ Minh T1 có hành vi "Mua bán trái phép" 20 hóa đơn GTGT.

Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Ông Đỗ Văn T2 (ông nội) được Tổ quốc ghi công liệt sỹ.

Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Đỗ Minh T1 50.000.000 đồng đến 60.000.000đ

139. Năm 2021 và 2022, Lê Hoài S là Giám đốc Công ty L2 đã được kế toán dịch vụ của Công ty là "Lê Thị Tú N" hướng dẫn tìm, mua hóa đơn. Sau đó, N liên hệ được với người phụ nữ tên "P" mua 20 hóa đơn GTGT khống của Công ty do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn, với tổng doanh số hóa đơn là 11.960.108.318 đồng, trong đó giá trị hàng trước thuế là 10.982.095.280 đồng, tiền thuế VAT là 978.013.038 đồng. Công ty L2 đã thanh toán mua hoá đơn là 658.925.717 đồng.

Sau khi mua 20 hóa đơn nêu trên, S đã sử dụng toàn bộ 20 hóa đơn để kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty L2. S đã kê khai bổ sung điều chỉnh giảm 20 hóa đơn trên và đã nộp đủ toàn bộ số tiền thuế GTGT vào ngân sách Nhà nước. Do đó, Lê Hoài S có hành vi "Mua bán trái phép" 20 hóa đơn GTGT.

Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Được UBMTTQ xã

V ghi nhận tri ân tấm lòng vàng vì đã tích cực tham gia ủng hộ quỹ Vì người nghèo năm 2020; có bà Lê Thị T3 (mẹ ruột) được Chủ tịch N1 tặng Huân chương kháng chiến hạng Nhì.

Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Lê Hoài S 50.000.000 đồng đến 60.000.000đ

140. Trong năm 2021, Trần Văn T4 là Giám đốc Công ty N2 đã thông qua cá nhân tên "H1", mua 19 hóa đơn GTGT khống của 02 công ty do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT, với tổng doanh số 14.721.647.508 đồng (trong đó tiền hàng hóa dịch vụ là 13.631.155.100 đồng, tiền thuế GTGT là 1.090.492.408 đồng). T4 đã trả số tiền mua hóa đơn là 855.000.000 đồng (tương đương 6,5% giá trị tiền hàng).

Sau khi mua 19 hóa đơn, T4 đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty. Tháng 3/2024, T4 đã kê khai bổ sung điều chỉnh giảm 19 hóa đơn và đã nộp đủ toàn bộ số tiền thuế GTGT vào ngân sách Nhà nước. Do đó, Trần Văn T4 có hành vi "Mua bán trái phép" 19 hoá đơn giá trị gia tăng.

Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng;

Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Trần Văn T4 60.000.000 đồng đến 70.000.000đ

141. Trong năm 2021 và 2022, Nguyễn Hiền D là Phó Giám đốc Công ty K đã liên hệ với cá nhân tên "D1" mua 19 hóa đơn GTGT khống của 06 công ty do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn, với tổng doanh số ghi trên hóa đơn là 13.263.030.000 đồng (trong đó tiền hàng hóa dịch vụ là 12.057.300.000 đồng, tiền thuế GTGT là 1.205.730.000 đồng). D đã trả số tiền mua hoá đơn là 422.005.500 đồng (tương đương với 3,5% giá trị tiền hàng chưa bao gồm thuế GTGT).

Toàn bộ 19 hoá đơn GTGT đã được Công ty K kê khai thuế trong năm 2021, 2022

. Đến tháng 12/2023, Công ty K đã kê khai điều chỉnh bổ sung, loại bỏ 19 hóa đơn nêu trên và nộp số tiền 35.250.000 đồng vào ngân sách nhà nước. Do đó, Nguyễn Hiền D có hành vi "Mua bán trái phép" 19 hóa đơn GTGT.

Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng;

Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Hiền D 60.000.000 đồng đến 70.000.000đ.

142. Năm 2021, Nguyễn Huy P1 là Giám đốc Công ty I đã liên hệ với một cá nhân, mua 19 hóa đơn GTGT khống của các Công ty do Nguyễn Minh Tthành lập để bán trái phép hóa đơn, với tổng giá trị thanh toán là: 9.127.286.312 đồng (Trong đó, tiền hàng là: 8.297.533.011 đồng, tiền thuế là: 829.753.301 đồng). Tổng số tiền P3 để mua hóa đơn là 331.901.320 đồng tương đương 3% đến 5% giá trị tiền hàng chưa bao gồm thuế GTGT.

Toàn bộ 19 hoá đơn GTGT đã được Công ty I1 kê khai thuế trong năm 2021. Tháng 01/2024, Công ty I1 đã kê khai điều chỉnh bổ sung, loại bỏ 19 hóa đơn

nêu trên. Do đó, Nguyễn Huy P1 có hành vi "Mua bán trái phép" 19 hóa đơn GTGT.

Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng;

Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Huy P1 60.000.000 đồng đến 70.000.000đ

143. Trong năm 2021, 2022, Lê Xuân L là Giám đốc Công ty V đã liên hệ với một cá nhân chưa xác định được danh tính, mua tổng số 18 hóa đơn GTGT khống của 03 công ty do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn, với tổng doanh số là 45.206.726.037 đồng (trong đó: tiền hàng hóa: 41.097.023.669 đồng; tiền thuế GTGT: 4.109.702.368 đồng). L đã trả tiền mua hóa đơn là 1.643.880.947 đồng (bằng 4% giá trị hàng hóa trên hóa đơn).

Sau khi mua 18 hóa đơn nêu trên, L đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của công ty V trong năm 2021, 2022 và đã kê khai bổ sung loại trừ toàn bộ hóa đơn GTGT bất hợp pháp. Do đó, Lê Xuân L có hành vi "Mua bán trái phép" 18 hóa đơn GTGT.

Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Có ông Lê Xuân P2 (bố đẻ) là thương binh, được tặng Huy hiệu 55 năm tuổi Đảng; được UB MTTQ xã Y có thư cảm ơn tham gia ủng hộ Chương trình Đông ấm áp tình quê hương năm 2023 số tiền 100 triệu đồng; Trường Tiểu học thị trấn C có thư cảm ơn ủng hộ 100 suất học bổng trị giá 70 triệu đồng cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn; Trường THCS Y có thư cảm ơn đã ủng hộ 30 triệu đồng cho học sinh nghèo.

Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Lê Xuân L 50.000.000 đồng đến 60.000.000đ

144. Trong năm 2021 và 2022, Nguyễn Hải S1 là Chủ tịch công ty kiêm Giám đốc Công ty T7 đã liên hệ với cá nhân tên "M1" mua 18 hóa đơn GTGT khống của Công ty do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn, với tổng giá trị hóa đơn là 9.997.499.800 đồng (trong đó: tiền hàng hóa 9.170.600.000 đồng; tiền thuế GTGT 826.899.800 đồng). S1 đã trả số tiền mua hoá đơn là 324.471.000 đồng (tương đương 3,5% giá trị tiền hàng).

Sau khi mua 18 hóa đơn GTGT nêu trên, S1 đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty T7. Công ty T7 đã kê khai bổ sung, điều chỉnh giảm thuế GTGT được khấu trừ đối với 18 hóa đơn trên và đã nộp đủ toàn bộ số tiền thuế GTGT vào ngân sách Nhà nước. Do đó, Nguyễn Hải S1 có hành vi "Mua bán trái phép" 18 hoá đơn GTGT.

Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng;

Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Hải S1 60.000.000 đồng đến 70.000.000đ

145. Trong năm 2021 và 2022, Nguyễn Văn H2 là Giám đốc Công ty H3 đã liên hệ với cá nhân tên "T5" mua 18 hóa đơn GTGT khống của 02 Công ty do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn, với tổng doanh số là 12.837.250.000 đồng (Tiền hàng là: 11.673.500.000 đồng, tiền thuế GTGT là:

1.163.750.000 đồng). H2 đã trả số tiền mua hoá đơn là 1.163.750.000 đồng (tương đương từ 8% đến 10% giá trị tiền hàng).
Sau khi mua 18 hóa đơn GTGT, H2 đã sử dụng để kê khai thuế đầu vào của Công ty H3. Tháng 11/2023, Công ty H3 đã kê khai bổ sung, điều chỉnh giảm thuế GTGT được khấu trừ đối với 18 hóa đơn trên. Do đó, Nguyễn Văn H2 không có thiệt hại về thuế GTGT; có hành vi "Mua bán trái phép" 18 hóa đơn GTGT và đã nộp đủ toàn bộ số tiền thuế GTGT vào ngân sách Nhà nước.
Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng;
Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H2 60.000.000 đồng đến 70.000.000đ
146. Trong năm 2021 và 2022, Phạm Phú G là Giám đốc Công ty Đ1 đã liên hệ với cá nhân tên "L1" mua 18 hóa đơn GTGT của Công ty do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn, với tổng giá trị hóa đơn là 11.941.272.000 đồng (Tiền hàng hóa: 10.905.600.000đồng; tiền thuế GTGT là: 1.035.672.000 đồng). G đã trả số tiền mua hoá đơn là 545.280.000 đồng.
Sau khi mua 18 hóa đơn GTGT nêu trên, G đã sử dụng để kê khai thuế đầu vào của Công ty Đ1. Từ tháng 5/2023 đến tháng 3/2024, Công ty Đ1 đã kê khai bổ sung, điều chỉnh giảm thuế GTGT được khấu trừ đối với 18 hóa đơn trên và đã nộp đủ toàn bộ số tiền thuế GTGT vào ngân sách Nhà nước. Do đó, Phạm Phú G có hành vi "Mua bán trái phép" 18 hóa đơn GTGT.
Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Đã ủng hộ tài trợ vắc xin phòng chống dịch Covid-19.
Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Phạm Phú G 50.000.000 đồng đến 60.000.000đ
147. Nguyễn Thị Tuyết S2.
148. Trần Văn T6.
Trong năm 2021 và 2022, Nguyễn Thị Tuyết S2 là Giám đốc Công ty C đã giao cho Trần Văn T6 là Giám đốc điều hành của Công ty liên hệ với cá nhân tên "Lê Thị Mỹ B" mua 18 hóa đơn GTGT khống của các công ty do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn, với tổng doanh số 15.784.667.931 đồng (tiền hàng: 14.462.512.809 đồng, tiền thuế: 1.322.155.122 đồng). S2 đã trả số tiền mua hoá đơn là 723.000.000 đồng.
Sau khi mua 18 hóa đơn, T6 đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty C. Tháng 6/2023 và tháng 3/2024, T6 đã kê khai bổ sung điều chỉnh giảm 18 hóa đơn GTGT. Do đó, Trần Văn T6, Nguyễn Thị Tuyết S2 có hành vi "Mua bán trái phép" 18 hoá đơn giá trị gia tăng.
Bị cáo Nguyễn Thị Tuyết S2 phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng;
Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Tuyết S 60.000.000 đồng đến 70.000.000đ
Bị cáo Trần Văn T phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Hội liên

hiệp phụ nữ phường xác nhận đã ủng hộ chăm lo hộ khó khăn trong địa bàn phường.
Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Trần Văn T 50.000.000 đồng đến 60.000.000đ.
149. Trong năm 2021, năm 2022, Ngô Phong H là Giám đốc Công ty H3 đã liên hệ với "H1" mua mua 17 hóa đơn GTGT khống của 03 Công ty do Nguyễn Minh T1 thành lập để bán trái phép hóa đơn, với tổng doanh số 34.947.366.275 đồng (trong đó tiền hàng 31.770.660.250 đồng, tiền thuế 3.176.706.025 đồng). Số tiền mua hóa đơn H đã thanh toán là 1,5 tỷ đồng.
Toàn bộ 17 hoá đơn GTGT đã được Công ty H3 kê khai thuế trong năm 2021, năm 2022. Đến tháng 9/2023, Công ty H3 đã kê khai điều chỉnh bổ sung, loại bỏ 17 hóa đơn nêu trên. Do đó, Ngô Phong H có hành vi "Mua bán trái phép" 17 hóa đơn GTGT.
Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Có bà Ngô Thị L (cô ruột) được Tổ quốc ghi công liệt sỹ; ông Ngô Đăng S1 (bố đẻ) được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Nhất; được tặng Huy hiệu 55 năm tuổi Đảng; được Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam tặng thưởng Huân chương lao động H4, được Chủ tịch nước CHDC Nhân dân Lào tặng thưởng Huân chương lao động hạng Ba; Bà Lê Thị R (mẹ đẻ) được tặng Huy chương Kháng chiến hạng Nhất; tặng Huy hiệu 55 năm tuổi Đảng, được Chủ tịch nước CHDC Nhân dân Lào tặng thưởng Huân chương lao động hạng Ba.
Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Ngô Phong H 50.000.000 đồng đến 60.000.000đ
150. Trong năm 2021, 2022, Trần Ngọc Vĩnh P là Giám đốc Công ty A đã chỉ đạo "Ngân" là kế toán dịch vụ của Công ty mua 50 hóa đơn GTGT khống của các công ty do Nguyễn Minh T1 thành lập để bán trái phép hóa đơn, với tổng doanh số hóa đơn là 15.907.821.050 đồng, trong đó giá trị hàng trước thuế là 14.550.313.809 đồng, tiền thuế là 1.357.507.241 đồng. P đã trả tiền mua hoá đơn là 1.164.025.105 đồng (tương đương 8% doanh số tiền hàng).
Sau khi mua 50 hóa đơn nêu trên, Phan chỉ sử dụng 16/50 hóa đơn với tổng doanh số hóa đơn là 6.204.159.397 đồng, trong đó giá trị hàng trước thuế là 5.709.327.068 đồng, tiền thuế VAT là 494.832.329 đồng để kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty A. Phan đã kê khai bổ sung điều chỉnh giảm 16 hóa đơn này và đã nộp đủ toàn bộ số tiền thuế GTGT vào ngân sách Nhà nước. Do đó, Trần Ngọc Vĩnh P có hành vi "Mua bán trái phép" 16 hóa đơn GTGT.
Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng;
Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Trần Ngọc Vĩnh P 60.000.000 đồng đến 70.000.000đ
151. Trong năm 2021 và 2022, Trần Công D là người đại diện theo pháp luật Công ty H5 đã liên hệ với cá nhân là nam giới, mua 16 hóa đơn GTGT khống

của 03 công ty do Nguyễn Minh T1 thành lập để bán trái phép hóa đơn, với tổng doanh số 39.776.000.000 đồng (trong đó tiền hàng là 36.350.000.000 đồng, tiền thuế là 3.426.000.000 đồng). D đã trả số tiền mua hoá đơn là: 1.817.500.000 đồng.

Sau khi mua 16 hóa đơn nêu trên, D đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty H5. Tháng 6/2023, D đã kê khai bổ sung điều chỉnh giảm 16/16 hóa đơn. Do đó, Trần Công D có hành vi "Mua bán trái phép" 16 hoá đơn giá trị gia tăng.

Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng;

Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Trần Công D 60.000.000 đồng đến 70.000.000đ

152. Trong năm 2021, 2022, Phan Trọng Bích N là Giám đốc Công ty G đã liên hệ với một cá nhân không rõ tên tuổi mua tổng số 16 hóa đơn GTGT khống, của 10 công ty do Nguyễn Minh T1 thành lập để bán trái phép hóa đơn, với tổng doanh số 24.870.370.176 đồng (trong đó: tiền hàng hóa 22.609.427.493 đồng; tiền thuế GTGT 2.260.942.683 đồng). N đã trả tiền mua hóa đơn số tiền là: 1.147.610.920 đồng.

Sau khi mua 16 hóa đơn nêu trên, N đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của công ty trong năm 2021. 2022. Đến nay, công ty G đã kê khai bổ sung loại toàn bộ 16 hóa đơn nêu trên. Do đó, Phan Trọng Bích N có hành vi "Mua bán trái phép" 16 hóa đơn GTGT.

Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng;

Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Phan Trọng Bích N 60.000.000 đồng đến 70.000.000đ

153. Trong năm 2021 và 2022, Nguyễn Thanh T2 là người trực tiếp quản lý, điều hành Công ty P3 đã liên hệ với cá nhân tên "D1" mua 16 hóa đơn GTGT khống, của 03 Công ty do Nguyễn Minh T1 thành lập để bán trái phép hóa đơn, với tổng giá trị hóa đơn là 12.436.499.300 đồng (trong đó: tiền hàng hóa: 11.370.463.000 đồng; tiền thuế GTGT: 1.066.036.300 đồng). T2 đã trả số tiền 273.697.000 đồng để mua hoá đơn (tương đương 3,5% giá trị tiền hàng).

Sau khi mua 16 hóa đơn GTGT nêu trên, T2 đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty P3. Công ty P3 đã kê khai bổ sung, điều chỉnh giảm thuế GTGT được khấu trừ đối với 16 hóa đơn trên.

Do đó, Nguyễn Thanh T2 có hành vi "Mua bán trái phép" 16 hoá đơn GTGT.

Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; UBND xã H 3 có thư cảm ơn vì đã ủng hộ quỹ Vì người nghèo năm 2022, 2023; đã có thư cảm ơn ủng hộ vật chất trong phòng chống C – 19.

Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T2 50.000.000 đồng đến 60.000.000đ

154. Trong năm 2021 và 2022, Trương Thị Thảo L1 là Giám đốc Công ty T7 đã liên hệ với cá nhân không rõ tên tuổi, địa chỉ, mua 16 hóa đơn GTGT khống của

03 công ty do Nguyễn Minh T1 thành lập để bán trái phép hóa đơn, với tổng doanh số ghi trên hóa đơn là 12.332.151.140 đồng (trong đó tiền hàng hóa dịch vụ là 11.270.498.000 đồng, tiền thuế GTGT là: 1.061.653.140 đồng). L1 mua hoá đơn với tổng số tiền là 281.762.450 đồng, tương đương với 2,5% giá trị tiền hàng chưa bao gồm thuế GTGT.

Toàn bộ 16 hoá đơn GTGT đã được Công ty T7 kê khai thuế trong năm 2021, 2022. Đến nay, Công ty T7 đã kê khai điều chỉnh bổ sung, loại bỏ 16 hóa đơn của 03 Công ty nêu trên.

Do vậy, Trương Thị Thảo L1 có hành vi "Mua bán trái phép" 16 hóa đơn GTGT

Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng;

Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Trương Thị Thảo L1 60.000.000 đồng đến 70.000.000đ

155. Trong năm 2021 và 2022, Nguyễn Văn Nghĩa L2 Giám đốc Công ty A1 đã liên hệ với cá nhân tên "T3" mua 16 hóa đơn GTGT khống của 06 công ty do Nguyễn Minh T1 thành lập để bán trái phép hóa đơn, với tổng doanh số 10.755.477.904 đồng (tiền hàng: 9.782.744.000 đồng, tiền thuế: 972.733.940 đồng). N1 đã trả số tiền mua hóa đơn là 391.309.760 đồng (tương đương 4% giá trị tiền hàng).

Sau khi mua 16 hóa đơn nêu trên, N1 đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty A1. Tháng 3/2024, N1 đã kê khai bổ sung điều chỉnh giảm 16/16 hóa đơn và đã nộp đủ toàn bộ số tiền thuế GTGT vào ngân sách Nhà nước. Do đó, Nguyễn Văn N1 có hành vi "Mua bán trái phép" 16 hoá đơn giá trị gia tăng

Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng;

Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N1 60.000.000 đồng đến 70.000.000đ.

156. Hoàng Kim T4

157. Nguyễn Phong Hồ Phong

Trong năm 2022, Hoàng Kim T4 là Tổng Giám đốc Công ty H6 đã chỉ đạo Nguyễn Phong Hồ P1 là Kế toán Công ty liên hệ với cá nhân tên "Đ" mua tổng số 16 hóa đơn GTGT khống của 05 công ty do Nguyễn Minh T1 thành lập để bán trái phép hóa đơn, với tổng doanh số 20.963.809.092 đồng (trong đó: tiền hàng hóa: 19.131.130.701 đồng; tiền thuế GTGT: 1.832.678.391 đồng). T4 đã trả tiền mua hóa đơn là 1.147.867.842 đồng (bằng 6% tiền hàng ghi trên hóa đơn).

Sau khi mua 16 hóa đơn nêu trên, công ty H6 đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của công ty trong năm 2022. Đến nay, công ty H6 đã kê khai bổ sung loại toàn bộ 16 hóa đơn nêu trên và không phát sinh số tiền thuế GTGT phải nộp.

Do đó, Hoàng Kim T4 và Nguyễn Phong Hồ P1 có hành vi "Mua bán trái phép" 16 hóa đơn GTGT.

Bị cáo Hoàng Kim T4 phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.
Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Hoàng Kim T4 60.000.000 đồng đến 70.000.000đ
Bị cáo Nguyễn Phong Hồ P1 phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Có ông Nguyễn Đức N2 (cậu ruột) được Tổ quốc ghi công liệt sỹ; ông Nguyễn K (ông nội) là thương binh hạng ¼; Chủ tịch UBMT Tổ quốc thị xã P tặng giấy khen cho ông Nguyễn Mạnh H2 (bố đẻ); Chủ tịch UBND tỉnh B tặng Bằng khen cho gia đình ông Nguyễn Mạnh H2 vì đã có thành tích xuất sắc đạt gia đình hiếu học tiêu biểu; Trường THPT P4 tặng giấy khen vì đã đạt giải khuyến khích môn toán cấp tỉnh; đạt giải Ba môn toán học sinh giỏi cấp tỉnh; UBND thị trấn P tặng giấy khen đạt thành tích học sinh nghèo vượt khó; Phòng Giáo dục huyện P tặng giấy khen giải khuyến khích môn lý.
Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Phong Hồ P1 50.000.000 đồng.
158. Năm 2022, Lương Thanh V là Phó Giám đốc trực tiếp quản lý, điều hành Công ty B đã liên hệ với một người tên là "P2" mua tổng số 16 hóa đơn GTGT khống của 06 Công ty do Nguyễn Minh T1 thành lập để bán trái phép hóa đơn, với tổng doanh số là 28.686.217.646 đồng (trong đó: tiền hàng là 26.536.012.844 đồng, tiền thuế là 2.150.204.802 đồng). Số tiền V đã trả để mua hóa đơn là 1.194.120.000 đồng.
Toàn bộ 16 hoá đơn GTGT đã được Công ty B kê khai thuế trong năm 2022. Đến tháng 6/2023, Công ty B đã kê khai điều chỉnh bổ sung, loại bỏ 16 hóa đơn nêu trên và đã nộp đủ toàn bộ số tiền thuế GTGT vào ngân sách Nhà nước. Do đó, Lương Thanh V có hành vi "Mua bán trái phép" 16 hóa đơn GTGT.
Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng;
Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Lương Thanh V 60.000.000 đồng đến 70.000.000đ
159. Trong năm 2021 và 2022, Nguyễn Đình T6 là Giám đốc Công ty N3 đã liên hệ với một cá nhân, mua 15 hóa đơn GTGT khống của 04 công ty do Nguyễn Minh T1 thành lập để bán trái phép hóa đơn, với tổng doanh số ghi trên hóa đơn là 11.488.897.382 đồng (trong đó tiền hàng hóa dịch vụ là 10.444.452.165 đồng, tiền thuế GTGT là: 1.044.445.217 đồng). T6 đã trả tiền mua hoá đơn là 522.222.608 đồng, tương đương 5% giá trị tiền hàng chưa bao gồm thuế GTGT.
Toàn bộ 15 hoá đơn GTGT đã được Công ty N3 kê khai thuế trong năm 2021, 2022. Đến ngày 16/3/2024, Công ty N1 đã kê khai điều chỉnh bổ sung, loại bỏ 15 hóa đơn trên. Đến nay, Công ty N1 đã nộp khắc phục vào Ngân sách Nhà nước số tiền 1.126.875.610 đồng. Do đó, Nguyễn Đình T có hành vi "Mua bán trái phép" 15 hóa đơn GTGT.
Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; UBND xã T tặng giấy khen vì đạt Danh hiệu dương Người tốt việc tốt.
Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Đình T 60.000.000 đồng đến

70.000.000đ

160. Trong năm 2021 và 2022, Lê Thanh P là Giám đốc Công ty K đã liên hệ với cá nhân tên "Mười" mua 15 hóa đơn GTGT khống của 03 Công ty do Nguyễn Minh T1 thành lập để bán trái phép hóa đơn, với tổng giá trị hóa đơn là 10.790.214.743 đồng (trong đó: tiền hàng hóa: 9.812.528.294 đồng; tiền thuế GTGT: 977.686.449 đồng). P đã trả số tiền mua hoá đơn là 977.686.449 đồng cho "Mười" bằng tiền mặt.

Sau khi mua 15 hóa đơn GTGT nêu trên, P đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty K. Công ty K đã kê khai bổ sung, điều chỉnh giảm thuế GTGT được khấu trừ đối với 15 hóa đơn trên. Do đó, Lê Thanh P có hành vi "Mua bán trái phép" 15 hoá đơn GTGT

Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng;

Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Lê Thanh P 60.000.000 đồng đến 70.000.000đ

161. Năm 2021, Đoàn Khắc P1 là Giám đốc Công ty T6 đã liên hệ được với cá nhân tên "Q" mua 14 hóa đơn GTGT khống của Công ty do Nguyễn Minh T1 thành lập để bán trái phép hóa đơn, với tổng doanh số hóa đơn là 8.130.098.449 đồng, trong đó tiền hàng hóa dịch vụ trước thuế VAT là 7.390.998.590 đồng, tiền thuế là 739.099.859 đồng. Công ty T7 mua hoá đơn là 258.684.951 đồng.

Sau khi mua 14 hóa đơn nêu trên, P1 đã sử dụng toàn bộ 14 hóa đơn để kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty T6. Quý I, Phục đã kê khai bổ sung điều chỉnh giảm 14 hóa đơn trên. Do đó, Đoàn Khắc P1 có hành vi "Mua bán trái phép" 14 hóa đơn GTGT.

Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Hội Chữ thập đỏ tỉnh B chứng nhận nhiều lần hiến máu tình nguyện.

Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Đoàn Khắc P1 50.000.000 đồng đến 60.000.000đ.

162. Trong năm 2022, Lê Nguyễn Minh T2 là Giám đốc Công ty P3 đã liên hệ với cá nhân tên "Duy Nhi" mua 13 hóa đơn GTGT khống của 08 công ty do Nguyễn Minh T1 thành lập để bán trái phép hóa đơn, với tổng doanh số: 5.962.399.381 đồng (trong đó: tiền hàng hóa: 5.504.273.251 đồng; tiền thuế GTGT: 458.126.130 đồng). T2 đã trả tiền mua hóa đơn là: 165.130.000 đồng (bằng 3% tiền hàng ghi trên 13 hóa đơn).

Sau khi mua 13 hóa đơn nêu trên, công ty P3 đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của công ty trong năm 2022. Đến nay, công ty P3 đã kê khai bổ sung loại toàn bộ 13 hóa đơn nêu trên và đã nộp đủ toàn bộ số tiền thuế GTGT vào ngân sách Nhà nước. Do đó, Lê Nguyễn Minh T2 có hành vi "Mua bán trái phép" 13 hóa đơn GTGT.

Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng;

Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Lê Nguyễn Minh T2 60.000.000 đồng đến 70.000.000đ.

163. Trong 2022, Nguyễn Hoàng L là Giám đốc Công ty V đã thông qua người đàn ông tên "B" mua 13 hóa đơn GTGT khống của Công ty do Nguyễn Minh T1 sử dụng để bán hóa đơn, với tổng giá trị là 10.187.001.024 đồng (trong đó tiền hàng là 9.415.573.856 đồng, tiền thuế là 771.427.168 đồng). L đã trả số tiền mua hoá đơn là 564.934.431 đồng (tương đương với 6%).

Sau khi mua 13 hóa đơn GTGT nêu trên, Công ty V đã sử dụng kê khai thuế GTGT đầu vào. Đến ngày 11/3/2024, Công ty đã kê khai bổ sung, điều chỉnh giảm thuế GTGT được khấu trừ đối với 13 hoá đơn trên và đã nộp đủ toàn bộ số tiền thuế GTGT vào ngân sách Nhà nước. Do đó, Nguyễn Hoàng L có hành vi "Mua bán trái phép" 13 số hoá đơn giá trị gia tăng

Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Có ông Hồ Văn B1 (cậu ruột) là liệt sỹ; được Hội đồng nhà nước N2 tặng Huân chương kháng chiến hạng Ba.

Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng L 50.000.000 đồng đến 60.000.000đ

164. Trần Nhựt H.

165. Trần Minh H1.

166. Trần Thanh H2.

Trong năm 2021, 2022, Trần Nhựt H là Giám đốc Phòng cung ứng Công ty D1, đã chỉ đạo Trần Minh H1 là Trưởng phòng thu mua của Công ty L2 để mua hóa đơn GTGT; sau đó, H1 đã phân công Trần Thanh H2 là nhân viên của Công ty liên hệ với "Đào Thị A" mua 11 hóa đơn GTGT khống của Công ty do Nguyễn Minh T1 thành lập để bán trái phép hóa đơn; sau đó, Trần Nhựt H và Trần Minh H1 mua tiếp 02 hóa đơn. Tổng số Trần Nhựt H và Trần Minh H1 đã mua 13 hóa đơn với tổng số tiền 2.063.639.916 đồng (tiền hàng hóa: 1.910.777.700 đồng; tiền thuế GTGT: 152.862.216 đồng). Để mua 13 hóa đơn khống, Công ty D1 đã trả số tiền 152.862.216 đồng cho người bán (tương đương với 8% giá trị tiền hàng chưa bao gồm thuế GTGT).

Sau khi mua 13 hóa đơn nêu trên, Công ty D1 đã sử dụng để kê khai thuế đầu vào. Từ tháng 3 đến tháng 10/2023, Công ty D1 đã kê khai bổ sung, điều chỉnh giảm thuế GTGT được khấu trừ đối với 13 hóa đơn trên. Do đó, Trần Nhựt H, Trần Minh H1 có hành vi "Mua bán trái phép" 13 hóa đơn của Nguyễn Minh T1; Trần Thanh H2 có hành vi "Mua bán trái phép" 11 hóa đơn. Trong quá trình mua trái phép hóa đơn, H2 đã hưởng lợi số tiền 50.000.000 đồng; ngày 16/10/2024 H2 đã tự nguyện nộp khắc phục hậu quả.

Bị cáo Trần Nhựt H phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Đại học Bách khoa thành phố H tặng giấy khen vì đã có thành tích xuất sắc trong học tập, công tác; tặng danh hiệu sinh viên 3 tốt; chứng nhận được tặng thưởng danh hiệu Chiến sỹ xuất sắc trong chiến dịch Mùa hè xanh; Sở Thể dục Thể thao tặng Giấy khen tham gia phục vụ tốt Seagame 22; Bằng khen của Ban T8 lần thứ 22 đã tham gia đại hội TDTT; Bằng khen của Trường Cao đẳng B2 đã hoàn thành xuất sắc dự án phát triển cộng đồng; Giải khuyến khích của Trường Đ1 cho đề tài tự động hóa quy trình xử lý nước.

Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Trần Nhựt H 50.000.000 đồng đến 60.000.000đ

Bị cáo Trần Minh H1 phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; UBND xã G tặng giấy khen vì có thành tích tham gia hoạt động chiến dịch Mùa hè xanh; Giấy chứng nhận hiến máu tình nguyện 05 lần; Ông Trần Minh Đ (bố đẻ) được Chủ tịch UBND thành phố P- Tháp chàm tặng giấy khen vì đã có thành tích xuất sắc tham gia phát triển kinh tế xã hội 5 năm; Hội Cựu chiến binh tỉnh N tặng giấy khen vì đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua cựu chiến binh gương mẫu…

Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Trần Minh H1 50.000.000 đồng đến 60.000.000đ .

Bị cáo Trần Thanh H2 phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Ngày 16/10/2024 nộp số tiền 50.000.000 đồng số tiền hưởng lợi.

Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Trần Thanh H2 50.000.000 đồng đến 60.000.000đ

167. Trong năm 2021 và 2022, Phan Thanh H3 là Phó Giám đốc Công ty T9 đã liên hệ với cá nhân tên "T3" mua 12 hóa đơn GTGT khống của công ty do Nguyễn Minh T1 thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT, với tổng doanh số ghi trên hóa đơn là 31.293.350.000 đồng (trong đó tiền hàng hóa dịch vụ là 28.448.500.000 đồng, tiền thuế GTGT là: 2.844.850.000 đồng). H3 đã trả số tiền mua hoá đơn là 1.706.910.000 đồng (tương đương với 6% giá trị tiền hàng chưa bao gồm thuế GTGT).

Đối với 12 hoá đơn GTGT, Công ty T9 đã kê khai thuế trong năm 2021, 2022. Đến nay, Công ty T9 đã kê khai điều chỉnh bổ sung, loại bỏ 12 hóa đơn GTGT trên. Do đó, Phan Thanh H3 có hành vi "Mua bán trái phép" 12 hóa đơn GTGT.

Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng;

Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Phan Thanh H3 60.000.000 đồng đến 70.000.000đ

168. Trong năm 2021 và 2022, Nguyễn Thị Hồng N là Giám đốc Công ty N3 đã liên với cá nhân tên "D" mua 12 hóa đơn GTGT khống của 04 công ty do Nguyễn Minh T1 thành lập để bán trái phép hóa đơn, với tổng doanh số 13.759.373.202 đồng (Tiền hàng 12.534.309.605 đồng, tiền thuế: 1.225.063.597 đồng). N đã trả cho D số tiền mua hóa đơn là 438.700.000 đồng (tương đương 3,2% giá trị tiền hàng).

Sau khi mua 12 hóa đơn nêu trên, N đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty N3. Tháng 6/2023, N đã kê khai bổ sung điều chỉnh giảm 12/12 hóa đơn. Do đó, Nguyễn Thị Hồng N có hành vi "Mua bán trái phép" 12 hoá đơn giá trị gia tăng

Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Ông Nguyễn Tấn L1

(bố đẻ) là thương binh hạng ba; bà Đoàn Thị R (bà nội) được Chủ tịch nước tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng; Bà Lê Thị R1 (bà ngoại) được Chủ tịch nước tặng Huy chương kháng chiến hạng Nhất; bà Trần Thị T4 (mẹ đẻ) được Chủ tịch UBND tỉnh T tặng Bằng khen.

Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Hồng N 50.000.000 đồng đến 60.000.000đ

169. Năm 2021 và 2022, Nguyễn Đình T5 là Giám đốc Công ty T10 đã thông qua người đàn ông tên "H1" để mua 11 hóa đơn GTGT khống của 03 công ty do Nguyễn Minh T1 sử dụng để bán hóa đơn, với tổng doanh số là 8.334.515.204 đồng (trong đó tiền hàng là 7.584.969.986 đồng, tiền thuế là 749.545.218 đồng). T5 đã trả số tiền mua hoá đơn là: 455.247.749 đồng (tương đương với 6%).

Sau khi mua 11 số hóa đơn GTGT nêu trên, Công ty T10 đã sử dụng kê khai thuế GTGT đầu vào. Đến tháng 6 năm 2023, Công ty T10 đã kê khai bổ sung, điều chỉnh giảm thuế GTGT được khấu trừ đối với 11 hoá đơn. Do đó, Nguyễn Đình T5 có hành vi "Mua bán trái phép" 11 hoá đơn giá trị gia tăng.

Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Hội Chữ thập đỏ phường 8 có thư cảm ơn vì đã ủng hộ 5 triệu đồng.

Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Đình T5 50.000.000 đồng đến 60.000.000đ.

170. Trong 2022, Trần Bình P2 là Giám đốc Công ty N4 đã thông qua một người đàn ông mua 11 GTGT khống của Công ty do Nguyễn Minh T1 sử dụng để bán hóa đơn, với tổng doanh số là 8.604.400.000 đồng (trong đó tiền hàng là 7.896.000.000 đồng, tiền thuế là 708.400.00 đồng). P2 đã trả số tiền mua hoá đơn là 394.800.000 đồng (tương đương với 5%) bằng tiền mặt.

Sau khi mua 11 số hóa đơn GTGT nêu trên, Công ty N4P2 đã sử dụng kê khai thuế GTGT đầu vào. Đến tháng 6 năm 2023, Công ty N4 đã kê khai bổ sung, điều chỉnh giảm thuế GTGT được khấu trừ đối với 11 hoá đơn trên và đã nộp đủ toàn bộ số tiền thuế GTGT vào ngân sách Nhà nước.

Do đó, Trần Bình P có hành vi "Mua bán trái phép" 11 hoá đơn GTGT.

Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng .

Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Trần Bình P 60.000.000 đồng đến 70.000.000đ.

171. Trong năm 2021, Lê Thị T là Kế toán và là người điều hành hoạt động Công ty K1 đã thông qua cá nhân tên là "A" mua 11 hóa đơn GTGT khống, của 03 Công ty do Nguyễn Minh T1 thành lập để bán trái phép hóa đơn, với tổng doanh số 14.527.931.000 đồng (trong đó tiền hàng 13.207.210.000 đồng, tiền thuế 1.320.721.000 đồng). Số tiền mua hóa đơn T đã phải thanh toán là khoảng 500 triệu đồng.

Toàn bộ 11 hoá đơn GTGT đã được Công ty K1 kê khai thuế trong năm 2021. Đến tháng 12/2023, Công ty K1 đã kê khai điều chỉnh bổ sung, loại bỏ 11 hóa

đơn nêu trên. Do đó, Lê Thị T có hành vi "Mua bán trái phép" 11 hóa đơn GTGT của Nguyễn Minh T1.

Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Ông Lê Quốc K (chồng) được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương chiến sỹ vẻ vang hạng Ba; tặng Kỷ niệm chương đã có nhiều đóng góp cho sự nghiệp Kiểm tra của Đảng; tặng Kỷ niệm chương Cựu chiến binh Việt Nam; Bộ trưởng Bộ Q tặng Bằng khen đã hoàn thành tốt nhiệm vụ; Chủ tịch UBND quận I tặng giấy khen; được Ủy ban mặt trận tổ quốc ghi ơn vì đã có nhiều đóng góp về kinh phí, vật chất; bà Nguyễn Thị H (mẹ đẻ) được tặng thưởng Huân chương chiến sỹ giải phóng hạng ba; có Giấy chứng nhận thương binh loại A; ông Lê Văn R (bố đẻ) được tặng thưởng Huân chương chiến sỹ giải phóng hạng nhất; được Thủ tướng chính phủ tặng giấy khen; được Bộ chỉ huy quân sự tặng Giấy khen; được Bộ tư lệnh quân khu tặng Giấy khen.

Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Lê Thị T 50.000.000 đồng đến 60.000.000đ.

- Không áp dụng khoản 4 Điều 200, khoản 3 Điều 203 Bộ luật Hình sự phạt bổ sung tiền đối với 171 bị cáo.

- Về xử lý vật chứng của vụ án: Áp dụng khoản 2 Điều 106 BLTTHS, Điều 47 Bộ luật Hình sự đối với các vật chứng đã thu giữ: Trả lại cho Nguyễn Thị H1: 01 Căn cước công dân số 030188014021 cấp ngày 7/9/2023 mang tên Nguyễn Thị H1.

- Tịch thu và nộp ngân sách nhà nước: Các khoản tiền hưởng lợi bất chính và trốn thuế.

Tại phiên toà các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã truy tố.

Các bị cáo vắng mặt đều có đơn xin xét xử vắng mặt và thừa nhận hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã truy tố.

- Bị cáo Nguyễn Thị H1 đề nghị được tự nguyện dùng tài sản là thửa đất LK-44, tờ bản đồ số 00, Khu nhà ở B, phường M, quận H, TP H diện tích 85,5 m^2 (UBND quận H cấp Giấy chứng nhậnsố BN331266 ngày 30/3/2013 cho ông Đặng Trần H2. Ngày 07/4/2022 Văn phòng Đ - Chi nhánh quận H đã xác nhận biến động quyền sử dụng đất cho Nguyễn Thị H1 trên trang 4 Giấy chứng nhận đã cấp) để tự nguyện thi hành án dân sự theo bản án này.

** Luật sư bào chữa cho bị cáo Trương Thị Thảo L gửi bài bào chữa, nội dung thể hiện quan điểm: Nhất trí như quan điểm truy tố của VKSND tỉnh P. Đề nghị HĐXX xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ để cho bị cáo hưởng hình phạt dưới mức thấp nhất của điều luật truy tố.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:

Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Những chứng cứ xác định có tội:

Lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, kết luận giám định. Phù hợp với thời gian, địa điểm nơi xảy ra vụ án, phù hợp với vật chứng thu giữ được. Do đó có đủ cơ sở để xác định: Các bị cáo bị truy tố theo các tội danh của cáo trạng là đúng người, đúng tội.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy rằng:

Xét tính chất vụ án là nghiêm trọng; Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến các quy định về quản lý thuế và các quy định trong lĩnh vực tài chính quản lý và sử dụng hóa đơn GTGT của Nhà nước, làm tăng nguy cơ gian lận tài chính, rửa tiền, và các hoạt động kinh tế ngầm, gây tổn hại đến ngân sách nhà nước và môi trường kinh doanh lành mạnh, làm giảm hiệu lực quản lý của các cơ quan nhà nước trong lĩnh vực kinh tế, gây ảnh hưởng tiêu cực trong đời sống xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý nhà nước trong lĩnh vực thuế, tài chính, ngân hàng..... Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự; thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp; động cơ, mục đích nhằm thu lợi bất hợp pháp. Do vậy, cần phải xử lý nghiêm để giáo dục và phòng ngừa trong công tác đấu tranh, phòng và chống tội phạm.

[4] Đánh giá về nhóm tội và các tội phạm cụ thể thấy rằng:

[4.1] Về nhóm tội Trốn thuế:

[4.1.1] Nhóm tội Trốn thuế vi phạm khoản 1 Điều 200 BLHS:

1. *Võ Văn Quốc H3 trốn thuế với số tiền* ***291.668.250 đồng.*** *Sau khi Cục thuế tỉnh P ban hành Kết luận giám định, đã nộp khắc phục bổ sung số tiền 164.459.241 đồng. Ngày 23/11/2024 nộp số tiền 52.000.000 đồng;Do đó, số tiền Võ Văn Quốc H3 còn phải khắc phục trong vụ án là* ***75.209.009 đồng****.*

** Tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.*

** Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tích cực bồi thường khắc phục hậu quả nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.*

Do có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú ổn định. Cần thiết áp dụng hình phạt tù giam bằng thời hạn tạm giam đối với bị cáo và buộc nộp lại khoản tiền trốn thuế.

Áp dụng khoản 5 Điều 328 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trả tự do cho bị cáo ngay tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam

về một tội phạm khác.

[4.1.2] Nhóm tội Trốn thuế vi phạm khoản 2 Điều 200 BLHS:

1. *Trần Thị Thanh T2 trốn thuế với số tiền 823.105.513 đồng; Ngày 18/10/2024 nộp vào tài khoản Cục Thi hành án dân sự tỉnh P số tiền* ***52.000.000 đồng****. Ngày 18/11/2024 nộp vào tài khoản Cục Thi hành án dân sự tỉnh P số tiền* ***50.000.000 đồng.*** *Ngày 11/12/2024 nộp vào tài khoản Cục Thi hành án dân sự tỉnh P số tiền* ***400.000.000 đồng.*** *Do đó, số tiền còn phải khắc phục trong vụ án là* ***321.105.513 đồng.***

** Tình tiết tăng nặng: Không*

** Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo khắc phục được một phần thiệt hại nên áp dụng khoản 2 Điều 51 BLHS.*

Do có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng nên áp dụng khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

2. *Võ Thị Hải Y trốn thuế với số tiền* ***338.782.648đồng.*** *Ngày 25/12/2024 nộp vào tài khoản Cục Thi hành án dân sự tỉnh P số tiền* ***8.000.000 đồng.*** *Do đó, số tiền Võ Thị Hải Y* ***còn*** *phải khắc phục trong vụ án là* ***330.782.648đồng****.*

** Tình tiết tăng nặng: Không có*

** Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo có thư cám ơn của UBND xã G, huyện C vì đã hỗ trợ kinh phí xây dựng nhà tình thương nên áp dụng khoản 2 Điều 51 BLHS.*

Do có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng nên áp dụng khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

[4.1.3] Nhóm tội Trốn thuế vi phạm khoản 3 Điều 200 BLHS:

1. Phạm Văn C trốn thuế với số tiền 2.197.510.548 đồng. Do đó, số tiền Phạm Văn C phải khắc phục trong vụ án là 2.197.510.548 đồng.

** Tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.*

** Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.*

Cần thiết áp dụng hình phạt tù giam đối với bị cáo và buộc nộp lại khoản tiền trốn thuế.

2. *Nguyễn Kim H4 trốn thuế với số tiền 2.046.729.951 đồng.*

** Tình tiết tăng nặng: Không có*

** Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo đã bồi thường khắc phục hậu quả được đa số tiền chiếm đoạt. Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Ủy ban MTTQ Việt Nam thị trấn D xác nhận đã ủng hộ 10 triệu đồng xây dựng sửa chữa nhà ở cho người nghèo trên địa bàn xã D; Viện Thi đua khen thưởng nhà nước chứng nhận. Bị cáo đã khắc phục được số tiền 1.515.000.000*

đồng tiền thu lợi bất chính., Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS.
Do có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng nên áp dụng khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.
***3.** Lê Gia H5 trốn thuế với số tiền 1.810.811.656 đồng.*
** Tình tiết tăng nặng: Không có*
** Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo đã tích cực khắc phục thiệt hại; Trường Đại học Sư phạm thành phố H cảm ơn cựu sinh viên đã trao học bổng cho sinh viên năm học 2020 - 2021; Sở Giáo dục - Đào tạo tỉnh B chứng nhận đạt giải nhì cấp tỉnh môn toán; Phòng Giáo dục và đào tạo huyện G A tặng giấy khen đạt giải khuyến khích môn toán; Hiệu trưởng trường tiểu học G nhiều giấy khen ... Bị cáo đã khắc phục được số tiền 920.000.000 đồng tiền thu lợi bất chính. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS.*
Do có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng nên áp dụng khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.
***4.** Bùi Quốc T3 trốn thuế số tiền là 1.626.592.097 đồng. Do đó, số tiền Bùi Quốc T3 phải khắc phục trong vụ án là **1.626.592.097 đồng**.*
** Tình tiết tăng nặng: Không có*
** Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và được Cơ quan CSĐT Công an tỉnh P nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.*
Cần thiết áp dụng hình phạt tù giam đối với bị cáo và buộc nộp lại khoản tiền trốn thuế.
***5.** Ngô Văn T4 trốn thuế với số tiền 1.488.058.338 đồng.*
** Tình tiết tăng nặng: Không có*
** Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo đã khắc phục được một phần thiệt hại; UBMT Tổ quốc huyện Q chứng nhận gia đình ông bà, cha mẹ mẫu mực, con cháu hiếu thảo 5 năm; ông Ngô Viết S (Bố đẻ) được Hội Cựu chiến binh huyện Q tặng Giấy khen vì đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong phong trào xây dựng Nông thôn mới kiểu mẫu. Bị cáo đã khắc phục được số tiền 415.000.000 đồng tiền thu lợi bất chính. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS.*
Do có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng nên áp dụng khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.
***6.** Nguyễn Tín T5 số tiền trốn thuế là 1.431.046.314 đồng.*
** Tình tiết tăng nặng: Không có*
** Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo đã khắc phục được một phần thiệt hại; Ban chỉ*

huy quân sự Bắc Trà M xác nhận ủng hộ vận chuyển hàng hóa cứu trợ miền trung Bắc T. Bị cáo đã khắc phục được số tiền 350.000.000 đồng tiền thu lợi bất chính. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS.

Do có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng nên áp dụng khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

[4.2] Về nhóm tội Mua bán trái phép hóa đơn:

[4.2.1] Nhóm tội Mua bán trái phép hóa đơn vi phạm khoản 1 Điều 203 BLHS:

** Tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.*

** Tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.*

***1.** Ngô Văn C1 có anh trai là Ngô Thế D được Công an thành phố H tặng giấy khen vì đã có thành tích bắt cướp tài sản công dân. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.*

***2.** Nguyễn Thị Thu H6có mẹ đẻ là thương binh được Chủ tịch nước tặng Huân chương kháng chiến. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.*

***3.** Trần Ngọc T**,** không có tình tiết giảm nhẹ nào khác.*

***4.** Trương Ngọc T1**,** không có tình tiết giảm nhẹ nào khác.*

***5.** Nguyễn Ngọc D có bố đẻ là ông Nguyễn Ngọc H được Hội đồng nhà nước N7 tặng Huân chương kháng chiến hạng Nhì vì đã có công lao trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước; Cục trưởng Cục thuế tỉnh B tặng Giấy khen cho cơ sở Pallett Thanh H1 đã có thành tích thự hiện tốt chính sách pháp luật thuế 2013. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.*

***6.** Nguyễn Văn C có Thư cảm ơn của cơ sở bảo trợ Mái ấm Phan S vì đã tặng ủng hộ tiền, đồ vật cho những trẻ em mồ côi khuyết tật và bệnh nhân. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.*

***7. Trần Như** đượcChủ tịch UBND thị xã A tặng Giấy khen vì đã có nhiều đóng góp tích cực góp phần phát triển kinh tế xã hội xã A; BCH Đồng hương B thành phố H khen tặng vì đã có nhiều đóng góp tích cực trong hoạt động của đồng hương B và quê nhà; Chủ tịch UBND thành phố T tặng Giấy khen đã có thành tích điển hình tiên tiến trên địa bàn thành phố; Chủ tịch UBND phường P tặng Giấy khen vì đã có thành tích trong phong trào Người tốt việc tốt. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS (là thành tích tập thể cùng Nguyễn Thành C1 và Huỳnh Hữu T2) .*

***8.** Huỳnh Hữu T2 đượcChủ tịch UBND thị xã A tặng Giấy khen vì đã có nhiều đóng góp tích cực góp phần phát triển kinh tế xã hội xã A; BCH Đồng hương B thành phố H khen tặng vì đã có nhiều đóng góp tích cực trong hoạt động của*

đồng hương B và quê nhà; Chủ tịch UBND thành phố T tặng Giấy khen đã có thành tích điển hình tiên tiến trên địa bàn thành phố; Chủ tịch UBND phường P tặng Giấy khen vì đã có thành tích trong phong trào Người tốt việc tốt. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS (là thành tích tập thể cùng Nguyễn Thành C1 và Trần N) .

***9.** Nguyễn Thành C1 đượcChủ tịch UBND thị xã A tặng Giấy khen vì đã có nhiều đóng góp tích cực góp phần phát triển kinh tế xã hội xã A; BCH Đồng hương B thành phố H khen tặng vì đã có nhiều đóng góp tích cực trong hoạt động của đồng hương B và quê nhà; Chủ tịch UBND thành phố T tặng Giấy khen đã có thành tích điển hình tiên tiến trên địa bàn thành phố; Chủ tịch UBND phường P tặng Giấy khen vì đã có thành tích trong phong trào Người tốt việc tốt. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS (là thành tích tập thể cùng Huỳnh Hữu T2 và Trần N) .*

***10.** Trần Đ đã ủng hộ đồng bào miền B vượt qua khó khăn do cơn bão số 3 số tiền 2 triệu đồng. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.*

***11.** Đỗ Quốc H2 không có tình tiết giảm nhẹ nào khác.*

***12.** Đoàn Thị H3không có tình tiết giảm nhẹ nào khác.*

***13. Tư Đồ Quan Sơn** không có tình tiết giảm nhẹ nào khác.*

***14.** Nguyễn Văn T3không có tình tiết giảm nhẹ nào khác.*

***15.** Nguyễn Thành T4không có tình tiết giảm nhẹ nào khác.*

***16.** Nguyễn Văn H4không có tình tiết giảm nhẹ nào khác.*

***17.** Bùi Đình N1 được UBMTTQ quận B biểu dương người tốt việc tốt đã tích cực tham gia các phong trào thi đua yêu nước tại địa phương. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.*

***18.** Trần Thị Kim C2được Hội nữ doanh nhân, hội doanh nhân trẻ TP HCM tặng giấy khen. Hội Liên hiệp phụ nữ TP HCM tặng giấy khen. Mẹ chồng được tặng Huy chương kháng chiến. Bố chồng được tặng Huân chương kháng chiến… Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.*

***19.** Lê Thanh N2được Trung ương hội chữ thập đỏ tặng Bằng khen vì có thành tích xuất sắc trong công tác. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 BLHS.*

***20.** Lê Thanh H5không có tình tiết giảm nhẹ nào khác.*

***21.** Trần Lê Hải Yđược Hội chữ thập đỏ phường H tuyên dương trong công tác nhân đạo. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.*

***22.** Trần Thị Kim C3không có tình tiết giảm nhẹ nào khác.*

***23.** Khổng Hữu N3có em trai là Khổng Hữu K là Liệt sĩ. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.*

***24.** Nguyễn Văn H6 có bố đẻ là ông Nguyễn Văn T5 được Chủ tịch nước tặng*

Huy chương kháng chiến hạng Nhì; được ghi danh Người chiến sỹ cách mạng Việt Nam bị địch bắt tù đày; được UBND thị xã T công nhận Gia đình Văn hóa. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

25. *Lê Thị H7**(lệ thuộc*** H6***)*** *có bố đẻ là ông Lê Hữu T6 được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương Chiến sỹ vẻ vang hạng Nhì năm 1997 và năm 2004; Huân chương Chiến sỹ vẻ vang hạng Ba; Giấy chứng nhận thương binh. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.*

26. *Hà Văn K1không có tình tiết giảm nhẹ nào khác.*

27. *Đường Cđược UBMTTQ phường A quận B biểu dương trong việc ủng hộ người nghèo. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.*

28. *Vũ Thanh H8không có tình tiết giảm nhẹ nào khác.*

29. *Trần Thị Ngọc Mkhông có tình tiết giảm nhẹ nào khác.*

30. *Huỳnh Văn Đ1 được Chủ tịch UBND phường T tặng giấy khen vì đã có nhiều đóng góp trong xây dựng Nông thôn mới, đô thị văn minh. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.*

31. *Đỗ Minh T7 không có tình tiết giảm nhẹ nào khác.*

32. *Lê Hoài S1 được UBMTTQ xã V ghi nhận tri ân tấm lòng vàng vì đã tích cực tham gia ủng hộ quỹ Vì người nghèo năm 2020; có bà Lê Thị T8 (mẹ ruột) được Chủ tịch N7 tặng Huân chương kháng chiến hạng Nhì. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.*

33. *Trần Văn T9không có tình tiết giảm nhẹ nào khác.*

34. *Nguyễn Hiền D1không có tình tiết giảm nhẹ nào khác.*

35. *Nguyễn Huy Pkhông có tình tiết giảm nhẹ nào khác.*

36. *Lê Xuân L có bố đẻ là thương binh, được tặng Huy hiệu 55 năm tuổi Đảng; được UB MTTQ xã Y có thư cảm ơn tham gia ủng hộ Chương trình Đông ấm áp tình quê hương năm 2023 số tiền 100 triệu đồng; Trường Tiểu học thị trấn C có thư cảm ơn ủng hộ 100 suất học bổng trị giá 70 triệu đồng cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn; Trường THCS Y1 có thư cảm ơn đã ủng hộ 30 triệu đồng cho học sinh nghèo. Vì vậy được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.*

37. *Nguyễn Hải S2 không có tình tiết giảm nhẹ nào khác.*

38. *Nguyễn Văn H6 có bố đẻ là ông Nguyễn Văn T5 được Chủ tịch nước tặng Huy chương kháng chiến hạng Nhì; được ghi danh Người chiến sỹ cách mạng Việt Nam bị địch bắt tù đày; được UBND thị xã T công nhận Gia đình Văn hóa. Vì vậy được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.*

39. *Phạm Phú G đã ủng hộ tài trợ vắc xin phòng chống dịch Covid-19. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.*

40. *Trần Văn T10 được Hội liên hiệp phụ nữ phường xác nhận đã ủng hộ chăm lo hộ khó khăn trong địa bàn phường. Vì vậy, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.*
41. *Nguyễn Thị Tuyết S3không có tình tiết giảm nhẹ nào khác.*
42. *Ngô Phong H9 có bố đẻ là ông Ngô Đăng S4 được Chủ tịch nước tặng Huân chương kháng chiến Hạng Nhất; tặng Huy hiệu 55 năm tuổi Đảng cho bà Lê Thị D2 (mẹ đẻ). Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.*
43. *Trần Ngọc Vĩnh P1không có tình tiết giảm nhẹ nào khác.*
44. *Trần Công D3không có tình tiết giảm nhẹ nào khác.*
45. *Phan Trọng Bích N4không có tình tiết giảm nhẹ nào khác.*
46. *Nguyễn Thanh T11 được UBND xã H 3 có thư cảm ơn vì đã ủng hộ quỹ Vì người nghèo năm 2022, 2023; đã có thư cảm ơn ủng hộ vật chất trong phòng chống C4 – 19. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.*
47. *Trương Thị Thảo L1 không có tình tiết giảm nhẹ nào khác.*
48. *Nguyễn Văn N5không có tình tiết giảm nhẹ nào khác.*
49. *Hoàng Kim T12không có tình tiết giảm nhẹ nào khác.*
50. *Nguyễn Phong Hồ P2 được Chủ tịch UBMT Tổ quốc thị xã P tặng giấy khen cho ông Nguyễn Mạnh H10 (bố đẻ); Chủ tịch UBND tỉnh B tặng Bằng khen cho gia đình ông Nguyễn Mạnh H10 vì đã có thành tích xuất sắc đạt gia đình hiếu học tiêu biểu; Trường THPT P6 tặng giấy khen vì đã đạt giải khuyến khích môn toán cấp tỉnh; đạt giải Ba môn toán học sinh giỏi cấp tỉnh; UBND thị trấn P tặng giấy khen đạt thành tích học sinh nghèo vượt khó; Phòng Giáo dục huyện P tặng giấy khen giải khuyến khích môn lý. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS. (lệ thuộc T12).*
51. *Lương Thanh Vkhông có tình tiết giảm nhẹ nào khác.*
52. *Nguyễn Đình T13không có tình tiết giảm nhẹ nào khác.*
53. *Lê Thanh P3không có tình tiết giảm nhẹ nào khác.*
54. *Đoàn Khắc P4 được Hội Chữ thập đỏ tỉnh B chứng nhận nhiều lần hiến máu tình . Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.*
55. *Lê Nguyễn Minh T14không có tình tiết giảm nhẹ nào khác.*
56. *Nguyễn Hoàng L2không có tình tiết giảm nhẹ nào khác.*
57. *Trần Nhựt H11được Đại học bách khoa TP HCM tặng giấy khen. Sở thể dục thể thao tặng giấy khen. Ban T19 tặng bằng khen… Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.*
58. *Trần Minh H12được khen thưởng vì công tác hiến máu nhân đạo. UBND xã G tặng giấy khen vì tham gia chiến dịch mùa hè xanh*
59. *Trần Thanh H13 (lệ thuộc Hiện) Ngày 16/10/2024 nộp số tiền 50.000.000 đồng tại Cục thi hành án dân sự tỉnh P. Vì vậy, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.*
60. *Phan Thanh H14không có tình tiết giảm nhẹ nào khác.*

61. *Nguyễn Thị Hồng N6 có bố đẻ là thương binh hạng ba; bà Trần Thị T15 (mẹ đẻ) được Chủ tịch UBND tỉnh T tặng Bằng khen. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.*

62. *Nguyễn Đình T16 được Hội Chữ thập đỏ phường 8 có thư cảm ơn vì đã ủng hộ 5 triệu đồng. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.*

63. *Trần Bình P5không có tình tiết giảm nhẹ nào khác.*

64. *Lê Thị T17 có chồng là Lê Quốc K2 được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương chiến sỹ vẻ vang hạng Ba; tặng Kỷ niệm chương đã có nhiều đóng góp cho sự nghiệp Kiểm tra của Đảng; tặng Kỷ niệm chương Cựu chiến binh Việt Nam; Bộ trưởng Bộ Q tặng Bằng khen đã hoàn thành tốt nhiệm vụ; Chủ tịch UBND quận I tặng giấy khen; được Ủy ban mặt trận tổ quốc ghi ơn vì đã có nhiều đóng góp về kinh phí, vật chất; bà Nguyễn Thị H15 (mẹ đẻ) được tặng thưởng Huân chương chiến sỹ giải phóng hạng ba; có Giấy chứng nhận thương binh loại A; ông Lê Văn R (bố đẻ) được tặng thưởng Huân chương chiến sỹ giải phóng hạng nhất; được Thủ tướng chính phủ tặng giấy khen; được Bộ chỉ huy quân sự tặng Giấy khen; được Bộ tư lệnh quân khu tặng Giấy khen… Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.*

Các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên áp dụng hình tiền là hình phạt chính cũng đủ điều kiện giáo dục. Mức phạt tiền được đánh giá trên cơ sở số lượng hóa đơn được mua bán trái phép, số lượng tình tiết giảm nhẹ, vai trò trong việc mua bán hóa đơn, điều kiện hoàn cảnh kinh tế, nghề nghiệp, mức thu nhập thu nhập và khả năng, điều kiện thi hành hình phạt tiền....

[4.2.2] Nhóm tội Mua bán trái phép hóa đơn theo khoản 2 Điều 203 BLHS:

** Tình tiết tăng nặng: Các bị cáo đều không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.*

** Tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.*

Nhóm bị cáo đồng phạm, hoặc mua bán hóa đơn để hưởng lợi gồm:

1. *Nguyễn Thị H16 nhận từ Nguyễn Minh T18 tổng số tiền là 31.613.687.959 đồng. Bị cáo đã phải chi phí các khoản sau: T18 có nhờ đóng thuế cho các công ty của T18; Tiền phí công bố nội dung thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh; Chi trả cho công ty TNHH H17 làm chữ ký số; Chi trả cho Công ty B làm hồ sơ, thủ tục đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử; Hoạt động mua bán con dấu mộc; Hoạt động thuê địa điểm đặt biển hiệu công ty đồng thời cũng là địa điểm đăng ký trụ sở chính của doanh nghiệp; Tiền phí đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; Thuê lại đơn vị thứ ba thực hiện các thủ tục có liên quan đến việc đăng ký thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh cho 319 lượt doanh nghiệp; Hoạt động hỗ trợ kê khai, nộp thuế; Dịch vụ sang tên (Thuê làm dịch vụ thay đổi đăng ký kinh doanh); Dịch vụ chuyển nhượng doanh nghiệp (gồm khoảng 300 công ty H18 mua với giá khoảng từ 15 đến 23 triệu đồng/01 công ty). Sau khi trừ đi các khoản chi phí trên, số tiền bị cáo hưởng lợi bất chính là*

14.159.525.000 đồng.
** Số tiền đã nộp khắc phục: Nộp ở giai đoạn điều tra số tiền 750.933.000 đồng;Ngày 15/10/2024 nộp số tiền 500.000.000 đồng.*
** Tình tiết giảm nhẹ: Đã khắc phục một phần tiền thu lợi bất chính (Nộp ở giai đoạn điều tra số tiền 750.933.000 đồng.Ngày 15/10/2024 nộp số tiền 500.000.000 đồng).Bị cáo tự nguyện dùng tài sản riêng của mình có giá trị lớn hơn khoản tiền phải khắc phục.Được Đoàn Luật sư thành phố H tặng Kỷ niệm chương Bảo vệ công lý, tặng giấy khen đã có thành tích trong xây dựng Đoàn luật sư và hoạt động nghề nghiệp luật sư năm 2016, 2017, 2018; BCH Đoàn TN Cộng sản H7 khối các cơ quan thành phố H tặng giấy khen đã có thành tích xuất sắc trong công tác đoàn năm 2013, 2014, 2015; Đoàn luật sư thành phố H tặng giấy khen đã có thành tích trong công tác Hội năm 2016, giai đoạn 2016-2021 và năm 2023. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 BLHS.*
Do có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng nên áp dụng khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.
***2.** Ngô Thị Lệ T**:** Trong năm 2021, 2022, Nguyễn Minh T1 đã thông qua Ngô Thị Lệ Tđể bán tổng số 2062 hóa đơn cho 228 đơn vị với tổng doanh số là 108.521.121.661 đồng (Trong đó tiền hàng là 98.655.565.146 đồng). Theo thỏa thuận, T sẽ thu tiền bán hóa đơn của khách hàng là 3% doanh số tiền hàng chưa bao gồm thuế GTGT tương đương 2.959.666.954 đồng, T phải chuyển cho T1 1% tương đương số tiền 986.555.651 đồng, còn lại T sẽ được hưởng lợi 2% tương đương 1.973.111.303 đồng. Tuy nhiên, trên thực tế T chỉ mới chuyển khoản cho Nguyễn Minh T1 số tiền là 120.199.000 đồng. (do các Công ty mua hóa đơn chưa thanh toán hoặc thanh toán chưa hết phí mua hóa đơn cho T). Các công ty mua hóa đơn của T đã trả cho T số tiền **240.398.000 đồng**.*
*Do đó, Ngô Thị Lệ T "Mua bán trái phép" 2.062 hóa đơn GTGT,được hưởng lợi số tiền **240.398.000 đồng**.*
** Tình tiết giảm nhẹ: Đã khắc phục toàn bộ tiền thu lợi bất chính. Vì vậy, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.*
Do có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng nên căn cứ khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.
***3.** Phan Văn T2: Trong năm 2021, 2022, Phan Văn T2 đã thông qua cá nhân tên "B" để mua 76 hóa đơn GTGT khống của Nguyễn Minh T1, sau đó thông qua Nguyễn Thanh T3 đã bán cho Công ty Đ1 (51 hóa đơn, doanh số là 6.487.133.571 đồng) và Công ty TNHH T12 (25 hóa đơn, doanh số là 11.727.950.210 đồng) với tổng doanh số 18.215.083.781 đồng. T2 trả cho "B" số tiền tương đương 1,5% giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn, còn lại số tiền 0,5% T2 được hưởng. Tuy nhiên, T3 và T2 chưa tiến hành chuyển khoản hợp thức được 76 hóa đơn nêu trên. Do vậy, T3 mới ứng số tiền 230.000.000 đồng tiền mua hóa đơn để trả cho T2. T2 được hưởng số tiền 57.500.000 đồng (0,5%) từ việc bán 76 hóa đơn cho Công ty T12 và Công ty Đ1.*
Ngoài ra, T2 còn bán 1.428 hóa đơn GTGT khống với tổng doanh số

68.988.110.586 đồng (trong đó tiền hàng là 63.229.257.287 đồng) cho 62 đơn vị, doanh nghiệp, hưởng lợi bất chính số tiền 316.146.286 đồng.
Do đó, Phan Văn T2 có hành vi "Mua bán trái phép" 1.504 hóa đơn GTGT với tổng doanh số 87.203.194.367 đồng, hưởng lợi bất chính tổng số tiền là 373.646.286 đồng.
Ngày 07/11/2024 đã nộp vào ngân sách nhà nước tại tài khoản của Cục thi hành án dân sự tỉnh P số tiền là 200.000.000 đồng. Ngày 03/11/2024 đã nộp vào ngân sách nhà nước tại tài khoản của Cục thi hành án dân sự tỉnh P số tiền là 194.000.000 đồng. Do vậy cần hoàn trả số tiền: 20.353.714 đồng.
** Tình tiết giảm nhẹ: Đã khắc phục tiền thu lợi bất chính. Vì vậy, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 BLHS. Do đó áp dụng hình phạt tù bằng thời gian tạm giam cũng đủ điều kiện giáo dục.*
***4.** Huỳnh Nguyễn Gia H: Trong năm 2022 đã liên hệ với cá nhân tên "D" để mua 61 hóa đơn GTGT khống của 08 công ty do Nguyễn Minh T1 thành lập, sau đó bán cho Nguyễn Văn H1 (là người trực tiếp quản lý và điều hành Công ty K1).*
H trả cho "D" số tiền mua hóa đơn là 2,8% giá trị tiền hàng và H1 thanh toán tiền mua hóa đơn 3% giá trị hàng hóa ghi trên hóa đơn chưa có thuế GTGT cho H bằng tiền mặt và chuyển khoản. Trong tổng số 61 hóa đơn GTGT khống nêu trên, H1 mới thực hiện việc chuyển khoản hợp thức 35 hóa đơn với doanh số là 24.076.185.563 đồng và trả số tiền mua hóa đơn là 686.826.809 đồng cho H. H được hưởng số tiền 45.788.454 đồng (0,2%); H trả cho "D" số tiền 641.038.355 đồng (2,8%).
Ngoài ra, H còn bán 18 hóa đơn GTGT khống cho Công ty TNHH S (Việt Nam) với doanh số 117.923.600 đồng (trong đó: tiền hàng 108.432.000 đồng; tiền thuế GTGT 9.491.600 đồng), hưởng lợi bất chính số tiền 216.864 đồng.
*Do đó, Huỳnh Nguyễn Gia H đã có hành vi "Mua bán trái phép hóa đơn" 79 hóa đơn GTGT, hưởng lợi bất chính số tiền **46.005.318 đồng.***
Nộp số tiền tại ủy nhiệm chi ngày 23/10/2024 nộp vào tài khoản Cục thi hành án dân sự tỉnh P số tiền 46.005.318 đồng;
** Tình tiết giảm nhẹ: Đã khắc phục tiền thu lợi bất chính. Gia đình H được Chủ tịch UBND xã H công nhận danh hiệu Gia đình Văn hóa 3 năm. Vì vậy, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.*
Do có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng nên căn cứ khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.
Nhóm các bị cáo mua bán hóa đơn để hợp pháp hóa hàng hóa sau đây gồm:
***5.** Lê Hoàng NđượcChủ tịch UBND tỉnh B tặng Bằng khen đã đạt giải Ba cuộc thi đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp tỉnh B; ông Lê Văn M (bố đẻ) được Bộ N7 tặng danh hiệu Quyết thắng, UBND tỉnh B tặng Bằng khen vì đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; UBND tỉnh B tặng Bằng khen vì đã đạt danh hiệu chiến sỹ thi đua. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm v khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.*

Do có nhiều tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51 BLHS nên áp dụng Điều 54 BLHS đối với bị cáo.

6. Nguyễn Thị Kim L có bố đẻ là Nguyễn Văn N1 (tức Nguyễn Minh C) được Chủ tịch Hội Nông dân tỉnh B tặng Bằng khen; BCH Trung ương tặng Huy hiệu 40 năm tuổi Đảng; Chủ tịch UBND phường 7 tặng giấy khen; Chủ tịch UBND thành phố B công nhận đã có thành tích 5 năm hoàn thành nhiệm vụ; Công ty cổ phần D3 công nhận Nguyễn Thị Kim L hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; ông Đỗ Văn T4 (bố chồng) là thương binh. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS. (lệ thuộc N)

***7.** Hồ Phương D1 đã ủng hộ khắc phục cơn bão số 3 năm 2024 số tiền 6 triệu đồng; Đảng ủy, HĐND, UBND xã P ghi nhận tấm lòng vàng đã hỗ trợ kinh phí huy động tuyến đường cờ, thôn P, xã P, huyện N, tỉnh N; đã hỗ trợ quỹ Vì người nghèo; ghi nhận tấm lòng vàng vì sự nghiệp phát triển giáo dục, vì phong trào khuyến học địa phương. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.*

8. Huỳnh Tấn D2 được Giám đốc Công an tỉnh B tặng giấy khen vì có thành tích phát hiện, bắt giữ đối tượng vận chuyển trái phép chất ma túy ngày 13/12/2023; vì có thành tích phát hiện, bắt giữ đối tượng vận chuyển trái phép chất ma túy ngày 08/01/2014, ngày 28/7/2014, 18/02/2014; đã có thành tích xuất sắc trong phong trào T5 dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; Chủ tịch UBND huyện B tặng giấy khen đã có thành tích xuất sắc trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm; Chủ tịch UBND thị trấn T tặng Giấy khen vì đã có thành tích xuất sắc trong công tác vận động quỹ nhân đạo; có thành tích xuất sắc trong công tác hội trại giao quân; Hội Chữ thập đỏ thị trấn T ghi nhận tâm lòng vàng nhân đạo. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

***9.** Vũ Thị Tuyết T6có bố chồng được tặng được tặng thưởng Huân chương kháng chiến. Kỷ niệm chương vì sự nghiệp Đ2.Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.*

***10.** Phạm Quang Vcó bố đẻ được tặng được tặng thưởng Huân chương và Huy chương kháng chiến.Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.*

***11.** Hồ Thị Thu T7đã Ủng hộ kinh phí xây dựng mô hình Camera phòng chống tội phạm trên địa bàn phường T trong việc xã hội do C2; Thư cảm ơn của Bí thư Ban Chấp hành Đoàn thị xã Đ do đã ủng hộ trong đợt dịch Covid 19. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.*

***12.** Võ Pđã ủng hộ miền B khắc phục hậu quả bão lụt năm 2024 vào tài khoản M2. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.*

***13.**Đào Thị Hồng L1 được Quỹ từ thiện Bông Sen có thư cảm ơn vì đã có ủng hộ hiện vật. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.*

***14.** Nguyễn Diệp Bích H2đã ủng hộ đồng bào thiệt hại do cơn bão số 3 vào tài*

khoản Ban vận động cứu trợ Trung ương. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.
***15.** Đỗ Văn L2 không có tình tiết giảm nhẹ nào khác.*
***16.** Hồ Thị Mỹ N2được UBND huyện D tặng giấy khen vì đã có thành tích đạt giải nhì, giải ba môn hóa học cấp tỉnh; Giám đốc Sở G1 tặng giấy khen đạt giải nhì, giải ba môn hóa học trong kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh… Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.*
***17.** Đặng Chí K **được** Chủ tịch UBND xã A có Giấy khen có thành tích tích cực hỗ trợ chính sách an sinh; T8 cảm ơn vì gia đình đã giúp địa phương xây dựng căn nhà tình thương. Vì vậy, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.*
***18.**Trang Duy P1không có tình tiết giảm nhẹ nào khác.*
***19.** Triệu Thoại Qkhông có tình tiết giảm nhẹ nào khác.*
***20.** Trần Thị Á có ông Lê Quý H3 (bố đẻ) được Giám đốc Công an tỉnh B tặng Giấy khen vì đã có thành tích trong phong trào T5 dân bảo vệ an ninh Tổ quốc. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.*
21. Nguyễn Trọng N3 được Ủy ban nhân dân xã Y có thư cảm ơn vì đã ủng hộ khắc phục thiệt hại cơn bão số 3. Vì vậy, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.
***22.** Hoàng Thị V1 được Công ty TNHH T13 xác nhận đã ủng hộ bão lụt miền B năm 2024; Công ty TNHH T13 tặng Bằng khen nhân viên xuất sắc các năm 2021, 2022, 2023**.** Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS. (lệ thuộc N3)*
***23.** Ngô Quốc N4đượcBCH huyện đoàn K2 tặng giấy khen có nhiều đóng góp trong vận động hỗ trợ công tác đoàn và phong trào thanh thiếu niên huyện K, có thư cảm ơn vì đã có quà tặng cho các hộ gia đình chính sách có hoàn cảnh khó khăn; Chủ tịch UBND xã S tặng giấy khen đã có thành tích xuất sắc trong công tác an sinh xã hội tại địa phương. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.*
***24.** Hà Hoàng N5đượcChủ tịchUBND xã S tặng Giấy khen đã có thành tích xuất sắc trong công tác An sinh xã hội tại đại phương; Hội Chữ thập đỏ tỉnh N có thư cảm ơn vì đã ủng hộ người có hoàn cảnh khó khăn; BCH Đoàn huyện K có thư cảm ơn vì đã có quà tặng cho các hộ gia đình chính sách có hoàn cảnh khó khăn, tặng Giấy khen có nhiều đóng góp trong vận động hỗ trợ công tác Đ và phong trào thanh thiếu niên huyện K; UBND xã S, huyện T, tỉnh T có thư cảm ơn đã ủng hộ kinh phí xây nhà tình thương; có thư cảm ơn hỗ trợ phần quà cho hộ chất độc da cam khuyết tật khó khăn; đã quyên góp ủng hộ nông phẩm trong thời gian phòng chống dịch Covid-19. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS. (lệ thuộc N4)*
***25.** Châu Thị Gkhông có tình tiết giảm nhẹ nào khác.*
26. Nguyễn Huỳnh Anh V2 được UBND phường B1 có thư cảm ơn vì đã tích cực trong công tác phòng chống dịch Covid-19 và giai đoạn phục hồi kinh tế giai

đoạn 2021 đến nay. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

***27.** Nguyễn Ngọc Xuân Q1có ông Nguyễn Thanh T9 (bố đẻ) là thương binh và được Chủ tịch UBND quận V Gấp tặng giấy khen đạt Danh hiệu Gia đình cách mạng gương mẫu; tặng giấy khen Vì đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua yêu nước… Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.*

28. Hoàng Thị M1 có ông Hoàng Quốc H4 (bố đẻ) được tặng Huy hiệu 55 tuổi Đảng. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

***29.** Nguyễn Thị Cẩm T10 không có tình tiết giảm nhẹ nào khác.*

***30.** Lê Bách V3có Thư cảm ơn của UBMT Tổ quốc phường T đã đóng góp 10 triệu đồng ủng hộ hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo…; UBMT Tổ quốc phường 8 có thư cảm ơn đã ủng hộ quà chăm lo các hộ có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn phường; UBND phường T có thư cảm ơn vì đã ủng hộ chăm lo cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn bị ảnh hưởng do dịch Covid 19; Hội chữ thập đỏ phường T có thư cảm ơn vì đã ủng hộ nhân dân có hoàn cảnh khó khăn; Mặt trận tổ quốc Tân Thới H5 có thư cảm ơn vì đã ủng hộ quỹ "Vì người nghèo" ; Chủ tịch nước tặng Huy chương Kháng chiến hạng nhì cho ông Nguyễn Công T11 (bố vợ). Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.*

***31. Thủy** Thanh P2không có tình tiết giảm nhẹ nào khác.*

***32.** Nguyễn Thị N6bị cáo hiện bị bệnh ung thư, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.*

***33.** Nguyễn Thị H6được Ban Thường vụ Hội liên hiệp Phụ nữ thành phố B tặng giấy khen vì có thành tích xuất sắc trong công tác hội và phong trào phụ nữ; đã ủng hộ Trung tâm nhân đạo Làng Tre nuôi dạy trẻ cô nhi khuyết tật, người già neo đơn; BCH Quân sự phường L có thư cảm ơn vì đã đóng góp ủng hộ động viên tinh thần thanh niên tình tham gia nhập ngũ; bà Nguyễn Thị P3 (mẹ đẻ) được tặng Huy chương kháng chiến Hạng Nhất. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.*

34. Lê Thị Kim L3 được UBMTTQ xã V có giấy cảm tạ vì đã đóng góp quỹ xây dựng cầu đường xã V; Công đoàn cơ sở Hội Nhà báo thành phố H có thư cảm ơn vì đã tham gia chương trình ca nhạc thiện; UBND xã T có giấy ghi ơn đã hỗ trợ kinh phí xây dựng nhà tình thương cho hộ nghèo của xã; Chủ tịch nước tặng Huy chương Chiến sỹ vẻ vang hạng Ba cho Trần Quang V4 (chồng); Chủ tịch nước tặng Huy chương Kháng chiến Hạng Nhất cho ông Lê Viết C1 (bố đẻ), Chủ tịch nước tặng Huân chương Kháng chiến Hạng Ba, được tặng Huy hiệu 30 năm tuổi Đảng, Đảng bộ xã N tặng giấy khen đảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, Chủ tịchUBND xã N tặng giấy khen đã có thành tích xuất sắc trong công tác Mặt trận thôn. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

***35.** Dương Thị Kim Ccó mẹ chồng là bà Huỳnh Thị V được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Nhì, tặng thưởng Huân chương kháng*

chiến công hạng ba; được Hội C4 tặng danh hiệu Cựu chiến binh gương mẫu; được tặng huy hiệu 45 năm tuổi Đảng; ông Nguyễn Văn N (bố chồng) được tặng huy hiệu 55 năm tuổi Đảng; được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhất. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

36 Lê Nhung *đượcChủ tịch UBND xã Q tặng giấy khen vì đã có thành tích vận động xây dựng quê hương; UBND phường T biểu dương Người tốt việc tốt vì đã có thành tích xuất sắc trong cuộc vận động T dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa; UBND xã Q ghi nhận tấm lòng vàng vì đã ủng hộ cho người nghèo xã Q; Chủ tịch UBND tỉnh Q chứng nhận đạt danh hiệu là Doanh nhân tiêu biểu của hội Đ1 - Đà Nẵng; Hội chữ thập đỏ có thư cảm ơn vì đã tích cực đóng góp quỹ hoạt động xã hội nhân đạo… Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.*

37. *Nguyễn Thị Thái HđượcChủ tịch UBND huyện Q tặng danh hiệu Lao động tiên tiến đã có thành tích xuất sắc nhiệm vụ công tác; Trung ương hội chữ thập đỏ Việt nam tặng Kỷ niệm chương vì sự nghiệp nhân đạo; Hội chữ thập đỏ tỉnh Q tặng Giấy khen. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS. (lệ thuộc N1)*

38. *Hoàng Thị Minh H1có bố đẻ được tặng Huân chương kháng chiến hạng nhì; Huân chương lao động hạng nhì; Tổng giám đốc ngân hàng N7 tặng bằng khen, nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.*

39.*Võ Hoàn H2có bố vợ là ông Phạm văn G được tặng Huy hiệu 40 năm tuổi đảng; có chị Phạm Thị Hồng T1 (vợ) được thư cảm ơn của UBMT Tổ quốc phường T vì đã gửi và hỗ trợ quà cho các em nhỏ nhân ngày Tết trung thu; có nhiều đóng góp trong công tác phòng chống dịch Covid-19 trên địa bàn khu phố; đã có nhiều đóng góp hỗ trợ bóng đèn chiếu sáng, công tác an sinh xã hội trên địa bàn khu phố T, phường T. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.*

40. *Phạm Huỳnh Tố N2 không có tình tiết giảm nhẹ nào khác.*

41.*Vũ Văn C1đã ủng hộ chống dịch Covid 19 về tiền và vật chất tại địa phương. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.*

42.*Nguyễn Tuấn K không có tình tiết giảm nhẹ nào khác.*

43. Bùi Quang L đã ủng hộ Làng trẻ em S1 số tiền 7.200.000đ. Vì vậy, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

44. *Nguyễn Thị Thanh T2không có tình tiết giảm nhẹ nào khác. (lệ thuộc L)*

45.*Nguyễn Thị Thúy Mđã ủng hộ đồng bào bị ảnh hưởng bởi cơn bão số 3 năm 2024 vào tài khoản của UBMT Tổ quốc tỉnh P số tiền là 5 triệu đồng; có bố là Nguyễn Duy P tham gia Binh chủng đặc công được tặng tặng các huy hiệu của bộ đội đặc công; có chị Nguyễn Thị Phương T3 (chị ruột) được Chủ tịch UBND thành phố H tặng Bằng khen vì đã có thành tích góp phần vào phong trào thi đua của thành phố. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm*

hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

46. *Trần Duy Qđược UBMTTQ phường T có thư cám ơn ủng hộ vật chất cho phụ nữ, học sinh có hoàn cảnh khó khăn. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.*

47. *Hà Triều T4 không có tình tiết giảm nhẹ nào khác.*

48.*Lâm Quốc Đđã ủng hộ khắc phục cơn bão số 3 năm 2024 số tiền 5 triệu đồng. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.*

49.Lâm Vinh *không có tình tiết giảm nhẹ nào khác.*

50.*Nguyễn Thị Hồng Ocó chị Nguyễn Thị Vân A (chị gái) được UBND tỉnh Đ tặng Bằng khen vì đã đạt giải nhì cuộc thi tìm hiểu 70 năm ngày truyền thống Công an nhân dân; Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh Đ tặng Bằng khen vì đã có thành tích xuất sắc trong công tác phối hợp nghị quyết; Bộ trưởng Bộ C5 tặng Bằng khen vì đã có thành tích xuất sắc trong công tác phòng chống ma túy. Có ông Nguyễn Cao C2 (anh trai) được Chủ tịch nước C6 tặng Huy chương chiến sỹ vẻ vang hạng Nhất, Nhì, Ba; UBND thành phố B tặng giấy khen vì đã có thành tích xuất sắc trong tháng an toàn giao thông; Ban An toàn giao thông tỉnh Đ tặng Bằng khen vì đã có thành tích xuất sắc trong đảm bảo an toàn giao thông; Giám đốc Công an tỉnh Đ tặng Chiến sỹ tiên tiến. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.*

51.*Trần Thị Thanh T5không có tình tiết giảm nhẹ nào khác.*

52. Nguyễn Thành N3 được UBMTTQ xã V "Người tốt, việc tốt" năm 2021, 2024; Được Chủ tịch UBND phường B B công nhận danh hiệu "Gia đình Văn Hóa"; Có bà Dương Thị N4 (mẹ đẻ) được Chủ tịch nước C6 tặng Huy chương kháng chiến hạng Nhất. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

53. Võ Văn B không có tình tiết giảm nhẹ nào khác.

54.*Nguyễn Phan Hoàng L1có ông Lương Minh S (bố vợ) thương binh loại A. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.*

55.*Nguyễn Văn H3không có tình tiết giảm nhẹ nào khác.*

56.*Đinh Tấn T6không có tình tiết giảm nhẹ nào khác.*

57.*Nguyễn Hoàng Dkhông có tình tiết giảm nhẹ nào khác.*

58. *Phạm Thị T7 không có tình tiết giảm nhẹ nào khác.*

59.*Đặng Thị Bích L2 có ông Đặng Văn T8 (bố đẻ) được Chủ tịch UBND xã T tặng giấy khen đã có thành tích trong phong trào T dân bảo vệ an ninh tổ quốc năm 2004-2010, năm 2011, 2016, 2017. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.*

60.*Đặng Trung T9được công đoàn cơ sở Đài phát thanh truyền hình T11 cảm ơn vì đã tài trợ chương trình Đêm hội trăng rằm 10 triệu đồng. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS. .*

61.*Âu Dương B1được Ban vận động, quản lý và sử dụng vì người nghèo xã T có Thư cảm ơn đã ủng hộ chăm lo cho những hộ nghèo trên địa bàn xã T. Vì vậy bị*

cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

***62.** Lê Duy T10không có tình tiết giảm nhẹ nào khác.*

***63.Vòng** A N5đã ủng hộ đồng bào bị ảnh hưởng bởi cơn bão số 3 năm 2024 vào tài khoản Ngân hàng A2 số tiền là 2.800.000 đồng. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.*

***64.**Nguyễn Thanh H4không có tình tiết giảm nhẹ nào khác.*

***65.**Đoàn Thị Kiều V1đượcChủ tịch UBND tỉnh B tặng Bằng khen vì đã có thành tích xuất sắc trong cuộc thi khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của tỉnh; UBND phường T biểu dương Người tốt việc tốt đã có thành tích trong cuộc vận động xây dựng Nông thôn mới, đô thị văn minh; Quỹ thiện Hạnh phúc có thư cảm ơn đã ủng hộ tặng quà cho người dân khó khăn ở tỉnh N, B, Đ; đóng góp xây dựng nhà hạnh phúc cho tỉnh N; ủng hộ khắc phục bão lũ lụt ở miền T; ủng hộ phòng chống Covid-19. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm v khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.*

Do có nhiều tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51 BLHS nên áp dụng Điều 54 BLHS đối với bị cáo.

***66.** Nguyễn Văn H5được UBND phường T tặng giấy khen vì đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua yêu nước; tặng giấy khen có thành tích xuất sắc trong phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng Nông thôn mới. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.*

***67.** Nguyễn Văn B2có ông Nguyễn Văn L3 (Bố đẻ) là thương binh loại A. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.*

***68.** Lê Văn C3 có ông Lê Văn A1 (bố đẻ) được tặng thưởng Kỷ niệm chương Cựu chiến binh Việt Nam. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.*

69. Ngô Quang N6 đã Ủng hộ quỹ người nghèo phường A. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

70. Ngô Văn T đã Ủng hộ đồng bào bị ảnh hưởng cơn bão số 3 đến tài khoản Ban vận động cứu trợ tỉnh B. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

***71.**Bùi Văn T1được Chủ tịch UBND tỉnh B tặng Bằng khen đã có thành tích xuất sắc trong lao động sản xuất và công tác; Liên đoàn Lao động tỉnh B tặng Bằng khen đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua lao động giỏi và xây dựng tổ chức công đoàn vững mạnh; Công đoàn cơ sở Công ty H13 đã có thành tích xuất sắc trong lao động và hoạt động công đoàn; Bà Nguyễn Thị T2 có giấy chừng nhận của Ban Thường vụ tỉnh hội Cựu Thanh niên xung phong T chứng nhận đã hoàn thành nhiệm vụ thanh niên xung phong phục vụ trong thời kỳ kháng chiến. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm v khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm v khoản 1, khoản 2*

Điều 51 BLHS.
Do có nhiều tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51 BLHS nên áp dụng Điều 54 BLHS đối với bị cáo.
72.*Nguyễn Hoài Đđược Chủ tịch UBND phường T tặng Giấy khen. Bố vợ được Chủ tịch UBND tỉnh B tặng Bằng khen; Được Chủ tịch nước tặng Huân chương chiến công hạng nhất, nhì, ba và Huân chương kháng chiến. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.*
73.*Chu Văn Hđược Chủ tịch UBND tỉnh Đ tặng Bằng khen vì đã có thành tích xuất sắc trong phong trào xây dựng và phát triển Hợp tác xã các năm 2010 và 2012; Chủ tịch UBND thành phố B tặng giấy khen có thành tích xuất sắc trong 10 năm xây dựng và phát triển kinh tế tập thể thành phố B. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm v khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.*
Do có nhiều tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51 BLHS nên áp dụng Điều 54 BLHS đối với bị cáo.
74. *Võ Thị Mỹ T3không có tình tiết giảm nhẹ nào khác.*
75. Huỳnh Xuân T4 được Chủ tịch Hội Bảo vệ quyền trẻ em và Bảo trợ người khuyết tật tỉnh Kontum tặng giấy khen vì đã có thành tích trong công tác hỗ trợ trẻ em nghèo, người khuyết tật và trẻ em nghèo trên địa bàn tỉnh Kon Tum; tặng giấy khen vì đã có thành tích trong công tác hỗ trợ xe lăn và quà cho trẻ em, người khuyết tật, người nghèo trên địa bàn huyện T, Đ, Kon Tum; Chủ tịch UBND xã I ghi nhận tấm lòng vàng nhân đạo đã đầu tư và trao tặng công trình nước sinh hoạt tại điểm trường làng T, xã I, huyện C, Gia Lai; Chủ tịch UBND xã R giấy khen vì đã tặng quà cho bà con vùng cao tại xã R, huyện X, tỉnh Kon Tum; tặng giấy khen vì đã tài trợ giếng nước và hệ thống lấy nước cho học sinh vùng khó khăn tại thôn K, xã R huyện X, tỉnh Kon Tum; Thư Cảm ơn của Hội C4 vì đã hỗ trợ thuốc khám bệnh cho các hộ nghèo ở tỉnh Gialai; vì đã khám bệnh cho các hộ nghèo ở thị xã G; Hội Chữ thập đỏ huyện Đắc song ghi nhận tấm lòng vàng nhân đạo vì đã trao tặng nguồn nước sạch tại Bon T, xã T. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.
76. *Quách Ngọc Y không có tình tiết giảm nhẹ nào khác.*
77.*Bùi Thái Kđược Trường THCS T19 có Thư cảm ơn vì đã ủng hộ kinh phí động viên học sinh có hoàn cảnh khó khăn; bà Nguyễn Thị L (mẹ đẻ) được Bộ trưởng Bộ Y2 tặng kỷ niệm chương vì sức khỏe nhân dân. Vì vậy, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.*
78. *Thái Thị Bích H1 không có tình tiết giảm nhẹ nào khác.*
79. *Nguyễn Bá Đ1 được BCH Hội Chữ Thập đỏ phường B có thư cảm ơn vì đã ủng hộ Tết vì người nghèo và nạn nhân chất độc da cam; Hội Chữ Thập đỏ phường B có thư cảm ơn vì đã tặng quà tết nguyên đán; tặng quà Tết Nhân ái xuân Quý Mão; tặng quà cho 20 hộ có hoàn cảnh khó khăn phường B. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2*

Điều 51 BLHS.

80. *Bùi Thị Mcó anh Bùi Đăng Q (anh trai ruột) được Đoàn Kinh tế quốc phòng 92 tặng danh hiệu Chiến sỹ tiên tiến năm 2006, 2007. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.*

81. *Hồ Bá T5đã Ủng hộ đồng bào miền B khắc phục bão lụt năm 2024. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.*

82. *Lê Văn Q1được Hội chữ thập đỏ có phiếu thu đã ủng hộ đồng bào bị thiên tai; UBND phường B có phiếu thu đã ủng hộ quỹ vì người nghèo. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS. (lệ thuộc T5)*

83. *Nguyễn Thị Thu N không có tình tiết giảm nhẹ nào khác.*

84. *Nguyễn Thị VđượcChủ tịch nước tặng Huy chương kháng chiến hạng Nhì cho bà Nguyễn Thị L1 (mẹ đẻ); được tặng Huy hiệu 50 tuổi Đảng cho ông Nguyễn Đình Đ2 (bố đẻ); ủng hộ 3 triệu đồng khắc phục thiệt hại cơn bão số 3 năm 2024 tới tài khoản của M1. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.*

85.*Lê Thị H2đã Ủng hộ đồng bào bị lũ lụt vào tài khoản Ban Cứu trợ U. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.*

86. *Nguyễn Xuân H3* ***c****ó ông Nguyễn Đức T6 (bố đẻ) được tặng thưởng Kỷ niệm chương Chiến sỹ Đoàn 333 Quân khu E. Bị cáo đang bị bệnh ung thư tuyến giáp. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.*

87. Nghiêm *Phạm Anh T7không có tình tiết giảm nhẹ nào khác.* ***(****lệ thuộc H3)*

88. *Nguyễn Minh Cđược Chủ tịch UBMT Tổ quốc tỉnh A có thư cảm ơn vì đã ủng hộ phòng chống dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.*

89. *Bùi Văn T8đượcBộ trưởng Bộ X2 tặng Bằng khen đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác năm 2022; MTTQ Việt Nam tỉnh M1 tặng Bằng khen vì đã có nhiều đóng góp cho công tác an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh A năm 2021. Có bố đẻ là Bùi Đình X được Bộ Q2 Chiến sỹ giải phóng hạng Ba. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm v khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.*

Do có nhiều tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51 BLHS nên áp dụng Điều 54 BLHS đối với bị cáo.

90.*Trần Thị H4đã Ủng hộ đồng bào bị lũ lụt vào tài khoản MT Tổ quốc Việt Nam. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.*

91.*Lê Tấn Quang Dkhông có tình tiết giảm nhẹ nào khác.*

92. Tô Văn H5 được Chủ tịch UBND tỉnh B tặng Bằng khen vì đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua yêu nước, Bằng khen đã có thành tích xuất sắc trong phong trào nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, Bằng khen đã có thành tích xuất sắc trong phong trào Cựu chiến binh giúp nhau giảm nghèo làm

kinh tế giỏi; Hội C5 tặng Bằng khen có thành tích xuất sắc trong phong trào cựu chiến binh xóa đói giảm nghèo làm kinh tế giỏi; Hội Cựu Chiến binh tỉnh B tặng Bằng khen vì đã có thành tích xuất sắc trong hoạt động của doanh nhân cựu chiến binh tỉnh B; BCH Đảng bộ xã P tặng giấy khen vì đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2020; Chủ tịch UBND huyện P tặng giấy khen là điển hình tiên tiến trong các phong trào thi đua yêu nước; có ông Tô Văn T9 (bố đẻ) được Chủ tịch nước tặng Huân chương kháng chiến Hạng Nhì. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm v khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

93.*Hoàng Thanh Skhông có tình tiết giảm nhẹ nào khác.*

94. *Lê Quang V1 đã Ủng hộ quỹ người nghèo, đồng bào bị bão lũ số 3, xây dựng nghĩa trang Liệt sĩ xã D. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm v khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.*

95.*Trần Doãn C1không có tình tiết giảm nhẹ nào khác.*

96. *Hoàng Tiến D1có ông Hoàng Văn S1 (bố đẻ) được tặng Huy chương Chiến sỹ vẻ vang Hạng ba; Huy chương Chiến sỹ giải phóng. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.*

97. *Phạm Văn T10 được Hội khuyến học tỉnh N tặng bảng vàng khuyến học vì đã có thành tích đóng góp xây dựng Quỹ khuyến học Trương Hán S2xã K. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.*

98. *Lê Xuân T11không có tình tiết giảm nhẹ nào khác.*

[5]. Về trách nhiệm dân sự:

Theo quy định tại Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Số tiền trốn thuế các bị cáo bị buộc phải nộp vào ngân sách nhà nước. Đối với các bị cáo hưởng lợi mua bán trái phép hóa đơn bị truy thu để sung công nhà nước.

[5.1]. Tịch thu sung nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền các bị cáo trốn thuế, cụ thể:

- Bị cáo Phạm Văn C2: 2.197.510.548 đồng.
- Bị cáo Nguyễn Kim H6: 2.046.729.951 đồng.
- Bị cáo Lê Gia H7: 1.810.811.656 đồng.
- Bị cáo Bùi Quốc T12: 1.626.592.097 đồng.
- Bị cáo Ngô Văn T13: 1.488.058.383 đồng.
- Bị cáo Nguyễn Tín T14: 1.431.046.314 đồng.
- Bị cáo Trần Thị Thanh T15: 823.105.531đồng.
- Bị cáo Võ Thị Hải Y1: 338.782.648 đồng.
- Bị cáo Võ Văn Quốc H8: 291.668.250 đồng.

Được đối trừ vào các khoản tiền các bị cáo đã nộp.

[5.2]. Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền các bị cáo được hưởng lợi do mua bán trái phép hóa đơn, cụ thể:

- Bị cáo Nguyễn Thị H9: 14.159.652.000 đồng.
- Bị cáo Ngô Thị Lệ T16: 240.398.000 đồng.
- Bị cáo Phan Văn T17: 373.646.286 đồng.

- Bị cáo Huỳnh Nguyễn Gia H10: 46.005.318 đồng.
- Bị cáo Trần Thanh H11: 50.000.000 đồng.
Được đối trừ vào các khoản tiền các bị cáo đã nộp.
[5.3]. Đối với các bị cáo nộp trước khoản tiền:
- Nguyễn Văn H12 Ngày 24/12/2024 nộp số tiền 200.000.000 đồng tại Cục thi hành án dân sự tỉnh P tại Biên lai thu tiền số 0000613.
Khoản tiền trên được đối trừ khi thi hành án, nên tạm giữ để bảo đảm thi hành hình phạt.
[6]. Đối với những người có liên quan đến vụ án:
[6.1]. Đối với những cá nhân liên quan:
***1. Wei Xing** - Sinh năm 1984; Quốc tịch: Trung Quốc; Số hộ chiếu: EK1026314; là người điều hành mọi hoạt động của Công ty T20.*
***2.** Nguyễn Thị Thành L2- Sinh năm 1993; HKTT: Phường C, N, TP .; Chức vụ: Kế toán của Công ty T20.*
***3.** Bùi Văn Đ3 - Sinh năm 1995; Nơi thường trú: Ấp T, T, C, Đ.*
Công ty T20 được thành lập và hoạt động theo GCN đăng ký doanh nghiệp số 0108131142 do Sở Kế hoạch và đầu tư TP H cấp ngày 12/01/2018 do Vi Thị L3 - Sinh năm 1991, HKTT: xã N, huyện L, tỉnh B làm Giám đốc. Đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 19/12/2018 do Nguyễn Thị L2 - Sinh năm 1972, HKTT: xã H, huyện L, tỉnh B làm Giám đốc. Đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 09/3/2020 do Vi Thị L3 (nêu trên) làm Giám đốc. Đăng ký thay đổi lần 4 ngày 11/5/2020 tăng vốn điều lệ từ 1.800.000.000 đồng lên 100.000.000.000 đồng. Đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 10/5/2021 do ông Trần Đức C3 - Sinh năm 1993; HKTT: Xóm I xã H, huyện G, tỉnh N làm Giám đốc. Đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 14/10/2021 do Trần Thị Quỳnh N1 - Sinh năm 1996; HKTT: T.T T, huyện V, tỉnh N làm Giám đốc từ đó đến nay. Hiện, Công ty T20 có địa chỉ tại tầng F tòa nhà M, số F đường N, phường C, N, H.
Theo hồ sơ pháp lý của Công ty T20 từ năm 2018 đến nay, Công ty đã nhiều lần thay đổi người đại diện theo pháp luật nêu trên, nhưng trên thực tế, người điều hành mọi hoạt động của Công ty T20 là Wei X1 - Quốc tịch Trung Quốc.
*Từ tháng 4/2021 đến tháng 05/2022, Wei X1 đã chỉ đạo Lý thông qua Bùi Văn Đ3 để mua **97** hóa đơn GTGT khống của 22 công ty gồm: Công ty TNHH C6 (03 hóa đơn); Công ty TNHH Đ4 (03 hóa đơn); Công ty TNHH Đ5 (12 hóa đơn); Công ty TNHH T21 (07 hóa đơn); Công ty TNHH T22 (02 hóa đơn); Công ty TNHH T23 (12 hóa đơn); Công ty TNHH T24 (07 hóa đơn); Công ty TNHH T25 (05 hóa đơn); Công ty TNHH T26 (02 hóa đơn); Công ty TNHH T27 (02 hóa đơn); Công ty TNHH T28 (02 hóa đơn); Công ty TNHH V2 (02 hóa đơn); Công ty TNHH Đ6 (03 hóa đơn); Công ty TNHH T29 (02 hóa đơn); Công ty TNHH S3 (02 hóa đơn); Công ty TNHH Đ7 (14 hóa đơn); Công ty TNHH X3 (3 hóa đơn); Công ty TNHH X4 (04 hóa đơn); Công ty TNHH T30 (03 hóa đơn); Công ty TNHH T31 (04 hóa đơn); Công ty TNHH T32 (01 hóa đơn); Công ty TNHH T33 (02 hóa đơn) với tổng doanh số **651.360.847.439 đồng** (Trong đó tiền hàng là 593.255.413.261 đồng) nhằm hợp thức các khoản chi phí không có hóa đơn GTGT. Các công ty này do Nguyễn Minh T18 thành lập để bán trái*

phép hóa đơn GTGT.
Theo thỏa thuận, Công ty T20 phải trả cho Đ3 số tiền tương đương 7% giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn. Trên thực tế, Wei X1 đã chỉ đạo Lý liên hệ để mua hóa đơn với chi phí 7% giá trị tiền hàng, nhưng L2 đã tự trao đổi với về việc L2 sẽ trả cho Đ3 số tiền 3% giá trị tiền hàng, còn lại L2 được hưởng 4%. Theo thỏa thuận Công ty T20 chỉ chuyển 6,7% số tiền mua hóa đơn, còn lại số tiền 0,3% khi nào Công ty T20 thực hiện quyết toán thuế thì sẽ chuyển nốt.
Về hình thức hợp thức hóa đơn: L2 và Đ3 đã trao đổi thống nhất về thời gian, địa điểm thực hiện chuyển khoản tiền thanh toán hợp thức (nội dung này đã được nêu cụ thể trong hành vi của Bùi Văn Đ3 đã nêu ở trên). Tuy nhiên, khi hết thời hạn điều tra, Cơ quan điều tra mới chỉ làm rõ việc chuyển tiền hợp thức của ***20/97*** *hóa đơn GTGT khống với tổng doanh số là* ***74.731.318.475 đồng*** *(Trong đó: Tiền hàng là 67.937.562.249 đồng, tiền thuế GTGT là 6.793.756.226 đồng).*
Từ tháng 4/2021 đến tháng 05/2022, Đ đã bán cho Nguyễn Thị Thành Llà Kế toán của Công ty T6 97 hóa đơn GTGT khống với tổng doanh số 651.360.847.439 đồng (Trong đó tiền hàng là 593.255.413.261 đồng).
Theo thỏa thuận, L đã trao đổi với Đ về việc L sẽ trả cho Đ số tiền 3% giá trị tiền hàng. Sau khi thỏa thuận với L, Đ đã thông qua Đỗ Văn D (đã truy tố, xét xử ở giai đoạn 1) để mua hóa đơn của Nguyễn Minh T. Trong số tiền mua hóa đơn 3% thu của Công ty T6, Đ được hưởng số tiền là 0,5%. Nhưng theo thỏa thuận Công ty T6 chỉ chuyển 6,7% số tiền mua hóa đơn, còn lại số tiền 0,3% khi nào Công ty T6 thực hiện quyết toán thuế thì sẽ chuyển nốt, nên đến nay Đầy vẫn chưa nhận được số tiền này.
Về hình thức hợp thức hóa đơn: L và Đ trao đổi thống nhất về thời gian, địa điểm thực hiện chuyển khoản tiền thanh toán hợp thức, số tiền cần chuyển hợp thức bằng doanh số hóa đơn trừ đi số tiền mua hóa đơn mà Công ty T6 trả cho Đ là 6,7%. Sau đó Đ thông báo cho Đỗ Văn D để D thông báo cho Võ Tấn L1 (đã truy tố, xét xử ở giai đoạn 1) chuyển tiền từ các Công ty tài chính đến tài khoản ngân hàng đứng tên Nguyễn Văn T1 do Đ sử dụng, sau đó Đ chuyển tiền đến các tài khoản cá nhân do L yêu cầu. Sau đó L và các cá nhân rút tiền mặt nộp vào tài khoản của Công ty T6. Cũng có trường hợp D chuyển tiền vào Công ty T6 mà không cần thông qua tài khoản của các cá nhân nêu trên. Sau đó, L nhắn tin thông báo cho Wei X biết về việc nộp tiền hợp thức vào tài khoản Công ty T6, đồng thời lập lệnh chuyển tiền qua ứng dụng Internet banking để W xing duyệt lệnh chuyển tiền hợp thức cho Công ty bán hóa đơn.
Số tiền chênh lệch 4% còn lại, Đ và D chuyển trả cho L bằng hình thức chuyển từ các tài khoản (tài khoản đứng tên Nguyễn Văn T1 do Đ sử dụng và tài khoản của Đỗ Văn D) đến tài khoản số số 19035037903018 mở tại ngân hàng T7 đứng tên Nguyễn Thị Thành L và trả tiền mặt.
Ngày 25/8/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P có Quyết định trưng cầu giám định số 2807/QĐ-CSKT trưng cầu Cục thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm về pháp luật thuế đối với Công ty T6. Nhưng đến nay chưa có kết quả giám định để xác định có hay không hành vi "Trốn thuế" của bị can Wei X và Nguyễn Thị Thành L. Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra làm rõ hành vi mua bán trái phép

hóa đơn của Wei X, Nguyễn Thị Thành L và làm rõ số tiền hưởng lợi của các bị can sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định của Pháp luật.

*Sau khi mua **97** hóa đơn khống với tổng doanh số **651.360.847.439 đồng** nêu trên để kê khai thuế GTGT mua vào cho Công ty T6, Wei X đã chỉ đạo nhân viên Công ty T6 xuất 03 hóa đơn GTGT có doanh số **349.301.547.857 đồng** cho Công ty TNHH R, địa chỉ: Tầng A tòa nhà T holding, số E N, H do ông Liu D1 – Sinh năm 1989 làm Giám đốc để Công ty R xuất hóa đơn thanh toán, nghiệm thu các hạng mục thi công dự án Nhà máy điện gió Đ, địa chỉ tại: Xã Đ, Huyện Đ, Đắk Nông do Công ty TNHH Q3 làm chủ đầu tư.*

Quá trình điều tra xác minh tại Công ty TNHH Q3, xác định: Mặc dù không đứng tên đại diện theo pháp luật nhưng Wei Xing điều hành toàn bộ hoạt động của Công ty Q3 và chỉ đạo toàn bộ công tác thi công, nghiệm thu tại dự án nhà máy điện gió Đ. Trong quá trình thực hiện dự án, Wei X đã chỉ đạo nhân viên thi công, lập hồ sơ nghiệm thu công trình nhà máy điện gió Đăk Hòa không đúng quy định, có dấu hiệu vi phạm quy định về xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng, cụ thể:

Ngày 14/9/2021, Cục Đ3Bộ C thẩm định và kết luận hồ sơ thiết kế kỹ thuật Nhà máy điện gió Đăk Hòa đủ điều kiện để thực hiện các bước tiếp theo. Mặc dù ngày 14/9/2021, hồ sơ thiết kế kỹ thuật mới được thẩm định như nêu trên, nhưng để dự án kịp hòa lưới điện quốc gia trước ngày 01/11/2021 để được hưởng giá bán điện ưu đãi của Chính phủ là 1.928 đồng/kWh (Sau thời điểm 01/11/2021, giá bán điện của các dự án điện gió theo Quyết định số 21/QĐ-BCT ngày 07/01/2023 của Bộ C quy định phải đàm phán giá và mức giá trần là 1.587,12 đồng/kWh), Wei X đã chỉ đạo công nhân khởi công để thi công dự án từ ngày 05/5/2021 theo bản vẽ thiết kế không đúng với thiết kế kỹ thuật đã được thẩm định (Theo hồ sơ thiết kế sử dụng để thi công thì kích thước một móng trụ tuabin là 18m, tuy nhiên hồ sơ thiết kế kỹ thuật được thẩm định và hồ sơ hoàn công thể hiện kích thước một móng trụ tuabin là 21m).

Ngoài ra, quá trình thi công, mặc dù dự án Nhà máy điện gió Đ vẫn đang trong quá trình thi công và nhiều hạng mục chưa hoàn thành (ngày 31/10/2021 mới hoàn thành việc lắp đặt trụ tuabin WT15) nhưng để kịp hoàn thiện các thủ tục và hòa lưới điện, hưởng giá bán điện ưu đãi như nêu trên, Wei X đã chỉ đạo nhân viên lập khống "Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng để đưa vào vận hành" đề ngày 24/10/2021 thể hiện các hạng mục thi công của nhà máy đã hoàn thành 100% để nộp cho cơ quan Nhà nước.

Ngày 02/10/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P có Quyết định trưng cầu giám định số 3048/QĐ-CSKT trưng cầu Sở Xây dựng tỉnh P giám định lĩnh vực xây dựng trong hoạt động thi công tại công trình nhà máy điện gió Đ. Nhưng đến nay, Sở Xây dựng tỉnh P chưa có Kết luận giám định.

Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra C«ng an tØnh Phó Thä đã tách vụ án Hình sự số 3114 ngày 11/10/2024 để làm rõ hành vi vi phạm quy định về xây dựng của Wei X cùng các cá nhân có liên quan trong việc chỉ đạo thi công, nghiệm thu công trình sai quy định của pháp luật sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định của Pháp luật.

[6.2]. Đối với các đối tượng trung gian F1, F2, F3 Cơ quan điều tra đã xác minh nhân thân, lý lịch:

**** Đối với 67 đối tượng trung gian F1 Cơ quan điều tra đã xác minh thân nhân, lý lịch kết quả như sau:***

***1. Đối tượng có tên "Mã khách hàng" là "Chị** T2**":** Sử dụng tài khoản số 21741107 mở tại ngân hàng A1, tên chủ tài khoản là Phan Thái B – Sinh ngày 31/7/1975, Số CCCD: 079075005663, HKTT: I L, Phường E, quận F, TP . và số tài khoản 26152637 mở tại ngân hàng A1, tên chủ tài khoản là Tạ Quang Đ1 - Sinh ngày 10/11/1995, Số CCCD: 008095007773, HKTT: Thôn T, T, Y, Tuyên Quang; Nơi ở hiện tại: A15, c/c conic Đường số A, Phường G, quận H, TP ..*

Trong năm 2021, 2022, Nguyễn Minh T đã sử dụng 130 công ty và thông qua "Chị T2" để bán 7.813 hóa đơn cho 1.007 đơn vị với tổng doanh số là 1.072.302.430.261 đồng;

Trong số 1.007 đơn vị đã mua hóa đơn của đối tượng "Chị T2", cơ quan điều tra đã xác minh làm rõ Công ty TNHH K; Công ty TNHH S1; Công ty TNHH MTV K1; Công ty TNHH V; Công ty TNHH T8; Công ty TNHH Y; Công ty TNHH S2; Công ty TNHH Ứ; Công ty TNHH D2; Công ty TNHH S3; Công ty TNHH V1; Công ty TNHH MTV N1; Công ty CP Đ4; Công ty CP V2.

***2. Đối tượng có tên "Mã khách hàng" là "a** T3**":** Sử dụng tài khoản số 2626528 và tài khoản số 688883666666 mở tại ngân hàng A1 và ngân hàng P1, tên chủ tài khoản là Nguyễn Hoàng Q và Nguyễn Thành Đ2. Cơ quan điều tra đã đề nghị ngân hàng A1 và ngân hàng P1 cung cấp thông tin chủ tài khoản nêu trên. Tuy nhiên đến nay chưa có kết quả trả lời.*

Trong năm 2021, 2022, T đã sử dụng 91 công ty và thông qua "a T3" để bán 22.355 hóa đơn cho 3.169 đơn vị với tổng doanh số là 3.623.969.895.992 đồng.

Trong số 3.169 đơn vị đã mua hóa đơn của đối tượng "a T3", cơ quan điều tra đã xác minh làm rõ Công ty TNHH S4; Công ty TNHH T9; Công ty TNHH C1; Công ty TNHH S5; Công ty TNHH C2; Công ty TNHH S6; Công ty TNHH S2; Công ty TNHH Đ5; Công ty TNHH V3; Công ty TNHH S2; Công ty TNHH T10; Công ty TNHH T11; Công ty CP V2.

***3. Đối tượng có tên "Mã khách hàng" là "Tùng SG":** Sử dụng tài khoản số 0111000164706; 2424147994; 108001079565 và 070108425197 mở tại ngân hàng V4, ngân hàng T7, ngân hàng P1 và ngân hàng S7, tên chủ tài khoản là Nguyễn Thanh T4 và Phạm Thị Kiều A. Cơ quan điều tra đã đề nghị ngân hàng V4, T7 và ngân hàng P1 cung cấp thông tin chủ tài khoản nêu trên. Tuy nhiên đến nay chưa có kết quả trả lời.*

Trong năm 2021, 2022, T đã sử dụng 76 công ty và thông qua "Tùng SG" để bán 3.570 hóa đơn cho 730 đơn vị với tổng doanh số là 218.464.524.579 đồng;

***4. Đối tượng có tên "Mã khách hàng" là "Trí":** Sử dụng số điện thoại 0706.149.331; Sử dụng tài khoản số 104872836810 mở tại ngân hàng V5 và 0971957677 và ngân hàng V6, tên chủ tài khoản là Phạm Nhật T5. Cơ quan điều tra đã đề nghị ngân hàng V5 và ngân hàng V6 cung cấp thông tin chủ tài khoản nêu trên. Tuy nhiên đến nay chưa có kết quả trả lời.*

Trong năm 2021, 2022, T đã sử dụng 65 công ty và thông qua "Trí" để bán

1.165 hóa đơn cho 120 đơn vị với tổng doanh số là 61.439.410.582 đồng;
Trong số 120 đơn vị đã mua hóa đơn của đối tượng "Trí", cơ quan điều tra đã xác minh làm rõ Công ty TNHH MTV Lê Hải Đạt Thành
***5. Đối tượng có tên "Mã khách hàng" là "Phú":** Sử dụng số điện thoại 0901.332.090; Sử dụng tài khoản số 6368898 và tài khoản số 0721000611500 mở tại ngân hàng A1 và ngân hàng V4, tên chủ tài khoản là Công ty TNHH T12 và Nguyen Thi T. Cơ quan điều tra đã đề nghị ngân hàng A1 và ngân hàng V4 cung cấp thông tin chủ tài khoản nêu trên. Tuy nhiên đến nay chưa có kết quả trả lời.*
Trong năm 2021, T đã sử dụng 30 công ty và thông qua "Phú" để bán 2.598 hóa đơn cho 489 đơn vị với tổng doanh số là 415.095.224.633 đồng;
Trong số 489 đơn vị đã mua hóa đơn của đối tượng "Phú", cơ quan điều tra đã xác minh làm rõ Công ty TNHH C2; Công ty TNHH V3; Công ty TNHH T13; Công ty TNHH S8; Công ty TNHH T14
***6. Đối tượng có tên "Mã khách hàng" là "Chị** Q1**":** Sử dụng số điện thoại 0901.450.648, chủ thuê bao là Lý Quỳnh N - Sinh năm 1995; HKTT: B B, P13, Q.6, TP .. Sử dụng tài khoản số 22036237 mở tại ngân hàng A1, tên chủ tài khoản là Trần Ngọc L2 – Sinh năm 1988; HKTT: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Đ và tài khoản số 27969597 mở tại ngân hàng A1, tên chủ tài khoản là Lê Hồng Q2 – Sinh năm 1984; HKTT:234/1 P, T, TP ., tỉnh Đ.*
Trong năm 2021, 2022, T đã sử dụng 23 công ty và thông qua "Chị Q1" để bán 242 hóa đơn cho 48 đơn vị với tổng doanh số là 37.215.427.876 đồng;
***7. Đối tượng có tên "Mã khách hàng" là "Trọng HN":** Sử dụng số điện thoại 0589478500 và 0948505150; Sử dụng tài khoản số 8280902069999; 101001003223; 050118813763 và 31410004151721 mở tại ngân hàng M, ngân hàng P1, ngân hàng S7 và ngân hàng B1, tên chủ tài khoản là Nguyễn Phan Quyền . Cơ quan điều tra đã đề nghị ngân hàng M, ngân hàng P1, S7 và ngân hàng B1 cung cấp thông tin chủ tài khoản nêu trên. Tuy nhiên đến nay chưa có kết quả trả lời.*
Trong năm 2021, 2022, T đã sử dụng 75 công ty và thông qua "Trọng HN" để bán 3.883 hóa đơn cho 704 đơn vị với tổng doanh số là 156.782.402.085 đồng;
***8. Đối tượng có tên "Mã khách hàng" là "S":** Sử dụng số điện thoại 0839.559.830; 0337.399.361; 0374.235.945. Sử dụng tài khoản số 10700803703 mở tại ngân hàng P1, tên chủ tài khoản là Nguyễn Tấn P. Cơ quan điều tra đã đề nghị ngân hàng P1 cung cấp thông tin chủ tài khoản nêu trên. Tuy nhiên đến nay chưa có kết quả trả lời.*
phép" 27 hóa đơn GTGT.
Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng;
Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Đoàn Thị H 110.000.000 đồng đến 120.000.000đ
120. Trong năm 2021, Tư Đồ Q là chồng của Trịnh Thị Bích V Giám đốc Công ty Â đã liên hệ với cá nhân để mua 27 hóa đơn GTGT khống của 04 công ty do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT, với tổng doanh số

23.555.453.856 đồng (tiền hàng: 21.414.048.960 đồng, tiền thuế: 2.141.404.896 đồng). S đã trả số tiền mua hóa đơn là 703.000.000 đồng (tương đương 5% giá trị tiền hàng).
Sau khi mua 27 hóa đơn nêu trên, S đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty Â. Tháng 6/2023, S đã kê khai bổ sung điều chỉnh giảm 27/27 hóa đơn và đã nộp đủ toàn bộ số tiền thuế GTGT vào ngân sách Nhà nước. Do đó, Tư Đồ Q có hành vi "Mua bán trái phép" 27 hoá đơn giá trị gia tăng.
Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng;
Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Tư Đồ Quan S 110.000.000 đồng đến 120.000.000đ
121. Trong năm 2022, Nguyễn Văn T1 là Giám đốc Công ty Đ1 đã liên hệ với cá nhân tên "H1" mua 26 hóa đơn GTGT khống của 03 công ty do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT, với tổng doanh số 8.115.199.700 đồng (tiền hàng: 7.452.542.500 đồng, tiền thuế: 662.657.200 đồng). T1 đã trả số tiền mua hóa đơn là 445.532.000 đồng (tương đương 6% giá trị tiền hàng).
Sau khi mua 26 hóa đơn, T1 đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty. Tháng 6/2023, T1 đã kê khai bổ sung điều chỉnh giảm 26 hóa đơn và đã nộp đủ toàn bộ số tiền thuế GTGT vào ngân sách Nhà nước. Do đó, Nguyễn Văn T1 có hành vi "Mua bán trái phép" 26 hoá đơn giá trị gia tăng.
Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Tổ quốc ghi công cho liệt sỹ Nguyễn Văn B (Bác ruột).
Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T1 70.000.000 đồng đến 80.000.000đ
122. Năm 2021, Nguyễn Thành T2 là Phó Giám đốc là người điều hành Công ty T8 thông qua người đàn ông tên "L" mua 25 hóa đơn GTGT khống của 08 Công ty do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn, với tổng doanh số hóa đơn là 50.923.912.249 đồng, trong đó tiền hàng hóa dịch vụ trước thuế VAT là 46.294.465.681 đồng, tiền thuế là 4.629.446.568 đồng. Chi phí mua hóa đơn Công ty T8 đã thanh toán là 1.620.306.299 đồng.
Sau khi mua 25 hóa đơn nêu trên, T2 đã sử dụng toàn bộ 25 hóa đơn để kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty T8. T2 đã kê khai bổ sung điều chỉnh giảm 25 hóa đơn trên và đã nộp đủ toàn bộ số tiền thuế GTGT vào ngân sách Nhà nước. Do đó, Nguyễn Thành T2 có hành vi "Mua bán trái phép" 25 hóa đơn GTGT.
Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng;
Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thành T2 80.000.000 đồng đến 90.000.000đ
123. Trong năm 2021, 2022, Nguyễn Văn H2 là Giám đốc Công ty C2 đã liên hệ với "Trần Văn D" để mua tổng số 25 hóa đơn GTGT khống của 04 công ty do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT, với tổng doanh số là 8.972.366.128 đồng (trong đó: tiền hàng hóa: 8.209.147.464 đồng; tiền thuế GTGT: 763.218.664 đồng). H2 đã trả tiền mua hóa đơn là: 205.228.687 đồng

(bằng 2,5% giá trị hàng hóa trên hóa đơn).
Sau khi mua 25 hóa đơn nêu trên, H2 đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của công ty C2 trong năm 2021, 2022 và đã kê khai bổ sung loại trừ toàn bộ hóa đơn GTGT bất hợp pháp và đã nộp đủ toàn bộ số tiền thuế GTGT vào ngân sách Nhà nước. Do đó, Nguyễn Văn H2 có hành vi "Mua bán trái phép" 25 hóa đơn GTGT.
Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng;
Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H2 80.000.000 đồng đến 90.000.000đ.
124. Trong năm 2021 và 2022, Bùi Đình N là Giám đốc Công ty Đ2 đã liên hệ với cá nhân tên "T3" mua 24 hóa đơn GTGT khống của 03 Công ty do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT, với tổng giá trị hóa đơn là 21.617.617.230 đồng (trong đó: tiền hàng hóa: 19.652.379.300 đồng; tiền thuế GTGT: 1.965.237.930 đồng). N đã trả số tiền mua hoá đơn là 900.998.900 đồng (tương đương 5% giá trị tiền hàng).
Sau khi mua 24 hóa đơn GTGT nêu trên, N đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty Đ2. Công ty Đ2 đã kê khai bổ sung, điều chỉnh giảm thuế GTGT được khấu trừ đối với 24 hóa đơn trên. Do đó, Bùi Đình N có hành vi "Mua bán trái phép" 24 hoá đơn GTGT.
Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; UBMTTQ quận B biểu dương người tốt việc tốt đã tích cực tham gia các phong trào thi đua yêu nước tại địa phương; có bà Phạm R (bà nội vợ) là liệt sỹ.
Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Bùi Đình N 70.000.000 đồng đến 80.000.000đ
125. Trong năm 2022, Trần Thị Kim C là Phó Giám đốc Công ty C3 đã liên hệ với cá nhân tên tên "H3" để mua 24 hóa đơn GTGT khống của 04 Công ty gồm do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT, với tổng doanh số là: 13.432.740.457 đồng (Tiền hàng là: 12.437.722.645 đồng; tiền thuế GTGT là: 995.017.812 đồng). C đã trả số tiền mua hoá đơn là 402.982.213 đồng (tương đương 3% giá trị tiền hàng).
Sau khi mua 24 hóa đơn nêu trên, C đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty TNHH C3. Tháng 7/2023, Công ty kê khai bổ sung, loại toàn bộ 24 hóa đơn nêu trên ra khỏi hóa đơn đầu vào của Công ty và đã nộp đủ toàn bộ số tiền thuế GTGT vào ngân sách Nhà nước. Do đó, Trần Thị Kim C đã có hành vi "Mua bán trái phép" 24 hóa đơn GTGT.
Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Được Hội Nữ Doanh nhân thành phố H tặng giấy khen; được Hội Doanh nhân trẻ thành phố H tặng giấy khen, được Hội Liên hiệp phụ nữ TP H tặng giấy khen; Bà Nguyễn Thị T4 (mẹ chồng) được Chủ tịch nước tặng Huy chương kháng chiến hạng nhất; ông Phan Tấn S1 (bố chồng) được Bộ trưởng Bộ T9 tặng Bằng khen đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua, công tác; được tặng Huy hiệu 40 năm tuổi Đảng, được Chủ tịch nước tặng Huân chương kháng chiến hạng Nhất.

Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Trần Thị Kim C 70.000.000 đồng đến 80.000.000đ.

126. Trong năm 2021 và 2022, Lê Thanh N1 là Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Công ty N5 thông qua cá nhân tên D1, đã mua 24 hóa đơn GTGT khống của D1 với tổng doanh số 36.767.581.785 đồng (Tiền hàng: 33.904.798.950 đồng, tiền thuế VAT: 2.862.782.835 đồng).

Sau khi mua 24 hóa đơn GTGT khống, Công ty đã kê khai hàng hóa mua vào năm 2021 và năm 2022. Tháng 6/2023, Công ty N5 đã kê khai điều chỉnh giảm 24 tờ hóa đơn GTGT khống nêu trên. Do đó, Lê Thanh N1 có hành vi "Mua bán trái phép" 24 hóa đơn GTGT.

Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; TƯ Hội Chữ thập đỏ Việt Nam tặng Bằng khen vì đã có thành tích xuất sắc trong công tác.

Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm i, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Lê Thanh N1 50.000.000 đồng đến 60.000.000đ

127. Trong năm 2021 và 2022, Lê Thanh H3 là Giám đốc Công ty L1 đã liên hệ với một người đàn ông để mua 23 hóa đơn GTGT khống của 06 công ty do Nguyễn Minh T sử dụng để bán hóa đơn, với tổng doanh số là 9.860.496.900 đồng (trong đó tiền hàng là 8.991.365.000 đồng, tiền thuế là 869.131.900 đồng). H3 đã trả số tiền mua hoá đơn là: 584.438.725 đồng (tương đương với 6,5%) bằng tiền mặt.

Sau khi mua 23 hóa đơn GTGT, Công ty L1 đã sử dụng kê khai thuế GTGT đầu vào. Đến tháng 3 năm 2024, Công ty L1 đã đã kê khai bổ sung, điều chỉnh giảm thuế GTGT được khấu trừ đối với 23 số hoá đơn trên. Do đó, Lê Thanh H3 có hành vi "Mua bán trái phép" 23 hoá đơn giá trị gia tăng.

Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; có ông Lê Minh Đ (chú ruột) được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba.

Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Lê Thanh H3 70.000.000 đồng đến 80.000.000đ

128. Trong năm 2021 và 2022, Trần Lê Hải Y là Giám đốc Công ty T10 đã liên hệ với một cá nhân để mua 23 hóa đơn GTGT khống của 05 Công ty do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn, với tổng giá trị hóa đơn là 27.522.664.124 đồng (trong đó: tiền hàng hóa: 25.055.178.690 đồng; tiền thuế GTGT 2.467.485.434 đồng). Y đã trả số tiền mua hoá đơn là 1.503.310.721 đồng (tương đương 6% giá trị tiền hàng).

Sau khi mua 23 hóa đơn GTGT nêu trên, Y đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty T10. Công ty T10 đã kê khai bổ sung, điều chỉnh giảm thuế GTGT được khấu trừ đối với 23 hóa đơn trên. Do đó, Trần Lê Hải Y có hành vi "Mua bán trái phép" 23 hoá đơn GTGT.

Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Hội chữ thập đỏ phường H tuyên dương đã có thành tích tích cực trong công tác xã hội nhân đạo.

Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: đề nghị xử phạt bị cáo Trần Lê Hải Y 70.000.000 đồng đến 80.000.000đ

129. Năm 2021, 2022, Trần Thị Kim C1 là Giám đốc Công ty A1 đã thông qua "T3" mua 23 hóa đơn GTGT khống của các công ty do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT với tổng doanh số hóa đơn là 19.041.480.000 đồng, trong đó giá trị hàng trước thuế là 17.313.000.000 đồng, tiền thuế VAT là 1.728.480.000 đồng. Chi phí mua hóa đơn Công ty A1 đã phải thanh toán là 1.728.480.000 đồng.

Sau khi mua 23 hóa đơn nêu trên, C1 đã sử dụng toàn bộ 23 hóa đơn để kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty A1. N2 đã kê khai bổ sung điều chỉnh giảm 23 hóa đơn trên và đã nộp đủ toàn bộ số tiền thuế GTGT vào ngân sách Nhà nước. Do đó, Trần Thị Kim C1 có hành vi "Mua bán trái phép" 23 hóa đơn GTGT.

Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng;

Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Trần Thị Kim C1 80.000.000 đồng đến 90.000.000đ.

130. Năm 2021, 2022, Khổng Hữu N3 là Giám đốc Công ty K2 đã liên hệ với một cá nhân tên "D1" mua 23 hóa đơn GTGT khống của 03 Công ty do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT, với tổng doanh số hóa đơn là 10.911.060.000 đồng, trong đó tiền hàng hóa dịch vụ trước thuế VAT là 9.997.000.000 đồng, tiền thuế là 914.060.000 đồng. Chi phí mua hóa đơn Công ty K2 đã thanh toán là 349.895.000 đồng.

Sau khi mua 23 hóa đơn nêu trên, N3 đã sử dụng toàn bộ 23 hóa đơn để kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty K2. Nháng đã kê khai bổ sung điều chỉnh giảm 23 hóa đơn trên. Do đó, Khổng Hữu N3 có hành vi "Mua bán trái phép" 23 hóa đơn GTGT.

Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; có em trai là Khổng Hữu K là liệt sỹ.

Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Khổng Hữu N3 70.000.000 đồng đến 80.000.000đ.

131. Nguyễn Văn H4

132. Lê Thị Huyền

Trong năm 2021, 2022, Nguyễn Văn H4 Là người đại diện theo pháp luật Công ty H6 đã chỉ đạo Lê Thị H5 là Kế toán Công ty liên hệ với một cá nhân tên "A" mua tổng số 22 hóa đơn GTGT khống của 08 công ty do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT, với tổng doanh số: 9.968.690.050 đồng (trong đó: tiền hàng hóa: 9.062.445.500 đồng; tiền thuế GTGT: 906.244.550 đồng). H4 đã trả tiền mua hóa đơn số tiền là: 419.815.410 đồng (bằng 6% tiền hàng ghi trên 16 hóa đơn đã chuyển khoản hợp thức).

Sau khi mua 22 hóa đơn nêu trên, công ty H6 đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của công ty trong năm 2021, 2022. Đến nay, công ty H6 đã kê khai bổ sung loại toàn bộ 22 hóa đơn nêu trên. Do đó, Nguyễn Văn H4 và Lê Thị H5 có

hành vi "Mua bán trái phép" 22 hóa đơn GTGT.
Bị cáo Nguyễn Văn H4 phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Ông Nguyễn Văn T6 (bố đẻ) được Chủ tịch nước tặng Huy chương kháng chiến hạng Nhì; được ghi danh Người chiến sỹ cách mạng Việt Nam bị địch bắt tù đày; được UBND thị xã T công nhận Gia đình Văn hóa.
Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H4 70.000.000 đồng đến 80.000.000đ
Bị cáo Lê Thị H5 phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Ông Lê Hữu T7 (bố đẻ) được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương Chiến sỹ vẻ vang hạng Nhì năm 1997 và năm 2004; Huân chương Chiến sỹ vẻ vang hạng Ba; Giấy chứng nhận thương binh.
02 Công ty do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn, với tổng doanh số là 12.837.250.000 đồng *(Tiền hàng là: 11.673.500.000 đồng, tiền thuế GTGT là: 1.163.750.000 đồng)*. H đã trả số tiền mua hoá đơn là 1.163.750.000 đồng (tương đương từ 8% đến 10% giá trị tiền hàng).
Sau khi mua 18 hóa đơn GTGT, H đã sử dụng để kê khai thuế đầu vào của Công ty H3. Tháng 11/2023, Công ty H3 đã kê khai bổ sung, điều chỉnh giảm thuế GTGT được khấu trừ đối với 18 hóa đơn trên. Do đó, Nguyễn Văn H không có thiệt hại về thuế GTGT; có hành vi "Mua bán trái phép" 18 hóa đơn GTGT và đã nộp đủ toàn bộ số tiền thuế GTGT vào ngân sách Nhà nước.
Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng;
Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 60.000.000 đồng đến 70.000.000đ
146. Trong năm 2021 và 2022, Phạm Phú G là Giám đốc Công ty Đ1 đã liên hệ với cá nhân tên "L" mua 18 hóa đơn GTGT của Công ty do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn, với tổng giá trị hóa đơn là 11.941.272.000 đồng (Tiền hàng hóa: 10.905.600.000đồng; tiền thuế GTGT là: 1.035.672.000 đồng). G đã trả số tiền mua hoá đơn là 545.280.000 đồng.
Sau khi mua 18 hóa đơn GTGT nêu trên, G đã sử dụng để kê khai thuế đầu vào của Công ty Đ1. Từ tháng 5/2023 đến tháng 3/2024, Công ty Đ1 đã kê khai bổ sung, điều chỉnh giảm thuế GTGT được khấu trừ đối với 18 hóa đơn trên và đã nộp đủ toàn bộ số tiền thuế GTGT vào ngân sách Nhà nước. Do đó, Phạm Phú G có hành vi "Mua bán trái phép" 18 hóa đơn GTGT.
Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Đã ủng hộ tài trợ vắc xin phòng chống dịch Covid-19.
Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Phạm Phú G 50.000.000 đồng đến 60.000.000đ
147. Nguyễn Thị Tuyết S.
148. Trần Văn T1.
Trong năm 2021 và 2022, Nguyễn Thị Tuyết S là Giám đốc Công ty C1 đã giao cho Trần Văn T1 là Giám đốc điều hành của Công ty liên hệ với cá nhân tên "Lê

Thị Mỹ B" mua 18 hóa đơn GTGT khống của các công ty do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn, với tổng doanh số 15.784.667.931 đồng *(tiền hàng: 14.462.512.809 đồng, tiền thuế: 1.322.155.122 đồng).*S đã trả số tiền mua hoá đơn là 723.000.000 đồng.

Sau khi mua 18 hóa đơn, T1 đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty C1. Tháng 6/2023 và tháng 3/2024, T1 đã kê khai bổ sung điều chỉnh giảm 18 hóa đơn GTGT. Do đó, Trần Văn T1, Nguyễn Thị Tuyết S có hành vi "Mua bán trái phép" 18 hoá đơn giá trị gia tăng.

Bị cáo Nguyễn Thị Tuyết S phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng;

Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Tuyết S 60.000.000 đồng đến 70.000.000đ

Bị cáo Trần Văn T1 phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Hội liên hiệp phụ nữ phường xác nhận đã ủng hộ chăm lo hộ khó khăn trong địa bàn phường.

Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Trần Văn T1 50.000.000 đồng đến 60.000.000đ.

149. Trong năm 2021, năm 2022, Ngô Phong H1 là Giám đốc Công ty H4 đã liên hệ với "H2" mua mua 17 hóa đơn GTGT khống của 03 Công ty do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn, với tổng doanh số 34.947.366.275 đồng (trong đó tiền hàng 31.770.660.250 đồng, tiền thuế 3.176.706.025 đồng). Số tiền mua hóa đơn H1 đã thanh toán là 1,5 tỷ đồng.

Toàn bộ 17 hoá đơn GTGT đã được Công ty H4 kê khai thuế trong năm 2021, năm 2022. Đến tháng 9/2023, Công ty H4 đã kê khai điều chỉnh bổ sung, loại bỏ 17 hóa đơn nêu trên. Do đó, Ngô Phong H1 có hành vi "Mua bán trái phép" 17 hóa đơn GTGT.

Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Có bà Ngô Thị L1 (cô ruột) được Tổ quốc ghi công liệt sỹ; ông Ngô Đăng S1 (bố đẻ) được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Nhất; được tặng Huy hiệu 55 năm tuổi Đảng; được Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam tặng thưởng Huân chương lao động H5, được Chủ tịch nước CHDC Nhân dân Lào tặng thưởng Huân chương lao động hạng Ba; Bà Lê Thị R (mẹ đẻ) được tặng Huy chương Kháng chiến hạng Nhất; tặng Huy hiệu 55 năm tuổi Đảng, được Chủ tịch nước CHDC Nhân dân Lào tặng thưởng Huân chương lao động hạng Ba.

Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Ngô Phong H1 50.000.000 đồng đến 60.000.000đ

150. Trong năm 2021, 2022, Trần Ngọc Vĩnh P là Giám đốc Công ty A đã chỉ đạo "Ngân" là kế toán dịch vụ của Công ty mua 50 hóa đơn GTGT khống của các công ty do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn, với tổng doanh số hóa đơn là 15.907.821.050 đồng, trong đó giá trị hàng trước thuế là 14.550.313.809 đồng, tiền thuế là 1.357.507.241 đồng. P đã trả tiền mua hoá

đơn là 1.164.025.105 đồng (tương đương 8% doanh số tiền hàng).
Sau khi mua 50 hóa đơn nêu trên, Phan chỉ sử dụng 16/50 hóa đơn với tổng doanh số hóa đơn là 6.204.159.397 đồng, trong đó giá trị hàng trước thuế là 5.709.327.068 đồng, tiền thuế VAT là 494.832.329 đồng để kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty A. Phan đã kê khai bổ sung điều chỉnh giảm 16 hóa đơn này và đã nộp đủ toàn bộ số tiền thuế GTGT vào ngân sách Nhà nước. Do đó, Trần Ngọc Vĩnh P có hành vi "Mua bán trái phép" 16 hóa đơn GTGT.
Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng;
Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Trần Ngọc Vĩnh P 60.000.000 đồng đến 70.000.000đ
151. Trong năm 2021 và 2022, Trần Công D là người đại diện theo pháp luật Công ty H6 đã liên hệ với cá nhân là nam giới, mua 16 hóa đơn GTGT khống của 03 công ty do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn, với tổng doanh số 39.776.000.000 đồng (*trong đó tiền hàng là 36.350.000.000 đồng, tiền thuế là 3.426.000.000 đồng).* D đã trả số tiền mua hoá đơn là: 1.817.500.000 đồng.
Sau khi mua 16 hóa đơn nêu trên, D đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty H6. Tháng 6/2023, D đã kê khai bổ sung điều chỉnh giảm 16/16 hóa đơn. Do đó, Trần Công D có hành vi "Mua bán trái phép" 16 hoá đơn giá trị gia tăng.
Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng;
Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Trần Công D 60.000.000 đồng đến 70.000.000đ
152. Trong năm 2021, 2022, Phan Trọng Bích N là Giám đốc Công ty G1 đã liên hệ với một cá nhân không rõ tên tuổi mua tổng số 16 hóa đơn GTGT khống, của 10 công ty do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn, với tổng doanh số 24.870.370.176 đồng (trong đó: tiền hàng hóa 22.609.427.493 đồng; tiền thuế GTGT 2.260.942.683 đồng). N đã trả tiền mua hóa đơn số tiền là: 1.147.610.920 đồng.
Sau khi mua 16 hóa đơn nêu trên, N đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của công ty trong năm 2021. 2022. Đến nay, công ty G1 đã kê khai bổ sung loại toàn bộ 16 hóa đơn nêu trên. Do đó, Phan Trọng Bích N có hành vi "Mua bán trái phép" 16 hóa đơn GTGT.
Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng;
Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Phan Trọng Bích N 60.000.000 đồng đến 70.000.000đ
153. Trong năm 2021 và 2022, Nguyễn Thanh T2 là người trực tiếp quản lý, điều hành Công ty P2 đã liên hệ với cá nhân tên "D1" mua 16 hóa đơn GTGT khống, của 03 Công ty do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn, với tổng giá trị hóa đơn là 12.436.499.300 đồng (trong đó: tiền hàng hóa: 11.370.463.000 đồng; tiền thuế GTGT: 1.066.036.300 đồng). T2 đã trả số tiền 273.697.000 đồng để mua hoá đơn (tương đương 3,5% giá trị tiền hàng).

Sau khi mua 16 hóa đơn GTGT nêu trên, T2 đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty P2. Công ty P2 đã kê khai bổ sung, điều chỉnh giảm thuế GTGT được khấu trừ đối với 16 hóa đơn trên.
Do đó, Nguyễn Thanh T2 có hành vi "Mua bán trái phép" 16 hoá đơn GTGT.
Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; UBND xã H 3 có thư cảm ơn vì đã ủng hộ quỹ Vì người nghèo năm 2022, 2023; đã có thư cảm ơn ủng hộ vật chất trong phòng chống C – 19.
Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T2 50.000.000 đồng đến 60.000.000đ
154. Trong năm 2021 và 2022, Trương Thị Thảo L2 là Giám đốc Công ty T6 đã liên hệ với cá nhân không rõ tên tuổi, địa chỉ, mua 16 hóa đơn GTGT khống của 03 công ty do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn, với tổng doanh số ghi trên hóa đơn là 12.332.151.140 đồng *(trong đó tiền hàng hóa dịch vụ là 11.270.498.000 đồng, tiền thuế GTGT là: 1.061.653.140đồng)*. L2 mua hoá đơn với tổng số tiền là 281.762.450 đồng, tương đương với 2,5% giá trị tiền hàng chưa bao gồm thuế GTGT.
Toàn bộ 16 hoá đơn GTGT đã được Công ty T6 kê khai thuế trong năm 2021, 2022. Đến nay, Công ty T6 đã kê khai điều chỉnh bổ sung, loại bỏ 16 hóa đơn của 03 Công ty nêu trên.
Do vậy, Trương Thị Thảo L2 có hành vi "Mua bán trái phép" 16 hóa đơn GTGT
Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng;
Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Trương Thị Thảo L2 60.000.000 đồng đến 70.000.000đ
155. Trong năm 2021 và 2022, Nguyễn Văn Nghĩa L3 Giám đốc Công ty A1 đã liên hệ với cá nhân tên "T3" mua 16 hóa đơn GTGT khống của 06 công ty do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn, với tổng doanh số 10.755.477.904 đồng *(tiền hàng: 9.782.744.000 đồng, tiền thuế: 972.733.940 đồng)*. N1 đã trả số tiền mua hóa đơn là 391.309.760 đồng (tương đương 4% giá trị tiền hàng).
Sau khi mua 16 hóa đơn nêu trên, N1 đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty A1. Tháng 3/2024, N1 đã kê khai bổ sung điều chỉnh giảm 16/16 hóa đơn và đã nộp đủ toàn bộ số tiền thuế GTGT vào ngân sách Nhà nước. Do đó, Nguyễn Văn N1 có hành vi "Mua bán trái phép" 16 hoá đơn giá trị gia tăng
Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng;
Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N1 60.000.000 đồng đến 70.000.000đ.
156. Hoàng Kim T4
157. Nguyễn Phong Hồ Phong
Trong năm 2022, Hoàng Kim T4 là Tổng Giám đốc Công ty H7 đã chỉ đạo Nguyễn Phong Hồ P1 là Kế toán Công ty liên hệ với cá nhân tên "Đ" mua tổng

số 16 hóa đơn GTGT khống của 05 công ty do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn, với tổng doanh số 20.963.809.092 đồng *(trong đó: tiền hàng hóa: 19.131.130.701 đồng; tiền thuế GTGT: 1.832.678.391 đồng)*. T4 đã trả tiền mua hóa đơn là 1.147.867.842 đồng (bằng 6% tiền hàng ghi trên hóa đơn).
Sau khi mua 16 hóa đơn nêu trên, công ty H7 đã sử

Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Lê Thị H5 70.000.000 đồng đến 80.000.000đ.
133. Trong năm 2021 và 2022, Hà Văn K1 là Giám đốc Công ty K2K1 đã liên hệ với cá nhân tên ”B1” để mua 22 hóa đơn GTGT khống của 02 công ty do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT với tổng doanh số 9.929.763.311 đồng (trong đó tiền hàng hóa dịch vụ trước thuế VAT là 8.535.977.760 đồng, tiền thuế là 649.685.551 đồng). K1 đã trả số tiền mua hóa đơn là 170.710.555 đồng (tương đương 2% giá trị tiền hàng).
Sau khi mua 22 hóa đơn nêu trên, công ty K2K1 đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của công ty trong năm 2021, 2022. Đến nay, công ty đã kê khai bổ sung loại toàn bộ 22 hóa đơn nêu trên. Do đó, Hà Văn K1 có hành vi “Mua bán trái phép” 22 hoá đơn giá trị gia tăng.
Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng;
Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Hà Văn K1 80.000.000 đồng đến 90.000.000đ.
134. Trong năm 2021 và 2022, Đường Chí Nghĩa là Giám đốc Công ty P đã liên hệ với một cá nhân để mua 20 hóa đơn GTGT khống của 06 Công ty do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT, với tổng doanh số là 9.832.182.200 đồng (tiền hàng: 9.021.302.000 đồng, tiền thuế: 810.880.200 đồng). N4 đã trả số tiền mua hóa đơn là 915.000.000 đồng (tương đương 10% giá trị tiền hàng).
Sau khi mua 20 hóa đơn nêu trên, N4 đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty P. Tháng 6/2023, N4 đã kê khai bổ sung điều chỉnh giảm 20/20 hóa đơn và đã nộp đủ toàn bộ số tiền thuế GTGT vào ngân sách Nhà nước. Do đó, Đường C có hành vi “Mua bán trái phép” 20 hoá đơn giá trị gia tăng.
Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; UBMTTQ phường 11 quận B biểu dương vì đã tích cực ủng hộ chương trình vì người nghèo.
Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Đường C 70.000.000 đồng đến 80.000.000đ
135. Trong năm 2021, 2022, Vũ Thanh H là Giám đốc Công ty S2 đã liên hệ với người đàn ông giới thiệu tên là “Q”, mua 21 hóa đơn GTGT của 04 công ty do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn, với 6.524.237.027 đồng (tiền hàng 5.931.124.570 đồng, tiền thuế 593.112.457 đồng). Tổng số tiền mua hóa đơn đã thanh toán là khoảng 290 triệu đồng.
Toàn bộ 21 hoá đơn GTGT đã được Công ty S2 kê khai thuế trong năm 2021, năm 2022. Đến tháng 6, tháng 12 /2023, Công ty S2 đã kê khai điều chỉnh bổ

sung, loại bỏ 21 hóa đơn nêu trên. Đến tháng 6, tháng 12 /2023, Công ty S2 đã kê khai điều chỉnh bổ sung, loại bỏ 21 hóa đơn nêu trên và đã nộp đủ toàn bộ số tiền thuế GTGT vào ngân sách Nhà nước. Do đó, Vũ Thanh H có hành vi "Mua bán trái phép" 21 hóa đơn GTGT.

Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng;

Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Vũ Thanh H 80.000.000 đồng đến 90.000.000đ

136. Trong năm 2021 và 2022, Trần Thị Ngọc M là Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty N1 đã liên hệ với cá nhân tên "Thi" để mua 21 hóa đơn GTGT khống của 02 công ty do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn, với tổng doanh số ghi trên hóa đơn là 11.951.642.720 đồng (trong đó tiền hàng hóa dịch vụ là 10.977.259.000 đồng, tiền thuế GTGT là 974.383.720 đồng). Tổng số tiền M đã trả để mua hóa đơn là 729.581.120 đồng (tương đương với khoảng 7% giá trị tiền hàng hóa chưa bao gồm thuế GTGT).

Đối với 21 tờ hoá đơn GTGT của 02 Công ty trên, Công ty N1 đã kê khai thuế trong năm 2021, 2022. Đến ngày 28/11/2023, Công ty N1 đã kê khai điều chỉnh bổ sung, loại bỏ 21 hóa đơn của 02 Công ty nêu trên; Do đó, Trần Thị Ngọc M có hành vi "Mua bán trái phép" 21 hóa đơn GTGT.

Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng;

Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Trần Thị Ngọc M 80.000.000 đồng đến 90.000.000đ.

137. Trong năm 2021, năm 2022, Huỳnh Văn Đ là Giám đốc Công ty T6 đã thông qua một nam thanh niên tên "H1" để mua 21 hóa đơn GTGT khống của 02 Công ty do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT, với tổng doanh số 12.222.452.000 đồng (trong đó tiền hàng 11.111.320.000 đồng, tiền thuế 1.111.132.000 đồng). Số tiền mua hóa đơn Đ đã trả cho H1 là 555.566.000 đồng.

Toàn bộ 21 hoá đơn GTGT nêu trên, đã được Công ty T6 kê khai thuế trong năm 2021, năm 2022. Đến tháng 01/2024, Công ty T6 đã kê khai điều chỉnh bổ sung, loại bỏ 21 hóa đơn nêu trên. Do đó, Huỳnh Văn Đ có hành vi "Mua bán trái phép" 21 hóa đơn GTGT.

Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Chủ tịch UBND phường T tặng giấy khen vì đã có nhiều đóng góp trong xây dựng Nông thôn mới, đô thị văn minh.

Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Huỳnh Văn Đ 70.000.000 đồng đến 80.000.000đ

138. Năm 2022, Đỗ Minh T1 là Giám đốc Công ty T7 đã thông qua L mua 20 hóa đơn GTGT khống của công ty do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn, với tổng doanh số hóa đơn là 12.100.864.820 đồng, trong đó giá trị hàng trước thuế là 11.000.786.200 đồng, tiền thuế VAT là 1.100.078.620 đồng. Số tiền T1 đã trả để mua hóa đơn là 550.039.310 đồng (tương đương với 5% giá

trị tiền hàng ghi trên hóa đơn).
Sau khi mua 20 hóa đơn nêu trên, T1 đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty T7. Triết đã kê khai bổ sung điều chỉnh giảm 20 hóa đơn trên và đã nộp đủ toàn bộ số tiền thuế GTGT vào ngân sách Nhà nước. Do đó, Đỗ Minh T1 có hành vi "Mua bán trái phép" 20 hóa đơn GTGT.
Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Ông Đỗ Văn T2 (ông nội) được Tổ quốc ghi công liệt sỹ.
Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Đỗ Minh T1 50.000.000 đồng đến 60.000.000đ
139. Năm 2021 và 2022, Lê Hoài S là Giám đốc Công ty L1 đã được kế toán dịch vụ của Công ty là "Lê Thị Tú N" hướng dẫn tìm, mua hóa đơn. Sau đó, N liên hệ được với người phụ nữ tên "P" mua 20 hóa đơn GTGT khống của Công ty do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn, với tổng doanh số hóa đơn là 11.960.108.318 đồng, trong đó giá trị hàng trước thuế là 10.982.095.280 đồng, tiền thuế VAT là 978.013.038 đồng. Công ty L1 đã thanh toán mua hoá đơn là 658.925.717 đồng.
Sau khi mua 20 hóa đơn nêu trên, S đã sử dụng toàn bộ 20 hóa đơn để kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty L1. S đã kê khai bổ sung điều chỉnh giảm 20 hóa đơn trên và đã nộp đủ toàn bộ số tiền thuế GTGT vào ngân sách Nhà nước. Do đó, Lê Hoài S có hành vi "Mua bán trái phép" 20 hóa đơn GTGT.
Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Được UBMTTQ xã V ghi nhận tri ân tấm lòng vàng vì đã tích cực tham gia ủng hộ quỹ Vì người nghèo năm 2020; có bà Lê Thị T3 (mẹ ruột) được Chủ tịch N2 tặng Huân chương kháng chiến hạng Nhì.
Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Lê Hoài S 50.000.000 đồng đến 60.000.000đ
140. Trong năm 2021, Trần Văn T4 là Giám đốc Công ty N3 đã thông qua cá nhân tên "H2", mua 19 hóa đơn GTGT khống của 02 công ty do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT, với tổng doanh số 14.721.647.508 đồng (trong đó tiền hàng hóa dịch vụ là 13.631.155.100 đồng, tiền thuế GTGT là 1.090.492.408 đồng). T4 đã trả số tiền mua hóa đơn là 855.000.000 đồng (tương đương 6,5% giá trị tiền hàng).
Sau khi mua 19 hóa đơn, T4 đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty. Tháng 3/2024, T4 đã kê khai bổ sung điều chỉnh giảm 19 hóa đơn và đã nộp đủ toàn bộ số tiền thuế GTGT vào ngân sách Nhà nước. Do đó, Trần Văn T4 có hành vi "Mua bán trái phép" 19 hoá đơn giá trị gia tăng.
Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng;
Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Trần Văn T4 60.000.000 đồng đến 70.000.000đ
141. Trong năm 2021 và 2022, Nguyễn Hiền D là Phó Giám đốc Công ty K đã liên hệ với cá nhân tên "D1" mua 19 hóa đơn GTGT khống của 06 công ty do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn, với tổng doanh số ghi trên

hóa đơn là 13.263.030.000 đồng (trong đó tiền hàng hóa dịch vụ là 12.057.300.000 đồng, tiền thuế GTGT là 1.205.730.000 đồng). D đã trả số tiền mua hoá đơn là 422.005.500 đồng (tương đương với 3,5% giá trị tiền hàng chưa bao gồm thuế GTGT).
Toàn bộ 19 hoá đơn GTGT đã được Công ty K kê khai thuế trong năm 2021, 2022
. Đến tháng 12/2023, Công ty K đã kê khai điều chỉnh bổ sung, loại bỏ 19 hóa đơn nêu trên và nộp số tiền 35.250.000 đồng vào ngân sách nhà nước. Do đó, Nguyễn Hiền D có hành vi "Mua bán trái phép" 19 hóa đơn GTGT.
Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng;
Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Hiền D 60.000.000 đồng đến 70.000.000đ.
142. Năm 2021, Nguyễn Huy P1 là Giám đốc Công ty I đã liên hệ với một cá nhân, mua 19 hóa đơn GTGT khống của các Công ty do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn, với tổng giá trị thanh toán là: 9.127.286.312 đồng (Trong đó, tiền hàng là: 8.297.533.011 đồng, tiền thuế là: 829.753.301 đồng). Tổng số tiền P3 để mua hóa đơn là 331.901.320 đồng tương đương 3% đến 5% giá trị tiền hàng chưa bao gồm thuế GTGT.
Toàn bộ 19 hoá đơn GTGT đã được Công ty I1 kê khai thuế trong năm 2021. Tháng 01/2024, Công ty I1 đã kê khai điều chỉnh bổ sung, loại bỏ 19 hóa đơn nêu trên. Do đó, Nguyễn Huy P1 có hành vi "Mua bán trái phép" 19 hóa đơn GTGT.
Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng;
Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Huy P1 60.000.000 đồng đến 70.000.000đ
143. Trong năm 2021, 2022, Lê Xuân L là Giám đốc Công ty V đã liên hệ với một cá nhân chưa xác định được danh tính, mua tổng số 18 hóa đơn GTGT khống của 03 công ty do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn, với tổng doanh số là 45.206.726.037 đồng (trong đó: tiền hàng hóa: 41.097.023.669 đồng; tiền thuế GTGT: 4.109.702.368 đồng). L đã trả tiền mua hóa đơn là 1.643.880.947 đồng (bằng 4% giá trị hàng hóa trên hóa đơn).
Sau khi mua 18 hóa đơn nêu trên, L đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của công ty V trong năm 2021, 2022 và đã kê khai bổ sung loại trừ toàn bộ hóa đơn GTGT bất hợp pháp. Do đó, Lê Xuân L có hành vi "Mua bán trái phép" 18 hóa đơn GTGT.
Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Có ông Lê Xuân P2 (bố đẻ) là thương binh, được tặng Huy hiệu 55 năm tuổi Đảng; được UB MTTQ xã Y có thư cảm ơn tham gia ủng hộ Chương trình Đông ấm áp tình quê hương năm 2023 số tiền 100 triệu đồng; Trường Tiểu học thị trấn C có thư cảm ơn ủng hộ 100 suất học bổng trị giá 70 triệu đồng cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn; Trường THCS Y có thư cảm ơn đã ủng hộ 30 triệu đồng cho học sinh nghèo.
Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ

luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Lê Xuân L 50.000.000 đồng đến 60.000.000đ

144. Trong năm 2021 và 2022, Nguyễn Hải S1 là Chủ tịch công ty kiêm Giám đốc Công ty T6 đã liên hệ với cá nhân tên "M1" mua 18 hóa đơn GTGT khống của Công ty do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn, với tổng giá trị hóa đơn là 9.997.499.800 đồng (trong đó: tiền hàng hóa 9.170.600.000 đồng; tiền thuế GTGT 826.899.800 đồng). S1 đã trả số tiền mua hoá đơn là 324.471.000 đồng (tương đương 3,5% giá trị tiền hàng).

Sau khi mua 18 hóa đơn GTGT nêu trên, S1 đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty T6. Công ty T6 đã kê khai bổ sung, điều chỉnh giảm thuế GTGT được khấu trừ đối với 18 hóa đơn trên và đã nộp đủ toàn bộ số tiền thuế GTGT vào ngân sách Nhà nước. Do đó, Nguyễn Hải S1 có hành vi "Mua bán trái phép" 18 hoá đơn GTGT.

Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng;

Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Hải S1 60.000.000 đồng đến 70.000.000đ

145. Trong năm 2021 và 2022, Nguyễn Văn H3 là Giám đốc Công ty H4 đã liên hệ với cá nhân tên "T5" mua 18 hóa đơn GTGT khống của của các công ty do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn, với tổng doanh số 15.784.667.931 đồng *(tiền hàng: 14.462.512.809 đồng, tiền thuế: 1.322.155.122 đồng).*S đã trả số tiền mua hoá đơn là 723.000.000 đồng.

Sau khi mua 18 hóa đơn, T1 đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty C1. Tháng 6/2023 và tháng 3/2024, T1 đã kê khai bổ sung điều chỉnh giảm 18 hóa đơn GTGT. Do đó, Trần Văn T1, Nguyễn Thị Tuyết S có hành vi "Mua bán trái phép" 18 hoá đơn giá trị gia tăng.

Bị cáo Nguyễn Thị Tuyết S phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng;

Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Tuyết S 60.000.000 đồng đến 70.000.000đ

Bị cáo Trần Văn T1 phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Hội liên hiệp phụ nữ phường xác nhận đã ủng hộ chăm lo hộ khó khăn trong địa bàn phường.

Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Trần Văn T1 50.000.000 đồng đến 60.000.000đ.

149. Trong năm 2021, năm 2022, Ngô Phong H là Giám đốc Công ty H2 đã liên hệ với "H1" mua mua 17 hóa đơn GTGT khống của 03 Công ty do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn, với tổng doanh số 34.947.366.275 đồng (trong đó tiền hàng 31.770.660.250 đồng, tiền thuế 3.176.706.025 đồng). Số tiền mua hóa đơn H đã thanh toán là 1,5 tỷ đồng.

Toàn bộ 17 hoá đơn GTGT đã được Công ty H2 kê khai thuế trong năm 2021, năm 2022. Đến tháng 9/2023, Công ty H2 đã kê khai điều chỉnh bổ sung, loại bỏ 17 hóa đơn nêu trên. Do đó, Ngô Phong H có hành vi "Mua bán trái phép" 17

hóa đơn GTGT.
Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Có bà Ngô Thị L (cô ruột) được Tổ quốc ghi công liệt sỹ; ông Ngô Đăng S1 (bố đẻ) được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Nhất; được tặng Huy hiệu 55 năm tuổi Đảng; được Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam tặng thưởng Huân chương lao động H3, được Chủ tịch nước CHDC Nhân dân Lào tặng thưởng Huân chương lao động hạng Ba; Bà Lê Thị R (mẹ đẻ) được tặng Huy chương Kháng chiến hạng Nhất; tặng Huy hiệu 55 năm tuổi Đảng, được Chủ tịch nước CHDC Nhân dân Lào tặng thưởng Huân chương lao động hạng Ba.
Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Ngô Phong H 50.000.000 đồng đến 60.000.000đ
150. Trong năm 2021, 2022, Trần Ngọc Vĩnh P là Giám đốc Công ty A đã chỉ đạo "Ngân" là kế toán dịch vụ của Công ty mua 50 hóa đơn GTGT khống của các công ty do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn, với tổng doanh số hóa đơn là 15.907.821.050 đồng, trong đó giá trị hàng trước thuế là 14.550.313.809 đồng, tiền thuế là 1.357.507.241 đồng. P đã trả tiền mua hoá đơn là 1.164.025.105 đồng (tương đương 8% doanh số tiền hàng).
Sau khi mua 50 hóa đơn nêu trên, Phan chỉ sử dụng 16/50 hóa đơn với tổng doanh số hóa đơn là 6.204.159.397 đồng, trong đó giá trị hàng trước thuế là 5.709.327.068 đồng, tiền thuế VAT là 494.832.329 đồng để kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty A. Phan đã kê khai bổ sung điều chỉnh giảm 16 hóa đơn này và đã nộp đủ toàn bộ số tiền thuế GTGT vào ngân sách Nhà nước. Do đó, Trần Ngọc Vĩnh P có hành vi "Mua bán trái phép" 16 hóa đơn GTGT.
Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng;
Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Trần Ngọc Vĩnh P 60.000.000 đồng đến 70.000.000đ
151. Trong năm 2021 và 2022, Trần Công D là người đại diện theo pháp luật Công ty H4 đã liên hệ với cá nhân là nam giới, mua 16 hóa đơn GTGT khống của 03 công ty do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn, với tổng doanh số 39.776.000.000 đồng (*trong đó tiền hàng là 36.350.000.000 đồng, tiền thuế là 3.426.000.000 đồng)*. D đã trả số tiền mua hoá đơn là: 1.817.500.000 đồng.
Sau khi mua 16 hóa đơn nêu trên, D đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty H4. Tháng 6/2023, D đã kê khai bổ sung điều chỉnh giảm 16/16 hóa đơn. Do đó, Trần Công D có hành vi "Mua bán trái phép" 16 hoá đơn giá trị gia tăng.
Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng;
Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Trần Công D 60.000.000 đồng đến 70.000.000đ
152. Trong năm 2021, 2022, Phan Trọng Bích N là Giám đốc Công ty G đã liên hệ với một cá nhân không rõ tên tuổi mua tổng số 16 hóa đơn GTGT khống, của

10 công ty do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn, với tổng doanh số 24.870.370.176 đồng (trong đó: tiền hàng hóa 22.609.427.493 đồng; tiền thuế GTGT 2.260.942.683 đồng). N đã trả tiền mua hóa đơn số tiền là: 1.147.610.920 đồng.

Sau khi mua 16 hóa đơn nêu trên, N đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của công ty trong năm 2021. 2022. Đến nay, công ty G đã kê khai bổ sung loại toàn bộ 16 hóa đơn nêu trên. Do đó, Phan Trọng Bích N có hành vi "Mua bán trái phép" 16 hóa đơn GTGT.

Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng;

Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Phan Trọng Bích N 60.000.000 đồng đến 70.000.000đ

153. Trong năm 2021 và 2022, Nguyễn Thanh T2 là người trực tiếp quản lý, điều hành Công ty P2 đã liên hệ với cá nhân tên "D1" mua 16 hóa đơn GTGT khống, của 03 Công ty do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn, với tổng giá trị hóa đơn là 12.436.499.300 đồng (trong đó: tiền hàng hóa: 11.370.463.000 đồng; tiền thuế GTGT: 1.066.036.300 đồng). T2 đã trả số tiền 273.697.000 đồng để mua hoá đơn (tương đương 3,5% giá trị tiền hàng).

Sau khi mua 16 hóa đơn GTGT nêu trên, T2 đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty P2. Công ty P2 đã kê khai bổ sung, điều chỉnh giảm thuế GTGT được khấu trừ đối với 16 hóa đơn trên.

Do đó, Nguyễn Thanh T2 có hành vi "Mua bán trái phép" 16 hoá đơn GTGT.

Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; UBND xã H 3 có thư cảm ơn vì đã ủng hộ quỹ Vì người nghèo năm 2022, 2023; đã có thư cảm ơn ủng hộ vật chất trong phòng chống C – 19.

Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T2 50.000.000 đồng đến 60.000.000đ

154. Trong năm 2021 và 2022, Trương Thị Thảo L1 là Giám đốc Công ty T6 đã liên hệ với cá nhân không rõ tên tuổi, địa chỉ, mua 16 hóa đơn GTGT khống của 03 công ty do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn, với tổng doanh số ghi trên hóa đơn là 12.332.151.140 đồng *(trong đó tiền hàng hóa dịch vụ là 11.270.498.000 đồng, tiền thuế GTGT là: 1.061.653.140đồng)*. L1 mua hoá đơn với tổng số tiền là 281.762.450 đồng, tương đương với 2,5% giá trị tiền hàng chưa bao gồm thuế GTGT.

Toàn bộ 16 hoá đơn GTGT đã được Công ty T6 kê khai thuế trong năm 2021, 2022. Đến nay, Công ty T6 đã kê khai điều chỉnh bổ sung, loại bỏ 16 hóa đơn của 03 Công ty nêu trên.

Do vậy, Trương Thị Thảo L1 có hành vi "Mua bán trái phép" 16 hóa đơn GTGT

Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng;

Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Trương Thị Thảo L1 60.000.000 đồng đến 70.000.000đ

155. Trong năm 2021 và 2022, Nguyễn Văn Nghĩa L2 Giám đốc Công ty A1 đã

liên hệ với cá nhân tên ”T3” mua 16 hóa đơn GTGT khống của 06 công ty do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn, với tổng doanh số 10.755.477.904 đồng *(tiền hàng: 9.782.744.000 đồng, tiền thuế: 972.733.940 đồng)*. N1 đã trả số tiền mua hóa đơn là 391.309.760 đồng (tương đương 4% giá trị tiền hàng).

Sau khi mua 16 hóa đơn nêu trên, N1 đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty A1. Tháng 3/2024, N1 đã kê khai bổ sung điều chỉnh giảm 16/16 hóa đơn và đã nộp đủ toàn bộ số tiền thuế GTGT vào ngân sách Nhà nước. Do đó, Nguyễn Văn N1 có hành vi “Mua bán trái phép” 16 hoá đơn giá trị gia tăng

Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng;

Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N1 60.000.000 đồng đến 70.000.000đ.

156. Hoàng Kim T4

157. Nguyễn Phong Hồ Phong

Trong năm 2022, Hoàng Kim T4 là Tổng Giám đốc Công ty H5 đã chỉ đạo Nguyễn Phong Hồ P1 là Kế toán Công ty liên hệ với cá nhân tên “Đ” mua tổng số 16 hóa đơn GTGT khống của 05 công ty do Nguyễn Minh T thành lập để bán trái phép hóa đơn, với tổng doanh số 20.963.809.092 đồng *(trong đó: tiền hàng hóa: 19.131.130.701 đồng; tiền thuế GTGT: 1.832.678.391 đồng)*. T4 đã trả tiền mua hóa đơn là 1.147.867.842 đồng (bằng 6% tiền hàng ghi trên hóa đơn).

Sau khi mua 16 hóa đơn nêu trên, công ty H5 đã sửdụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của công ty trong năm 2022. Đến nay, công ty H5 đã kê khai bổ sung loại toàn bộ 16 hóa đơn nêu trên và không phát sinh số tiền thuế GTGT phải nộp.

Do đó, Hoàng Kim T và Nguyễn Phong Hồ P có hành vi “Mua bán trái phép” 16 hóa đơn GTGT.

Bị cáo Hoàng Kim T phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.

Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Hoàng Kim T 60.000.000 đồng đến 70.000.000đ

Bị cáo Nguyễn Phong Hồ P phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Có ông Nguyễn Đức N (cậu ruột) được Tổ quốc ghi công liệt sỹ; ông Nguyễn K (ông nội) là thương binh hạng ¼; Chủ tịch UBMT Tổ quốc thị xã P tặng giấy khen cho ông Nguyễn Mạnh H (bố đẻ); Chủ tịch UBND tỉnh B tặng Bằng khen cho gia đình ông Nguyễn Mạnh H vì đã có thành tích xuất sắc đạt gia đình hiếu học tiêu biểu; Trường THPT P5 tặng giấy khen vì đã đạt giải khuyến khích môn toán cấp tỉnh; đạt giải Ba môn toán học sinh giỏi cấp tỉnh; UBND thị trấn P tặng giấy khen đạt thành tích học sinh nghèo vượt khó; Phòng Giáo dục huyện P tặng giấy khen giải khuyến khích môn lý.

Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Phong Hồ P 50.000.000 đồng.

158. Năm 2022, Lương Thanh V là Phó Giám đốc trực tiếp quản lý, điều hành

Công ty B2 đã liên hệ với một người tên là "P1" mua tổng số 16 hóa đơn GTGT khống của 06 Công ty do Nguyễn Minh T1 thành lập để bán trái phép hóa đơn, với tổng doanh số là 28.686.217.646 đồng (trong đó: tiền hàng là 26.536.012.844 đồng, tiền thuế là 2.150.204.802 đồng). Số tiền V đã trả để mua hóa đơn là 1.194.120.000 đồng.

Toàn bộ 16 hoá đơn GTGT đã được Công ty B2 kê khai thuế trong năm 2022. Đến tháng 6/2023, Công ty B2 đã kê khai điều chỉnh bổ sung, loại bỏ 16 hóa đơn nêu trên và đã nộp đủ toàn bộ số tiền thuế GTGT vào ngân sách Nhà nước. Do đó, Lương Thanh V có hành vi "Mua bán trái phép" 16 hóa đơn GTGT.

Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng;

Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Lương Thanh V 60.000.000 đồng đến 70.000.000đ

159. Trong năm 2021 và 2022, Nguyễn Đình T2 là Giám đốc Công ty N2 đã liên hệ với một cá nhân, mua 15 hóa đơn GTGT khống của 04 công ty do Nguyễn Minh T1 thành lập để bán trái phép hóa đơn, với tổng doanh số ghi trên hóa đơn là 11.488.897.382 đồng *(trong đó tiền hàng hóa dịch vụ là 10.444.452.165đồng, tiền thuế GTGT là: 1.044.445.217đồng).* T2 đã trả tiền mua hoá đơn là 522.222.608 đồng, tương đương 5% giá trị tiền hàng chưa bao gồm thuế GTGT.

Toàn bộ 15 hoá đơn GTGT đã được Công ty N2 kê khai thuế trong năm 2021, 2022. Đến ngày 16/3/2024, Công ty N2 đã kê khai điều chỉnh bổ sung, loại bỏ 15 hóa đơn trên. Đến nay, Công ty N2 đã nộp khắc phục vào Ngân sách Nhà nước số tiền 1.126.875.610 đồng. Do đó, Nguyễn Đình T2 có hành vi "Mua bán trái phép" 15 hóa đơn GTGT.

Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; UBND xã T tặng giấy khen vì đạt Danh hiệu dương Người tốt việc tốt.

Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Đình T2 60.000.000 đồng đến 70.000.000đ

160. Trong năm 2021 và 2022, Lê Thanh P2 là Giám đốc Công ty K1 đã liên hệ với cá nhân tên "Mười" mua 15 hóa đơn GTGT khống của 03 Công ty do Nguyễn Minh T1 thành lập để bán trái phép hóa đơn, với tổng giá trị hóa đơn là 10.790.214.743 đồng (trong đó: tiền hàng hóa: 9.812.528.294 đồng; tiền thuế GTGT: 977.686.449 đồng). P2 đã trả số tiền mua hoá đơn là 977.686.449 đồng cho "Mười" bằng tiền mặt.

Sau khi mua 15 hóa đơn GTGT nêu trên, P2 đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty K1. Công ty K1 đã kê khai bổ sung, điều chỉnh giảm thuế GTGT được khấu trừ đối với 15 hóa đơn trên. Do đó, Lê Thanh P2 có hành vi "Mua bán trái phép" 15 hoá đơn GTGT

Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng;

Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Lê Thanh P2 60.000.000 đồng đến 70.000.000đ

161. Năm 2021, Đoàn Khắc P3 là Giám đốc Công ty T7 đã liên hệ được với cá nhân tên "Q" mua 14 hóa đơn GTGT khống của Công ty do Nguyễn Minh T1

thành lập để bán trái phép hóa đơn, với tổng doanh số hóa đơn là 8.130.098.449 đồng, trong đó tiền hàng hóa dịch vụ trước thuế VAT là 7.390.998.590 đồng, tiền thuế là 739.099.859 đồng. Công ty T8 mua hoá đơn là 258.684.951 đồng.
Sau khi mua 14 hóa đơn nêu trên, P3 đã sử dụng toàn bộ 14 hóa đơn để kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty T7. Quý I, Phục đã kê khai bổ sung điều chỉnh giảm 14 hóa đơn trên. Do đó, Đoàn Khắc P3 có hành vi "Mua bán trái phép" 14 hóa đơn GTGT.
Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Hội Chữ thập đỏ tỉnh B chứng nhận nhiều lần hiến máu tình nguyện.
Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Đoàn Khắc P3 50.000.000 đồng đến 60.000.000đ.
162. Trong năm 2022, Lê Nguyễn Minh T3 là Giám đốc Công ty P6 đã liên hệ với cá nhân tên "Duy Nhi" mua 13 hóa đơn GTGT khống của 08 công ty do Nguyễn Minh T1 thành lập để bán trái phép hóa đơn, với tổng doanh số: 5.962.399.381 đồng *(trong đó: tiền hàng hóa: 5.504.273.251 đồng; tiền thuế GTGT: 458.126.130 đồng)*. T3 đã trả tiền mua hóa đơn là: 165.130.000 đồng (bằng 3% tiền hàng ghi trên 13 hóa đơn).
Sau khi mua 13 hóa đơn nêu trên, công ty P6 đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của công ty trong năm 2022. Đến nay, công ty P6 đã kê khai bổ sung loại toàn bộ 13 hóa đơn nêu trên và đã nộp đủ toàn bộ số tiền thuế GTGT vào ngân sách Nhà nước. Do đó, Lê Nguyễn Minh T3 có hành vi "Mua bán trái phép" 13 hóa đơn GTGT.
Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng;
Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Lê Nguyễn Minh T3 60.000.000 đồng đến 70.000.000đ.
163. Trong 2022, Nguyễn Hoàng L là Giám đốc Công ty V1 đã thông qua người đàn ông tên "B" mua 13 hóa đơn GTGT khống của Công ty do Nguyễn Minh T1 sử dụng để bán hóa đơn, với tổng giá trị là 10.187.001.024 đồng (trong đó tiền hàng là 9.415.573.856 đồng, tiền thuế là 771.427.168 đồng). L đã trả số tiền mua hoá đơn là 564.934.431 đồng (tương đương với 6%).
Sau khi mua 13 hóa đơn GTGT nêu trên, Công ty V1 đã sử dụng kê khai thuế GTGT đầu vào. Đến ngày 11/3/2024, Công ty đã kê khai bổ sung, điều chỉnh giảm thuế GTGT được khấu trừ đối với 13 hoá đơn trên và đã nộp đủ toàn bộ số tiền thuế GTGT vào ngân sách Nhà nước. Do đó, Nguyễn Hoàng L có hành vi "Mua bán trái phép" 13 số hoá đơn giá trị gia tăng
Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Có ông Hồ Văn B1 (cậu ruột) là liệt sỹ; được Hội đồng nhà nước N3 tặng Huân chương kháng chiến hạng Ba.
Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng L 50.000.000 đồng đến 60.000.000đ
164. Trần Nhựt H1.

165. Trần Minh H2.
166. Trần Thanh H3.
Trong năm 2021, 2022, Trần Nhựt H1 là Giám đốc Phòng cung ứng Công ty D1, đã chỉ đạo Trần Minh H2 là Trưởng phòng thu mua của Công ty L2 để mua hóa đơn GTGT; sau đó, H2 đã phân công Trần Thanh H3 là nhân viên của Công ty liên hệ với "Đào Thị A" mua 11 hóa đơn GTGT khống của Công ty do Nguyễn Minh T1 thành lập để bán trái phép hóa đơn; sau đó, Trần Nhựt H1 và Trần Minh H2 mua tiếp 02 hóa đơn. Tổng số Trần Nhựt H1 và Trần Minh H2 đã mua 13 hóa đơn với tổng số tiền 2.063.639.916 đồng (tiền hàng hóa: 1.910.777.700 đồng; tiền thuế GTGT: 152.862.216 đồng). Để mua 13 hóa đơn khống, Công ty D1 đã trả số tiền 152.862.216 đồng cho người bán (tương đương với 8% giá trị tiền hàng chưa bao gồm thuế GTGT).
Sau khi mua 13 hóa đơn nêu trên, Công ty D1 đã sử dụng để kê khai thuế đầu vào. Từ tháng 3 đến tháng 10/2023, Công ty D1 đã kê khai bổ sung, điều chỉnh giảm thuế GTGT được khấu trừ đối với 13 hóa đơn trên. Do đó, Trần Nhựt H1, Trần Minh H2 có hành vi "Mua bán trái phép" 13 hóa đơn của Nguyễn Minh T1; Trần Thanh H3 có hành vi "Mua bán trái phép" 11 hóa đơn. Trong quá trình mua trái phép hóa đơn, H3 đã hưởng lợi số tiền 50.000.000 đồng; ngày 16/10/2024 H3 đã tự nguyện nộp khắc phục hậu quả.
Bị cáo Trần Nhựt H1 phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Đại học Bách khoa thành phố H tặng giấy khen vì đã có thành tích xuất sắc trong học tập, công tác; tặng danh hiệu sinh viên 3 tốt; chứng nhận được tặng thưởng danh hiệu Chiến sỹ xuất sắc trong chiến dịch Mùa hè xanh; Sở Thể dục Thể thao tặng Giấy khen tham gia phục vụ tốt Seagame 22; Bằng khen của Ban T9 lần thứ 22 đã tham gia đại hội TDTT; Bằng khen của Trường Cao đẳng B3 đã hoàn thành xuất sắc dự án phát triển cộng đồng; Giải khuyến khích của Trường Đ1 cho đề tài tự động hóa quy trình xử lý nước.
Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Trần Nhựt H1 50.000.000 đồng đến 60.000.000đ
Bị cáo Trần Minh H2 phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; UBND xã G tặng giấy khen vì có thành tích tham gia hoạt động chiến dịch Mùa hè xanh; Giấy chứng nhận hiến máu tình nguyện 05 lần; Ông Trần Minh Đ (bố đẻ) được Chủ tịch UBND thành phố P- Tháp chàm tặng giấy khen vì đã có thành tích xuất sắc tham gia phát triển kinh tế xã hội 5 năm; Hội Cựu chiến binh tỉnh N tặng giấy khen vì đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua cựu chiến binh gương mẫu…
Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Trần Minh H2 50.000.000 đồng đến 60.000.000đ .
Bị cáo Trần Thanh H3 phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Ngày 16/10/2024 nộp số tiền 50.000.000 đồng số tiền hưởng lợi.
Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Trần Thanh H3 50.000.000 đồng đến

60.000.000đ
167. Trong năm 2021 và 2022, Phan Thanh H4 là Phó Giám đốc Công ty T10 đã liên hệ với cá nhân tên ”T4” mua 12 hóa đơn GTGT khống của công ty do Nguyễn Minh T1 thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT, với tổng doanh số ghi trên hóa đơn là 31.293.350.000 đồng *(trong đó tiền hàng hóa dịch vụ là 28.448.500.000đồng, tiền thuế GTGT là: 2.844.850.000đồng)*. H4 đã trả số tiền mua hoá đơn là 1.706.910.000 đồng (tương đương với 6% giá trị tiền hàng chưa bao gồm thuế GTGT).
Đối với 12 hoá đơn GTGT, Công ty T10 đã kê khai thuế trong năm 2021, 2022. Đến nay, Công ty T10 đã kê khai điều chỉnh bổ sung, loại bỏ 12 hóa đơn GTGT trên. Do đó, Phan Thanh H4 có hành vi “Mua bán trái phép” 12 hóa đơn GTGT.
Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng;
Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Phan Thanh H4 60.000.000 đồng đến 70.000.000đ
168. Trong năm 2021 và 2022, Nguyễn Thị Hồng N1 là Giám đốc Công ty N4 đã liên với cá nhân tên ”D” mua 12 hóa đơn GTGT khống của 04 công ty do Nguyễn Minh T1 thành lập để bán trái phép hóa đơn, với tổng doanh số 13.759.373.202 đồng (Tiền hàng 12.534.309.605 đồng, tiền thuế: 1.225.063.597 đồng). N1 đã trả cho D số tiền mua hóa đơn là 438.700.000 đồng (tương đương 3,2% giá trị tiền hàng).
Sau khi mua 12 hóa đơn nêu trên, N1 đã sử dụng để kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty N4. Tháng 6/2023, N1 đã kê khai bổ sung điều chỉnh giảm 12/12 hóa đơn. Do đó, Nguyễn Thị Hồng N1 có hành vi “Mua bán trái phép” 12 hoá đơn giá trị gia tăng
Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Ông Nguyễn Tấn L1 (bố đẻ) là thương binh hạng ba; bà Đoàn Thị R (bà nội) được Chủ tịch nước tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng; Bà Lê Thị R1 (bà ngoại) được Chủ tịch nước tặng Huy chương kháng chiến hạng Nhất; bà Trần Thị T5 (mẹ đẻ) được Chủ tịch UBND tỉnh T tặng Bằng khen.
Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Hồng N1 50.000.000 đồng đến 60.000.000đ
169. Năm 2021 và 2022, Nguyễn Đình T6 là Giám đốc Công ty T11 đã thông qua người đàn ông tên “H2” để mua 11 hóa đơn GTGT khống của 03 công ty do Nguyễn Minh T1 sử dụng để bán hóa đơn, với tổng doanh số là 8.334.515.204 đồng (trong đó tiền hàng là 7.584.969.986 đồng, tiền thuế là 749.545.218 đồng). T6 đã trả số tiền mua hoá đơn là: 455.247.749 đồng (tương đương với 6%).
Sau khi mua 11 số hóa đơn GTGT nêu trên, Công ty T11 đã sử dụng kê khai thuế GTGT đầu vào. Đến tháng 6 năm 2023, Công ty T11 đã kê khai bổ sung, điều chỉnh giảm thuế GTGT được khấu trừ đối với 11 hoá đơn. Do đó, Nguyễn Đình T6 có hành vi “Mua bán trái phép” 11 hoá đơn giá trị gia tăng.
Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Hội Chữ thập đỏ phường 8 có thư cảm ơn vì đã ủng hộ 5 triệu đồng.

Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Đình T6 50.000.000 đồng đến 60.000.000đ.

170. Trong 2022, Trần Bình P4 là Giám đốc Công ty N5 đã thông qua một người đàn ông mua 11 GTGT khống của Công ty do Nguyễn Minh T1 sử dụng để bán hóa đơn, với tổng doanh số là 8.604.400.000 đồng (trong đó tiền hàng là 7.896.000.000 đồng, tiền thuế là 708.400.00 đồng). P4 đã trả số tiền mua hoá đơn là 394.800.000 đồng (tương đương với 5%) bằng tiền mặt.

Sau khi mua 11 số hóa đơn GTGT nêu trên, Công ty N5P4 đã sử dụng kê khai thuế GTGT đầu vào. Đến tháng 6 năm 2023, Công ty N5 đã kê khai bổ sung, điều chỉnh giảm thuế GTGT được khấu trừ đối với 11 hoá đơn trên và đã nộp đủ toàn bộ số tiền thuế GTGT vào ngân sách Nhà nước.

Do đó, Trần Bình P có hành vi "Mua bán trái phép" 11 hoá đơn GTGT.

Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng .

Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Trần Bình P 60.000.000 đồng đến 70.000.000đ.

171. Trong năm 2021, Lê Thị T là Kế toán và là người điều hành hoạt động Công ty K1 đã thông qua cá nhân tên là "A" mua 11 hóa đơn GTGT khống, của 03 Công ty do Nguyễn Minh T1 thành lập để bán trái phép hóa đơn, với tổng doanh số 14.527.931.000 đồng (trong đó tiền hàng 13.207.210.000 đồng, tiền thuế 1.320.721.000 đồng). Số tiền mua hóa đơn T đã phải thanh toán là khoảng 500 triệu đồng.

Toàn bộ 11 hoá đơn GTGT đã được Công ty K1 kê khai thuế trong năm 2021. Đến tháng 12/2023, Công ty K1 đã kê khai điều chỉnh bổ sung, loại bỏ 11 hóa đơn nêu trên. Do đó, Lê Thị T có hành vi "Mua bán trái phép" 11 hóa đơn GTGT của Nguyễn Minh T1.

Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Ông Lê Quốc K (chồng) được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương chiến sỹ vẻ vang hạng Ba; tặng Kỷ niệm chương đã có nhiều đóng góp cho sự nghiệp Kiểm tra của Đảng; tặng Kỷ niệm chương Cựu chiến binh Việt Nam; Bộ trưởng Bộ Q tặng Bằng khen đã hoàn thành tốt nhiệm vụ; Chủ tịch UBND quận I tặng giấy khen; được Ủy ban mặt trận tổ quốc ghi ơn vì đã có nhiều đóng góp về kinh phí, vật chất; bà Nguyễn Thị H (mẹ đẻ) được tặng thưởng Huân chương chiến sỹ giải phóng hạng ba; có Giấy chứng nhận thương binh loại A; ông Lê Văn R (bố đẻ) được tặng thưởng Huân chương chiến sỹ giải phóng hạng nhất; được Thủ tướng chính phủ tặng giấy khen; được Bộ chỉ huy quân sự tặng Giấy khen; được Bộ tư lệnh quân khu tặng Giấy khen.

Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Lê Thị T 50.000.000 đồng đến 60.000.000đ.

- Không áp dụng khoản 4 Điều 200, khoản 3 Điều 203 Bộ luật Hình sự phạt bổ sung tiền đối với 171 bị cáo.
- Về xử lý vật chứng của vụ án: Áp dụng khoản 2 Điều 106 BLTTHS, Điều 47

Bộ luật Hình sự đối với các vật chứng đã thu giữ: Trả lại cho Nguyễn Thị H1: 01 Căn cước công dân số 030188014021 cấp ngày 7/9/2023 mang tên Nguyễn Thị H1.
- Tịch thu và nộp ngân sách nhà nước: Các khoản tiền hưởng lợi bất chính và trốn thuế.
Tại phiên toà các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã truy tố.
Các bị cáo vắng mặt đều có đơn xin xét xử vắng mặt và thừa nhận hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã truy tố.
- Bị cáo Nguyễn Thị H1 đề nghị được tự nguyện dùng tài sản là thửa đất LK-44, tờ bản đồ số 00, Khu nhà ở B, phường M, quận H, TP H diện tích 85,5 m^2 (UBND quận H cấp Giấy chứng nhậnsố BN331266 ngày 30/3/2013 cho ông Đặng Trần H2. Ngày 07/4/2022 Văn phòng Đ1 - Chi nhánh quận H đã xác nhận biến động quyền sử dụng đất cho Nguyễn Thị H1 trên trang 4 Giấy chứng nhận đã cấp) để tự nguyện thi hành án dân sự theo bản án này.
* Luật sư bào chữa cho bị cáo Trương Thị Thảo L gửi bài bào chữa, nội dung thể hiện quan điểm: Nhất trí như quan điểm truy tố của VKSND tỉnh P. Đề nghị HĐXX xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ để cho bị cáo hưởng hình phạt dưới mức thấp nhất của điều luật truy tố.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:
Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.
[2] Những chứng cứ xác định có tội:
Lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, kết luận giám định. Phù hợp với thời gian, địa điểm nơi xảy ra vụ án, phù hợp với vật chứng thu giữ được. Do đó có đủ cơ sở để xác định: Các bị cáo bị truy tố theo các tội danh của cáo trạng là đúng người, đúng tội.
[3] Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy rằng:
Xét tính chất vụ án là nghiêm trọng; Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến các quy định về quản lý thuế và các quy định trong lĩnh vực tài chính quản lý và sử dụng hóa đơn GTGT của Nhà nước, làm tăng nguy cơ gian lận tài chính, rửa tiền, và các hoạt động kinh tế ngầm, gây tổn hại đến ngân

sách nhà nước và môi trường kinh doanh lành mạnh, làm giảm hiệu lực quản lý của các cơ quan nhà nước trong lĩnh vực kinh tế, gây ảnh hưởng tiêu cực trong đời sống xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý nhà nước trong lĩnh vực thuế, tài chính, ngân hàng..... Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự; thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp; động cơ, mục đích nhằm thu lợi bất hợp pháp. Do vậy, cần phải xử lý nghiêm để giáo dục và phòng ngừa trong công tác đấu tranh, phòng và chống tội phạm.

[4] Đánh giá về nhóm tội và các tội phạm cụ thể thấy rằng:

[4.1] Về nhóm tội Trốn thuế:

[4.1.1] Nhóm tội Trốn thuế vi phạm khoản 1 Điều 200 BLHS:

1. Võ Văn Quốc H3 trốn thuế với số tiền **291.668.250 đồng.** Sau khi Cục thuế tỉnh P ban hành Kết luận giám định, đã nộp khắc phục bổ sung số tiền 164.459.241 đồng. Ngày 23/11/2024 nộp số tiền 52.000.000 đồng;Do đó, số tiền Võ Văn Quốc H3 còn phải khắc phục trong vụ án là **75.209.009 đồng**.

* Tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

* Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tích cực bồi thường khắc phục hậu quả nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Do có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú ổn định. Cần thiết áp dụng hình phạt tù giam bằng thời hạn tạm giam đối với bị cáo và buộc nộp lại khoản tiền trốn thuế.

Áp dụng khoản 5 Điều 328 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trả tự do cho bị cáo ngay tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam về một tội phạm khác.

[4.1.2] Nhóm tội Trốn thuế vi phạm khoản 2 Điều 200 BLHS:

1. Trần Thị Thanh T2 trốn thuế với số tiền 823.105.513 đồng; Ngày 18/10/2024 nộp vào tài khoản Cục Thi hành án dân sự tỉnh P số tiền **52.000.000 đồng**. Ngày 18/11/2024 nộp vào tài khoản Cục Thi hành án dân sự tỉnh P số tiền **50.000.000 đồng.** Ngày 11/12/2024 nộp vào tài khoản Cục Thi hành án dân sự tỉnh P số tiền **400.000.000 đồng.** Do đó, số tiền còn phải khắc phục trong vụ án là **321.105.513 đồng.**

* Tình tiết tăng nặng: Không

* Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo khắc phục được một phần thiệt hại nên áp dụng khoản 2 Điều 51 BLHS.

Do có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng nên áp dụng khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

2. Võ Thị Hải Y trốn thuế với số tiền **338.782.648đồng.** Ngày 25/12/2024 nộp vào tài khoản Cục Thi hành án dân sự tỉnh P số tiền **8.000.000 đồng.** Do đó, số tiền Võ Thị Hải Y **còn** phải khắc phục trong vụ án là **330.782.648đồng**.

* Tình tiết tăng nặng: Không có

* Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo có thư cám ơn của UBND xã G, huyện C vì đã hỗ trợ kinh phí xây dựng nhà tình thương nên áp dụng khoản 2 Điều 51 BLHS.

Do có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng nên áp dụng khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

[4.1.3] Nhóm tội Trốn thuế vi phạm khoản 3 Điều 200 BLHS:

1. Phạm Văn C trốn thuế với số tiền 2.197.510.548 đồng. Do đó, số tiền Phạm Văn C phải khắc phục trong vụ án là 2.197.510.548 đồng.

* Tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

* Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Cần thiết áp dụng hình phạt tù giam đối với bị cáo và buộc nộp lại khoản tiền trốn thuế.

2. Nguyễn Kim H4 trốn thuế với số tiền 2.046.729.951 đồng.

* Tình tiết tăng nặng: Không có

* Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo đã bồi thường khắc phục hậu quả được đa số tiền chiếm đoạt. Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Ủy ban MTTQ Việt Nam thị trấn D xác nhận đã ủng hộ 10 triệu đồng xây dựng sửa chữa nhà ở cho người nghèo trên địa bàn xã D; Viện Thi đua khen thưởng nhà nước chứng nhận. Bị cáo đã khắc phục được số tiền 1.515.000.000 đồng tiền thu lợi bất chính., Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS.

Do có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng nên áp dụng khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

3. Lê Gia H5 trốn thuế với số tiền 1.810.811.656 đồng.

* Tình tiết tăng nặng: Không có

* Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo đã tích cực khắc phục thiệt hại; Trường Đại học Sư phạm thành phố H cảm ơn cựu sinh viên đã trao học bổng cho sinh viên năm học 2020 - 2021; Sở Giáo dục - Đào tạo tỉnh B chứng nhận đạt giải nhì cấp tỉnh môn toán; Phòng Giáo dục và đào tạo huyện G A tặng giấy khen đạt giải khuyến khích môn toán; Hiệu trưởng trường tiểu học G nhiều giấy khen … Bị cáo đã khắc phục được số tiền 920.000.000 đồng tiền thu lợi bất chính. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS.

Do có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng nên áp dụng khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

4. Bùi Quốc T3 trốn thuế số tiền là1.626.592.097 đồng. Do đó, số tiền Bùi Quốc

T3 phải khắc phục trong vụ án là **1.626.592.097 đồng**.
* Tình tiết tăng nặng: Không có
* Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và được Cơ quan CSĐT Công an tỉnh P nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.
Cần thiết áp dụng hình phạt tù giam đối với bị cáo và buộc nộp lại khoản tiền trốn thuế.
5. Ngô Văn T4 trốn thuế với số tiền 1.488.058.338 đồng.
* Tình tiết tăng nặng: Không có
* Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo đã khắc phục được một phần thiệt hại; UBMT Tổ quốc huyện Q chứng nhận gia đình ông bà, cha mẹ mẫu mực, con cháu hiếu thảo 5 năm; ông Ngô Viết S (Bố đẻ) được Hội Cựu chiến binh huyện Q tặng Giấy khen vì đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong phong trào xây dựng Nông thôn mới kiểu mẫu. Bị cáo đã khắc phục được số tiền 415.000.000 đồng tiền thu lợi bất chính. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS.
Do có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng nên áp dụng khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.
6. Nguyễn Tín T5 số tiền trốn thuế là 1.431.046.314 đồng.
* Tình tiết tăng nặng: Không có
* Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo đã khắc phục được một phần thiệt hại; Ban chỉ huy quân sự Bắc Trà M xác nhận ủng hộ vận chuyển hàng hóa cứu trợ miền trung Bắc T. Bị cáo đã khắc phục được số tiền 350.000.000 đồng tiền thu lợi bất chính. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS.
Do có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng nên áp dụng khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.
[4.2] Về nhóm tội Mua bán trái phép hóa đơn:
[4.2.1] Nhóm tội Mua bán trái phép hóa đơn vi phạm khoản 1 Điều 203 BLHS:
* Tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.
* Tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.
1. Ngô Văn C1 có anh trai là Ngô Thế D được Công an thành phố H tặng giấy khen vì đã có thành tích bắt cướp tài sản công dân. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.
2. Nguyễn Thị Thu H6có mẹ đẻ là thương binh được Chủ tịch nước tặng Huân

chương kháng chiến. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.
3. Trần Ngọc T6**,** không có tình tiết giảm nhẹ nào khác.
4. Trương Ngọc T7**,** không có tình tiết giảm nhẹ nào khác.
5. Nguyễn Ngọc D1 có bố đẻ là ông Nguyễn Ngọc H7 được Hội đồng nhà nước N1 tặng Huân chương kháng chiến hạng Nhì vì đã có công lao trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước; Cục trưởng Cục thuế tỉnh B tặng Giấy khen cho cơ sở Pallett Thanh H8 đã có thành tích thự hiện tốt chính sách pháp luật thuế 2013. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.
6. Nguyễn Văn C2 có Thư cảm ơn của cơ sở bảo trợ Mái ấm Phan S1 vì đã tặng ủng hộ tiền, đồ vật cho những trẻ em mồ côi khuyết tật và bệnh nhân. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.
7. Trần Như đượcChủ tịch UBND thị xã A tặng Giấy khen vì đã có nhiều đóng góp tích cực góp phần phát triển kinh tế xã hội xã A; BCH Đồng hương B thành phố H khen tặng vì đã có nhiều đóng góp tích cực trong hoạt động của đồng hương B và quê nhà; Chủ tịch UBND thành phố T tặng Giấy khen đã có thành tích điển hình tiên tiến trên địa bàn thành phố; Chủ tịch UBND phường P tặng Giấy khen vì đã có thành tích trong phong trào Người tốt việc tốt. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS (là thành tích tập thể cùng Nguyễn Thành C3 và Huỳnh Hữu T8) .
8. Huỳnh Hữu T8 đượcChủ tịch UBND thị xã A tặng Giấy khen vì đã có nhiều đóng góp tích cực góp phần phát triển kinh tế xã hội xã A; BCH Đồng hương B thành phố H khen tặng vì đã có nhiều đóng góp tích cực trong hoạt động của đồng hương B và quê nhà; Chủ tịch UBND thành phố T tặng Giấy khen đã có thành tích điển hình tiên tiến trên địa bàn thành phố; Chủ tịch UBND phường P tặng Giấy khen vì đã có thành tích trong phong trào Người tốt việc tốt. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS (là thành tích tập thể cùng Nguyễn Thành C3 và Trần N) .
9. Nguyễn Thành C3 đượcChủ tịch UBND thị xã A tặng Giấy khen vì đã có nhiều đóng góp tích cực góp phần phát triển kinh tế xã hội xã A; BCH Đồng hương B thành phố H khen tặng vì đã có nhiều đóng góp tích cực trong hoạt động của đồng hương B và quê nhà; Chủ tịch UBND thành phố T tặng Giấy khen đã có thành tích điển hình tiên tiến trên địa bàn thành phố; Chủ tịch UBND phường P tặng Giấy khen vì đã có thành tích trong phong trào Người tốt việc tốt. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS (là thành tích tập thể cùng Huỳnh Hữu T8 và Trần N) .
10. Trần Đ đã ủng hộ đồng bào miền B vượt qua khó khăn do cơn bão số 3 số tiền 2 triệu đồng. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.
11. Đỗ Quốc H không có tình tiết giảm nhẹ nào khác.
12. Đoàn Thị H1không có tình tiết giảm nhẹ nào khác.
13. Tư Đồ Quan Sơn không có tình tiết giảm nhẹ nào khác.

14. Nguyễn Văn Tkhông có tình tiết giảm nhẹ nào khác.
15. Nguyễn Thành T1không có tình tiết giảm nhẹ nào khác.
16. Nguyễn Văn H2không có tình tiết giảm nhẹ nào khác.
17. Bùi Đình N được UBMTTQ quận B biểu dương người tốt việc tốt đã tích cực tham gia các phong trào thi đua yêu nước tại địa phương. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.
18. Trần Thị Kim Cđược Hội nữ doanh nhân, hội doanh nhân trẻ TP HCM tặng giấy khen. Hội Liên hiệp phụ nữ TP HCM tặng giấy khen. Mẹ chồng được tặng Huy chương kháng chiến. Bố chồng được tặng Huân chương kháng chiến… Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.
19. Lê Thanh N1được Trung ương hội chữ thập đỏ tặng Bằng khen vì có thành tích xuất sắc trong công tác. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 BLHS.
20. Lê Thanh H3không có tình tiết giảm nhẹ nào khác.
21. Trần Lê Hải Yđược Hội chữ thập đỏ phường H tuyên dương trong công tác nhân đạo. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.
22. Trần Thị Kim C1không có tình tiết giảm nhẹ nào khác.
23. Khổng Hữu N2có em trai là Khổng Hữu K là Liệt sĩ. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.
24. Nguyễn Văn H4 có bố đẻ là ông Nguyễn Văn T2 được Chủ tịch nước tặng Huy chương kháng chiến hạng Nhì; được ghi danh Người chiến sỹ cách mạng Việt Nam bị địch bắt tù đày; được UBND thị xã T công nhận Gia đình Văn hóa. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.
25. Lê Thị H5**(lệ thuộc** H4**)** có bố đẻ là ông Lê Hữu T3 được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương Chiến sỹ vẻ vang hạng Nhì năm 1997 và năm 2004; Huân chương Chiến sỹ vẻ vang hạng Ba; Giấy chứng nhận thương binh. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.
26. Hà Văn K1không có tình tiết giảm nhẹ nào khác.
27. Đường Cđược UBMTTQ phường A quận B biểu dương trong việc ủng hộ người nghèo. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.
28. Vũ Thanh H6không có tình tiết giảm nhẹ nào khác.
29. Trần Thị Ngọc Mkhông có tình tiết giảm nhẹ nào khác.
30. Huỳnh Văn Đ được Chủ tịch UBND phường T tặng giấy khen vì đã có nhiều đóng góp trong xây dựng Nông thôn mới, đô thị văn minh. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.
31. Đỗ Minh T4 không có tình tiết giảm nhẹ nào khác.

32. Lê Hoài S được UBMTTQ xã V ghi nhận tri ân tấm lòng vàng vì đã tích cực tham gia ủng hộ quỹ Vì người nghèo năm 2020; có bà Lê Thị T5 (mẹ ruột) được Chủ tịch N6 tặng Huân chương kháng chiến hạng Nhì. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.
33. Trần Văn T6không có tình tiết giảm nhẹ nào khác.
34. Nguyễn Hiền Dkhông có tình tiết giảm nhẹ nào khác.
35. Nguyễn Huy Pkhông có tình tiết giảm nhẹ nào khác.
36. Lê Xuân L có bố đẻ là thương binh, được tặng Huy hiệu 55 năm tuổi Đảng; được UB MTTQ xã Y có thư cảm ơn tham gia ủng hộ Chương trình Đông ấm áp tình quê hương năm 2023 số tiền 100 triệu đồng; Trường Tiểu học thị trấn C có thư cảm ơn ủng hộ 100 suất học bổng trị giá 70 triệu đồng cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn; Trường THCS Y1 có thư cảm ơn đã ủng hộ 30 triệu đồng cho học sinh nghèo. Vì vậy được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.
37. Nguyễn Hải S1 không có tình tiết giảm nhẹ nào khác.
38. Nguyễn Văn H4 có bố đẻ là ông Nguyễn Văn T2 được Chủ tịch nước tặng Huy chương kháng chiến hạng Nhì; được ghi danh Người chiến sỹ cách mạng Việt Nam bị địch bắt tù đày; được UBND thị xã T công nhận Gia đình Văn hóa. Vì vậy được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.
39. Phạm Phú G đã ủng hộ tài trợ vắc xin phòng chống dịch Covid-19. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.
40. Trần Văn T7 được Hội liên hiệp phụ nữ phường xác nhận đã ủng hộ chăm lo hộ khó khăn trong địa bàn phường. Vì vậy, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.
41. Nguyễn Thị Tuyết S2không có tình tiết giảm nhẹ nào khác.
42. Ngô Phong H7 có bố đẻ là ông Ngô Đăng S3 được Chủ tịch nước tặng Huân chương kháng chiến Hạng Nhất; tặng Huy hiệu 55 năm tuổi Đảng cho bà Lê Thị D1 (mẹ đẻ). Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.
43. Trần Ngọc Vĩnh P1không có tình tiết giảm nhẹ nào khác.
44. Trần Công D2không có tình tiết giảm nhẹ nào khác.
45. Phan Trọng Bích N3không có tình tiết giảm nhẹ nào khác.
46. Nguyễn Thanh T8 được UBND xã H 3 có thư cảm ơn vì đã ủng hộ quỹ Vì người nghèo năm 2022, 2023; đã có thư cảm ơn ủng hộ vật chất trong phòng chống C2 – 19. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.
47. Trương Thị Thảo L1 không có tình tiết giảm nhẹ nào khác.
48. Nguyễn Văn N4không có tình tiết giảm nhẹ nào khác.
49. Hoàng Kim T9không có tình tiết giảm nhẹ nào khác.
50. Nguyễn Phong Hồ P2 được Chủ tịch UBMT Tổ quốc thị xã P tặng giấy khen cho ông Nguyễn Mạnh H8 (bố đẻ); Chủ tịch UBND tỉnh B tặng Bằng khen cho

gia đình ông Nguyễn Mạnh H8 vì đã có thành tích xuất sắc đạt gia đình hiếu học tiêu biểu; Trường THPT P6 tặng giấy khen vì đã đạt giải khuyến khích môn toán cấp tỉnh; đạt giải Ba môn toán học sinh giỏi cấp tỉnh; UBND thị trấn P tặng giấy khen đạt thành tích học sinh nghèo vượt khó; Phòng Giáo dục huyện P tặng giấy khen giải khuyến khích môn lý. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS. (lệ thuộc T9).

51. Lương Thanh Vkhông có tình tiết giảm nhẹ nào khác.

52. Nguyễn Đình T10không có tình tiết giảm nhẹ nào khác.

53. Lê Thanh P3không có tình tiết giảm nhẹ nào khác.

54. Đoàn Khắc P4 được Hội Chữ thập đỏ tỉnh B chứng nhận nhiều lần hiến máu tình . Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

55. Lê Nguyễn Minh T11không có tình tiết giảm nhẹ nào khác.

56. Nguyễn Hoàng L2không có tình tiết giảm nhẹ nào khác.

57. Trần Nhựt H9được Đại học bách khoa TP HCM tặng giấy khen. Sở thể dục thể thao tặng giấy khen. Ban T15 tặng bằng khen… Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

58. Trần Minh H10được khen thưởng vì công tác hiến máu nhân đạo. UBND xã G tặng giấy khen vì tham gia chiến dịch mùa hè xanh

59. Trần Thanh H11 (lệ thuộc Hiện) Ngày 16/10/2024 nộp số tiền 50.000.000 đồng tại Cục thi hành án dân sự tỉnh P. Vì vậy, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

60. Phan Thanh H12không có tình tiết giảm nhẹ nào khác.

61. Nguyễn Thị Hồng N5 có bố đẻ là thương binh hạng ba; bà Trần Thị T12 (mẹ đẻ) được Chủ tịch UBND tỉnh T tặng Bằng khen. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

62. Nguyễn Đình T13 được Hội Chữ thập đỏ phường 8 có thư cảm ơn vì đã ủng hộ 5 triệu đồng. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

63. Trần Bình P5không có tình tiết giảm nhẹ nào khác.

64. Lê Thị T14 có chồng là Lê Quốc K2 được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương chiến sỹ vẻ vang hạng Ba; tặng Kỷ niệm chương đã có nhiều
đóng góp cho sự nghiệp Kiểm tra của Đảng; tặng Kỷ niệm chương Cựu chiến binh Việt Nam; Bộ trưởng Bộ Q1 tặng Bằng khen đã hoàn thành tốt nhiệm vụ; Chủ tịch UBND quận I tặng giấy khen; được Ủy ban mặt trận tổ quốc ghi ơn vì đã có nhiều đóng góp về kinh phí, vật chất; bà Nguyễn Thị H (mẹ đẻ) được tặng thưởng Huân chương chiến sỹ giải phóng hạng ba; có Giấy chứng nhận thương binh loại A; ông Lê Văn R (bố đẻ) được tặng thưởng Huân chương chiến sỹ giải phóng hạng nhất; được Thủ tướng chính phủ tặng giấy khen; được Bộ chỉ huy quân sự tặng Giấy khen; được Bộ tư lệnh quân khu tặng Giấy khen… Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

Các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên áp dụng hình tiền là hình phạt chính cũng đủ điều kiện giáo dục. Mức phạt tiền được đánh giá trên cơ sở số lượng

hóa đơn được mua bán trái phép, số lượng tình tiết giảm nhẹ, vai trò trong việc mua bán hóa đơn, điều kiện hoàn cảnh kinh tế, nghề nghiệp, mức thu nhập thu nhập và khả năng, điều kiện thi hành hình phạt tiền....

[4.2.2] Nhóm tội Mua bán trái phép hóa đơn theo khoản 2 Điều 203 BLHS:

* Tình tiết tăng nặng: Các bị cáo đều không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

* Tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Nhóm bị cáo đồng phạm, hoặc mua bán hóa đơn để hưởng lợi gồm:

1. Nguyễn Thị H1 nhận từ Nguyễn Minh T tổng số tiền là 31.613.687.959 đồng. Bị cáo đã phải chi phí các khoản sau: T có nhờ đóng thuế cho các công ty của T; Tiền phí công bố nội dung thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh; Chi trả cho công ty TNHH H6 làm chữ ký số; Chi trả cho Công ty B1 làm hồ sơ, thủ tục đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử; Hoạt động mua bán con dấu mộc; Hoạt động thuê địa điểm đặt biển hiệu công ty đồng thời cũng là địa điểm đăng ký trụ sở chính của doanh nghiệp; Tiền phí đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; Thuê lại đơn vị thứ ba thực hiện các thủ tục có liên quan đến việc đăng ký thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh cho 319 lượt doanh nghiệp; Hoạt động hỗ trợ kê khai, nộp thuế; Dịch vụ sang tên (Thuê làm dịch vụ thay đổi đăng ký kinh doanh); Dịch vụ chuyển nhượng doanh nghiệp (gồm khoảng 300 công ty H7 mua với giá khoảng từ 15 đến 23 triệu đồng/01 công ty). Sau khi trừ đi các khoản chi phí trên, số tiền bị cáo hưởng lợi bất chính là 14.159.525.000 đồng.

* Số tiền đã nộp khắc phục: Nộp ở giai đoạn điều tra số tiền 750.933.000 đồng;Ngày 15/10/2024 nộp số tiền 500.000.000 đồng.

* Tình tiết giảm nhẹ: Đã khắc phục một phần tiền thu lợi bất chính (Nộp ở giai đoạn điều tra số tiền 750.933.000 đồng.Ngày 15/10/2024 nộp số tiền 500.000.000 đồng).Bị cáo tự nguyện dùng tài sản riêng của mình có giá trị lớn hơn khoản tiền phải khắc phục.Được Đoàn Luật sư thành phố H tặng Kỷ niệm chương Bảo vệ công lý, tặng giấy khen đã có thành tích trong xây dựng Đoàn luật sư và hoạt động nghề nghiệp luật sư năm 2016, 2017, 2018; BCH Đoàn TN Cộng sản H8 khối các cơ quan thành phố H tặng giấy khen đã có thành tích xuất sắc trong công tác đoàn năm 2013, 2014, 2015; Đoàn luật sư thành phố H tặng giấy khen đã có thành tích trong công tác Hội năm 2016, giai đoạn 2016-2021 và năm 2023. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 BLHS.

Do có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng nên áp dụng khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

2. Ngô Thị Lệ T1**:** Trong năm 2021, 2022, Nguyễn Minh T đã thông qua Ngô Thị Lệ T1để bán tổng số 2062 hóa đơn cho 228 đơn vị với tổng doanh số là 108.521.121.661 đồng *(Trong đó tiền hàng là 98.655.565.146 đồng).* Theo thỏa thuận, T1 sẽ thu tiền bán hóa đơn của khách hàng là 3% doanh số tiền hàng chưa bao gồm thuế GTGT tương đương 2.959.666.954 đồng, T1 phải chuyển cho T 1% tương đương số tiền 986.555.651 đồng, còn lại T1 sẽ được hưởng lợi 2%

tương đương 1.973.111.303 đồng. Tuy nhiên, trên thực tế T1 chỉ mới chuyển khoản cho Nguyễn Minh T số tiền là 120.199.000 đồng. (do các Công ty mua hóa đơn chưa thanh toán hoặc thanh toán chưa hết phí mua hóa đơn cho T1). Các công ty mua hóa đơn của T1 đã trả cho T1 số tiền **240.398.000 đồng**.
Do đó, Ngô Thị Lệ T1 "Mua bán trái phép" 2.062 hóa đơn GTGT,được hưởng lợi số tiền **240.398.000 đồng**.
* Tình tiết giảm nhẹ: Đã khắc phục toàn bộ tiền thu lợi bất chính. Vì vậy, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.
Do có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng nên căn cứ khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.
3. Phan Văn T2: Trong năm 2021, 2022, Phan Văn T2 đã thông qua cá nhân tên "B" để mua 76 hóa đơn GTGT khống của Nguyễn Minh T, sau đó thông qua Nguyễn Thanh T3 đã bán cho Công ty Đ1 (51 hóa đơn, doanh số là 6.487.133.571 đồng) và Công ty TNHH T9 (25 hóa đơn, doanh số là 11.727.950.210 đồng) với tổng doanh số 18.215.083.781 đồng. T2 trả cho "B" số tiền tương đương 1,5% giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn, còn lại số tiền 0,5% T2 được hưởng. Tuy nhiên, T3 và T2 chưa tiến hành chuyển khoản hợp thức được 76 hóa đơn nêu trên. Do vậy, T3 mới ứng số tiền 230.000.000 đồng tiền mua hóa đơn để trả cho T2. T2 được hưởng số tiền 57.500.000 đồng (0,5%) từ việc bán 76 hóa đơn cho Công ty T9 và Công ty Đ1.
Ngoài ra, T2 còn bán 1.428 hóa đơn GTGT khống với tổng doanh số 68.988.110.586 đồng (trong đó tiền hàng là 63.229.257.287 đồng) cho 62 đơn vị, doanh nghiệp, hưởng lợi bất chính số tiền 316.146.286 đồng.
Do đó, Phan Văn T2 có hành vi "Mua bán trái phép" 1.504 hóa đơn GTGT với tổng doanh số 87.203.194.367 đồng, hưởng lợi bất chính tổng số tiền là 373.646.286 đồng.
Ngày 07/11/2024 đã nộp vào ngân sách nhà nước tại tài khoản của Cục thi hành án dân sự tỉnh P số tiền là 200.000.000 đồng. Ngày 03/11/2024 đã nộp vào ngân sách nhà nước tại tài khoản của Cục thi hành án dân sự tỉnh P số tiền là 194.000.000 đồng. Do vậy cần hoàn trả số tiền: 20.353.714 đồng.
* Tình tiết giảm nhẹ: Đã khắc phục tiền thu lợi bất chính. Vì vậy, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 BLHS. Do đó áp dụng hình phạt tù bằng thời gian tạm giam cũng đủ điều kiện giáo dục.
4. Huỳnh Nguyễn Gia H2: Trong năm 2022 đã liên hệ với cá nhân tên "D" để mua 61 hóa đơn GTGT khống của 08 công ty do Nguyễn Minh T thành lập, sau đó bán cho Nguyễn Văn H3 (là người trực tiếp quản lý và điều hành Công ty K1).
H2 trả cho "D" số tiền mua hóa đơn là 2,8% giá trị tiền hàng và H3 thanh toán tiền mua hóa đơn 3% giá trị hàng hóa ghi trên hóa đơn chưa có thuế GTGT cho H2 bằng tiền mặt và chuyển khoản. Trong tổng số 61 hóa đơn GTGT khống nêu trên, H3 mới thực hiện việc chuyển khoản hợp thức 35 hóa đơn với doanh số là 24.076.185.563 đồng và trả số tiền mua hóa đơn là 686.826.809 đồng cho H2.

H2 được hưởng số tiền 45.788.454 đồng (0,2%); H2 trả cho "D" số tiền 641.038.355 đồng (2,8%).
Ngoài ra, H2 còn bán 18 hóa đơn GTGT khống cho Công ty TNHH S (Việt Nam) với doanh số 117.923.600 đồng (trong đó: tiền hàng 108.432.000 đồng; tiền thuế GTGT 9.491.600 đồng), hưởng lợi bất chính số tiền 216.864 đồng.
Do đó, Huỳnh Nguyễn Gia H2 đã có hành vi "Mua bán trái phép hóa đơn" 79 hóa đơn GTGT, hưởng lợi bất chính số tiền **46.005.318 đồng.**
Nộp số tiền tại ủy nhiệm chi ngày 23/10/2024 nộp vào tài khoản Cục thi hành án dân sự tỉnh P số tiền 46.005.318 đồng;
* Tình tiết giảm nhẹ: Đã khắc phục tiền thu lợi bất chính. Gia đình H2 được Chủ tịch UBND xã H công nhận danh hiệu Gia đình Văn hóa 3 năm. Vì vậy, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.
Do có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng nên căn cứ khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.
Nhóm các bị cáo mua bán hóa đơn để hợp pháp hóa hàng hóa sau đây gồm:
5. Lê Hoàng NđượcChủ tịch UBND tỉnh B tặng Bằng khen đã đạt giải Ba cuộc thi đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp tỉnh B; ông Lê Văn M (bố đẻ) được Bộ N6 tặng danh hiệu Quyết thắng, UBND tỉnh B tặng Bằng khen vì đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; UBND tỉnh B tặng Bằng khen vì đã đạt danh hiệu chiến sỹ thi đua. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm v khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.
Do có nhiều tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51 BLHS nên áp dụng Điều 54 BLHS đối với bị cáo.
6. Nguyễn Thị Kim L có bố đẻ là Nguyễn Văn N1 (tức Nguyễn Minh C) được Chủ tịch Hội Nông dân tỉnh B tặng Bằng khen; BCH Trung ương tặng Huy hiệu 40 năm tuổi Đảng; Chủ tịch UBND phường 7 tặng giấy khen; Chủ tịch UBND thành phố B công nhận đã có thành tích 5 năm hoàn thành nhiệm vụ; Công ty cổ phần D3 công nhận Nguyễn Thị Kim L hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; ông Đỗ Văn T4 (bố chồng) là thương binh. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS. (lệ thuộc N)
7. Hồ Phương D1 đã ủng hộ khắc phục cơn bão số 3 năm 2024 số tiền 6 triệu đồng; Đảng ủy, HĐND, UBND xã P ghi nhận tấm lòng vàng đã hỗ trợ kinh phí huy động tuyến đường cờ, thôn P, xã P, huyện N, tỉnh N; đã hỗ trợ quỹ Vì người nghèo; ghi nhận tấm lòng vàng vì sự nghiệp phát triển giáo dục, vì phong trào khuyến học địa phương. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.
8. Huỳnh Tấn D2 được Giám đốc Công an tỉnh B tặng giấy khen vì có thành tích phát hiện, bắt giữ đối tượng vận chuyển trái phép chất ma túy ngày 13/12/2023; vì có thành tích phát hiện, bắt giữ đối tượng vận chuyển trái phép chất ma túy ngày 08/01/2014, ngày 28/7/2014, 18/02/2014; đã có thành tích xuất sắc trong phong trào T5 dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; Chủ tịch UBND huyện B tặng giấy khen đã có thành tích xuất sắc trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm; Chủ tịch UBND thị trấn T tặng Giấy khen vì đã có thành tích xuất sắc trong

công tác vận động quỹ nhân đạo; có thành tích xuất sắc trong công tác hội trại giao quân; Hội Chữ thập đỏ thị trấn T ghi nhận tâm lòng vàng nhân đạo. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

9. Vũ Thị Tuyết T6có bố chồng được tặng được tặng thưởng Huân chương kháng chiến. Kỷ niệm chương vì sự nghiệp Đ2.Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

10. Phạm Quang Vcó bố đẻ được tặng được tặng thưởng Huân chương và Huy chương kháng chiến.Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

11. Hồ Thị Thu T7đã Ủng hộ kinh phí xây dựng mô hình Camera phòng chống tội phạm trên địa bàn phường T trong việc xã hội do C1; Thư cảm ơn của Bí thư Ban Chấp hành Đoàn thị xã Đ do đã ủng hộ trong đợt dịch Covid 19. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

12. Võ Pđã ủng hộ miền B khắc phục hậu quả bão lụt năm 2024 vào tài khoản M1. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

13.Đào Thị Hồng L1 được Quỹ từ thiện Bông Sen có thư cảm ơn vì đã có ủng hộ hiện vật. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

14. Nguyễn Diệp Bích H4đã ủng hộ đồng bào thiệt hại do cơn bão số 3 vào tài khoản Ban vận động cứu trợ Trung ương. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

15. Đỗ Văn L2 không có tình tiết giảm nhẹ nào khác.

16. Hồ Thị Mỹ N2được UBND huyện D tặng giấy khen vì đã có thành tích đạt giải nhì, giải ba môn hóa học cấp tỉnh; Giám đốc Sở G1 tặng giấy khen đạt giải nhì, giải ba môn hóa học trong kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh… Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

17. Đặng Chí K **được** Chủ tịch UBND xã A có Giấy khen có thành tích tích cực hỗ trợ chính sách an sinh; T8 cảm ơn vì gia đình đã giúp địa phương xây dựng căn nhà tình thương. Vì vậy, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

18. Trang Duy P1không có tình tiết giảm nhẹ nào khác.

19. Triệu Thoại Qkhông có tình tiết giảm nhẹ nào khác.

20. Trần Thị Á có ông Lê Quý H5 (bố đẻ) được Giám đốc Công an tỉnh B tặng Giấy khen vì đã có thành tích trong phong trào T5 dân bảo vệ an ninh Tổ quốc. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

21. Nguyễn Trọng N3 được Ủy ban nhân dân xã Y có thư cảm ơn vì đã ủng hộ khắc phục thiệt hại cơn bão số 3. Vì vậy, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

22. Hoàng Thị V1 được Công ty TNHH T10 xác nhận đã ủng hộ bão lụt miền B

năm 2024; Công ty TNHH T10 tặng Bằng khen nhân viên xuất sắc các năm 2021, 2022, 2023**.** Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS. (lệ thuộc N3)

23. Ngô Quốc N4đượcBCH huyện đoàn K2 tặng giấy khen có nhiều đóng góp trong vận động hỗ trợ công tác đoàn và phong trào thanh thiếu niên huyện K, có thư cảm ơn vì đã có quà tặng cho các hộ gia đình chính sách có hoàn cảnh khó khăn; Chủ tịch UBND xã S tặng giấy khen đã có thành tích xuất sắc trong công tác an sinh xã hội tại địa phương. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

24. Hà Hoàng N5đượcChủ tịchUBND xã S tặng Giấy khen đã có thành tích xuất sắc trong công tác An sinh xã hội tại đại phương; Hội Chữ thập đỏ tỉnh N có thư cảm ơn vì đã ủng hộ người có hoàn cảnh khó khăn; BCH Đoàn huyện K có thư cảm ơn vì đã có quà tặng cho các hộ gia đình chính sách có hoàn cảnh khó khăn, tặng Giấy khen có nhiều đóng góp trong vận động hỗ trợ công tác Đ và phong trào thanh thiếu niên huyện K; UBND xã S, huyện T, tỉnh T có thư cảm ơn đã ủng hộ kinh phí xây nhà tình thương; có thư cảm ơn hỗ trợ phần quà cho hộ chất độc da cam khuyết tật khó khăn; đã quyên góp ủng hộ nông phẩm trong thời gian phòng chống dịch Covid-19. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS. (lệ thuộc N4)

25. Châu Thị Gkhông có tình tiết giảm nhẹ nào khác.

26. Nguyễn Huỳnh Anh V được UBND phường B3 có thư cảm ơn vì đã tích cực trong công tác phòng chống dịch Covid-19 và giai đoạn phục hồi kinh tế giai đoạn 2021 đến nay. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

27. Nguyễn Ngọc Xuân Qcó ông Nguyễn Thanh T (bố đẻ) là thương binh và được Chủ tịch UBND quận V Gấp tặng giấy khen đạt Danh hiệu Gia đình cách mạng gương mẫu; tặng giấy khen Vì đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua yêu nước… Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

28. Hoàng Thị M có ông Hoàng Quốc H (bố đẻ) được tặng Huy hiệu 55 tuổi Đảng. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

29. Nguyễn Thị Cẩm T1 không có tình tiết giảm nhẹ nào khác.

30. Lê Bách V1có Thư cảm ơn của UBMT Tổ quốc phường T đã đóng góp 10 triệu đồng ủng hộ hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo…; UBMT Tổ quốc phường 8 có thư cảm ơn đã ủng hộ quà chăm lo các hộ có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn phường; UBND phường T có thư cảm ơn vì đã ủng hộ chăm lo cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn bị ảnh hưởng do dịch Covid 19; Hội chữ thập đỏ phường T có thư cảm ơn vì đã ủng hộ nhân dân có hoàn cảnh khó khăn; Mặt trận tổ quốc Tân Thới H1 có thư cảm ơn vì đã ủng hộ quỹ "Vì người nghèo" ; Chủ tịch nước tặng Huy chương Kháng chiến hạng nhì cho ông Nguyễn Công T2 (bố vợ). Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

31. Thủy Thanh Pkhông có tình tiết giảm nhẹ nào khác.

32. Nguyễn Thị Nbị cáo hiện bị bệnh ung thư, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.
33. Nguyễn Thị H2được Ban Thường vụ Hội liên hiệp Phụ nữ thành phố B tặng giấy khen vì có thành tích xuất sắc trong công tác hội và phong trào phụ nữ; đã ủng hộ Trung tâm nhân đạo Làng Tre nuôi dạy trẻ cô nhi khuyết tật, người già neo đơn; BCH Quân sự phường L có thư cảm ơn vì đã đóng góp ủng hộ động viên tinh thần thanh niên tình tham gia nhập ngũ; bà Nguyễn Thị P1 (mẹ đẻ) được tặng Huy chương kháng chiến Hạng Nhất. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.
34. Lê Thị Kim L được UBMTTQ xã V có giấy cảm tạ vì đã đóng góp quỹ xây dựng cầu đường xã V; Công đoàn cơ sở Hội Nhà báo thành phố H có thư cảm ơn vì đã tham gia chương trình ca nhạc thiện; UBND xã T có giấy ghi ơn đã hỗ trợ kinh phí xây dựng nhà tình thương cho hộ nghèo của xã; Chủ tịch nước tặng Huy chương Chiến sỹ vẻ vang hạng Ba cho Trần Quang V2 (chồng); Chủ tịch nước tặng Huy chương Kháng chiến Hạng Nhất cho ông Lê Viết C (bố đẻ), Chủ tịch nước tặng Huân chương Kháng chiến Hạng Ba, được tặng Huy hiệu 30 năm tuổi Đảng, Đảng bộ xã N tặng giấy khen đảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, Chủ tịch UBND xã N tặng giấy khen đã có thành tích xuất sắc trong công tác Mặt trận thôn. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.
35. Dương Thị Kim C1có mẹ chồng là bà Huỳnh Thị V3 được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Nhì, tặng thưởng Huân chương kháng chiến công hạng ba; được Hội C5 tặng danh hiệu Cựu chiến binh gương mẫu; được tặng huy hiệu 45 năm tuổi Đảng; ông Nguyễn Văn N1 (bố chồng) được tặng huy hiệu 55 năm tuổi Đảng; được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhất. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.
36 Lê Nhung đượcChủ tịch UBND xã Q tặng giấy khen vì đã có thành tích vận động xây dựng quê hương; UBND phường T biểu dương Người tốt việc tốt vì đã có thành tích xuất sắc trong cuộc vận động T3 dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa; UBND xã Q ghi nhận tấm lòng vàng vì đã ủng hộ cho người nghèo xã Q; Chủ tịch UBND tỉnh Q chứng nhận đạt danh hiệu là Doanh nhân tiêu biểu của hội Đ1 - Đà Nẵng; Hội chữ thập đỏ có thư cảm ơn vì đã tích cực đóng góp quỹ hoạt động xã hội nhân đạo… Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.
37. Nguyễn Thị Thái H3đượcChủ tịch UBND huyện Q tặng danh hiệu Lao động tiên tiến đã có thành tích xuất sắc nhiệm vụ công tác; Trung ương hội chữ thập đỏ Việt nam tặng Kỷ niệm chương vì sự nghiệp nhân đạo; Hội chữ thập đỏ tỉnh Q tặng Giấy khen. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS. (lệ thuộc N2)
38. Hoàng Thị Minh H4có bố đẻ được tặng Huân chương kháng chiến hạng nhì; Huân chương lao động hạng nhì; Tổng giám đốc ngân hàng N8 tặng bằng khen, nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

39.Võ Hoàn H5có bố vợ là ông Phạm văn G được tặng Huy hiệu 40 năm tuổi đảng; có chị Phạm Thị Hồng T4 (vợ) được thư cảm ơn của UBMT Tổ quốc phường T vì đã gửi và hỗ trợ quà cho các em nhỏ nhân ngày Tết trung thu; có nhiều đóng góp trong công tác phòng chống dịch Covid-19 trên địa bàn khu phố; đã có nhiều đóng góp hỗ trợ bóng đèn chiếu sáng, công tác an sinh xã hội trên địa bàn khu phố T, phường T. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.
40. Phạm Huỳnh Tố N3 không có tình tiết giảm nhẹ nào khác.
41.Vũ Văn C2đã ủng hộ chống dịch Covid 19 về tiền và vật chất tại địa phương. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.
42. Nguyễn Tuấn K không có tình tiết giảm nhẹ nào khác.
43. Bùi Quang L1 đã ủng hộ Làng trẻ em S1 số tiền 7.200.000đ. Vì vậy, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.
44. Nguyễn Thị Thanh T5không có tình tiết giảm nhẹ nào khác. (lệ thuộc L1)
45. Nguyễn Thị Thúy M1đã ủng hộ đồng bào bị ảnh hưởng bởi cơn bão số 3 năm 2024 vào tài khoản của UBMT Tổ quốc tỉnh P số tiền là 5 triệu đồng; có bố là Nguyễn Duy P2 tham gia Binh chủng đặc công được tặng tặng các huy hiệu của bộ đội đặc công; có chị Nguyễn Thị Phương T6 (chị ruột) được Chủ tịch UBND thành phố H tặng Bằng khen vì đã có thành tích góp phần vào phong trào thi đua của thành phố. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.
46. Trần Duy Q1được UBMTTQ phường T có thư cám ơn ủng hộ vật chất cho phụ nữ, học sinh có hoàn cảnh khó khăn. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.
47. Hà Triều T7 không có tình tiết giảm nhẹ nào khác.
48.Lâm Quốc Đđã ủng hộ khắc phục cơn bão số 3 năm 2024 số tiền 5 triệu đồng. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.
49.Lâm Vinh không có tình tiết giảm nhẹ nào khác.
50. Nguyễn Thị Hồng Ocó chị Nguyễn Thị Vân A (chị gái) được UBND tỉnh Đ tặng Bằng khen vì đã đạt giải nhì cuộc thi tìm hiểu 70 năm ngày truyền thống Công an nhân dân; Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh Đ tặng Bằng khen vì đã có thành tích xuất sắc trong công tác phối hợp nghị quyết; Bộ trưởng Bộ C6 tặng Bằng khen vì đã có thành tích xuất sắc trong công tác phòng chống ma túy. Có ông Nguyễn Cao C3 (anh trai) được Chủ tịch nước C7 tặng Huy chương chiến sỹ vẻ vang hạng Nhất, Nhì, Ba; UBND thành phố B tặng giấy khen vì đã có thành tích xuất sắc trong tháng an toàn giao thông; Ban An toàn giao thông tỉnh Đ tặng Bằng khen vì đã có thành tích xuất sắc trong đảm bảo an toàn giao thông; Giám đốc Công an tỉnh Đ tặng Chiến sỹ tiên tiến. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.
51. Trần Thị Thanh T8không có tình tiết giảm nhẹ nào khác.
52. Nguyễn Thành N4 được UBMTTQ xã V "Người tốt, việc tốt" năm 2021,

2024; Được Chủ tịch UBND phường B B công nhận danh hiệu "Gia đình Văn Hóa"; Có bà Dương Thị N5 (mẹ đẻ) được Chủ tịch nước C7 tặng Huy chương kháng chiến hạng Nhất. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.
53. Võ Văn B không có tình tiết giảm nhẹ nào khác.
54. Nguyễn Phan Hoàng L2có ông Lương Minh S (bố vợ) thương binh loại A. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.
55. Nguyễn Văn H6không có tình tiết giảm nhẹ nào khác.
56.Đinh Tấn T9không có tình tiết giảm nhẹ nào khác.
57. Nguyễn Hoàng Dkhông có tình tiết giảm nhẹ nào khác.
58. Phạm Thị T10 không có tình tiết giảm nhẹ nào khác.
59.Đặng Thị Bích L3 có ông Đặng Văn T11 (bố đẻ) được Chủ tịch UBND xã T tặng giấy khen đã có thành tích trong phong trào T3 dân bảo vệ an ninh tổ quốc năm 2004-2010, năm 2011, 2016, 2017. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.
60.Đặng Trung T12được công đoàn cơ sở Đài phát thanh truyền hình T14 cảm ơn vì đã tài trợ chương trình Đêm hội trăng rằm 10 triệu đồng. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS. .
61.Âu Dương B1được Ban vận động, quản lý và sử dụng vì người nghèo xã T có Thư cảm ơn đã ủng hộ chăm lo cho những hộ nghèo trên địa bàn xã T. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.
62. Lê Duy T13không có tình tiết giảm nhẹ nào khác.
63.Vòng A N6đã ủng hộ đồng bào bị ảnh hưởng bởi cơn bão số 3 năm 2024 vào tài khoản Ngân hàng A2 số tiền là 2.800.000 đồng. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.
64. Nguyễn Thanh H7không có tình tiết giảm nhẹ nào khác.
65.Đoàn Thị Kiều V4đượcChủ tịch UBND tỉnh B tặng Bằng khen vì đã có thành tích xuất sắc trong cuộc thi khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của tỉnh; UBND phường T biểu dương Người tốt việc tốt đã có thành tích trong cuộc vận động xây dựng Nông thôn mới, đô thị văn minh; Quỹ thiện Hạnh phúc có thư cảm ơn đã ủng hộ tặng quà cho người dân khó khăn ở tỉnh N, B, Đ; đóng góp xây dựng nhà hạnh phúc cho tỉnh N; ủng hộ khắc phục bão lũ lụt ở miền T; ủng hộ phòng chống Covid-19. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm v khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.
Do có nhiều tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51 BLHS nên áp dụng Điều 54 BLHS đối với bị cáo.
66. Nguyễn Văn H8được UBND phường T tặng giấy khen vì đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua yêu nước; tặng giấy khen có thành tích xuất sắc trong phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng Nông thôn mới. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

67. Nguyễn Văn B2có ông Nguyễn Văn L4 (Bố đẻ) là thương binh loại A. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

68. Lê Văn C4 có ông Lê Văn A1 (bố đẻ) được tặng thưởng Kỷ niệm chương Cựu chiến binh Việt Nam. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

69. Ngô Quang N7 đã Ủng hộ quỹ người nghèo phường A. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2
Điều 51 BLHS.

70. Ngô Văn T đã Ủng hộ đồng bào bị ảnh hưởng cơn bão số 3 đến tài khoản Ban vận động cứu trợ tỉnh B. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

71.Bùi Văn T1được Chủ tịch UBND tỉnh B tặng Bằng khen đã có thành tích xuất sắc trong lao động sản xuất và công tác; Liên đoàn Lao động tỉnh B tặng Bằng khen đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua lao động giỏi và xây dựng tổ chức công đoàn vững mạnh; Công đoàn cơ sở Công ty H13 đã có thành tích xuất sắc trong lao động và hoạt động công đoàn; Bà Nguyễn Thị T2 có giấy chừng nhận của Ban Thường vụ tỉnh hội Cựu Thanh niên xung phong T chứng nhận đã hoàn thành nhiệm vụ thanh niên xung phong phục vụ trong thời kỳ kháng chiến. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm v khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm v khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

Do có nhiều tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51 BLHS nên áp dụng Điều 54 BLHS đối với bị cáo.

72. Nguyễn Hoài Đđược Chủ tịch UBND phường T tặng Giấy khen. Bố vợ được Chủ tịch UBND tỉnh B tặng Bằng khen; Được Chủ tịch nước tặng Huân chương chiến công hạng nhất, nhì, ba và Huân chương kháng chiến. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

73. Chu Văn Hđược Chủ tịch UBND tỉnh Đ tặng Bằng khen vì đã có thành tích xuất sắc trong phong trào xây dựng và phát triển Hợp tác xã các năm 2010 và 2012; Chủ tịch UBND thành phố B tặng giấy khen có thành tích xuất sắc trong 10 năm xây dựng và phát triển kinh tế tập thể thành phố B. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm v khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

Do có nhiều tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51 BLHS nên áp dụng Điều 54 BLHS đối với bị cáo.

74. Võ Thị Mỹ T3không có tình tiết giảm nhẹ nào khác.

75. Huỳnh Xuân T4 được Chủ tịch Hội Bảo vệ quyền trẻ em và Bảo trợ người khuyết tật tỉnh Kontum tặng giấy khen vì đã có thành tích trong công tác hỗ trợ trẻ em nghèo, người khuyết tật và trẻ em nghèo trên địa bàn tỉnh Kon Tum; tặng giấy khen vì đã có thành tích trong công tác hỗ trợ xe lăn và quà cho trẻ em, người khuyết tật, người nghèo trên địa bàn huyện T, Đ, Kon Tum; Chủ tịch

UBND xã I ghi nhận tấm lòng vàng nhân đạo đã đầu tư và trao tặng công trình nước sinh hoạt tại điểm trường làng T, xã I, huyện C, Gia Lai; Chủ tịch UBND xã R giấy khen vì đã tặng quà cho bà con vùng cao tại xã R, huyện X, tỉnh Kon Tum; tặng giấy khen vì đã tài trợ giếng nước và hệ thống lấy nước cho học sinh vùng khó khăn tại thôn K, xã R huyện X, tỉnh Kon Tum; Thư Cảm ơn của Hội C4 vì đã hỗ trợ thuốc khám bệnh cho các hộ nghèo ở tỉnh Gialai; vì đã khám bệnh cho các hộ nghèo ở thị xã G; Hội Chữ thập đỏ huyện Đắc song ghi nhận tấm lòng vàng nhân đạo vì đã trao tặng nguồn nước sạch tại Bon T, xã T. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

76. Quách Ngọc Y không có tình tiết giảm nhẹ nào khác.

77.Bùi Thái Kđược Trường THCS T19 có Thư cảm ơn vì đã ủng hộ kinh phí động viên học sinh có hoàn cảnh khó khăn; bà Nguyễn Thị L (mẹ đẻ) được Bộ trưởng Bộ Y2 tặng kỷ niệm chương vì sức khỏe nhân dân. Vì vậy, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

78. Thái Thị Bích H1 không có tình tiết giảm nhẹ nào khác.

79. Nguyễn Bá Đ1 được BCH Hội Chữ Thập đỏ phường B có thư cảm ơn vì đã ủng hộ Tết vì người nghèo và nạn nhân chất độc da cam; Hội Chữ Thập đỏ phường B có thư cảm ơn vì đã tặng quà tết nguyên đán; tặng quà Tết Nhân ái xuân Quý Mão; tặng quà cho 20 hộ có hoàn cảnh khó khăn phường B. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

80. Bùi Thị Mcó anh Bùi Đăng Q (anh trai ruột) được Đoàn Kinh tế quốc phòng 92 tặng danh hiệu Chiến sỹ tiên tiến năm 2006, 2007. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

81. Hồ Bá T5đã Ủng hộ đồng bào miền B khắc phục bão lụt năm 2024. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

82. Lê Văn Q1được Hội chữ thập đỏ có phiếu thu đã ủng hộ đồng bào bị thiên tai; UBND phường B có phiếu thu đã ủng hộ quỹ vì người nghèo. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS. (lệ thuộc T5)

83. Nguyễn Thị Thu N không có tình tiết giảm nhẹ nào khác.

84. Nguyễn Thị VđượcChủ tịch nước tặng Huy chương kháng chiến hạng Nhì cho bà Nguyễn Thị L1 (mẹ đẻ); được tặng Huy hiệu 50 tuổi Đảng cho ông Nguyễn Đình Đ2 (bố đẻ); ủng hộ 3 triệu đồng khắc phục thiệt hại cơn bão số 3 năm 2024 tới tài khoản của M1. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

85.Lê Thị H2đã Ủng hộ đồng bào bị lũ lụt vào tài khoản Ban Cứu trợ U. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

86. Nguyễn Xuân H3 **c**ó ông Nguyễn Đức T6 (bố đẻ) được tặng thưởng Kỷ niệm chương Chiến sỹ Đoàn 333 Quân khu E. Bị cáo đang bị bệnh ung thư tuyến

giáp. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.
87. Nghiêm Phạm Anh T7không có tình tiết giảm nhẹ nào khác. **(**lệ thuộc H3)
88. Nguyễn Minh Cđược Chủ tịch UBMT Tổ quốc tỉnh A có thư cảm ơn vì đã ủng hộ phòng chống dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.
89. Bùi Văn T8đượcBộ trưởng Bộ X2 tặng Bằng khen đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác năm 2022; MTTQ Việt Nam tỉnh M1 tặng Bằng khen vì đã có nhiều đóng góp cho công tác an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh A năm 2021. Có bố đẻ là Bùi Đình X được Bộ Q2 Chiến sỹ giải phóng hạng Ba. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm v khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.
Do có nhiều tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51 BLHS nên áp dụng Điều 54 BLHS đối với bị cáo.
90. Trần Thị H4đã Ủng hộ đồng bào bị lũ lụt vào tài khoản MT Tổ quốc Việt Nam. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.
91.Lê Tấn Quang Dkhông có tình tiết giảm nhẹ nào khác.
92. Tô Văn H5 được Chủ tịch UBND tỉnh B tặng Bằng khen vì đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua yêu nước, Bằng khen đã có thành tích xuất sắc trong phong trào nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, Bằng khen đã có thành tích xuất sắc trong phong trào Cựu chiến binh giúp nhau giảm nghèo làm kinh tế giỏi; Hội C5 tặng Bằng khen có thành tích xuất sắc trong phong trào cựu chiến binh xóa đói giảm nghèo làm kinh tế giỏi; Hội Cựu Chiến binh tỉnh B tặng Bằng khen vì đã có thành tích xuất sắc trong hoạt động của doanh nhân cựu chiến binh tỉnh B; BCH Đảng bộ xã P tặng giấy khen vì đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2020; Chủ tịch UBND huyện P tặng giấy khen là điển hình tiên tiến trong các phong trào thi đua yêu nước; có ông Tô Văn T9 (bố đẻ) được Chủ tịch nước tặng Huân chương kháng chiến Hạng Nhì. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm v khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.
93. Hoàng Thanh Skhông có tình tiết giảm nhẹ nào khác.
94. Lê Quang V1 đã Ủng hộ quỹ người nghèo, đồng bào bị bão lũ số 3, xây dựng nghĩa trang Liệt sĩ xã D. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm v khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.
95. Trần Doãn C1không có tình tiết giảm nhẹ nào khác.
96. Hoàng Tiến D1có ông Hoàng Văn S1 (bố đẻ) được tặng Huy chương Chiến sỹ vẻ vang Hạng ba; Huy chương Chiến sỹ giải phóng. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.
97. Phạm Văn T10 được Hội khuyến học tỉnh N tặng bảng vàng khuyến học vì đã có thành tích đóng góp xây dựng Quỹ khuyến học Trương Hán S2xã K. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

98. Lê Xuân T11không có tình tiết giảm nhẹ nào khác.

[5]. Về trách nhiệm dân sự:

Theo quy định tại Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Số tiền trốn thuế các bị cáo bị buộc phải nộp vào ngân sách nhà nước. Đối với các bị cáo hưởng lợi mua bán trái phép hóa đơn bị truy thu để sung công nhà nước.

[5.1]. ***Tịch thu sung nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền các bị cáo trốn thuế, cụ thể:***

- Bị cáo Phạm Văn C2: 2.197.510.548 đồng.
- Bị cáo Nguyễn Kim H6: 2.046.729.951 đồng.
- Bị cáo Lê Gia H7: 1.810.811.656 đồng.
- Bị cáo Bùi Quốc T12: 1.626.592.097 đồng.
- Bị cáo Ngô Văn T13: 1.488.058.383 đồng.
- Bị cáo Nguyễn Tín T14: 1.431.046.314 đồng.
- Bị cáo Trần Thị Thanh T15: 823.105.531đồng.
- Bị cáo Võ Thị Hải Y1: 338.782.648 đồng.
- Bị cáo Võ Văn Quốc H8: 291.668.250 đồng.

Được đối trừ vào các khoản tiền các bị cáo đã nộp.

[5.2]. ***Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền các bị cáo được hưởng lợi do mua bán trái phép hóa đơn, cụ thể:***

- *Bị cáo* Nguyễn Thị H9*: 14.159.652.000 đồng.*
- Bị cáo Ngô Thị Lệ T16: 240.398.000 đồng.
- Bị cáo Phan Văn T17: 373.646.286 đồng.
- Bị cáo Huỳnh Nguyễn Gia H10: 46.005.318 đồng.
- Bị cáo Trần Thanh H11: 50.000.000 đồng.

Được đối trừ vào các khoản tiền các bị cáo đã nộp.

[5.3]. Đối với các bị cáo nộp trước khoản tiền:

- Nguyễn Văn H12 Ngày 24/12/2024 nộp số tiền 200.000.000 đồng tại Cục thi hành án dân sự tỉnh P tại Biên lai thu tiền số 0000613.

Khoản tiền trên được đối trừ khi thi hành án, nên tạm giữ để bảo đảm thi hành hình phạt.

[6]. Đối với những người có liên quan đến vụ án:

[6.1]. Đối với những cá nhân liên quan:

1. Wei Xing - Sinh năm 1984; Quốc tịch: Trung Quốc; Số hộ chiếu: EK1026314; là người điều hành mọi hoạt động của Công ty T20.

2. Nguyễn Thị Thành L2- Sinh năm 1993; HKTT: Phường C, N, TP .; Chức vụ: Kế toán của Công ty T20.

3. Bùi Văn Đ3 - Sinh năm 1995; Nơi thường trú: Ấp T, T, C, Đ.

Công ty T20 được thành lập và hoạt động theo GCN đăng ký doanh nghiệp số 0108131142 do Sở Kế hoạch và đầu tư TP H cấp ngày 12/01/2018 do Vi Thị L3 - Sinh năm 1991, HKTT: xã N, huyện L, tỉnh B làm Giám đốc. Đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 19/12/2018 do Nguyễn Thị L2 - Sinh năm 1972, HKTT: xã H, huyện L, tỉnh B làm Giám đốc. Đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 09/3/2020 do Vi Thị L3 (nêu trên) làm Giám đốc. Đăng ký thay đổi lần 4 ngày 11/5/2020 tăng vốn điều lệ từ 1.800.000.000 đồng lên 100.000.000.000 đồng. Đăng ký thay đổi

lần thứ 5 ngày 10/5/2021 do ông Trần Đức C3 - Sinh năm 1993; HKTT: Xóm I xã H, huyện G, tỉnh N làm Giám đốc. Đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 14/10/2021 do Trần Thị Quỳnh N1 - Sinh năm 1996; HKTT: T.T T, huyện V, tỉnh N làm Giám đốc từ đó đến nay. Hiện, Công ty T20 có địa chỉ tại tầng F tòa nhà M, số F đường N, phường C, N, H.

Theo hồ sơ pháp lý của Công ty T20 từ năm 2018 đến nay, Công ty đã nhiều lần thay đổi người đại diện theo pháp luật nêu trên, nhưng trên thực tế, người điều hành mọi hoạt động của Công ty T20 là Wei X1 - Quốc tịch Trung Quốc.

Từ tháng 4/2021 đến tháng 05/2022, Wei X1 đã chỉ đạo Lý thông qua Bùi Văn Đ3 để mua **97** hóa đơn GTGT khống của 22 công ty gồm: Công ty TNHH C6 (03 hóa đơn); Công ty TNHH Đ4 (03 hóa đơn); Công ty TNHH Đ5 (12 hóa đơn); Công ty TNHH T21 (07 hóa đơn); Công ty TNHH T22 (02 hóa đơn); Công ty TNHH T23 (12 hóa đơn); Công ty TNHH T24 (07 hóa đơn); Công ty TNHH T25 (05 hóa đơn); Công ty TNHH T26 (02 hóa đơn); Công ty TNHH T27 (02 hóa đơn); Công ty TNHH T28 (02 hóa đơn); Công ty TNHH V2 (02 hóa đơn); Công ty TNHH Đ6 (03 hóa đơn); Công ty TNHH T29 (02 hóa đơn); Công ty TNHH S3 (02 hóa đơn); Công ty TNHH Đ7 (14 hóa đơn); Công ty TNHH X3 (3 hóa đơn); Công ty TNHH X4 (04 hóa đơn); Công ty TNHH T30 (03 hóa đơn); Công ty TNHH T31 (04 hóa đơn); Công ty TNHH T32 (01 hóa đơn); Công ty TNHH T33 (02 hóa đơn) với tổng doanh số **651.360.847.439 đồng** (Trong đó tiền hàng là 593.255.413.261 đồng) nhằm hợp thức các khoản chi phí không có hóa đơn GTGT. Các công ty này do Nguyễn Minh T18 thành lập để bán trái phép hóa đơn GTGT.

Theo thỏa thuận, Công ty T20 phải trả cho Đ3 số tiền tương đương 7% giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn. Trên thực tế, Wei X1 đã chỉ đạo Lý liên hệ để mua hóa đơn với chi phí 7% giá trị tiền hàng, nhưng L2 đã tự trao đổi với về việc L2 sẽ trả cho Đ3 số tiền 3% giá trị tiền hàng, còn lại L2 được hưởng 4%. Theo thỏa thuận Công ty T20 chỉ chuyển 6,7% số tiền mua hóa đơn, còn lại số tiền 0,3% khi nào Công ty T20 thực hiện quyết toán thuế thì sẽ chuyển nốt.

Về hình thức hợp thức hóa đơn: L2 và Đ3 đã trao đổi thống nhất về thời gian, địa điểm thực hiện chuyển khoản tiền thanh toán hợp thức (nội dung này đã được nêu cụ thể trong hành vi của Bùi Văn Đ3 đã nêu ở trên). Tuy nhiên, khi hết thời hạn điều tra, Cơ quan điều tra mới chỉ làm rõ việc chuyển tiền hợp thức của **20/97** hóa đơn GTGT khống với tổng doanh số là **74.731.318.475 đồng***(Trong đó: Tiền hàng là 67.937.562.249 đồng, tiền thuế GTGT là 6.793.756.226 đồng)*.

Từ tháng 4/2021 đến tháng 05/2022, Đ đã bán cho Nguyễn Thị Thành Llà Kế toán của Công ty T6 97 hóa đơn GTGT khống với tổng doanh số 651.360.847.439 đồng (Trong đó tiền hàng là 593.255.413.261 đồng).

Theo thỏa thuận, L đã trao đổi với Đ về việc L sẽ trả cho Đ số tiền 3% giá trị tiền hàng. Sau khi thỏa thuận với L, Đ đã thông qua Đỗ Văn D (đã truy tố, xét xử ở giai đoạn 1) để mua hóa đơn của Nguyễn Minh T. Trong số tiền mua hóa đơn 3% thu của Công ty T6, Đ được hưởng số tiền là 0,5%. Nhưng theo thỏa thuận Công ty T6 chỉ chuyển 6,7% số tiền mua hóa đơn, còn lại số tiền 0,3% khi nào Công ty T6 thực hiện quyết toán thuế thì sẽ chuyển nốt, nên đến nay Đầy

vẫn chưa nhận được số tiền này.
Về hình thức hợp thức hóa đơn: L và Đ trao đổi thống nhất về thời gian, địa điểm thực hiện chuyển khoản tiền thanh toán hợp thức, số tiền cần chuyển hợp thức bằng doanh số hóa đơn trừ đi số tiền mua hóa đơn mà Công ty T6 trả cho Đ là 6,7%. Sau đó Đ thông báo cho Đỗ Văn D để D thông báo cho Võ Tấn L1 (đã truy tố, xét xử ở giai đoạn 1) chuyển tiền từ các Công ty tài chính đến tài khoản ngân hàng đứng tên Nguyễn Văn T1 do Đ sử dụng, sau đó Đ chuyển tiền đến các tài khoản cá nhân do L yêu cầu. Sau đó L và các cá nhân rút tiền mặt nộp vào tài khoản của Công ty T6. Cũng có trường hợp D chuyển tiền vào Công ty T6 mà không cần thông qua tài khoản của các cá nhân nêu trên. Sau đó, L nhắn tin thông báo cho Wei X biết về việc nộp tiền hợp thức vào tài khoản Công ty T6, đồng thời lập lệnh chuyển tiền qua ứng dụng Internet banking để W xing duyệt lệnh chuyển tiền hợp thức cho Công ty bán hóa đơn.
Số tiền chênh lệch 4% còn lại, Đ và D chuyển trả cho L bằng hình thức chuyển từ các tài khoản (tài khoản đứng tên Nguyễn Văn T1 do Đ sử dụng và tài khoản của Đỗ Văn D) đến tài khoản số số 19035037903018 mở tại ngân hàng T7 đứng tên Nguyễn Thị Thành L và trả tiền mặt.
Ngày 25/8/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P có Quyết định trưng cầu giám định số 2807/QĐ-CSKT trưng cầu Cục thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm về pháp luật thuế đối với Công ty T6. Nhưng đến nay chưa có kết quả giám định để xác định có hay không hành vi "Trốn thuế" của bị can Wei X và Nguyễn Thị Thành L. Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra làm rõ hành vi mua bán trái phép hóa đơn của Wei X, Nguyễn Thị Thành L và làm rõ số tiền hưởng lợi của các bị can sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định của Pháp luật.
Sau khi mua **97** hóa đơn khống với tổng doanh số **651.360.847.439 đồng** nêu trên để kê khai thuế GTGT mua vào cho Công ty T6, Wei X đã chỉ đạo nhân viên Công ty T6 xuất 03 hóa đơn GTGT có doanh số **349.301.547.857 đồng** cho Công ty TNHH R, địa chỉ: Tầng A tòa nhà T holding, số E N, H do ông Liu D1 – Sinh năm 1989 làm Giám đốc để Công ty R xuất hóa đơn thanh toán, nghiệm thu các hạng mục thi công dự án Nhà máy điện gió Đ, địa chỉ tại: Xã Đ, Huyện Đ, Đắk Nông do Công ty TNHH Q3 làm chủ đầu tư.
Quá trình điều tra xác minh tại Công ty TNHH Q3, xác định: Mặc dù không đứng tên đại diện theo pháp luật nhưng Wei Xing điều hành toàn bộ hoạt động của Công ty Q3 và chỉ đạo toàn bộ công tác thi công, nghiệm thu tại dự án nhà máy điện gió Đ. Trong quá trình thực hiện dự án, Wei X đã chỉ đạo nhân viên thi công, lập hồ sơ nghiệm thu công trình nhà máy điện gió Đăk Hòa không đúng quy định, có dấu hiệu vi phạm quy định về xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng, cụ thể:
Ngày 14/9/2021, Cục Đ3Bộ C thẩm định và kết luận hồ sơ thiết kế kỹ thuật Nhà máy điện gió Đăk Hòa đủ điều kiện để thực hiện các bước tiếp theo. Mặc dù ngày 14/9/2021, hồ sơ thiết kế kỹ thuật mới được thẩm định như nêu trên, nhưng để dự án kịp hòa lưới điện quốc gia trước ngày 01/11/2021 để được hưởng giá bán điện ưu đãi của Chính phủ là 1.928 đồng/kWh *(Sau thời điểm 01/11/2021, giá bán điện của các dự án điện gió theo Quyết định số 21/QĐ-BCT ngày*

07/01/2023 của Bộ C *quy định phải đàm phán giá và mức giá trần là 1.587,12 đồng/kWh*), Wei X đã chỉ đạo công nhân khởi công để thi công dự án từ ngày 05/5/2021 theo bản vẽ thiết kế không đúng với thiết kế kỹ thuật đã được thẩm định *(Theo hồ sơ thiết kế sử dụng để thi công thì kích thước một móng trụ tuabin là 18m, tuy nhiên hồ sơ thiết kế kỹ thuật được thẩm định và hồ sơ hoàn công thể hiện kích thước một móng trụ tuabin là 21m)*.

Ngoài ra, quá trình thi công, mặc dù dự án Nhà máy điện gió Đ vẫn đang trong quá trình thi công và nhiều hạng mục chưa hoàn thành (ngày 31/10/2021 mới hoàn thành việc lắp đặt trụ tuabin WT15) nhưng để kịp hoàn thiện các thủ tục và hòa lưới điện, hưởng giá bán điện ưu đãi như nêu trên, Wei X đã chỉ đạo nhân viên lập khống *"Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng để đưa vào vận hành"* đề ngày 24/10/2021 thể hiện các hạng mục thi công của nhà máy đã hoàn thành 100% để nộp cho cơ quan Nhà nước.

Ngày 02/10/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P có Quyết định trưng cầu giám định số 3048/QĐ-CSKT trưng cầu Sở Xây dựng tỉnh P giám định lĩnh vực xây dựng trong hoạt động thi công tại công trình nhà máy điện gió Đ. Nhưng đến nay, Sở Xây dựng tỉnh P chưa có Kết luận giám định.

Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra C«ng an tØnh Phó Thä đã tách vụ án Hình sự số 3114 ngày 11/10/2024 để làm rõ hành vi vi phạm quy định về xây dựng của Wei X cùng các cá nhân có liên quan trong việc chỉ đạo thi công, nghiệm thu công trình sai quy định của pháp luật sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định của Pháp luật.

[6.2]. Đối với các đối tượng trung gian F1, F2, F3 Cơ quan điều tra đã xác minh nhân thân, lý lịch:

*** Đối với 67 đối tượng trung gian F1 Cơ quan điều tra đã xác minh thân nhân, lý lịch kết quả như sau:**

1. Đối tượng có tên "Mã khách hàng" là *"Chị* T2*": Sử dụng tài khoản số 21741107 mở tại ngân hàng A1, tên chủ tài khoản là Phan Thái B – Sinh ngày 31/7/1975, Số CCCD: 079075005663, HKTT: I L, Phường E, quận F, TP . và số tài khoản 26152637 mở tại ngân hàng A1, tên chủ tài khoản là Tạ Quang Đ1 - Sinh ngày 10/11/1995, Số CCCD: 008095007773, HKTT: Thôn T, T, Y, Tuyên Quang; Nơi ở hiện tại: A15, c/c conic Đường số A, Phường G, quận H, TP ..

Trong năm 2021, 2022, Nguyễn Minh T đã sử dụng 130 công ty và thông qua "Chị T2" để bán 7.813 hóa đơn cho 1.007 đơn vị với tổng doanh số là 1.072.302.430.261 đồng;

Trong số 1.007 đơn vị đã mua hóa đơn của đối tượng "Chị T2", cơ quan điều tra đã xác minh làm rõ Công ty TNHH K; Công ty TNHH S1; Công ty TNHH MTV K1; Công ty TNHH V; Công ty TNHH T8; Công ty TNHH Y; Công ty TNHH S2; Công ty TNHH Ứ; Công ty TNHH D2; Công ty TNHH S3; Công ty TNHH V1; Công ty TNHH MTV N1; Công ty CP Đ4; Công ty CP V2.

2. Đối tượng có tên "Mã khách hàng" là *"a* T3*": Sử dụng tài khoản số 2626528 và tài khoản số 688883666666 mở tại ngân hàng A1 và ngân hàng P1, tên chủ tài khoản là Nguyễn Hoàng Q và Nguyễn Thành Đ2. Cơ quan điều tra đã đề nghị ngân hàng A1 và ngân hàng P1 cung cấp thông tin chủ tài khoản nêu

trên. Tuy nhiên đến nay chưa có kết quả trả lời.
Trong năm 2021, 2022, T đã sử dụng 91 công ty và thông qua "a T3" để bán 22.355 hóa đơn cho 3.169 đơn vị với tổng doanh số là 3.623.969.895.992 đồng.
Trong số 3.169 đơn vị đã mua hóa đơn của đối tượng "a T3", cơ quan điều tra đã xác minh làm rõ Công ty TNHH S4; Công ty TNHH T9; Công ty TNHH C1; Công ty TNHH S5; Công ty TNHH C2; Công ty TNHH S6; Công ty TNHH S2; Công ty TNHH Đ5; Công ty TNHH V3; Công ty TNHH S2; Công ty TNHH T10; Công ty TNHH T11; Công ty CP V2.
3. Đối tượng có tên "Mã khách hàng" là *"Tùng SG"*: Sử dụng tài khoản số 0111000164706; 2424147994; 108001079565 và 070108425197 mở tại ngân hàng V4, ngân hàng T7, ngân hàng P1 và ngân hàng S7, tên chủ tài khoản là Nguyễn Thanh T4 và Phạm Thị Kiều A. Cơ quan điều tra đã đề nghị ngân hàng V4, T7 và ngân hàng P1 cung cấp thông tin chủ tài khoản nêu trên. Tuy nhiên đến nay chưa có kết quả trả lời.
Trong năm 2021, 2022, T đã sử dụng 76 công ty và thông qua "Tùng SG" để bán 3.570 hóa đơn cho 730 đơn vị với tổng doanh số là 218.464.524.579 đồng;
4. Đối tượng có tên "Mã khách hàng" là *"Trí"*: Sử dụng số điện thoại 0706.149.331; Sử dụng tài khoản số 104872836810 mở tại ngân hàng V5 và 0971957677 và ngân hàng V6, tên chủ tài khoản là Phạm Nhật T5. Cơ quan điều tra đã đề nghị ngân hàng V5 và ngân hàng V6 cung cấp thông tin chủ tài khoản nêu trên. Tuy nhiên đến nay chưa có kết quả trả lời.
Trong năm 2021, 2022, T đã sử dụng 65 công ty và thông qua "Trí" để bán 1.165 hóa đơn cho 120 đơn vị với tổng doanh số là 61.439.410.582 đồng;
Trong số 120 đơn vị đã mua hóa đơn của đối tượng "Trí", cơ quan điều tra đã xác minh làm rõ Công ty TNHH MTV Lê Hải Đạt Thành
5. Đối tượng có tên "Mã khách hàng" là *"Phú":* Sử dụng số điện thoại 0901.332.090; Sử dụng tài khoản số 6368898 và tài khoản số 0721000611500 mở tại ngân hàng A1 và ngân hàng V4, tên chủ tài khoản là Công ty TNHH T12 và Nguyen Thi T. Cơ quan điều tra đã đề nghị ngân hàng A1 và ngân hàng V4 cung cấp thông tin chủ tài khoản nêu trên. Tuy nhiên đến nay chưa có kết quả trả lời.
Trong năm 2021, T đã sử dụng 30 công ty và thông qua "Phú" để bán 2.598 hóa đơn cho 489 đơn vị với tổng doanh số là 415.095.224.633 đồng;
Trong số 489 đơn vị đã mua hóa đơn của đối tượng "Phú", cơ quan điều tra đã xác minh làm rõ Công ty TNHH C2; Công ty TNHH V3; Công ty TNHH T13; Công ty TNHH S8; Công ty TNHH T14
6. Đối tượng có tên "Mã khách hàng" là *"Chị* Q1*":*Sử dụng số điện thoại 0901.450.648, chủ thuê bao là Lý Quỳnh N - Sinh năm 1995; HKTT: B B, P13, Q.6, TP .. Sử dụng tài khoản số 22036237 mở tại ngân hàng A1, tên chủ tài khoản là Trần Ngọc L2 – Sinh năm 1988; HKTT: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Đ và tài khoản số 27969597 mở tại ngân hàng A1, tên chủ tài khoản là Lê Hồng Q2 – Sinh năm 1984; HKTT:234/1 P, T, TP ., tỉnh Đ.
Trong năm 2021, 2022, T đã sử dụng 23 công ty và thông qua "Chị Q1" để bán 242 hóa đơn cho 48 đơn vị với tổng doanh số là 37.215.427.876 đồng;

7. Đối tượng có tên "Mã khách hàng" là *"Trọng HN"*: Sử dụng số điện thoại 0589478500 và 0948505150; Sử dụng tài khoản số 8280902069999; 101001003223; 050118813763 và 31410004151721 mở tại ngân hàng M, ngân hàng P1, ngân hàng S7 và ngân hàng B1, tên chủ tài khoản là Nguyễn Phan Quyền . Cơ quan điều tra đã đề nghị ngân hàng M, ngân hàng P1, S7 và ngân hàng B1 cung cấp thông tin chủ tài khoản nêu trên. Tuy nhiên đến nay chưa có kết quả trả lời.
Trong năm 2021, 2022, T đã sử dụng 75 công ty và thông qua "Trọng HN" để bán 3.883 hóa đơn cho 704 đơn vị với tổng doanh số là 156.782.402.085 đồng;
8. Đối tượng có tên "Mã khách hàng" là "S*":*Sử dụng số điện thoại 0839.559.830; 0337.399.361; 0374.235.945. Sử dụng tài khoản số 10700803703 mở tại ngân hàng P1, tên chủ tài khoản là Nguyễn Tấn P. Cơ quan điều tra đã đề nghị ngân hàng P1 cung cấp thông tin chủ tài khoản nêu trên. Tuy nhiên đến nay chưa có kết quả trả lời.

Trong năm 2021, 2022, Tú đã sử dụng 174 công ty và thông qua "Sơn" để bán 73.780 hóa đơn cho 10.281 đơn vị với tổng doanh số là 2.901.259.548.139 đồng; Trong số 10.281 đơn vị đã mua hóa đơn của đối tượng "Sơn", cơ quan điều tra đã xác minh làm rõ Công ty TNHH TM DV KT XNK Huy Hoàng; Công ty TNHH MTV TM DV Hồ Lê Gia; Công ty CP DV Ifreight Solution; Công ty TNHH TM gỗ Ngọc Yến; Công ty CP M&E TKP; Công ty TNHH XD cơ khí Nam Cường Thịnh Steel; Công ty TNHH Thắng Vĩnh Phát; Công ty TNHH Truyền thông Golden A; Công ty TNHH đầu tư phát triển TPI; Công ty CP vận tải đa phương thức Vietranstimes.
9. Đối tượng có tên "Mã khách hàng" là *"Anh Hiền":*Sử dụng số điện thoại 0933.339.454; Sử dụng tài khoản số 105875783771 mở tại ngân hàng Vietinbank, chủ tài khoản là Đỗ Thành Long – Sinh năm 1989; HKTT: 41/19F Cầu Xây 1, Tân Phú, TP. Thủ Đức, TP. H.
Trong năm 2021, 2022, Tú đã sử dụng 9 công ty và thông qua "Anh Hiền" để bán 32 hóa đơn cho 6 đơn vị với tổng doanh số là 142.674.110.117 đồng;
10. Đối tượng có tên "Mã khách hàng" là *"Quý Thanh":*Sử dụng số điện thoại 0789.181.773, chủ thuê bao là Hoàng Thị Mứi – Sinh năm 1991; HKTT: Xã Sang Thàn, TP. Lai Châu, tỉnh Lai Châu. Sử dụng tài khoản số 060243290255 mở tại ngân hàng Saccombank, chủ tài khoản là Bùi Thanh Xuân – Sinh năm 1976; HKTT: Số 168/13 Lê Thái Tổ, phường 2, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.
Trong năm 2021, 2022, Nguyễn Minh Tú đã sử dụng 100 công ty và thông qua "Quý Thanh" để bán 4.846 hóa đơn cho 702 đơn vị với tổng doanh số là 80.001.836.087 đồng;
Trong số 702 đơn vị đã mua hóa đơn của đối tượng "Quý Thanh", cơ quan điều tra đã xác minh làm rõ Công ty TNHH ô tô Phước Trung Sài Gòn.
11. Đối tượng có tên "Mã khách hàng" là *"Hoang Minh":*Sử dụng số điện thoại 0902.460.161; 0931.156.051. Sử dụng tài khoản số 278421 mở tại ngân hàng ACB, chủ tài khoản là Nguyễn Hồ Ngọc Phi. Cơ quan điều tra đã đề nghị

ngân hàng ACB cung cấp thông tin chủ tài khoản nêu trên. Tuy nhiên đến nay chưa có kết quả trả lời.
Trong năm 2021, 2022, Nguyễn Minh Tú đã sử dụng 85 công ty và thông qua "Hoang Minh" để bán 1.333 hóa đơn cho 188 đơn vị với tổng doanh số là 110.742.451.936 đồng
12. Đối tượng có tên "Mã khách hàng" là *"Khánh Vân":*Sử dụng số điện thoại 0768.856.905 và 0865.818.843; Sử dụng tài khoản số 278421 mở tại ngân hàng ACB, chủ tài khoản là Nguyễn Hồ Ngọc Phi. Cơ quan điều tra đã đề nghị ngân hàng ACB cung cấp thông tin chủ tài khoản nêu trên. Tuy nhiên đến nay chưa có kết quả trả lời.
Trong năm 2021, 2022, Nguyễn Minh Tú đã sử dụng 100 công ty và thông qua "Khánh Vân" để bán 3.616 hóa đơn cho 640 đơn vị với tổng doanh số là 528.948.131.066 đồng;
13. Đối tượng có tên "Mã khách hàng" là *"Thanh":*Sử dụng số điện thoại 0857.774.655 và 0842.610.189; Sử dụng tài khoản số 11038567 mở tại ngân hàng ACB, chủ tài khoản là Đỗ Thị Phương Thảo. Cơ quan điều tra đã đề nghị ngân hàng ACB cung cấp thông tin chủ tài khoản nêu trên. Tuy nhiên đến nay chưa có kết quả trả lời.
Trong năm 2021, 2022, Tú đã sử dụng 98 công ty và thông qua Tổng số đã bán 5.454 hóa đơn cho 955 đơn vị với tổng doanh số là 87.890.537.556 đồng;
Trong số 955 đơn vị đã mua hóa đơn của đối tượng "Thanh", cơ quan điều tra đã xác minh làm rõ Công ty TNHH nhựa Nhuận Hồng; Công Ty TNHH Kỹ thuật Kiến Thành Việt Nam.
14. Đối tượng có tên "Mã khách hàng" là *"Duy Võ":*Sử dụng số điện thoại 0907095147, chủ thuê bao là Ngô Thị Liên – Sinh năm 1983; HKTT: xã Thạnh Ngãi, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh B; Sử dụng tài khoản số 22855977 mở tại ngân hàng ACB, chủ tài khoản là Lê Văn Kha – Sinh năm 1989; HKTT: 645/22/10 Trần Xuan Soạn, quận 7, TP. H và tài khoản số 24458497 mở tại ngân hàng ACB, chủ tài khoản là Kiều Minh Hoàng – Sinh năm 1987; HKTT: Ấp Cảng, xã Hòa Điền, huyện Kiên Lương, tỉnh K.
Trong năm 2021, 2022, Tú đã sử dụng 74 công ty và thông qua "Duy Võ" để bán 2.558 hóa đơn cho 427 đơn vị với tổng doanh số là 276.857.975.274 đồng;
Trong số 427 đơn vị đã mua hóa đơn của đối tượng "Duy Võ", cơ quan điều tra đã xác minh làm rõ Công ty TNHH MTV Phương Phương Linh; Công ty TNHH MTV sản xuất và TM Bảo Phụng .
15. Đối tượng có tên "Mã khách hàng" là *"Khang Gia":*Sử dụng số điện thoại: 0565.656.507; Sử dụng tài khoản số 0251002700759 mở tại ngân hàng Vietcombank, chủ tài khoản là Đào Thanh Bình. Cơ quan điều tra đã đề nghị ngân hàng Vietcombank cung cấp thông tin chủ tài khoản nêu trên. Tuy nhiên đến nay chưa có kết quả trả lời.
Trong năm 2021, 2022, Tú đã sử dụng 134 công ty và thông qua "Khang Gia" để bán 11.649 hóa đơn cho 1.329 đơn vị với tổng doanh số là 511.295.047.956 đồng;
16. Đối tượng có tên "Mã khách hàng" là *"Chị Thu":*Sử dụng số điện thoại:

0902.556.834. Cơ quan điều tra đã xác minh tại đơn vị cung cấp dịch vụ viễn thông, tuy nhiên đến nay chưa có kết quả trả lời. Đối tượng trung gian "Chị Thu" sử dụng tài khoản số 12829677 mở tại ngân hàng ACB, chủ tài khoản là Ngô Thị Lệ Thu - Sinh năm 1984; HKTT: 149/28 Lê Văn Thọ, P8, quận Gò Vấp, TP. H.

Trong năm 2021, 2022, Nguyễn Minh Tú đã sử dụng 98 công ty và thông qua "Chị Thu" để bán 2.144 hóa đơn cho 230 đơn vị với tổng doanh số là 1.643.086.403.165 đồng;

17. Đối tượng có tên "Mã khách hàng" là *"Cương Nguyễn":*Sử dụng số điện thoại 0923.943.191; Sử dụng tài khoản số 19031575045018 mở tại ngân hàng Techcombank, chủ tài khoản là Trịnh Viết Mạnh. Cơ quan điều tra đã đề nghị ngân hàng Techcombank cung cấp thông tin chủ tài khoản nêu trên. Tuy nhiên đến nay chưa có kết quả trả lời.

Trong năm 2021, 2022, Tú đã sử dụng 49 công ty và thông qua "Cương Nguyễn" để bán 41.563 hóa đơn cho 4.029 đơn vị với tổng doanh số là 3.483.216.984.323 đồng;

18. Đối tượng có tên "Mã khách hàng" là *"Thắng Toàn":*Sử dụng số điện thoại 0982.548.400; Sử dụng tài khoản số 16322797 mở tại ngân hàng ACB, chủ tài khoản là Nguyễn Văn Thắng. Cơ quan điều tra đã đề nghị ngân hàng ACB cung cấp thông tin chủ tài khoản nêu trên. Tuy nhiên đến nay chưa có kết quả.

Trong năm 2021, 2022, Tú đã sử dụng 123 công ty và thông qua "Thắng Toàn" để đã bán 11.884 hóa đơn cho 1.039 đơn vị với tổng doanh số là 535.228.711.014 đồng;

19. Đối tượng có tên "Mã khách hàng" là *"Mây":*Sử dụng số điện thoại 0977.984.720. Cơ quan điều tra đã xác minh tại đơn vị cung cấp dịch vụ viễn thông, tuy nhiên đến nay chưa có kết quả trả lời. Đối tượng trung gian "Mây" sử dụng tài khoản số 107000826327 mở tại ngân hàng Pvcombank, chủ tài khoản là Nguyễn Thị Kim Chi – Sinh năm 1994; HKTT: Số 149 đường 8, phường 4, quận 8, TP. H.

Trong năm 2021, 2022, Tú đã sử dụng 92 công ty và thông qua "Mây" để bán 20.704 hóa đơn cho 4.225 đơn vị với tổng doanh số là 602.963.747.122 đồng;

Trong số 4.225 đơn vị đã mua hóa đơn của đối tượng "Mây", cơ quan điều tra đã xác minh làm rõ Công ty TNHH Belavn; Công ty TNHN Máy Công nghiệp Tinh Ích; Công ty TNHH MTV Nam Nga Phước .

20. Đối tượng có tên "Mã khách hàng" là "Anh *Thư":*Sử dụng số điện thoại: 0528.353.957; Sử dụng tài khoản số 7968668333333, mở tại ngân hàng MB, chủ tài khoản là Nguyễn Thị Thanh Huyền. Cơ quan điều tra đã đề nghị Công ty CP viễn thông di động Vietnamobile cung cấp thông tin chủ thuê bao số 0528.353.957 nhưng chưa có kết quả trả lời.

Cơ quan điều tra đã đề nghị ngân hàng MB cung cấp thông tin chủ tài khoản số 7968668333333 xác định chủ tài khoản là Nguyễn Thị Thanh Huyền – Sinh ngày 16/9/1992, HKTT: Ấp Chờ, TT Cù Lao Dung, H. Cù Lao Dung, Sóc Trăng.

Trong năm 2021, 2022, Tú đã sử dụng 49 công ty và thông qua "Anh Thư" để bán 558 hóa đơn cho 91 đơn vị với tổng doanh số là 42.451.851.554 đồng;

21. Đối tượng có tên "Mã khách hàng" là *"Gia Bảo":* Sử dụng số điện thoại: 0879.706.813; Sử dụng tài khoản số 060193710347, mở tại ngân hàng Sacombank, chủ tài khoản là Nguyễn Minh Thiện. Cơ quan điều tra đã đề nghị ngân hàng Sacombank cung cấp thông tin chủ tài khoản nêu trên. Tuy nhiên đến nay chưa có kết quả trả lời.

Trong năm 2021, 2022, Tú đã sử dụng 76 công ty và thông qua "Gia Bảo" để bán 1.072 hóa đơn cho 200 đơn vị với tổng doanh số là 33.276.006.397 đồng;

Trong số 200 đơn vị đã mua hóa đơn của đối tượng "Gia Bảo", cơ quan điều tra đã xác minh làm rõ Công ty MTV chế biến gỗ Anh Khôi .

22. Đối tượng có tên "Mã khách hàng" là *"Vân HN":* Sử dụng số điện thoại: 0906.824.964; Sử dụng tài khoản số 1024520031, mở tại ngân hàng Vietcombank, chủ tài khoản là Nguyễn Thị Bích Thu. Cơ quan điều tra đã đề nghị ngân hàng Vietcombank cung cấp thông tin chủ tài khoản nêu trên. Tuy nhiên đến nay chưa có kết quả trả lời.

Trong năm 2021, 2022, Nguyễn Minh Tú đã sử dụng 110 công ty và thông qua "Vân HN" để bán 20.025 hóa đơn cho 4.950 đơn vị với tổng doanh số là 249.593.189.087 đồng;

Trong số 4.950 đơn vị đã mua hóa đơn của đối tượng "Vân HN", cơ quan điều tra đã xác minh làm rõ Công ty TNHH TM DV KT XNK Huy Hoàng .

23. Đối tượng có tên "Mã khách hàng" là *"Bảo":* Sử dụng số điện thoại: 0921.544.159. Sử dụng tài khoản số 8270102030405 mở tại Ngân hàng MB, tên chủ tài khoản là Đoàn Nguyễn Trọng Khôi và số tài khoản 66566558 mở tại ngân hàng ACB, chủ tài khoản là Nguyễn Thị Tuyết Nhi. Cơ quan điều tra đã đề nghị ngân hàng ACB và ngân hàng MB cung cấp thông tin chủ tài khoản nêu trên. Tuy nhiên đến nay chưa có kết quả trả lời.

Trong năm 2021, 2022, Tú đã sử dụng 68 công ty và thông qua "Bảo" để bán 5.428 hóa đơn cho 1.076 đơn vị với tổng doanh số là 77.877.148.369 đồng;

24. Đối tượng có tên "Mã khách hàng" là *"Hoàng Q7":* Sử dụng số điện thoại: 0939.248.439. Sử dụng tài khoản số 19033839805019 mở tại Ngân hàng Techcombank, tên chủ tài khoản là Đậu Khải Hoàn.

Cơ quan điều tra đã đề nghị Công ty dịch vụ Mobifone cung cấp thông tin chủ thuê bao số 0939.248.439 nhưng chưa có kết quả trả lời. Cơ quan điều tra đã đề nghị ngân hàng Techcombank cung cấp thông tin xác định chủ tài khoản số 19033839805019 là Đậu Khải Hoàn - Sinh ngày 29/10/1990; HKTT: 146 Võ Văn Kiệt, Khánh Xuân, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đ.

Trong năm 2021, 2022, Tú sử dụng 82 công ty và thông qua "Hoàng Q7" để bán 1.818 hóa đơn cho 289 đơn vị với tổng doanh số 145.492.224.789 đồng;

25. Đối tượng có tên "Mã khách hàng" là *"Hoàng Tấn":* Sử dụng số điện thoại: 0918.993.332. Sử dụng tài khoản số 060282877001 mở tại Ngân hàng Saccombank, tên chủ tài khoản là Nguyễn Tân Em. Cơ quan điều tra đã đề nghị ngân hàng Sacombank cung cấp thông tin chủ tài khoản nêu trên. Tuy nhiên đến nay chưa có kết quả trả lời.

Trong năm 2021, 2022, Tú đã sử dụng 91 công ty và tổng số đã bán 5.216 hóa đơn cho 615 đơn vị với tổng doanh số là 377.340.754.363 đồng;

26. Đối tượng có tên "Mã khách hàng" là *"Huyền"*: Là em gái của bị can Nguyễn Minh Tú, tên là Nguyễn Thị Kim Luyến.

Trong năm 2021, 2022, Nguyễn Minh Tú đã sử dụng 118 công ty và thông qua "Huyền" để bán 17.440 hóa đơn cho 2.274 đơn vị với tổng doanh số là 927.445.333.595 đồng;

Trong số 2.274 đơn vị đã mua hóa đơn của đối tượng "Huyền", cơ quan điều tra đã xác minh làm rõ Công ty CP Dasuka.THC và Công ty TNHH Bao bì giấy H.D .

27. Đối tượng có tên "Mã khách hàng" là *"Hào"*: Sử dụng số điện thoại: 0931.863.664. Sử dụng tài khoản số 104001070748 và tài khoản số 0401001404669 mở tại ngân hàng Pvcombank và ngân hàng Vietcombank, tên chủ tài khoản là Trương Vinh Minh và Trương Hữu Hào. Cơ quan điều tra đã đề nghị ngân hàng Vietcombank và ngân hàng PVCombank cung cấp thông tin chủ tài khoản nêu trên. Tuy nhiên đến nay chưa có kết quả trả lời.

Trong năm 2021, 2022, Tú đã sử dụng 63 công ty và thông qua "Hào" để bán 1.950 hóa đơn cho 243 đơn vị với tổng doanh số là 28.920.852.640 đồng;

28. Đối tượng có tên "Mã khách hàng" là *"Trung Hiệp"*: Sử dụng số điện thoại: 0967.229.776 và 0901.122.327. Sử dụng tài khoản 2925851 số mở tại ngân hàng ACB, tên chủ tài khoản là Đinh Lê Quốc Hưng. Cơ quan điều tra đã đề nghị ngân hàng ACB cung cấp thông tin chủ tài khoản nêu trên. Tuy nhiên đến nay chưa có kết quả trả lời.

Trong năm 2021, 2022, Nguyễn Minh Tú đã sử dụng 40 công ty và thông qua "Trung Hiệp" để bán 589 hóa đơn cho 76 đơn vị với tổng doanh số là 12.414.332.087 đồng;

29. Đối tượng có tên "Mã khách hàng" là *"Xuân Hải"*:Sử dụng tài khoản số 107001070741 và tài khoản số 108000844307 mở tại ngân hàng PVCombank, tên chủ tài khoản là Nguyễn Thanh Tú và Phan Văn Thanh. Cơ quan điều tra đã đề nghị ngân hàng PVCombank cung cấp thông tin chủ tài khoản nêu trên. Tuy nhiên đến nay chưa có kết quả trả lời.

Trong năm 2021, 2022, Tú đã sử dụng 88 công ty và thông qua "Xuân Hải" để bán 3.089 hóa đơn cho 339 đơn vị với tổng doanh số là 160.420.940.337 đồng;

30. Đối tượng có tên "Mã khách hàng" là *"Cò"*: Sử dụng số điện thoại 0392.948.641; Sử dụng tài khoản số 102001070380 và tài khoản số 0001020179989 mở tại ngân hàng Pvcombank và ngân hàng Vietcombank, tên chủ tài khoản là Âu Lê quang Hiển và Nguyễn Thế Anh. Cơ quan điều tra đã đề nghị ngân hàng Vietcombank cung cấp thông tin chủ tài khoản nêu trên. Tuy nhiên đến nay chưa có kết quả trả lời.

Trong năm 2021, 2022, Tú đã sử dụng 68 công ty và thông qua "Cò" để bán 2.185 hóa đơn cho 301 đơn vị với tổng doanh số là 61.719.527.634 đồng;

31. Đối tượng có tên "Mã khách hàng" là *"Ánh"*:Sử dụng số điện thoại: 0778.098.889 và 0764.236.186. Sử dụng tài khoản số 0923114363 và tài khoản số 1023610435 mở tại ngân hàng Abbank và ngân hàng Vietcombank, tên chủ

tài khoản là Mai Văn Cươi. Cơ quan điều tra đã đề nghị ngân hàng Vietcombank và ngân hàng ABbank cung cấp thông tin chủ tài khoản nêu trên. Tuy nhiên đến nay chưa có kết quả trả lời.

Trong năm 2021, 2022, Tú đã sử dụng 124 công ty và thông qua "Ánh" để bán 16.560 hóa đơn cho 2.291 đơn vị với tổng doanh số là 789.706.633.802 đồng;

32. Đối tượng có tên "Mã khách hàng" là *"Chị Tuyết"*: Sử dụng số điện thoại: 0332.561.251; Sử dụng tài khoản số 050080022597 mở tại ngân hàng Sacombank, chủ tài khoản là Nguyễn Thị Ánh Tuyết. Cơ quan điều tra đã đề nghị ngân hàng Saccombank cung cấp thông tin chủ tài khoản nêu trên. Tuy nhiên đến nay chưa có kết quả trả lời.

Trong năm 2021, 2022, Nguyễn Minh Tú đã sử dụng 111 công ty và thông qua "Chị Tuyết" để bán 4.023 hóa đơn cho 892 đơn vị với tổng doanh số là 109.622.411.616 đồng;

33. Đối tượng có tên "Mã khách hàng" là "K**":** Sử dụng số điện thoại: 0868.935.036; Sử dụng tài khoản số 060106145108 mở tại ngân hàng S, chủ tài khoản là Nguyễn Minh G; Cơ quan điều tra đã đề nghị ngân hàng S cung cấp thông tin chủ tài khoản nêu trên. Tuy nhiên đến nay chưa có kết quả trả lời.

Trong năm 2021, 2022, Nguyễn Minh T đã sử dụng 33 công ty và thông qua "K" để bán bán 2.214 hóa đơn cho 61 đơn vị với tổng doanh số là 72.002.751.161 đồng;

34. Đối tượng có tên "Mã khách hàng" là *"Nhật Huy":*T không lưu giữ thông tinnên không có căn cứ xác minh làm rõ.

Trong năm 2021, 2022, đã sử dụng 69 công ty và thông qua *"Nhật Huy"* để bán 4.440 hóa đơn cho 1.153 đơn vị với tổng doanh số là 141.427.129.814 đồng;

35. Đối tượng có tên "Mã khách hàng" là *"Cương phạm":*Sử dụng số điện thoại: 0353.327.233. Cơ quan điều tra đã đề nghị Tập đoàn C1 cung cấp thông tin chủ thuê bao nêu trên nhưng đến nay chưa có kết quả trả lời.

Trong năm 2021, 2022, T đã sử dụng 104 công ty và thông qua "Cương Phạm" để bán 41.563 hóa đơn cho 4.029 đơn vị với tổng doanh số là 3.483.216.984.323 đồng;

Trong số 4.029 đơn vị đã mua hóa đơn của đối tượng "Cương P", cơ quan điều tra đã xác minh làm rõ Công ty TNHH MTV P2; Công ty TNHH Đ; Công ty TNHH E; công ty TNHH MTV H2; Công ty CP C2; Công ty TNHH H3; Công ty TNHH S1; Công ty TNHH MTV G1; Công ty TNHH P3; Công ty TNHH A1; Công ty TNHH N; Công ty TNHH X; Công ty TNHH H4; Công ty CP H2*(Đã nêu cụ thể ở phần đầu cáo trạng)*.

36. Đối tượng có tên "Mã khách hàng" là *"Chị* M*":* T không lưu giữ thông tinnên không có căn cứ xác minh làm rõ.

Trong năm 2021, T đã sử dụng 5 công ty và thông qua "Chị M" để bán 31.111 hóa đơn cho 3.165 đơn vị với tổng doanh số là 2.984.049.575.456 đồng;

Trong số 3.165 đơn vị đã mua hóa đơn của đối tượng "Chị M", cơ quan điều tra đã xác minh làm rõ Công ty TNHH S2; Công ty TNHH S3; Công ty TNHH MTV K1; Công ty CP X1; Công ty TNHH Đ1; HTX T6; Công ty TNHH MTV T7; Công ty TNHH MTV S4; Công ty TNHH X2; Công ty TNHH K2; Công ty

TNHH Đ2; Công ty TNHH V; Công ty TNHH Đ3; Công ty TNHH Q1 (LP); Công ty CP Đ4; Công ty TNHH G2; Công ty TNHH MTV T8 và Công ty TNHH S1.

37. Đối tượng có tên "Mã khách hàng" là *"Hoang.15":*T không lưu giữ thông tinnên không có căn cứ xác minh làm rõ.

Trong năm 2021, 2022, T đã sử dụng 70 công ty và thông qua "Hoang.15" để bán 2.675 hóa đơn cho 518 đơn vị với tổng doanh số là 50.837.027.520 đồng;

Trong số 518 đơn vị đã mua hóa đơn của đối tượng "Hoang.15", cơ quan điều tra đã xác minh làm rõ Công ty TNHH MTV H5; Công ty TNHH B giấy H.D .

38. Đối tượng có tên "Mã khách hàng" là *"Hoang Dung":*T không lưu giữ thông tinnên không có căn cứ xác minh làm rõ.

Trong năm 2021, 2022, T đã sử dụng 85 công ty và thông qua "Hoang Dung" để bán 19.386 hóa đơn cho 3.521 đơn vị với tổng doanh số là 1.046.679.275.975 đồng

Trong số 3.521 đơn vị đã mua hóa đơn của đối tượng "Hoang Dung", cơ quan điều tra đã xác minh làm rõ Công ty CP T9; Công ty TNHH D; Công ty TNHH S5.

39. Đối tượng có tên "Mã khách hàng" là *"Luan":*T không lưu giữ thông tinnên không có căn cứ xác minh làm rõ.

Trong năm 2021, 2022, T đã sử dụng 59 công ty và thông qua "Luan" để bán 10.783 hóa đơn cho 2.443 đơn vị với tổng doanh số là 282.242.974.456 đồng;

40. Đối tượng có tên "Mã khách hàng" là *"Vang":*T không lưu giữ thông tinnên không có căn cứ xác minh làm rõ.

Trong năm 2021, 2022, T đã sử dụng 25 công ty và thông qua "Vang" để bán 4.409 hóa đơn cho 551 đơn vị với tổng doanh số là 1.116.081.272.386 đồng;

Trong số 551 đơn vị đã mua hóa đơn của đối tượng "Vang", cơ quan điều tra đã xác minh làm rõ TNHH thương mại dịch vụ F; Công ty CP T10; Công ty TNHH T11; Công ty TNHH MTV T12; Công ty TNHH S6; Công ty TNHH V; Công ty TNHH D1; Công ty TNHH D2; Công ty TNHH T13; Công ty TNHH T14; Công ty TNHH X3; Công ty TNHH Đ5; Công ty TNHH K3 – D3; Công ty TNHH MTV T15; Công ty TNHH M2. .

41. Đối tượng có tên "Mã khách hàng" là *"Man Nhi":*T không lưu giữ thông tinnên không có căn cứ xác minh làm rõ.

Trong năm 2022, T đã sử dụng 22 công ty và thông qua "Man Nhi" để bán 705 hóa đơn cho 180 đơn vị với tổng doanh số là 81.730.643.440 đồng;

42. Đối tượng có tên "Mã khách hàng" là *"Hang":*T không lưu giữ thông tinnên không có căn cứ xác minh làm rõ.

Trong năm 2021, 2022, T đã sử dụng 76 công ty và thông qua "Hang" để bán hóa đơn cho 319 đơn vị với doanh số là 95.043.340.081 đồng;

43. Đối tượng có tên "Mã khách hàng" là *"Dung":*T không lưu giữ thông tinnên không có căn cứ xác minh làm rõ.

Trong năm 2021, 2022, T đã sử dụng 71 công ty và thông qua "Dung" để bán 392 hóa đơn cho 61 đơn vị với tổng doanh số là 43.994.018.317 đồng;

Trong số 61 đơn vị đã mua hóa đơn của đối tượng "Dung", cơ quan điều tra đã

xác minh làm rõ Công ty TNHH TM DV quốc tế Thiên Phát

44. Đối tượng có tên "Mã khách hàng" là *"Ly":*T không lưu giữ thông tinnên không có căn cứ xác minh làm rõ.

Trong năm 2021, 2022, T đã sử dụng 55 công ty và thông qua "Trung Hiệp" để bán 392 hóa đơn cho 24 đơn vị với doanh số là 29.567.954.091 đồng;

45. Đối tượng có tên "Mã khách hàng" là *"Tram":*T không lưu giữ thông tinnên không có căn cứ xác minh làm rõ.

Trong năm 2021, 2022, T đã sử dụng 77 công ty và thông qua "Tram" để bán 19.019 hóa đơn cho 2.134 đơn vị với tổng doanh số là 1.106.627.071.791 đồng.

Trong số 2.134 đơn vị đã mua hóa đơn của đối tượng "Tram", cơ quan điều tra đã xác minh làm rõ Công ty TNHH MTV K1; Công ty CP C3; Công ty TNHH MTV Trung Cường Phát

46. Đối tượng có tên "Mã khách hàng" là "M1***":***T không lưu giữ thông tinnên không có căn cứ xác minh làm rõ.

Trong năm 2021, 2022, T đã sử dụng 71 công ty và thông qua "M1" để bán 7.253 hóa đơn cho 1.064 đơn vị với tổng doanh số là 469.000.908.906 đồng;

47. Đối tượng có tên "Mã khách hàng" là *"Tai":* T không lưu giữ thông tinnên không có căn cứ xác minh làm rõ.

Trong năm 2021, 2022, T đã sử dụng 29 công ty và thông qua "Tai" để bán 6.391 hóa đơn cho 1.001 đơn vị với tổng doanh số là 561.798.894.721 đồng;

Trong số 1.001 đơn vị đã mua hóa đơn của đối tượng "Tai", cơ quan điều tra đã xác minh làm rõ Công ty TNHH S2; Công ty TNHH MTV T18; Công ty TNHH S7

48. Đối tượng có tên "Mã khách hàng" là *"Kieu":*T không lưu giữ thông tinnên không có căn cứ xác minh làm rõ.

Trong năm 2022, T đã sử dụng 64 công ty và thông qua "Kieu" để bán 3.211 hóa đơn cho 449 đơn vị với tổng doanh số là 155.994.603.132 đồng;

49. Đối tượng có tên "Mã khách hàng" là *"a* P1*":*T không lưu giữ thông tinnên không có căn cứ xác minh làm rõ.

Trong năm 2021, 2022, T đã sử dụng 40 công ty và thông qua "a P1" để bán 2.292 hóa đơn cho 433 đơn vị với tổng doanh số là 149.731.429.829 đồng;

50. Đối tượng có tên "Mã khách hàng" là *"Xuan":*T không lưu giữ thông tinnên không có căn cứ xác minh làm rõ.

Trong năm 2021, 2022, T đã sử dụng 45 công ty và thông qua "Xuan" để bán 3.783 hóa đơn cho 462 đơn vị với tổng doanh số là 311.798.483.378 đồng;

51. Đối tượng có tên "Mã khách hàng" là *"Phuoc":*T không lưu giữ thông tinnên không có căn cứ xác minh làm rõ.

Trong năm 2021, 2022, T đã sử dụng 22 công ty và thông qua "Phươc" để bán 3.619 hóa đơn cho 266 đơn vị với tổng doanh số là 214.449.297.125 đồng;

52. Đối tượng có tên "Mã khách hàng" là *"Hoàng Mập":*T không lưu giữ thông tinnên không có căn cứ xác minh làm rõ.

Trong năm 2021, 2022, Nguyễn Minh T đã sử dụng 43 công ty và thông qua "Hoàng Mập" để bán 963 hóa đơn cho 115 đơn vị với tổng doanh số là 35.982.186.741 đồng;

53. Đối tượng có tên "Mã khách hàng" là *"Loc":*T không lưu giữ thông tinnên không có căn cứ xác minh làm rõ.
Trong năm 2022, T đã sử dụng 69 công ty và thông qua "Loc" để bán 15.226 hóa đơn cho 2.036 đơn vị với tổng doanh số là 602.260.679.582 đồng;
Trong số 2.036 đơn vị đã mua hóa đơn của đối tượng "Loc", cơ quan điều tra đã xác minh làm rõ Công ty TNHH G3; Công ty TNHH S8; Công ty TNHH S9; Công ty TNHH X4; Công ty TNHH XD Biên Hòa Ba Chín
54. Đối tượng có tên "Mã khách hàng" là *"Dong":*T không lưu giữ thông tinnên không có căn cứ xác minh làm rõ.
Trong năm 2021, 2022, T đã sử dụng 80 công ty và thông qua "Dong" để bán 10.567 hóa đơn cho 2.137 đơn vị với tổng doanh số là 330.980.215.662 đồng;
55. Đối tượng có tên "Mã khách hàng" là *"Thao":*T không lưu giữ thông tinnên không có căn cứ xác minh làm rõ.
Trong năm 2021, 2022, T đã sử dụng 40 công ty và thông qua "Thao" để bán 3.769 hóa đơn cho 185 đơn vị với doanh số là 132.800.828.973 đồng;
Trong số 185 đơn vị đã mua hóa đơn của đối tượng "Thao", cơ quan điều tra đã xác minh làm rõ Công ty TNHH Sản xuất Vĩnh Nam
56. Đối tượng có tên "Mã khách hàng" là "C***":***T không lưu giữ thông tinnên không có căn cứ xác minh làm rõ.
Trong năm 2022, T đã sử dụng 11 công ty và thông qua "Chung" để bán 159 hóa đơn cho 33 đơn vị với tổng doanh số là 66.312.651.653 đồng;
57. Đối tượng có tên "Mã khách hàng" là *"Trường":*T không lưu giữ thông tinnên không có căn cứ xác minh làm rõ.
Trong năm 2022, T đã sử dụng 30 công ty và thông qua "Trường" để bán 540 hóa đơn cho 28 đơn vị với tổng doanh số là 167.547.355.984 đồng;
58. Đối tượng có tên "Mã khách hàng" là *"Toai":*T không lưu giữ thông tinnên không có căn cứ xác minh làm rõ.
Trong năm 2021, 2022, T đã sử dụng 44 công ty và thông qua "Toai" để bán 6.445 hóa đơn cho 917 đơn vị với tổng doanh số là 545.429.090.964 đồng;
59. Đối tượng có tên "Mã khách hàng" là *"Kiet":*T không lưu giữ thông tinnên không có căn cứ xác minh làm rõ.
Trong số 901 đơn vị đã mua hóa đơn của đối tượng "Kiet", cơ quan điều tra đã xác minh làm rõ Công ty TNHH C4.
60. Đối tượng có tên "Mã khách hàng" là *"Tan":*T không lưu giữ thông tinnên không có căn cứ xác minh làm rõ.
Trong năm 2021, 2022, T đã sử dụng 42 công ty và thông qua "Tan" để bán 4.666 hóa đơn cho 538 đơn vị với tổng doanh số là 289.611.006.798 đồng;
Trong số 538 đơn vị đã mua hóa đơn của đối tượng "Tân", cơ quan điều tra đã xác minh làm rõ Công ty TNHH V1.
61. Đối tượng có tên "Mã khách hàng" là *"Hoi":*T không lưu giữ thông tinnên không có căn cứ xác minh làm rõ.
Trong năm 2021, 2022, T đã sử dụng 51 công ty và thông qua "Hoi" để bán 10.487 hóa đơn cho 907 đơn vị với tổng doanh số là 4.088.404.569.093 đồng;
Trong số 907 đơn vị đã mua hóa đơn của đối tượng "Hoi", cơ quan điều tra đã

xác minh làm rõ Công ty TNHH H6; Công ty TNHH T19; Công ty TNHH T20; Công ty TNHH Đ6; Công ty TNHH S1 và Công ty CP Đ7.

62. Đối tượng có tên "Mã khách hàng" là *"Hoang BT":*T không lưu giữ thông tinnên không có căn cứ xác minh làm rõ.

Trong năm 2021, 2022, T đã sử dụng 76 công ty và thông qua "Hoang BT" để bán 1.608 hóa đơn cho 246 đơn vị với tổng doanh số là 215.524.472.001 đồng;

Trong số 246 đơn vị đã mua hóa đơn của đối tượng "Hoang BT", cơ quan điều tra đã xác minh làm rõ Công ty T21.

63. Đối tượng có tên "Mã khách hàng" là "L***":***T không lưu giữ thông tinnên không có căn cứ xác minh làm rõ.

Trong năm 2021, 2022, T đã sử dụng 37 công ty và thông qua "Linh" để bán 2.637 hóa đơn cho 438 đơn vị với tổng doanh số là 556.384.777.277 đồng;

Trong số 438 đơn vị đã mua hóa đơn của đối tượng "Linh", cơ quan điều tra đã xác minh làm rõ Công ty TNHH C5.

64. Đối tượng có tên "Mã khách hàng" là *"Gia":*T không lưu giữ thông tinnên không có căn cứ xác minh làm rõ.

Trong năm 2021, 2022, T đã sử dụng 24 công ty và thông qua "Gia" để bán 1.837 hóa đơn cho 303 đơn vị với tổng doanh số là 51.813.137.908 đồng;

65. Đối tượng có tên "Mã khách hàng" là *"Vang Le":*T không lưu giữ thông tinnên không có căn cứ xác minh làm rõ.

Trong năm 2021, 2022, T đã sử dụng 13 công ty và thông qua "Vang Le" để bán 891 hóa đơn cho 109 đơn vị với tổng doanh số là 104.012.641.559 đồng;

66. Đối tượng có tên "Mã khách hàng" là *"Nam"*: T không lưu giữ thông tinnên không có căn cứ xác minh làm rõ.

Trong năm 2021, 2022, T đã sử dụng 34 công ty và thông qua "Nam" để bán 979 hóa đơn cho 112 đơn vị với tổng doanh số là 385.282.914.132 đồng;

67. Đối tượng có tên "Mã khách hàng" là *"Hung":*T không lưu giữ thông tinnên không có căn cứ xác minh làm rõ.

Trong năm 2021, 2022, T đã sử dụng 80 công ty và thông qua "Hung" để bán 1.755 hóa đơn cho 339 đơn vị với tổng doanh số là 40.401.949.017 đồng.

[6.3]. Đối với 24 đối tượng trung gian (F2, F3…) có thông tin về số điện thoại, tài khoản ngân hàng đã trực tiếp bán hóa đơn cho các đơn vị, doanh nghiệp đã được điều tra truy tố, xét xử ở giai đoạn 1 trong vụ án "Trốn thuế", "Mua bán trái phép hóa đơn" và "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức, Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của Cơ quan tổ chức" theo quyết định khởi tố vụ án hình sự số 73 ngày 14/10/2022 của Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P**:**

1. Công ty TNHH H7 **A&C**

Cơ quan điều tra đã ra Quyết định khởi tố bị can đối với Đào Công T1 - Giám đốc công ty về hành vi: Thông qua đối tượng tên "T2" (chưa xác định được danh tính) để mua trái phép 57 hóa đơn trong vụ án đã xét xử ở giai đoạn 1.

Cơ quan điều tra đã đề nghị ngân hàng S cung cấp thông tin chủ tài khoản số 070108919221 đứng tên Nguyễn Hữu T2 và số 070074932655 đứng tên Nguyễn Hoàng K là 02 số tài khoản mà đối tượng "Tài" sử dụng nhận tiền phí mua hóa

đơn từ Đào Công T1. Tuy nhiên đến nay chưa có kết quả trả lời nên chưa có căn cứ xác minh làm rõ.

2. Công ty TNHH B**:**

Cơ quan điều tra đã ra Quyết định khởi tố bị can đối với Trần Văn T3 - Giám đốc công ty về hành vi: Thông qua đối tượng tên "A" (chưa xác định được danh tính) để mua trái phép 96 hóa đơn trong vụ án đã xét xử ở giai đoạn 1.

Cơ quan điều tra đã đề nghị ngân hàng A2 cung cấp thông tin chủ tài khoản số 11021188 đứng tên "HO MY NHAN" là đối tượng đã chuyển tiền vào tài khoản của Công ty B để thực hiện việc thanh toán hợp thức hóa đơn và đề nghị Công ty D4 khu vực 4 cung cấp chủ thuê bao số 0946.791.331 do đối tượng "An" sử dụng. Tuy nhiên đến nay chưa có kết quả trả lời nên chưa có căn cứ xác minh làm rõ.

3. Công ty CP N1**:**

Cơ quan điều tra đã ra Quyết định khởi tố bị can đối với Nguyễn Thúy H - Giám đốc công ty về hành vi: Thông qua Nguyễn Chí T4 và đối tượng "Trung" (chưa xác định được danh tính) để mua trái phép 31 hóa đơn trong vụ án đã xét xử ở giai đoạn 1.

Cơ quan điều tra đã đề nghị ngân hàng V2 cung cấp thông tin chủ tài khoản số 667611345678 đứng tên "NGUYEN THANH TRUNG" do đối tượng "T5" sử dụng. Tuy nhiên đến nay chưa có kết quả trả lời nên chưa có căn cứ xác minh làm rõ.

4. Công ty C6 **và** Công ty TNHH MTV G4**:**

Cơ quan điều tra đã ra quyết định khởi tố bị can đối với Võ Huỳnh Thục Q - Giám đốc về hành vi: Thông qua đối tượng tên "H1" (chưa xác định danh tính) mua trái phép 45 hóa đơn trong vụ án đã xét xử ở giai đoạn 1.

Cơ quan điều tra đã thu thập sao kê tài khoản số 77778988 mở tại ngân hàng A của Võ Huỳnh Thục Q và đề nghị ngân hàng A cung cấp thông tin chủ tài khoản của các số tài khoản đối ứng đã chuyển tiền đến tài khoản của bị can Q, để thực hiện việc hợp thức hóa đơn. Tuy nhiên đến nay chưa có kết quả trả lời nên chưa có căn cứ xác minh làm rõ.

5. Công ty TNHH P1**:**

Cơ quan điều tra đã ra Quyết định khởi tố bị can đối với Nguyễn Đăng K - Người điều hành công ty về hành vi: Thông qua đối tượng "Đạt" (Chưa xác định được danh tính) mua trái phép 17 hóa đơn trong vụ án đã xét xử ở giai đoạn 1.

Cơ quan điều tra đã đề nghị ngân hàng V1 cung cấp thông tin chủ tài khoản số 102550149 đứng tên NGUYEN CHE LINH là tài khoản do đối tượng "Đ" sử dụng để chuyển tiền vào tài khoản của Nguyễn Đăng K thực hiện việc chuyển tiền hợp thức hóa đơn. Tuy nhiên đến nay chưa có kết quả trả lời nên chưa có căn cứ xác minh làm rõ.

6. Công ty TNHH M2**:**

Cơ quan điều tra đã ra Quyết định khởi tố bị can đối với Trần Văn T- Giám đốc công ty về hành vi: Thông qua đối tượng tên "P" (Chưa xác định được danh tính) mua trái phép 31 hóa đơn trong vụ án đã xét xử ở giai đoạn 1.

Cơ quan điều tra đã đề nghị ngân hàng A cung cấp thông tin chủ tài khoản đứng

tên "Phan Thai B" và "Ta Quang D" là tài khoản chuyển tiền vào tài khoản của Công ty M2 để thực hiện việc chuyển tiền hợp thức hóa đơn.
Kết quả xác định: Tài khoản số 21741107 mở tại ngân hàng A, tên chủ tài khoản là Phan Thái B1 – Sinh ngày 31/7/1975, Số CCCD: 079075005663, HKTT: I L, Phường E, quận F, TP . và Tài khoản số 26152637 mở tại ngân hàng A, tên chủ tài khoản là Tạ Quang Đ1 – Sinh ngày 10/11/1995, Số CCCD: 008095007773, HKTT: Thôn T, T, Y, Tuyên Quang; Nơi ở hiện tại: A15, c/c conic Đường số A, Phường G, quận H, TP ..
Tuy nhiên, Cơ quan điều tra chưa tiến hành triệu tập để ghi lời khai đối với 02 cá nhân nêu trên.
7. Công ty TNHH S1**:**
Cơ quan điều tra đã ra Quyết định khởi tố bị can đối với Nguyễn Thị Ngọc N - Giám đốc công ty về hành vi: Thông qua đối tượng "Nguyễn Thị Kim O" (Chưa xác định được danh tính) mua trái phép 38 hóa đơn trong vụ án đã xét xử ở giai đoạn 1.
Cơ quan điều tra đã thu thập sao kê tài khoản số 9586567 mở tại ngân hàng A của nguyễn Thị Ngọc N và đề nghị ngân hàng A cung cấp thông tin chủ tài khoản của các số tài khoản đối ứng đã chuyển tiền đến tài khoản của bị can N để thực hiện việc chuyển tiền hợp thức hóa đơn. Tuy nhiên đến nay chưa có kết quả trả lời nên chưa có căn cứ xác minh làm rõ.
8. Công ty CP Đ3 **và** Công ty CP X**:**
Cơ quan điều tra đã ra Quyết định khởi tố bị can đối với Nguyễn Công D1 - Giám đốc công ty về hành vi: Thông qua đối tượng "Tuyết" (Chưa xác định được danh tính) để mua trái phép 69 hóa đơn trong vụ án đã xét xử ở giai đoạn 1.
Nguyễn Công D1 không còn lưu giữ thông tin gì của đối tượng "Tuyết". Do đó, Cơ quan điều tra không có căn cứ xác minh làm rõ.
9. Công ty TNHH MTV K2**:**
Cơ quan điều tra đã ra Quyết định khởi tố bị can đối với Trần Cóong M - Giám đốc công ty về hành vi: Thông qua đối tượng "An" mua trái phép 119 hóa đơn trong vụ án đã xét xử ở giai đoạn 1.
Cơ quan điều tra đã đề nghị Công ty D3 khu vực 4 cung cấp thông tin chủ thuê bao số 0789.540.248 và số 0799.648.176 do đối tượng "An" sử dụng. Tuy nhiên đến nay chưa có kết quả trả lời nên chưa có căn cứ xác minh làm rõ.
10. Công ty TNHH MTV S2**:**
Cơ quan điều tra đã ra Quyết định khởi tố bị can đối với Lâm Thùy M1 - Giám đốc công ty về hành vi: Thông qua đối tượng "Oanh" để mua trái phép 16 hóa đơn trong vụ án đã xét xử ở giai đoạn 1.
Lâm Thùy M1 không còn lưu giữ thông tin gì của đối tượng "Oanh". Do đó, Cơ quan điều tra không có căn cứ xác minh làm rõ.
11. Công ty TNHH S3**:**
Cơ quan điều tra đã ra Quyết định khởi tố bị can đối với Phạm Thị T1 - Giám đốc công ty về hành vi: Thông qua đối tượng "Bích" (chưa xác định được danh tính) mua trái phép 39 hóa đơn trong vụ án đã xét xử ở giai đoạn 1.

Cơ quan điều tra đã đề nghị Công ty D3 khu vực 4 cung cấp thông tin chủ thuê bao số 0906.386.705 do đối tượng "Bích" sử dụng. Tuy nhiên đến nay chưa có kết quả trả lời nên chưa có căn cứ xác minh làm rõ.

12. Công ty TNHH T7**:**

Cơ quan điều tra đã ra Quyết định khởi tố bị can đối với Trần Quang H - Giám đốc công ty về hành vi: Chỉ đạo Nguyễn Thị T2 – nguyên kế toán Công ty T7 (đã chết) mua trái phép 58 hóa đơn trong vụ án đã xét xử ở giai đoạn 1.

Do Nguyễn Thị T2 đã chết nên không có căn cứ xác minh làm rõ đối tượng trung gian bán hóa đơn cho Trần Quang H. Cơ quan điều tra đã thu thập sao kê tài khoản số 0120135389999 mở tại ngân hàng M3 và tài khoản số 256687888 mở tại ngân hàng A của Trần Quang H và đề nghị ngân hàng M3, ngân hàng A cung cấp thông tin chủ tài khoản của các số tài khoản đối ứng đã chuyển tiền đến tài khoản của bị can H để thực hiện việc chuyển tiền hợp thức hóa đơn. Tuy nhiên đến nay chưa có kết quả trả lời nên chưa có căn cứ xác minh làm rõ.

13. Công ty TNHH T8**:**

Cơ quan điều tra đã ra Quyết định khởi tố bị can đối với Nguyễn Trọng Đ2 - Giám đốc công ty về hành vi: Thông qua đối tượng "Nguyễn Văn D2" mua trái phép 11 hóa đơn trong vụ án đã xét xử ở giai đoạn 1.

Cơ quan điều tra đã đề nghị Công ty D3 khu vực 4 cung cấp thông tin chủ thuê bao số 0906.386.705 do đối tượng "Dương" sử dụng. Đồng thời thu thập sao kê tài khoản số 68116868 mở tại Ngân hàng A của Nguyễn Trọng Đ2 và đề nghị ngân hàng A cung cấp thông tin chủ tài khoản của các số tài khoản đối ứng đã chuyển tiền đến tài khoản của bị can Đ2 để thực hiện việc chuyển tiền hợp thức. Tuy nhiên đến nay chưa có kết quả trả lời nên chưa có căn cứ xác minh làm rõ.

14. Công ty TNHH T9**:**

Cơ quan điều tra đã ra Quyết định khởi tố bị can đối với Hồng Minh K1 - Giám đốc công ty về hành vi: Thông qua đối tượng "Phong" (chưa xác định được danh tính) để mua trái phép 25 hóa đơn trong vụ án đã xét xử ở giai đoạn 1.

Cơ quan điều tra đã đề nghị ngân hàng A cung cấp thông tin chủ tài khoản đứng tên "Phan Thai B" và "Ta Quang D" là tài khoản do đối tượng "P" sử dụng để chuyển tiền vào tài khoản của Công ty T9 để thực hiện việc chuyển tiền hợp thức hóa đơn.

Kết quả xác định: Tài khoản số 21741107 mở tại ngân hàng A, tên chủ tài khoản là Phan Thái B1 - Sinh ngày 31/7/1975, Số CCCD: 079075005663, HKTT: I L, Phường E, quận F, TP . và Tài khoản số 26152637 mở tại ngân hàng A, tên chủ tài khoản là Tạ Quang Đ1 – Sinh ngày 10/11/1995, Số CCCD: 008095007773, HKTT: Thôn T, T, Y, Tuyên Quang; Nơi ở hiện tại: A15, c/c conic Đường số A, Phường G, quận H, TP ..

Tuy nhiên, Cơ quan điều tra chưa tiến hành triệu tập để ghi lời khai đối với 02 cá nhân nêu trên.

15.Công ty TNHH T10**:**

Cơ quan điều tra đã ra Quyết định khởi tố bị can đối với Lê Chí Quốc V- Phó Giám đốc và Nguyễn Việt T3 - kế toán công ty về hành vi: Thông qua đối tượng "Phúc" và "Đương" (chưa xác định được danh tính) để mua trái phép 21 hóa

đơn trong vụ án đã xét xử ở giai đoạn 1.
Cơ quan điều tra đã đề nghị Công ty D3 khu vực 4 cung cấp thông tin chủ thuê bao số 0913.075.511 do đối tượng "Phúc" sử dụng và số điện thoại 0937.383.117 do đối tượng "Đương" sử dụng. Tuy nhiên đến nay chưa có kết quả trả lời nên chưa có căn cứ xác minh làm rõ.
16.Công ty TNHH V2**:**
Cơ quan điều tra đã ra Quyết định khởi tố bị can đối với Nguyễn Thị H1- Giám đốc công ty về hành vi: Thông qua đối tượng "Vàng" (chưa xác định được danh tính) để mua trái phép 148 hóa đơn trong vụ án đã xét xử ở giai đoạn 1.
Cơ quan điều tra đã thu thập sao kê tài khoản số 19021404810012 mở tại ngân hàng T11 và tài khoản số 7071587 mở tại ngân hàng A của Nguyễn Thị H1 và đề nghị ngân hàng T11, ngân hàng A cung cấp thông tin chủ tài khoản của các số tài khoản đối ứng do đối tượng "Vàng" sử dụng chuyển tiền đến tài khoản của bị can H1 để thực hiện việc chuyển tiền hợp thức. Tuy nhiên đến nay chưa có kết quả trả lời nên chưa có căn cứ xác minh làm rõ.
17.Công ty TNHH X1**:**
Cơ quan điều tra đã ra Quyết định khởi tố bị can đối với Nguyễn Minh H2 - Giám đốc công ty về hành vi: Thông qua đối tượng "Phong" (chưa xác định được danh tính) để mua trái phép 34 hóa đơn trong vụ án đã xét xử ở giai đoạn 1.
Cơ quan điều tra đã đề nghị NH A cung cấp thông tin chủ tài khoản đứng tên "Phan Thai B" và "Ta Quang D" là tài khoản chuyển tiền vào tài khoản của Công ty X1 để thực hiện việc chuyển tiền hợp thức hóa đơn.
Kết quả xác định: Tài khoản số 21741107 mở tại ngân hàng A, tên chủ tài khoản là Phan Thái B1 - Sinh ngày 31/7/1975, Số CCCD: 079075005663, HKTT: I L, Phường E, quận F, TP . và Tài khoản số 26152637 mở tại ngân hàng A, tên chủ tài khoản là Tạ Quang Đ1 – Sinh ngày 10/11/1995, Số CCCD: 008095007773, HKTT: Thôn T, T, Y, Tuyên Quang; Nơi ở hiện tại: A15, c/c conic Đường số A, Phường G, quận H, TP ..
Tuy nhiên, Cơ quan điều tra chưa tiến hành triệu tập để ghi lời khai đối với 02 cá nhân nêu trên.
18. Công ty TNHH S4**:**
Cơ quan điều tra đã ra Quyết định khởi tố bị can đối với Hà Thanh Mai H3 - Tổng Giám đốc công ty về hành vi: Thông qua đối tượng "Bằng" và "T4" (chưa xác định được danh tính) để mua trái phép 108 hóa đơn trong vụ án đã xét xử ở giai đoạn 1.
Cơ quan điều tra đã đề nghị ngân hàng T11 cung cấp thông tin chủ tài khoản số 19034075529026 đứng tên "HUYNH NGOC HIEN" là tài khoản do đối tượng T4 sử dụng để chuyển tiền hợp thức hóa đơn. Tuy nhiên đến nay chưa có kết quả trả lời nên chưa có căn cứ xác minh làm rõ.
19. Công ty TNHH F**:**
Cơ quan điều tra đã ra Quyết định khởi tố bị can đối với Nguyễn Anh T4- Giám đốc và Vũ Quang H4 - Kế toán công ty về hành vi: Thông qua đối tượng "Hằng" (chưa xác định được danh tính) để mua trái phép 70 hóa đơn trong vụ án đã xét

xử ở giai đoạn 1.
Cơ quan điều tra đã đề nghị ngân hàng S5 cung cấp thông tin chủ tài khoản số 060035080190 do đối tượng "Hằng" sử dụng. Tuy nhiên đến nay chưa có kết quả nên chưa có căn cứ xác minh làm rõ.
20. Công ty TNHH T12**:**
Cơ quan điều tra đã ra Quyết định khởi tố bị can đối với Hoàng Văn S - Giám đốc công ty về hành vi: Thông qua đối tượng "Nam" là trung gian (F2) của bị can Phạm Thanh T5 (trung gian F1) để mua trái phép 56 hóa đơn trong vụ án đã xét xử ở giai đoạn 1.
Hoàng Văn S và Phạm Thanh T5 không lưu giữ thông tin gì của đối tượng "Nam" nên Cơ quan điều tra không có căn cứ xác minh làm rõ.
21. Công ty TNHH S6**:**
Cơ quan điều tra đã ra Quyết định khởi tố bị can đối với Bùi Quang T6- Giám đốc công ty về hành vi: Thông qua đối tượng "Yến" (Chưa xác định được danh tính) để mua trái phép 72 hóa đơn trong vụ án đã xét xử ở giai đoạn 1.
Cơ quan điều tra đã đề nghị Công ty D2 khu vực 4 cung cấp thông tin chủ thuê bao số 0937.435.649 do đối tượng "Yến" sử dụng. Tuy nhiên đến nay chưa có kest quả trả lời nên chưa có căn cứ xác minh làm rõ.
22. Công ty TNHH MTV S**:**
Cơ quan điều tra đã ra Quyết định khởi tố bị can đối với Nguyễn Văn Đ- Giám đốc công ty về hành vi: Thông qua đối tượng "Yến" (Chưa xác định được danh tính) để mua trái phép 72 hóa đơn trong vụ án đã xét xử ở giai đoạn 1.
Cơ quan điều tra đã thu thập sao kê tài khoản của Nguyễn Văn Đ và đề nghị ngân hàng S1 cung cấp thông tin chủ tài khoản của tài khoản đối ứng mang tên "NGUYEN VAN PHAT" do đối tượng "Phát" sử dụng để chuyển tiền hợp thức hóa đơn. Tuy nhiên đến nay chưa có kết quả trả lời nên chưa có căn cứ xác minh làm rõ.
23. Công ty TNHH T18**:**
Cơ quan điều tra đã ra Quyết định khởi tố bị can đối với Lê Thế C- Giám đốc công ty về hành vi: Thông qua đối tượng "Hân" (Chưa xác định được danh tính) để mua trái phép 289 hóa đơn đã xét xử ở giai đoạn 1.
Cơ quan điều tra đã đề nghị Công ty D2 cung cấp thông tin chủ thuê báo số 0702.847.601 do đối tượng "Hân" sử dụng. Tuy nhiên đến nay chưa có kết quả trả lời nên chưa có căn cứ xác minh làm rõ.
24. Công ty TNHH C6**:**
Cơ quan điều tra đã ra Quyết định khởi tố bị can đối với Đỗ Văn L- Giám đốc công ty về hành vi: Thông qua đối tượng "Vân" (Chưa xác định được danh tính) để mua trái phép 26 hóa đơn trong vụ án ở giai đoạn 1.
Cơ quan điều tra đã đề nghị Công ty D2 cung cấp thông tin chủ thuê báo số 0907.014.967 do đối tượng "Vân" sử dụng. Tuy nhiên đến nay chưa có kết quả trả lời nên chưa có căn cứ xác minh làm rõ.
[6.4]. Đối với 67 đối tượng có tên "Mã khách hàng"khác nhau và thông tin các chủ tài khoản là đối tượng đã sử dụng để mua bán hóa đơn trái phép với 24 công ty nêu trên: Đến khi hết thời hạn điều tra, cơ quan điều tra chưa

làm rõ được nhân thân lai lịch và hành vi phạm tội của các đối tượng trung gian (F1, F2, F3…) nêu trên, một số đối tượng chưa có kết quả trả lời của các công ty dịch vụ. Vì vậy, Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục xác minh rõ nhân thân, làm rõ hành vi của các đối tượng sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định. Vì vậy, Cơ quan điều tra tách hành vi "Mua bán trái phép hóa đơn" của các đối tượng trung gian (F1, F2, F3…) này để tiếp tục điều tra xử lý theo quy định pháp luật sau khi tách vụ án hình sự là có căn cứ, theo quy định của pháp luật.

[6.5].Đối với một số cá nhân là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Đối với Bùi Văn Đ1

Từ tháng 4/2021 đến tháng 05/2022, Đ1 đã bán 97 hóa đơn GTGT khống với tổng doanh số 651.360.847.439 đồng (Trong đó tiền hàng là 593.255.413.261 đồng) cho Nguyễn Thị Thành L1nhằm hợp thức các khoản chi phí không có hóa đơn GTGT của Công ty. Về chi phí mua hóa đơn, L1 sẽ trả cho Đ1 số tiền 3% giá trị tiền hàng. Sau khi thỏa thuận với L1, Đ1 đã thông qua Đỗ Văn D (đã truy tố, xét xử ở giai đoạn 1) để mua hóa đơn của Nguyễn Minh T. Trong số tiền mua hóa đơn 3% thu của Công ty T19, Đ1 được hưởng số tiền là 0,5%.

Do đó, Bùi Văn Đ1 đã có hành vi "Mua bán trái phép" 97 hóa đơn GTGT của Nguyễn Minh T**.** Tuy nhiên, Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục xác minh làm rõ hành vi của Bùi Văn Đ1 sau khi tách vụ án hình sự là có căn cứ theo quy định của pháp luật.

2. Đối với Nguyễn Thị Thành L1

Nguyễn Thị Thành L1là Kế toán của Công ty T19, dưới sự chỉ đạo của Wei X, L1 đã mua 97 hóa đơn GTGT khống của Bùi Văn Đ1 nhằm hợp thức các khoản chi phí không có hóa đơn GTGT của Công ty.

Theo thỏa thuận, Công ty T19 phải trả cho Đ1 số tiền tương đương 7% giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn. Trên thực tế, L1 đã tự trao đổi với Đ1 về việc L1 sẽ trả cho Đ1 số tiền 3% giá trị tiền hàng, còn lại L1 được hưởng 4%.

Tuy nhiên, Đ1 và L1 sử dụng nhiều tài khoản ngân hàng khác nhau để thực hiện việc chuyển tiền hợp thức hóa đơn, do đó đến khi hết thời hạn điều tra, Cơ quan điều tra mới chỉ làm rõ việc chuyển tiền hợp thức của **20/97** hóa đơn GTGT khống với tổng doanh số là **74.731.318.475 đồng***(Trong đó: Tiền hàng là 67.937.562.249 đồng, tiền thuế GTGT là 6.793.756.226 đồng)*. Do đó, Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục xác minh làm rõ hành vi của Nguyễn Thị Thành L1 sau khi tách vụ án hình sự là có căn cứ theo quy định của pháp luật.

3. Đối với Wei X

Wei Xing là người điều hành mọi hoạt động của Công ty T19. Từ tháng 4/2021 đến tháng 05/2022, Wei X đã chỉ đạo Lý thông qua Đ1 để mua **97** hóa đơn GTGT khống nhằm hợp thức các khoản chi phí không có hóa đơn GTGT.

Ngày 25/8/2024, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P có Quyết định trưng cầu giám định số 2807/QĐ-CSKT trưng cầu Cục thuế tỉnh P giám định hành vi vi phạm về pháp luật thuế đối với Công ty T19. Nhưng đến nay chưa có kết quả giám định để xác định có hay không hành vi "Trốn thuế" của bị can Wei X và Nguyễn Thị Thành L1. Cơ quan điều tra cần tiếp tục điều tra làm rõ hành vi mua bán trái

phép hóa đơn của Wei X, Bùi Văn Đ1 và Nguyễn Thị Thành L1 và làm rõ số tiền hưởng lợi của các bị can sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định của Pháp luật.

Sau khi mua **97** hóa đơn khống với tổng doanh số **651.360.847.439 đồng** nêu trên để kê khai thuế GTGT mua vào cho Công ty T19, Wei X đã chỉ đạo nhân viên Công ty T19 xuất 03 hóa đơn GTGT có doanh số **349.301.547.857 đồng** cho Công ty TNHH R, để Công ty R xuất hóa đơn thanh toán, nghiệm thu các hạng mục thi công dự án Nhà máy điện gió Đ, địa chỉ tại: Xã Đ, Huyện Đ, Đắk Nông do Công ty TNHH Q1 làm chủ đầu tư.

Quá trình điều tra xác minh tại Công ty TNHH Q1, Cơ quan điều tra có đủ căn cứ xác định: Mặc dù không đứng tên đại diện theo pháp luật nhưng Wei Xing điều hành toàn bộ hoạt động của Công ty Q1 và chỉ đạo toàn bộ công tác thi công, nghiệm thu tại dự án nhà máy điện gió Đ. Trong quá trình thực hiện dự án, Wei X đã chỉ đạo nhân viên thi công, lập hồ sơ nghiệm thu công trình nhà máy điện gió Đăk Hòa không đúng quy định, có dấu hiệu vi phạm quy định về xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng.Vì vậy, Cơ quan điều tra cần tiếp tục điều tra làm rõ hành vi vi phạm quy định về xây dựng của Wei X cùng các cá nhân có liên quan trong việc chỉ đạo thi công, nghiệm thu công trình sai quy định của pháp luật, sau khi tách vụ án hình sự để xử lý theo quy định của Pháp luật là có căn cứ.

4. Đối với 25 cá nhân, gồm: Ngô Phương H – nhân viên Công ty TNHH H12; Bùi Thị Thanh T1 – Kế toán Công ty CP T20; Nguyễn Thu T2 – nhân viên Công ty CP N7; Bà Chu Ngọc D1 - Thủ quỹ Công ty TNHH MTV C7; Bà Chế Thị Hồng T3 - vợ của bị can Lê Văn C1; Bà Nguyễn Thị Kim A - Nhân viên Công ty TNHH V2; Ông Nguyễn Hoàng N – Giám đốc Công ty TNHH S2 (chồng của bị can Nguyễn Thị Thúy M); bà Nguyễn Ngọc P nhân viên công ty TNHH E – nhân viên của bị can Trần Thị Thanh T4; Nguyễn Thúy A1 – nhân viên Công ty TNHH một thành viên S3; bà Nguyễn Thị Thanh X1 – Nhân viên công ty CP Đ4; bà Đinh Thị Bích C2 – nhân viên Công ty CP Đ5; Ông Đặng Ngọc T5 - Giám đốc Công ty TNHH D3; bà Ngô Thị Thanh N1 – Vợ của bị can Võ P1; Bà Phạm Thị Thúy H1 – Vợ của bị can Bùi Đình N2; bà Bùi Thị Thanh T6 – Vợ của bị can Ngô Văn C3 và Nguyễn Thị Diễm T7 - Kế toán Công ty T21; bà Cao Thị Diễm K và Dương Viết T8 là kế toán của Công ty Q2; bà Phạm Thị Hồng T9 – Vợ của bị can Võ Hoàn H2; Bà Bùi Thị Trang T10 – Kế toán Công ty Cổ phần D4.THC; Bà Cao Thị H3 – vợ của bị can Nghiêm Phạm Anh T11; Bà Lê Thị Đ2 - vợ của bị can Nguyễn Văn B; Ông Lê Huy Q – Nhân viên Công ty TNHH V3; Bà Trần Thị Dịu H4 và Nguyễn Thị Tố N3 - Nhân viên Công ty CP C8; Bà Lê Thị H5 - Nhân viên Công ty TNHH H13:

25 cá nhân trên chỉ thực hiện theo sự chỉ đạo của các bị can (Là Giám đốc, kế toán), không biết mục đích của việc nhận, chuyển tiền để hợp thức thanh toán mua hóa đơn. Do vậy không đồng phạm với các bị can về tội mua bán trái phép hóa đơn nên Cơ quan điều tra không đề cập xem xét trách nhiệm hình sự đối với 25 cá nhân nêu trên trong vụ án này là có căn cứ theo quy định của pháp luật.

[6.6]. Đối với 54 pháp nhân thương mại:

1. Công ty TNHH G1**:** Công ty có 2 thành viên góp vốn là Phạm Phú G và Nguyễn Anh V. Trên thực tế toàn bộ hoạt động của Công ty đều do G điều hành và là người chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật. Ông V không tham gia hoạt động gì tại Công ty G1. Việc mua trái phép hóa đơn GTGT do Giáp trực tiếp thỏa thuận và thực hiện, không bàn bạc, không có sự đồng thuận, không vì lợi ích chung của các thành viên tham gia góp vốn. Do vậy, không đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân thương mại là Công ty TNHH G1 về hành vi Mua bán trái phép hóa đơn theo quy định tại Điều 75, Bộ luật hình sự.

2. Công ty CP T20**:** Công ty có 03 thành viên góp vốn là Trần N4, Lê Thị P2 và Tạ Công T12. Vì có quan hệ gia đình và bạn bè nên N4 đã nhờ P2 và T12 đứng tên góp vốn để thành lập Công ty T20. Trên thực tế Như là người điều hành toàn bộ hoạt động kinh doanh và là người chịu trách nhiệm trước pháp luật. Việc Trần N4, Huỳnh Hữu T13 và Nguyễn Thành C4 trao đổi để thực hiện mua trái phép hóa đơn GTGT thì Như không bàn bạc, không có sự đồng thuận, không vì lợi ích chung của các thành viên tham gia góp vốn. Do vậy, không đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân thương mại là Công ty CP T20 về hành vi Mua bán trái phép hóa đơn theo quy định tại Điều 75, Bộ luật hình sự.

3. Công ty TNHH A3**:** Công ty có 03 thành viên góp vốn là Trần Ngọc Vĩnh P3, Nguyễn Thị Hoàng Y và Nguyễn Thị Thu H6. Vì là vợ, bạn bè nên Phan nhờ bà Y và bà H6 đứng tên để thành lập Công ty An toàn Việt. Trên thực tế toàn bộ hoạt động của Công ty đều do P3 điều hành và là người chịu trách nhiệm trước pháp luật. 02 cá nhân còn lại không tham gia hoạt động gì tại Công ty A3. Việc mua trái phép hóa đơn GTGT do Phan trực tiếp thỏa thuận và thực hiện, không bàn bạc, không có sự đồng thuận, không vì lợi ích chung của các thành viên tham gia góp vốn. Do vậy, không đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân thương mại là Công ty TNHH A3 về hành vi Mua bán trái phép hóa đơn theo quy định tại Điều 75, BLHS.

4. Công ty TNHH V4**:** Công ty có 5 thành viên góp vốn là Nguyễn Diệp Bích H7, Nguyễn Diệp Bích H8, Đặng Ngọc T14, Trần Trung T15 và Nguyễn Quốc H9. Vì là người trong gia đình nên H7 nhờ những cá nhân trên đứng tên để thành lập Công ty V4. Trên thực tế toàn bộ hoạt động của Công ty đều do H7 điều hành và chịu trách nhiệm trước pháp luật. 04 cá nhân còn lại không tham gia hoạt động gì tại Công ty V4. Việc mua trái phép hóa đơn GTGT do H7 trực tiếp thỏa thuận và thực hiện, không bàn bạc, không có sự đồng thuận, không vì lợi ích chung của các thành viên tham gia góp vốn. Do vậy, không đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân thương mại là Công ty TNHH V4 về hành vi Mua bán trái phép hóa đơn theo quy định tại Điều 75, Bộ luật hình sự.

5. Công ty cổ phần C9**:** Công ty có 04 thành viên góp vốn gồm: Lê Thái B1; Võ Đình T16; Nguyễn Hồng P4 và Nguyễn Thị Hồng O. Do được toàn quyền quản lý phụ trách các vấn đề liên quan đến tài chính, kế toán của công ty nên khi thực hiện mua trái phép hóa đơn GTGT, O không xin ý kiến của hội đồng cổ đông

trước khi thực hiện, nên không có sự đồng thuận, không vì lợi ích chung của các thành viên tham gia góp vốn. Do vậy, không đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân thương mại là Công ty cổ phần C9 về hành vi mua trái phép hoá đơn theo quy định tại Điều 75 Bộ luật hình sự.

6. Công ty TNHH S2**:** Công ty có 02 thành viên tham gia góp vốn gồm Nguyễn Hoàng N5 và Nguyễn Thị Thúy M. Do tin tưởng M và không có kiến thức về tài chính kế toán, ông N đã giao toàn bộ việc quản lý tài chính, kế toán của Công ty cho M, việc mua hóa đơn GTGT trái phép, M không xin ý kiến của ông N trước khi thực hiện nên không có sự đồng thuận, không vì lợi ích chung của các thành viên tham gia góp vốn. Do vậy, không đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân thương mại là Công ty TNHH S2 về hành vi mua trái phép hoá đơn theo quy định tại Điều 75 Bộ luật hình sự.

7. Công ty TNHH E**:** Công ty có 02 thành viên góp vốn gồm: Trần Thị Thanh T4 và Nguyễn Ngọc P, toàn bộ hoạt động của Công ty đều do T4 trực tiếp quản lý, điều hành còn P chỉ là nhân viên thực hiện các công việc theo chỉ đạo của T4. Việc mua trái phép hóa đơn GTGT đều do T4 trực tiếp thỏa thuận và thực hiện, không bàn bạc, không có sự đồng thuận, không vì lợi ích chung của các thành viên tham gia góp vốn. Do vậy, không đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân thương mại là Công ty TNHH Evề hành vi mua trái phép hoá đơn theo quy định tại Điều 75 Bộ luật hình sự.

8. Công ty TNHH T22**:** Công ty có 02 thành viên góp vốn gồm: Nguyễn Trọng N6 và Nguyễn Thị Thu H10, toàn bộ hoạt động của Công ty đều do N6 trực tiếp quản lý, điều hành còn bà H10 không tham gia vào bất kỳ công việc gì tại Công ty. Việc mua bán trái phép hóa đơn GTGT đều do N6 và V1 trực tiếp thỏa thuận và thực hiện, không bàn bạc với ai, không có sự đồng thuận, không vì lợi ích chung của các thành viên tham gia góp vốn. Do vậy, không đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân thương mại là Công ty TNHH T22về hành vi mua trái phép hoá đơn theo quy định tại Điều 75 Bộ luật hình sự.

9. Công ty cổ phần Đ4**:** Công ty có 04 thành viên góp vốn gồm: Trần Văn Đ3; Nguyễn Thị C5; Nguyễn Việt B2; Nguyễn Vũ Hải A2. Do có quan hệ quen biết với Đ3 nên bà C5, ông B2 và bà Hải A2 đã tham gia góp vốn nhưng không tham gia vào bất kỳ công việc gì tại Công ty. Việc mua trái phép các hóa đơn GTGT do Đ3 thực hiện, không xin ý kiến, không có sự đồng thuận, không vì lợi ích chung của các thành viên tham gia góp vốn. Do vậy, không đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân thương mại là Công ty CP Đ4 về hành vi mua trái phép hoá đơn theo quy định tại Điều 75 Bộ luật hình sự.

10. Công ty TNHH H14**:** Công ty có 02 thành viên góp vốn gồm: Phạm Thị T17 và Hoàng Văn H11, toàn bộ hoạt động của Công ty đều do T17 trực tiếp quản lý, điều hành còn ông H11 chỉ là thành viên tham gia góp vốn, không tham gia vào bất kỳ công việc gì tại Công ty. Việc mua bán trái hóa đơn GTGT đều do T17 trực tiếp thỏa thuận và thực hiện, không bàn bạc, không có sự đồng thuận, không vì lợi ích chung của các thành viên tham gia góp vốn. Do vậy, không đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân thương mại là Công ty TNHH H22 về hành vi mua trái phép hoá đơn theo quy định tại Điều 75 Bộ luật

hình sự.

11. Công ty cổ phần Đ5**:** Vào thời điểm Hoàng Kim T và Nguyễn Phong Hồ P thực hiện việc mua hóa đơn GTGT trái phép, Công ty có 04 thành viên góp vốn gồm: Hoàng Kim T, Văn Viết L; Văn Viết Đ; Tạ Quốc V. Tuy nhiên trên thực tế do T đã mua lại toàn bộ cổ phần của công ty, có quyền quản lý điều hành mọi hoạt động của công ty, nên đã thực hiện mua hóa đơn GTGT trái phép mà không xin ý kiến của hội đồng cổ đông, không có sự đồng thuận, không vì lợi ích chung của các thành viên tham gia góp vốn. Do vậy, không đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân thương mại là Công ty cổ Đại Hoàng Kim Bình Phước về hành vi mua trái phép hoá đơn theo quy định tại Điều 75 Bộ luật hình sự.

12. Công ty TNHH H23**:** Công ty có 03 thành viên tham gia góp vốn gồm Nguyễn Văn H, Trần Văn N và Nguyễn Văn H1. Do tin tưởng H, ông H1 và ông N đã giao toàn bộ việc quản lý, điều hành công ty cho H. Việc mua hóa đơn GTGT trái phép, H không xin ý kiến, không có sự đồng thuận, không vì lợi ích chung của các thành viên tham gia góp vốn. Do vậy, không đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân thương mại là Đối với Công ty TNHH H23 về hành vi mua trái phép hoá đơn theo quy định tại Điều 75 Bộ luật hình sự.

13. Công ty CP D4**:** Công ty có 03 thành viên tham gia góp vốn gồm Bùi Quang H2; Trần Trọng N1 và Lâm V1. Tại thời điểm V1 mua hóa đơn GTGT trái phép, V1 có quyền quản lý điều hành mọi hoạt động của công ty, nên đã mua hóa đơn mà không xin ý kiến của hội đồng cổ đông, không có sự đồng thuận, không vì lợi ích chung của các thành viên tham gia góp vốn. Do vậy, không đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân thương mại là Đối với Công ty CP D4 về hành vi mua trái phép hoá đơn theo quy định tại Điều 75 Bộ luật hình sự.

14. Công ty TNHH S5**:** Công ty có 02 thành viên góp vốn gồm: Huỳnh Xuân T1 và Trần Thị Kim C; toàn bộ hoạt động của Công ty đều do T1 trực tiếp quản lý, điều hành còn bà C chỉ là thành viên tham gia góp vốn, không tham gia vào bất kỳ công việc gì tại Công ty. Việc mua bán trái hóa đơn GTGT đều do T1 trực tiếp thỏa thuận và thực hiện, không bàn bạc, không có sự đồng thuận, không vì lợi ích chung của các thành viên tham gia góp vốn. Do vậy, không đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân thương mại là Công ty TNHH S6 hành vi mua trái phép hoá đơn theo quy định tại Điều 75 Bộ luật hình sự.

15. Công ty TNHH D5 **Biển:** Công ty có 2 thành viên góp vốn là Nguyễn Thành N2 và Đoàn Thị T2. Vì có quan hệ họ hàng nên N2 cho bà T2 góp vốn để thành lập Công ty. Trên thực tế toàn bộ hoạt động của Công ty đều do N2 điều hành và là người chịu trách nhiệm trước pháp luật. Bà T2 không tham gia hoạt động gì tại Công ty. Việc mua trái phép hoá đơn GTGT do Nam trực tiếp thoả thuận và thực hiện, không bàn bạc, không có sự đồng thuận, không vì lợi ích chung của các thành viên tham gia góp vốn. Do vậy, không đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân thương mại là Công ty TNHH D5 Biển về hành vi Mua bán trái phép hóa đơn theo quy định tại Điều 75, Bộ luật hình sự.

16. Công ty TNHH L9**:** Công ty có 2 thành viên góp vốn là Võ Hoàn H3 và Phạm Thị Hồng T3. Vì có quan hệ vợ chồng nên H3 cùng bà T3 góp vốn để thành lập Công ty. Trên thực tế toàn bộ hoạt động của Công ty đều do H3 điều hành và chịu trách nhiệm trước pháp luật. Bà T3 không tham gia hoạt động gì tại Công ty. Việc mua trái phép hoá đơn GTGT do H3 trực tiếp thoả thuận và thực hiện, không bàn bạc, không có sự đồng thuận, không vì lợi ích chung của các thành viên tham gia góp vốn. Do vậy, không đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân thương mại là Công ty TNHH L9 về hành vi Mua bán trái phép hóa đơn theo quy định tại Điều 75, Bộ luật hình sự.

17. Công ty cổ phần X**:** Công ty có 3 thành viên góp vốn là Ngô Văn C1, Nguyễn Xuân T4, Phạm Tấn Đ1. Vì có quan hệ là bạn bè nên Chiều góp vốn với ông T4 và ông Đ1 để thành lập Công ty. Trên thực tế toàn bộ hoạt động của Công ty đều do Chiều điều hành và chịu trách nhiệm trước pháp luật. Ông T4 và ông Đ1 không tham gia hoạt động gì tại Công ty X. Việc mua trái phép hóa đơn GTGT do Chiều trực tiếp thỏa thuận và thực hiện, không bàn bạc, không có sự đồng thuận, không vì lợi ích chung của các thành viên tham gia góp vốn. Do vậy, không đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân thương mại là Công ty cổ phần X về hành vi Mua bán trái phép hóa đơn theo quy định tại Điều 75, Bộ luật hình sự.

18. Công ty TNHH K4**:** Công ty có 2 thành viên góp vốn là Trần Lê Hải Y và Nguyễn Thanh V2. Vì có quan hệ là bạn bè nên Y góp vốn với ông V2 để thành lập Công ty. Trên thực tế toàn bộ hoạt động của Công ty đều do Y điều hành và chịu trách nhiệm trước pháp luật. Ông Vũ chỉ đảm nhiệm bộ phận kỹ thuật không tham gia hoạt động kinh doanh gì tại Công ty. Việc mua trái phép hóa đơn GTGT do Y trực tiếp thỏa thuận và thực hiện, không bàn bạc, không có sự đồng thuận, không vì lợi ích chung của các thành viên tham gia góp vốn. Do vậy, không đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân thương mại là Công ty TNHH K4 về hành vi Mua bán trái phép hóa đơn theo quy định tại Điều 75, Bộ luật hình sự.

19. Công ty TNHH D6**:** Công ty có 2 thành viên góp vốn là Đặng Ngọc T5 và Phan Duy Đ2. Trên thực tế toàn bộ hoạt động của Công ty D6 được ông T5 uỷ quyền cho Trang Duy P1 là Phó Giám đốc Công ty điều hành và chịu trách nhiệm trước pháp luật. Ông T5 và ông Đ2 không tham gia hoạt động kinh doanh gì tại Công ty. Việc mua trái phép hóa đơn GTGT do P1 trực tiếp thỏa thuận và thực hiện, không bàn bạc, không có sự đồng thuận, không vì lợi ích chung của các thành viên tham gia góp vốn. Do vậy, không đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân thương mại là Công ty TNHH D6 về hành vi Mua bán trái phép hóa đơn theo quy định tại Điều 75, Bộ luật hình sự.

20. Công ty TNHH C7**:** Công ty có 2 thành viên góp vốn là Trần Doãn C2 và Nguyễn Bá H4. Vì có quan hệ là bạn bè nên C2 góp vốn với ông H4 để thành lập Công ty. Trên thực tế toàn bộ hoạt động của Công ty C7 đều do Chất điều hành và chịu trách nhiệm trước pháp luật. Ông H4 không tham gia hoạt động gì tại Công ty. Việc mua trái phép hóa đơn GTGT do Chất trực tiếp thỏa thuận và thực hiện, không bàn bạc, không có sự đồng thuận, không vì lợi ích chung của

các thành viên tham gia góp vốn. Do vậy, không đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân thương mại là Công ty TNHH C7 về hành vi Mua bán trái phép hóa đơn theo quy định tại Điều 75, Bộ luật hình sự.

21. Công ty TNHH C8**:** Công ty có 2 thành viên góp vốn là Nguyễn Văn H5 và Nguyễn Thị Thu H6 (là vợ). Trên thực tế toàn bộ hoạt động của Công ty C8 đều do H5 điều hành và chịu trách nhiệm trước pháp luật. Bà H6 không tham gia hoạt động gì tại Công ty C8. Việc mua trái phép hóa đơn GTGT do H5 trực tiếp thỏa thuận và thực hiện, không bàn bạc, không có sự đồng thuận, không vì lợi ích chung của các thành viên tham gia góp vốn. Do vậy, không đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân thương mại là Công ty TNHH C8 về hành vi Mua bán trái phép hóa đơn theo quy định tại Điều 75, Bộ luật hình sự.

22. Công ty cổ phần T31T6**:** Công ty có 3 thành viên góp vốn là Ngô Quang N3, Dương Việt T7, Lê Ngọc N4. Trên thực tế toàn bộ hoạt động của Công ty đều do Nguyện điều hành và chịu trách nhiệm trước pháp luật. Ông T7 và ông N4 không tham gia hoạt động gì tại Công ty Q4. Việc mua trái phep hóa đơn GTGT do N3 trực tiếp thỏa thuận và thực hiện, không bàn bạc, không có sự đồng thuận, không vì lợi ích chung của các thành viên tham gia góp vốn. Do vậy, không đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân thương mại là Công ty cổ phần T31 Thịnh về hành vi Mua bán trái phép hóa đơn theo quy định tại Điều 75, Bộ luật hình sự.

23. Công ty TNHH T32**:** Công ty có 2 thành viên góp vốn là Trương Thanh D và Lê Thị Huy H7 (là vợ). Trên thực tế toàn bộ hoạt động của Công ty được ông D uỷ quyền cho Hồ Phương D1 là Phó Giám đốc Công ty điều hành và là người chịu trách nhiệm trước pháp luật. Ông D đảm nhiệm bộ phận kinh doanh của Công ty và bà H7 không tham gia hoạt động gì tại Công ty T32. Việc mua trái phép hóa đơn GTGT do D1 trực tiếp thỏa thuận và thực hiện, không bàn bạc, không có sự đồng thuận, không vì lợi ích chung của các thành viên tham gia góp vốn. Do vậy, không đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân thương mại là Công ty TNHH T32 về hành vi Mua bán trái phép hóa đơn theo quy định tại Điều 75, Bộ luật hình sự.

24. Công ty TNHH Ô**:** Công ty có 2 thành viên góp vốn là Võ P2 và Trần Hoàng T8. Trên thực tế toàn bộ hoạt động của Công ty đều do P2 điều hành và chịu trách nhiệm trước pháp luật. Ông T8 không tham gia hoạt động gì tại Công ty Ô. Việc mua trái phép hóa đơn GTGT do P2 trực tiếp thỏa thuận và thực hiện, không bàn bạc, không có sự đồng thuận, không vì lợi ích chung của các thành viên tham gia góp vốn. Do vậy, không đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân thương mại là Công ty TNHH Ô về hành vi Mua bán trái phép hóa đơn theo quy định tại Điều 75, Bộ luật hình sự.

25. Công ty TNHH Đ6**:** Công ty có 2 thành viên góp vốn là Trần Minh T9 và Đoàn Thị Kiều V3 (là vợ). Trên thực tế toàn bộ hoạt động của Công ty được ông T9 uỷ quyền cho V3 điều hành và chịu trách nhiệm trước pháp luật. Ông T9 đảm nhiệm bộ phận kỹ thuật của Công ty. Việc mua trái phép hóa đơn GTGT do V3 trực tiếp thỏa thuận và thực hiện, không bàn bạc, không có sự đồng thuận, không vì lợi ích chung của các thành viên tham gia góp vốn. Do vậy, không đủ

căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân thương mại là Công ty TNHH Đ6 về hành vi Mua bán trái phép hóa đơn theo quy định tại Điều 75, Bộ luật hình sự.

26. Công ty Cổ phần T31**:** Công ty có 03 thành viên góp vốn, gồm: Hồ Bá thành, Hồ Bá T10 (là bố của T19) và Vũ Thị Kim N5 (vợ của T19). Toàn bộ hoạt động của Công ty đều do T19 trực tiếp quản lý, điều hành, còn ông T10 và bà N5 không tham gia vào bất kỳ công việc gì tại Công ty. Việc mua hóa đơn trái phép GTGT đều do T19 chỉ đạo kế toán là Lê Văn Q trực tiếp thỏa thuận và thực hiện, không bàn bạc, không có sự đồng thuận, không vì lợi ích chung của các thành viên tham gia góp vốn. Do vậy, không đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân thương mại là Công ty Cổ phần T31 về hành vi mua trái phép hoá đơn theo quy định tại Điều 75 Bộ luật hình sự.

27. Công ty CP Đ7**:** Công ty có 03 thành viên góp vốn, gồm: Bùi Thái K, Nguyễn Ngọc K1 (là vợ K), Huỳnh Thị M (là dì K). Mặc dù bà K1 là người đại diện theo pháp luật của công ty, tuy nhiên toàn bộ hoạt động của Công ty Đ7 đều do K trực tiếp quản lý, điều hành. Việc mua trái phép hóa đơn GTGT đều do tự Khương làm, không bàn bạc, không có sự đồng thuận, không vì lợi ích chung của các thành viên tham gia góp vốn. Do vậy, không đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân thương mại là Công ty CP Đ7 theo Điều 75 Bộ luật hình sự.

28. Công ty CP Đ8**:** Công ty có 03 thành viên góp vốn, gồm: Trần Ngọc T11, Trần Ngọc L1 (là bố của T11) và Mai Anh Đ3 (vợ của T11). Toàn bộ hoạt động của Công ty đều do T11 trực tiếp quản lý, điều hành còn ông L1 và Đ3 không tham gia vào bất kỳ công việc gì tại công ty. Việc mua trái phép hóa đơn GTGT đều do T11 thực hiện, mà không bàn bạc, không có sự đồng thuận, không vì lợi ích chung của các thành viên tham gia góp vốn. Do vậy, không đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân thương mại là Công ty CP Đ8 về hành vi mua trái phép hoá đơn theo quy định tại Điều 75 Bộ luật hình sự

29. Công ty TNHH C9**:** Công ty có 02 thành viên góp vốn là Hồ Thị Thu T12 và Hà Huy C3 (Chồng của T12). Trên thực tế toàn bộ hoạt động của Công ty C9 đều do T12 trực tiếp quản lý, điều hành. Việc mua trái phép hóa đơn GTGT do T12 trực tiếp thỏa thuận và thực hiện, không bàn bạc, không có sự đồng thuận, không vì lợi ích chung của các thành viên tham gia góp vốn. Do vậy, không đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân thương mại là Công ty TNHH C9 về hành vi mua trái phép hoá đơn theo quy định tại Điều 75, Bộ luật hình sự.

30.Công ty TNHH V5**:** Công ty có 02 thành viên góp vốn là Đặng Chí K2 và Đặng Phú H8 (Con ruột của K2). Trên thực tế toàn bộ hoạt động của Công ty đều do K2 trực tiếp quản lý, điều hành. Việc mua trái phép hóa đơn GTGT do Kiến trực tiếp thỏa thuận và thực hiện, không bàn bạc, không có sự đồng thuận, không vì lợi ích chung của các thành viên tham gia góp vốn. Do vậy, không đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân thương mại là Công ty TNHH V5 về hành vi mua trái phép hoá đơn theo quy định tại Điều 75, Bộ luật hình sự.

31.Công ty TNHH S7**:** Công ty có 03 thành viên góp vốn là Nguyễn Đình T13; Nguyễn Trường S và Trần Trung H9. Trên thực tế toàn bộ hoạt động của Công ty đều do T13 trực tiếp quản lý, điều hành. Việc mua trái phép hóa đơn GTGT do Thức trực tiếp thỏa thuận và thực hiện, không bàn bạc, không có sự đồng thuận, không vì lợi ích chung của các thành viên tham gia góp vốn. Do vậy, không đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân thương mại là Công ty TNHH S7 về hành vi mua trái phép hoá đơn theo quy định tại Điều 75, Bộ luật hình sự.

32.Hợp tác xã T33**:** HTX có 07 thành viên góp vốn là Đặng Thị Bích L2, Nguyễn Ngọc Như H10, Phan Anh T14, Nguyễn Ngọc C4, Mai Văn H11, Đoàn Văn L3 và Phạm Ngọc L4. Trên thực tế toàn bộ hoạt động của HTX Nguyễn H20 đều do Lắm trực tiếp quản lý, điều hành. Việc mua trái phép hóa đơn GTGT do Lắm trực tiếp thỏa thuận và thực hiện, không bàn bạc, không có sự đồng thuận, không vì lợi ích chung của các thành viên tham gia góp vốn. Do vậy, không đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân thương mại là Hợp tác xã thương mại - dịch vụ Nguyễn H20 về hành vi mua trái phép hoá đơn theo quy định tại Điều 75 BLHS.

33. Công ty TNHH X1**:** Công ty có 02 thành viên góp vốn là Đỗ Văn L5 và Trần Kim H12. Trên thực tế toàn bộ hoạt động của Công ty X1 đều do L5 trực tiếp quản lý, điều hành; Bà H12 không tham gia gì vào hoạt động của Công ty. Việc mua trái phép hóa đơn GTGT do L5 trực tiếp thỏa thuận và thực hiện, không bàn bạc, không có sự đồng thuận, không vì lợi ích chung của các thành viên tham gia góp vốn. Do vậy, không đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân thương mại là Công ty TNHH X1 về hành vi mua trái phép hoá đơn theo quy định tại Điều 75, Bộ luật hình sự.

34.Công ty TNHH V6**:** Công ty có 03 thành viên góp vốn là Ngô Phong H13; Nguyễn Thị Ngọc T15 và Lê Thiện L6. Trên thực tế toàn bộ hoạt động của Công ty V6 đều do H13 trực tiếp quản lý, điều hành; T15 và L6 không tham gia gì vào hoạt động của Công ty. Việc mua trái phép hóa đơn GTGT do H13 trực tiếp thỏa thuận và thực hiện, không bàn bạc, không có sự đồng thuận, không vì lợi ích chung của các thành viên tham gia góp vốn. Do vậy, không đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân thương mại là Công ty TNHH V6 về hành vi mua trái phép hoá đơn theo quy định tại Điều 75 BLHS.

35. Công ty TNHH Ô: Công ty có 02 thành viên góp vốn là Vũ Thanh H14 và Lê Thị P3. Trên thực tế toàn bộ hoạt động của Công ty đều do H14 trực tiếp quản lý, điều hành. Việc mua trái phép hóa đơn GTGT do H14 trực tiếp thỏa thuận và thực hiện, không bàn bạc, không có sự đồng thuận, không vì lợi ích chung của các thành viên tham gia góp vốn. Do vậy, không đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân thương mại là Công ty TNHH Ô về hành vi mua trái phép hoá đơn theo quy định tại Điều 75 BLHS.

36. Công ty TNHH S8**:** Công ty có 02 thành viên góp vốn là Huỳnh Văn Đ4 và Huỳnh Thị Hồng L7. Trên thực tế toàn bộ hoạt động của Công ty S8 đều do Đ4 trực tiếp quản lý, điều hành; L7 không tham gia gì vào hoạt động của Công ty. Việc mua trái phép hóa đơn GTGT do Đở trực tiếp thỏa thuận và thực hiện,

không bàn bạc, không có sự đồng thuận, không vì lợi ích chung của các thành viên tham gia góp vốn. Do vậy, không đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân thương mại là Công ty TNHH S8 về hành vi mua trái phép hoá đơn theo quy định tại Điều 75, Bộ luật hình sự.

37. Công ty TNHH Đ8**:** Công ty có 03 thành viên góp vốn là Lê Thị T16, Lê Quốc K3 và Từ Quốc S1. Công ty do K3 làm Giám đốc - Người đại diện theo pháp luật, còn trên thực tế toàn bộ hoạt động của Công ty đều do T16 trực tiếp quản lý, điều hành. Việc mua trái phép hóa đơn GTGT do T16 trực tiếp thỏa thuận và thực hiện, không bàn bạc, không có sự đồng thuận, không vì lợi ích chung của các thành viên tham gia góp vốn. Do vậy, không đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân thương mại là Công ty TNHH Đ8 về hành vi mua trái phép hoá đơn theo quy định tại Điều 75, Bộ luật hình sự.

38. Công ty TNHH P5**:** Công ty có 02 thành viên góp vốn là Phạm Huỳnh Tố N6 và Đỗ Hoài Q1. Trên thực tế toàn bộ hoạt động của Công ty đều do Như trực tiếp quản lý, điều hành; Q1 không tham gia gì vào hoạt động của Công ty P5. Việc mua trái phép hóa đơn GTGT do Như trực tiếp thỏa thuận và thực hiện, không bàn bạc, không có sự đồng thuận, không vì lợi ích chung của các thành viên tham gia góp vốn. Do vậy, không đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân thương mại là Công ty TNHH P5 về hành vi mua trái phép hoá đơn theo quy định tại Điều 75, Bộ luật hình sự

39. Công ty TNHH T31**:** Công ty có 02 thành viên góp vốn là Nguyễn Thị H15 và Lê Đình S2. Trên thực tế toàn bộ hoạt động của Công ty đều do H15 trực tiếp quản lý, điều hành; S2 không tham gia gì vào hoạt động của Công ty T31. Việc mua trái phép hóa đơn GTGT do H15 trực tiếp thỏa thuận và thực hiện, không bàn bạc, không có sự đồng thuận, không vì lợi ích chung của các thành viên tham gia góp vốn. Do vậy, không đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân thương mại là Công ty TNHH T31 về hành vi mua trái phép hoá đơn theo quy định tại Điều 75, Bộ luật hình sự

40. Công ty TNHH K5**:** Công ty có 03 thành viên góp vốn là Hà Triều T17, Trần Duy Q2 và Huỳnh Văn H16. Trong quá trình hoạt động của Công ty đều do T17 và Q2 trực tiếp quản lý, điều hành còn ông H16 không tham gia điều hành mà chỉ góp vốn vào Công ty. Việc mua trái phép hóa đơn GTGT do T17và trực tiếp thỏa thuận và thực hiện, không bàn bạc, không có sự đồng thuận, không vì lợi ích chung của các thành viên tham gia góp vốn. Do vậy, không đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân thương mại là Công ty TNHH K5về hành vi mua trái phép hoá đơn theo quy định tại Điều 75 BLHS.

41. Công ty Cổ phần C10**:** Công ty có 03 thành viên góp vốn là Ngô Quốc N7; Lê Thanh M1 và Võ Hồng T18. Trên thực tế toàn bộ hoạt động của Công ty đều do N7 trực tiếp quản lý, điều hành; M1 và T18 không tham gia gì vào hoạt động của Công ty C10. Việc mua trái phép hóa đơn GTGT do Nam trực tiếp thỏa thuận và thực hiện, không bàn bạc, không có sự đồng thuận, không vì lợi ích chung của các thành viên tham gia góp vốn. Do vậy, không đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân thương mại là Công ty Cổ phần C10 về hành vi mua trái phép hoá đơn theo quy định tại Điều 75, Bộ luật hình sự.

42. Công ty Cổ phần M2: Công ty có 02 thành viên góp vốn là Đặng Trung T19 và Nguyễn Quang D2. Trên thực tế toàn bộ hoạt động của Công ty đều do T19 trực tiếp quản lý, điều hành. Việc mua trái phép hóa đơn GTGT do T19 trực tiếp thỏa thuận và thực hiện, không bàn bạc, không có sự đồng thuận, không vì lợi ích chung của các thành viên tham gia góp vốn. Do vậy, không đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân thương mại là Công ty Cổ phần M2về hành vi mua trái phép hoá đơn theo quy định tại Điều 75, Bộ luật hình sự.
43. Công ty TNHH T34**:** Công ty có 02 thành viên góp vốn là Đường Chí N8 và Nguyễn Văn T20. Trên thực tế toàn bộ hoạt động của Công ty đều do N8 trực tiếp quản lý, điều hành. T20 không tham gia gì vào hoạt động của Công ty T34. Việc mua trái phép hóa đơn GTGT do N8 trực tiếp thỏa thuận và thực hiện, không bàn bạc, không có sự đồng thuận, không vì lợi ích chung của các thành viên tham gia góp vốn. Do vậy, không đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân thương mại là Công ty TNHH T34 về hành vi mua trái phép hóa đơn theo quy định tại Điều 75, Bộ luật hình sự.
44. Công ty TNHH Đ9**:** Công ty có 05 thành viên góp vốn là Nguyễn Hoàng D3, Nguyễn Ngô Hùng C5, Nguyễn Thanh S3, Đào Xuân H17, Đỗ Đăng T21; trên thực tế toàn bộ hoạt động của Công ty Đ9 đều do D3 trực tiếp quản lý, điều hành. Việc mua trái phép hóa đơn GTGT do D3 trực tiếp thỏa thuận và thực hiện, không bàn bạc, không có sự đồng thuận, không vì lợi ích chung của các thành viên tham gia góp vốn. Do vậy, không đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân thương mại là Công ty TNHH Đ9 về hành vi mua trái phép hóa đơn theo quy định tại Điều 75, Bộ luật hình sự.
45. Công ty TNHH N10**:** Công ty có 02 thành viên góp vốn là Triệu Thoại Q3 và Triệu Kế B; trên thực tế toàn bộ hoạt động của Nguyên Thăng P4 đều do Q3 trực tiếp quản lý, điều hành. Bân không tham gia gì vào hoạt động của Công ty. Việc mua trái phép hóa đơn GTGT do Q3 trực tiếp thỏa thuận và thực hiện, không bàn bạc, không có sự đồng thuận, không vì lợi ích chung của các thành viên tham gia góp vốn. Do vậy, không đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân thương mại là Công ty N10 về hành vi mua trái phép hóa đơn theo quy định tại Điều 75 BLHS.
46.Công ty TNHH X2: Công ty có 02 thành viên góp vốn là Lê Duy T22 và Nguyễn Ngọc T23; trên thực tế toàn bộ hoạt động của Công ty đều do T22 trực tiếp quản lý, điều hành. T23 không tham gia gì vào hoạt động của Công ty X2. Việc mua trái phép hóa đơn GTGT do T22 trực tiếp thỏa thuận và thực hiện, không bàn bạc, không có sự đồng thuận, không vì lợi ích chung của các thành viên tham gia góp vốn. Do vậy, không đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân thương mại là Công ty TNHH X2 về hành vi mua trái phép hóa đơn theo quy định tại Điều 75 BLHS.
47. Công ty TNHH A**:** Công ty có 02 thành viên góp vốn là Phạm Quang V4 và Lê Thị H18; trên thực tế toàn bộ hoạt động của Công ty đều do V4 trực tiếp quản lý, điều hành. H18 không tham gia gì vào hoạt động của Công ty A. Việc mua trái phép hóa đơn GTGT do V4 trực tiếp thỏa thuận và thực hiện, không bàn bạc, không có sự đồng thuận, không vì lợi ích chung của các thành viên

tham gia góp vốn. Do vậy, không đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân thương mại là Công ty TNHH Avề hành vi mua trái phép hóa đơn theo quy định tại Điều 75, Bộ luật hình sự.

48.Công ty TNHH B2**:**Công ty có 02 thành viên góp vốn là Nguyễn Văn T24 và Lê Quang B1; trên thực tế toàn bộ hoạt động của Công ty đều do T24 trực tiếp quản lý, điều hành và chịu trách nhiệm trước pháp luật. Việc mua trái phép hóa đơn GTGT do T24 trực tiếp thỏa thuận và thực hiện, không bàn bạc, không có sự đồng thuận, không vì lợi ích chung của các thành viên tham gia góp vốn. Do vậy, không đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân thương mại là Công ty TNHH B2về hành vi mua trái phép hóa đơn theo quy định tại Điều 75, Bộ luật hình sự.

49. Công ty CP V7**:** Công ty là công ty "con" thuộc sở hữu của Công ty CP K6 (S), Công ty V8 do Bùi Quang L8 - Tổng Giám đốc tuy nhiên L8 không là thành viên góp vốn của Công ty V8. Công ty CP K6 giao cho L8 trực tiếp điều hành mọi hoạt động của Công ty V8 đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật. Việc mua trái phép hóa đơn GTGT do L8 và Nguyễn Thị Thanh T25 (kế toán của Công ty V8) trực tiếp thỏa thuận và thực hiện, không bàn bạc với ai, không báo cáo hay trao đổi với Công ty CP K6. Do vậy, không đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân thương mại là Công ty B2về hành vi mua trái phép hóa đơn theo quy định tại Điều 75, Bộ luật hình sự.

50. Công ty TNHH T35**:** Công ty có 02 thành viên góp vốn là Nguyễn Thị Tuyết S4 và Nguyễn Thái T26; trên thực tế toàn bộ hoạt động của Công ty T35đều do S4 trực tiếp quản lý, điều hành và chịu trách nhiệm trước pháp luật. Việc mua trái phép hóa đơn GTGT do S4 và Trần Văn T27 là giám đốc điều hành trực tiếp thỏa thuận và thực hiện, không bàn bạc, không có sự đồng thuận, không vì lợi ích chung của các thành viên tham gia góp vốn. Do vậy, không đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân thương mại là Công ty T35về hành vi mua trái phép hóa đơn theo quy định tại Điều 75, Bộ luật hình sự.

51. Công ty TNHH N11**:** Công ty có 02 thành viên góp vốn là Lê Thanh N9 và Huỳnh Thị H19; trên thực tế toàn bộ hoạt động của Công ty đều do N9 trực tiếp quản lý, điều hành. H19 không tham gia gì vào hoạt động của Công ty N11. Việc mua trái phép hóa đơn GTGT do N9 trực tiếp thỏa thuận và thực hiện, không bàn bạc, không có sự đồng thuận, không vì lợi ích chung của các thành viên tham gia góp vốn. Do vậy, không đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân thương mại là Công ty N11 về hành vi mua trái phép hóa đơn theo quy định tại Điều 75, Bộ luật hình sự.

52. Công ty Cổ phần D7**.THC**: Công ty có 03 thành viên góp vốn là Nguyễn Kim H20, Nguyễn Thị Phương T28, Nguyễn Trọng C6; trên thực tế toàn bộ hoạt động của Công ty đều do H20 trực tiếp quản lý, điều hành. Việc mua trái phép hóa đơn GTGT do H20 trực tiếp thỏa thuận và thực hiện, không bàn bạc, không có sự đồng thuận, không vì lợi ích chung của các thành viên tham gia góp vốn. Do vậy, không đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân thương mại là Công ty Cổ phần D7.THCvề hành vi mua trái phép hoá đơn theo quy định tại Điều 75, Bộ luật hình sự.

53. Công ty TNHH T36**:** Công ty có 03 thành viên góp vốn là Nghiêm Phạm Anh T29, Cao Thị H21 và Nghiêm Sỹ T30. Trên thực tế toàn bộ hoạt động của Công ty đều do T trực tiếp quản lý, điều hành; chị H và ông T1 không tham gia gì vào hoạt động của Công ty. Việc mua trái phép hóa đơn GTGT do T trực tiếp thỏa thuận và thực hiện, không bàn bạc, không có sự đồng thuận, không vì lợi ích chung của các thành viên tham gia góp vốn. Do vậy, không đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân thương mại là Công ty TNHH T3 về hành vi mua trái phép hoá đơn theo quy định tại Điều 75, Bộ luật hình sự.

54.Công ty TNHH T4**:** Công ty có 02 thành viên góp vốn là Hoàng Thị Minh H1 và Bùi Đức D. Trên thực tế toàn bộ hoạt động của Công ty đều do H1 trực tiếp quản lý, điều hành; ông D không tham gia gì vào hoạt động của Công ty T4. Việc mua trái phép hóa đơn GTGT do H1 trực tiếp thỏa thuận và thực hiện, không bàn bạc, không có sự đồng thuận, không vì lợi ích chung của các thành viên tham gia góp vốn. Do vậy, không đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân thương mại là Công ty TNHH T4về hành vi mua trái phép hoá đơn theo quy định tại Điều 75, Bộ luật hình sự.

[6.7]. Đối với các pháp nhân còn lại: Vì không phải là pháp nhân thương mại nên Cơ quan điều tra không xem xét trách nhiệm hình sự trong vụ án này là có căn cứ theo quy định của pháp luật.

[6.8]. Đối với các Cơ quan quản lý thuế của 637 đơn vị bán hóa đơn và 239 đơn vị mua, sử dụng hóa đơn:

Tại Khoản 2 Điều 1 Quyết định 1215/QĐ-TCT ngày 03/09/2020 của T5 về Kiểm tra hồ sơ khai thuế tại trụ sở cơ quan thuế quy định: *"Thực hiện kiểm tra 100% hồ sơ khai thuế. Áp dụng công nghệ thông tin để đánh giá mức độ rủi ro của hồ sơ khai thuế theo quy định tại điểm 2.2.2 Khoản 2 Mục I Quy trình kiểm tra thuế và Quy trình Kiểm tra hồ sơ khai thuế giá trị gia tăng tại trụ sở cơ quan thuế bằng công nghệ thông tin".*

Tuy nhiên quá trình điều tra xác định: Tháng 07/2022 phần mềm Ứng dụng quản lý hoá đơn điện tử mới cho phép truy cập để kết xuất được danh sách hoá đơn mua vào và bán ra của doanh nghiệp, trước đó phần mềm lỗi, chậm và chỉ xem được từng tờ hoá đơn riêng lẻ (không kết xuất được danh sách, tổng thể hoá đơn trong kỳ) nên cán bộ quản lý không có căn cứ để đối chiếu doanh số hoá đơn đã phát hành thực tế với doanh số đã kê khai trên tờ khai thuế và cũng không kiểm tra được hoá đơn đầu vào. Do đó không phát hiện được các công ty của T2 là công ty "ma", thành lập chỉ để bán hoá đơn để xử lý theo quy định.

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 110 Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/06/2019 quy định:*"Kiểm tra thuế tại trụ sở của người nộp thuế được thực hiện trong các trường hợp sau đây: Trường hợp chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp, giải thể, chấm dứt hoạt động, cổ phần hóa, chấm dứt hiệu lực mã số thuế,* ***chuyển địa điểm kinh doanh*** *và các trường hợp kiểm tra đột xuất, kiểm tra theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền, trừ trường hợp giải thể, chấm dứt hoạt động mà cơ quan thuế không phải thực hiện quyết toán thuế theo quy định của pháp luật;".* Tuy nhiên, theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 16 Thông tư 31/2021/TT-BTC ngày 17/05/2021 của Bộ T6 về áp dụng

quản lý rủi ro trong quản lý thuế quy định*: "1. Trường hợp người nộp thuế có thay đổi thông tin đăng ký thuế làm thay đổi cơ quan thuế quản lý trực tiếp: a) Rủi ro cao: Cơ quan thuế nơi chuyển đi và cơ quan thuế nơi chuyển đến phối hợp thực hiện kiểm tra tại trụ sở của cơ quan thuế, thanh tra hoặc kiểm tra tại trụ sở của người nộp thuế theo quy định pháp luật hiện hành;b) Rủi ro trung bình: Cơ quan thuế nơi chuyển đến thực hiện đưa vào giám sát, đề nghị người nộp thuế giải trình bổ sung thông tin tài liệu khi có yêu cầu của cơ quan thuế"*.
Theo quy định trên, đối với doanh nghiệp chuyển địa điểm kinh doanh làm thay đổi Cơ quan quản lý thuế trực tiếp thì chỉ tiến hành kiểm tra thuế đối với doanh nghiệp có mức rủi ro cao. Như vậy, quy trình quản lý thuế đối với doanh nghiệp T7 địa điểm đăng ký kinh doanh chưa có sự đồng bộ tại 02 văn bản nêu trên nên chưa có sự thống nhất trong quá trình thực hiện của cơ quan quản lý thuế. Mặt khác, theo báo cáo của Cục T8 và Cục T9 thì số lượng doanh nghiệp trên địa bàn thành phố là rất lớn, phần mềm quản lý chưa hoàn chỉnh và đồng bộ nên gây rất nhiều khó khăn trong công tác quản lý.
Để khắc phục hậu quả, tránh thất thoát ngân sách Nhà nước, sau khi vụ án xảy ra, T5 đã ban hành văn bản chỉ đạo Cơ quan thuế các địa phương rà soát, yêu cầu các đơn vị sử dụng hóa đơn do các Công ty ma của Nguyễn Minh T2 phát hành thực hiện kê khai bổ sung, loại bỏ các hóa đơn đã được khấu trừ thuế GTGT.
Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra không có căn cứ xác định việc thông đồng giữa cán bộ quản lý thuế với Nguyễn Minh T2 để hưởng lợi, không có dấu hiệu tội phạm tại các cơ quan quản lý thuế.
Ngày 19/9/2023, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh P đã có văn bản báo cáo Viện kiểm sát nhân dân tối cao xem xét, kiến nghị Bộ T6 sửa đổi điểm b, c khoản 1 Điều 16 Thông tư 31/2021/TT-BTC ngày 17/5/2021 của Bộ T6 quy định về áp dụng quản lý rủi ro trong quản lý thuế, để phù hợp với điểm g, khoản 1, Điều 110 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13 tháng 6 năm 2019; để bảo đảm phòng ngừa tội phạm và vi phạm pháp luật trong lĩnh vực Thuế, nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý thuế, đồng thời tăng khả năng phát hiện gian lận, chống thất thu thuế.
Do vậy, Cơ quan điều tra không đề cập xem xét trách nhiệm của cán bộ quản lý thuế trong vụ án này là có căn cứ.
[6.8]. Từ ngày 08/3/2024 đến ngày 13/3/2024, Cơ quan điều tra đã ban hành 677 Quyết định Ủy thác điều tra cho 677 Cơ quan điều tra cấp tỉnh, thành phố và cấp quận, huyện thực hiện điều tra làm rõ hành vi mua bán, sử dụng hóa đơn GTGT và "Trốn thuế" tại **86.239** đơn vị, doanh nghiệp, nhưng đến nay chưa có đủ kết quả trả lời. Một số cơ quan điều tra có văn bản trả lời không thể thực hiện theo ủy thác, như: Công an quận B; Công an T10; Công an huyện P; Công an thành phố V….Do đó, Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục điều tra, xác minh để xử lý theo quy định sau khi tách vụ án hình sự.
[7]. Về xử lý vật chứng:
- Trả lại cho Nguyễn Thị H2 01 Căn cước công dân số 030188014021 cấp ngày 7/9/2023 mang tên Nguyễn Thị H2 do không liên quan đến vụ án.

- Tiếp tục giữ lại 228 con dấu của 228 Công ty bán hóa đơn của bị can Nguyễn Minh T2 và 32 con dấu do bị can Nguyễn Minh T2 làm giả của các Cơ quan, tổ chức (Đã được Tòa án nhân dân tỉnh P tuyên giữ lại tại Bản án số 115/2023/HS-ST ngày 29/11/2023).
- Bàn giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa đất LK-44, tờ bản đồ số 00, Khu nhà ở B, phường M, quận H, TP H do bị cáo giao nộp để bảo đảm cho việc thi hành án.

[8] Quan điểm của Luật sư bào chữa cho bị cáo Trương Thị Thảo L thể hiện quan điểm nhân đạo, có căn cứ chấp nhận một phần.

[9] Quan điểm của đại diện VKS: Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị mức án đối với các bị cáo như trên là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[10] Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Về tội danh: Tuyên bố:

- Các bị cáo Phạm Văn C, Nguyễn Kim H, Lê Gia H1, Bùi Quốc T, Ngô Văn T1, Nguyễn Tín T2, Trần Thị Thanh T3, Võ Thị Hải Y, Võ Văn Quốc H2 phạm tội: "Trốn thuế".
- Các bị cáo Nguyễn Thị H3, Ngô Thị Lệ T4, Phan Văn T5, Huỳnh Nguyễn Gia H4, Lê Hoàng N, Nguyễn Thị Kim L, Hồ Phương D, Huỳnh Tấn D1, Vũ Thị Tuyết T6, Phạm Quang V, Hồ Thị Thu T7, Võ P, Đào Thị Hồng L1, Nguyễn Diệp Bích H5, Đỗ Văn L2, Hồ Thị Mỹ N1, Đặng Chí K, Trang Duy P1, Triệu Thoại Q, Trần Thị Á, Nguyễn Trọng N2, Hoàng Thị V1, Ngô Quốc N3, Hà Hoàng N4, Châu Thị G, Nguyễn Huỳnh Anh V2, Nguyễn Ngọc Xuân Q1, Hoàng Thị M, Nguyễn Thị Cẩm T8, Lê Bách V3, Thủy Thanh P2, Nguyễn Thị N5, Nguyễn Thị H6, Lê Thị Kim L3, Dương Thị Kim C1, Lê N6, Nguyễn Thị Thái H7, Hoàng Thị Minh H8, Võ Hoàn H9, Phạm Huỳnh Tố N7, Vũ Văn C2, Nguyễn Tuấn K1, Bùi Quang L4, Nguyễn Thị Thanh T9, Nguyễn Thị Thúy M1, Trần Duy Q2, Hà Triều T10, Lâm Quốc Đ, L, Nguyễn Thị Hồng O, Trần Thị Thanh T3, Nguyễn Thành N8, Võ Văn B, Nguyễn Phan Hoàng L5, Nguyễn Văn H10, Đinh Tấn T11, Nguyễn Hoàng D2, Phạm Thị T12, Đặng Thị Bích L6, Đặng Trung T13, Âu Dương B1, Lê Duy T14, Vòng A, Nguyễn Thanh H11, Đoàn Thị Kiều V4, Nguyễn Văn H12, Nguyễn Văn B2, Lê Văn C3, Ngô Quang N9, Ngô Văn T15, Bùi Văn T16, Nguyễn Hoài Đ1, Chu Văn H13, Võ Thị Mỹ T17, Huỳnh Xuân T18, Quách Ngọc Y1, Bùi Thái K2, Thái Thị Bích H14, Nguyễn Bá Đ2, Bùi Thị M2, Hồ Bá T19, Lê Văn Q3, Nguyễn Thị Thu N10, Nguyễn Thị V5, Lê Thị H15, Nguyễn Xuân H16, Nghiêm Phạm Anh T20, Nguyễn Minh C4, Bùi Văn T21, Trần Thị H17, Lê Tân Quang D3, Tô Văn H18, Hoàng Thanh S, Lê Quang V6, Trần Doãn C5, Hoàng Tiến D4, Phạm Văn T22, Lê Xuân T23,Ngô Văn C6, Nguyễn Thị Thu H19, Trần Ngọc T24, Trương Ngọc T25, Nguyễn Ngọc D5, Nguyễn Văn C7, Trần N11, Huỳnh Hữu T26, Nguyễn Thành C8, Trần Đ3, Đỗ Quốc H20, Đoàn Thị H21, Tư Đồ Q, Nguyễn Văn T27,

Nguyễn Thành T28, Nguyễn Văn H22, Bùi Đình N12, Trần Thị Kim C9, Lê Thanh N13, Lê Thanh H23, Trần Lê Hải Y2, Trần Thị Kim C10, Khổng Hữu N14, Nguyễn Văn H24, Lê Thị H25, Hà Văn K3, Đường C, Vũ Thanh H26, Trần Thị Ngọc M3, Huỳnh Văn Đ4, Đỗ Minh T29, Lê Hoài S1, Trần Văn T30, Nguyễn Hiền D6, Nguyễn Huy P3, Lê Xuân L7, Nguyễn Hải S2, Nguyễn Văn H24, Phạm Phú G1, Trần Văn T31, Nguyễn Thị Tuyết S3, Ngô Phong H27, Trần Ngọc Vĩnh P4, Trần Công D7, Phan Trọng Bích N15, Nguyễn Thanh T32, Trương Thị Thảo L8, Nguyễn Văn N16, Hoàng Kim T33, Nguyễn Phong Hồ P5, Lương Thanh V7, Nguyễn Đình T34, Lê Thanh P6, Đoàn Khắc P7, Lê Nguyễn Minh T35, Nguyễn Hoàng L9, Trần Nhựt H28, Trần Minh H29, Trần Thanh H30, Phan Thanh H31, Nguyễn Thị Hồng N17, Nguyễn Đình T36, Trần Bình P8, Lê Thị T37 phạm tội: "Mua bán trái phép hóa đơn".

[2]. Về điều luật áp dụng và hình phạt:

1. Căn cứ khoản 3 Điều 200; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Phạm Văn C24 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án phạt tù.

2. Căn cứ khoản 3 Điều 200; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Kim H **18** tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân thị trấn D, huyện D, tỉnh N để giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân thị trấn D, huyện D, tỉnh N trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

3. Căn cứ khoản 3 Điều 200; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Lê Gia H1 24 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 48 tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân Phường A, thị xã G, tỉnh V để giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân Phường A, thị xã G, tỉnh V trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

4. Căn cứ khoản 3 Điều 200; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Bùi Quốc T 24 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án phạt tù.

5. Căn cứ khoản 3 Điều 200; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Ngô Văn T1 24 tháng tù tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 48 tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường P, Quận G, TP . để giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường P, Quận G, TP . trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

6. Căn cứ khoản 3 Điều 200; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Tín T2**24** tháng tù tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 48 tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.
Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã B, thành phố T, tỉnh T để giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã B, thành phố T, tỉnh T trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.
7. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 200; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự.
- Xử phạt bị cáo Trần Thị Thanh T3 **18** tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.
Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường C, thành phố T, tỉnh B để giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường C, thành phố T, tỉnh B trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.
8. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 200; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự.
- Xử phạt bị cáo Võ Thị Hải Y**18** tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.
Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân Phường A1, quận H, TP H để giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân Phường A1, quận H, TP H trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.
9. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 200; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.
- Xử phạt bị cáo Võ Văn Quốc H2**11 tháng 19 ngày tù.** Được trừ thời gian tạm giam giữ từ 25/4/2023 đến 04/5/2023 và từ 05/02/2024 đến ngày 15/01/2025. Xác nhận bị cáo đã thi hành xong.
Áp dụng khoản 5 Điều 328 của Bộ luật Tố tụng hình sự.
Trả tự do cho bị cáo ngay tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam về một tội phạm khác.
10. Căn cứ điểm đ, e khoản 2 Điều 203; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự.
- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H3**24** tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 48 tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.
Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường M, quận H, thành phố H để giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường M, quận H, thành phố H trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.
Áp dụng khoản 4 Điều 328 của Bộ luật Tố tụng hình sự.
Trả tự do cho bị cáo ngay tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam về một tội phạm khác.
Áp dụng Điều 41; khoản 3 Điều 203 của Bộ luật hình sự.
Cấm bị cáo hành nghề luật sư trong thời hạn 04 năm kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.
11. Căn cứ điểm a, d, đ, e khoản 2 Điều 203; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự.
- Xử phạt bị cáo Ngô Thị Lệ T4**24** tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 48 tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường H, quận A, TP . để giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường H, quận A, TP . trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.
12. Căn cứ điểm d, đ, e khoản 2 Điều 203; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.
- Xử phạt bị cáo Phan Văn T5 07 tháng 02 ngày tù. Được trừ thời gian tạm giam giữ từ 13/6/2024 đến ngày 15/01/2025. Xác nhận bị cáo đã thi hành xong.
Áp dụng khoản 5 Điều 328 của Bộ luật Tố tụng hình sự.
Trả tự do cho bị cáo ngay tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam về một tội phạm khác.
13. Căn cứ điểm d, đ, e khoản 2 Điều 203; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự.
- Xử phạt bị cáo Huỳnh Nguyễn Gia H4**15** tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.
Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, TP H để giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, TP H trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.
14. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.
- Xử phạt bị cáo Lê Hoàng N160.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi triệu đồng).
15. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.
- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kim L 230.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi triệu đồng).
16. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.
- Xử phạt bị cáo Hồ Phương D 270.000.000 đồng (Hai trăm bảy mươi triệu đồng).
17. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.
- Xử phạt bị cáo Huỳnh Tấn D1 270.000.000 đồng (Hai trăm bảy mươi triệu đồng).
18. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.
- Xử phạt bị cáo Vũ Thị Tuyết T6 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng).
19. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.
- Xử phạt bị cáo Phạm Quang V 240.000.000 đồng (Hai trăm bốn mươi triệu đồng).
20. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.
- Xử phạt bị cáo Hồ Thị Thu T7 240.000.000 đồng (Hai trăm bốn mươi triệu đồng).

21. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.
- Xử phạt bị cáo Võ P 240.000.000 đồng (Hai trăm bốn mươi triệu đồng).
22. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.
- Xử phạt bị cáo Đào Thị Hồng L1 240.000.000 đồng (Hai trăm bốn mươi triệu đồng).
23. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.
- Xử phạt bị cáo Nguyễn Diệp Bích H5 230.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi triệu đồng).
24. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự.
- Xử phạt bị cáo Đỗ Văn L2**12** tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.
Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện G, tỉnh T để giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã P, huyện G, tỉnh T trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.
25. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.
- Xử phạt bị cáo Hồ Thị Mỹ N1 230.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi triệu).
26. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.
- Xử phạt bị cáo Đặng Chí K 230.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi triệu).
27. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.
- Xử phạt bị cáo Trang Duy P 230.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi triệu).
28. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.
- Xử phạt bị cáo Triệu Thoại Q 230.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi triệu).
29. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.
- Xử phạt bị cáo Trần Thị Á 230.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi triệu).
30. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.
- Xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng N 230.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi triệu).
31. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.
- Xử phạt bị cáo Hoàng Thị V 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).
32. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.
- Xử phạt bị cáo Ngô Quốc N1 230.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi triệu).
33. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Hà Hoàng N2 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).
34. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.
- Xử phạt bị cáo Châu Thị G 230.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi triệu).
35. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.
- Xử phạt bị cáo Nguyễn Huỳnh Anh V1 230.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi triệu).
36. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.
- Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc Xuân Q1 230.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi triệu).
37. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.
- Xử phạt bị cáo Hoàng Thị M 230.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi triệu).
38. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.
- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Cẩm T 240.000.000 đồng
39. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.
- Xử phạt bị cáo Lê Bách V2 230.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi triệu).
40. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.
- Xử phạt bị cáo Thủy Thanh P1 230.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi triệu).
41. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.
- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N3 230.000.000 đồng(Hai trăm ba mươi triệu).
42. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.
- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H 230.000.000 đồng(Hai trăm ba mươi triệu).
43. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.
- Xử phạt bị cáo Lê Thị Kim L 230.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi triệu).
44. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.
- Xử phạt bị cáo Dương Thị Kim C 230.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi triệu).
45. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.
- Xử phạt bị cáo Lê N4 230.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi triệu).
46. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự.
- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thái H1**24** tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 48 tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.
Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện H, thành phố H để giám sát, giáo

dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện H, thành phố H trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

47. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Hoàng Thị Minh H2 230.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi triệu).

48. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Võ Hoàn H3 230.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi triệu).

49. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Phạm Huỳnh Tố N5 240.000.000 đồng (Hai trăm bốn mươi triệu đồng).

50. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Vũ Văn C1 230.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi triệu).

51. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Tuấn K1 240.000.000 đồng (Hai trăm bốn mươi triệu đồng).

52. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Bùi Quang L1 230.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi triệu).

53. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thanh T1 210.000.000 đồng (Hai trăm mười triệu đồng).

54. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thúy M1 230.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi triệu).

55. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Trần Duy Q2 230.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi triệu).

56. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Hà Triều T2 230.000.000 đồng(Hai trăm ba mươi triệu).

57. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Lâm Quốc Đ 230.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi triệu).

58. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Lâm V3 240.000.000 đồng (Hai trăm bốn mươi triệu).

59. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35

của Bộ luật Hình sự.
- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Hồng O 230.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi triệu).
60. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự.
- Xử phạt bị cáo Trần Thị Thanh T3**18** tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.
Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường C, thành phố T, tỉnh B để giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường C, thành phố T, tỉnh B trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.
61. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.
- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành N6 230.000.000 đồng(Hai trăm ba mươi triệu).
62. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.
- Xử phạt bị cáo Võ Văn B 240.000.000 đồng (Hai trăm bốn mươi triệu).
63. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.
- Xử phạt bị cáo Nguyễn Phan H4 230.000.000 đồng(Hai trăm ba mươi triệu).
64. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.
- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H5 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).Ngày 24/12/2024 nộp số tiền 200.000.000 đồng tại Cục thi hành án dân sự tỉnh P tại Biên lai thu tiền số 0000613, nay chuyển số tiền này sang để thi hành án. Xác nhận đã thi hành xong.
65. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.
- Xử phạt bị cáo Đinh Tấn T4 230.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi triệu).
66. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.
- Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng D 230.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi triệu).
67. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.
- Xử phạt bị cáo Phạm Thị T5 230.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi triệu).
68. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.
- Xử phạt bị cáo Đặng Thị Bích L2 220.000.000 đồng (Hai trăm hai mươi triệu).
69. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.
- Xử phạt bị cáo Đặng Trung T6 220.000.000 đồng (Hai trăm hai mươi triệu).
70. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.
- Xử phạt bị cáo Âu Dương B1 220.000.000 đồng (Hai trăm hai mươi triệu).
71. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ

luật Hình sự.
- Xử phạt bị cáo Lê Duy T7 220.000.000 đồng (Hai trăm hai mươi triệu).
72. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.
- Xử phạt bị cáo Vòng A N7 220.000.000 đồng (Hai trăm hai mươi triệu).
73. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự.
- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh H6**12** tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.
Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường T, huyện B, tỉnh B để giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường T, huyện B, tỉnh B trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.
74. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.
- Xử phạt bị cáo Đoàn Thị Kiều V 150.000.000 đồng.
75. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.
- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 220.000.000 đồng (Hai trăm hai mươi triệu).
76. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.
- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B 220.000.000 đồng (Hai trăm hai mươi triệu).
77. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.
- Xử phạt bị cáo Lê Văn C 220.000.000 đồng (Hai trăm hai mươi triệu).
78. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.
- Xử phạt bị cáo Ngô Quang N 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu).
79. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.
- Xử phạt bị cáo Ngô Văn T 220.000.000 đồng (Hai trăm hai mươi triệu).
80. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.
- Xử phạt bị cáo Bùi Văn T1 100.000.000 đồng (Một trăm triệu).
81. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.
- Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoài Đ 220.000.000 đồng(Hai trăm hai mươi triệu).
82. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.
- Xử phạt bị cáo Chu Văn H1 100.000.000 đồng (Một trăm triệu).
83. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.
- Xử phạt bị cáo Võ Thị Mỹ T2 230.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi triệu).
84. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Huỳnh Xuân T3 220.000.000 đồng (Hai trăm hai mươi triệu).
85. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.
- Xử phạt bị cáo Quách Ngọc Y 230.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi triệu).
86. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.
- Xử phạt bị cáo Bùi Thái K 210.000.000 đồng(Hai trăm mười triệu).
87. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.
- Xử phạt bị cáo Thái Thị Bích H2 210.000.000 đồng (Hai trăm mười triệu).
88. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.
- Xử phạt bị cáo Nguyễn Bá Đ1 210.000.000 đồng (Hai trăm mười triệu).
89. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.
- Xử phạt bị cáo Bùi Thị M 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).
90. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.
- Xử phạt bị cáo Hồ Bá T4 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).
91. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.
- Xử phạt bị cáo Lê Văn Q 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).
92. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.
- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thu N1 210.000.000 đồng (Hai trăm mười triệu).
93. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.
- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị V1 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).
95. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.
- Xử phạt bị cáo Lê Thị H3 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).
95. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.
- Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân H4 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).
96. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.
- Xử phạt bị cáo Nghiêm Phạm Anh T5 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).
97. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.
- Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh C1 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).
98. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.
- Xử phạt bị cáo Bùi Văn T6 100.000.000 đồng (Một trăm triệu).
99. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35

của Bộ luật Hình sự.
- Xử phạt bị cáo Trần Thị H5 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).
100. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.
- Xử phạt bị cáo Lê Tấn Quang D 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).
101. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.
- Xử phạt bị cáo Tô Văn H6 100.000.000 đồng (Một trăm triệu).
102. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.
- Xử phạt bị cáo Hoàng Thanh S 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).
103. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.
- Xử phạt bị cáo Lê Quang V2 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).
104. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.
- Xử phạt bị cáo Trần Doãn C2 210.000.000 đồng (Hai trăm mười triệu).
105. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.
- Xử phạt bị cáo Hoàng Tiến D1 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).
106. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.
- Xử phạt bị cáo Phạm Văn T7 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).
107. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự.
- Xử phạt bị cáo Lê Xuân T8**12** tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.
Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường H, thành phố T, thành phố H để giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường H, thành phố T, thành phố H trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.
108. Căn cứ khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.
- Xử phạt bị cáo Ngô Văn C3 100.000.000 đồng(Một trăm triệu).
109. Căn cứ khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.
- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thu H7 100.000.000 đồng(Một trăm triệu).
110. Căn cứ khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.
- Xử phạt bị cáo Trần Ngọc T9 110.000.000 đồng (Một trăm mười triệu).
111. Căn cứ khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.
- Xử phạt bị cáo Trương Ngọc T10 110.000.000 đồng (Một trăm mười triệu).
112. Căn cứ khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc D2 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu).

113. Căn cứ khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C4 100.000.000 đồng (Một trăm triệu).

114. Căn cứ khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Trần N2 100.000.000 đồng (Một trăm triệu).

115. Căn cứ khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Huỳnh Hữu T11 110.000.000 đồng (Một trăm mười triệu).

116. Căn cứ khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành C5 110.000.000 đồng (Một trăm mười triệu).

117. Căn cứ khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Trần Đ2 100.000.000 đồng(Một trăm mười triệu).

118. Căn cứ khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Đỗ Quốc H8 100.000.000 đồng (Một trăm triệu).

119. Căn cứ khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Đoàn Thị H9 110.000.000 đồng (Một trăm mười triệu).

120. Căn cứ khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Tư Đồ Quan S1 110.000.000 đồng (Một trăm mười triệu).

121. Căn cứ khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T12 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu).

122. Căn cứ khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành T13 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu).

123. Căn cứ khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H10 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu).

124. Căn cứ khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Bùi Đình N3 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu).

125. Căn cứ khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Trần Thị Kim C6 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu).

126. Căn cứ khoản 1 Điều 203; điểm i, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Lê Thanh N4 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu).

127. Căn cứ khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật

Hình sự.
- Xử phạt bị cáo Lê Thanh H11 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu).
128. Căn cứ khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.
- Xử phạt bị cáo Trần Lê Hải Y1 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu).
129. Căn cứ khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.
- Xử phạt bị cáo Trần Thị Kim C7 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu).
130. Căn cứ khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.
- Xử phạt bị cáo Khổng Hữu N5 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu).
131. Căn cứ khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.
- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H12 (Nơi ở hiện tại: 12/8 đường C phường P, TP ., TP .) 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu).
132. Căn cứ khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.
- Xử phạt bị cáo Lê Thị H13 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu).
133. Căn cứ khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.
- Xử phạt bị cáo Hà Văn K1 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu).
134. Căn cứ khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.
- Xử phạt bị cáo Đường Chính N6 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu).
135. Căn cứ khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.
- Xử phạt bị cáo Vũ Thanh H14 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu).
136. Căn cứ khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.
- Xử phạt bị cáo Trần Thị Ngọc M1 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu).
137. Căn cứ khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.
- Xử phạt bị cáo Huỳnh Văn Đ3 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu).
138. Căn cứ khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.
- Xử phạt bị cáo Đỗ Minh T14 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu).
139. Căn cứ khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.
- Xử phạt bị cáo Lê Hoài S2 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu).

140. Căn cứ khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.
- Xử phạt bị cáo Trần Văn T 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu).
141. Căn cứ khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật

Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Hiền D 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu).

142. Căn cứ khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Huy P 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu).

143. Căn cứ khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Lê Xuân L 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu).

144. Căn cứ khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Hải S 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu).

145. Căn cứ khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H (Nơi ở hiện tại: ô 32, lô A, KP D, A, Thành phố T, tỉnh B) 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu).

146. Căn cứ khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Phạm Phú G 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu).

147. Căn cứ khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Trần Văn T1 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu).

148. Căn cứ khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Tuyết S1 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu).

149. Căn cứ khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Ngô Phong H1 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu).

150. Căn cứ khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Trần Ngọc Vĩnh P1 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu).

151. Căn cứ khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Trần Công D1 60.000.000 đồng(Sáu mươi triệu).

152. Căn cứ khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Phan Trọng Bích N 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu).

153. Căn cứ khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T2 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu).

154. Căn cứ khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Trương Thị Thảo L1 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu).

155. Căn cứ khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N1 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu).

156. Căn cứ khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Hoàng Kim T3 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu).

157. Căn cứ khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Phong Hồ P2 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

158. Căn cứ khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Lương Thanh V 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu).

159. Căn cứ khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình T4 60.000.000 đồng(Sáu mươi triệu).

160. Căn cứ khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Lê Thanh P3 60.000.000 đồng(Sáu mươi triệu).

161. Căn cứ khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Đoàn Khắc P4 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu).

162. Căn cứ khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Lê Nguyễn Minh T5 60.000.000 đồng(Sáu mươi triệu).

163. Căn cứ khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng L2 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu).

164. Căn cứ khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Trần Nhựt H2 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu).

165. Căn cứ khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Trần Minh H3 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu).

166. Căn cứ khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Trần Thanh H4 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu).

167. Căn cứ khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Phan Thanh H5 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu).

168. Căn cứ khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Hồng N2 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu).

169. Căn cứ khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình T6 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu).

170. Căn cứ khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Trần Bình P5 60.000.000 đồng(Sáu mươi triệu).

171. Căn cứ khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Lê Thị T7 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu).

Đối với các bị cáo được hưởng án treo:

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật này.

**** Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo bị phạt tù.***

[3]. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng: Điều 48 của Bộ luật Hình sự;

**** Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền trốn thuế, cụ thể:***

- Bị cáo Phạm Văn C: 2.197.510.548đồng (Hai tỷ, một trăm chín mươi bảy triệu, năm trăm mười tám nghìn, năm trăm bốn mươi tám đồng).

- Bị cáo Nguyễn Kim H6: 2.046.729.951 đồng. Ngày 11/11/2024, nộp số tiền 400.000.000 đồng vào tài khoản Cục Thi hành án Dân sự tỉnh P tại Biên lai thu tiền số 0000394. Ngày 24/12/2024, nộp số tiền 1.050.000.000 đồng vào tài khoản Cục Thi hành án Dân sự tỉnh P tại Biên lai thu tiền số 0000673. Ngày 05/01/2025 nộp số tiền 65.000.000 đồng vào tài khoản Cục Thi hành án Dân sự tỉnh P tại Biên lai thu tiền số 0000684. Do đó, số tiền còn phải khắc phục trong vụ án là **531.729.951** đồng (Năm trăm ba mươi mốt triệu, bảy trăm hai mươi chín nghìn, chín trăm năm mươi mốt nghìn).

- Bị cáo Lê Gia H7: 1.810.811.656 đồng. Ngày 07/11/2024, nộp số tiền 55.000.000 đồng vào tài khoản Cục Thi hành án Dân sự tỉnh P tại Biên lai thu tiền số 0000391. Ngày 23/12/2024, nộp số tiền 180.000.000 đồng vào tài khoản Cục Thi hành án Dân sự tỉnh P tại Biên lai thu tiền số 0000672. Ngày 9/12/2024, nộp số tiền 70.000.000 đồng vào tài khoản Cục Thi hành án Dân sự tỉnh P tại Biên lai thu tiền số 0000662; Ngày 30/12/2024, nộp số tiền 205.000.000 đồng vào tài khoản Cục Thi hành án Dân sự tỉnh P tại Biên lai thu tiền số 0000676. Ngày 05/01/2025, nộp số tiền 410.000.000 đồng vào tài khoản Cục Thi hành án Dân sự tỉnh P tại Biên lai thu tiền số 0000685. Do đó, số tiền còn phải khắc phục trong vụ án là **890.811.656 đồng** (T8 trăm chín mươi triệu, tám trăm mười một nghìn, sáu trăm năm mươi sáu đồng).

- Bị cáoBùi Quốc T9: 1.626.592.097 đồng(Một tỷ, sáu trăm hai mươi sáu triệu, năm trăm chín mươi hai nghìn, không trăm chín mươi bảy đồng).

- Bị cáo Ngô Văn T10: 1.488.058.383 đồng. Ngày 12/11/2024,nộp vào tài khoản Cục thi hành án dân sự tỉnh P số tiền 60.000.000 đồng tại Biên lai thu tiền số 0000392; Ngày 30/12/2024, nộp số tiền 225.000.000 đồng vào tài khoản Cục

Thi hành án Dân sự tỉnh P tại Biên lai thu tiền số 0000678. Ngày 05/01/2025, nộp số tiền 80.000.000 đồng vào tài khoản Cục Thi hành án Dân sự tỉnh P tại Biên lai thu tiền số 0000686. Ngày 06/01/2025, nộp số tiền 70.000.000 đồng vào tài khoản Cục Thi hành án Dân sự tỉnh P tại Biên lai thu tiền số 0000687. Ngày 09/01/2025 nộp số tiền 50.000.000 đồng vào tài khoản Cục Thi hành án Dân sự tỉnh P tại Biên lai thu tiền số 0000752. Ngày 10/01/2025, nộp số tiền 162.000.000 đồng vào tài khoản Cục Thi hành án Dân sự tỉnh P tại Biên lai thu tiền số 0000753. Do đó, số tiền Ngô Văn T10 phải khắc phục trong vụ án là **841.058.338** đồng (T8 trăm bốn mươi mốt triệu, không trăm năm mươi tám nghìn, ba trăm ba mươi tám đồng).

- Bị cáo Nguyễn Tín T11: 1.431.046.314 đồng. Ngày 04/12/2024, nộp vào tài khoản Cục thi hành án dân sự tỉnh P số tiền 50.000.000 đồng tại Biên lai thu tiền số 0000605; Ngày 04/01/2025 nộp chuyển khoản từ Ngân hàng Á – CNNA vào tài khoản Cục thi hành án dân sự tỉnh P số tiền 255.000.000 đồng. Ngày 02/01/2025, nộp vào tài khoản Cục thi hành án dân sự tỉnh P số tiền 45.000.000 đồng tại Biên lai thu tiền số 0000679. Do đó, số tiền còn phải khắc phục trong vụ án là **1.081.046.314** đồng (Một tỷ, không trăm tám mươi mốt triệu, không trăm bốn mươi sáu nghìn, ba trăm mười bốn đồng).
- Bị cáo Trần Thị Thanh T12: 823.105.531 đồng; Ngày 24/10/2024 nộp vào tài khoản Cục Thi hành án dân sự tỉnh P số tiền 52.000.000 đồng tại Biên lai thu tiền số 0000388. Ngày 25/11/2024 nộp vào tài khoản Cục Thi hành án dân sự tỉnh P số tiền 50.000.000 đồng tại Biên lai thu tiền số 0000652. Ngày 11/12/2024 nộp vào tài khoản Cục Thi hành án dân sự tỉnh P số tiền 400.000.000 đồngtại Biên lai thu tiền số 0000671**.** Do đó, số tiền còn phải khắc phục trong vụ án là **311.115.513** đồng(Ba trăm mười một triệu, một trăm mười lăm ngàn, năm trăm mười ba đồng).
- Bị cáo Võ Thị Hải Y: 338.782.648 đồng. Ngày 25/12/2024 nộp vào tài khoản Cục Thi hành án dân sự tỉnh P số tiền 8.000.000 đồng tại Biên lai thu tiền số 0000674. Do đó, số tiền còn phải khắc phục trong vụ án là **330.782.648** đồng (Ba trăm ba mươi triệu, bảy trăm tám mươi hai nghìn, sáu trăm bốn mươi tám đồng).
- Bị cáo Võ Văn Quốc H: 291.668.250 đồng.Sau khi Cục thuế tỉnh P ban hành Kết luận giám định, đã nộp khắc phục bổ sung số tiền 164.459.241 đồng. Ngày 25/11/2024 nộp số tiền 52.000.000 đồng vào tài khoản Cục Thi hành án dân sự tỉnh P tại Biên lai thu tiền số 0000656;Do đó, số tiền Võ Văn Quốc H còn phải khắc phục trong vụ án là **75.209.009 đồng** (Bảy mươi lăm triệu, hai trăm linh chín nghìn, không trăm linh chín đồng).

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền các bị cáo được hưởng lợi do mua bán trái phép hóa đơn, cụ thể:

- *Bị cáo* Nguyễn Thị H1***:*** 14.159.625.000 đồng.

* Xác nhận bị cáo đã nộp ở giai đoạn điều tra số tiền 750.933.000 đồng theo ủy nhiệm chi ngày 25/11/2024 của Công an tỉnh P đến tài khoản của Cục thi hành án dân sự tỉnh P;Ngày 15/10/2024 nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh P số tiền 500.000.000 đồng tại Biên lai thu tiền số 0000582. Bị cáo còn phải nộp vào

ngân sách nhà nước: **12.908.692.000** đồng (Mười hai tỷ, chín trăm linh tám triệu, sáu trăm chín mươi hai nghìn).

- Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Nguyễn Thị H1 dùng tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa đất LK-44, tờ bản đồ số 00, Khu nhà ở B, phường M, quận H, TP H diện tích 85,5 m^2 (UBND quận H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN331266 ngày 30/3/2013 cho ông Đặng Trần H2 (Ngày 07/4/2022 Văn phòng Đ5 - Chi nhánh quận H đã xác nhận biến động, chuyển nhượng quyền sử dụng cho Nguyễn Thị H1 trên trang 4 của Giấy chứng nhận đã cấp) để tự nguyện thi hành án dân sự theo bản án này.

- Bị cáo Ngô Thị Lệ T: **240.398.000 đồng**. Xác nhận Ngày 18/10/2024 đã nộp vào ngân sách nhà nước tại tài khoản của Cục thi hành án dân sự tỉnh P số tiền là 150.000.000 đồng tại Biên lai thu tiền số 0000385. Ngày 09/12/2024 đã nộp vào ngân sách nhà nước tại tài khoản của Cục thi hành án dân sự tỉnh P số tiền là 90.398.000 đồng tại Biên lai thu tiền số 0000663. Xác nhận đã thi hành xong.

- Bị cáo Phan Văn T1: **373.646.286 đồng.** Xác nhận Ngày 12/11/2024 đã nộp vào ngân sách nhà nước tại tài khoản của Cục thi hành án dân sự tỉnh P số tiền là 200.000.000 đồng tại Biên lai thu tiền số 0000395. Ngày 13/11/2024 đã nộp vào ngân sách nhà nước tại tài khoản của Cục thi hành án dân sự tỉnh P số tiền là 194.000.000 đồng tại Biên lai thu tiền số 0000398**.** Xác nhận đã thi hành xong. Trả bị cáo số tiền: **20.353.714** đồng (Hai mươi triệu, ba trăm năm mươi ba nghìn, bảy trăm mười bốn đồng) có trong khoản tiền đã nộptrên.

- Bị cáoHuỳnh Nguyễn Gia H3: **46.005.318 đồng.** Xác nhận Nộp số tiền tại ủy nhiệm chi ngày 23/10/2024 nộp vào tài khoản Cục thi hành án dân sự tỉnh P số tiền 46.005.318 đồng tại Biên lai thu tiền số 0000387**.** Xác nhận đã thi hành xong.

- Bị cáo Trần Thanh H4. **50.000.000 đồng.** Ngày 16/10/2024 nộp số tiền 50.000.000 đồng tại Cục thi hành án dân sự tỉnh P tại Biên lai thu tiền số 0000584.

****Tạm giữ để bảo đảm thi hành án của bị cáo mua bán trái phép hóa đơn, cụ thể:***

- Nguyễn Văn H5. Ngày 24/12/2024 nộp số tiền 200.000.000 đồng tại Cục thi hành án dân sự tỉnh P tại Biên lai thu tiền số 0000613.

****Tạm giữ để bảo đảm thi hành án của các bị cáo đã nộp vào tài khoản của Cục thi hành án dân sự tỉnh P để thi hành hình phạt tiền và tiền án phí của các bị cáo sau đây:***

Lê Bách V, Đào Thị Hồng L, Hồ Phương D, Nguyễn Thị , Kim L1, Hồ Thị Thu T2, Đinh Tấn T3, Nguyễn Văn H5, Hồ Bá T4, Đặng Chí K,Võ P, Trần Thanh H4, Trần Văn T5, Vũ Thanh H6, Lê Thị T6, Tư Đồ Q, Nguyễn Hải S, Nguyễn Văn T7, Nguyễn Bá Đ, Hoàng Thị M, Nguyễn Thị V1, Tô Văn H7, Đỗ Quốc H8, Trần Ngọc Vĩnh P1, Nguyễn Đình T8, Khổng Hữu N, Võ Hoàn H9, Nguyễn Diệp Bích H10, Phạm Thị T9, Nghiêm Phạm Anh T10, Bùi Đình N1, Phan Thanh H11, Nguyễn Văn H12, Thủy Thanh P2, Phạm Phú G, Đỗ Minh T11, Phạm Văn T12, Hà Hoàng N2, Trần Văn T13, Hoàng Thị Minh H13, Hoàng

ThanH S1, Lê Tấn Quang D1, Ngô Quốc N3, Vũ Văn C, Đường C, Nguyễn Văn B, Hoàng Tiến D2, Nguyễn Thị Hồng O, Phan Trọng Bích N4, Lê Thị Kim L2, Nguyễn Hoàng D3, Lê Thị H14, Lê N5, Trần Nhựt H15, Lê Văn C1, Ngô Phong H16, Nguyễn Văn H17, Lê Hoàng N6, Trần Công D4, Trần Thị H18, Lê Hoàng N6, Nguyễn Xuân H19, Ngô Quang N7, Nguyễn Thị Hồng N8, Nguyễn Huỳnh Anh V2, Âu Dương B1, Ngô Văn T14, Chu Văn H20, Nguyễn Thị Thanh T15, Lê Duy T16, Nguyễn Huy P3, Lê Thanh N9, Hoàng Kim T17, Hoàng Tiến D2, Nguyễn Văn N10, Vòng A N11, Trần Minh H21, Trương Thị Thảo L3, Huỳnh Văn Đ1, Đặng Trung T18, Nguyễn Hải S, Nguyễn Văn T7, Đoàn Khắc P4, Võ P, Nguyễn Văn C2, Nguyễn Tuấn K1, Trần Thị Kim C3, Lê Hoài S2, Phạm Quang V3, Bùi Văn T19, Bùi Quang L4, Nguyễn Hoài Đ2, Thủy Thanh P2, Lê Thanh H22, Lương Thanh V4, Triệu Thoại Q, Hồ Thị Mỹ N12, Nguyễn Minh C4, Dương Thị Kim C5, Bùi Văn T20, Lâm Quốc Đ3, Nguyễn Thành T21.

[4]. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 47 của BLHS và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Trả lại cho Nguyễn Thị H1 01 Căn cước công dân số 030188014021 cấp ngày 7/9/2023 mang tên Nguyễn Thị H1 theo Biên bản bàn giao vật chứng giữa Cơ quan điều tra và Cục thi hành án dân sự tỉnh P ngày 20/11/2024.
- Tiếp tục giữ lại 228 con dấu của 228 Công ty bán hóa đơn của bị can Nguyễn Minh T22 và 32 con dấu do bị can Nguyễn Minh T22 làm giả của các Cơ quan, tổ chức (Đã được Tòa án nhân dân tỉnh P tuyên giữ lại tại Bản án số 115/2023/HS-ST ngày 29/11/2023).
- Bàn giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa đất LK-44, tờ bản đồ số 00, Khu nhà ở B, phường M, quận H, TP H diện tích 85,5 m^2 (UBND quận H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN331266 ngày 30/3/2013 cho ông Đặng Trần H2 (Ngày 07/4/2022 Văn phòng Đ5 - Chi nhánh quận H đã xác nhận biến động, chuyển nhượng quyền sử dụng cho Nguyễn Thị H1 trên trang 4 của Giấy chứng nhận đã cấp) cho Cục thi hành án dân sự tỉnh P để thi hành án.

[5]. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 và Danh mục án phí lệ phí ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

- Các bị cáo Phạm Văn C6, Nguyễn Kim H23, Lê Gia H24, Bùi Quốc T23, Ngô Văn T24, Nguyễn Tín T25, Trần Thị Thanh T26, Võ Thị Hải Y, Võ Văn Quốc H; Nguyễn Thị H1, Ngô Thị Lệ T, Phan Văn T1, Huỳnh Nguyễn Gia H3, Lê Hoàng N6, Nguyễn Thị Kim L1, Hồ Phương D, Huỳnh Tấn D5, Vũ Thị Tuyết T27, Phạm Quang V3, Hồ Thị Thu T2, Võ P, Đào Thị Hồng L, Nguyễn Diệp Bích H10, Đỗ Văn L5, Hồ Thị Mỹ N12, Đặng Chí K, Trang Duy P5, Triệu Thoại Q, Trần Thị Á, Nguyễn Trọng N13, Hoàng Thị V5, Ngô Quốc N3, Hà Hoàng N2, Châu Thị G1, Nguyễn Huỳnh Anh V2, Nguyễn Ngọc Xuân Q1, Hoàng Thị M, Nguyễn Thị Cẩm T28, Lê Bách V, Thủy Thanh P2, Nguyễn Thị N14, Nguyễn Thị H25, Lê Thị Kim L2, Dương Thị Kim C5, Lê N5, Nguyễn Thị Thái H26, Hoàng Thị Minh H13, Võ Hoàn H9, Phạm Huỳnh Tố N15, Vũ Văn C, Nguyễn Tuấn K1, Bùi Quang L4, Nguyễn Thị Thanh T15, Nguyễn Thị Thúy

M1, Trần Duy Q2, Hà Triều T29, Lâm Quốc Đ3, L, Nguyễn Thị Hồng O, Trần Thị Thanh T26, Nguyễn Thành N16, Võ Văn B2, Nguyễn Phan Hoàng L6, Nguyễn Văn H5, Đinh Tấn T3, Nguyễn Hoàng D3, Phạm Thị T9, Đặng Thị Bích L7, Đặng Trung T18, Âu Dương B1, Lê Duy T16, Vòng A, Nguyễn Thanh H27, Đoàn Thị Kiều V6, Nguyễn Văn H28, Nguyễn Văn B, Lê Văn C1, Ngô Quang N7, Ngô Văn T14, Bùi Văn T19, Nguyễn Hoài Đ2, Chu Văn H20, Võ Thị Mỹ T30, Huỳnh Xuân T31, Quách Ngọc Y1, Bùi Thái K2, Thái Thị Bích H29, Nguyễn Bá Đ, Bùi Thị M2, Hồ Bá T4, Lê Văn Q3, Nguyễn Thị Thu N17, Nguyễn Thị V1, Lê Thị H30, Nguyễn Xuân H19, Nghiêm Phạm Anh T10, Nguyễn Minh C4, Bùi Văn T20, Trần Thị H18, Lê Tân Quang D6, Tô Văn H7, Hoàng Thanh S1, Lê Quang V7, Trần Doãn C7, Hoàng Tiến D2, Phạm Văn T12, Lê Xuân T32,Ngô Văn C8, Nguyễn Thị Thu H31, Trần Ngọc T33, Trương Ngọc T34, Nguyễn Ngọc D7, Nguyễn Văn C2, Trần N18, Huỳnh Hữu T35, Nguyễn Thành C9, Trần Đ4, Đỗ Quốc H8, Đoàn Thị H32, Tư Đồ Q, Nguyễn Văn T7, Nguyễn Thành T21, Nguyễn Văn H12, Bùi Đình N1, Trần Thị Kim C10, Lê Thanh N9, Lê Thanh H22, Trần Lê Hải Y2, Trần Thị Kim C3, Khổng Hữu N, Nguyễn Văn H17, Lê Thị H14, Hà Văn K3, Đường C, Vũ Thanh H6, Trần Thị Ngọc M3, Huỳnh Văn Đ1, Đỗ Minh T11, Lê Hoài S2, Trần Văn T5, Nguyễn Hiền D8, Nguyễn Huy P3, Lê Xuân L8, Nguyễn Hải S, Nguyễn Văn H17, Phạm Phú G, Trần Văn T13, Nguyễn Thị Tuyết S3, Ngô Phong H16, Trần Ngọc Vĩnh P1, Trần Công D4, Phan Trọng Bích N4, Nguyễn Thanh T36, Trương Thị Thảo L3, Nguyễn Văn N10, Hoàng Kim T17, Nguyễn Phong Hồ P6, Lương Thanh V4, Nguyễn Đình T37, Lê Thanh P7, Đoàn Khắc P4, Lê Nguyễn Minh T38, Nguyễn Hoàng L9, Trần Nhựt H15, Trần Minh H21, Trần Thanh H4, Phan Thanh H11, Nguyễn Thị Hồng N8, Nguyễn Đình T8, Trần Bình P8, Lê Thị T6 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

[6]. Quyền kháng cáo:

Áp dụng: Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Các bị cáo có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị cáo vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu Toà án nhân dân cấp cao tại H xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại H;
- VKSND cấp cao tại H;
- VKSND tỉnh P;
- Sở Tư pháp tỉnh P;
- PC03; PV06 - Công an tỉnh P;
- CQ THAHS;
- Cục THA dân sự tỉnh P;
- TB UBND nơi các b/c cư trú;
- Các bị cáo;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quang Vũ

- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu VP, HSVA.